

BẢN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH QUẢNG NGÃI
(1945 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH QUẢNG NGÃI
(1945 - 1975)

Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Chỉ đạo biên soạn:

HOÀNG TRƯỜNG

PHẠM SY

Các đồng chí tham gia giúp đỡ biên soạn:

PHẠM THANH BIÊN

LÊ TẤN TỎA

NGUYỄN PHÚ SOẠI

LÊ CHÍ THỐNG

VÕ TRỌNG NGUYỄN

PHẠM NHỚ

Ban biên soạn:

TRẦN THỊ MỘNG NAM

NGUYỄN ĐÌNH NHƠN

NGUYỄN QUÝ

TẠ THANH

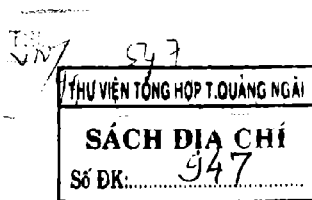
Có sự đóng góp của các đồng chí:

TRẦN QUÝ CÁT

NGUYỄN THÁI BÌNH

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH QUẢNG NGÃI
(1945 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 1999

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

TRUNG ƯƠNG

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH QUẢNG NGÃI
(1945 - 1975)

TRUNG ƯƠNG

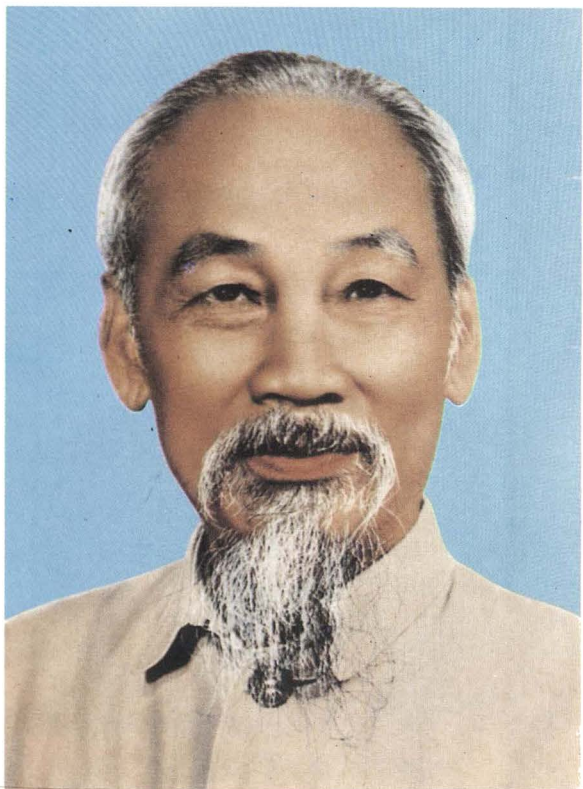
TRUNG ƯƠNG

TRUNG ƯƠNG
SÁCH ĐỊA CHỈ
Số SK: 7.16

Mã số:

3K.3K1 (V223)

CTQG - 99



Chủ tịch HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)



Đồng chí PHẠM VĂN ĐỒNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trải qua những năm tháng lâu dài chiến đấu với thiên nhiên khắc nghiệt, với kẻ thù xâm lược hung bạo để tồn tại và phát triển, nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi đã tạo dựng cho mình truyền thống lao động cần cù, tinh yêu quê hương đất nước sâu sắc và đoàn kết đấu tranh kiên cường, bất khuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi đã cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945; ngay sau đó Đảng bộ Quảng Ngãi đã bắt tay vào việc lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ; cùng cả nước tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng Tổ quốc, giải phóng quê hương Quảng Ngãi.

Để ghi lại những chặng đường vẻ vang của Đảng bộ, của quân và nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi, tổng kết những bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh của Đảng bộ, biểu dương những tấm gương tiêu biểu của đồng bào và chiến sĩ trong chiến đấu và xây dựng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi cùng với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia biên soạn và xuất bản cuốn LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI (1945- 1975). Cuốn sách là một tài liệu quý góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao lòng tự hào về dân tộc, về quê hương, đất nước, củng cố niềm tin đối với Đảng, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Quảng Ngãi, không ngừng vươn lên phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết các dân tộc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, góp

phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 1999

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch sử đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong gần 70 năm qua là những trang sử hào hùng, vẻ vang, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước và của toàn Đảng, khẳng định "Lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng"¹, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói.

Việc ôn lại truyền thống đấu tranh bất khuất, ngoan cường của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân để nâng cao niềm tự hào, ý chí cách mạng của mỗi cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đồng bào và làm cơ sở chủ yếu để giáo dục lý tưởng cách mạng cho các thế hệ hiện tại và mai sau là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách hiện nay.

Năm 1985, tập sơ thảo "Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, 1929 - 1945" đã được xuất bản và phát hành rộng rãi, giúp cho toàn thể Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh hiểu rõ được quá trình ra đời của Đảng bộ và phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ những ngày đầu Đảng bộ mới được thành lập đến Cách mạng Tháng Tám 1945.

1. Trích "Bài nói tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng", Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr.5.

Trong 30 năm kháng chiến anh dũng đánh đuổi hai kẻ thù xâm lược lớn là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi kế tục truyền thống yêu nước của các thế hệ trước, làm nên biết bao sự tích anh hùng mà mỗi thắng lợi trong chiến đấu và xây dựng đều gắn liền máu thịt với tên đất, tên người của quê hương thân yêu. Trong những năm qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định việc dựng lại toàn bộ bức tranh lịch sử cách mạng của Quảng Ngãi, tổng kết được những thành tựu trong tổ chức thực hiện đường lối và rút ra những bài học kinh nghiệm về việc xây dựng Đảng trong suốt hai cuộc kháng chiến là nhiệm vụ cấp bách. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức khai thác, sưu tầm, đối chiếu tư liệu, lấy ý kiến đóng góp trong các cuộc tọa đàm, hội thảo và nhiều lần chỉnh lý, biên soạn nội dung các bản thảo. Viện Lịch sử Đảng (thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) đã trực tiếp tham gia, phối hợp, hoàn chỉnh bản thảo cuối cùng.

Trong điều kiện hết sức khó khăn về tư liệu và nhân chứng lịch sử; nhiều sự kiện, vụ việc xảy ra không còn hồ sơ lưu lại nên công tác biên soạn gặp rất nhiều trở ngại. Nhờ có sự đóng góp to lớn, nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo ở tỉnh, các huyện, Thị uỷ qua các thời kỳ, đồng đảo nhân dân và cán bộ, đảng viên trong tỉnh, của Viện Lịch sử Đảng, các Kho lưu trữ Trung ương, Bảo tàng Quân khu V, một số nhà nghiên cứu khoa học tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Ban biên soạn đã hoàn thành công việc với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Thường vụ

Tỉnh ủy chân thành cảm ơn tất cả các cơ quan, đơn vị, các đồng chí và đồng bào đã giúp đỡ cho việc hoàn thành cuốn sách này.

Cuốn sách này được chia làm tám chương nhằm mục đích giới thiệu với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong, ngoài tỉnh những diễn biến của cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng hậu phương của nhân dân các dân tộc anh em trên mảnh đất Quảng Ngãi thân yêu dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ Quảng Ngãi, từ đó rút ra được những kinh nghiệm quý báu mang tính thực tiễn. Phần cuối cuốn sách nêu ra kết luận khái quát và sáu bài học lớn về sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh của Đảng bộ trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tin rằng cuốn sách này sẽ góp phần quan trọng trong việc giáo dục mọi tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng bộ và nhân dân, nâng cao lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, góp phần cùng cả nước thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới hiện nay.

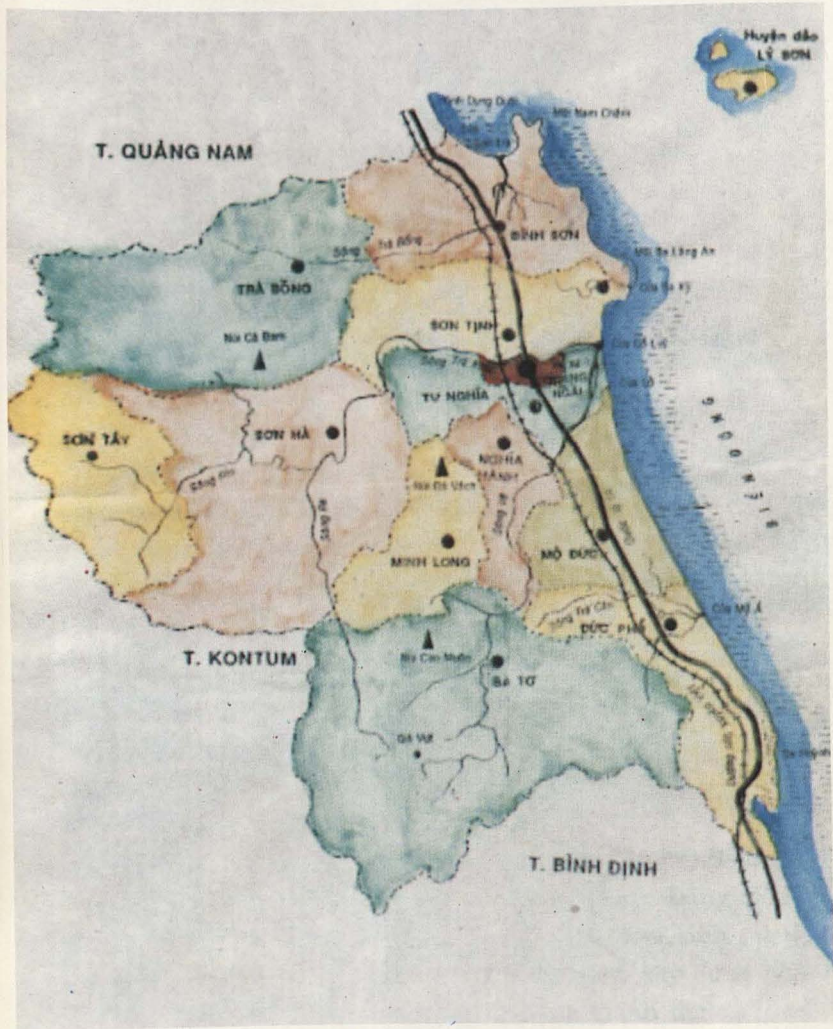
Tuy có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn nội dung cuốn sách còn nhiều thiếu sót; một số sự kiện cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung tư liệu.

Nhân dịp kỷ niệm 54 năm ngày Cách mạng Tháng Tám

thành công và Quốc khánh 2-9, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách này và rất mong các đồng chí, đồng bào tiếp tục tham gia ý kiến chỉnh lý, bổ sung tư liệu, để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Mùa thu năm 1999

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI

Chương I

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI
TRONG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI,
TÍCH CỰC CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN
(8-1945 - 12-1946)**

Tháng 8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi, đập tan xiềng xích nô lệ của bọn thực dân, phong kiến. Chính quyền thuộc về tay nhân dân.

Ngày 2-9-1945, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, trình trọng đọc bản "Tuyên ngôn độc lập", tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông-Nam Á đã ra đời.

Nhân dân Việt Nam, từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng, đã đoàn kết nhất trí xung quanh Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên quyết đem tính mạng và tài sản, chung sức chung lòng cùng nhau xây dựng chế độ mới, bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa giành được.

Vừa mới ra đời, nhà nước non trẻ đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn phức tạp. Chế độ thực dân phong

kiến đã để lại trên đất nước ta những hậu quả nặng nề: tài chính kiệt quệ, các kho bạc đều trống rỗng, ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay thực dân Pháp, nạn dịch bệnh đang hoành hành ở nhiều địa phương; nhiều gia đình lâm vào cảnh đói, rét phải rời bỏ quê hương đi tha phương cầu thực; nền công nghiệp rất lạc hậu, què quặt và phần đông các xí nghiệp, nhà máy nằm trong tay bọn tư sản Pháp, Nhật; giai cấp công nhân Việt Nam lâm vào hoàn cảnh thất nghiệp, túng quẫn và đói khổ.

Chính sách ngu dân của thực dân Pháp đã làm cho hơn 90% dân số nước ta bị thất học, các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan ăn rất sâu vào trong tư tưởng, suy nghĩ và đời sống của đông đảo nhân dân.

Hệ thống chính quyền cách mạng từ trung ương đến địa phương còn non trẻ, chưa được củng cố, cán bộ chưa có kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo và quản lý. Lực lượng vũ trang còn quá non trẻ, chưa được huấn luyện nhiều, trang bị còn thiếu thốn.

Đảng Cộng sản chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, khối đoàn kết toàn dân tuy đã được chú ý xây dựng từ đầu nhưng chưa được củng cố vững mạnh.

Các thế lực phản động trong và ngoài nước đang cấu kết với nhau hòng xóa bỏ thành quả cách mạng, bóp chết chính quyền nhân dân còn đang trong trứng nước, khôi phục lại ách thống trị của thực dân, phong kiến trên đất nước ta và trên toàn cõi Đông Dương.

Ngay sau khi chính quyền cách mạng được thành lập, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra

những phương hướng và biện pháp đầu tiên để xây dựng chính quyền, bảo vệ chế độ mới, ổn định đời sống nhân dân, sẵn sàng đối phó với các âm mưu phá hoại của bọn đế quốc và phản động.

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Kháng chiến, kiến quốc", xác định tính chất của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là cách mạng giải phóng dân tộc, nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là: "Củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân"¹.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ này, Trung ương Đảng, Chính phủ và Mặt trận Việt Minh đã phát động nhân dân tích cực tham gia vào phong trào chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

I. TÌNH HÌNH QUẢNG NGÃI NGAY SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Quảng Ngãi là một tỉnh nghèo của miền Nam Trung Bộ, nhân dân Quảng Ngãi vốn có truyền thống đấu tranh rất ngoan cường và anh dũng chống ách thống trị của bọn thực dân, phong kiến. Trải qua một quá trình đấu tranh oanh liệt, Đảng bộ Quảng Ngãi luôn nghiêm chỉnh chấp hành đúng mọi chủ trương, đường lối của Đảng đề ra, thông

1. Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" ngày 25-11-1945. *Văn kiện Đảng* (1945 - 1954), Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1978, t.I, tr.28.

minh sáng tạo, lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh liên tục nổi dậy đấu tranh chống ách áp bức dã man của thực dân và phong kiến. Dù cho địch ráo riết truy lùng, khủng bố, dù cho hàng ngàn cán bộ, đảng viên cộng sản và quần chúng yêu nước bị bắt bớ, tra tấn, tù đầy và hy sinh anh dũng, phong trào cách mạng của địa phương, dưới sự lãnh đạo của Đảng vẫn liên tục được giữ vững và phát triển. Tỉnh Quảng Ngãi luôn luôn là điểm tựa cho phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam Trung Bộ trong suốt giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1945.

Đặc biệt là sau khi phát xít Nhật nhẩy vào Đông Dương (22-9-1940), Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhanh chóng nắm vững các chủ trương, đường lối của Đảng, thông qua các chiến sĩ cách mạng bị giam tù trong nước được mãn hạn tù về địa phương. Vì vậy, mặc dù ở xa sự chỉ đạo của Trung ương và có khi trong một thời gian dài không liên lạc được với cấp trên, Đảng bộ Quảng Ngãi đã vận dụng linh hoạt các chủ trương, đường lối của Đảng, lãnh đạo nhân dân nổi dậy làm nên cuộc khởi nghĩa Ba Tơ vang dội, thành lập Đội du kích Ba Tơ, tiền thân của các lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ. Trong cao trào Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Quảng Ngãi là một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước (14-8-1945).

Ngay sau khi giành được chính quyền, thực hiện được ước mơ bao đời của mình, nhân dân Quảng Ngãi càng vui mừng với khí thế cách mạng sục sôi, quyết tâm đập bằng mọi khó khăn thử thách, thề quyết bảo vệ những thành quả đã đạt được.

Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nghèo nhất miền Nam Trung Bộ, bị ảnh hưởng tàn dư của chế độ cũ rất nặng nề, trình độ dân trí quá thấp, gần 95% dân số bị mù chữ; kinh tế nghèo nàn lạc hậu, sản xuất nông nghiệp nhỏ bé, luôn bị thiên tai, sâu bệnh phá hoại. Nạn đói cơm, lạt muối luôn hoành hành đe dọa đời sống nhân dân trong tỉnh.

Hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở mới thành lập, trình độ của nhân dân, cán bộ, đảng viên còn chưa đáp ứng kịp với yêu cầu mới của cách mạng. Lực lượng lãnh đạo của Đảng còn quá mỏng.

Nhiều đảng viên trong các phong trào cách mạng trước đây đã bị địch bắt giam trong các nhà lao, sau khi ra tù hoặc vượt ngục về địa phương chưa bắt được liên lạc với các tổ chức Đảng. Vì vậy, số lượng đảng viên còn quá ít. Tháng 4-1945, sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập do đồng chí Trần Lương làm Bí thư, đồng chí Trương Quang Giao làm Phó bí thư, toàn tỉnh có 28 đảng viên và 5 chi bộ.

Ngày 10-6-1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ, họp tại thôn Minh Tân, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi chính thức, gồm có 6 đồng chí, do đồng chí Trương Quang Giao làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Mô (Bùi Định) làm Phó bí thư. Thời kỳ này ở 6 phủ, huyện đều đã có chi bộ ghép và toàn tỉnh có 35 đảng viên. Tuy số lượng đảng viên rất ít, nhưng Đảng bộ Quảng Ngãi đã thống nhất được ý chí và hành động. Với lòng quyết tâm cao, sáng suốt nắm bắt tình hình. Tỉnh ủy và Ủy ban khởi

nghĩa đã lãnh đạo nhân dân tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong toàn tỉnh.

Sau khi giành được chính quyền, tình hình Quảng Ngãi gặp rất nhiều khó khăn, số lượng đảng viên ít, chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở chưa được kiện toàn, cán bộ đảm nhận công việc ở địa phương còn quá ít và chưa quen với việc điều hành công tác, nên còn gặp nhiều lúng túng. Song bên cạnh những mặt hạn chế, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi có những thuận lợi rất cơ bản. Đó là tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng của các tầng lớp nhân dân, mà đa số là nông dân, ngày càng được củng cố, khí thế cách mạng lên cao trong toàn dân, mọi người gặp nhau đều giơ tay chào "Hy sinh vì Tổ quốc".

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tập trung sức giải quyết những nhiệm vụ cấp bách đề ra lúc này là: củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và xây dựng chính quyền cách mạng non trẻ, phát triển thực lực cách mạng, ổn định và phát triển sản xuất, chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân lao động, giải quyết những tàn dư của chế độ cũ để lại.

Đánh giá đúng đắn và kịp thời những khó khăn và thuận lợi trong tình hình mới ở địa phương, quán triệt sâu sắc đường lối "Kháng chiến, kiến quốc" của Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra, Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhận thức được rằng: sự vững mạnh của tổ chức Đảng là nhân tố quyết định trong xây dựng lực lượng mọi mặt vững mạnh để sẵn sàng kháng chiến thắng lợi. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ trong thời gian này



Đồng chí TRƯƠNG QUANG GIAO
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
6-1945 - cuối 1945



Đồng chí HUỖNH VIỆT
Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
Đầu 1946 - 6-1946

là phải nhanh chóng củng cố, xây dựng, phát triển cơ sở Đảng.

Trong thời gian Tổng khởi nghĩa, do quá bận rộn với công việc giành và giữ chính quyền, đối phó với quân Nhật và các thế lực phá hoại, phần đông, mặt khác một số đồng chí tình ủy viên có biểu hiện thiếu quan tâm liên lạc, diu dặt đối với các đồng chí chính trị phạm ra tù hăng hái tích cực hoạt động, nên nhiều đồng chí chưa được đưa vào tổ chức Đảng, việc phát triển Đảng ở các Đảng bộ rất hạn chế.

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, công tác phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm chú ý hơn, Tỉnh ủy đã cử người đi gặp, mời các đồng chí vừa thoát khỏi nhà tù đế quốc trở về tham gia công tác, đồng thời đã xác minh xem xét để phục hồi Đảng tịch và kết nạp lại theo hướng dẫn của Trung ương Đảng.

Chỉ sau một thời gian ngắn, từ cuối năm 1945 đến đầu năm 1946, hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở phần lớn được xây dựng và củng cố. Các huyện đồng bằng đều có Ban Chấp hành huyện Đảng bộ, các cơ quan trong tỉnh đều có chi bộ. Lúc này toàn tỉnh có 183 đảng viên. Quân chúng tham gia Mặt trận Việt Minh đã lên đến 250.000 người.

Vào thời gian này, Tổ quốc Việt Nam đang đứng trước muôn vàn khó khăn nguy hiểm. Ở miền Bắc quân đội Tưởng và bọn tay sai âm mưu phá hoại, lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp quay lại chiếm Nam

BỘ VIỆN TỔNG HÀNH QUẢNG NGÃI

SÁCH ĐỊA CHỈ

9/17

Bộ. Trước những âm mưu và hành động chống phá cách mạng của bọn Pháp, Tưởng và tay sai, Thường vụ Trung ương Đảng, Chính phủ lâm thời và Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa chủ trương kiên trì bảo vệ bằng được chủ quyền, vừa khôn khéo vận dụng sách lược mềm dẻo để ngăn chặn những hành động chống phá của bọn phản động, tay sai.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập hợp mọi lực lượng quần chúng nhân dân tham gia vào tổ chức Việt Minh, chống sự xuyên tạc của kẻ thù, ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố "tự giải tán" (thực chất là rút vào hoạt động bí mật). Đây là một chủ trương phù hợp với tình hình mới của cách mạng Việt Nam, nhằm huy động toàn dân tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Đảng tuy rút vào hoạt động bí mật nhưng vẫn giữ vững sự lãnh đạo của mình đối với việc thực hiện các nhiệm vụ hết sức gay go và phức tạp thông qua Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng cứu quốc. Trong chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" đã nói rõ phương thức hoạt động của Đảng: "Về Đảng phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai... tuyển thêm đảng viên... *phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai*, điều hòa hai sự hoạt động ấy, coi công tác bí mật vẫn là gốc"¹.

Về mặt công khai, Đảng thành lập "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác", thông qua Hội này để tuyên truyền chủ nghĩa

1. Văn kiện Đảng (1945-1954); Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1976, t.I, tr. 30, 31.

Mác - Lênin, chủ nghĩa cộng sản và chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã thành lập "Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác" do cụ Nguyễn Công Phương làm Chủ tịch, các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Sơn, Phạm Việt My làm Phó Chủ tịch.

Cuối năm 1945, đồng chí Trương Quang Giao về nhận công tác ở Liên Khu ủy, đồng chí Huỳnh Việt được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy từ đầu năm 1946 đến tháng 6-1946.

Năm 1946, chấp hành chỉ thị của Trung ương "cứ mỗi tháng mỗi đồng chí phải giới thiệu cho được một đảng viên mới", và nhận thấy Đảng bộ còn hạn chế trong việc phát triển Đảng, nên các cấp ủy Đảng đều tích cực tuyên truyền giáo dục phát triển Đảng. Đến tháng 12-1946, số lượng đảng viên trong toàn tỉnh đã lên đến 2.200 đồng chí.

Tuy nhiên, do yêu cầu cần có nhiều đảng viên để lãnh đạo phong trào, các cấp ủy Đảng chỉ lo phát triển hơn là chú trọng đến chất lượng, có nơi thiên về mặt phát triển mà không lo nhiệm vụ củng cố tổ chức Đảng. Do đó, nhiều đồng chí trình độ giác ngộ, nhận thức về Đảng còn quá non kém, có nơi kết nạp đảng viên còn vội vã, cảm tình. Nhiều cơ sở Đảng lại nặng chú trọng phát triển đảng viên trong những người có văn hóa, là cốt cán Việt Minh.

Do tồn tại của chế độ cũ, phân đông cán bộ, đảng viên trong tỉnh có trình độ văn hóa rất thấp, vì vậy, Đảng bộ đã đề ra chủ trương phấn đấu nâng dần trình độ văn hóa của đảng viên lên sơ học hoặc sơ cấp bình dân, tiến lên trình độ tiểu học hay bổ túc bình dân. Đảng bộ chủ trương tập trung đào tạo văn hóa cho cán bộ, đảng viên già, lớn tuổi trước rồi mới đến các cán bộ, đảng viên trẻ tuổi.

→ Phân cấp ủy
→ Tỉnh ủy

II- XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

Để góp phần đào tạo, nâng cao trình độ văn hóa, giác ngộ chính trị, giác ngộ cách mạng cho cán bộ, đảng viên, Tỉnh ủy phối hợp với chính quyền, Mặt trận Việt Minh đã mở nhiều lớp học ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên toàn tỉnh. Tại thị xã Quảng Ngãi, nhiều lớp bồi dưỡng đường lối, chủ trương của Đảng, những chính sách của Mặt trận Việt Minh cho cán bộ từ xã đến tỉnh đã được tổ chức, mỗi lớp học trong thời gian ba tháng. Các huyện cũng mở những lớp huấn luyện chuyên môn và quản lý cho cán bộ thôn, xã.

Đặc biệt sau khi giành chính quyền hơn một tháng, ngày 25-9-1945, Quảng Ngãi đã gửi 10 thanh niên đi học khóa quân chính đầu tiên mở tại Hà Nội. Tháng 10-1945, cử 7 đồng chí đi Huế học lớp đào tạo cán bộ do Việt Minh Trung Bộ mở.

Tháng 6-1946, tại xã Tịnh Thành (nay thuộc xã Tịnh An) huyện Sơn Tịnh, Xứ ủy đã mở lớp Lê Hồng Phong cho cán bộ các tỉnh Trung Kỳ. Nhiều cán bộ Quảng Ngãi đã tham gia lớp học này. Tại đây các học viên đã được nghe các đồng chí Nguyễn Sơn, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Duy Trinh, Lê Duẩn, Bùi San... giảng bài. Tháng 8-1946, Xứ ủy Trung Bộ mở lớp đào tạo cán bộ Đảng, Quảng Ngãi đã cử nhiều đồng chí tham gia học tập. Trong năm 1946, toàn tỉnh đã mở 9 khóa huấn luyện ở tỉnh và huyện, với tổng số 550 đảng viên dự học.

Qua các lớp huấn luyện này, không những cán bộ, đảng viên đã thấm nhuần sâu sắc quan điểm, lập trường của chủ

nghĩa cộng sản mà các chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ cũng được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Trình độ nhận thức xã hội, chính trị của đảng viên, cán bộ ở các địa phương được nâng lên. Nhân dân toàn tỉnh, thông qua sự tuyên truyền giác ngộ, giáo dục của những cán bộ cách mạng đã ngày càng hiểu rõ hơn về Đảng, về chế độ mới, họ càng ý thức được quyền lợi, nghĩa vụ của người công dân được sống trong chế độ mới.

Để góp phần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhằm đáp ứng kịp thời việc lãnh đạo toàn Đảng bộ, toàn dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ I.

Tháng 6-1946, tại Trường Nông khí An Nhơn (Tịnh An, Sơn Tịnh), Đại hội đã khai mạc trọng thể với sự có mặt của đại biểu các chi bộ, cơ sở Đảng trong toàn tỉnh. Đồng chí Nguyễn Sơn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam, Xứ ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ chỉ đạo đại hội. Đại hội đã thảo luận và nghiêm túc kiểm điểm những khuyết điểm của Đảng bộ trong thời gian qua, đánh giá cao những thành tích của cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Ngãi đã làm được, đồng thời vạch ra những tồn tại cần khắc phục ngay trong thời gian tới.

Đại hội đã nhất trí rằng: Đảng bộ đã trưởng thành, chế độ dân chủ nhân dân tuy mới ra đời nhưng đã chứng tỏ được bản chất ưu việt của nó, được nhân dân tin tưởng, gắn bó và ra sức bảo vệ. Tổ chức chính quyền, các hội đoàn thể của quần chúng ngày càng được củng cố, phát

huy được vai trò tích cực trong việc động viên quần chúng nhân dân tham gia đóng góp xây dựng chính quyền, xây dựng chế độ mới. Đội ngũ cán bộ được rèn luyện đã từng bước gánh vác được công việc ở địa phương.

Vấn đề tồn tại lớn nhất mà Đảng bộ cần phải khắc phục chính là tư tưởng hữu khuynh, chủ quan của một số cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Trong lúc cần cán bộ, đảng viên để lãnh đạo công tác, nhiều chi bộ địa phương đã mở rộng cửa kết nạp đảng viên chỉ vì tình cảm riêng tư mà thiếu việc tuyên truyền giác ngộ về Đảng. Do nhận thức chưa đúng đắn, một số đồng chí lãnh đạo nặng về việc sử dụng cán bộ, đảng viên trẻ có văn hóa, lanh lợi thuộc tầng lớp trên, coi nhẹ những cán bộ, đảng viên bản cố nông từng trải, tích cực, hăng hái trong đấu tranh cách mạng, vì vậy nên đã thay đổi, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ trong các cơ quan Đảng, chính quyền, các ngành, giới trong tỉnh. Điều này phần nào ảnh hưởng đến sự đoàn kết nhất trí trong lãnh đạo của các cấp ủy, đến tư tưởng của nhiều cán bộ, đảng viên.

Trước yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, Đại hội đã thông qua Nghị quyết về những công việc chủ yếu, cấp bách trong thời gian tới:

1. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường củng cố khối đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh công nông. Mặt trận Việt Minh, Liên Việt và các đoàn thể cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong việc tập hợp nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ.

2. Lãnh đạo nhân dân tích cực phát triển kinh tế tự

cấp tự túc, đóng góp sức người sức của cho chiến trường miền Nam và các tỉnh bạn.

3. Đẩy mạnh công tác xây dựng, phát triển Đảng, chú ý kết nạp đảng viên trẻ, có văn hóa, chú ý quan tâm đưa các đồng chí lớn tuổi đi học văn hóa, chính trị để về công tác tốt hơn.

4. Chấn chỉnh bộ máy chính quyền, đoàn thể.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, gồm 15 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Hồng Châu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đến tháng 5-1947, đồng chí Nguyễn Hồng Châu đi học, đồng chí Trương Quang Tuấn được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi giành được chính quyền, một vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng được đặt ra cho Đảng bộ, nhân dân Quảng Ngãi là phải củng cố, bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân. Trước tiên là ổn định tình hình chính trị trong tỉnh, kiện toàn và phát triển khối đoàn kết toàn dân, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, chống giặc dốt, giặc đói, cải thiện đời sống nhân dân, vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn, tích cực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, chi viện cho các chiến trường đang bị thực dân Pháp xâm lược.

Đảng bộ đã chỉ đạo cho chính quyền, công an và các ngành có liên quan kiên quyết đấu tranh diệt trừ bọn phản động lăm le ngóc đầu dậy, tìm cách chui vào hàng ngũ ta để chống phá cách mạng. Việc trừng trị kịp thời những tên phản động đầu sỏ, ngoan cố, đồng thời có chính sách khoan hồng, giáo dục những người lầm đường, lạc lối đã được đặc biệt quan tâm. Nhờ đó ta đã dần dần dẹp yên

được nhiều vụ chống phá lại chính quyền cách mạng. Đảng bộ đã lãnh đạo phát động quần chúng nhanh chóng giải quyết vụ "Thế giới cách mạng Đảng" do Trần Kỳ Truyện cầm đầu trong thời gian ngắn.

Nhờ xác định đúng đắn nhiệm vụ xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng giữ vị trí hàng đầu, Đảng bộ đã lãnh đạo tiến hành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các cấp từ xã đến tỉnh; tháng 10-1945, đã đổi thành Ủy ban hành chính lâm thời cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ. Đây là một bước tiến mới về tổ chức chính quyền.

Các ngành chuyên môn đã tách riêng, được củng cố xây dựng để phát triển phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới, đặc biệt là các ngành: thủy lợi, canh nông, bưu điện.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân, Đảng bộ Quảng Ngãi đã tập trung mạnh vào việc tăng cường sức mạnh và hiệu quả của Mặt trận Việt Minh.

Về tổ chức, Mặt trận Việt Minh được xây dựng đều khắp từ tỉnh xuống xã, thu hút ngày càng đông các tầng lớp quần chúng tham gia.

Ngày 23-9-1945, tại thị xã Quảng Ngãi, hội nghị đại biểu của các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh đã bầu ra ban lãnh đạo Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi. Tháng 10-1945, nhiều hội đoàn thể cứu quốc mới được ra đời như: Công nhân cứu quốc, Liên đoàn văn hóa cứu quốc, Công giáo cứu

quốc, Phật giáo cứu quốc... đã phát triển được đông đảo hội viên và hình thành được Ban Chấp hành các cấp.

Trước khi giành chính quyền, số lượng quần chúng tham gia Việt Minh là 120.000 người, đến đầu năm 1946 đã lên 250.000 người. Theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 5-1946, Hội liên hiệp quốc dân tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập, nhằm tập hợp đông đảo các cá nhân, các đảng phái chưa tham gia vào Mặt trận Việt Minh.

Khối đoàn kết toàn dân được tăng cường, mở rộng, là nền tảng vững chắc để nhân dân tiếp tục đóng góp ngày càng nhiều cho cách mạng. Khắp nơi trong tỉnh, từ thành thị đến nông thôn, từ rừng núi đến đồng bằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Mặt trận Việt Minh Quảng Ngãi, các tổ chức đoàn thể đã góp phần không nhỏ trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ đến từng người dân, giúp họ hiểu hơn về Đảng, về chế độ mới và thấy rõ được trách nhiệm của người công dân.

Để chính quyền cách mạng ngày càng được củng cố vững chắc, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và Chính phủ là phải hoàn chỉnh, chính thức hóa cơ quan quyền lực tối cao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhằm hoàn thành nhiệm vụ đó, ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra Sắc lệnh số 14/SL, nêu rõ những yêu cầu bức thiết và cơ sở xã hội để tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên trong cả nước.

Ngày 22-11-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời lại ra

Sắc lệnh số 63/SL, quy định về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp ở nông thôn.

Ngày 21-12-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 77/SL về việc tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố. Các sắc lệnh này quy định rõ tổ chức nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, là chính quyền hoàn toàn do dân bầu ra, gồm những đại biểu chân chính cho quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào cả nước hưởng ứng ngày bầu cử Quốc hội.

Thời gian trước và trong ngày bầu cử Quốc hội, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đã làm cho nhân dân nhận rõ tầm quan trọng của việc bầu cử Quốc hội, nâng cao vai trò và trách nhiệm người dân của một nước độc lập, tự do giúp họ sáng suốt lựa chọn những người tiêu biểu đại diện xứng đáng cho mình tham gia vào Quốc hội.

Công tác giữ gìn trật tự an ninh được tăng cường, nhằm ngăn chặn, đề phòng các hành động phá hoại của địch, bảo đảm an toàn cho cuộc bầu cử. Ngày 6-1-1946 thực sự là ngày hội của quần chúng nhân dân lao động. Trên khắp mọi miền đất nước, toàn thể công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên đã nô nức đi thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả của mình.

Ở Quảng Ngãi đã có 271.187 cử tri (trong tổng số 350.000 dân trong toàn tỉnh) đi bỏ phiếu. Có 8 người trúng cử đại biểu Quốc hội: Phạm Văn Đồng, Phạm Quang Lược,

Hồ Thiết, Lê Hồng Long, Nguyễn Trí, Nguyễn Duân, Hà Văn Tính, Đinh May.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội, Đảng và chính quyền các cấp ngày càng tăng thêm uy tín, lòng tin của nhân dân ngày càng vững chắc, vai trò, vị trí của người lao động ngày càng được phát huy. Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội trong cả nước có một ý nghĩa quyết định trong công cuộc củng cố chính quyền cách mạng còn rất non trẻ, là một đòn giáng rất mạnh vào âm mưu của các thế lực thù địch bên trong và bên ngoài, hòng chia rẽ các dân tộc, lật đổ chính quyền cách mạng.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội, ngày 17-2-1946, 280.000 cử tri trong tỉnh đã đi bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh. Tiếp theo, ngày 14-4-1946, bầu Hội đồng nhân dân xã. Các Ủy ban hành chính các cấp xã, huyện, thị lần lượt được củng cố và hoàn thiện hơn trước.

Hội đồng nhân dân các cấp đã bầu ra Ủy ban hành chính, thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Ủy ban hành chính lâm thời được thành lập trước đó. Ngày 15-4-1946, Ủy ban hành chính tỉnh chính thức được thành lập và tiếp tục lãnh đạo mọi hoạt động trong tỉnh.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, việc đầu tiên của Ủy ban hành chính là lo xây dựng lại các ban, ngành ở tỉnh, các cơ quan kỹ thuật chuyên môn... do các cán bộ, đảng viên giữ vai trò chủ chốt. Nhiều cán bộ đã được chính quyền, đoàn thể cử đi học, dự các lớp huấn luyện tại Huế, Hà Nội để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn.

Tháng 2-1946, chấp hành sắc lệnh của Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành hợp nhất một số làng nhỏ thành xã

lớn, bỏ cấp tổng¹. Chủ trương này được thực hiện quá vội vàng, không phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, đã gặp nhiều trở lực như sự phản đối về vấn đề công điền, công quỹ, tiền hiền, nên đã làm cho một số làng không chịu liên hiệp lại với nhau, khả năng lãnh đạo của đảng viên, cán bộ cơ sở còn non yếu chưa đủ sức để quản lý một đơn vị hành chính lớn, đông dân và phức tạp hơn trước. Thành phần lãnh đạo của Ủy ban hành chính xã phần lớn là trung nông, một số phú nông, hào lý cũ tiến bộ, tiểu tư sản và có từ một đến hai đảng viên cộng sản tham gia.

Sau khi giành chính quyền, nhất là sau ngày 23-9-1945, khi thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, Thường vụ Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng lực lượng vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng. Cuối tháng 9-1945, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Trung Bộ đã mở Hội nghị quân sự do đồng chí Nguyễn Chánh, Ủy trưởng quốc phòng chủ trì, bàn kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, ngăn chặn các cuộc tiến công xâm lược của thực dân Pháp ở Trung Bộ.

Quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ và Xứ ủy, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chú ý xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng. Ở mỗi huyện

1. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Quảng Ngãi có 679 làng. Sau khi nhập lại toàn tỉnh còn hơn 100 xã. Các "sách" của đồng bào miền núi cũng nhập thành 26 làng lớn. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

đều có một đơn vị vũ trang tập trung làm nhiệm vụ thường trực, sẵn sàng chiến đấu và từ một đến hai đại đội du kích tập trung.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy địa phương, mặc dù vũ khí trang bị còn rất thô sơ với giáo mác, mã tấu, dao rựa... nhưng các chiến sĩ du kích, dân quân tự vệ ở các thôn, xã đã cùng với các đơn vị công an đảm nhiệm việc trấn áp bọn phản động, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an ninh trật tự ở địa phương.

Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lớp lớp thanh niên Quảng Ngãi đã tạm biệt gia đình, người thân, tình nguyện gia nhập Vệ quốc đoàn đi chiến đấu bảo vệ quê hương, Tổ quốc. Những người không đủ tiêu chuẩn sức khỏe hoặc không được nhập ngũ đã khóc và tìm cách trốn đi theo các đơn vị quân đội. Nhiều nữ thanh niên cũng hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang. Tỉnh đã thành lập một đại đội nữ do đồng chí Sâm (Nguyên) chỉ huy. Các chị rất hăng say luyện tập quân sự, tham gia tuần tra canh gác bảo vệ các cơ quan, công sở. Nhiều người đã thoát ly gia đình tham gia phục vụ tại các bệnh viện, các công xưởng...

Ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, nhiều đơn vị của du kích Ba Tơ đã được điều vào chiến đấu ở mặt trận phía Nam.

Do yêu cầu công tác, nhiều đồng chí cán bộ, thanh niên Quảng Ngãi được điều đi nhận nhiệm vụ ở địa phương khác. Tháng 9-1945, Trung ương Đảng và Chính phủ đã thành lập Ủy ban quân chính Nam phần Trung Bộ có nhiệm vụ chỉ đạo kháng chiến, ngăn chặn địch ở mặt trận

Khánh Hòa - Nha Trang, cực Nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên. Đồng chí Phạm Kiệt làm Trưởng ban, đồng chí Trương Quang Giao làm Chính trị ủy viên, đồng chí Nguyễn Đôn làm Phó trưởng ban...

Nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, trải qua rèn luyện chiến đấu đã trở thành cán bộ, chỉ huy nổi tiếng của quân đội như các đồng chí Trần Lương, Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai, Võ Thứ...

Từ năm 1945 đến 1946, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng và Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi đã gửi 10 chi đội (khoảng 15.000 người) đi chiến đấu ở nhiều mặt trận¹ góp phần xây dựng, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tham gia chiến đấu chống thù trong giặc ngoài.

Sau khi giành chính quyền, đời sống nhân dân còn gặp muôn vàn khó khăn nhưng Tỉnh ủy, chính quyền và Mặt trận Việt Minh đã động viên, huy động nhân dân hăng hái đóng góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm để bảo đảm hậu cần tiếp tế phục vụ cho các đoàn quân Nam tiến đi qua Quảng Ngãi. Đối với các binh sĩ bị thương ở các mặt trận chuyển về và các gia đình binh sĩ, Tỉnh ủy và Ủy ban

1. 1 đơn vị ra Huế bảo vệ cơ quan UBND lâm thời Trung Kỳ.

1 đơn vị sang tỉnh Xavanakhét (Lào).

1 đơn vị vào tham gia chiến đấu ở Mặt trận Nha Trang.

1 đơn vị vào Bình Định.

1 đơn vị vào Phú Yên.

1 đơn vị lên tham gia chiến đấu ở Buôn Ma Thuột.

1 đơn vị vào tham gia chiến đấu ở cầu Bình Lợi, Sài Gòn.

hành chính đã tổ chức chăm sóc chu đáo. Hội "giúp đỡ binh sĩ bị nạn" được thành lập tháng 9-1945, mỗi tháng nhân dân đóng góp cho hội 15.000 đồng.

Để có vũ khí trang bị cho bộ đội, ngoài những xưởng sửa chữa rèn vũ khí thô sơ của Đội du kích Ba Tơ, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính và Mặt trận Việt Minh đã tổ chức những đợt đi sưu tầm, mua sắm vũ khí, cử người ra Đà Nẵng tìm mua súng, đạn của bọn Nhật, Tưởng còn lại. Một phong trào tự mua sắm, chế tạo vũ khí được Đảng bộ phát động trong cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ toàn tỉnh.

Đồng chí Hà Văn Tính đã được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổ chức các xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí. Hai xưởng rèn sản xuất vũ khí thô sơ của Đội du kích Ba Tơ là Phan Diệt và Từ Nhại đã được giao nhiệm vụ tiếp tục phát triển sản xuất lựu đạn, mìn, sửa chữa các loại vũ khí cho lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ.

Để có những thợ kỹ thuật giỏi, tay nghề cao về làm trong các xưởng sản xuất vũ khí, Tỉnh ủy đã có chỉ đạo thật cụ thể để đi tìm, mời về làm việc.

Nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận, nhận thức về chính trị, kỹ chiến thuật quân sự cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội, Trung ương Đảng và Chính phủ đã cho mở một số trường lớp đào tạo cán bộ. Tháng 5-1946, Bộ Quốc phòng đã khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn ở Quảng Ngãi. Tháng 6-1946, Liên khu V và Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ đã mở Trường Lục quân tại Quảng Ngãi. Học viên là những thanh niên, học sinh, công chức trẻ tuổi của toàn Liên khu, được lựa chọn đưa về học, đào tạo thành những cán bộ trung đội, làm nòng cốt cho các đơn vị quân đội trong Liên khu. Trong

chương trình huấn luyện, ngoài những bài giảng về quân sự, các học viên được học nhiều về đường lối, quan điểm của Đảng, Chính phủ, những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

Việc mở các trường bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, chiến sĩ quân đội đã kịp thời đào tạo được nhiều cán bộ, đáp ứng được nhu cầu bức thiết của lực lượng vũ trang trong toàn Liên khu. Nhiều học viên đã trưởng thành, trở thành cán bộ chủ chốt trong quân đội, có nhiều đóng góp cho đất nước.

Sau khi thành lập chính quyền cách mạng, một trong những công việc cấp bách nhất mà Đảng bộ và chính quyền cách mạng Quảng Ngãi rất quan tâm đó là việc chỉ đạo, lãnh đạo tổ chức cứu đói, chữa bệnh, ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân.

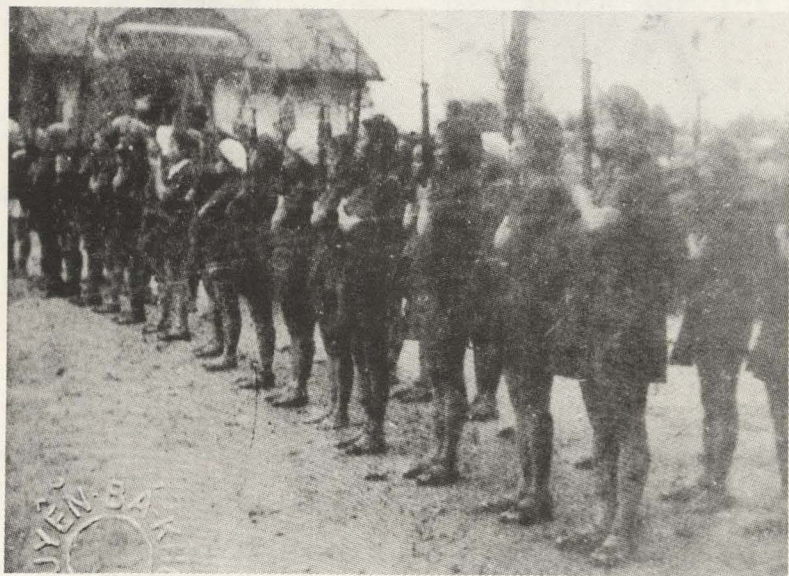
Tỉnh ủy đã cử nhiều đoàn cán bộ, đảng viên đi xuống cơ sở điều tra, giải quyết kịp thời nhiều việc xảy ra ở địa phương, góp phần giảm bớt khó khăn cho quần chúng.

Ngay sau khởi nghĩa, nhiều thứ thuế vô lý do chế độ cũ đặt ra như thuế thân, thuế chợ, thuế đò... đã được bãi bỏ. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh đã ra chỉ thị về việc giảm tô, giảm tức, nhiều món nợ lâu đời của nhân dân đã được xóa bỏ. Ruộng đất của bọn Việt gian, phản động đều bị tịch thu và chia cho nông dân nghèo sản xuất. Đối với ruộng đất vắng chủ, nông hội địa phương tạm thời quản lý và giao cho những người không có ruộng hoặc ít ruộng canh tác.

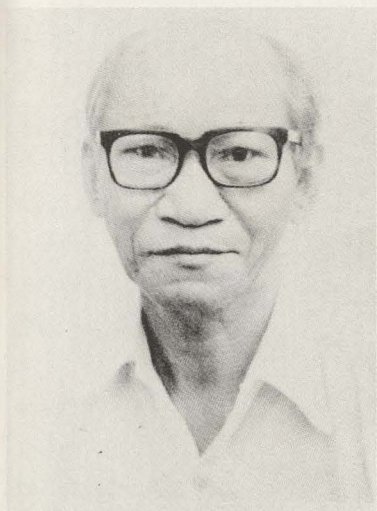
Những việc làm cụ thể và thiết thực này đã được đông đảo quần chúng nhân dân hoan nghênh. Đời sống nhân dân, chủ yếu là nông dân nghèo đã được cải thiện. Cách



Bầu cử Quốc hội đầu tiên tại Quảng Ngãi - 1946



Nữ vệ quốc đoàn Quảng Ngãi - 1946



Đồng chí NGUYỄN HỒNG CHÂU
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
6-1946 - 5-1947



Đồng chí TRƯƠNG QUANG TUÂN
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
5-1947 - 9-1949

mạng đã thực sự đổi đời và tạo bước ngoặt lớn trong lịch sử đấu tranh của nhân dân và đặc biệt là của nông dân Quảng Ngãi chống phong kiến, thực dân. Quyền lợi, vai trò của người nông dân được đề cao, sự bóc lột của địa chủ đối với dân nghèo ngày càng bị hạn chế.

Trong hoàn cảnh đất nước vừa mới giành được độc lập, thù trong giặc ngoài và thiên tai luôn đe dọa, nhiều nơi nhân dân đã lâm vào hoàn cảnh thiếu đói. Tháng 11-1945, khi nạn đói xảy ra ở một số huyện miền núi: Ba Tơ, Trà Bồng và miền biển Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Việt Minh Quảng Ngãi đã thành lập "Ban cứu đói", phát động nhân dân toàn tỉnh tiết kiệm lương thực, giúp đỡ nhau theo tinh thần "lá lành đùm lá rách". Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng bào đã góp hàng trăm tấn gạo, hàng ngàn tấn muối cứu giúp những người quá khó khăn. Nhờ đó, "nạn thiếu cơm lạt muối" được khắc phục, đời sống nhân dân từng bước dần ổn định. Phong trào tiết kiệm lương thực được nhân dân triệt để thực hiện. Việc dùng gạo để nấu rượu, làm bánh, bún ngày càng giảm đi.

Để góp phần giúp đỡ đồng bào miền Bắc đang bị nạn đói hoành hành, noi theo gương của Bác Hồ: "cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa" lấy gạo bỏ vào "hũ gạo cứu đói", Tỉnh ủy đã phát động phong trào tiết kiệm giúp đồng bào miền Bắc. Chỉ trong ngày đầu tiên của đợt phát động, nhân dân toàn tỉnh đã góp được 126.142 đồng và 70 tấn gạo, chỉ sau một thời gian ngắn đã góp 600 tấn gạo gửi ra giúp đồng bào miền Bắc, gửi vào quỹ "Ngày Nam Bộ" 107.284 đồng.

Các đoàn thể cứu quốc đã tích cực động viên các hội viên triệt để tiết kiệm để đóng góp, ủy lạo cho chiến sĩ, thương bệnh binh.

Nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của chúng ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập"¹, Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền, kêu gọi đồng bào toàn tỉnh "phải nỗ lực tăng gia sản xuất, tự lực cánh sinh", một phong trào toàn dân tăng gia sản xuất, tiết kiệm được phát động với khẩu hiệu "không một tấc đất bỏ hoang", "không một mảnh vườn bỏ phí", "tấc đất tấc vàng". Đây chính là biện pháp cơ bản, tích cực nhất để góp phần chống cứu đói.

Các loại cây lương thực ngắn ngày như khoai lang, bắp, đậu, rau xanh... được trồng ở khắp nơi. Ruộng đất bị bỏ hoang hóa, những vùng hoang vu rậm rạp đã nhường chỗ cho những ruộng rau màu, lúa mọc lên xanh tốt. Những biện pháp khoa học kỹ thuật được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Các loại phân xanh, phân chuồng, phân bắc được sử dụng, góp phần đáng kể vào việc tăng năng suất hoa màu, lương thực.

Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 10-1945, Hợp tác xã nhân dân được thành lập ở Quảng Ngãi. Các làng đều có Chi cuộc hợp tác xã để giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm làm ra, cung cấp những mặt hàng

1. Văn kiện Đảng (1945 - 1954) Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1978, t.I, tr. 13.

thiết yếu cho sản xuất và đời sống, tránh được tệ đầu cơ tích trữ của tư thương. Lúc mới thành lập có 8.000 cổ phần với số vốn 1.500.000 đồng.

Đầu năm 1946, tổ chức "Hội đồng canh" được thành lập, nhằm giúp cho nông dân cải thiện cuộc sống và sản xuất. Nông dân cùng nhau đóng góp công cụ sản xuất và sức lao động để canh tác đất đai. Do tổ chức này ra đời, hoạt động chưa phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội lúc này, nên nó chỉ tồn tại được qua một thời gian ngắn. Tuy vậy, "Hội đồng canh" đã góp phần tích cực trong việc giải quyết một phần khó khăn cho nông dân nghèo.

Các ngành nghề thủ công ở địa phương như rèn, gốm, đan lát, dệt vải, dệt chiếu, làm giấy... được khôi phục lại, đã góp phần giải quyết khó khăn trong đời sống của nhân dân, giúp cho nhiều gia đình nông dân và ngư dân nghèo thoát khỏi cảnh túng thiếu.

Trước hoàn cảnh chính quyền cách mạng luôn bị kẻ thù phá hoại, nền kinh tế tài chính vô cùng kiệt quệ, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc có tiền để mua sắm vũ khí, lương thực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống thù trong giặc ngoài, góp phần giải quyết nạn đói trong nhân dân. Ngày 4-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh tổ chức "Quý độc lập" nhằm động viên sự đóng góp tiền bạc, của cải trong nhân dân. Từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945, cùng với đồng bào toàn quốc, nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực tham gia vào "Tuần lễ vàng", khắp nơi trong tỉnh đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền vận động nhân dân tích cực đóng góp nhiều nhất cho đất nước. Mọi nhà, mọi người đều hăng hái thi đua xây dựng "Quý độc lập". Nhiều

người đã đem kỷ vật gia truyền của tổ tiên đóng góp cho Tổ quốc. Nhiều chị em phụ nữ góp cả những kỷ vật thiêng liêng như nhẫn cưới, hoa tai cho "Tuần lễ vàng" và "Quý độc lập".

Đồng bào miền núi còn đóng góp cả những nồi đồng, chiêng, chình, ché quý giá của ông bà để lại.

Phụ nữ ở làng Thanh Sơn (xã Phổ Cường - Đức Phổ) đã có 65 trong tổng số 108 chị đóng góp vào "Quý độc lập". Các chị đã góp được 50 chỉ vàng, là một trong những địa phương đạt thành tích đóng góp cao nhất của Quảng Ngãi.

Tính đến ngày 22-10-1945, nhân dân Quảng Ngãi đã góp cho đất nước 52,930 kg vàng¹. Sự đóng góp của nhân dân Quảng Ngãi cùng với nhân dân cả nước đã góp phần đáp ứng kịp thời những yêu cầu cấp bách của Đảng, Chính phủ và giải quyết một số khó khăn trong việc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 31-1-1946, Chính phủ ra Sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam. Một số tỉnh của Nam Trung Bộ là: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên được chọn làm nơi lưu hành thí điểm (đến ngày 23-11-1946, Quốc hội mới quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước). Việc phát hành kịp thời đồng tiền Việt Nam là cơ sở rất quan trọng trong việc xây dựng nền kinh tế tự túc, tự chủ. Nhân dân

1. Theo Báo cáo của Ủy ban tài chính Trung Bộ, ngày 23-11-1945. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Theo Báo cáo công tác của Việt Minh Lê Trung Đình, con số này là 42 kg vàng.

tiêu dùng đồng tiền mới là thắng lợi rất lớn của nền tài chính Việt Nam.

Bên cạnh việc "diệt giặc đói", mặc dù công việc còn đầy khó khăn và bề bộn, Đảng bộ và chính quyền rất chú trọng đến việc "diệt giặc dốt" trong nhân dân. Công tác phát triển văn hóa - giáo dục được quan tâm đặc biệt...

Do hậu quả chính sách ngu dân của thực dân Pháp, đa phần nhân dân Quảng Ngãi thất học. Vì vậy, công tác chống giặc dốt đã được Đảng bộ và các cấp chính quyền rất quan tâm. Phong trào thi đua xóa nạn mù chữ được phát động khắp nơi, được đông đảo các tầng lớp nhân dân sôi nổi hưởng ứng. Phong trào này không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa - giáo dục mà còn có ý nghĩa lớn về mặt chính trị, nó giúp nhân dân nâng cao lòng yêu nước, ý thức giác ngộ chính trị, trình độ hiểu biết xã hội để mọi người tham gia làm chủ và đóng góp được nhiều công sức vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Với khẩu hiệu: "Đi học là yêu nước", các lớp bình dân học vụ được mở khắp các thôn xóm, từ cụ già 70 tuổi đến những chị có con mọn, các cháu thiếu niên... đều đua nhau đi học chữ. Con dạy cha mẹ, cháu dạy cho ông bà, "người biết chữ dạy người chưa biết chữ". Trong toàn tỉnh phát động phong trào học ở mọi nơi, mọi lúc: khi đi chợ, lúc ở nhà, khi ra đồng sản xuất..., bảng viết là nền gạch, nền đất, mo nang, mo cau..., phấn viết là gạch non, than củi. Chỉ tính từ tháng 9-1945 đến tháng 6-1946, toàn tỉnh đã có 94.839 người thoát nạn mù chữ. Đảo Lý Sơn mặc dù xa cách đất liền, mọi điều kiện vô cùng thiếu thốn, cũng có được 20 lớp học bình dân.

Chị em phụ nữ dưới chế độ cũ là những người bị nhiều

thiệt thòi nhất, vì vậy tỷ lệ mù chữ khá cao. Trong phong trào diệt giặc dốt, chị em đóng vai trò rất quan trọng và tích cực. Những người được học biết chữ rồi đều trở thành những chiến sĩ diệt dốt tích cực, xuất sắc nhất. Tiêu biểu cho phong trào này là tấm gương sáng của chị Huỳnh Thị Chánh (Tịnh An - Sơn Tịnh). Do tai nạn, bị cụt cả hai tay, chị vẫn kiên trì buộc bút vào khuỷu tay để tập viết. Sau khi đọc thông viết thạo, chị trở thành cô giáo dạy chữ cho nhiều người khác. Tấm gương ham học của chị nổi tiếng trong toàn quốc. Năm 1947, chị được tuyên dương là chiến sĩ diệt dốt toàn quốc.

Đến cuối năm 1946, toàn tỉnh có 191.800 người theo học các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa¹.

Giáo dục phổ thông phát triển mạnh, các thôn xã đều có lớp, trường học. Học sinh đến lớp ngày càng nhiều. Nếu như niên học 1944-1945, toàn tỉnh có 216 lớp tiểu học với 11.246 học sinh và 252 giáo viên thì trong niên học 1945-1946 đã có 314 lớp tiểu học, với 23.083 học sinh và 572 giáo viên². Những em học sinh đạt thành tích xuất sắc đều được khen thưởng, động viên kịp thời.

Theo chủ trương của Liên khu ủy V, tháng 10-1946, tại Quảng Ngãi đã thành lập Trường Trung học Lê Khiết. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt, trường vẫn tồn tại suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, nơi đây đã đào tạo được hàng ngàn học sinh có trình độ phổ thông

1,2. Báo cáo thành tích giáo dục của Liên khu V qua chín năm kháng chiến. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

trung học cho toàn Liên khu V. Từ mái trường này, nhiều học sinh đã trưởng thành, trở thành nhà khoa học, cán bộ chính trị, quân sự nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho đất nước.

Do hậu quả của chế độ thực dân, phong kiến cho nên nạn đói, dịch bệnh xảy ra nhiều nơi và gây tác hại không nhỏ đến đời sống của nhân dân. Trong điều kiện thuốc men thiếu thốn, đội ngũ cán bộ làm y tế còn quá ít, Đảng bộ và chính quyền đã khuyến khích động viên các thầy thuốc đông y khám và điều trị bệnh cho nhân dân bằng những cây thuốc nam có sẵn ở địa phương. Đồng thời, các cấp chính quyền và Mặt trận đã phát động nhân dân thực hiện "đời sống mới", "vệ sinh xóm làng", nhân dân đã biết đào giếng, ăn chín, uống nước sôi để nguội, ăn dưa hai đầu, làm hố xí hai ngăn, dọn vệ sinh nhà cửa sạch sẽ để ngăn chặn dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe. Các biện pháp này đã có những đóng góp đáng kể vào việc nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Các phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, trộm cắp... đã giảm đi nhiều. nếp sống văn hóa mới lành mạnh đã được phổ biến sâu rộng trong nhân dân. Sách báo được phân phối xuống cơ sở. Đông đảo thanh niên, nhân dân tham gia thường xuyên đọc sách báo cách mạng, ở các làng đều có địa điểm đọc sách báo, nhiều huyện đã thành lập phòng thông tin tuyên truyền và thư viện. Tỉnh đoàn văn hóa cứu quốc đã lập một ban văn hóa lưu động thường xuyên đi tuyên truyền cổ động những nội dung về đời sống mới trong nhân dân. Nhiều bài hát, vở kịch được sáng tác nhằm động viên nhân dân hăng hái tham gia tòng quân, tích cực tăng gia sản xuất...

Các hội đoàn thể cứu quốc đã phối hợp tổ chức những hội, nhóm tương tế giúp đỡ lẫn nhau lúc hoạn nạn, đau ốm, tang gia... Hoạt động này được quần chúng tán thành và tham gia đông đảo.

"Trại nhà nghèo" đã được thành lập tại thị xã Quảng Ngãi do ông Trần Trọng Hải, Chủ tịch hội tế bào tỉnh làm giám đốc¹ nhằm tập trung nuôi dưỡng những người nghèo, tàn tật cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang, ở đây họ còn được học chữ, học nghề để kiếm sống.

Chỉ trong một thời gian ngắn sau khi giành được chính quyền, Đảng bộ Quảng Ngãi tuy với số lượng đảng viên còn rất ít đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh từng bước ổn định được đời sống, khắc phục những khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi. Các mặt văn hóa, xã hội được phát triển không ngừng. Chính quyền nhân dân các cấp được củng cố và ngày càng phát huy tác dụng, đã động viên nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất tự túc, đóng góp giúp đỡ những vùng còn bị khó khăn trong cả nước, sẵn sàng đưa con em mình đi tham gia xây dựng và chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ ở một số địa phương khác.

Với chủ trương, đường lối đúng đắn, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân toàn tỉnh trấn áp được các thế lực phản động, đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng quê hương, góp phần đắc lực cho công cuộc kháng chiến.

1. Quảng Ngãi sau một năm giành chính quyền. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Chương II

**RA SỨC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG,
ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA
CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (12-1946-12-1952)**

**I- RA SỨC XÂY DỰNG VÀ CÙNG CỐ HẬU PHƯƠNG, ĐÓNG
GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN**

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp vẫn không từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta. Ngay từ tháng 1-1946, quân đội Pháp đã chính thức thay thế quân Anh ở phía nam vĩ tuyến 16 và ký với quân Tưởng Giới Thạch Hiệp ước Pháp - Hoa (28-2-1946) đưa quân viễn chinh Pháp ra Bắc chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Đất nước vừa mới giành độc lập, nhân dân Việt Nam đang chuẩn bị mọi điều kiện để bắt tay xây dựng đất nước. Trước âm mưu, thủ đoạn của địch, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho các cấp: phải luôn luôn tích cực sẵn sàng về quân sự và chính trị để đối phó với mọi bất trắc có thể xảy ra. Thực hiện chỉ thị này, nhân dân cả nước gấp rút chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong toàn quốc.

Tháng 11-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Phạm Văn Đồng về Nam Trung Bộ với cương vị là đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ để trực tiếp chỉ đạo phong trào ở Nam Trung Bộ.

Với trọng trách được giao, đồng chí đã cùng Liên khu ủy lãnh đạo các tỉnh trong Liên khu và đặc biệt là nhân dân Quảng Ngãi, chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ nhưng tất thắng của nhân dân Việt Nam.

Sau "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh đã lập kế hoạch cụ thể và kêu gọi nhân dân sẵn sàng chuẩn bị chiến đấu chống thực dân xâm lược.

Sau khi tàu chiến Pháp bắn đại bác vào thị xã Quảng Ngãi (2-1-1947), Tỉnh ủy đã họp dưới sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng để bàn những biện pháp đối phó.

Dựa vào tình hình đang xảy ra tại Quảng Ngãi và của các tỉnh miền Nam Trung Bộ, Hội nghị Tỉnh ủy nhận định rằng, trong thời gian đầu địch chưa thể tiến công đánh chiếm Quảng Ngãi. Vì vậy, công việc chính lúc này là phải tập trung sức lực xây dựng Quảng Ngãi trở thành hậu phương chủ yếu cho vùng bị tạm chiếm, phục vụ tích cực cho tiền tuyến, trực tiếp là mặt trận Kon Tum và bắc Quảng Nam. Để bảo đảm an toàn khi bị Pháp oanh tạc, tiến công, các cơ quan lãnh đạo, công xưởng, nhân dân, phải sơ tán ra khỏi thị xã về các vùng nông thôn, miền núi.

Để chủ động đối phó với tình hình, Hội nghị Tỉnh ủy đã vạch ra những kế hoạch cụ thể:

+ **Về chính trị:** Tích cực tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân toàn tỉnh nắm vững các chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, giáo dục tinh thần yêu nước, động viên nhân dân góp sức người, sức của cao nhất cho cuộc kháng chiến. Lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể quần chúng và nhân dân sẵn sàng chiến đấu, đánh trả quân địch nếu như chúng đổ bộ tiến công Quảng Ngãi.

+ **Về quân sự:** Lãnh đạo nhân dân những vùng có thể bị địch tiến công đánh chiếm, sẵn sàng thực hiện triệt để "vườn không nhà trống", phá hoại cầu đường để chặn bước tiến của địch.

Các đơn vị vũ trang tổ chức bố phòng, xây dựng công sự, triển khai bố trí lực lượng ở những vùng trọng điểm, sẵn sàng chiến đấu; Lực lượng dân quân du kích, tự vệ toàn tỉnh phải gấp rút được củng cố và sẵn sàng cùng bộ đội tham gia kháng chiến.

+ **Về kinh tế:** Thực hiện một nền kinh tế có lãnh đạo, tự cấp, tự túc phục vụ kháng chiến: một mặt đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để bảo đảm đời sống cho đồng bào, nhất là đồng bào tản cư, mặt khác di chuyển kho tàng, công xưởng đến nơi an toàn, tiến hành xây dựng miền Tây và vùng giáp ranh với tỉnh thành khu an toàn. Bảo đảm nơi đứng chân của đơn vị quân đội, xí nghiệp quốc phòng và các cơ quan chỉ huy, chỉ đạo của Trung ương, Liên khu và của tỉnh.

+ **Về văn hóa - xã hội:** Tiếp tục vận động xây dựng

nếp sống mới và nền văn hóa kháng chiến, phổ cập giáo dục bình dân nâng dần lên giáo dục tiểu học, nâng cao học vấn cho cán bộ và thanh niên, chăm lo sức khỏe cho nhân dân và bộ đội.

Để thống nhất chỉ huy lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, tháng 12-1946, theo lệnh của Chính phủ, tại các tỉnh Nam Trung Bộ đã thành lập Ủy ban quân sự cùng với Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến trực tiếp lãnh đạo nhân dân bước vào cuộc kháng chiến.

Sau đêm 19-12-1946, hưởng ứng "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền đã khẩn trương chuẩn bị đối phó với những tình huống xấu nhất có thể xảy ra.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến, các ban "phá hoại", "xây dựng phòng tuyến", "tán tiếp cư" đã được thành lập. Nhiều nhà cửa kiên cố ở thị xã Quảng Ngãi và các thị trấn có thể là điểm tiến công của địch được nhân dân tự nguyện phá dỡ. Hàng chục ngàn người thuộc mọi tầng lớp, lứa tuổi đổ ra mặt đường đào đắp, cuốc phá. Những con đường chính quốc lộ 1, tỉnh lộ, huyện lộ... đều bị chia cắt thành nhiều đoạn để cản bước tiến của địch. Nhiều cầu, cống được tháo dỡ. Đặc biệt là đường sắt chạy qua Quảng Ngãi đã được nhân dân tháo dỡ đường ray, tà vẹt đem cất khi cần mới đem ra lắp lại.

Nhiều hầm trú ẩn các loại được đào ở khắp các nơi. Các thôn, xã đều dựng chướng ngại vật, đào giao thông hào, địa đạo, làng xóm được rào kỹ để phòng sự đổ bộ xâm nhập

của thực dân Pháp và bọn Việt gian. Hàm bí mật được đào ở nhiều nơi, nhất là vùng ven biển. Quảng Ngãi là nơi phát triển hàm bí mật nhiều nhất so với các địa phương trong toàn Liên khu V. Đến tháng 3-1949, nhân dân đã đào được 11.000 hàm các loại (một số hàm, địa đạo đã tồn tại và phát huy được tác dụng tốt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ). Nhiều tỉnh trong Liên khu V đã cử người về Quảng Ngãi học tập rút kinh nghiệm trong việc đào hầm, hào...

Ở các huyện có đồi hoang núi trọc, nhân dân đã cắm nhiều cọc tre ngăn địch nhảy dù. Nhiều trạm gác bí mật, trạm truyền tín hiệu được thành lập ở nhiều nơi. Nhờ vậy ta đã kịp thời báo tin cho nhân dân và khi địch tiến công, ta ít bị thiệt hại.

Công tác phòng gian bảo mật, cảnh giác chống bọn gián điệp xâm nhập vùng tự do đã được các cấp chính quyền, các hội đoàn thể tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Mọi người đều thực hiện khẩu hiệu ba không (không biết, không nghe, không thấy). Đồng bào đã phát hiện nhanh chóng những tên gián điệp được tung vào vùng tự do, ngăn chặn kịp thời nhiều vụ đổ bộ, tiến công của địch. Trong một thời gian dài, Quảng Ngãi là căn cứ an toàn của các cơ quan đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu ủy, của Bộ chỉ huy quân sự Liên khu V, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ...

Để có thể bảo vệ vững chắc vùng tự do Quảng Ngãi, một trong những công tác trung tâm hàng đầu của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính là xây dựng, củng cố

lực lượng vũ trang địa phương. Bên cạnh việc chỉ đạo giáo dục tư tưởng cách mạng cho lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy đã đề ra một số biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố lực lượng dân quân du kích. Đến cuối năm 1949 đã có 46.465 du kích xã, 10.060 dân quân tự vệ, 3.360 bạch đầu quân, 2.348 nữ dân quân, 1.865 du kích dân tộc ít người. Toàn tỉnh có hai đại đội dân quân tự vệ tập trung, các huyện đồng bằng đều có một đại đội địa phương¹. Tỉnh ủy còn lãnh đạo các ngành vận động nhân dân đóng góp tiền, của để xây dựng "Quỹ nuôi quân", "Quỹ mua sắm vũ khí", "Quỹ mùa đông binh sĩ"... Chỉ riêng quỹ nuôi du kích tập trung, đến tháng 3-1949, nhân dân đã đóng góp được 9.200.000 đồng (tiền tín phiếu), 12.220 ang lúa², 121 mẫu ruộng.

Các ngành, đoàn thể, tổ chức Việt Minh còn động viên thanh niên hăng hái tham gia tòng quân giết giặc. Chỉ trong một thời gian ngắn đã có 15.000 thanh niên tham gia tòng quân đi chiến đấu ở các chiến trường trong Liên khu. Có nhiều thanh niên dân tộc ít người do không đủ sức khỏe cũng đã tìm mọi cách để được nhập ngũ.

Để bảo đảm chất lượng của du kích và bộ đội ngày càng cao, Tỉnh ủy và các ngành, các cấp rất chú ý đến việc nâng cao kiến thức xã hội, giác ngộ cách mạng cho thanh niên. Tỉnh đã tổ chức cho du kích học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi bộ đội, du kích toàn quốc, thường

1. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. 1 ang = 4kg.

xuyên tập trung du kích xã để huấn luyện kỹ chiến thuật. Từ tháng 12-1946 đến 30-4-1948, Tỉnh đội Quảng Ngãi đã mở nhiều lớp huấn luyện quân sự cho 11.000 dân quân (có 2.473 nữ). Phong trào luyện quân lập công được phát động rộng khắp trong các đơn vị dân quân du kích tập trung. Cán bộ, chiến sĩ thi đua học tập, rèn luyện quân sự. Các đoàn thể, cơ quan và nhân dân toàn tỉnh ủng hộ lương thực, thực phẩm; nhiều giải thưởng được đặt ra để động viên cổ vũ phong trào thi đua. Sau hai tháng huấn luyện, Đảng bộ và quần chúng đã tổ chức cuộc thao diễn để kiểm tra kết quả huấn luyện, tuyên dương khen thưởng những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc.

Qua đợt luyện quân này, tỉnh đã đưa bốn đại đội du kích tập trung, ba đại đội dân quân ra phối hợp tác chiến và tự kiểm tra khả năng chiến đấu thực tế ở chiến trường bắc Quảng Nam và được Ủy ban quân sự Quảng Nam tuyên dương toàn mặt trận. Được sự giúp đỡ và hướng dẫn của Phòng dân quân Liên khu V và trung đoàn 126, Tỉnh đội Quảng Ngãi đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng chính trị, quân sự cho cán bộ huyện đội và xã đội tại Ba La (xã Nghĩa Đông, nay thuộc thị xã Quảng Ngãi). Đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp chỉ đạo các lớp này.

Đầu năm 1949, trong Hội nghị dân chính của Liên khu V, Quảng Ngãi đã được giao trách nhiệm động viên ngày càng nhiều sức người, sức của cho các chiến trường Bình Thuận, Kon Tum, Đồng Nai Thượng. Chấp hành nhiệm vụ cấp trên giao cho, Đảng bộ Quảng Ngãi đã điều động nhiều cán bộ, đảng viên đi các chiến trường: 34 đồng chí đi Cực Nam, 43 đồng chí đi Tây Nguyên. Ngoài ra tỉnh còn đưa một đội trật tự xung phong và một đội công an xung phong

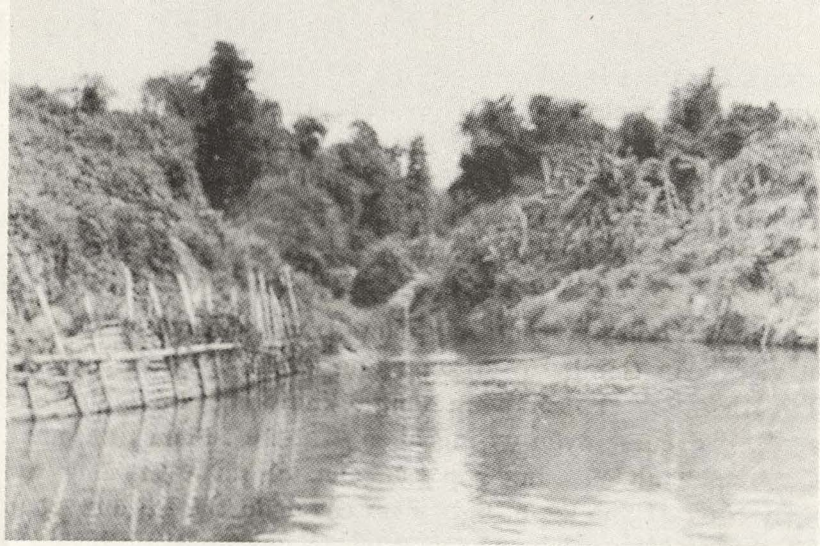
ra chiến đấu ở Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngoài việc cung cấp người, Quảng Ngãi còn đóng góp lớn vào việc cung cấp vũ khí cho các chiến trường. Trên cơ sở hai công binh xưởng đầu tiên là Từ Nhại, Phan Thiết của Đội du kích Ba Tư, đã có năm xưởng quân giới của Liên khu V ra đời và đóng tại Quảng Ngãi. Đó là các xưởng Phan Thiết, Từ Nhại, Nguyễn Trường, Lý Văn Bé, Hoàng Hoa Thám. Các xưởng này ngoài sửa chữa vũ khí đã sản xuất được hàng ngàn quả lựu đạn, mìn, lưới lè, đạn tiêu liên, súng phóng lựu... Trong sáu tháng đầu năm 1949, Quảng Ngãi đã cung cấp cho Tây Nguyên và Cực Nam 340 quả lựu đạn.

Đặc biệt, cùng với ngành quân giới Liên khu V, tại Châu Sa (Tịnh Châu - Sơn Tịnh) tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức triển lãm các loại vũ khí tự tạo của các công binh xưởng và các chiến lợi phẩm tịch thu được của địch. Qua triển lãm, quân và dân trong tỉnh vô cùng phấn khởi, tin tưởng vào khả năng chế tạo vũ khí của ta.

Thực hiện Sắc lệnh về việc hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính¹, Tỉnh Đảng bộ đã tích cực xây dựng Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp từ tỉnh đến xã để chỉ đạo kịp thời và thống nhất các công việc của công cuộc kháng chiến.

Theo Sắc lệnh số 255 của Chính phủ về việc bầu Hội đồng nhân dân các cấp, ngày 13-6-1949, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hơn 80% cử tri toàn tỉnh đã tham gia bầu

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 1-10-1949.



Cửa Kênh Sơn Tịnh



Kênh Bàu Súng

Hội đồng nhân dân xã, chọn những người có năng lực, tiêu biểu cho sự đoàn kết toàn dân.

Ngày 30-7-1949, nhân dân toàn tỉnh Quảng Ngãi đã nô nức đi bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II. Qua cuộc bầu cử này một số người không có uy tín, năng lực làm việc đã bị đưa ra khỏi Hội đồng... Hội đồng nhân dân đã chỉnh đốn lề lối làm việc, vạch ra các chương trình công tác cụ thể. Các đại biểu của nhiệm kỳ II đã đi sâu, đi sát các tầng lớp nhân dân để giải thích chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ... góp phần làm cho nhân dân thiết tha yêu mến chính quyền cách mạng hơn.

Bộ máy chính quyền từ xã đến tỉnh ngày càng vững mạnh, phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Năm 1949, chấp hành chủ trương của cấp trên, theo sự hướng dẫn của Ủy ban kháng chiến hành chính lâm thời Nam Trung Bộ, hơn 100 xã trong toàn tỉnh đã sáp nhập còn 86 xã.

Bằng sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và sáng tạo, thông qua chính quyền, Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể, Đảng bộ Quảng Ngãi ngày càng phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công tác lãnh đạo toàn dân tham gia kháng chiến, xây dựng vùng tự do vững mạnh.

Mặt trận Việt Minh ngày càng có uy tín sâu rộng trong nhân dân. Cùng với Liên Việt và các đoàn thể quần chúng khác, Mặt trận Việt Minh đóng vai trò tích cực trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối kháng chiến, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, phá rối của giặc, đề ra nhiều biện pháp thích hợp, động viên đông đảo quần chúng tích

cực tham gia đóng góp cho kháng chiến, tham gia các đoàn thể quần chúng.

Toàn tỉnh có 81% cử tri tham gia Mặt trận Việt Minh. Đảng bộ đã đưa những cán bộ, đảng viên có uy tín, năng lực, đoàn kết, đi sâu, đi sát quần chúng vào các cấp lãnh đạo Việt Minh, vì vậy đã động viên, phát huy được sức mạnh của nhân dân tham gia vào mọi phong trào, nhất là trong phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc, giết giặc gìn giữ quê hương.

Để động viên càng nhiều nhân tài, vật lực đóng góp vào sự nghiệp kháng chiến, thông qua Ủy ban kháng chiến hành chính và Mặt trận Việt Minh, Tỉnh ủy đã phát động trong toàn tỉnh phong trào lập các quỹ ủng hộ kháng chiến, với nhiều hình thức phong phú, ta đã thu được nhiều kết quả nhất định.

Năm 1947, nhân dân đã góp vào các quỹ 6.456.981 đồng tín phiếu, 36.356 ang gạo, đóng góp nuôi bộ đội, dân quân 83.739.800 đồng và 1.505.000 ang lúa, 140 mẫu ruộng; quỹ đồng tâm kháng chiến của Tỉnh ủy thu được 700.834 đồng.

Riêng ngày 27-7-1947, hưởng ứng ngày toàn dân giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ, nhân dân đã ủng hộ 150.000 đồng và hơn 1.000 ang lúa. Trong tuần lễ "Mùa đồng binh sĩ" năm 1948, đồng bào đã góp được 616.516 đồng.

Năm 1948, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Mặt trận Việt Minh, Liên Việt và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã phát động nông dân tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống và đóng góp nhiều hơn cho kháng chiến.

Tuy đời sống hằng ngày còn gặp rất nhiều thiếu thốn, nhưng Hội mẹ binh sĩ, Hội Phụ nữ cứu quốc ở các địa phương đã tổ chức động viên các hội viên đón nhận nhiều thương binh, bệnh binh về nuôi dưỡng, chăm sóc, giúp đỡ công việc làm ăn... Riêng năm 1948, đã có hơn 300 thương binh từ các chiến trường được đưa về Quảng Ngãi điều trị, an dưỡng. Nhiều người được các mẹ nhận làm con, giúp đỡ xây dựng gia đình. Riêng phụ nữ hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh đã nhận nuôi hơn 1.000 lượt cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 96 của Liên khu V về nghỉ ngơi, dưỡng bệnh.

Từ ngày 6 đến ngày 13-2-1949, nhân dân Quảng Ngãi đã tổ chức tuần lễ đóng góp ủng hộ nhân dân vùng bị chiếm số tiền 1.542.645 đồng. "Ngày đồng tâm Đà Nẵng" thu được 16 tấn gạo và 500.000 đồng.

Quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng về việc xây dựng nền kinh tế độc lập để "kháng chiến và kiến quốc" thắng lợi, Đảng bộ đã đặt vấn đề về lãnh đạo xây dựng nền kinh tế địa phương ngày càng vững mạnh.

Để chủ động về tài chính trong điều kiện ta bị thực dân Pháp bao vây kinh tế, đại diện Chính phủ Trung ương tại miền Nam đã ra Nghị định số 1/CP-NĐ ngày 12-6-1947, cho phép phát hành tín phiếu ở Liên khu V. Đồng tín phiếu¹ được lưu hành trong phạm vi toàn Liên khu V dựa trên cơ sở lòng tin nhiệm của nhân dân đối với Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đồng tín phiếu được lưu hành thay cho đồng bạc Việt

1. Năm 1947: 1 đồng tín phiếu bằng 1 đồng ngân hàng Đông Dương.

Nam do Bộ Tài chính phát hành và tiếp tục có tác dụng bảo đảm nhu cầu kháng chiến về tài chính, đồng thời giúp đỡ phát triển sản xuất, xây dựng một nền kinh tế tự cung tự cấp ở Liên khu V. Việc này tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh cuộc kháng chiến mau chóng đi đến thắng lợi, không bị địch phá hoại về mặt tài chính. Đồng tín phiếu ra đời, được nhân dân chấp nhận, đã nói lên ý chí cương quyết của nhân dân quyết tâm bảo vệ độc lập, tự do mà Cách mạng Tháng Tám đã đem lại, sẵn sàng hy sinh đóng góp cho công cuộc kháng chiến.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, phong trào thi đua tăng gia sản xuất, tự túc, tự cấp, triệt để tiết kiệm được phát động trong toàn tỉnh. Hợp tác sản xuất đã thu hút được 23.417 hội viên, với số tiền đóng góp là 1.677.872 đồng, ruộng đất hoang hóa được giao cho dân nghèo thiếu ruộng canh tác.

Cán bộ Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng đã lãnh đạo nhân dân cải tiến dân các tập tục sản xuất mang tính độc canh, thực hiện đa canh, luân canh gối vụ. Nhiều ruộng lúa trước đây chỉ sản xuất một vụ, nay đã tăng lên hai, ba vụ.

Năm 1948, nhân dân đã khai hoang được 98 mẫu đất. Năm 1949: 1.800 mẫu.

Để có nhiều lương thực phục vụ cho nhu cầu của nhân dân, Tỉnh ủy đã vận động nhân dân bớt đất trồng mía để trồng lúa, từ 12.000 mẫu đất trồng mía, đến năm 1948 đã giảm còn 7.000 mẫu.

Phong trào phủ xanh đất trống được phát động trong toàn dân. Các loại rau đậu mọc lên xanh tốt ở bờ rào, góc

vườn, triền đồi, ven sông và cả trên những nóc hầm bí mật, trên các công sự chiến đấu.

Các ngành nông nghiệp, tài chính... tuy chưa có nhiều kinh nghiệm hoạt động nhưng cũng rất cố gắng học hỏi, hướng dẫn nhân dân sử dụng những giống rau, lúa mới, cách nuôi và phòng bệnh cho gia súc, tạo điều kiện cho nông dân vay vốn mua trâu, bò và công cụ sản xuất.

Phong trào dùng phân xanh, phân chuồng, phân bắc bón ruộng được nông dân toàn tỉnh hưởng ứng, đã có 1.400 hầm phân kiểu mẫu, nhờ bón nhiều phân cho nên năng suất lúa và rau màu đều tăng. Chỉ riêng ở xã Đức Nhuận (huyện Mộ Đức) trong mùa lúa tháng 3 của năm 1949, nhờ áp dụng phương pháp bón phân bắc, phân chuồng và bón nhiều lần, nên năng suất lúa đã đạt trên 5.000 kg/ha/1 vụ.

Công tác thủy lợi đã được Đảng bộ và chính quyền quan tâm đặc biệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và các hội đoàn thể đã huy động đông đảo nhân dân đào giếng, đắp nhiều kênh mương tưới tiêu nước. Với tinh thần "vắt đất ra nước, thay trời làm mưa", nhân dân đã đắp đập An Thọ (huyện Đức Phổ) lấy nước tưới cho 250 ha ruộng, đã đào kênh Tư Nghĩa dài 15km dẫn nước tưới cho hàng trăm ha ruộng lúa vùng trung và đông huyện Tư Nghĩa, đào kênh Sơn Tịnh dài 16 km bảo đảm nước tưới cho 300ha đất ở hai huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh; đặc biệt đã đào xong kênh Bàu Súng ở Mộ Đức, trong đó có 400m phải đào xuyên qua núi đá ong. Ngoài ra, nhân dân còn đắp 47 đập, dùng máy bơm tưới cho 7.400 mẫu lúa và rau màu trong toàn tỉnh. Đời sống nhân dân nhờ đó không ngừng được cải thiện.

Các công trình thủy lợi này có ý nghĩa vô cùng to lớn cả về kinh tế và chính trị trong tỉnh. Các công trình này chứng tỏ sức mạnh to lớn của sự đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, càng củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo, điều hành của chính quyền cách mạng.

Do bị địch bao vây, phong tỏa về kinh tế, các nhu cầu thiết yếu của nhân dân gặp nhiều khó khăn thiếu thốn. Dựa vào truyền thống của địa phương, các ngành nghề thủ công được khuyến khích phát triển, nhằm bảo đảm cung cấp các mặt hàng tiêu dùng cho nhân dân, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống như vải, giấy, muối... Theo sáng kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng, để có đủ nguyên liệu cung cấp cho ngành dệt, khẩu hiệu "mỗi gia đình trồng 30 cây bông quanh nhà" đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng và trở thành khẩu hiệu hành động của quảng đại quần chúng trong tỉnh.

Đảng bộ quan tâm lãnh đạo phong trào giảm diện tích mía để trồng dâu nuôi tằm, trồng bông dệt vải, đã đem lại nhiều kết quả khả quan.

Trong năm 1948, nhân dân đã trồng được 1.000 mẫu bông, hàng trăm mẫu dâu để có nguyên liệu ương tơ, dệt vải. Toàn tỉnh có hơn 1.000 khung dệt vải thủ công, phần lớn tập trung ở ven biển huyện Đức Phổ. Ngoài các xưởng ương tơ, dệt vải của địa phương, trên địa bàn tỉnh còn có các xí nghiệp dệt vải của cơ quan kinh tài Nam Trung Bộ và hậu cần Liên khu V. Trong năm 1949, toàn tỉnh đã sản xuất được 540.000m vải khổ đôi, 1.200.000m vải khổ chiếc.

Cùng với các tỉnh bạn, nhân dân Quảng Ngãi đã góp phần cung cấp đủ vải cho nhu cầu may mặc của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trong toàn Liên khu. Chất lượng vải do Quảng Ngãi sản xuất được đánh giá tốt, đặc biệt là vải SITA dùng để may quần áo cho cán bộ, chiến sĩ trong Liên khu.

Ngành làm giấy được quan tâm phát triển. Đến cuối năm 1949, toàn tỉnh có 16 xưởng sản xuất giấy ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh. Số lượng giấy được sản xuất ra đủ đáp ứng nhu cầu của học sinh, cán bộ trong toàn tỉnh và một phần cho Liên khu V. Chất lượng giấy ngày càng được nâng cao, xưởng giấy ở xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức đã sản xuất được giấy dùng để in tiền tín phiếu cho Liên khu V.

Ngành gôm, làm muối, ép dầu, thuộc da, thủy tinh cũng được phát triển, đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ kháng chiến. Trong năm 1949, nhân dân đã sản xuất được 6.575 tấn muối, nhiều đồ dùng bằng thủy tinh và xà phòng...

Đặc biệt, công ty Việt Thắng dưới sự điều hành của Ban Kinh tài đã hoạt động rất tích cực, phục vụ tốt cho nhu cầu kháng chiến và dân sinh.

Nhằm góp phần phá vỡ sự bao vây kinh tế của địch, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu vận chuyển hàng hóa trong vùng tự do Liên khu V, theo sự chỉ đạo của đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, từ đầu năm 1948 các đường 5A, 5B, tuyến đường sắt được khẩn trương khôi phục, sửa chữa, bảo đảm các tuyến giao thông trong tỉnh thông suốt.

Giao thông nông thôn được các cấp lãnh đạo Đảng trong

tỉnh chú trọng xây dựng, các tuyến đường liên xã, liên huyện được mở mang. Các cầu tre, cầu phao bắc qua sông do công sức của nhân dân địa phương, chủ yếu là thanh niên làm nên. Hàng chục vạn ngày công được huy động để lắp đặt đường ray, tà vẹt mở lại tuyến đường sắt. Đến tháng 6-1948, đường sắt đã thông suốt, nối liền ba tỉnh thuộc vùng tự do của Liên khu V.

Bên cạnh những thành tích đạt được về mặt kinh tế, tăng gia sản xuất, để động viên tinh thần và bồi dưỡng sức dân, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện Sắc lệnh giảm tô, các quy định giảm tức, các quy chế lãnh canh và tạm cấp ruộng đất cho bản cố nông do Chính phủ ban hành.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện những công việc kháng chiến, tuy gặp nhiều khó khăn, ở vài nơi có một số người bất mãn nghi ngờ, song nhờ sự lãnh đạo và chỉ đạo khéo léo, kiên quyết, kịp thời, hợp tình, hợp lý, Tỉnh ủy và chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể đã được đông đảo quần chúng nhân dân hoan nghênh và ủng hộ tích cực. Hầu hết địa chủ ở các địa phương sau khi được tuyên truyền, giáo dục đã thực hiện giảm tô. Đến ngày 30-9-1949, đã có 1.786 địa chủ thực hiện giảm tô cho 7.211 tá điền với 6.776 mẫu ruộng¹.

Ở miền núi, việc giảm nô cũng được thực hiện với nhiều hình thức. Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Việt

1. Theo Báo cáo năm 1949 của Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Minh, tiến hành giáo dục các "cà rá" tự giảm bớt thời gian làm công cho những nô lệ, đồng thời phải có trách nhiệm đối với họ khi xảy ra tai nạn hoặc ốm đau.

Trong quá trình chỉ đạo việc thực hiện giảm tô, giảm tức, giảm nô của Tỉnh ủy, một số cán bộ, đảng viên do trình độ nhận thức và năng lực còn bị hạn chế, không thi hành các chủ trương này chặt chẽ, toàn diện và chu đáo. Trong giảm tô, có nơi chỉ làm hình thức, tá điền bí mật trả lại tô cho địa chủ, có nơi xảy ra tranh chấp giữa địa chủ và tá điền, việc giải phóng nô lệ có gây bất bình cho một số chủ nô và nông nô. Tuy vậy việc giảm tô, giảm tức đã gây được khí thế, lòng tin, sự phấn khởi trong nhân dân, làm cho mọi người tham gia đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến, cuộc sống của nhân dân ngày càng được ổn định. Quảng Ngãi là tỉnh được đánh giá khá nhất trong toàn Liên khu.

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, việc nâng cao trình độ nhận thức của nhân dân là một việc làm rất quan trọng, được quan tâm chú ý của toàn Đảng bộ. Sự nghiệp văn hóa - giáo dục đã được phát triển sâu rộng trong quần chúng. Toàn dân từ già đến trẻ đều thi đua đi học. Nhiều cụ già trên 60 tuổi, những phụ nữ bận con mọn vẫn đi học đều đặn. Ngành giáo dục khắc phục nhiều khó khăn, in thêm nhiều sách học văn quốc ngữ, tập đọc, mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nhiều giáo viên xóa mù chữ.

Năm 1947, Bình Chánh (Bình Sơn) là xã đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành việc xóa mù chữ cho nhân dân, được Liên khu khen thưởng. Ngày 12-12-1948, Tư Nghĩa là huyện đầu tiên của toàn miền Nam Trung Bộ

thanh toán nạn mù chữ. Đến 31-12-1948, trừ các huyện miền núi, tỉnh Quảng Ngãi đã thanh toán xong nạn mù chữ.

Ty bình dân học vụ Quảng Ngãi được Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ tuyên dương công trạng trong dịp lễ Quốc khánh 2-9.

Ngày 31-12-1948, đồng chí Phạm Văn Đồng, thay mặt Chính phủ đến dự lễ thanh toán nạn mù chữ, trao Huân chương Độc lập hạng nhất của Chính phủ tặng cho nhân dân Quảng Ngãi về thành tích tăng gia sản xuất và thanh toán nạn mù chữ. Quảng Ngãi là một trong 10 tỉnh của cả nước thanh toán xong nạn mù chữ trong nhân dân¹.

Cùng với công tác xóa nạn mù chữ, nhiều lớp bổ túc bình dân được mở ở nhiều nơi. Trong hai năm 1948, 1949, toàn tỉnh đã mở được 3.038 lớp học cho 100.663 học viên xóa mù chữ, 54 lớp học theo chương trình tiểu học cho 1.705 cán bộ xã, huyện. Chỉ từ tháng 4 đến tháng 9-1949 đã có 3.951 giáo viên dạy chữ cho 296.622 người. Tỉnh còn thành lập trường bổ túc văn hóa cho cán bộ địa phương, với thời gian học từ bốn đến chín tháng, ở chi bộ hằng

1. Theo Báo cáo thành tích giáo dục của Liên khu V qua chín năm kháng chiến:

- Từ 19-12-1946 đến tháng 12-1947, có 4.335 lớp, 91.500 học sinh, 4.020 giáo viên.

- 1948: 6.450 lớp, 96.780 học viên, 4.350 giáo viên.

- 1949: 2.604 lớp, 104.160 học viên, 5.230 giáo viên.

Ty bình dân học vụ đã mở riêng 20 lớp cho con em Bình Thuận và đồng bào vùng bị chiếm tân cư đến Quảng Ngãi.

tháng có một, hai ngày học tập thể. Các bí thư chi bộ được dự học từ một đến hai ngày về chỉnh phong và lý luận Mác-Lênin để về phổ biến lại cho đảng viên trong chi bộ.

Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và cung cấp cán bộ cho các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang các tỉnh trong Liên khu V, được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Liên khu ủy V và Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ đã mở Trường trung học bình dân Nam Trung Bộ tại Quảng Ngãi.

Trong niên khóa đầu tiên (1947-1948), đã có 300 cán bộ, đảng viên các tỉnh trong Liên khu theo học tại Trường trung học bình dân, trong đó có 150 đồng chí của Quảng Ngãi theo học. Chương trình học tập nhằm nâng cao trình độ văn hóa của những cán bộ đã học xong bậc tiểu học lên tương đương năm thứ tư bậc trung học (thành chung).

Đảng bộ cũng đã mở nhiều lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức về Đảng, về chủ nghĩa Mác-Lênin cho nhiều cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh. Năm 1947, đã mở 22 lớp bồi dưỡng cho 6.681 đảng viên, cán bộ sơ cấp, 3 lớp cho chi ủy gồm 200 người và 2 lớp cho huyện ủy gồm 151 người.

Trong niên khóa 1948 - 1949, Bộ Tư lệnh Liên khu V đã mở Trường trung học bình dân quân sự, nhằm nâng cao trình độ văn hóa phổ thông cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội của toàn Liên khu.

Đây là cách giải quyết rất tích cực và kịp thời cho việc cung cấp cán bộ cho kháng chiến.

Sự nghiệp giáo dục phổ thông phát triển mạnh, số lượng học sinh đi học ngày càng đông, nhiều trường không đủ chỗ cho học sinh đến lớp. Ở các huyện đồng bằng, xã nào

cũng có trường tiểu học. Đến tháng 9-1949, toàn tỉnh đã có 318 lớp tiểu học, với 29.710 học sinh và 715 giáo viên. Đa số các huyện đồng bằng đều có trường cấp II. Một số huyện đã có trường trung học như: Đức Phổ, Mộ Đức, Bình Sơn. Nội dung chương trình giảng dạy ở các trường được cải tiến phù hợp với việc chuyển hướng giáo dục theo tình hình mới. Ngoài giờ học, các em đều tham gia lao động sản xuất, dọn vệ sinh chung và tham gia các hoạt động xã hội khác.

Đặc biệt, Trường trung học Lê Khiết là trung tâm đào tạo học sinh phổ thông nổi tiếng của các tỉnh Nam Trung Bộ. Từ mái trường này, nhiều học sinh đã trưởng thành có nhiều đóng góp cho nhân dân, cho đất nước.

Nếp sống văn hóa được tiếp tục xây dựng. Công tác thông tin tuyên truyền được chú ý. Tỉnh đã ra tờ "Thông tin", mỗi tuần xuất bản một lần với số lượng 1.100 tờ/số; 95% xã có Ban thông tin, đã có tác động đến việc động viên tinh thần kháng chiến.

Mọi hủ tục lạc hậu, nạn mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội giảm nhiều. Trật tự trị an ở thôn xóm được giữ gìn rất tốt, nạn trộm cắp hầu như không có, tối ngủ không cần phải đóng cửa. Nạn say rượu, nghiện hút bị bài trừ, giỗ chạp, ma chay, cưới hỏi đều thực hiện theo đời sống mới. Mọi gia đình đều thi đua ăn ở vệ sinh, giữ gìn nhà cửa ngăn nắp, sạch đẹp. Nhiều gia đình đã xây dựng cầu tiêu, hố tiểu hợp vệ sinh. Đồng bào các dân tộc miền núi đã dời chuồng trâu bò ra cách xa nhà ở, biết cắt tóc ngắn, ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, biết sử dụng bát đũa và tham gia

tích cực các công tác xã hội dưới sự tổ chức, hướng dẫn của Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc.

Một không khí lành mạnh, vui tươi tràn ngập khắp các thôn, xã, phong trào văn nghệ được phát triển ở khắp nơi, sôi động nhất là trong tầng lớp thanh thiếu nhi. Các đội văn nghệ quần chúng, các đội đèn chiếu, chiếu phim lưu động đi các địa phương để tuyên truyền nếp sống mới, nhắc nhở mọi người tích cực đóng góp cho kháng chiến.

Đến năm 1949, Hội văn hóa kháng chiến tỉnh Quảng Ngãi đã có 98 hội viên, đã tổ chức nhiều lần nói chuyện về truyền thống, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương cho nhân dân trong tỉnh, đã tổ chức triển lãm hội họa lưu động, tổ chức những đêm thơ, nhạc... phục vụ đồng bào các địa phương. Nhiều bài hát, văn, thơ, ca dao, tục ngữ vẫn được lưu truyền cho đến nay.

Để đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát mọi phong trào cách mạng trong tỉnh, Đảng bộ rất coi trọng công tác phát triển Đảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cấp bách. Theo phương hướng phát triển Đảng của cấp trên, Đảng bộ đề ra nhiệm vụ theo dõi và thúc đẩy việc phát triển đảng viên mới trong các cơ quan chính quyền, quân đội, trường học và các địa phương. Việc phát triển Đảng trong đồng bào dân tộc ít người được quan tâm hơn trước. Việc phát triển Đảng không những chỉ nhằm vào các ngành cần thiết mà còn nhằm vào các thành phần giai cấp căn bản cách mạng, bản cố nông và công nhân, ngoài ra còn chú trọng phát triển Đảng trong các thành phần khác. Tỉnh ủy đã phát triển đảng viên bản cố nông tham gia trong các tôn giáo. Có xã đã kết nạp được 20 đảng viên trong

Thiên chúa giáo (Nghĩa Lâm, Tịnh Giang). Các đảng viên này đã phát huy tác dụng, hoạt động rất tích cực ở địa phương.

Số lượng đảng viên tăng nhanh, khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, toàn tỉnh chỉ có 38 đảng viên, đến tháng 12-1947, toàn tỉnh có 3.279 đảng viên¹ và 113 chi bộ (85 chi bộ xã, 28 chi bộ cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang). Từ cuối năm 1947 đến tháng 9-1948, theo chỉ thị của cấp trên, việc phát triển Đảng tạm ngừng để củng cố. Do trình độ nhận thức còn non yếu và có sai lầm trong việc củng cố Đảng cho nên các cấp ủy Đảng đã thiên về mặt thi hành kỷ luật, khai trừ Đảng. Chỉ riêng năm 1947 đã có 600 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng².

Sau thời kỳ củng cố, việc phát triển Đảng tiến hành rất chậm. Do còn phạm phải khuyết điểm khắt khe và một phần do rút kinh nghiệm không toàn diện về việc phát triển Đảng trong giai đoạn trước, một phần còn do nắm chưa vững chủ trương "ngừng phát triển để củng cố" cho nên các chi bộ đã quá dè dặt trong việc phát triển Đảng. Do đó, có chi bộ suốt cả năm 1948 không phát triển được đảng viên nào, có huyện chỉ kết nạp được 28 đảng viên.

1. Theo Báo cáo tam cá nguyệt (10-11-12-1947) của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Theo Tổng kết kiểm thảo xây dựng chi bộ từ 1945 đến 1948, Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Từ tháng 10-1948, Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhận thức được rằng, phát triển phải đi đôi với củng cố, phải nhằm vào các thành phần giai cấp căn bản cách mạng để làm cho Đảng trở thành một Đảng tiên phong có tính quần chúng vững mạnh, cho nên Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy khắc phục khuyết điểm, mạnh dạn phát triển đảng viên mới. Nhờ vậy, đến tháng 10- 1949, số lượng đảng viên trong toàn tỉnh lên đến 12.000 người¹. Chỉ riêng ba tháng cuối năm 1949 đã kết nạp được 4.000 đảng viên. Các huyện đồng bằng phát triển mạnh nhất, có xã như xã Phổ Cường, xã Phổ Minh, đảng viên chiếm tỷ lệ 1/8 dân số. Thành phần xuất thân của đảng viên từ bần nông chiếm 72% tổng số đảng viên mới kết nạp, đảng viên trong dân quân, bộ đội địa phương phát triển mạnh.

Cùng với việc chú ý phát triển Đảng, các chi bộ đã được củng cố theo đúng nguyên tắc, Điều lệ Đảng. Hằng tháng chi bộ sinh hoạt thường kỳ với những nội dung thiết thực như thường xuyên được học tập, kiểm điểm theo tinh thần những bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đảng viên thường xuyên phê bình và tự phê bình, góp phần làm cho chi bộ ngày càng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo quần chúng nhân dân tham gia đóng góp ngày càng tích cực hơn cho kháng chiến.

Tỉnh ủy cũng tăng cường công tác kiểm tra, uốn nắn kịp thời những hiện tượng sai lầm, lệch lạc của các chi bộ và từng đảng viên.

1. Theo Báo cáo của Liên khu ủy V, tháng 10-1949 (có tài liệu viết 28.000 đảng viên). Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

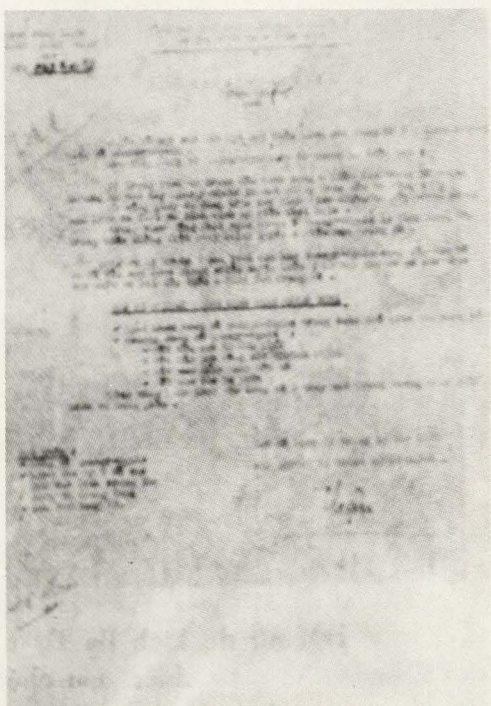
Công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng giáo dục đảng viên được coi trọng. Nhiều đồng chí cán bộ chủ chốt đã được cử đi học ở các trường văn hóa, bồi dưỡng chính trị ở Liên khu, tỉnh, huyện... Hầu hết các đảng viên trong tỉnh đều có trình độ văn hóa tối thiểu sơ học hoặc sơ cấp bình dân.

So với thời kỳ trước, việc huấn luyện, giáo dục trong nội bộ Đảng tiến hành có chiều sâu, có nền nếp hơn, kỷ luật nội bộ được nâng cao hơn một bước trong cán bộ và đảng viên.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tiến hành sắp xếp, bố trí lại cán bộ, đảng viên tham gia vào các tổ chức đoàn thể, cơ quan. Họ đã phát huy được vai trò lãnh đạo của mình và tạo được sự nhất trí giữa Đảng với quần chúng.

Chính nhờ vậy, Đảng bộ Quảng Ngãi được đánh giá là một Đảng bộ mạnh, có bộ máy được kiện toàn hơn so với các Đảng bộ khác trong Liên khu V.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, có hiệu quả của Tỉnh ủy, đại đa số chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Liên khu ủy đều được Đảng bộ quán triệt, thi hành nghiêm túc. Đảng viên đa số phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, luôn làm tròn các nhiệm vụ được giao, sẵn sàng đóng góp nhiều công sức cho cuộc kháng chiến đang diễn ra ngày càng ác liệt, gian khổ. Riêng trong hai năm 1948 và 1949 đã có hơn 400 cán bộ xã, 60 cán bộ tỉnh và huyện của Quảng Ngãi được điều động bổ sung cho vùng bị chiếm trong toàn Liên khu và chiến trường đông bắc Campuchia, Hạ Lào. Chỉ tính riêng quý III năm 1949, đã



Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khen thưởng Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, năm 1949

có 42 cán bộ đi nhận nhiệm vụ ở chiến trường Cực Nam và Tây Nguyên, 36 cán bộ đi Kon Tum...

Tuy nhiên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ Quảng Ngãi cũng còn bộc lộ những khuyết điểm, nhược điểm như nhiều lúc, nhiều nơi chưa đi sát để chỉ đạo phong trào, nhiều phong trào thi đua được đề ra nhưng chỉ đạo chưa được chặt chẽ nên kết quả chưa cao. Có chủ trương đề ra không phù hợp với tình hình của địa phương (như hợp nhất các xã nhỏ thành xã quá lớn) nhưng vẫn thực hiện. Năng lực cán bộ, đảng viên tuy có được nâng cao nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp thời với tình hình mới. Công tác xây dựng, củng cố nặng về số lượng hơn chất lượng, vì vậy công tác xây dựng, củng cố Đảng không theo kịp với yêu cầu. Việc xây dựng "chi bộ tự động công tác" còn hình thức, chưa xác định được nội dung công tác cụ thể.

Nhằm phát huy những thắng lợi bước đầu và khắc phục những khuyết nhược điểm, tiếp tục đẩy mạnh mọi nhiệm vụ của cuộc kháng chiến, tháng 2-1949, Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ II được triệu tập tại xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành.

Đại hội đã đánh giá, kiểm điểm tình hình địa phương và công tác xây dựng Đảng bộ từ sau Đại hội I (tháng 6-1946). Đại hội nhất trí cho rằng Đảng bộ và quần dân địa phương Quảng Ngãi đã phát huy cao tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm, đóng góp công sức phục vụ cho kháng chiến thắng lợi. Đại hội đã thảo luận, nhất trí thông

qua các nghị quyết nhằm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược trước mắt và lâu dài ở địa phương:

1. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa mọi mặt hoạt động, mọi khả năng tự có để xây dựng lực lượng quân sự, chính trị ngày càng mạnh mẽ.

2. Khẩn trương phát triển kinh tế địa phương, đưa đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng lên cao, chú ý đến công tác văn hóa xã hội, xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương vững chắc cho chiến trường ở miền Nam Trung Bộ, đóng góp nhiều nhất sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

3. Chấn chỉnh, củng cố và xây dựng Đảng bộ địa phương đủ sức để lãnh đạo và chỉ đạo mọi mặt hoạt động trong tình hình mới.

Đại hội đã bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II. Đến tháng 9-1949, đồng chí Trương Quang Tuấn đi nhận nhiệm vụ khác, đồng chí Trần Văn An được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng ở địa phương phát triển mạnh, nhất là phong trào tăng gia sản xuất, tự túc tự cấp, đời sống mới. Một không khí phấn khởi, lạc quan lan tràn sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Mọi người, mọi tầng lớp xã hội ngày càng quyết tâm đi theo Đảng, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi tới thắng lợi. Các đoàn thể, các hội cứu quốc phát triển mạnh, nhất là Mặt trận Việt Minh và Liên Việt, các tổ chức này đã phát huy cao độ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 12-1946 đến tháng 12-1949, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Liên khu ủy V và đặc biệt là sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Văn Đồng, Đảng bộ Quảng Ngãi đã quán triệt sâu sắc những chủ trương, đường lối của Đảng, đã đánh giá đúng đắn và kịp thời những sự kiện xảy ra ở địa phương để đề ra những chủ trương, đường lối và hành động cụ thể, thiết thực để lãnh đạo nhân dân địa phương tham gia xây dựng và bảo vệ Quảng Ngãi, đóng góp vào công cuộc kháng chiến chung của cả nước. Đảng bộ đã rất quan tâm đến việc phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng ngoan cường của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, kế tục xứng đáng các thế hệ cách mạng đi trước. Bằng những chủ trương, đường lối thiết thực, thích hợp và sáng tạo, Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, đưa Quảng Ngãi từ một tỉnh đói nghèo, gặp nhiều khó khăn do chế độ cũ để lại, vươn lên mạnh mẽ, phát huy được truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, cần cù sáng tạo, ổn định được đời sống, phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của cả dân tộc. Nhờ đó, Đảng bộ đã tạo được sự tin tưởng tuyệt đối của các tầng lớp nhân dân vào chế độ mới, vào sự thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng, vào khối đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh, làm cho nhân dân càng gắn bó mật thiết hơn đối với Đảng.

Với những thành tích đã đạt được, ngày 31-10-1949, Đảng bộ Quảng Ngãi đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra "Nghị quyết khen thưởng" và ngày 30-12-1949,

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 149 tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì cho cán bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thắng lợi mọi mặt trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tạo những tiền đề về vật chất và tinh thần rất cơ bản và tạo cơ sở cho việc xây dựng Quảng Ngãi thành căn cứ địa, hậu phương vững chắc của Liên khu V, bảo đảm cho việc đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại, lấn chiếm của địch, góp phần to lớn cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Năm 1950, tình hình trong nước và thế giới có nhiều thay đổi có lợi cho cách mạng nước ta.

Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có điều kiện nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Ngày 14-1-1950, thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với các nước trên toàn thế giới: "Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới"¹.

Ngay sau đó, Chính phủ nhiều nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Thắng lợi đối ngoại này đã nâng cao uy tín và vai trò của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.6, tr.8.

trên trường quốc tế, phá vỡ được thế bao vây của các nước đế quốc đối với nước ta, khẳng định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam là hoàn toàn chính nghĩa. Bước đầu, nhân dân Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ về tinh thần và vật chất của bạn bè gần xa trong các nước xã hội chủ nghĩa và các nước yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

Từ ngày 21-1 đến 3-2-1950, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ ba. Hội nghị đã đánh giá tình hình mọi mặt trong thời gian qua và xác định nhiệm vụ cơ bản trong giai đoạn kháng chiến mới là: "Gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công"¹. Trung ương Đảng đã đề ra việc khẩn trương thực hiện tổng động viên trong cả nước theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng".

Để cứu vãn sự sụp đổ đang đến gần, thực dân Pháp buộc phải tăng cường thêm lực lượng quân đội vào Việt Nam, Lào, Campuchia, đưa tướng Đờ lát Đờ Tátxinhi sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương, đề ra kế hoạch bình định gấp rút, phản công quyết liệt, dồn lực lượng ta vào thế bị động. Mặt khác, nhằm khắc phục khó khăn về kinh tế và chính trị trong nước, chính phủ Pháp buộc phải cầu cứu sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, tạo cho Mỹ thời cơ trực tiếp can thiệp vào nội bộ các nước Đông Dương. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt

1. Văn kiện Đảng (1945 - 1954), Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1979, t.II, q.II, tr. 243.

Nam lúc này vừa phải tích cực chống thực dân Pháp vừa luôn luôn cảnh giác với mọi âm mưu can thiệp của đế quốc Mỹ.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ ba của Đảng, Liên khu ủy V và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu đã chủ trương tổng động viên nhân tài, vật lực, kêu gọi thanh niên hăng hái tòng quân, hậu phương thi đua phục vụ tiền tuyến, làng này thi đua với làng khác, người này thi đua với người khác để đóng góp nhiều nhất vào "quỹ chuyển mạnh sang tổng phản công".

Đảng bộ Quảng Ngãi đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho việc thực hiện chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V, nhằm đóng góp ngày càng nhiều nhân tài, vật lực cho công cuộc kháng chiến.

Để đánh giá đúng đắn những ưu, khuyết điểm từ đại hội trước và làm cho cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III.

Từ ngày 14 đến 20-3-1950¹, tại khu rừng Dê, thôn An Thọ, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, Đại hội đại biểu lần thứ III đã khai mạc. Đại hội vô cùng phấn khởi và tự hào nhận thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Quảng Ngãi đã đạt được nhiều thành tích trong việc bảo vệ và xây dựng quê hương, đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong

1. Đáng lẽ Đại hội được tiến hành từ tháng 1-1950 nhưng vừa chuẩn bị khai mạc thì xảy ra vụ Sơn Hà, nên phải hoãn lại.

tỉnh ngày càng ổn định và phát triển tương đối toàn diện. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện đáng kể. Đối với công tác Đảng, nhờ học tập, kiểm thảo, phê bình thường xuyên mà cán bộ, đảng viên luôn rèn luyện, giữ vững được phẩm chất đạo đức, nắm vững được chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ trong từng thời kỳ của cuộc kháng chiến.

Đồng thời, Đại hội cũng vạch ra những thiếu sót, khuyết điểm trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, các chủ trương của Chính phủ, của Liên khu V và của Tỉnh ủy.

Đại hội nhận thấy rằng: tác phong lãnh đạo của cán bộ, đảng viên còn quan liêu, ít đi sâu đi sát nhân dân. Nhiều việc đề ra còn chưa phù hợp với tình hình địa phương như trình độ nhận thức và năng lực quản lý còn yếu so với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới. Sự chỉ đạo phối hợp giữa các cấp ủy với chính quyền và các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh chưa tốt. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về việc chuẩn bị cho tổng phản công chưa được đầy đủ, chưa động viên được cao nhất sức người, sức của cho kháng chiến, sử dụng nhân tài, vật lực còn lãng phí. Chúng ta còn nặng về huy động kháng chiến, kém giáo dục và tạo điều kiện để cải thiện sinh hoạt của nhân dân. Vấn đề thực hiện chính sách dân tộc chưa được tốt, chúng ta còn ít quan tâm đến những nhu cầu thiết yếu của đời sống quần chúng, chưa tích cực giáo dục, giúp đỡ và đào tạo cán bộ miền núi. Việc xây dựng, củng cố cán bộ còn nhiều ấu trĩ và quan liêu mệnh lệnh do đó đã gây sự hoang mang trong một số vùng đồng bào dân tộc, nhất là ở Sơn Hà,

làm cho bọn phản động dễ dàng lợi dụng, kích động nhân dân chống lại Đảng, chống lại cuộc kháng chiến.

Trong công tác xây dựng, củng cố Đảng chưa làm đúng theo tinh thần của Đảng mácxít, chưa kết hợp giữa củng cố với phát triển Đảng; thi đua phát triển nhiều nhưng không chú ý đến chất lượng, chưa chú ý đúng mức đến việc chấn chỉnh tư tưởng, học tập, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên. Có một số đảng viên tuy đã tham gia cách mạng trong các giai đoạn trước Cách mạng Tháng Tám 1945, nhưng vẫn còn có những biểu hiện về trình độ giác ngộ, ý thức giai cấp chưa cao, năng lực cá nhân chưa theo kịp với đà phát triển chung của cách mạng. Vì vậy, tuy Đảng bộ có đông đảng viên nhưng chưa thật vững mạnh.

Tình ủy lãnh đạo phong trào chưa thật sâu sát, nhiều chủ trương chưa được thông suốt, các khuyết điểm chưa được sửa chữa kịp thời; chưa biết tận dụng hết các cơ quan công khai trong việc thi hành nghị quyết, chủ trương của Đảng.

Với tinh thần tự phê bình và phê bình, Đại hội đã nghiêm túc chịu trách nhiệm trước những thiếu sót, khuyết điểm trong việc lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng.

Đại hội nhận định: trong thời gian tới, chiến sự có thể lan rộng và ác liệt hơn do sự liều lĩnh của thực dân Pháp có sự giúp đỡ, can thiệp của đế quốc Mỹ. Đối với vùng tự do nói chung, Quảng Ngãi nói riêng, kẻ thù có thể tiến hành nhiều cuộc càn quét lớn để chiếm đất, chiếm dân. Chúng có thể lợi dụng tôn giáo và một số phần tử phản

động để chia rẽ các tầng lớp nhân dân, phá vỡ khối đoàn kết toàn dân mà Đảng ta đã dày công xây dựng.

Dựa vào đường lối và nhiệm vụ mà Trung ương Đảng và Liên khu ủy V đã vạch ra, Đại hội đã đề ra những công tác như sau:

1. Về quân sự

Thực hiện quân sự hóa toàn dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng quân sự địa phương ngày càng vững mạnh để đáp ứng yêu cầu của các chiến trường, triệt để thi hành lệnh tổng động viên, phát động thanh niên tòng quân nhập ngũ, xây dựng và phát triển làng kháng chiến, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi ngày càng vững mạnh để hoàn thành nhiệm vụ hậu phương căn cứ địa của Liên khu V.

2. Về chính trị

Phát động và lãnh đạo chặt chẽ sự phối hợp có hiệu quả các ngành quân, dân, chính nhằm động viên có kết quả cao nhất nhân tài, vật lực phục vụ cho kháng chiến, đồng thời Đảng bộ chú ý nâng cao đời sống nhân dân, đưa công tác dân vận đi vào nền nếp, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, đặc biệt chú ý vai trò của liên minh công nông, kiên quyết phá tan âm mưu gây chia rẽ của kẻ thù, đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng những thắng lợi về chính trị, quân sự, kinh tế của nước ta và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, đập tan mọi thủ đoạn xuyên tạc của địch.

3. Về kinh tế

Đẩy mạnh cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm trong toàn dân nhằm đáp ứng tốt những chính

sách và biện pháp kinh tế mới có hiệu quả, tiếp tục lãnh đạo sâu sát việc thực hiện giảm tô, giảm tức và giải phóng nông nô, hoàn thành điều tra kinh tế nông thôn, tích cực bình ổn giá cả thị trường, mở rộng giao lưu kinh tế trong và ngoài tỉnh, xóa bỏ thế bao vây kinh tế của địch đối với địa phương, cố gắng cao nhất để xóa bỏ sự đe dọa của nạn đói từ miền xuôi đến miền núi, đồng thời cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng hóa cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong Liên khu V.

4. Về văn hóa - giáo dục

Lãnh đạo và tạo điều kiện để ngành văn hóa thông tin hoạt động tốt; tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nội dung tích cực chuẩn bị tổng phản công mà Đảng đề ra, tiếp tục xây dựng phong trào đời sống mới theo hướng "cần kiệm, liêm chính"; phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục toàn dân trong giai đoạn mới nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ đạt chất lượng cao.

5. Về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền

Kiện toàn củng cố cơ sở Đảng từ xã đến tỉnh, chấn chỉnh lề lối làm việc của các cấp ủy, giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, nhiệt tình cách mạng cho mọi đảng viên, chú trọng việc giáo dục đạo đức, chí khí người cộng sản cho đảng viên trong toàn Đảng bộ. Trong phát triển Đảng, chú trọng việc kết nạp đảng viên mới trong thành phần cơ bản, các tôn giáo, đồng bào dân tộc ít người, thanh niên, phụ nữ... ,chăm lo, thường xuyên mở các lớp, các đợt chính huấn cán bộ nhằm thực hiện kịp thời yêu cầu công tác, chú trọng việc phát huy tính sáng tạo, tự lực của cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt chính sách cán bộ, quan tâm đặc

biệt đến cán bộ hoạt động ở miền núi và những gia đình có người đi thoát ly xa; phát động toàn Đảng bộ phấn đấu xây dựng mọi chi bộ đều đạt danh hiệu "chi bộ tự động công tác", đặc biệt lưu ý chi bộ miền núi. Tích cực chỉnh đốn nền nếp làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp; đào tạo cán bộ chuyên môn của các ban ngành, đoàn thể ngày càng nhiều và có chất lượng.

6. Về thi đua

Các cấp ủy Đảng cần xem trọng việc lãnh đạo phong trào thi đua mọi mặt ở địa phương, tăng cường và ổn định bộ máy thi đua các cấp, các ngành, lấy việc phát động thi đua ở từng cơ sở, từng gia đình, tiểu tổ và cá nhân làm mấu chốt thúc đẩy mọi mặt hoạt động. Việc vận động thi đua phải có kế hoạch phù hợp với thời gian và yêu cầu của từng đợt¹.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới, gồm 15 đồng chí, có 2 đồng chí dự khuyết. Đồng chí Trần Văn An được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Trước những thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước, phát huy thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Đảng bộ Quảng Ngãi đã chỉ đạo các cấp ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính, Mặt trận Việt Minh và các tổ chức quần chúng yêu nước, tiếp tục tuyên truyền và giáo dục sâu rộng trong nhân dân về các

1. Trích theo Bản kiểm thảo các mặt công tác của Tỉnh ủy trong hai năm 1950 và 1951. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, về chủ trương tổng động viên của Chính phủ. Tỉnh ủy đã nhấn mạnh vấn đề toàn Đảng bộ hướng về tiền tuyến, động viên cán bộ, đảng viên xung phong đi công tác ở vùng bị địch chiếm.

Với tinh thần "tất cả để phục vụ tiền tuyến", nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực tham gia đóng góp vào quỹ đảm phụ chuyển mạnh sang tổng phản công, đã quyên góp được 138.045.976 đồng (tín phiếu), hơn 1.000 tấn thóc và nhiều trâu bò, ruộng đất¹. Sự đóng góp vào quỹ chuyển mạnh sang tổng phản công đã thể hiện được lòng yêu nước, yêu chế độ mới của mọi tầng lớp nhân dân Quảng Ngãi, góp phần giải quyết một phần những khó khăn trước mắt của chiến trường Liên khu V.

Trong quá trình thực hiện chủ trương tổng động viên, nhiều nơi đã phạm sai lầm như quan liêu mệnh lệnh, do nhận thức của cán bộ, đảng viên về tình hình, nhiệm vụ mới chưa thật đúng mức nên có nơi đã động viên của cải của nhân dân quá sức. Việc bồi dưỡng sức dân bị coi nhẹ, trái với quan điểm kháng chiến lâu dài của Đảng. Nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn trong việc ổn định đời sống, tái sản xuất.

Từ năm 1950 đến năm 1952, cùng với các tỉnh bạn trong Liên khu V, nhân dân tỉnh Quảng Ngãi gặp rất nhiều khó khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra, hạn hán kéo dài nhiều vụ,

1. Theo *Nam Trung Bộ kháng chiến*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1995, tr. 139, số đóng góp của nhân dân Quảng Ngãi quy ra tiền được khoảng 478.000.000 đồng.

đã làm mất hơn 50% sản lượng lương thực, bên cạnh đó dịch liên tiếp bao vây kinh tế, đánh phá ác liệt vùng ven biển. Năm 1951, một trận nóng chưa từng có đã làm hỏng hết hoa màu trong tỉnh. Trận lụt lớn ngày 24-10-1952 làm cho 127 người chết, 5.520 nhà sụp đổ và bị cuốn trôi, 922 chiếc thuyền bị mất và hư hỏng nặng, hơn 5.520 nhà sụp đổ và bị cuốn trôi, 922 chiếc thuyền bị mất và hư hỏng nặng, hơn 7.000 ang lúa bị mất, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, 30.695 người bị đói (trong đó 10.000 người bị đói nặng).

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "cứu đói như cứu lửa", các cấp ủy Đảng và chính quyền đã nêu cao khẩu hiệu "tự lực cánh sinh, dựa vào sức dân để giải quyết nạn đói".

Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo, đề ra nhiều chủ trương, biện pháp tích cực để chống, cứu đói trong nhân dân. Tại nhiều cuộc hội nghị, Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương "huy động mọi khả năng, sức lực để cứu đói cho nhân dân". Trước mắt là đẩy mạnh sản xuất bằng những biện pháp tích cực, cụ thể như thành lập Ban vận động cứu đói, theo dõi chặt chẽ việc thu thuế nông nghiệp, giảm động viên, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm triệt để, đưa dân công đi phục vụ chiến trường, chuyển nghề làm biển sang làm ruộng và làm một số nghề khác.

Tỉnh đã cho xuất 320 tấn lúa và hơn 17.000.000 đồng để cứu đói cho dân. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ cũng giúp Quảng Ngãi 430 tấn lúa giống và 50 tấn gạo, 5.000.000 đồng để cấp cho những người đói nặng. Liên khu và tỉnh đã tổ chức các đội y tế mang thuốc men,

dụng cụ y tế về tận thôn, xóm khám chữa bệnh cho những người ốm đau, bệnh tật. Các cơ quan, đơn vị bộ đội mở đợt vận động cán bộ, chiến sĩ bớt tiêu chuẩn ăn hàng ngày để lấy gạo giúp các gia đình bị thiếu ăn.

Các đoàn thể cứu quốc, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đã tổ chức động viên nhân dân phát huy truyền thống "lá lành đùm lá rách" tương trợ giúp đỡ lẫn nhau từng lon gạo, bó rau... để vượt qua nạn đói. Nhiều xã ở Nghĩa Hành, Mộ Đức nhận đỡ đầu cho các xã đói nặng ở ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh. Các huyện miền Tây, nhất là Sơn Hà, đã khôi phục được kinh tế, ổn định đời sống, đã chuyển về trung châu nhiều mì, lang, bắp, đậu tiếp tế cho những vùng bị đói.

Trong khó khăn thiếu thốn, đồng bào Quảng Ngãi càng đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, càng tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ. Nhờ những biện pháp tích cực, nạn đói dần được đẩy lùi; đời sống nhân dân bắt đầu được ổn định. Những hành động phá hoại, những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của kẻ thù bị dập tắt.

Công tác động viên nhân dân tích cực tham gia sản xuất tự túc, triệt để tiết kiệm để nâng cao đời sống nhân dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ và chính quyền các cấp. Để phong trào tăng gia sản xuất trong nhân dân đạt hiệu quả cao, các tổ tương trợ sản xuất đã được thành lập. Trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh đã có 316 tổ hợp công, 374 tổ đổi công, 36 hợp tác xã công nông nghiệp, 6 hợp tác xã thủ công nghiệp. Phong trào thâm canh xen vụ tăng năng suất cây trồng phát triển

manh ở hầu hết các huyện đồng bằng. Với đức tính cần cù, nhẫn nại và sáng tạo, người nông dân Quảng Ngãi không để một tấc đất bỏ hoang đã luân canh, xen canh, gối vụ, đẩy mạnh việc gieo trồng các cây lương thực quan trọng.

Tỉnh ủy rất quan tâm đến công tác chống hạn. Ngành thủy lợi đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Các công trình thủy lợi lớn nhỏ đều được tu sửa, mở rộng và tận dụng công suất tưới nước đến mức tối đa. Ngoài những đập, hồ chứa nước và các kênh mương đã có từ trước, một số kênh mương mới được đào đắp thêm ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Trong năm 1951, nhân dân toàn tỉnh đã đóng góp 50.000 ngày công và 9.000.000 đồng để hoàn chỉnh kênh Bàu Súng (huyện Mộ Đức) và các đập, kênh ở Đức Phổ, Tư Nghĩa... Kênh Sơn Tịnh dài 16 km dẫn nước sông Trà Khúc về tưới cho 3.000 ha đất của hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn.

Nhân dân đã dựng nhiều bờ xe nước dọc sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ. Đặc biệt ở sông Trà Bồng, trước kia do địa thế hiểm trở, không thể dựng được bờ xe, trong thời gian này nhân dân đã khắc phục được khó khăn, mời thợ giỏi có kinh nghiệm về dựng 5 bờ xe. Nơi nào nước kênh mương, bờ xe không tới được, nhân dân lại góp công sức đào ao, vét giếng, dùng cần vọt múc từng gàu nước để tưới ruộng. Nhân dân xã Tịnh Thành (Tịnh An) huyện Sơn Tịnh nổi tiếng khắp nơi về đào ao, vét giếng. Chỉ trong năm 1952, dựa vào đập, mương, ao giếng mới đào, nhân dân đã tưới thêm được 28.332 mẫu ruộng. Sản lượng lúa và hoa màu tăng cao hơn thời gian trước.

Cùng với việc phát triển sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống ở địa phương được phát triển mạnh. Nghề dệt vải phát triển ở Mộ Đức, Đức Phổ... thu hút được nhiều người tham gia, giải quyết được công ăn việc làm cho phụ nữ, cụ già, các em thiếu nhi... Trong những ngày biến động, bị giặc càn, nhân dân vẫn có việc làm, thu nhập ổn định.

Các hợp tác xã phát triển mạnh ở nhiều nơi với các ngành nghề đa dạng phong phú như: đan bao lác, chiếu, làm giấy, thủy tinh, xà phòng, muối... đã thu hút được 111.610 xã viên và 12.500.000 đồng tiền vốn, trung bình mỗi tháng dệt được 12.500m vải; các lò sản xuất chén, bát, đồ gốm, thủy tinh phục vụ đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Thương nghiệp được thông thương trong tỉnh và việc trao đổi hàng hóa với các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên... tuy còn gặp khó khăn, nhưng phần nào đã điều hòa thị trường, phục vụ nhu cầu cần thiết cho nhân dân các tỉnh bạn. Công nhân các xí nghiệp quốc phòng thi đua cải tiến kỹ thuật, tăng giờ lao động, tăng năng suất từ 25% đến 35%. Riêng xưởng QB 240 có mặt hàng tăng 200%.

Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy được mở mang, khôi phục sửa chữa. Đường sắt và hàng trăm cầu cống bị địch phá hỏng đã được công nhân ngày đêm sửa chữa, bảo quản. Các cầu lớn trên quốc lộ 1 như Trà Khúc, sông Vệ đều có cầu phao dự phòng cho người và các phương tiện thô sơ qua lại. Đường ô tô đã sử dụng được 95 km. Tuyến đường sắt được khôi phục, cam không ray và xe goòng chạy liên tục, nối liền Quảng Ngãi với các tỉnh bạn.



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, khóa III
(trong kháng chiến chống Pháp)
Tháng 3-1950

Hệ thống đường sông cũng phát triển mạnh. Toàn tỉnh có 504 chiếc thuyền có trọng tải từ 200kg đến 2.000kg tấp nập ngược xuôi trên các đường sông vận chuyển hàng hóa đi nơi khác.

Nhờ giao thông vận tải phát triển, chúng ta đã giải quyết được phần lớn việc tiếp tế cho các mặt trận như Quảng Nam, Tây Nguyên và miền Tây Quảng Ngãi, góp phần quan trọng vào việc vận chuyển trong các chiến dịch, tiếp tế kịp thời cho bộ đội và các cơ quan trong toàn Liên khu.

Với tinh thần "Tự lực cánh sinh, dựa vào sức dân để giải quyết nạn đói...", bằng những chủ trương, biện pháp tích cực, Đảng bộ và chính quyền cách mạng Quảng Ngãi đã giải quyết được nhiều khó khăn. Đời sống nhân dân được cải thiện, nạn đói dần dần được khắc phục. Nhân dân còn tham gia làm nghĩa vụ cho các chiến trường, đã đóng góp và cung cấp gạo cho Quảng Nam 150 tấn, chiến trường Hạ Lào 30 tấn, Tây Nguyên 20 tấn.

Để góp phần xây dựng nền kinh tế kháng chiến ngày càng phát triển và vững mạnh, tạo điều kiện cho nhân dân đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến, Chính phủ đã ban hành nhiều pháp lệnh, nghị định, thông tư... quan trọng về chính sách ruộng đất, giảm tô, giảm tức... Chính sách về ruộng đất đã được nhân dân toàn quốc, nhất là những người nghèo khổ hân hoan chào đón.

Năm 1950, Quảng Ngãi đã thực hiện bước đầu chính sách ruộng đất của Đảng. Việc thực hiện chính sách giảm tô đã thu được nhiều thành tích làm cho bản cố nông tin

tưởng vào cách mạng, vào cuộc kháng chiến, tăng cường, giữ vững được khối đoàn kết toàn dân.

Ngày 15-7-1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 40/SL là điều lệ tạm thời về thuế nông nghiệp. Sắc lệnh ban hành đã làm cho phần lớn nông dân thêm tin tưởng, gắn bó hơn với chế độ mới, hăng hái thi đua sản xuất, đóng góp ngày càng nhiều cho đất nước. Sau nạn đói năm 1952, nhằm tạo điều kiện cho nhân dân khôi phục lại sản xuất. Chính phủ đã chủ trương giảm 100% thuế nông nghiệp cho nông dân. Chủ trương này góp phần không nhỏ vào việc ổn định đời sống nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân hăng hái đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

Từ giữa năm 1951, chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ về việc tinh giảm biên chế ở các cơ quan để giảm ngân sách và tăng cường lực lượng cho sản xuất, nâng cao năng lực điều hành của cán bộ, cải tiến tác phong công tác, Liên khu ủy V đã chỉ đạo các tỉnh tiến hành giảm biên chế theo nguyên tắc: "Kiện toàn tỉnh, đơn giản huyện, xây dựng xã". Theo nguyên tắc này, bộ máy của tỉnh đã được kiện toàn, các ban ngành cấp tỉnh, nhất là những ngành quan trọng, đã có cán bộ Đảng lãnh đạo, chủ trì, phần đông cán bộ thuộc thành phần công nông, có quá trình công tác cách mạng, có uy tín đối với quần chúng nhân dân.

Bộ máy chính quyền được xây dựng theo phương châm "Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân mạnh mẽ, lãnh đạo kháng chiến và kiến quốc". Cấp ủy Đảng đã đưa nhiều cán bộ Đảng vào Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp,

nhờ vậy các chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ được thực hiện một cách mau chóng, kịp thời và đúng đắn.

Ở cấp huyện, các ban, ngành được sắp xếp lại, Ban Chấp hành huyện Đảng bộ có từ 9 đến 13 đồng chí, đảm nhận trọng trách lãnh đạo các cơ quan đoàn thể và ban, ngành. Chi ủy xã có từ 9 đến 11 đồng chí với đầy đủ các ban có người phụ trách. Đảng đoàn trong Mặt trận, đoàn thể nhất là Đảng đoàn chính quyền các cấp đều được củng cố, do các cấp ủy viên hoặc đảng viên có năng lực phụ trách.

Đảng bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Ngãi đã từng bước thực hiện được việc giảm nhẹ bộ máy của các cơ quan dân chính Đảng. Toàn tỉnh còn có 2.070 người (trước đó, chỉ riêng các cơ quan chính quyền đã có 2.000 người). Tinh thần trách nhiệm của cán bộ cao hơn, tề quan liêu giấy tờ phần nào được khắc phục. Cán bộ đi sát quần chúng hơn, chính quyền cơ sở được củng cố vững chắc, hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh đến xã ngày càng phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Đảng bộ thường xuyên chú ý đến việc kiểm điểm công tác ở các cấp nhằm đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại, yếu kém.

Cùng với việc xây dựng, củng cố Đảng và chính quyền dân chủ nhân dân, việc xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất lấy công nông liên minh làm nền tảng đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Để đủ sức lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân, đồng thời xây dựng một lực lượng chính trị mạnh mẽ, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới, từ ngày 3 đến 7-3-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt

đã hợp, thống nhất hai tổ chức thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt).

Tại Quảng Ngãi, sau khi thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt, từ ngày 21 đến 25-8-1951, Đảng bộ đã chỉ đạo tổ chức "Đại hội tăng cường đoàn kết nhân dân" gồm đại biểu của các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, dân tộc, nhằm tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ và Mặt trận cho quần chúng nhân dân. Sau Đại hội này, các tổ chức cứu quốc như: Nông dân, Phụ nữ, Phật giáo, Thân hào... đều tiến hành Đại hội, bầu ra Ban Chấp hành có đủ năng lực để đảm nhận trọng trách được giao.

Thông qua đại hội của các tổ chức cứu quốc, Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã giải quyết được nhiều vướng mắc của đồng bào, khối đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường. Nhiều người trong tầng lớp nhân sĩ, trí thức, các tôn giáo ngày càng hiểu rõ và đúng hơn phong trào cứu tế, giúp đỡ nhau, thi đua đóng góp nhiều hơn cho kháng chiến. Các huyện đồng bằng đã có 71 xã thành lập các hội cứu tế với số quỹ gần 1.500.000 đồng, 8.000 ang lúa, 11 hội tản cư được thành lập để kịp thời giúp đỡ nhân dân vùng biển sơ tán mỗi khi bị địch càn quét, bắn phá. Các gia đình thương binh, liệt sĩ được quan tâm chăm sóc chu đáo, thương binh về địa phương được giúp đỡ có việc làm bảo đảm cuộc sống, đã có 4 huyện đồng bằng thực hiện chế độ phụ cấp cho thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Công tác văn hóa - giáo dục thời kỳ này đạt nhiều thành tích đáng kể. Ngoài việc dạy chữ nâng cao kiến thức, ngành

giáo dục còn chú trọng việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho học sinh. Tỉnh đã mở Trường sư phạm đào tạo giáo viên cấp I, II, mở nhiều lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ và nâng cao giác ngộ chính trị cho những người làm công tác giáo dục. Sự nghiệp văn hóa được phát triển theo phương châm mà Đảng đã đề ra "dân tộc", "khoa học" và "đại chúng". Phong trào xây dựng đời sống mới ngày càng được phát triển rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân. Mọi người thi đua thực hiện phong trào ăn ở vệ sinh sạch sẽ. 50% gia đình có giếng, nhà tắm, hố tiêu hợp vệ sinh. Mọi hủ tục lạc hậu như mê tín dị đoan, ma chay cưới xin, tề rượu chè, cờ bạc giảm 90% so với trước.

Hội văn hóa cứu quốc đã tập hợp được đông đảo các văn nghệ sĩ trong toàn tỉnh. Cùng với các văn nghệ sĩ của Liên khu, các hội viên văn hóa Quảng Ngãi đã tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền động viên nhân dân tham gia thực hiện nếp sống mới, đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Các đội văn nghệ quần chúng, đội thông tin tuyên truyền hoạt động tích cực, đi về các xóm làng xa xôi để tuyên truyền đường lối kháng chiến của Đảng ta.

Phong trào rèn luyện thân thể, khỏe để phục vụ đất nước được phát động sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng đã trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng bộ. Nhiều đợt sinh hoạt chính trị được tổ chức rộng rãi trong toàn Đảng, các đoàn thể cứu quốc, quần chúng nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ trương đúng đắn của

Chính phủ, càng hiểu rõ nhiệm vụ địa phương đối với cuộc kháng chiến trường kỳ của cả dân tộc.

Trong sinh hoạt chi bộ, công tác tự phê bình và phê bình thường xuyên được tiến hành, đảng viên đã phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu của mình. Nhiều đồng chí đi đầu trong lao động tăng gia sản xuất, nhiều người đã xung phong đi công tác ở tỉnh bạn và các chiến trường trong Liên khu. Đảng bộ đã mạnh dạn đưa đi đào tạo, đề bạt, điều động nhiều cán bộ, đảng viên. Trong tỉnh, cán bộ chủ chốt xuất thân từ thành phần bản cố nông chiếm từ 1/3 đến 1/2 số cán bộ của các ban, ngành, đoàn thể. Từ tháng 3-1950 đến tháng 4-1951, Tỉnh ủy đã mở tại các huyện và xã gần 100 lớp đào tạo cán bộ công nông, các lớp này đã kết hợp được việc học tập lý luận với công tác thực tế.

Thi hành quyết định của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ ba khóa II (tháng 4-1952), Đảng bộ Quảng Ngãi đã đề ra phương hướng rèn luyện tư tưởng, xây dựng lập trường "lấy công tác chính Đảng làm công tác trung tâm trước mắt, làm cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ thông suốt quan điểm kháng chiến lâu dài, tự lực cánh sinh, khắc phục tư tưởng hữu khuynh trong việc thực hiện chính sách ruộng đất, công tác chính quyền, mặt trận.

Một đợt chỉnh huấn sâu rộng đã được mở liên tiếp trong sáu tháng cho 1.489 cán bộ đảng viên thuộc các ngành quân dân chính Đảng, các xí nghiệp. Hơn 100 cán bộ của tỉnh, xã... được đi học tại các lớp của Liên khu ủy mở. Qua đợt chỉnh huấn mọi người đều thấy được những quan điểm tư tưởng chưa vững vàng của mình như: tư tưởng hữu

khuyh tiểu tư sản, dao động trước khó khăn của cuộc kháng chiến, tư tưởng nông dân cục bộ, không thấy được vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, chưa tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân. Một số đảng viên còn tự tư, tự lợi tham ô lãng phí, cầu an, thiếu cảnh giác đối với địch. Lề lối làm việc còn quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, thiếu tinh thần trách nhiệm... Mỗi cán bộ, đảng viên đã xác định được lập trường giai cấp, ý thức phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân, tinh thần chấp hành chủ trương, đường lối, nghị quyết, qua tự phê bình và phê bình mà tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng về tư tưởng và hành động, sửa đổi tác phong lề lối làm việc. Qua các đợt chỉnh Đảng, trình độ chính trị và lý luận, trình độ chỉ đạo và khả năng chuyên môn của cán bộ, đảng viên được nâng cao.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng cũng được tiến hành mạnh mẽ trong toàn Đảng bộ. Đến tháng 5-1951, toàn Đảng bộ đã có 56.116 đảng viên (28.723 đảng viên chính thức, 27.393 đảng viên dự bị), trong đó có 1.657 đảng viên là dân tộc ít người. Nhưng do không nắm được quan điểm của Đảng về công tác xây dựng Đảng trong quần chúng nên nhiều cơ sở đã phát triển Đảng một cách ồ ạt. Nhiều nơi phát triển theo mức thi đua, kết nạp hàng loạt cả 20 đến 30 người vào Đảng một lúc, có nơi giới thiệu hàng loạt cả 100 người. Nhiều nơi tuyên truyền không kỹ, không giáo dục nên sự giác ngộ về Đảng của đảng viên kém, một số ít phần tử cường hào bóc lột cũng được kết nạp vào Đảng; đến khi thi hành chính sách thuế nông nghiệp, giảm tô, di dân công... bị va chạm đến quyền lợi cá nhân thì họ bất mãn, tiêu cực trong công tác. Trước

tình hình đó từ ngày 8-7-1950 đến ngày 15-7-1950, Liên khu ủy họp Hội nghị mở rộng đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng theo phương hướng nặng về củng cố, nhẹ phát triển, trọng chất lượng hơn số lượng, lấy nhiệm vụ đào tạo, giáo dục cán bộ, đảng viên làm nhiệm vụ chính.

Tháng 9-1950, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra quyết định tạm ngừng kết nạp đảng viên để củng cố Đảng. Một số cơ sở Đảng lại hiểu sai lệch quyết định này, nên trong một thời gian dài nhiều nơi đã không kết nạp được những quần chúng ưu tú trong lao động, chiến đấu vào Đảng.

Nhằm đánh giá đúng tình hình thực tế của Quảng Ngãi và đề ra những nhiệm vụ cơ bản trong thời gian tới, từ ngày 26-3-1952 đến ngày 12-4-1952, Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đã họp tại Bàu Súng (Đức Chánh - Mộ Đức - Quảng Ngãi). Về dự Đại hội có 250 đại biểu, trong đó có 180 chính thức.

Đại hội nhất trí nhận định và đánh giá tình hình trong nhiệm kỳ đã qua về những thành tích và sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc kháng chiến ở địa phương. Đại hội cho rằng, trong thời gian qua nhiều cán bộ, đảng viên ở các cấp đã không quán triệt, thấm nhuần chính sách đối với các dân tộc ít người của Đảng, trong việc lãnh đạo thực hiện tổng động viên và thu thuế nông nghiệp, giảm tô, giảm tức, nên đã bộc lộ nhiều khuyết, nhược điểm: động viên sức dân quá cao, động viên không đi đôi với bồi dưỡng sức dân, thiếu việc điều tra, nghiên cứu thực tế, cơ sở không nắm vững được các đối tượng miễn giảm, thiếu sự củng cố liên minh với những đối tượng cần thiết, thi hành

chính sách lúc tả, lúc hữu, nên nhân dân nhiều nơi bị thiệt thòi. Những sai lầm thiếu sót của cán bộ, đảng viên đã gây tổn thất lớn về uy tín của Đảng, chính quyền và Mặt trận, khối đại đoàn kết ở nông thôn bị suy yếu. Một số cán bộ, đảng viên xuất thân từ địa chủ, phú nông tham gia kháng chiến ở nhiều địa phương nghi ngờ, ngầm phản ứng đối với chủ trương, chính sách của Đảng, tiêu cực, công tác cầm chừng, một số bất mãn bỏ việc.

Công tác văn hóa - giáo dục tuy có cố gắng nhưng phát triển còn chậm. Công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên có lúc còn xem nhẹ. Bộ máy các ngành quần dân chính còn mang tính hình thức, máy móc...

Đại hội đã quyết định: "Toàn Đảng bộ phải đặt việc rèn luyện tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, giáo dục chính trị cho nhân dân, chỉnh đốn tổ chức cơ sở, thực hiện lãnh đạo theo đúng đường lối quần chúng"¹.

Đại hội đã thảo luận và đề ra những chủ trương, nhiệm vụ cụ thể, sát hợp với tình hình ở địa phương cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể. Cụ thể như sau:

1. Về quân sự

- Tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân lòng yêu nước, căm thù địch, tăng cường giáo dục chính trị cho dân quân, du kích, bộ đội địa phương.

- Kiện toàn bộ máy chỉ huy quân sự các cấp, nâng cao

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ IV (từ 26-3 đến 12-4-1952), tr.12.

chất lượng của bộ đội địa phương và dân quân du kích, thực hiện phong trào nhân dân du kích chiến tranh.

- Xây dựng cơ sở miền núi, bảo vệ và phát triển các vùng căn cứ địa miền Tây Quảng Ngãi, xây dựng tuyến phòng thủ ven biển, phòng chống máy bay địch oanh tạc, nhảy dù, làm tốt công tác phòng gian bảo mật.

- Đối với đảo Lý Sơn cần phải có kế hoạch theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến của tình hình, cơ sở Đảng ở đây phải được tổ chức và hoạt động theo cách thức của vùng tạm bị chiếm.

2. Xây dựng và bảo vệ chính quyền

- Tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, hoàn thành việc tinh giảm biên chế.

- Động viên toàn Đảng, toàn dân hăng hái tham gia đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm, thực hiện thuế nông nghiệp bảo đảm công bằng.

3. củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể, hội cứu quốc.

- Chính đốn tổ chức và lề lối làm việc của cán bộ, chú ý đặc biệt đối với cơ sở. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác hội, đoàn thể.

- Các hội, đoàn thể giáo dục hội viên, đoàn viên tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến.

- Đẩy mạnh công tác tôn giáo vận, thương du vận, chú ý công tác Hoa kiều.

4. Văn hóa - xã hội

- Đập tan mọi luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của kẻ thù.

- Phát triển sự nghiệp văn hóa - giáo dục, y tế, phát triển đời sống mới, chăm lo sức khỏe cho nhân dân, đáp ứng kịp thời và có hiệu quả mọi quyền lợi văn hóa - xã hội của nhân dân, làm cho mọi người hiểu đường lối, quan điểm của Đảng, Chính phủ, chấn chỉnh lại các lớp dự bị bổ túc bình dân.

5. Tổ chức xây dựng Đảng

- Trên nguyên tắc về chủ trương, đường lối tổ chức của Đảng mà rà soát lại bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, cải tiến sự lãnh đạo, chỉ đạo lề lối, phương pháp công tác của cán bộ đảng viên, kiên quyết xử lý các trường hợp sai phạm nghiêm trọng, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm kịp thời, chú ý nặng về chỉnh đốn cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, thường xuyên chỉnh huấn, bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Đào tạo cán bộ Đảng, chính quyền các cấp đủ sức gánh vác nhiệm vụ.

Phát triển đảng viên mới theo nguyên tắc và tinh thần chỉ đạo của Liên khu ủy V và Trung ương Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới, gồm 25 đồng chí (trong đó có 21 chính thức, 4 dự khuyết). Đồng chí Phạm Xuân Hoà được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

II- ĐẬP TAN CÁC CUỘC LẤN CHIẾM CỦA ĐỊCH, BẢO VỆ VÙNG TỰ DO

Từ năm 1950 đến năm 1952, địch tăng cường hoạt động bắn phá, càn quét vùng tự do Liên khu V. Để thực hiện âm mưu xâm chiếm, phá hoại hậu phương, căn cứ địa của ta

ở Quảng Ngãi, địch đã gây ra nhiều cuộc tiến công bắn phá vùng biển, đổ bộ càn quét vào đất liền, cướp phá tàu thuyền và tài sản, đốt phá lương thực của nhân dân ven biển từ huyện Bình Sơn đến huyện Đức Phổ.

Trong các cuộc ném bom, bắn phá, đổ bộ... địch đã gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của, cầu cống, đường sá, kho tàng, trâu bò, ghe mảnh... Năm 1952, địch đã 35 lần đổ bộ vào đất liền, có những cuộc đổ bộ quy mô lớn vào Sa Huỳnh, Phổ An (Đức Phổ), Đức Lĩnh (Mộ Đức)... Riêng ba tháng 7, 8, 9-1952, địch 26 lần bắn phá, đổ bộ vào đất liền, giết 100 người, phá 140 chiếc thuyền...

Đối phó lại những hoạt động của địch, Đảng bộ đã chỉ đạo, lãnh đạo các địa phương ven biển xây dựng, củng cố nhiều hầm hào, làng chiến đấu vững chắc. Đã có 882 tổ du kích vùng biển phân công tuần tra canh gác suốt ngày đêm. Với tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, nhân dân và các lực lượng vũ trang của ta đã kịp thời phát hiện và đánh trả quyết liệt các cuộc đổ bộ càn quét của địch. Đặc biệt, trong cuộc chiến đấu chống địch đổ bộ lên Sa Huỳnh ngày 21-7-1950 du kích và tự vệ địa phương đã chiến đấu rất ngoan cường và anh dũng, tiêu diệt 52 tên địch và làm 80 tên bị thương. Đây là cuộc càn quét lớn nhất của địch đối với tỉnh Quảng Ngãi.

Bằng những vũ khí tự tạo, thô sơ, du kích các xã Bình Đông, Bình Chánh, Bình Châu (huyện Bình Sơn), Tịnh Khê, Tịnh Hoà (huyện Sơn Tịnh), Phổ Thạnh (huyện Đức Phổ) đã cùng với nhân dân chiến đấu chống địch oanh tạc, đổ bộ, bảo vệ an toàn tài sản, tính mạng. Các đơn vị bộ

đội địa phương như đại đội 28, 84 đã phối hợp tác chiến với du kích, đẩy lùi nhiều cuộc đổ bộ, tung biệt kích, càn quét của địch vào đất liền. Ở các huyện miền núi, dân quân du kích, bộ đội địa phương đã sát cánh cùng bộ đội chủ lực chiến đấu rất anh dũng để bảo vệ vùng căn cứ địa, chăm sóc cứu chữa thương binh, tăng gia sản xuất, xây dựng cơ sở, ổn định tình hình.

Nhằm tạo điều kiện cho dân quân du kích, bộ đội địa phương ngày càng được nâng cao trình độ về chính trị, quân sự, các cấp ủy Đảng cho mở nhiều lớp chính huấn, nhiều đợt học tập về chủ trương, đường lối quân sự của Đảng cho nhiều cán bộ, du kích các thôn, xã...

Để chỉ đạo, lãnh đạo du kích, dân quân sẵn sàng chiến đấu với những trận tiến công, càn quét của địch, Đảng bộ đã kiện toàn hệ thống chỉ huy quân sự từ cơ sở đến tỉnh. Các đồng chí Bí thư cấp ủy trực tiếp làm chính trị viên đơn vị. Trình độ tác chiến của du kích ngày càng được nâng cao, đội ngũ dân quân du kích ngày càng lớn mạnh và đông đảo. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Tỉnh ủy và chính quyền Quảng Ngãi, quân và dân trong tỉnh đã từng bước chặn đứng và đẩy lùi những hành động phá hoại vùng tự do của thực dân Pháp và phản động địa phương.

Với âm mưu xâm chiếm vùng tự do Liên khu V để làm bàn đạp tiến công vùng hậu phương, căn cứ địa cách mạng, đã từ lâu Tây Nguyên và miền Tây Quảng Ngãi là miếng mồi ngon để thực dân Pháp dòm ngó. Địch hiểu rất rõ vùng tự do của ta có tác dụng lớn trong công cuộc kháng chiến. Chính vì vậy mà địch rắp tâm dùng Tây Nguyên

làm bàn đạp tiến công vào vùng tự do Liên khu V. Ngay từ năm 1949, ngoài việc phát triển chiến tranh gián điệp, đưa người vào hậu phương của ta, móc nối với những phần tử phản động để gây bạo loạn, thực dân Pháp còn lập đồn ở Kom Plong, Đắc Tô. Chúng đã tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét xuống Sơn Hà, cung cấp vũ khí, tìm mọi cách bắt liên lạc, móc nối với bọn tù trưởng, phản động. Pháp còn cho quân đổ bộ, càn quét, đánh phá các cơ quan, trường học, kho tàng, đường giao thông... của Quảng Ngãi. Với âm mưu "chia để trị" chúng đã lập các ổ vũ trang phản động để gây phong trào chống đối cách mạng, lôi kéo đồng bào thượng du tham gia nguy quân, phá hoại giao thông, ngăn chặn sự tiếp tế của ta lên Tây Nguyên, phá các kho dự trữ, các cơ sở kinh tế, chống lại chính quyền cách mạng, chống lại cuộc kháng chiến, giết hại nhân dân, gây hận thù, chia rẽ tình đoàn kết giữa đồng bào miền núi và miền xuôi.

Riêng đối với miền Tây Quảng Ngãi, thực dân Pháp chủ trương:

1. Thu hẹp dải đất phía đông Sông Hre từ Giá Vụt đi Di Lăng, nhằm giành giật tài nguyên xứ Hre.

2. Phát triển gián điệp theo hai hướng Đồng Ké và Ba Gia.

3. Tổ chức các ổ vũ trang (guom) rộng rãi, đóng đồn ở những vị trí yết hầu ở tả ngạn Sông Hre, chặn đường tiến quân của bộ đội lên miền Tây.

4. Dọn con đường xuống Ba Tư, chuẩn bị hành quân đánh sâu vào nội địa Quảng Ngãi.

Do ta thiếu sâu sát quần chúng nên không kịp thời phát

hiện được những hoạt động của địch ở miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt là ở Sơn Hà. Vì vậy, khi vụ Sơn Hà xảy ra ta đã bị thiệt hại về nhiều mặt.

Là một huyện miền núi, Sơn Hà có dân số khoảng 30.000 người, gồm phần lớn là dân tộc Hre và khoảng 7.000 người Kinh sống xen kẽ. Trước Cách mạng Tháng Tám, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đời sống của các dân tộc ở đây vô cùng khổ cực và lạc hậu. Các dân tộc ít người ở miền Tây Quảng Ngãi có truyền thống kiên cường, bất khuất, họ đã liên tục nổi dậy đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của triều đình phong kiến và thực dân Pháp. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, công cuộc bảo vệ xây dựng chính quyền cách mạng được toàn thể nhân dân các dân tộc ở Sơn Hà ủng hộ, tham gia tích cực, các phong trào thi đua phát triển nhanh và rộng trong toàn huyện, đã có lúc Sơn Hà dẫn đầu phong trào, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, một số cán bộ lãnh đạo từ huyện đến cơ sở đã phạm những khuyết điểm nghiêm trọng như:

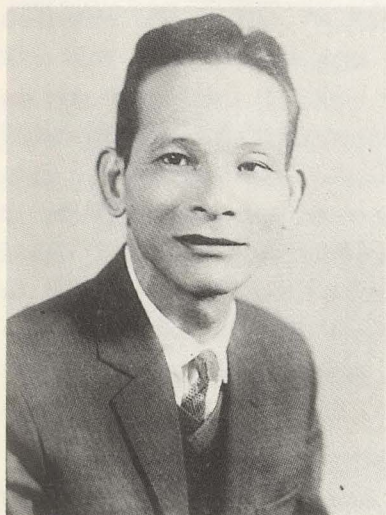
- + Thiếu quan điểm quần chúng.
- + Thiếu học tập, nghiên cứu nên nắm không vững chủ trương, đường lối của Đảng.
- + Kém dân chủ và không phát huy được khả năng của cán bộ và nhân dân địa phương.

Bên cạnh đó, nhiều chủ trương của Tỉnh ủy, chính quyền đề ra còn rất chung chung, không phù hợp với phong tục tập quán, tâm tư tình cảm của đồng bào dân tộc. Chúng ta đã chỉ đạo phong trào một cách quan liêu, chủ quan,

máy móc, không sát tình hình cụ thể ở địa phương, coi nhẹ công tác vận động cách mạng ở miền núi, không điều tra nghiên cứu nên đã đề ra những chủ trương sai lệch. Bên cạnh đó lại không hướng dẫn theo dõi, sửa chữa kịp thời những sai lầm lệch lạc, cụ thể như trong quá trình thực hiện "cải cách dân chủ" tình đề ra chủ trương "giảm bớt chế độ nông nô" (giảm nô), nhưng ở địa phương lại trở thành "giải phóng nông nô", việc này chưa phù hợp với phong tục tập quán và thực tế xã hội ở Sơn Hà lúc bấy giờ. Nhiều việc làm còn mang tính chủ quan, áp đặt, không phù hợp với khả năng trình độ của nhân dân, động viên quá mức của cải của đồng bào đóng góp cho kháng chiến. Việc thực hiện đời sống mới động chạm đến phong tục tập quán lâu đời của đồng bào miền núi, đã gây nên sự phản ứng mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân Sơn Hà. Một số tù trưởng, cà rá bị mất nhiều quyền lợi do chúng ta thực hiện "cải cách dân chủ" nên đã ngầm ngầm liên kết với những phần tử bất mãn, phản động, bắt tay với Pháp chống lại chính quyền cách mạng.

8 giờ sáng ngày 25-1-1950, thực dân Pháp và bọn phản động đã liên kết với các cà rá bất mãn ở Sơn Hà, kích động quần chúng nổi dậy giết người, đốt phá tài sản của Nhà nước, của nhân dân; các công xưởng, trại sản xuất của tỉnh ở Sơn Hà cũng bị đập phá.

Ngay sau khi vụ Sơn Hà nổ ra, dưới sự chỉ đạo trực tiếp, cụ thể của Trung ương, Liên khu ủy V và Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ, Bộ Tư lệnh Liên khu V đã cử nhiều đoàn cán bộ về cùng với Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi tham gia giải quyết vụ Sơn Hà. Từ tháng 1-1950 đến tháng



Đồng chí TRẦN VĂN AN
Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
9-1949
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
3-1950 - 6-1951



Đồng chí PHẠM XUÂN HÒA
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
6-1951 - 6-1954
Quyền Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
7-1954 - 10-1955

12-1950, liên tiếp có nhiều cuộc họp để bàn kế hoạch, chỉ đạo cụ thể, đề ra những phương thức hoạt động thích hợp.

Lúc đầu, do chúng ta nhận định chưa đúng về sự việc xảy ra ở Sơn Hà và do không nắm vững phương châm của Trung ương và Liên khu ủy V "lấy chính trị làm căn bản" nên đã giải quyết theo hướng nặng về quân sự. Do vậy mà diễn biến của vụ Sơn Hà rất phức tạp. Vụ Sơn Hà nổ ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh theo dõi chỉ đạo và giải quyết rất sát sao. Trong thư gửi đồng bào Sơn Hà ngày 14-11-1950, Người đã "khuyến đồng bào mau mau tỉnh ngộ, trở về yên phận làm ăn, chớ nghe theo lời giặc lừa phỉnh"¹ và Người thuyết phục đồng bào "mau mau quay về với Chính phủ"², Người đã nghiêm khắc phê bình những khuyết điểm, thiếu sót của cán bộ, các cấp bộ Đảng, chính quyền địa phương... và yêu cầu "cán bộ phải đứng ra phê bình và tự phê bình, từ trên xuống, từ dưới lên, kiên quyết sửa chữa cho kỳ được"³.

Qua đợt sinh hoạt kiểm điểm, Ban Thường vụ Liên khu ủy V đã quyết định thi hành kỷ luật với nhiều mức độ đối với các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp về vụ Sơn Hà⁴.

Để tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, trực tiếp, Liên khu ủy V đã thành lập Ban lãnh đạo miền Tây (gồm

1, 2, 3. Mật diện 505/Đ-Hồ sơ 1017. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

4. Quyết định số 5 ngày 2-5-1951 của Liên khu ủy V. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

miền Tây Quảng Ngãi và Kon Tum) do một đồng chí liên khu ủy viên phụ trách. Ở Quảng Ngãi vào tháng 6-1951, đồng chí Trần Văn An được điều về công tác ở Liên khu, đồng chí Phạm Xuân Hoà được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 5-1951, Tỉnh ủy Quảng Ngãi thành lập Ban cán sự miền Tây để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất toàn bộ lực lượng vũ trang chính trị của ta ở Sơn Hà và các huyện miền Tây, nhằm đánh bại âm mưu phá hoại của thực dân Pháp và tay sai. Tháng 6-1951, dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Liên khu ủy, trong hội nghị cán bộ toàn tỉnh và trong cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương đã nhận thấy rõ những sai lầm, khuyết điểm của mình và đã xác định thái độ đúng đắn, định ra phương châm hoạt động cho phù hợp, đó là:

"Phải xem số người cầm súng chống lại ta là số quân chúng lầm lạc, nhiệm vụ của ta là phải vận động, thuyết phục, giác ngộ họ trở về với ta để cùng nhau đánh Pháp.

Chúng ta phải xem đó là nhiệm vụ vận động họ hơn là tiêu diệt họ. Đối với hạng đầu sỏ nhỏ, ta cần phải bắt tay với họ, lôi kéo họ về với ta. Hạng đầu sỏ lớn cố tâm theo giặc, ta mới cô lập tiêu diệt chúng. Đối với hạng binh lính lẻ tẻ, ta không đánh. Tác chiến nhắm đúng vào sào huyệt của bọn đầu sỏ lớn cố tâm theo giặc (Tà Mực). Tác chiến không phải là điều kiện chính đối với họ"¹.

Về phương châm hoạt động ở Sơn Hà:

1. Trích Biên bản nội dung cuộc họp Tỉnh ủy Quảng Ngãi, ngày 7-6-1951. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

1. Căn bản vẫn là chính trị, chính trị kết hợp chặt chẽ với kinh tế để vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, giác ngộ quần chúng quay về với ta, xem việc tổ chức là điều kiện giúp cho công tác chính trị.

2. Vận dụng và phát triển được mọi khả năng của địa phương để gây dựng và củng cố địa phương.

- Giáo dục cán bộ Kinh kết hợp với địa phương.

- Chú ý đào tạo cán bộ địa phương.

- Phát huy khả năng sản xuất của địa phương: làm rẫy, làm ruộng.

3. Ta không được nôn nóng, phải kiên trì vận động nhân dân.

- Chống tư tưởng ỷ lại vào lực lượng vũ trang.

- Chống lại ý thức có lực lượng vũ trang mà không biết sử dụng để vận động nhân dân.

- Chống tư tưởng muốn làm gấp rút, giải quyết mau¹.

Đảng bộ đã chỉ ra nguyên nhân căn bản gây ra vụ Sơn Hà là do "Không học tập thấm nhuần lý luận, chính sách vận động cách mạng thương du, nên trong chỉ đạo rất sai lầm"².

Đảng bộ và chính quyền các cấp đã nhận thấy rằng muốn giải quyết được vụ Sơn Hà, đi đôi với tuyên truyền, vận động giáo dục chú trọng đến chính sách của Đảng,

1, 2. Trích Biên bản cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy ngày 7-6-1951. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Chính phủ, phải chú ý cải thiện đời sống nhân dân. Trước mắt là làm cho dân chúng ổn định được đời sống, sau đó giải quyết đến vấn đề ăn mặc, chú trọng phục hồi sản xuất, điều hoà giá cả, cải cách phương thức tiền tệ. Mọi việc trừ gian phải do cấp trên quyết định, phải phân biệt giữa những người vì lầm lạc đi theo địch với những kẻ ngoan cố để có thái độ đối xử thích hợp.

Nắm vững phương châm giáo dục quần chúng nhân dân là cơ bản, ta tranh thủ các già làng, nhất là những người có tinh thần yêu nước, chống thực dân Pháp, có uy tín trong buôn, nóc để tuyên truyền nắm dân, cô lập bọn đầu sỏ ngoan cố. Cán bộ, bộ đội phải tự phê bình trước dân, nhiều cán bộ và bộ đội bị bọn phản động đánh lén, nhưng vì nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của cấp trên nên đã chống cự, có một số đồng chí bị thương hoặc hy sinh.

Để ổn định đời sống nhân dân, tỉnh và chính quyền địa phương cùng với các đơn vị bộ đội giúp dân dựng lại nhà ở, cứu đói cho nhiều gia đình. Chính quyền tỉnh đã cứu tế cho nhân dân hơn 30 tấn lương thực, 87 con trâu, 2.700m vải, 3.600 kg muối, hàng trăm nồi niêu, chiếu màn. Ngoài sự tiếp tế của Chính phủ, ta đã cho nhiều thương lái lên trao đổi buôn bán hàng hóa. Nhiều lớp học bình dân đã được mở lại.

Trong quá trình giải quyết vụ Sơn Hà, tuy có phạm sai lầm khuyết điểm, nhưng Đảng bộ Quảng Ngãi, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Liên khu ủy V, đã thu được thắng lợi là đã phân hóa được những người lầm lạc với bọn đầu sỏ phản động. Sau hai đợt tổng hoạt động, ta đã phá tan nhiều ổ

vũ trang phiến loạn ở Ba Tơ, đã phân hóa, xử lý bọn đầu sỏ ngoan cố, bắt được Già Kiêu, 300 tên giặc ra hàng, thu 120 súng, giải thoát 450 đồng bào dân tộc bị cưỡng chế. Bằng những việc làm cụ thể và có hiệu quả của ta, dần dần những người lầm lạc đã thức tỉnh trở về. Nhiều gia đình tự nguyện gọi con em đi theo bọn phản động trở về với cách mạng. Nhiều cà rá đã tổ chức những cuộc họp vạch mặt bọn đầu sỏ, đề nghị Chính phủ kiên quyết trừng trị những tên ngoan cố. Trong tháng 10 và 11-1951, đã có 2.000 trong số 3.000 phiến loạn bỏ hàng ngũ trở về làm ăn lương thiện, bọn ngoan cố phải sống chui rúc tận núi sâu hoặc trong các đồn bót.

Phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang Quảng Ngãi, ngày 6-8-1951, bộ đội chủ lực Liên khu V tiêu diệt 2 đồn Kom Plong và Công Pông, bức địch rút khỏi 2 đồn Công Long và Công Ma Bút, 7 trung đội thiện chiến của địch bị tiêu diệt. Ta thu 20 tấn vũ khí đạn dược. Với 2 trận Kom Plong và Công Pông, ta đã đánh một đòn khá nặng vào hệ thống quân sự của địch, phá vỡ âm mưu uy hiếp vùng tự do Quảng Ngãi. Tháng 10-1951, trung đoàn 108 của Liên khu được tăng cường cho miền Tây Quảng Ngãi, nhằm hoạt động xây dựng cơ sở, diệt địch và xây dựng vùng căn cứ địa tại Sơn Hà.

Tháng 12-1951, lực lượng vũ trang của tỉnh, phối hợp với chủ lực Liên khu V tiêu diệt cứ điểm Tà Mục, sào huyệt cuối cùng của loạn quân, số còn lại tháo chạy về Mang Đen (Kon Tum).

Vụ Sơn Hà căn bản đã tạm yên, các lực lượng quân sự, chính trị của ta kiên trì vận động quần chúng lầm lạc trở

về. Các cơ sở phiến loạn còn lại dần dần bị quần chúng nhân dân phát hiện và bị tiêu diệt. Đến cuối năm 1951, tình hình Sơn Hà và các huyện miền Tây căn bản ổn định. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, cách mạng, với sự nghiệp kháng chiến được khôi phục và củng cố, tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc Kinh, Thượng ngày càng bền chặt.

Tuy bị thất bại ở Sơn Hà, thực dân Pháp vẫn không từ bỏ ý đồ đánh chiếm vùng tự do Quảng Ngãi. Từ 13-4 đến 10-5-1952, thực dân Pháp và tay sai huy động 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh, 400 dân phu làm đường, có máy bay yểm trợ, mở cuộc hành quân La-te-rít từ Kon Tum đánh xuống các huyện miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt là Ba Tơ nhằm mục đích:

- Phát triển tề, goum, đưa lực lượng Hre về hoạt động để củng cố lại tinh thần, cấy lại mầm phiến loạn ở Sơn Hà, Ba Tơ rồi loang ra các huyện khác của miền Tây Quảng Ngãi.

- Mở rộng phạm vi chiếm đóng xuống miền Tây Quảng Ngãi, phá căn cứ địa làm bàn đạp tiến công lên Tây Nguyên uy hiếp vùng tự do Liên khu V.

- Trực tiếp phá cuộc vận động thu thuế nông nghiệp của ta.

Bộ Tư lệnh Liên khu V đã đưa trung đoàn 803 từ Phù Cát (Bình Định) ra phối hợp với trung đoàn 108, cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân chặn đánh, đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu biểu nhất là trận Nước Lầy (Ba Tơ). Sau trận này địch bỏ chạy về Kon Tum. Quân và dân ta đã phá tan cuộc hành quân diệt hơn

600 địch, bắt sống hơn 100 tên. Viên quan ba Hăng Tích cùng một số tên đầu sỏ phản động bị chết. Bọn xí xẻo như rắn mất đầu, bỏ vũ khí chạy tan tác. Thắng lợi này đã phá tan âm mưu của thực dân Pháp và tay sai hòng xâm chiếm vùng tự do Liên khu V. Hậu phương căn cứ địa Quảng Ngãi ngày càng được củng cố vững mạnh. Miền Tây Quảng Ngãi trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường Tây Nguyên và miền Nam Trung Bộ.

Vụ Sơn Hà xảy ra là sai lầm đáng tiếc trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi. Từ sai lầm này, Đảng bộ Quảng Ngãi đã rút ra được nhiều bài học quý giá về tác phong lãnh đạo, quan điểm đối với quần chúng và nhất là đối với đồng bào các dân tộc miền núi, về việc vận dụng, thực hiện đường lối, chính sách chung của Đảng, Chính phủ vào tình hình cụ thể ở địa phương. Qua đó Đảng bộ, chính quyền các cấp ở Quảng Ngãi đã thấy rõ hơn việc phải quan tâm thật sự đến việc xây dựng, củng cố căn cứ địa ở miền núi và những vùng trọng yếu, quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào miền Tây Quảng Ngãi.

*

* *

Trong những năm từ 1950 đến 1952, tỉnh Quảng Ngãi gặp muôn vàn khó khăn chồng chất, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, toàn Đảng bộ đã biết phát huy truyền thống cách mạng, kiên cường, quyết tâm đoàn kết vượt qua mọi trở lực, lãnh đạo nhân dân tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho công cuộc kháng chiến; với tinh thần tự phê

về. Các cơ sở phiến loạn còn lại dần dần bị quần chúng nhân dân phát hiện và bị tiêu diệt. Đến cuối năm 1951, tình hình Sơn Hà và các huyện miền Tây căn bản ổn định. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, cách mạng, với sự nghiệp kháng chiến được khôi phục và củng cố, tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc Kinh, Thượng ngày càng bền chặt.

Tuy bị thất bại ở Sơn Hà, thực dân Pháp vẫn không từ bỏ ý đồ đánh chiếm vùng tự do Quảng Ngãi. Từ 13-4 đến 10-5-1952, thực dân Pháp và tay sai huy động 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh, 400 dân phu làm đường, có máy bay yểm trợ, mở cuộc hành quân La-te-rít từ Kon Tum đánh xuống các huyện miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt là Ba Tư nhằm mục đích:

- Phát triển tề, goum, đưa lực lượng Hre về hoạt động để củng cố lại tinh thần, cấy lại mầm phiến loạn ở Sơn Hà, Ba Tư rồi loang ra các huyện khác của miền Tây Quảng Ngãi.

- Mở rộng phạm vi chiếm đóng xuống miền Tây Quảng Ngãi, phá căn cứ địa làm bàn đạp tiến công lên Tây Nguyên uy hiếp vùng tự do Liên khu V.

- Trực tiếp phá cuộc vận động thu thuế nông nghiệp của ta.

Bộ Tư lệnh Liên khu V đã đưa trung đoàn 803 từ Phù Cát (Bình Định) ra phối hợp với trung đoàn 108, cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân chặn đánh, đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu biểu nhất là trận Nước Lầy (Ba Tư). Sau trận này địch bỏ chạy về Kon Tum. Quân và dân ta đã phá tan cuộc hành quân diệt hơn

600 địch, bắt sống hơn 100 tên. Viên quan ba Hăng Tích cùng một số tên đầu sỏ phản động bị chết. Bọn xí xẻo như rắn mất đầu, bỏ vũ khí chạy tan tác. Thắng lợi này đã phá tan âm mưu của thực dân Pháp và tay sai hòng xâm chiếm vùng tự do Liên khu V. Hậu phương căn cứ địa Quảng Ngãi ngày càng được củng cố vững mạnh. Miền Tây Quảng Ngãi trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường Tây Nguyên và miền Nam Trung Bộ.

Vụ Sơn Hà xảy ra là sai lầm đáng tiếc trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi. Từ sai lầm này, Đảng bộ Quảng Ngãi đã rút ra được nhiều bài học quý giá về tác phong lãnh đạo, quan điểm đối với quần chúng và nhất là đối với đồng bào các dân tộc miền núi, về việc vận dụng, thực hiện đường lối, chính sách chung của Đảng, Chính phủ vào tình hình cụ thể ở địa phương. Qua đó Đảng bộ, chính quyền các cấp ở Quảng Ngãi đã thấy rõ hơn việc phải quan tâm thật sự đến việc xây dựng, củng cố căn cứ địa ở miền núi và những vùng trọng yếu, quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào miền Tây Quảng Ngãi.

*

* *

Trong những năm từ 1950 đến 1952, tỉnh Quảng Ngãi gặp muôn vàn khó khăn chông chát, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, toàn Đảng bộ đã biết phát huy truyền thống cách mạng, kiên cường, quyết tâm đoàn kết vượt qua mọi trở lực, lãnh đạo nhân dân tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho công cuộc kháng chiến; với tinh thần tự phê

bình và phê bình, Đảng bộ đã dám nhìn thẳng vào sự thật, cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ đã sửa chữa những khuyết điểm tồn tại, đi sâu xuống cơ sở bám đất bám dân, gương mẫu trong mọi công tác. Nhờ vậy mà ta đã lấy được niềm tin trong nhân dân, tạo được thế đứng chân ở vùng miền núi. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy V, Đảng bộ đã kiên trì giải quyết vụ Sơn Hà, vụ Già Kiêu, đập tan các cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở miền núi, đồng bằng ven biển, củng cố, xây dựng và phát triển căn cứ địa miền Tây, giữ vững được vùng tự do, xây dựng và phát triển được lực lượng chính trị, quân sự ngày càng vững mạnh. Cùng với việc chỉnh Đảng, tinh giảm biên chế bộ máy, Đảng bộ đã từng bước bồi dưỡng được sức dân, xây dựng tiềm lực cách mạng ngày càng vững mạnh tạo điều kiện cho Quảng Ngãi xứng đáng là hậu phương tin cậy, vững chắc cho Liên khu V và cả nước.

Chương III

ÔN ĐỊNH VÀ BẢO ĐẢM HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC, ĐỐC SỨC CÙNG CẢ NƯỚC ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI (1953 - 1954)

I- XÂY DỰNG VÀ GIỮ VỮNG HẬU PHƯƠNG

Sau những chiến thắng lớn vang dội và liên tục của quân và dân ta trong toàn quốc, tình hình có nhiều thay đổi có lợi cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chính phủ Pháp ngày càng bị sa lầy trong cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Đông Dương. Để cứu vãn tình thế và kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp phải nhờ đến sự can thiệp tích cực của đế quốc Mỹ. Tháng 5-1953, Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy các lực lượng viễn chinh Pháp tại chiến trường Đông Dương. Nava đã vạch ra chiến lược mới, với hy vọng trong 18 tháng sẽ giành lại thắng lợi tại Việt Nam, đảo ngược tình thế có lợi cho chúng.

Năm 1953, những thành tích chúng ta đạt được ở vùng tự do, vùng sau lưng địch đã tạo nên sức mạnh mới cho quân dân ta trong giai đoạn mới trên chiến trường toàn

quốc và Đông Dương. Trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, tài chính cũng thu được nhiều thành tích đáng kể, góp phần đưa cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đi nhanh đến thắng lợi.

Để bảo đảm phục vụ tốt nhất cho cuộc kháng chiến, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy rằng: Cùng với những thắng lợi ở các chiến trường, việc xây dựng, củng cố hậu phương, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, củng cố khối liên minh công nông là việc làm rất quan trọng và cần thiết. Vì vậy, việc đem lại quyền lợi thiết thực về kinh tế, chính trị cho nông dân được Đảng và Chính phủ quan tâm hàng đầu. Đó là vấn đề đem ruộng đất giao cho nông dân, những người trước đây phải đi làm thuê làm mướn cho giai cấp thống trị. Những chính sách về ruộng đất được đề ra trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp không còn thích hợp nữa. Tháng 1- 1953, tại Hội nghị lần thứ tư (khóa II) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chủ trương thực hiện cải cách ruộng đất đã được thông qua dưới sự nhất trí cao của toàn thể đại biểu. Hội nghị đã quyết định thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng: "Tiêu diệt chế độ sở hữu ruộng đất của thực dân Pháp và của bọn đế quốc xâm lược khác ở Việt Nam; xóa bỏ chế độ phong kiến sở hữu ruộng đất của địa chủ Việt Nam và ngoại kiều" ¹.

Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ: "Phóng tay phát

1. *Văn kiện Đảng* (1945 - 1954), Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1978, t.II, tr. 353-354.

động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại công điền, chia hẳn ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân"¹. Chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là bước đi cần thiết cho việc chuẩn bị cải cách ruộng đất. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thiếu sót trong việc thực hiện, những chủ trương này đã góp phần không nhỏ trong việc động viên tinh thần và quyết tâm kháng chiến của nông dân trong cả nước, khối liên minh công nông được củng cố, chính quyền dân chủ nhân dân và Mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng lớn mạnh.

Quán triệt tinh thần nghị quyết Trung ương, tháng 4 - 1953, tỉnh Quảng Ngãi dựa trên tình hình thực tế ở địa phương đã đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ là: "phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất, nhằm đáp ứng nhiều hơn nữa những yêu cầu kinh tế, chính trị của quần chúng cơ bản ở vùng nông thôn, củng cố nông hội, củng cố và mở rộng Mặt trận thống nhất ở nông thôn. Đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến, tất cả các công tác khác đều phải kết hợp và phục vụ cho công tác giảm tô và cải cách ruộng đất"².

Là một tỉnh nghèo, hơn 90% dân số sống bằng nghề nông, do điều kiện địa hình chật hẹp cho nên ruộng đất ở Quảng Ngãi rất ít. Số địa chủ chiếm nhiều ruộng đất không

1. *Văn kiện Đảng* (1945 - 1954), Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1978, t.II, tr. 353-354.

2. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy, tháng 4-1953. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

có nhiều¹, phần lớn địa chủ chiếm từ 10 đến 90 mẫu. Trong tầng lớp địa chủ sở hữu trên dưới 20 mẫu, có một số xuất thân từ trung nông hoặc bần nông, do cần cù lao động mà có tiền mua ruộng. Những người này tuy có phát canh thu tô nhưng bản thân và gia đình đều tham gia lao động trực tiếp. Đa phần trong số này có tinh thần yêu nước, có tham gia đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Nhiều gia đình có con em đi bộ đội, tham gia công việc các cơ quan từ xã đến tỉnh.

Do nắm được đặc điểm địa phương, Đảng bộ đã lãnh đạo các cấp chính quyền và đoàn thể thực hiện tốt chủ trương của Đảng, đã động viên mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của nhân dân lao động, các tầng lớp nhân dân đều phấn khởi thi đua đem hết sức người, sức của đóng góp cho kháng chiến.

Tuy nhiên, do trình độ và năng lực của một số cán bộ các cấp, các ngành còn thấp, chưa tiếp thu đầy đủ tinh thần của chủ trương cải cách ruộng đất nên việc chỉ đạo, lãnh đạo giảm tô ở Quảng Ngãi thời gian đầu chưa được cụ thể, chặt chẽ, còn phạm nhiều thiếu sót. Có địa phương đã buộc địa chủ giảm tô quá cao từ 80 đến 90%, có nơi sau khi giảm tô xong còn trừ cả lúa giống của địa chủ (tính bằng tiền quy ra thóc gấp 5 - 6 lần), việc làm đó đã dẫn đến tình hình một số người hết cả của cải và mang nợ.

1. Cả tỉnh chỉ có 2 địa chủ chiếm trên 500 mẫu ruộng, 1 địa chủ chiếm gần 300 mẫu, 1 địa chủ có trên 200 mẫu, 4 địa chủ chiếm từ 100 đến 130 mẫu.

Một số nơi, việc quy định thành phần chưa đúng, chưa sát hợp với thực tế như quy phú nông thành địa chủ, trung nông thành phú nông.... Những việc làm trên có làm cho uy thế về chính trị, kinh tế của địa chủ, cường hào bị giảm, nhưng đã không phân hóa, cô lập được mà còn làm cho họ liên kết lại với nhau. Phú nông có một số ngả theo địa chủ, trung nông nghi ngờ chính sách của Đảng, hàng ngũ nông dân không được củng cố, đời sống của nông dân chưa được cải thiện. Chính sách đại đoàn kết của Đảng có phần bị ảnh hưởng.

Với tinh thần cách mạng, tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, nghiêm túc nhìn nhận những sai lầm, tìm những biện pháp tích cực, thích hợp để lãnh đạo tốt phong trào. Tỉnh ủy đã tổ chức hai cuộc học tập, giáo dục chính sách cho cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh. Nội dung học tập là tinh thần "Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ tư" và "Vấn đề sách lược của Đảng ở nông thôn".

Thông qua chính quyền và Mặt trận, Tỉnh ủy đã đẩy mạnh việc thi hành chính sách ruộng đất. Việc chia công điền ở 30 xã được tiến hành theo điều lệ tạm thời của Chính phủ. Riêng năm 1953 ta đã chia 12.853 mẫu (nơi nhiều nhất được 2 sào/1 người, nơi ít nhất được 2 thước/1 người); 30 mẫu 7 sào ruộng vắng chủ và 29 mẫu 2 sào của Việt gian được tạm giao cho bản cố nông canh tác.

Việc thực hiện quy chế lãnh canh có tác dụng ngăn chặn không cho địa chủ lấy lại ruộng đất đã giao cho nông dân canh tác, giúp cho người nghèo có ruộng sản xuất, an tâm canh tác và tích cực thâm canh tăng năng suất.

Chủ trương của cấp trên để lại cho địa chủ 1/3 số hoa

lợi thu hoạch đã được nông dân đồng tình. Nhờ số thóc giảm tô tăng nên nông dân nghèo được hưởng thêm một lượng thóc đáng kể. Chỉ riêng vụ tháng 3-1953, nông dân toàn tỉnh đã thu bằng 83% số thóc giảm tô của năm 1952.

Những việc làm thiết thực này đã đem lại cho nông thôn nhiều thay đổi mới. Khí thế, tinh thần đấu tranh của quần chúng nông dân ngày càng cao. Uy thế của bọn cường hào, địa chủ bị giảm xuống, quần chúng nhiều nơi mạnh dạn phát giác những hoạt động chống đối của địa chủ, đấu tranh buộc địa chủ phải giảm tô, thi hành quy chế giảm canh, quy chế lãnh canh.

Không khí vui tươi, sôi nổi lan tràn khắp mọi nơi, ảnh hưởng tích cực đến cuộc kháng chiến đang trên đà thắng lợi.

Để cán bộ, đảng viên có đầy đủ năng lực và phẩm chất thực hiện tốt nhiệm vụ trong tình hình mới, Tỉnh ủy đã tích cực lãnh đạo thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, công tác cho cán bộ, đảng viên các cơ quan, ban ngành và cấp ủy.

Đảng bộ đã tổ chức cho hầu hết các cấp ủy viên ở tỉnh, huyện và cấp tương đương dự các lớp chính Đảng ở Trung ương và Liên khu. Nhiều đợt học tập chính huấn, chính quân với chất lượng cao được tiến hành trong toàn Đảng bộ, các cơ quan chính quyền, đoàn thể nhằm làm cho cán bộ, đảng viên trong tỉnh thấy rõ được tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, phân biệt rõ ràng địch, ta, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và những công tác trọng tâm trong từng thời kỳ.

Các đồng chí tỉnh ủy viên, huyện ủy viên và cấp ủy

tương đương đã được kiểm điểm thường xuyên để nhận rõ được những ưu, khuyết điểm của từng người, vạch ra hướng sửa chữa khắc phục.

Ngoài ra, trường Đảng tỉnh còn mở liên tiếp nhiều khóa chỉnh huấn cho cán bộ, đảng viên (hai khóa 200 đảng viên, cán bộ và nhiều khóa huấn luyện ngắn ngày).

Qua các đợt chỉnh huấn, chỉnh Đảng, các cán bộ, đảng viên đã kiên định được lập trường, nâng cao được ý thức tư tưởng, kỷ luật, phân biệt rõ địch ta, có tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, chấp hành nghiêm chỉnh triệt để mọi chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, nhất là trong công tác giảm tô, thuế nông nghiệp, bố phòng... Mọi biểu hiện hữu khuynh trong việc thi hành cải cách ruộng đất, tư tưởng bi quan, dao động, ngại khó, ngại khổ... từng bước được khắc phục.

Sau đợt học tập chỉnh Đảng, công tác tổ chức có nhiều tiến bộ, đã kiện toàn được số lớn Ban cán sự, chi ủy và các ngành như chính quyền, nông hội, công an...

Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, nhất là huyện và xã đã được kiện toàn, đã mạnh dạn đề bạt cán bộ cốt cán vào phụ trách; các chủ trương, chính sách được chấp hành tốt hơn, nhất là trong công tác thực hiện chính sách ruộng đất cho đông đảo nhân dân. Việc phổ biến các chiến thắng trong nước, những thắng lợi của lực lượng hoà bình dân chủ trên thế giới cũng làm rất kịp thời, gây được khí thế thi đua, phấn khởi và tin tưởng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Văn nghệ quần chúng được chú ý phát triển. Quảng Ngãi đã thành lập đoàn hát bộ để phục vụ đồng bào, góp

phần vào việc giáo dục nhân dân, nêu cao ý thức căm thù giặc, tích cực tham gia kháng chiến.

Để ngày càng nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, công tác giáo dục được Đảng bộ quan tâm đặc biệt. Phong trào bình dân học vụ dần dần được khôi phục lại sau thời gian xảy ra nạn đói. Đến tháng 10-1953, đã mở được 580 lớp sơ cấp và dự bị với tổng số 11.760 học viên. Các xã như Bình Tân, Tịnh Sơn, Nghĩa Thương, Hành Tín... có từ 40 đến 59 lớp học. Tuy vậy, phong trào bình dân học vụ phát triển chưa đều khắp. Nhất là các xã ven biển.

Mặc dù đời sống nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn, máy bay địch lại thường xuyên bắn phá, nhưng số lượng học sinh phổ thông đi học khá đông, các xã đều mở các lớp vỡ lòng. Trong toàn tỉnh số học sinh vỡ lòng có hơn 20.000 em, cấp I: 25.502 em, cấp II: 2.741 em và cấp III: 159 em. Nội dung, phương pháp và chất lượng giảng dạy được cải tiến, nâng cao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục của Quảng Ngãi.

Trong thời gian này, việc tăng gia sản xuất để chống cứu đói, cải thiện đời sống nhân dân vẫn là nhiệm vụ cấp bách và thường xuyên của Đảng bộ và chính quyền Quảng Ngãi. Những tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã được phổ biến rộng rãi trong nhân dân như: chọn giống tốt cho năng suất cao, cải tạo đất, có hệ thống tưới tiêu chủ động, sử dụng nhiều phân xanh, phân bắc để bón ruộng... Nhờ vậy mà năng suất lúa và hoa màu tăng lên rõ rệt. Chiến sĩ thi đua toàn quốc Phan Đương đã tích cực áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tăng năng suất lên 700% và hưởng

dẫn nhân dân ở cùng thôn áp dụng theo, nhờ vậy đã biến cả thôn trước kia thiếu đói thành ấm no.

Các tổ chức hội đồng canh, nông đoàn, các tổ vòng công, tổ sản xuất... đã tạo điều kiện cho nông dân nghèo giúp nhau điều hoà dân công, trâu bò, nông cụ, giống... để giữ vững và phát triển sản xuất.

Chỉ trong sáu tháng đầu năm 1954, các tổ chức nông dân đã giúp nhau được 33 vạn ngày công và 2.800 ang lúa, 3.700.000 đồng.

Các công trình thủy nông được phát triển mạnh. Đến năm 1953, hầu hết các huyện đều hoàn thành việc đào đắp các hệ thống kênh mương dẫn nước ngọt và các đập ngăn mặn. Các kênh Bàu Súng, Tư Nghĩa, Bình Minh, Bình Châu, đập Cà Ninh, đập Đá Giang..., bờ xe nước trên sông Trà Bồng hoàn thành, biến nhiều vùng trước kia chỉ canh tác một vụ nay thành hai, ba vụ, nhờ vậy lúa tứ quý được phát triển ở nhiều nơi (năm 1954 diện tích tăng đến 500 mẫu). Nếu như trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 toàn tỉnh chỉ có 6.890 mẫu ruộng được tưới nước thì đến năm 1954 con số này là 26.650 mẫu¹. Đặc biệt những nơi nào không thể xây dựng được hệ thống kênh mương dẫn nước tưới ruộng thì nhân dân địa phương không quản ngại khó khăn vất vả đào ao, giếng, dùng cần vọt lấy nước tưới².

1. Tài liệu về thủy lợi Liên khu V. Lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Riêng 1953 đào được 2616 ao, giếng; 3.520 cần vọt tưới nước, cứu được 1.560 mẫu lúa bị hóp.

Đã có 6.086 giếng, ao sử dụng tưới cho 2.933 mẫu ruộng, chuyển được 100 mẫu ruộng gieo sang ruộng cấy.

Các ngành, nghề tiểu thủ công, công thương nghiệp cũng được phát triển mạnh. Nghề làm giấy với 5 xưởng hàng tháng sản xuất được 6 tấn giấy, đáp ứng đủ cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh. Nghề làm gốm, nấu đường, dệt vải, kéo sợi, đan lát, dệt chiếu, sản xuất muối ngày càng thu được nhiều kết quả khả quan.

Việc trao đổi hàng hóa trong và ngoài tỉnh được bảo đảm thường xuyên. Các mặt hàng xuất ra ngoài tỉnh ngày càng nhiều, đặc biệt là gạo, có ngày vận chuyển 30 tấn đi Quảng Nam. Việc điều hoà lúa gạo đã có tác động đến thị trường, giữ được giá ổn định.

Mặc dù gặp nhiều thiên tai địch họa, nhân dân Quảng Ngãi vẫn cố gắng đóng góp hết sức mình làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, đóng góp cho chiến trường. Đến ngày 5-6-1954, toàn tỉnh đã thu được 5.245 tấn lúa thuế nông nghiệp, 498.500.000 đồng thuế công thương.

Trong các xí nghiệp, đơn vị sản xuất, tuy 1/5 số lượng công nhân tham gia học tập chính huấn, nhưng vẫn bảo đảm được sản xuất. Năm 1953, Đảng bộ, chính quyền tổ chức Đại hội chiến sĩ thi đua và Đại hội tổng kết thi đua công, nông, binh. Đại hội đã có tác dụng thúc đẩy phong trào thi đua sản xuất trong toàn tỉnh, nhất là trong công nhân quốc phòng. Nhiều phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật phát triển rầm rộ trong các công binh xưởng, mức sản xuất tăng từ 15% đến 50%. Nhiều sản phẩm mới có chất lượng cao ra đời, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu phục

vụ tiên tuyến trong Chiến dịch Đông-Xuân 1953-1954. Năm 1954, có công binh xưởng tăng năng suất lên đến 250%.

Công tác cứu đói, cứu đau được Đảng bộ, các cấp chính quyền và các cơ quan rất quan tâm. Từ tháng 2 đến tháng 4-1953, tiền và lúa của Chính phủ được gửi đến từng hộ thiếu ăn; lúa và hoa màu cũng bắt đầu thu hoạch. Tỉnh ủy đã tổ chức học tập và kiểm thảo theo chỉ đạo của Trung ương, động viên tinh thần tích cực cứu đói, đẩy mạnh việc đưa các quỹ dự trữ tương trợ ra giúp đỡ, giải quyết công ăn việc làm cho những người thất nghiệp. Ta đã vận động nhân dân miền biển chuyển đi nơi khác để sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy nạn đói đã được giải quyết. Việc cứu đau được Ty Y tế quan tâm tích cực. Không còn tình trạng người chết vì bệnh do đói gây ra. Phong trào thi đua vệ sinh yêu nước được phát triển mạnh. Nhân dân Quảng Ngãi, nhất là thanh thiếu nhi thực hiện tốt việc ăn ở vệ sinh, ăn chín, uống sôi, ăn dưa hai đầu.

Nhờ những biện pháp kịp thời, tích cực và thiết thực, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Quảng Ngãi ngăn chặn được nạn đói. Đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Các tệ nạn xấu bị đẩy lùi, nếp sống mới phát triển sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. .

II- DỐC SỨC PHỤC VỤ CHIẾN TRƯỜNG, CÙNG CẢ NƯỚC ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI

Sau những thất bại dồn dập trên chiến trường Đông Dương, thực dân Pháp được Mỹ giúp sức, đã lập kế hoạch Nava để hòng cứu vãn tình thế. Chủ trương chiến lược của

địch là cố bám miền Bắc, đồng thời tranh thủ củng cố miền Nam tích cực hơn.

Tại Liên khu V từ giữa năm 1953, thực dân Pháp tích cực chuẩn bị mở chiến dịch Ất Lãng nhằm chiếm đóng vùng tự do của Liên khu V. Chiến dịch được chia làm ba bước:

Bước thứ I: đánh chiếm Phú Yên.

Bước thứ II: đánh chiếm Bình Định.

Bước thứ III: Tập trung mọi lực lượng từ Bình Định đánh ra, Quảng Nam đánh vào, Tây Nguyên đánh xuống để chiếm vùng tự do phía nam tỉnh Quảng Nam và toàn bộ tỉnh Quảng Ngãi. Chúng đề ra kế hoạch hợp các cánh quân ở tại thị xã Quảng Ngãi.

Trước khi kế hoạch Nava ra đời, thực dân Pháp đã có ý đồ tiến công đánh chiếm tỉnh Quảng Ngãi. Bằng nhiều hình thức dọa dẫm, tuyên truyền, mua chuộc đồng bào, địch ráo riết tập trung đánh phá lực lượng dự trữ của ta, bao vây phá hoại kinh tế, phá hoại giao thông vận tải và sản xuất, nhằm ngăn chặn sự tiếp tế của hậu phương cho chiến trường Liên khu V.

Chúng tăng cường việc dùng không quân oanh tạc, dùng tàu thuỷ đổ bộ bắn phá tàu thuyền, ghe mành của đồng bào ven biển, tung gián điệp vào điều tra phá hoại vùng tự do. Sau khi chiếm đảo Lý Sơn (đầu tháng 9-1951) với âm mưu dùng nơi đây làm bàn đạp tiến công vùng tự do, địch đã bắt 800 đồng bào đi lính và đi phu đồn điền cho chúng. Chỉ trong ba tháng đầu năm 1953, thực dân Pháp đã thả 1.000 quả bom, 266 thùng xăng, phá sập 6 cầu, 325m đường sắt, giết chết 200 người, làm bị thương 186 người,

dốt cháy 655 nhà, 16 tấn lúa, giết chết 340 trâu bò¹. Trước những tội ác dã man của giặc, Tỉnh ủy đã chủ trương tích cực tuyên truyền giáo dục, giải thích cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ đường lối, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, động viên nhân dân nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ quê hương.

Trong thời gian địch ráo riết chuẩn bị lực lượng để thực hiện kế hoạch đánh chiếm vùng tự do Liên khu V, tháng 9-1953, Bộ Chính trị đã họp và xem xét, phân tích kỹ tình hình, âm mưu của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Hội nghị đã quyết định mở cuộc tiến công chiến lược 1953 - 1954 bằng ba đòn tiến công ở ba hướng khác nhau, để phân tán và tiêu hao lực lượng của địch. Trong đó hướng tiến công lên Tây Nguyên là nhằm mục đích giành lại địa bàn chiến lược và đập tan âm mưu đánh chiếm vùng tự do, bình định miền Nam của địch. Bộ Chính trị cũng nhận định khi ta đánh mạnh ở Tây Nguyên thì địch có thể đánh phá ác liệt vùng tự do. Vì vậy, Đảng giao nhiệm vụ cho Đảng bộ, quân dân tại địa phương đảm nhiệm việc bảo vệ vùng tự do.

Dựa vào phương hướng chiến lược của Trung ương Đảng đề ra: "Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng", Liên khu ủy V chủ trương phải chủ động tiến công địch. Nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ và quân dân trong

1. Báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi 3 tháng đầu năm 1953. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Liên khu là: "ra sức đánh giặc, chuẩn bị đánh giặc". Liên khu ủy V quyết định:

1. Huy động toàn bộ sức người, sức của của nhân dân trong toàn Liên khu để phục vụ cho thắng lợi tại chiến trường Tây Nguyên.

2. Toàn dân tăng cường cảnh giác, tham gia bảo vệ an toàn vùng tự do.

Chấp hành chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V đã đề ra, liên tiếp trong nhiều cuộc họp, Tỉnh ủy nhận định: Quảng Ngãi là mục tiêu chính của thực dân Pháp trong cuộc hành quân Át Lãng, đồng thời cũng là hậu phương chính, trực tiếp cung cấp sức người, sức của cho chiến dịch giải phóng tỉnh Kon Tum. Nhiệm vụ trọng tâm số một của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi lúc này là "ra sức đánh giặc"; nhiệm vụ khẩn cấp là toàn Đảng bộ phải khẩn trương khắc phục khó khăn, tranh thủ thời gian để tích cực giáo dục sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, trong mọi tầng lớp nhân dân thấy rõ âm mưu của địch, quán triệt đường lối của Đảng, thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của địch cũng như khó khăn và thuận lợi của ta...

Để hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu trong giai đoạn quyết định này, Tỉnh ủy đã xác định xây dựng, củng cố các lực lượng vũ trang địa phương, tích cực bảo vệ, giữ vững vùng tự do, mở rộng căn cứ địa, ra sức bồi dưỡng lực lượng nhân dân, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhà nước và của nhân dân, tập trung phục vụ đắc lực cho chiến dịch Tây Nguyên.

Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành, các cấp trong tỉnh đẩy mạnh phong trào phòng chống địch, phát triển nhân dân du kích chiến tranh. Nhiều biện pháp tích cực được đề ra

để chặn đứng những hành động phá hoại của địch. Nhiều hầm trú ẩn được đào khắp nơi, mọi sinh hoạt của nhân dân đều được chuyển vào ban đêm; các đội tuần tra tổ chức canh gác máy bay, tàu chiến địch, đề phòng địch đổ bộ, tiến công bất ngờ... Các đội du kích ven biển được trang bị thêm vũ khí, tăng cường người có kinh nghiệm chiến đấu. Nhờ vậy đã đánh lùi được nhiều đợt tiến công đổ bộ của địch vào đất liền.

Tỉnh ủy đã cử 6 đoàn cán bộ do các đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách, trực tiếp xuống chỉ đạo 6 huyện xung yếu để sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong các xã, đồng chí Bí thư hoặc Phó bí thư trực tiếp làm xã đội trưởng hoặc chính trị viên du kích, các chi ủy viên làm chỉ huy du kích của thôn, các tổ trưởng Đảng làm chỉ huy du kích của xóm, từng tổ du kích đều phải có đảng viên tốt làm nòng cốt. Để thuận tiện cho việc chiến đấu chống giặc, thôn xóm nào cũng có hầm bí mật, hầm chiến đấu, giao thông hào liên xã...

Làng chiến đấu được xây dựng ở nhiều nơi, hầm chông chạm bẫy được đặt khắp thôn xóm. Toàn tỉnh có 32 bãi chông, mỗi bãi dài từ 100 m đến 500m, rộng từ 200m đến 300m (ở xã Phổ An đã có 325 hầm chông và 90% gia đình có hầm bí mật). Các cơ quan, kho tàng, công xưởng, trường học được sơ tán và bảo vệ nghiêm ngặt, tránh sự săn tìm, dò la của gián điệp.

Thi hành chỉ thị của Liên khu ủy về nhiệm vụ phục vụ tiền tuyến, tỉnh đã huy động được lực lượng quần chúng đông đảo đi dân công phục vụ chiến trường. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận, đoàn thể trong tỉnh, nhân dân đều được tổ chức thành đội ngũ để sẵn sàng đi phục vụ chiến đấu.

Mọi vật dụng cá nhân như chăn màn, quần áo, nồi niêu, phương tiện vận tải đều được chuẩn bị sẵn, hễ có lệnh là mọi người nhanh chóng lên đường được ngay. Lực lượng dân công đi phục vụ mặt trận được tổ chức gọn nhẹ, chu đáo. Dân công của địa phương nào đều phải có các đồng chí cấp ủy đi cùng để lãnh đạo (xã có chi ủy viên, huyện có huyện ủy viên).¹

Trong đợt dân công đầu tiên, tỉnh đã đưa 39.752 người đi phục vụ các mặt trận trong thời gian 6 tháng, 10.000 lượt người đi làm các kho tàng, mở đường... trong thời gian 15 ngày, đã thành lập được 6 đại đội thanh niên xung phong với số lượng 852 người². Có nhiều đợt dân công đi phục vụ hỏa tuyến trong suốt 6 tháng liền và đã có dân công hy sinh tại chiến trường, nhiều người bị bệnh tật, ốm đau... nhưng vẫn không làm nhân dân chùn bước. Nhiều đơn vị, cá nhân lập thành tích xuất sắc ở chiến trường. Phong trào đi dân công phục vụ chiến trường trong Chiến dịch 1953 - 1954 của nhân dân Quảng Ngãi đã được Bộ Tư lệnh Liên khu V và Ban chỉ huy tiền phương khen thưởng; có nhiều dân công được tuyên dương khen thưởng như chiến sĩ dân công Nguyễn Tấn Hứa, Phan Văn Đối (ở Đức Phổ), đội xung phong công tác Mộ Đức, đội dân công xã Bình Dương (Bình Sơn)³.

1. Đã có 3 tỉnh ủy viên, 15 huyện ủy viên, 100 chi ủy viên tham gia các đoàn dân công phục vụ chiến dịch.

2. Từ xuân hè 1953-1954 toàn tỉnh đã có 117.000 lượt người đi dân công phục vụ chiến trường.

3. 112 nữ cứu thương, hộ lý cùng 23 tập thể được tuyên dương.

Để động viên và làm yên lòng những người ra đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ở tại hậu phương, các cấp ủy Đảng, chính quyền và hội, đoàn thể đã vận động nhân dân giúp đỡ, tương trợ sản xuất cho những gia đình có người đi chiến trường.

Các chị em phụ nữ đã đảm đang việc nhà, giúp nhau điều hoà nhân công, nông cụ, sức kéo, giống cây để sản xuất cho kịp thời vụ.

Nhiều người sau thời gian đi phục vụ chiến trường trở về rất yên lòng vì thấy ở nhà, người thân mạnh khỏe, vườn ruộng xanh tốt, hoa màu được thu hái cất giữ chu đáo, lại hằng hái xung phong tiếp tục đi phục vụ chiến đấu.

Theo đúng kế hoạch đã đặt ra, ngày 28-1-1954, đại bộ phận bộ đội chủ lực của Liên khu V đã mở cuộc tiến công lên Tây Nguyên, lấy đó làm hướng chiến lược quan trọng mà địch sơ hở. Hàng vạn lượt dân công đã được điều đi phục vụ mặt trận, dọc theo đường tiến quân của bộ đội ta lên Kon Tum. Nhân dân các dân tộc Ba Tơ đã đem nước uống, cơm nắm ra tiếp tế cho bộ đội và dân công hành quân. Hàng vạn tấn thực phẩm, lương thực, hàng hóa, đạn dược đã được dân công chuyên chở ra chiến trường.

Ngày 15 - 2 - 1954, quân dân ta giải phóng thị xã Kon Tum, địch rút chạy về Pleiku. Một vùng đất rộng 16.000 km² và 200.000 dân đã được giải phóng, âm mưu của địch xâm chiếm vùng tự do Liên khu V và một phần Quảng Ngãi đã bị đập tan. Sau chiến thắng của quân dân tại Kon Tum, giặc Pháp đã tăng cường máy bay, tàu chiến bắn phá nhiều vùng trong tỉnh. Từ tháng 2 - 1954 đến tháng 6 -1954, địch dùng máy bay phá sập 6 cầu, triệt phá

giao thông, ném bom vào những nơi nghi có cơ quan, kho tàng của ta. Địch đã cho quân đổ bộ vào các xã ven biển đốt phá, bắt bớ nhân dân...

Do có sự chỉ đạo chu đáo, kịp thời của các cấp ủy, chính quyền nên nhân dân không bị động lúng túng, nhanh chóng khắc phục hậu quả, cất giấu tài sản an toàn...

Ngày 7 - 5- 1954, quân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn tại Điện Biên Phủ; với thất bại thảm hại này, thực dân Pháp buộc phải ký kết Hiệp định Giơnevơ, chúng phải tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, ngừng bắn trên toàn chiến trường Đông Dương, rút khỏi phía bắc vĩ tuyến 17.

Với chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến gian nan mà anh dũng. Cùng cả nước, nhân dân Quảng Ngãi hân hoan đón chào ngày chiến thắng và chuẩn bị sẵn sàng bước vào thời kỳ mới.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới với những nhiệm vụ mới. Đảng bộ và chính quyền Quảng Ngãi đã lập kế hoạch chuẩn bị cho nhân dân trong tỉnh bước sang thời kỳ mới một cách vững vàng với niềm tin tưởng vào ngày mai tất thắng.

Chỉ trong một thời gian ngắn từ tháng 7 - 1954 đến tháng 4 - 1955, chính quyền các cấp đã chú ý nâng cao đời sống nhân dân. Do năm 1954 bị hạn hán kéo dài, vụ lúa tháng 8, tháng 10 và 12 bị mất nặng, Tỉnh ủy đã chủ trương chỉ thu thuế một mùa, đồng thời chính quyền cho

xuất gạo, thuốc men, vải, muối và hàng trăm triệu đồng để kịp thời cứu đói, cứu đau cho nhân dân miền núi, ven biển và các gia đình thương binh, liệt sĩ. Tỉnh đã chi hơn 500 tấn lúa, huy động các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn Quảng Ngãi giúp 4.000 ngày công để đào đắp, hoàn thành các công trình thuỷ lợi, khẩn trương hoàn thành tu sửa kênh Tư Nghĩa, đắp các đập bồi, bảo đảm cho 200.000 mẫu ruộng được tưới nước.

Cùng với việc tích cực chăm lo ổn định cải thiện đời sống nhân dân, Đảng bộ và chính quyền các cấp... đã khẩn trương tiến hành việc bố trí sắp xếp đưa cán bộ, đảng viên, nhân dân đi tập kết và những người ở lại được tổ chức sắp xếp chuyển hướng đưa vào hoạt động bí mật, gọn nhẹ cho phù hợp với tình hình mới.

Cán bộ, đảng viên đều được học tập chủ trương, đường lối của Đảng trong tình hình mới để mọi người an tâm với việc đi tập kết hay ở lại hoạt động.

Nhiều kho tàng, đạn dược, vũ khí được đưa đi những vùng căn cứ ở miền núi để cất giấu, chờ ngày đem ra sử dụng.

*

* *

Do chấp hành nghiêm túc những chủ trương, đường lối của Đảng, nắm vững tình hình và vận dụng sáng suốt, linh hoạt các Nghị quyết của Trung ương Đảng, những người cộng sản ở Quảng Ngãi đã kịp thời lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, thành lập được chính quyền cách mạng ở nhiều nơi trong tỉnh, khai sinh ra Đội du kích Ba Tơ, là lực lượng vũ trang đầu tiên ở Nam Trung Bộ.

Mặc dù ở xa Trung ương, xa Xứ ủy, và mắc phải một số khuyết điểm nhất định, nhưng trong những ngày tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng bộ Quảng Ngãi đã hành động một cách cương quyết, kịp thời lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa trong toàn tỉnh, là một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong toàn quốc.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, cùng với cả nước, nhân dân Quảng Ngãi thoát khỏi ách thống trị của thực dân, phong kiến. Mọi người đều vui mừng phấn khởi được làm dân một nước độc lập, tự do, được làm chủ cuộc đời mình.

Song niềm vui ngắn chỉ tày gang, giặc Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi lại tiếp tục cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến vô cùng gian lao nhưng cũng đầy thử thách vẻ vang để giành lấy độc lập cho Tổ quốc, tự do cho giống nòi.

Trong chín năm kháng chiến chống Pháp gian lao và ác liệt, để bảo vệ, xây dựng quê hương, Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất, cần cù, chịu đựng hy sinh gian khổ, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra.

Để có thể tồn tại và phát triển, Đảng bộ Quảng Ngãi đã chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Thông qua Mặt trận Việt Minh và Liên Việt, nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi từ miền núi đến miền xuôi, từ già đến trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo với truyền thống cách mạng kiên cường đã sẵn sàng hy sinh tất cả, sẵn sàng

dóng góp máu xương, tiền của cho cuộc kháng chiến, quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp, không cho chúng quay lại cướp nước ta một lần nữa.

Trong suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, khối đoàn kết toàn dân trong tỉnh ngày càng được củng cố và phát triển rộng khắp, đã thu hút được đông đảo các tầng lớp, các thành phần nhân dân tham gia, góp phần làm cho sức mạnh chiến đấu tăng lên gấp nhiều lần. Cuộc sống mới do Đảng đem lại làm cho nhân dân Quảng Ngãi càng thêm tin tưởng, yêu mến và đi theo Đảng đến cùng. Dù phải chiến đấu với kẻ thù dã man, tàn bạo, nhân dân vẫn một lòng đi theo Đảng, bền gan vững chí tin vào ngày mai tươi sáng của dân tộc.

Đảng bộ tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh chính là nhờ hầu hết cán bộ, đảng viên anh dũng, kiên cường bền bỉ đấu tranh bám chặt, đi sát quần chúng để phát động các phong trào cách mạng sâu rộng. Để chuẩn bị và tiến hành tham gia kháng chiến cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhanh chóng chuyển cao trào tổng khởi nghĩa vào cuộc chiến tranh cách mạng một cách chủ động và sáng tạo, kịp thời đưa nhân dân toàn tỉnh bước vào cuộc kháng chiến với tinh thần cách mạng và khí thế hào hùng, sẵn sàng vượt lên đập mọi hiểm nguy, vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu, xây dựng quê hương, chi viện mọi mặt cho tiền tuyến.

Từ một tỉnh nghèo, nhân dân thường xuyên lâm vào cảnh đói khổ, Đảng bộ và chính quyền cách mạng đã phát huy cao độ tinh thần tự lực cách sinh của nhân dân, từng

bước xây dựng Quảng Ngãi thành vùng căn cứ địa vững chắc của Liên khu V. Chính quyền được xây dựng vững mạnh đủ khả năng lãnh đạo, điều hành công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Chế độ mới ngày càng bền vững, con người mới và nền văn hóa mới, giáo dục mới được hình thành và phát triển hài hoà, lực lượng vũ trang phát triển cân đối và mạnh mẽ. Kinh tế trong tỉnh được phát triển không những bảo đảm cho mọi nhu cầu của nhân dân và lực lượng vũ trang trong tỉnh mà còn góp phần quan trọng vào việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho các tỉnh bạn, cho việc xây dựng lực lượng vũ trang của Liên khu ngày càng lớn mạnh, chi viện cho tiền tuyến.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng bộ đã biết nhìn xa trông rộng, chấp hành triệt để mọi chủ trương, đường lối của Đảng và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của địa phương, biết nắm thời cơ, hành động kịp thời. Vì vậy, Đảng bộ Quảng Ngãi đã giữ vững phong trào cách mạng một cách liên tục, với những tấm gương hy sinh dũng cảm, tận tụy công tác của nhiều cán bộ, đảng viên. Trải qua thử thách và rèn luyện trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, Đảng bộ Quảng Ngãi thực sự trưởng thành và ngày càng lớn mạnh, trở thành nhân tố quan trọng nhất quyết định mọi thành công trong cuộc kháng chiến và kiến quốc ở địa phương. Đội ngũ đảng viên và cán bộ luôn được chú ý phát triển, thường xuyên được bồi dưỡng, học tập để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị. Các cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể ngày càng trưởng thành; đủ sức đảm nhiệm mọi công tác của tỉnh,

ngoài ra còn đủ để cung cấp, tăng cường cho các tỉnh bạn và các chiến trường ở Liên khu V.

Các tổ chức Đảng luôn được củng cố, kiện toàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu lãnh đạo trong từng giai đoạn của kháng chiến. Đảng bộ đã xử lý kịp thời và kiên quyết khắc phục những tư tưởng lệch lạc trong nội bộ, góp phần làm cho Đảng bộ luôn được vững mạnh, xứng đáng là một trong những Đảng bộ mạnh của miền Nam Trung Bộ.

Những thành công trong việc lãnh đạo nhân dân Quảng Ngãi tham gia kháng chiến, kiến quốc của Đảng bộ Quảng Ngãi đã bắt nguồn từ việc kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của các thế hệ đảng viên, sự đoàn kết chiến đấu, hy sinh bất khuất của nhân dân trong tỉnh, từ chủ trương, đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời sâu sát của Liên khu ủy V. Đảng bộ Quảng Ngãi đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ trương, đường lối của cấp trên, kịp thời đề ra được những biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi, Đảng bộ không thể tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm, thậm chí có lúc, có nơi còn mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng. Sau những sai lầm, Đảng bộ Quảng Ngãi dám nhìn thẳng vào sự thật, nghiêm túc và nghiêm khắc tự kiểm điểm. Chính vì vậy mà trong suốt chín năm kháng chiến, nhất là trong những tình huống khó khăn ngặt nghèo nhất, nhân dân Quảng Ngãi vẫn luôn tin tưởng tuyệt

dối vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, cùng nhau đoàn kết vượt qua mọi thử thách, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Quang Ngãi xứng đáng là hậu phương, căn cứ địa vững chắc của Liên khu V. Những thành tích mà Đảng bộ, nhân dân Quang Ngãi đạt được trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp đã tạo ra những tiền đề quan trọng cơ bản về vật chất, tinh thần, là hành trang vô giá của nhân dân trong toàn tỉnh, củng cố sự bình tĩnh, tự tin của cán bộ, chiến sĩ, các tầng lớp nhân dân khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tư thế của người chiến thắng.

Chương IV

**ĐẤU TRANH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH
GIONEVO; CHỐNG CHÍNH SÁCH "TỔ CỘNG",
"DIỆT CỘNG" CỦA ĐỊCH; DUY TRÌ VÀ PHÁT
TRIỂN LỰC LƯỢNG, LÃNH ĐẠO KHỎI NGHĨA
TRÀ BÔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI
(1954-1959)**

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo Hiệp định, nước Việt Nam tạm thời chia thành hai miền, lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải, tỉnh Quảng Trị) làm ranh giới, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam do đối phương kiểm soát, tháng 7-1956 thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Mỹ cho rằng, nếu mất Việt Nam thì có thể mất nhiều nơi trên thế giới, trước hết là mất Đông - Nam Á, nơi Mỹ có nhiều lợi ích chiến lược về chính trị, quân sự và kinh tế. Do đó, Mỹ tìm mọi cách để xâm lược Việt Nam.

Thực hiện âm mưu trên, ngày 16-6-1954, Mỹ ép Pháp và Bảo Đại buộc Thủ tướng bù nhìn Bửu Lộc, tay sai của Pháp từ chức và đưa Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ lên thay. Ngày 7-7-1954, một nội các bù nhìn thân Mỹ được thành lập do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng, kiêm Tổng trưởng Quốc phòng. Ngày 8-8-1954, Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ quyết định hất cẳng Pháp và thay Pháp xâm lược Việt Nam. Ngày 8-9-1954, Mỹ lập "Hiệp ước Đông - Nam Á", đặt miền Nam Việt Nam, Lào, Campuchia trong ô bảo hộ của Mỹ. Tháng 4-1955, Mỹ đưa các đoàn cố vấn quân sự vào miền Nam.

Âm mưu của Mỹ là tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân ta, thôn tính miền Nam, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lấy miền Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan tràn xuống Đông - Nam Á.

Quảng Ngãi vốn là một tỉnh trong vùng tự do, hậu phương của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Liên khu V, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đông đảo và phong trào quần chúng lớn mạnh. Nhân dân Quảng Ngãi có truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất, được Đảng và Bác Hồ mang lại quyền lợi thiết thực về chính trị, kinh tế và văn hóa. Đặc biệt, trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Quảng Ngãi đã thực hiện chính sách ruộng đất ở nhiều nơi, đưa khí thế cách mạng của nông dân lên rất cao, quần chúng càng thiết tha gắn bó với Đảng. Nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Sau Hiệp định Giơnevơ, thế và lực của phong trào cách mạng thay đổi to lớn và đột ngột: từ có chính quyền, có cơ sở đều khắp, có Đảng bộ vững mạnh buộc phải bàn giao cho địch, chuyển quân tập kết, từ đấu tranh vũ trang, hoạt động công khai sang đấu tranh chính trị và hoạt động bí mật.

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ và quy định của hội nghị Trung Giã, sau 300 ngày, kể từ ngày ngừng bắn, quân đội ta rút khỏi Quảng Ngãi để tập kết ra miền Bắc. Thời gian tập kết và bàn giao cho đối phương trong tỉnh được chia làm ba đợt:

- Đợt 80 ngày ở các huyện phía bắc sông Trà Khúc: Sơn Tịnh, Bình Sơn, Sơn Hà và Trà Bồng.

- Đợt 100 ngày ở các huyện từ nam sông Trà Khúc trở vào đến bắc sông Vệ: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long và thị xã Quảng Ngãi.

- Đợt 300 ngày ở các huyện từ nam sông Vệ trở vào Bình Định: Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ.

Thời hạn tập kết chấm dứt vào ngày 16-5-1955. Kể từ đó, quyền quản lý hành chính toàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc về đối phương.

Một thời kỳ cách mạng mới với những nhiệm vụ vô cùng nặng nề, khó khăn và phức tạp, đặt Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trước những thử thách cực kỳ to lớn.

I- ĐẤU TRANH ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ VÀ CHỐNG CHÍNH SÁCH "TỐ CỘNG", "DIỆT CỘNG" CỦA ĐỊCH

Ngay trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống

thực dân Pháp, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã chỉ ra: "Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều phải nhằm chống đế quốc Mỹ". Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Tranh lấy hòa bình không phải là một việc dễ, nó là một cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, phức tạp".

Sau khi Hội nghị Giơnevơ kết thúc, ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước, khẳng định công lao to lớn của nhân dân miền Nam "đi trước, về sau", Người chỉ rõ: "Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đạt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi"¹. Người khẳng định: "Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng"².

Tiếp đó, ngày 5-9-1954, Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết cụ thể hóa và bổ sung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng.

Dựa trên tinh thần Nghị quyết ngày 5-9-1954, Bộ Chính

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.7, tr. 322.

trị ra Chỉ thị riêng cho các Đảng bộ miền Nam với ba nhiệm vụ cụ thể, trước mắt của cách mạng miền Nam:

- Đấu tranh đòi đổi phương thi hành đúng Hiệp định.

- Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện mới, nắm vững phương châm, chính sách mới, sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng, vừa che giấu lực lượng vừa lợi dụng công khai hợp pháp.

- Tập trung mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình để đấu tranh đánh đổ chính quyền Ngô Đình Diệm thân Mỹ.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) nhận định ở miền Nam thực dân Pháp đã bị đế quốc Mỹ hất cẳng. Mỹ và tay sai công khai chống Hiệp định Giơnevơ.

Trong hai ngày 27 và 28-7-1954, Liên khu ủy V họp hội nghị mở rộng đến các Bí thư Tỉnh ủy để quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương. Hội nghị đề ra ba công tác cấp bách phải làm ngay:

- Mở rộng đợt tuyên truyền và giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng về tình hình nhiệm vụ mới, về phương châm đấu tranh, về các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ để có cơ sở pháp lý đấu tranh với địch.

- Khẩn trương tổ chức lại bộ máy lãnh đạo của Đảng và các tổ chức quần chúng để nhanh chóng bắt kịp tình hình mới của phong trào cách mạng.

- Biên chế lại và tổ chức lực lượng vũ trang thành các sư đoàn để biểu dương chiến thắng và chuyển quân theo đúng kế hoạch.

Sau chín năm kháng chiến trường kỳ, hòa bình được lập lại. Ngày 2-9-1954, tại sân bay Quảng Ngãi, Liên khu ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ cùng với tỉnh Quảng Ngãi tổ chức cuộc mít tinh lớn, có hàng vạn người tham gia. Ngày 28-10-1954, tại Đức Chánh (Mộ Đức), hàng vạn người tham gia mít tinh, diễu hành lớn. Cuộc mít tinh kéo dài cả ngày đêm, có đoàn văn công quân đội của Liên khu V về biểu diễn. Tuy địch có cho bọn tay sai quấy phá, nhưng cuộc mít tinh diễn ra tốt đẹp, có sức cảm hóa đối phương.

Tại các cuộc mít tinh, liên hoan, ai cũng muốn gặp nhau để trò chuyện, nói cho nhau nghe những nỗi niềm vui mừng và những băn khoăn của lòng mình khi phải chia tay người thân đi tập kết và những khó khăn trên bước đường đấu tranh sắp tới. Họ dặn dò nhau người ra đi làm tròn nhiệm vụ, người ở lại quyết tâm đấu tranh để sau hai năm gặp nhau trong ngày Bắc - Nam thống nhất, gia đình đoàn tụ.

Về phía địch, đầu tháng 10-1954, chúng bắt đầu tiếp quản Quảng Ngãi. Địch sắp đặt hệ thống hành chính từ tỉnh xuống huyện, xã tương đối nhanh vì bọn Quốc dân Đảng và bọn phản động đội lốt công giáo đã sẵn sàng bắt tay với chúng.

Cuối tháng 10-1954, Ngô Đình Diệm gạt Phạm Đình Nghị, là lãnh đạo Quốc dân Đảng và đưa trung tá Tôn Tất Xứng, một tên có hận thù với cách mạng làm tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng.

Địch ra sức tuyên truyền nhằm gây ảnh hưởng trong nhân dân. Chúng xuyên tạc Hiệp định, gây không khí

chiến tranh, nói xấu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gây hận thù giữa nhân dân với Đảng... Chúng tổ chức nhiều buổi chiếu bóng (chiếu phim) ở khắp nơi trong tỉnh, phát đồ viện trợ Mỹ để gây ảnh hưởng trong nhân dân. Chúng trương chiêu bài "Quốc gia độc lập" và khẩu hiệu: "tự do, dân chủ" để lừa bịp nhân dân, ép nhân dân vào các tổ chức do chúng lập ra như "phong trào cách mạng quốc gia", "phụ nữ liên đới", "thanh niên cộng hòa". Chúng suy tôn Ngô Đình Diệm là "Ngô chí sĩ", thổi phồng sức mạnh vật chất của Mỹ...

Cùng với việc tuyên truyền, xuyên tạc, địch tổ chức nhiều cuộc vây bắt cán bộ, thẩm sát nhân dân. Trong tháng 11-1954, tại bốn huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, địch đã tổ chức 75 vụ, bắt 352 người, giết 10 người, 5 người bị thương, 3 người mất tích¹.

Do ta đã chuẩn bị tổ chức từ trước, nên trong cuộc đàn áp của địch ở Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) ngày 21-11-1954, đội tuần sương của ta cùng nhân dân nổi dậy diệt 8 tên địch rồi loan tin "nội bộ chúng đánh lẫn nhau" để làm lạc hướng. Địch tưởng các đảng phái của chúng tranh chấp, giết nhau, nên không có cơ sở để đàn áp nhân dân. Nhân dân Bình Dương (Bình Sơn) đẩy lùi cuộc vây ráp của một đại đội địch trong hai ngày 22 và 24-12-1954.

Về phía ta, trên cơ sở chủ trương của Trung ương Đảng

1. Theo Báo cáo số 94/LH của Tổ liên hiệp Quảng Ngãi gửi Liên khu ủy V về "Tình hình Quảng Ngãi từ khi mới tiếp thu, từ 10-10-1954 đến 15-3-1955". Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

và Liên khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi được phân làm hai bộ phận: một bộ phận lo công việc công khai, chuyển quân, tập kết và một bộ phận hoạt động bí mật lo công việc chuyển hướng. Đồng chí Phạm Xuân Hòa được chỉ định Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

Tỉnh ủy tổ chức hội nghị vào ngày 25-10-1954 tại thôn Cây Bứa, xã Nghĩa Phương (Tư Nghĩa). Dự hội nghị có các đồng chí: Phạm Xuân Hòa, Phạm Thanh Biên, Nguyễn Phú Soại, Lê Tấn Tỏa, Lê Nhuệ (Lê Chí Thống)¹. Đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Liên khu ủy, trực tiếp tham dự. Hội nghị đã tập trung bàn về công tác củng cố Đảng, thảo luận và thông qua nghị quyết về vấn đề chuyển hướng tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới. Hội nghị bàn sâu hai nhiệm vụ:

- Lãnh đạo, tổ chức tốt việc chuyển quân tập kết đúng kế hoạch.

- Chuẩn bị tư tưởng và tổ chức để chuyển sang đấu tranh chính trị nhằm giữ gìn lực lượng, đưa phong trào cách mạng tiếp tục tiến lên.

Theo quyết định của Liên khu ủy, miền Tây Quảng Ngãi bao gồm các huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tư thuộc sự chỉ đạo của Liên khu ủy trước đây, nay trở về thuộc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Tỉnh ủy chủ trương gấp rút xây dựng một số căn cứ ở

1. Đồng chí Lê Tấn Tỏa và Lê Nhuệ được bổ sung vào Tỉnh ủy tại Hội nghị củng cố Tỉnh ủy, tháng 4-1954 ở Hành Đức (Nghĩa Hành). Hiện nay các đồng chí Biên, Soại, Tỏa, Nhuệ còn sống và tham gia nhóm giúp đỡ công tác biên soạn tập lịch sử này.

đồng bằng đã có điều kiện bám dân, thuận tiện cho việc lãnh đạo, thực hiện việc chuyển quân tập kết.

Tỉnh ủy phân công đồng chí Phạm Xuân Hòa phụ trách chung; đồng chí Phạm Thanh Biên phụ trách xây dựng căn cứ, trực tiếp làm Bí thư Ban cán sự miền Tây; đồng chí Lê Tấn Tỏa phụ trách Bình Sơn; đồng chí Nguyễn Phú Soại phụ trách Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, đồng chí Lê Huệ phụ trách Đức Phổ, đồng chí Nguyễn Khiển (Chót) phụ trách Sơn Tịnh, đồng chí Phạm Chương phụ trách Nghĩa Hành...

Các ban huyện ủy được tổ chức lại cho phù hợp với tình hình mới.

Cán bộ được chỉ định ở lại hoạt động trong toàn tỉnh có khoảng trên 300 người¹. Số này rút vào hoạt động bí mật. Còn hầu hết đảng viên sống hợp pháp, làm ăn để lãnh đạo nhân dân thi hành Hiệp định, nhằm duy trì và giữ vững phong trào. Tỉnh ủy còn bố trí một số đồng cán bộ người Kinh lên hoạt động ở miền Tây Quảng Ngãi. Nhiều đồng chí đã sống theo tập tục của đồng bào Thượng: cà răng, râu tai, đóng khố. Do hòa mình với đồng bào mà các đồng chí không bị địch phát hiện, được dân tin yêu và sau này trở thành cán bộ chủ chốt của địa phương miền núi.

Các tổ chức quần chúng được sắp xếp lại thành các tổ chức hợp pháp để hoạt động. Ở nông thôn có đội tuần sương, hội văn công, đội công, hội an táng... Ở miền núi

1. Theo số liệu của *Lịch sử Kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Tập II, chuyển chiến lược, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, thì đến tháng 3-1955 Quảng Ngãi có 396 người.

có hội sản bản. Ở thị xã, thị trấn có tổ chức nghiệp đoàn, phụ nữ, thanh niên, học sinh.

Tỉnh ủy chủ trương vận động một số gia đình, cá nhân tầng lớp trên (như các hào mục, thân sĩ, cà rá, một số chức sắc tôn giáo...) ủng hộ, giúp đỡ cách mạng, tạo sự đoàn kết rộng rãi chống Mỹ - Diệm.

Cùng với việc sắp xếp tổ chức, bố trí người ở lại hoạt động, công tác chuyển quân tập kết đối với các đơn vị bộ đội chủ lực, cán bộ, đảng viên và gia đình có công với cách mạng được thực hiện theo đúng kế hoạch.

Từ ngày 10-10-1954, ta rút quân khỏi khu vực 80 ngày ở bắc sông Trà Khúc. Tháng 11-1954, ta lại rút khỏi khu vực 100 ngày từ nam sông Trà Khúc đến bắc sông Vệ (có thị xã Quảng Ngãi). Tháng 4-1955, ta rút đợt cuối khỏi khu vực 300 ngày ở phía nam Quảng Ngãi. Đến giữa tháng 5-1955, việc chuyển quân tập kết đã hoàn thành theo đúng quy định của Hiệp định Giơnevơ.

Việc tiến đưa cán bộ, đảng viên và các gia đình có công với cách mạng ra miền Bắc và việc chuyển quân tập kết được tổ chức chu đáo. Đồng thời, Đảng bộ vẫn chăm lo khôi phục kinh tế, ổn định đời sống cho nhân dân. Tận dụng khoảng thời gian 300 ngày, được sự hỗ trợ của lực lượng bộ đội và các cơ quan, nhân dân trong tỉnh khẩn trương đào kênh Tư Nghĩa, sửa chữa và làm mới hệ thống mương tưới tiêu nước cho hơn 10.000 ha ruộng đồng các huyện, nhất là hệ thống đập thủy lợi Cà Ninh (Bình Sơn), kênh Sơn Tịnh (còn gọi là "kênh ông Cát", tức đồng chí Nguyễn Cát, nguyên chủ tịch huyện), đào hơn 17 km thuộc hệ thống kênh Tứ Đức, Bàu Súng (Mộ Đức). Đoạn đường

sắt và quốc lộ 1 ở địa phương được khẩn trương khôi phục, nhằm phục vụ kịp thời việc chuyển quân tập kết và di lại của nhân dân. Tỉnh còn tổ chức chuyển hàng trăm tấn gạo, hàng chục tấn muối, vải, thuốc men, hàng trăm triệu đồng, v.v. giúp các gia đình thương binh, liệt sĩ, đồng bào các huyện miền núi, ven biển.

Những việc làm thiết thực trên đây đã củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Bác Hồ. Song, do phải hoàn thành việc chuyển quân tập kết đúng thời hạn, nên công việc chuẩn bị cho Đảng bộ và nhân dân bước vào thời kỳ đấu tranh mới chưa làm được nhiều. Đảng bộ có tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân học tập đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ mới, hướng dẫn nhân dân dựa vào pháp lý và các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ để đấu tranh với địch. Bên cạnh đó, Đảng bộ chưa chỉ rõ cho cán bộ, đảng viên được bố trí ở lại và quần chúng thấy tính phức tạp của thời kỳ đấu tranh mới và âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Trong nhân dân có tâm trạng vừa mừng hòa bình vừa luyến tiếc những năm tháng được sống tự do dưới chính quyền cách mạng, nay phải sống trở lại dưới chế độ cũ của thực dân, tay sai và mang tâm trạng lo lắng.

Để tiếp tục ổn định tình hình, duy trì lực lượng cách mạng, tháng 1-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại Lương Nông, Đức Minh (Mộ Đức) tiếp tục bàn công tác chuyển hướng, rút kinh nghiệm hai cuộc đấu tranh với địch ở Tịnh Thiện và Bình Dương (tháng 11 và tháng 12-1954), uốn nắn lại phương pháp đấu tranh. Hội nghị bàn kỹ việc xây dựng căn cứ địa ở đồng bằng và miền núi, xây dựng chỗ dựa lâu dài cho phong trào cách mạng. Ta chủ trương đưa người vào hàng ngũ địch để hoạt động, nhằm hạn chế sự

phát xít hóa của kẻ thù, dùng các tổ chức biến tướng hợp pháp như đội tuần sương, hội săn bắn để chống lại hành động đàn áp của địch, khi cần thiết thì diệt bọn ác ôn, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh.

Tháng 4-1955, Tỉnh ủy họp tại thôn Tài Lương, huyện Hoài Nhơn (Bình Định). Đồng chí Nguyễn Quang Lâm được bổ sung vào Ban Thường vụ thay đồng chí Hồ Thiết (đi tập kết).

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm tập trung khủng bố dã man những người kháng chiến cũ, những người yêu nước. Lợi dụng lúc quân đội nhân dân Việt Nam rút khỏi vị trí đóng quân, các vùng tự do cũ về nơi tập kết, đồng bào ta còn ngơ ngàng, tổ chức Đảng chưa ổn định, địch tiến hành đánh phá ngay hòng gây không khí khủng khiếp trong nhân dân, làm cho hàng ngũ đảng viên và quần chúng bị rối loạn. Khẩu hiệu "tiêu diệt cán bộ năm vùng", "tiêu diệt cộng sản tận gốc", "thà giết nhầm còn hơn bỏ sót" của Diệm đã có tác dụng kích thích một số binh lính, cảnh sát và những tên ác ôn tay sai điên cuồng, tàn sát đẫm máu những người yêu nước, kháng chiến cũ, những người có cảm tình với cách mạng hoặc bị tình nghi. Địch mở chiến dịch "tố cộng" nhằm đánh vào cộng sản và đánh cả vào dân, lấy đánh vào Đảng Cộng sản làm mục tiêu quyết định nhất. Chúng kết hợp vừa tiêu diệt con người, vừa tiêu diệt tinh thần, tư tưởng, nhằm mục đích cuối cùng là làm cho người cộng sản hoặc bị tiêu diệt hoặc chịu thuần phục quốc gia, làm cho quần chúng hoặc chết hoặc trở thành người dân quốc gia.

Bộ máy chỉ đạo "tố cộng" được tổ chức từ cấp trung ương xuống tận liên gia.

Trọng điểm của chiến dịch "tố cộng" được thực hiện ở các tỉnh miền Trung. Thủ đoạn của chúng là kết hợp giữa mua chuộc, phỉnh phờ với khủng bố, đàn áp. Chúng phân nhân dân làm 3 loại¹. Phương châm của chúng là "dựa vào C đánh vào A, làm cho loại B khiếp sợ và khuất phục".

Sau khi phân loại, dịch buộc những người kháng chiến cũ phải ra trình diện, nhận giấy chứng nhận "cán bộ hồi chánh". Chúng bắt mỗi gia đình chụp chung một tấm hình, khai rõ họ tên, nghề nghiệp treo trước nhà.

Tại Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm thông qua bọn phản động có tư tưởng phục thù trong giai cấp địa chủ, bọn Quốc dân Đảng, Đại Việt, bọn phản động đội lốt tôn giáo, bọn lưu manh...lòng lộn đánh phá cách mạng. Chúng kết hợp nhiều thủ đoạn thâm độc: tuyên truyền xuyên tạc sự thật, gây tâm lý hoài nghi và hiềm khích, không tin tưởng lẫn nhau giữa bà con trong làng xóm, cha mẹ, anh chị em trong nhà, làm xáo trộn mối quan hệ truyền thống trong nông thôn. Chúng lén lút thủ tiêu một số cán bộ ở lại. Chúng mở các đợt tố cộng, bắt quần chúng và một số đảng viên xé cờ, ly

1. Loại A "Công dân bất hợp pháp" gồm cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến cũ.

Loại B "Công dân nửa hợp pháp" gồm những gia đình có người tập kết, có liên quan đến những người kháng chiến cũ.

Loại C "Công dân hợp pháp" gồm những thành phần còn lại.

khai Đảng, khủng bố, đàn áp, thăm sát hàng loạt đồng bào ở tây Sơn Tĩnh.

Từ tháng 2-1955, chúng mở chiến dịch "Phan Chu Trinh" trong toàn Nam Trung Bộ. Trọng điểm đánh phá của chúng là Quảng Nam và huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi).

Tháng 4-1955, địch mở chiến dịch "giải phóng" nhằm đánh phá các huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định.

Tháng 5-1955, địch mở chiến dịch "Trịnh Minh Thế" đánh phá các tỉnh còn lại của Liên khu V.

Mỹ - Diệm biết miền núi là căn cứ cách mạng nên chúng tập trung đánh phá quyết liệt. Chúng tiến hành thanh lọc bộ máy chính quyền ở thôn xóm, gạt những người không trung thành ra khỏi quyền, bắt và thủ tiêu cán bộ cách mạng, gây hận thù giữa người Kinh và người Thượng. Chúng sử dụng bọn phản động ở Sơn Hà trước đây như Đinh Ênh, Đinh Ngô, Đinh Bồ Nhỉ và bọn lính Nùng do Pháp đưa từ miền Bắc vào đàn áp nhân dân. Đồng thời, chúng mua chuộc một số cà rá (tù trưởng, già làng) để chống phá phong trào cách mạng. Chúng áp dụng chính sách "dùng người dân tộc trị người dân tộc" để phá hoại phong trào cách mạng. Tại hai xã Trà Thủy và Trà Sơn (Trà Bồng), trong một đợt khủng bố, chúng đã giết hại một lúc 13 người và bắt đi nhiều người khác.

Tháng 9-1955, trong vụ khủng bố ở Sơn Hà, địch đã bắn một lúc 22 đồng chí, trong đó có đồng chí Đinh Chiêu, huyện ủy viên, bí thư xã Sơn Nham. Đồng chí đã nêu cao tấm gương hy sinh bất khuất, một lòng tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ.

Cùng với việc đàn áp, chúng thẳng tay cướp bóc trâu bò, chiêng, ché, quế, tài sản của nhân dân. Chúng lập trụ sở công an ở Đồng Ké (một bộ phận của Ty công an) để theo dõi vùng giáp ranh giữa trung châu và miền núi (tây Sơn Tĩnh và Sơn Hà).

Ở thị xã và các thị trấn, địch tìm mọi cách khống chế hoạt động của ta. Chúng bố trí tình báo về mọi nơi để theo dõi các hoạt động của ta. Chúng tăng thêm các đồn bót và lực lượng cảnh sát chung quanh các vùng xung yếu, các trục đường giao thông quan trọng.

Trong khi thực hiện chính sách "tố cộng", "diệt cộng", chính quyền Ngô Đình Diệm đồng thời tìm cách xóa bỏ thành quả cách mạng ở nông thôn, bần cùng hóa nhân dân bằng việc ban hành đạo dụ số 2 ngày 8-1-1955 và số 7 ngày 5-2-1955 về "cải cách điền địa". Ngày 22-10-1956, Diệm ra tiếp đạo dụ số 57, với khẩu hiệu "hữu sản hóa nông dân", "thẳng tiến cần lao, đồng tiến xã hội", thực tế là tiếp tục tước đoạt ruộng đất của nông dân, bảo vệ và duy trì đặc quyền, đặc lợi của giai cấp địa chủ.

Từ giữa năm 1956 đến năm 1957, khắp nơi trong tỉnh nhà tù mọc lên như nấm. Thôn, xã nào cũng có trại giam nhốt chật ních những người kháng chiến cũ, những người có cảm tình với cách mạng. Ở những thôn có số dân từ 1.500 đến 3.000 người, ít nhất có từ 300 đến 500 người bị bắt bớ, đánh đập. Riêng thôn An Điền (xã Bình Chương, Bình Sơn) với 1.000 dân mà có tới 5 trại giam.

Do sự phản kích, khủng bố điên cuồng của địch, phong trào cách mạng Quảng Ngãi cũng như toàn miền Nam bước vào một thời kỳ khó khăn, phức tạp chưa từng thấy. Do

đó, nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của ta là giữ gìn lực lượng cách mạng, bảo vệ lực lượng lãnh đạo Đảng và lực lượng nòng cốt trong quần chúng.

Để bảo toàn lực lượng lãnh đạo, cơ quan Tỉnh ủy từ Đức Phổ chuyển ra Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) và sau chuyển lên vùng trung tâm ở phía nam Trà Bồng và bắc Sơn Hà.

Ngày 25-10-1955, tại nóc Ông Tơ, chân núi Cà Đam, xã Trà Bùi (Trà Bồng), Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp, do đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Bí thư¹ chủ trì, đã quyết định: phát động toàn dân đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi cứu đói khẩn cấp cho đồng bào miền núi; củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, xây dựng chi bộ bí mật, cơ quan bí mật, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp, đẩy mạnh công tác binh địch vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá cách mạng của chúng.

Hội nghị Tỉnh ủy quyết định lấy các xã người Cor ở phía nam huyện Trà Bồng² như Trà Xanh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham, Trà Lãnh làm trung tâm căn cứ của tỉnh. Đồng chí Văn Trinh được cử làm Bí thư Ban cán sự Đảng khu căn cứ. Ban xây dựng

1. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm được Liên khu ủy V chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi từ 10-10-1955.

2. Các xã Sơn Thọ, Sơn Bùi, Sơn Tân gồm đại bộ phận là dân tộc Cor, trước đây thuộc huyện Sơn Hà, nay thuộc Trà Bồng và đặt tên là Trà Thọ, Trà Bùi, Trà Tây, Trà Trung, Trà Tân; về sau các xã nói trên thuộc Khu II, trung tâm căn cứ tỉnh Quảng Ngãi.

và bảo vệ căn cứ được thành lập do đồng chí Phạm Thanh Biên làm Trưởng ban.

Tỉnh ủy còn chú trọng các mặt công tác khác, như đẩy mạnh việc tuyên truyền ở nơi đông người như thị xã, thị trấn, bến đò, chợ, kêu gọi quần chúng đấu tranh chống Mỹ - Diệm, xây dựng giao thông liên lạc hợp pháp và đề xuất phương hướng hoạt động bí mật. Tỉnh ủy quyết định ra tờ báo "Hòa bình" (sau đổi là "Thống nhất" rồi "Cờ giải phóng", cuối cùng là tờ "Giải phóng") ở đồng bằng và tờ "Đoàn kết" ở miền núi.

Với những chủ trương đúng đắn và chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn được duy trì. Cán bộ, đảng viên được bố trí về các cơ sở hoạt động. Họ bám sát dân, xây dựng phong trào, được quần chúng yêu mến, tín nhiệm. Chính sự tận tụy, gương mẫu của cán bộ, đảng viên mà làm cho nhân dân tin tưởng vào Đảng. Nhờ vậy, trong một thời gian ngắn, dù bị địch khủng bố ác liệt, lực lượng cách mạng vẫn hạn chế được một phần tổn thất. Các lực lượng quần chúng được sắp xếp, một số căn cứ ở miền núi và đồng bằng được củng cố, các lực lượng hợp pháp, nửa hợp pháp và những tổ chức "biến tướng" được hình thành để bảo vệ thôn, xóm, bí mật diệt bọn phản động ác ôn. Do đó, ở nhiều nơi thuộc các huyện miền Tây Quảng Ngãi, địch không thiết lập được bộ máy ngụy quyền, hoặc có lập cũng bị ta chi phối. Qua các đợt "tổ cộng" của địch, các cơ quan lãnh đạo, lực lượng cơ sở, thanh niên nòng cốt đều được duy trì giữ vững và có những hình thức chống địch có hiệu quả trong tình hình mới, đặc biệt ở miền núi.

Ngày 4-3-1956, Mỹ - Diệm tổ chức tuyển cử riêng rẽ, bầu quốc hội bù nhìn. Hiệp định Giơnevơ bị chúng xé toạc để rảnh tay, tập trung mũi nhọn dùng bạo lực tàn khốc khủng bố nhân dân ta.

Trước tình hình đó, cũng như để đấu tranh cho cuộc tổng tuyển cử sắp đến, ngày 27-4-1956, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp hội nghị ở Di Ngâu (Trà Bồng), thông qua nghị quyết phát động một đợt đấu tranh công khai, đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà vào giữa năm 1956.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, từ cuối tháng 5 đến hết tháng 7-1956, nhiều cuộc biểu tình của nhân dân trong tỉnh được tổ chức khắp các huyện, thị, tập hợp hàng vạn người tham gia. Trên toàn huyện Đức Phổ không ai ra đồng làm việc; mọi người đều mặc quần áo trắng, sôi nổi tham gia các cuộc họp lấy chữ ký vào bản kiến nghị. Nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức kéo đến trụ sở ngục quyền xã chất vấn, đưa kiến nghị phản đối Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp định, đòi tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhân dân Thu Xà (Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa), bất chấp cái chết, nằm lăn giữa đường để cản xe địch bắt dân đi "dinh điền". Cùng lúc đó, nhân dân thị xã đấu tranh đòi thả cụ Nguyễn Tịnh, trả lại tiệm thuốc tây cho ông Hà Thúc Ngọc, trả người thân bị địch giam ở Vườn ươm... Hàng trăm đồng bào các xã Ba Lãnh, Ba Lang (Ba Tơ) và các huyện Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà kéo về quận lý đòi cứu đói, cứu đau cho dân, tố cáo những hành động khủng bố của Mỹ - Diệm. Các cuộc đấu tranh trên đã tranh thủ được sự đồng tình của một số binh lính địch và công chức ngục quyền xã, ấp, thức tỉnh tình

thần dân tộc trong một số tầng lớp nhân dân, họ đã tham gia đấu tranh đòi thống nhất nước nhà.

Tháng 6-1956, Hội nghị Bộ Chính trị nhận định: Khả năng giằng co kéo dài, tình trạng chia cắt đang tồn tại ở miền Nam; hình thức đấu tranh trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang; nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của giáo phái chống Diệm; cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa.

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đang công tác ở miền Nam, sau khi phân tích một cách khoa học tình hình chính trị, xã hội miền Nam và vận dụng những quy luật đấu tranh cách mạng vào hoàn cảnh cụ thể của ta, đã soạn thảo *Đề cương cách mạng miền Nam*. Đồng chí chỉ rõ: "Chế độ độc tài phát xít ở miền Nam chỉ là sản phẩm của sự câu kết giữa Mỹ, kẻ đang lăm le gây ra một cuộc chiến tranh mới chống nhân dân ta với tập đoàn Ngô Đình Diệm, kẻ đang cố sống, cố chết phản kích lại các lực lượng cách mạng nhằm mục đích trả thù và áp bức, bóc lột nhân dân"¹. Do đó "nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách đế quốc phong kiến, thiết lập ở miền Nam một chính quyền

1. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 104-105.

liên hiệp có tính chất dân tộc, dân chủ để cùng với miền Bắc thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ nhân dân"¹. Bản đề cương khẳng định "nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó không có con đường nào khác"².

Những chủ trương, tìm tòi ban đầu của Đảng đã soi sáng cuộc đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi trong tình hình cách mạng ở tỉnh đang gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các huyện đồng bằng.

II- KIÊN TRÌ TRỤ BÂM, CHỐNG ĐỊCH ĐÁNH PHÁ, GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG

Sau ngày 20-7-1956, qua hai năm phá hoại Hiệp định, Ngô Đình Diệm cho đây là giai đoạn ổn định để xây dựng. Diệm tiến hành phát xít hóa bộ máy chính quyền, nâng "tổ cộng" thành quốc sách, hô hào lấp sông Bến Hải, "Bắc tiến".

Rút kinh nghiệm các chiến dịch tổ cộng đợt 1, kết hợp kinh nghiệm đàn áp phong trào cách mạng của thực dân, đế quốc nhiều nơi trên thế giới, tháng 6-1956, Mỹ - Diệm phát động đợt 2 chiến dịch tổ cộng trên toàn miền Nam nhằm "truy tước cho hết cộng sản". Đảng bộ Liên khu V và tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi bị tổn thất nặng. Ở đồng

1. Lê Duẩn; Sđd, tr. 103.

2. Lê Duẩn; Sđd, tr. 101.

bằng Liên khu V, 70% chi ủy viên, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên bị địch bắt, giết; 12 huyện không còn cơ sở Đảng¹.

Ở Quảng Ngãi, tổ chức Đảng tổn thất nặng ở nhiều huyện. Địch bắt giam cán bộ chận ních các nhà giam. Phong trào cách mạng ở các huyện đồng bằng gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Một số cán bộ, đảng viên và quần chúng hoang mang, dao động. Đại bộ phận cán bộ, quần chúng muốn dùng vũ trang để đánh đổ Mỹ - Diệm.

Tuy bị địch khủng bố, đàn áp dã man, song trong thời gian này, các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của quần chúng vẫn tiếp tục diễn ra một số nơi. Đồng bào các xã Phổ Cường (Đức Phổ), Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) không ngừng đấu tranh chống các buổi tố cộng của địch. Tù chính trị ở các nhà lao Quảng Ngãi nhất loạt tuyệt thực, tẩy chay chiến dịch "ly khai Đảng", "xé cờ Đảng" của địch. Nông dân các huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành, Bình Sơn... phản đối đạo dụ số 57 về cải cách điền địa của Mỹ - Diệm², đánh lại bọn ác ôn ở ruộng để giữ nguyên canh. Nông dân Tư Nghĩa, Sơn Tịnh tìm cách không chịu ký bản "khế ước

1. Dẫn theo số liệu của cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, (1954-1975), Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t.II, tr. 95.

2. Theo quy định của đạo dụ số 57, địa chủ được quyền lưu giữ 100 ha, 30 ha tự làm và 15 ha hương hỏa (tổng cộng 145 ha). Số ruộng thừa, nhà nước mua lại bán cho nông dân. Nhưng số địa chủ chiếm trên 145 ha rất ít nên số ruộng bán cho nông dân không đáng bao nhiêu. Thực chất của đạo dụ 57 là tiếp tục cướp đất của nông dân.

(Theo "Chung một bóng cờ", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 94-95).

lãnh canh" của bọn địa chủ. Ở các huyện miền núi Ba Tơ, Sơn Hà, địch lấy lại ruộng đất của bọn Việt gian mà chính quyền cách mạng đã chia cho dân nghèo, như ruộng của Già Kiêu, Nguyễn Thân, Đinh Ênh, Đinh Lãi, Đinh Đí... Địch đàn áp, nhân dân đã đấu tranh, giữ nguyên canh, làm cho địch phải chùn tay.

Trong khi phong trào ở đồng bằng gặp nhiều khó khăn, tổn thất, thì phong trào các huyện miền núi được duy trì và giữ vững. Từ đấu tranh chính trị, phong trào tiến lên kết hợp hình thức vũ trang tự vệ thích hợp. Trong thời gian này, nhân dân miền núi đã vận dụng phong tục "trả đầu" ngày xưa (đã được xóa bỏ sau Cách mạng Tháng Tám 1945) để trừng trị bọn ác ôn chỉ điểm, bảo vệ cơ sở cách mạng, như các nhóm anh Lùm, anh Lang ở Trà Bồng; Phó Nía¹, Với Quít² ở Sơn Hà; ông Hời, Chánh Khanh³ ở Ba Tơ... mang lại cho nhân dân nguồn sinh lực mới, làm cho kẻ thù hoang mang, dao động, không dám khùng bố như trước. Các nhóm trên chỉ mới tổ chức trong phạm vi hẹp vì còn thăm dò phản ứng của địch.

Nhờ sự kết hợp các hoạt động tự vệ trên mà căn cứ cách mạng ở miền núi được giữ vững và mở rộng. Xu hướng đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang tự vệ của

1. Phó Nía, một thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp trước 1945, là cán bộ lãnh đạo của huyện Sơn Hà trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Với Quít, tức hai đồng chí Đinh Với, bí thư xã Sơn Trung và Đinh Quít, xã đội trưởng Sơn Lãng, huyện Sơn Hà.

3. Chánh Khanh, tức đồng chí Đinh Khanh, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Ba Tơ trong kháng chiến chống Pháp.

quần chúng ngày càng thể hiện rõ. Cán bộ, đảng viên được rèn luyện, đào tạo trong đấu tranh, bám sát phong trào, dù chết vẫn giữ trọn khí tiết cách mạng (tiêu biểu là các đồng chí Võ Tấn, Tu Nhân Đạo, Trần Xuân Hải, Võ Hải, Nguyễn Xảo, Đinh Chiêu..., đặc biệt đồng chí Phạm Xuân Hòa, Phó bí thư Tỉnh ủy đã hy sinh anh dũng vào tháng 4-1957, tại Đức Phổ).

Cuối năm 1956, Khu ủy chủ trương đưa một số bộ phận cán bộ, đảng viên ra sống hợp pháp để tổ chức hệ thống lãnh đạo công khai bên ngoài, kết hợp với hệ thống "bất hợp pháp" bên trong.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có mấy lần họp trong tháng 11-1956 bàn việc thực hiện chủ trương của Khu ủy V về đưa cán bộ ra sống hợp pháp. Đến tháng 12-1956, ý kiến trong Tỉnh ủy vẫn chưa thống nhất nên đã đề nghị Khu ủy:

- Cho khôi phục lại bạo lực, khôi phục lực lượng vũ trang.

- Nếu đưa một bộ phận cán bộ ra hoạt động hợp pháp thì chọn trong số tỉnh ủy viên để lại một ít để giữ con đường đấu tranh bất hợp pháp của Đảng. Nếu đưa cán bộ ra hết thì sẽ bị địch diệt hết.

Khu ủy V tán thành ý kiến tiếp tục đấu tranh bất hợp pháp của Quảng Ngãi. Còn vấn đề bạo lực thì Tỉnh ủy cử người lên Khu bàn thêm.

Sang năm 1957, phong trào đấu tranh ở các huyện miền núi tiếp tục phát triển. Để tiện cho việc chỉ đạo phong trào miền núi, tại hội nghị Tỉnh ủy tháng 7-1957, Tỉnh ủy chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính của các huyện. Tỉnh ủy quyết định tách hai xã Sơn Kỳ, Sơn Ba của huyện

Sơn Hà nhập với 9 xã phía tây của huyện Ba Tơ, thành lập Khu VI (đến năm 1965 gọi là huyện Sông Hře), tách 10 xã khu tây Sơn Hà, thành lập Khu VII (đến năm 1965 gọi là huyện Sơn Tây). Các xã còn lại của huyện Sơn Hà nằm trong Khu III (đến năm 1965 gọi là huyện Sơn Hà).

Hội nghị cho rằng, ở miền Nam hiện nay, địch dùng bạo lực phản cách mạng để tiêu diệt lực lượng cách mạng và trong một thời gian ngắn chúng đã đánh phá phần lớn vùng đồng bằng, sẽ đánh phá miền núi. Nếu ta vẫn theo đường lối hợp pháp một chiều thì tổn thất sẽ ngày một lớn. Do đó, phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, phải có vũ trang ở chừng mực nào thì đấu tranh chính trị của quần chúng mới mạnh được, mới hạn chế sự đánh phá của địch, mới duy trì được phong trào và chuẩn bị điều kiện giành thắng lợi sau này.

Sau khi họp xong, Tỉnh ủy cử hai đồng chí Đinh Mô và Đinh Cửu lên Khu ủy báo cáo tình hình.

Qua báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Khu ủy cho làm như vậy là tốt. Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhận được cuốn sách "Bàn về cách mạng miền Nam" in rônêô từ Nam Bộ gửi ra. Nghiên cứu kỹ những vấn đề con đường tiến lên của cách mạng miền Nam và đối chiếu với thực tế của tỉnh từ 1954 đến bây giờ, Tỉnh ủy thấy như vậy là hợp lý. Từ đó, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ của Quảng Ngãi là ra sức xây dựng thực lực, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị tiến hành vũ trang khởi nghĩa.

Cuối năm 1957, hội nghị Tỉnh ủy thống nhất các chủ trương trên và báo cáo lên Khu ủy, bắt đầu tổ chức từng đội vũ trang công tác ở ba huyện miền núi Trà Bồng, Sơn

Hà, Ba Tư để đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng cách mạng, diệt ác trừ gian, hạn chế hoạt động của bọn tề ngụy chỉ điểm...

Để đưa phong trào tiến lên, tiếp sau những gợi ý của đồng chí Lê Duẩn, năm 1958 Khu ủy V chủ trương xây dựng căn cứ địa, tích cực khôi phục và phát triển cơ sở, tiến tới diệt ác có trọng điểm ở đồng bằng.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy V, tháng 2-1958 tại trung tâm khu căn cứ Di Ngâu, Trà Trung, Trà Bồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp bàn vấn đề chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang.

Hội nghị nghe các đồng chí được cử lên Khu ủy về báo cáo tình hình. Khu ủy cho rằng, Quảng Ngãi áp dụng vấn đề bạo lực như vũ trang diệt ác, bố phòng đã khôi phục phong trào nhanh. Khu ủy gợi ý: nếu sắp đến Quảng Ngãi tích cực chuẩn bị hơn nữa thì chừng nào có thể giành lại được căn cứ miền núi?

Hội nghị đã thảo luận kỹ gợi ý của Khu ủy và thống nhất đề ra nhiệm vụ cho từng vùng:

- Ở miền núi, đẩy mạnh xây dựng các căn cứ, tổ chức các đội tự vệ thôn xã, vô hiệu hóa ngụy quyền cơ sở. Riêng các thôn, xã vùng cao khi có điều kiện và thời cơ thuận lợi thì xóa bỏ chính quyền địch, xây dựng chính quyền tự quản của nhân dân. Để thuận tiện cho việc chỉ đạo, hội nghị chủ trương lần lượt chia miền núi thành tám khu (từ Khu I đến Khu IX không có Khu VIII).

- Ở đồng bằng, ra sức xây dựng các tổ chức quần chúng; khôi phục và xây dựng căn cứ lóm và hành lang từ đồng bằng lên căn cứ miền núi, đưa cán bộ người Kinh có kinh

nghiệm ở miền núi xuống đồng bằng bổ sung cho phong trào và tổ chức các tổ công tác diệt ác; điều động cán bộ vào các vùng sâu, vùng địch còn kẹp chặt để vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh chống địch thông qua các đội vũ trang công tác diệt ác; cùng với việc xây dựng cơ sở quần chúng, cơ sở Đảng, các địa phương cần tổ chức các đội vũ trang diệt ác có trọng điểm.

- Phát động đồng bào miền núi đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tự túc và nuôi quân, lập các điểm sản xuất của tỉnh; chuẩn bị lương thực, muối, vải, các phương tiện dùng đủ trong ba năm; chuẩn bị cho quần chúng hai chỗ ở, một nơi ở hợp pháp tại chỗ, một nơi ở sâu trong núi để cất giấu tài sản, coi như khu nhà bí mật; trong khu bí mật tổ chức tốt việc giao thông, liên lạc.

- Về cơ quan, chuẩn bị cho được một nơi tương đối ổn định trong một vùng rộng, không có chính quyền địch; phải chuẩn bị muối, lương thực, giấy, mực... đủ cho ba năm; tại căn cứ trung tâm mở lớp đào tạo cán bộ (từ năm 1957, 1958 ngoài đào tạo cán bộ chính trị, còn đào tạo cán bộ vũ trang, cán bộ văn hóa, cán bộ y tế); rút thanh niên các huyện lên để chuẩn bị thành lập đơn vị tập trung, đào vũ khí chôn khi tập kết và đánh địch lấy vũ khí để trang bị, tổ chức quần chúng rèn giáo mác để bổ sung thêm.

Sau hội nghị, Tỉnh ủy cử một đoàn cán bộ, do đồng chí Phạm Thanh Biên phụ trách, cùng đồng chí Đinh Mô, tỉnh ủy viên lên Khu ủy báo cáo và xin ý kiến. Đồng chí Trần Lương, Bí thư Khu ủy V và đồng chí Bảy Hữu, Chánh văn phòng Khu ủy làm việc với đoàn cán bộ Quảng Ngãi.

Ngày 20-5-1958, tại xã Trà Búi, Trà Bồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp để nghe ý kiến của Khu ủy và bàn kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang, bổ sung kế hoạch củng cố căn cứ địa¹.

1. Hội nghị Tỉnh ủy quyết định chia miền Tây thành tám khu (tương đương huyện):

- Khu I: bao gồm các xã: Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình, Trà Sơn, Trà Thủy, Trà Giang, Trà Đông, do đồng chí Đinh Cửu (Thị) làm Bí thư.

- Khu II: bao gồm các xã: Trà Tân, Trà Búi, Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Nham, Trà Thọ, Trà Xinh, Trà Trung, Trà Tây (đây là trung tâm căn cứ của tỉnh), do đồng chí Đinh Thường làm Bí thư.

- Khu III: bao gồm các xã vùng thấp Sơn Hà, do đồng chí Lê Nhuệ làm Bí thư.

- Khu IV: huyện Minh Long hiện nay, do đồng chí Đinh Mụm (Cảnh) làm Bí thư.

- Khu V: các xã Bắc, Trung, Nam huyện Ba Tơ, do đồng chí Trương Đình Tu (Bích) làm Bí thư.

- Khu VI: gồm các xã tây Ba Tơ và Sơn Ba, Sơn Kỳ, Sơn Thủy của Sơn Hà, do đồng chí Đinh Cày (Lãnh) làm Bí thư.

- Khu VII: toàn bộ khu vực Cà Dong thuộc Sơn Hà (huyện Sơn Tây hiện nay) cũng do đồng chí Đinh Cày (Lãnh) làm Bí thư, khi đồng chí Cày đi làm Bí thư khu VI, đồng chí Trương Trí thay.

- Khu IX: gồm các xã Trà Khê, Trà Thanh, Trà Quân, Trà Hiệp, Trà Lâm, do đồng chí Đinh Trinh làm Bí thư.

Tháng 7-1958, đồng chí Đinh Thơ (Khang) ở miền Bắc về tham gia Tỉnh ủy, được chỉ định phụ trách chung cả ba khu I, II, IX.

Đến năm 1962-1965, các khu này trực thuộc sự chỉ đạo của 32A Khu ủy V và vùng Liên Trà (Trà Bồng - Trà Mi).

Ban quân sự Tỉnh ủy được thành lập do đồng chí Phạm Thanh Biên, Phó bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, khắp nơi trong tỉnh ra sức chuẩn bị lực lượng. Ở đồng bằng, vấn đề quan trọng hàng đầu là xây dựng thực lực, xây dựng cơ sở, truyền đạt chủ trương mới của tỉnh để nhân dân phấn khởi, tin tưởng.

Trong thời gian này, đồng chí Nguyễn Đa, một trong những người chôn giấu vũ khí trước đây được cấp trên phái về cùng với đồng chí Quyết, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum, hướng dẫn cán bộ đào hầm vũ khí ở Ba Tơ, lấy được 42 khẩu súng trường và tiểu liên, 3 trung liên và 1 khẩu súng ngắn. Số vũ khí trên được trang bị cho lực lượng vũ trang của tỉnh khi thành lập.

Ở miền núi, ngày 22-6-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi triệu tập hội nghị cán bộ toàn miền Tây tại Làng Búp, Trà Phong, Trà Bồng để phổ biến nghị quyết của Hội nghị Tỉnh ủy (20-5-1958) về vấn đề chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. 80 cán bộ của 4 huyện miền Tây lợi suất, trò đùa về hợp với khí thế mới bắt nguồn từ những chuyển biến mau lẹ của phong trào đấu tranh ở cơ sở. Sau hội nghị, các huyện ra sức triển khai các mặt công tác, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt.

Ngày 7-7-1958, tại Gò Rô, Trà Phong, Trà Bồng, Tỉnh ủy mở Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi bàn việc đoàn kết các dân tộc, chuẩn bị đánh Mỹ - Diệm. Hơn 200 đại biểu đại diện cho các dân tộc Cor, Hre, Cà Dong, Kinh về dự Đại hội. Đại hội hoàn toàn tán thành chủ trương của Tỉnh ủy và nhất trí quyết nghị:

- Kêu gọi các dân tộc đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng

lòng hợp sức để đánh đổ Mỹ - Diệm. Mọi người tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí, sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

- Ra sức sản xuất và bố phòng, bảo vệ nương rẫy, chuẩn bị lương thực, muối, vải, đồ dùng đủ trong ba năm.

- Bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, kêu gọi nhân dân xóa bỏ mê tín dị đoan, không để ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và hoạt động cách mạng.

- Kêu gọi những người trong chính quyền địch, binh lính các đồn bót trở về với nhân dân.

Ban lãnh đạo tỉnh trao cho Đại hội lá cờ mang dòng chữ "Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng".

Đại hội Gò Rô là "Hội nghị Diên Hồng" chống Mỹ, cứu nước, thể hiện tình đoàn kết gắn bó và quyết tâm theo Đảng làm cách mạng của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi.

Sau Đại hội, nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi khẩn trương củng cố, xây dựng các căn cứ, tích trữ vật chất, tìm đào vũ khí, sẵn sàng chờ ý kiến của cấp trên. Cũng trong thời gian này, những cuộc nổi dậy diệt ác trừ gian nổ ra ở nóc Ông Vinh, xã Trà Lãnh, nóc Ông Lùn, Ông Chiêm xã Trà Khê. Tháng 12-1958, cuộc nổi dậy tương tự lại nổ ra ở nóc Cự Triều, Ông Đình xã Trà Lãnh. Những cuộc nổi dậy đó, chứng tỏ nhân dân không thể cam chịu trước sự đàn áp của địch, họ phải chống lại kẻ thù để tìm con đường sống.

Ở các huyện đồng bằng (Bình Sơn, Sơn Tịnh), các đội vũ trang công tác đã tích cực hoạt động, tuyên truyền, kêu gọi quần chúng đấu tranh trừ khử những tên ác ôn khét

tiếng, vận động thanh niên lên núi tham gia lực lượng cách mạng.

Tháng 8-1958, ta tổ chức diệt tên Võ Hoàng (xã Cẩm), Bí thư Đảng Căn lao nhân vị quận Ba Tư vừa nhận chức quận trưởng Ba Tư ngay tại nhà riêng của hắn ở Tịnh Hà (Sơn Tịnh). Vụ giết tên Hoàng có tiếng vang lớn không chỉ trong tỉnh Quảng Ngãi mà còn lan ra khắp miền Nam. Tháng 9-1958, đội công tác huyện Bình Sơn lại diệt hai tên ác ôn Phạm Đình Trực (xã Cẩm) ở Bình Chương và Cửu Dực ở Bình Nguyên. Tháng 11-1958, hai tên mật thám chỉ điểm ở Tịnh Giang và Tịnh Thọ cũng bị đội vũ trang công tác tiêu diệt.

Những hoạt động này làm cho bọn ngụy quyền, ác ôn hoang mang, lo sợ, quần chúng phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Nhờ đó, phong trào diệt ác, khôi phục và phát triển các tổ chức quần chúng ở đồng bằng, việc tuyển chọn thanh niên lên căn cứ thu được nhiều kết quả.

Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ đã khôi phục và phát triển cơ sở quần chúng khá nhanh, tuyển chọn được nhiều thanh niên, lập các đội vũ trang công tác đầu tiên của tỉnh. Huyện Bình Sơn đã làm trong sạch nội bộ nhân dân ở gần 30 thôn và lập đội vũ trang công tác gồm 9 đội viên vào ngày 19-12-1958. Tiếp đó, các huyện lần lượt thành lập các đội vũ trang công tác: đội Sơn Tịnh có 15 đội viên, đội Tư Nghĩa gồm 11 đội viên, đội Đức Phổ có 9 đội viên, đội Nghĩa Hành có 7 đội viên, đội Mộ Đức có 10 đội viên.

Cùng với hoạt động của các đội vũ trang công tác, phong

trào đấu tranh của nhân dân ở nông thôn, đồng bằng và đô thị được phục hồi và phát triển. Qua thời gian chống địch khủng bố, tư tưởng quần chúng bắt đầu được ổn định, đấu tranh kiên quyết hơn. Các khẩu hiệu "Đánh đổ Mỹ - Diệm", "Đòi công điền, công thổ", "Chống di dân" đã trở thành mục tiêu đấu tranh hàng ngày của đông đảo quần chúng. Nhân dân tẩy chay các tổ chức nghiệp đoàn phản động do địch lập ra, phản đối các chính sách kinh tế bịp bợm của địch như "cộng đồng kiến thiết", "nông tín cuộc", "hợp tác xã", v.v.. Nhân dân cũng bóc trần sự giả dối của việc nêu "dân sinh, dân chủ", "cải cách điền địa ngược, tư sản hóa địa chủ" của Mỹ - Diệm.

Ở thị xã, thị trấn, một số công chức, sĩ quan, binh lính chán ghét chế độ độc tài, phát xít, gia đình trị của họ Ngô. Tầng lớp tiểu thương phản đối thuế khóa, phạt vạ nặng nề của Diệm. Giới Phật tử tố cáo Mỹ - Diệm ngược đãi Phật giáo, nâng đỡ Công giáo¹.

Đến giữa năm 1958, tuy phong trào gặp khó khăn và bị địch đánh phá ác liệt, nhưng các tổ chức cơ sở Đảng ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ vẫn được duy trì; một số vùng có cơ sở được kiểm tra, thuần khiết.

Ở Bình Sơn có chi bộ các thôn Phước Bình, Đông Bình,

1. Diệm - Nhu ngăn cản hoạt động của Phật giáo; khuyến khích, cưỡng bức nhân dân vào đạo Thiên chúa, tạo điều kiện cho lực lượng tín đồ của Ngô Đình Thục phát triển. Ai vào đạo Thiên chúa thì được bố trí việc làm, nông dân được cấp ruộng đất, thóc gạo. Vì vậy, lúc bấy giờ lưu truyền câu ca "vào đạo có gạo mà ăn" để mỉa mai chủ trương của Diệm - Nhu.

Phước Thuận, Đồng Lớn (An Điền), Ngọc Trì, Mỹ Tân, Vĩnh An, Nam Bình, Châu Tử, Phú Lộc, Phú Lễ, Tiên Đào, Tân Phước, Bàu Gâm (Phước Thọ), Phú Nhiêu, An Thạnh, Liên Trì, Xuân Yên Đông, Xuân Yên Tây và một số xóm ở Trung An.

Đức Phổ có chi bộ ở các thôn Thanh Sơn, Nga Mân, Xuân Thành, Mỹ Trang (Phổ Cường), Thanh Lâm, Hải Môn và một số xóm ở các xã Phổ Ninh, Phổ Khánh, Phổ An, Phổ Văn, Phổ Thuận và Phổ Thạnh.

Sơn Tịnh có chi bộ ở Vĩnh Lộc, Khánh Mỹ, Trung Sơn, Thượng Thọ và một số xóm ở các xã Tịnh Bình, Tịnh Minh, Tịnh Thọ. Tỉnh ủy chủ trương xây dựng thị trấn Đồng Ké (Tịnh Giang) là nơi có cơ sở Đảng vững mạnh thành bàn đạp nối liền giữa đồng bằng, thị xã và miền núi, bảo đảm cho vấn đề kinh tế, hậu cần, thông tin liên lạc, đặc biệt giữa căn cứ miền núi và thị xã.

Tình hình tổ chức Đảng ở các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành còn gặp nhiều khó khăn, do bị tổn thất nặng trong các đợt tố cộng đẫm máu của Mỹ - Diệm, chỉ còn sót lại một số cơ sở. Tư Nghĩa chỉ còn cơ sở ở Đá Sơn, thôn 1, thôn 4 (Nghĩa Lâm) và một số xóm ở Nghĩa Lâm, Nghĩa Kỳ và Nghĩa Thắng; ở Nghĩa Hành có Trúng Kè (Hành Tín); ở Mộ Đức có trong một xóm ở Đức Lân. Một số nơi khác do hoạt động bí mật, thông tin liên lạc gặp nhiều khó khăn nên không nắm được tình hình.

Phong trào cách mạng trong tỉnh từ sau hội nghị Tỉnh ủy tháng 2-1958 đến cuối năm 1958 được phục hồi, giữ vững và phát triển. Phong trào các huyện miền núi phát triển mạnh. Cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng trong



Nhân dân đấu tranh chống tổ cộng, diệt cộng, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử (1954-1959)



Đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi nhận cờ của lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi tại Đại hội Gò Rô (1958). Cờ mang dòng chữ: “Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng”.

tỉnh đều phát triển. Hầu hết các huyện miền núi đều thành lập Huyện ủy và chi bộ Đảng cơ sở. Nơi nào chưa có tổ chức Đảng thì có ban cán sự quần chúng - tiền thân của chi bộ Đảng. Hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh xuống cơ sở ở miền núi được thông suốt. Những điều kiện này cùng việc tiếp nhận Nghị quyết 15 tạo thuận lợi cho Tỉnh ủy lãnh đạo thành công khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

III- THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 15, KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI

Bước sang năm 1959, phong trào cách mạng toàn miền Nam đứng trước những thử thách mới. Để tiếp tục đánh phá, đối phó với phong trào cách mạng miền Nam, Mỹ - Diệm đưa ra luật 10/59 nhằm lập tòa án quân sự đặc biệt ở Sài Gòn, Buôn Ma Thuột, Huế để xử tội "Việt cộng phá hoại và khủng bố". Đây là đỉnh cao hành động phát xít của Mỹ-Diệm, tiếp tục gây đau thương tang tóc cho đồng bào miền Nam.

Ở Quảng Ngãi, Mỹ-Diệm áp dụng các biện pháp đánh phá riêng cho từng vùng nhằm dập tắt phong trào cách mạng.

Ở vùng căn cứ của ta chúng dùng lực lượng quân sự (chủ yếu là sư đoàn 22 ngụy) kết hợp với lính bảo an, địa phương quân mở những cuộc hành quân lớn, càn quét, đánh phá. Miền Tây Quảng Ngãi thuộc loại vùng đánh phá trọng điểm của chúng.

Ở vùng tranh chấp (giáp ranh), chúng dùng lực lượng

bảo an, dân vệ hoạt động ráo riết ngày đêm, phục bắt cán bộ, đánh phá cơ sở.

Ở vùng do chúng kiểm soát, tăng cường các hình thức kim kẹp, khống chế nhân dân, thực hiện "tố cộng".

Tháng 1-1959, trong không khí sôi sục căm thù của nhân dân miền Nam, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 họp tại Thủ đô Hà Nội ra Nghị quyết 15, khẳng định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân".

Nghị quyết 15 có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng miền Nam, là yếu tố quan trọng dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tháng 5-1959, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy V truyền đạt Nghị quyết 15 cho cán bộ các tỉnh Khu V tại thôn Pờnờ Rinh, huyện Hiên, tỉnh Quảng Nam.

Được sự đồng ý của Khu ủy V, ngày 3-3-1959, tại một địa điểm giữa hai thôn Nước Xoay và Cà Nung, xã Trà Thọ, Trà Bồng, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của Quảng Ngãi với phiên hiệu 339 được thành lập gồm 33 cán bộ, chiến sĩ (27 thanh niên người Cor, 6 người Kinh) làm lễ tuyên thệ dưới cờ Tổ quốc. Họ thề "chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để đánh đổ Mỹ-Diệm, giành chính quyền về tay nhân dân". Hôm sau, có thêm 10 thanh niên từ các nơi đến gia nhập đơn vị 339, nâng tổng số cán bộ, chiến sĩ

của đơn vị lên 43 người. Cuối năm 1958 đầu năm 1959, Quảng Ngãi được Trung ương bổ sung tăng cường một số cán bộ quân đội và dân, chính, Đảng đi tập kết về.

Tháng 6-1959, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị Tỉnh ủy mở rộng để học tập và bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết 15. Lúc đầu dự định họp ở Mang Xinh, nhưng vừa khai mạc thì bị địch càn, Tỉnh ủy dời về họp tại nóc Già Làng Con, chân núi phía đông nam Cà Đam, xã Trà Bùi. Tỉnh ủy rất vui mừng vì đối chiếu chủ trương của tỉnh từ trước đến nay, căn bản đi đúng đường lối của Trung ương. Nghị quyết 15 giúp cho lãnh đạo của tỉnh nhận thức sâu sắc về mối quan hệ, tác động giữa phong trào ở địa phương với toàn quốc, giữa Việt Nam với quốc tế, làm sáng tỏ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, cũng như phương pháp cách mạng và sách lược cách mạng của Đảng. Các đồng chí lãnh đạo của tỉnh hoàn toàn yên tâm, tin tưởng, nổi băn khoăn lo ngại trước đây được giải quyết.

Về phía địch, Mỹ - Diệm đang ra sức tuyên truyền, chuẩn bị cho cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn. Mưu đồ của chúng là tổ chức "cuộc bầu cử thắng lợi sẽ đánh bật ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản"¹. Tại miền Tây Quảng Ngãi, địch dùng sư đoàn 22 càn quét, đánh phá ác liệt, hòng bắt nhân dân khuất phục phải đi bỏ phiếu.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhất trí chủ trương phá tan cuộc bầu cử của địch: cho miền Tây kiên quyết tẩy chay cuộc

1. Báo *Cách mạng quốc gia*, số ra ngày 20-5-1959, tại Sài Gòn.

bầu cử, còn ở vùng xuôi thì dùng hoạt động vũ trang để phá bầu cử, tạo cho dân có cơ không đi bỏ phiếu. Riêng vùng cao Sơn Hà, Trà Bồng kiên quyết không cho địch tổ chức bầu cử, nếu bị đàn áp thì phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Ở vùng cao Minh Long, Ba Tơ, lãnh đạo nhân dân không đi bỏ phiếu; vùng thấp thì tổ chức diệt ác trừ gian, cài người của ta vào nắm chính quyền cơ sở. Đối với các huyện đồng bằng, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang hỗ trợ để phá bầu cử, nếu bị ép buộc đi bỏ phiếu thì lãnh đạo nhân dân bỏ phiếu trắng, đồng thời sử dụng các tổ, đội vũ trang đánh vào trụ sở bầu cử, gây rối loạn, tạo cơ để nhân dân tẩy chay bầu cử.

Ngày 19-8-1959, tại thôn Tà Ngôm, xã Sơn Lập, huyện Sơn Hà, Tỉnh ủy Quảng Ngãi thành lập đơn vị vũ trang thứ hai phiên hiệu 89 gồm 36 cán bộ và chiến sĩ (đông nhất là người Hre và Cà Dong).

Khi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây nổ ra, Tỉnh ủy Quảng Ngãi thành lập thêm đơn vị vũ trang thứ ba, phiên hiệu 299 tại Ba Tơ. Cuối năm 1959, tỉnh thành lập thêm hai đơn vị vũ trang nữa với phiên hiệu V.9 và V.12.

Đơn vị V.12 có các cán bộ đại đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng đặc công từ miền Bắc vào. Đây là đơn vị đặc công đầu tiên của Quảng Ngãi.

Trong lúc ta đang khẩn trương chuẩn bị, ngày 23-8-1959, địch điều quân lên Trà Bồng, vây ráp các xã, cưỡng bức dân đi học bầu cử. Cuộc đụng độ giữa ta và địch diễn ra ở một vài nơi. Tình hình trong huyện biến chuyển mau lẹ và trở nên phức tạp. Đơn vị 339 và các

nhóm vũ trang tự vệ được cử đến những nơi xung yếu, hoạt động hỗ trợ cho dân.

Trước tình hình đó, ngày 25-8-1959, Thường vụ Tỉnh ủy họp bất thường và chủ trương "tìm mọi cách tổ chức cho nhân dân tránh né không đi bầu cử và tránh xô xát với địch, triệt để lợi dụng sơ hở, khó khăn của địch để chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng lớn. Nếu địch lấn tới, khủng bố quần chúng, thì kiên quyết lãnh đạo nhân dân cầm vũ khí đánh trả để bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở, giữ vững khí thế cho quần chúng. Riêng đối với vùng trung tâm căn cứ (Khu II) thì bất luận thế nào cũng không để cho địch xâm nhập, phải trừng trị chúng ngay khi mới đặt chân lên. Gần đến ngày bầu cử, nhân dân các xã Trà Thủy, Trà Giang biểu tình chống Diệm. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Bí thư Tỉnh ủy cử cán bộ về cơ sở chỉ đạo không cho biểu tình, vì ta còn phải chuẩn bị nhiều mặt và cố tránh hành động quá khích, kích động địch phản ứng, sẽ gây khó khăn cho ta. Nhưng khi cán bộ đến nơi thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra. Địch đe dọa bắn chết, đốt nhà những ai không đi bỏ phiếu. Tình hình rất căng thẳng. Nhân dân kiên quyết tẩy chay, bỏ nhà chạy vào rừng bất hợp tác chống lại, chông, thò được cắm các ngã đường. Địch lên truy bắt và đã bắn chết một người. Điều đó càng làm cho tinh thần đấu tranh của nhân dân thêm sôi sục.

Ngày 26-8-1959, địch đến xóm Rừng, xã Trà Lãnh, đồng bào các thôn, nóc bí mật cắm chông nơi đóng quân của địch, rồi phóng lửa đốt. Địch phát hiện ý đồ của đồng bào, chúng hốt hoảng chạy qua Trà Phong. Đến Trà Phong bị ta đánh, chúng chạy về Eo Chim.

Cụ Phó mục Gia, lãnh tụ nghĩa quân năm xưa, chủ động bàn với cán bộ lãnh đạo dụ địch ra rừng để diệt, tránh thiệt hại cho dân. Ngày 27-8-1959, địch lên Trà Phong, gặp lúc thanh niên trong xã đang đào hào, địch đánh úp, bắn chết một thanh niên và làm bị thương hai người. Tin địch giết người loan đi khắp huyện Trà Bồng, thổi bùng ngọn lửa căm thù bấy lâu nay đang dồn nén trong lòng nhân dân.

Ngày 28-8-1959, từ mờ sáng, tiếng chiêng cồng, tiếng trống mõ, tiếng thanh viện, tiếng la hét hòa trong tiếng súng từ các bản làng nổi lên vang dậy khắp núi rừng Trà Bồng, thúc giục đồng bào xuống đường, vây diệt ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ. Nhân dân và lực lượng thanh niên vũ trang các xã Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Quân, Trà Sơn, Trà Nham, Trà Khê đồng loạt nổi dậy, vây diệt bọn cảnh sát ác ôn, uy hiếp tinh thần binh lính địch. Vùng cao Trà Bồng bưng bưng khí thế quật khởi, lính địch hốt hoảng trốn vào các thôn, nóc, liền bị bao vây, gọi hàng, bắt sống. Những tên ngoan cố phá vây, chạy về Eo Chim và quận lỵ. Các đơn vị vũ trang, các đội du kích với đủ loại vũ khí tự có (súng, tên, ná, mã tấu, dây trói tù binh) từ các "trại sản xuất" bí mật tiến đánh quân địch tháo chạy và cùng nhân dân cắm chông, cài bẫy, rào đường. Quân địch ở hai đồn Đá Líp, Tà Lạt khiếp sợ, bỏ cả đồn và hòm phiếu, chạy về quận lỵ. Bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở bị đập tan. Các hòm phiếu bị phá bỏ. Chiều 28-8, nhân dân và lực lượng vũ trang truy lùng bọn ác ôn còn lẩn trốn, đập phá các trụ sở ngụy quyền. Trước khí thế

xung thiên của quần chúng cách mạng, dịch bỏ đồn Tâm Rung và Nước Vọt. Toàn huyện Trà Bồng, dịch chỉ còn đóng ba nơi: Eo Chim, Eo Reo, quận lỵ. Ngày 29-8, nhân dân và du kích vây Eo Chim và Eo Reo. Nhân dân phá nguồn nước uống, bắn tên thuốc độc vào đồn. Ngày 30-8, một đại đội dịch đến giải vây cho Eo Chim. Đơn vị 339 và các nhóm vũ trang đánh địch, diệt 9 tên, thu 6 súng. Đêm 30 rạng 31-8, lực lượng bao vây đốt lửa quanh đồn, đánh chiêng, trống, thổi tù và uy hiếp địch. Đến trưa 31-8, lực lượng cách mạng chiếm được Eo Chim, Eo Reo. Đồng bào Kinh nổi dậy xóa bỏ các hình thức kìm kẹp của địch ở xung quanh quận lỵ. Trước khí thế của cách mạng, các tên quận trưởng, quận phó Trà Bồng trốn chạy về tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Bộ máy ngụy quyền của địch ở Trà Bồng hoàn toàn bị tê liệt. Toàn huyện Trà Bồng được giải phóng. Chính quyền cách mạng ở các xã được thành lập.

Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng lan nhanh đến các huyện Sơn Hà, Ba Tư, Minh Long.

Ở Sơn Hà, địch tổ chức bầu cử ngày 30-8, chúng bắt dân xuống quận lỵ cách hai ngày đi bộ để bỏ phiếu. Nhân dân chống lại. Địch đe dọa đàn áp và bắn chết. Căm phẫn trước hành động tàn bạo của địch, nhân dân ở Khu VII đã nhất tề nổi dậy đánh địch, gài bẫy, cắm chông¹. Ngày 2-9, một đại đội dịch đến xóm anh Thiết, chúng bị sa bẫy, chết và bị thương một số tên, bọn còn lại chạy về quận lỵ Sơn

1. Nơi đây đã thành lập một đơn vị trực thuộc Ban cán sự miền Tây của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Hà. Ban lãnh đạo huyện nhận định thế nào địch cũng đem quân lên trả thù, đã động viên nhân dân siết chặt hàng ngũ, chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng đấu tranh trực diện với địch. Đơn vị 89 được lệnh bố trí lực lượng ở những nơi xung yếu, cùng du kích chiến đấu, hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh chính trị. Lực lượng vũ trang và nhân dân đánh, diệt bọn ngụy quyền cơ sở, xóa bỏ các tổ chức kim kẹp của chúng, lập chính quyền nhân dân tự quản, làm mất chỗ dựa bên trong của quân ngụy. Ngày 5-9, địch từ quận lỵ kéo lên, bị quân ta chặn đánh, buộc chúng phải tháo lui, chấm dứt cuộc càn. Khu VII đã trắng địch, khu căn cứ phía tây của tỉnh được khôi phục và nối liền với các vùng căn cứ các huyện miền Tây Quảng Ngãi và phía đông tỉnh Kon Tum.

Ở Minh Long, các xã vùng cao Long Quang, Long An, Long Môn, nhân dân nhanh chóng xóa bỏ ngụy quyền và các hình thức kim kẹp của địch, tổ chức bố phòng, chuẩn bị chống càn. Các ban tự quản thôn, xã được thiết lập. Một vùng đất đai rộng lớn của huyện Minh Long được giải phóng.

Ở Khu III (huyện Sơn Hà); đại bộ phận các xã, thôn đều nổi dậy lật đổ chính quyền địch, lập chính quyền tự quản, làm công tác bố phòng, phát triển chiến tranh du kích chống địch.

Ở các xã Ba Lế, Ba Lục, Ba Bích, Ba Nam (Ba Tư) và một số xã Khu VI không có chính quyền địch, nhân dân đã đứng lên lập chính quyền cách mạng. Các xã Ba Liên, Ba Khâm, Ba Lương, Ba Trang (Ba Tư) giáp vùng trung châu, nhân dân nổi dậy diệt ác ôn, đốt cơ quan ngụy quyền

xã, thành lập các đội du kích, bố phòng, chuẩn bị đánh địch từ huyện Đức Phổ lên. Ở các xã phía bắc Ba Tư là Ba Điền, Ba Gia, Ba Lãnh, Ba Sơn, Ba Lang nhân dân nổi dậy diệt ác, xóa bỏ nguy quyền.

Kết hợp giữa đấu tranh chính trị và binh vận, nhân dân đã làm tan rã các đơn vị dân vệ ở xã, thôn, kêu gọi được một đơn vị người Hre mang 15 khẩu súng trở về với cách mạng.

Phối hợp với các cuộc nổi dậy mạnh mẽ của đồng bào các dân tộc vùng cao, ở vùng thấp miền Tây, các nhóm "trả đầu", "bảo vệ dân tộc", các đội vũ trang tuyên truyền mở rộng hoạt động diệt ác, trừ gian, phá vỡ một mảng hệ thống kìm kẹp của địch. Ở xã Sơn Thành, Sơn Rinh, các đơn vị dân vệ được nhân dân giác ngộ đã diệt bọn tề xã rồi mang súng theo cách mạng. Chính quyền cách mạng được thành lập ở các xã Sơn Hạ, Sơn Rinh, Sơn Thành, Sơn Trung, Sơn Thượng, Sơn Mừng, Sơn Giang.

Trong quá trình khởi nghĩa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự miền Tây phân công nhau xuống các vùng trực tiếp chỉ đạo phong trào, giải quyết các tình huống gay cấp, đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi nhanh chóng và vang dội.

Để giữ vững thành quả của cuộc khởi nghĩa, ngày 6-9-1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự miền Tây họp hội nghị để đánh giá toàn bộ tình hình và chủ trương:

- Đối với Trà Bồng, kiên quyết phát động chiến tranh du kích, giữ vững các xã có điều kiện (cơ sở Đảng mạnh, quần chúng giác ngộ, dũng cảm, lãnh đạo quyết tâm, địa thế thuận lợi), đánh bại địch càn quét, xây dựng thành

căn cứ địa vững mạnh; phá chủ trương cầy lại ngục quyền của địch, kiên quyết trừ khử bọn tay sai ác ôn góc đầu dãy; củng cố dân quân du kích, đẩy mạnh sản xuất tự túc; lãnh đạo nhân dân vùng thấp trở lại giữ thế hợp pháp, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, buộc địch để cho dân tự do làm ăn sinh sống và giữ các hình thức tự vệ chống thú rừng, cử người của ta ra quản lý thôn, xã.

- Đối với Sơn Hà, Minh Long, Ba Tư phải nhanh chóng đưa phong trào lên mạnh hơn nữa, trực tiếp hỗ trợ cho Trà Bồng; các vùng cao, nơi nào có đủ điều kiện thì tiếp tục xóa bỏ ngục quyền, lập chính quyền nhân dân tự quản; tăng cường diệt ác, phá tề, tiến công nơi địch sơ hở, phân tán lực lượng địch; riêng Khu VII thì lãnh đạo nhân dân về sống hợp pháp bằng mọi cách đấu tranh kiên quyết chống địch tàn phá, bảo vệ xây dựng căn cứ mọi mặt như vùng cao Trà Bồng.

- Đối với vùng thấp của bốn huyện miền Tây thì lãnh đạo nhân dân kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận phá thế kìm kẹp của địch; xã nào xa đồn địch thì tranh thủ xóa dần ngục quyền, phát triển lực lượng của ta.

- Đối với các huyện đồng bằng, tuyên truyền thắng lợi của Trà Bồng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, công tác binh vận, tranh thủ mọi cơ hội đưa hoạt động quân sự sâu vào vùng địch để hỗ trợ cho Trà Bồng.

Ngày 7-9-1959, sư đoàn 22 ngục từ các hướng bắc, đông, nam tiến vào Trà Bồng và Khu VII nhằm tiêu diệt lực lượng khởi nghĩa. Ý đồ của địch là sẽ hội quân tại xã Trà Phong, phục hồi lại các tổ chức ngục quyền, ngục quân, quét sạch "cộng sản" khỏi miền Tây. Nhưng ngay từ ngày đầu, địch đã bị nhân dân và các lực lượng vũ trang chặn

lại, mãi đến cuối tháng 9 chúng vẫn không tiến lên được, buộc phải co về chiếm đóng các đồn cũ Eo Chim, Eo Reo, Làng Ngái, Tà Lạt, Đá Líp. Lực lượng vũ trang, bán vũ trang của ta bám sát địch, tập kích, bắn tỉa. Nhân dân tổ chức cắm chông, gài mìn cung, bẫy đá, tên độc làm cho địch càng thêm hốt hoảng, tinh thần chán nản. Kết hợp với đấu tranh vũ trang, các cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào liên tiếp nổ ra. Họ kéo vào nơi đóng quân của địch, vào tận quận lỵ đòi cứu đói, cứu đau, đòi phải rút quân ra khỏi miền Tây để đồng bào đi làm rẫy, làm nương kiếm sống. Trước sự tiến công liên tục của các lực lượng vũ trang và đấu tranh kiên quyết của nhân dân, địch phải rút khỏi Tà Lạt, Đá Líp. Đến giữa tháng 10 địch rút khỏi Làng Ngái, cuối tháng 10, rút đồn Eo Chim và Eo Reo. Ta thu hồi toàn bộ vùng đất bị địch lấn chiếm, 40 xã các huyện miền Tây được hoàn toàn giải phóng, tạo nên thế đứng vững chắc cho cách mạng trên địa bàn rừng núi hiểm trở rộng lớn để phát triển tiến công xuống đồng bằng duyên hải.

"Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra, lúc đầu một số đồng chí ở Khu và tỉnh có băn khoăn, sợ "làm non" vì muốn có thêm thời gian chuẩn bị để phát động nổi dậy cùng một lúc trên phạm vi rộng hơn. Nhưng thực tế cho thấy cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra và đứng vững được. Tháng 2-1960, trong Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy kết luận: "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh

nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ¹.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi góp phần chứng minh sự sáng suốt và đúng đắn của đường lối cách mạng miền Nam do Đảng ta đề xướng.

Cùng với thắng lợi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào các huyện đồng bằng có bước phát triển mới. Đồng bào các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ liên tiếp đấu tranh chống địch khủng bố, tố cộng, phản đối luật phát xít 10/59, chống thu hồi công điền, cướp đoạt ruộng đất của nông dân. Nhân dân thị xã, tiểu thương, tiểu chủ, công chức, học sinh các trường Bồ Đề, Trần Quốc Tuấn, phu khuân vác... phản đối chế độ bất công, thuế má nặng nề, chống bắt lính dôn quân của Mỹ-Diệm. Tháng 10-1959, đội vũ trang công tác Bình Sơn đột nhập vào đồn dân vệ Vĩnh An (Bình Thạnh) thu 4 súng, đánh địch ở chợ Cửa (Bình Thạnh), rải truyền đơn tuyên truyền cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Thời kỳ 1954-1959 là bước ngoặt lớn của phong trào cách mạng trong tỉnh, đặt Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trước một thử thách hiểm nghèo. Vượt qua muôn ngàn khó khăn và tổn thất, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi kiên trì đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, chống "tố cộng", "diệt cộng", duy trì lực lượng tiến lên khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, mở ra một thời kỳ mới

1. Trích *Nam Trung Bộ kháng chiến*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 267-268.

cho phong trào cách mạng trong tỉnh, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng của Khu V và toàn miền.

Từ thực tiễn đấu tranh trong những năm 1954-1959 cho thấy:

1. Khi cách mạng đã chuyển giai đoạn thì việc nhận thức đánh giá đúng tình hình mới là điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng; phải nhận rõ bản chất hiểm độc, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân mới và kịp thời phát hiện những âm mưu, thủ đoạn vừa rất xảo quyệt vừa luôn luôn thay đổi của chúng, từ đó quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; phải luôn tin và dựa vào dân, đánh giá đúng tinh thần cách mạng của dân và tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

2. Phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào, kiên quyết giữ chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng. Thấu suốt và kiên trì quan điểm bạo lực cách mạng, nỗ lực tìm tòi, thử nghiệm những phương châm, phương thức hoạt động và đấu tranh của tổ chức Đảng và quần chúng phù hợp với tình hình mới. Luôn luôn kiên định và phát huy quan điểm cách mạng tiến công, tiến công kẻ thù và tiến công khó khăn, tiến công tư tưởng hữu khuynh trong Đảng và trong quần chúng.

3. Nhận thức đúng vai trò chiến lược của các huyện miền núi nên Đảng bộ sớm có kế hoạch vận động tổ chức đồng bào các dân tộc miền núi xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, phát triển sản xuất..., làm cho miền núi trở thành căn cứ địa vững chắc cho phong trào cách mạng trong tỉnh, làm nên khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chuyển phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi lên bước phát triển mới.

Chương V

**PHÁT ĐỘNG NHÂN DÂN ĐẨY MẠNH BA MŨI
GIÁP CÔNG TRÊN CẢ BA VÙNG CHIẾN
LƯỢC, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN
LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA
ĐẾ QUỐC MỸ (1960-1965)**

Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cùng với thắng lợi của phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam năm 1960, cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm đến chỗ khủng hoảng nghiêm trọng. Với chính sách "viện trợ" và "cố vấn" để xây dựng chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam không thành công, Mỹ chuyển qua chiến lược chiến tranh mới mà chúng gọi là "Chiến tranh đặc biệt".

"Chiến tranh đặc biệt" là loại chiến tranh nằm trong chiến lược "phản ứng linh hoạt" phản cách mạng toàn cầu của đế quốc Mỹ. Chúng tiến hành ở miền Nam là nhằm thôn tính nước ta và làm thí điểm rút kinh nghiệm đàn áp phong trào cách mạng thế giới. Chúng vạch ra kế hoạch Xtalây-Taylor với ba nội dung chủ yếu:

- Ra sức tăng cường nguy quân và phương tiện chiến tranh dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ.

- Ráo riết bình định, gom dân lập ấp chiến lược.

- Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Bình định, lập ấp chiến lược là nội dung cơ bản nhất, là xương sống của "Chiến tranh đặc biệt".

Tuy vậy, Mỹ tiến hành "Chiến tranh đặc biệt" trong bối cảnh ở miền Nam "thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ-Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu, các hình thái du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện mở đầu cho cao trào cách mạng ngày càng lớn"¹.

Ở Quảng Ngãi, sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào cách mạng trong tỉnh đã chuyển sang một giai đoạn mới có lợi cho cách mạng.

Đối với địch, sau thất bại ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cùng với một số nơi khác trong tỉnh, Mỹ-Diệm áp dụng mọi biện pháp quyết liệt nhất, tàn bạo nhất nhằm chống phá phong trào cách mạng trong tỉnh, thiết lập lại ách kìm kẹp của chúng. Cách mạng lại đứng trước những thử thách mới.

I- ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ NHẤT, GIỮ VỮNG CĂN CỨ MIỀN NÚI, NỔI DẬY Ở ĐỒNG BẰNG

Để bảo vệ thành quả cách mạng và đưa phong trào đấu tranh phát triển, từ ngày 20 đến ngày 28-2-1960, Đại hội

1. Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 31-1-1961.

đại biểu Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ I (trong chống Mỹ) họp tại Di Ngâu, Trà Trung, Trà Bồng. Dự Đại hội có hơn 70 đại biểu (có 6 nữ đại biểu người dân tộc và 2 nữ đại biểu người Kinh), thay mặt cho 2.766 đảng viên toàn tỉnh. Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn), Bí thư Khu ủy V về dự và chủ trì Đại hội. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá phong trào cách mạng và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong thời gian từ năm 1954 đến đầu năm 1960. Đại hội dành nhiều thời gian để đánh giá cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đại hội nhất trí đánh giá sự chỉ đạo của Đảng bộ trong quá trình chuẩn bị, tiến hành khởi nghĩa và sau khởi nghĩa, về cơ bản là đúng. Đại hội khẳng định, Đảng bộ Quảng Ngãi đã đi đúng đường-lối của Trung ương, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang và tiếp đó đã tiến hành chiến tranh du kích để chống lại kẻ thù. Đại hội đã biểu dương một số đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc về duy trì, phát triển lực lượng cách mạng như Đức Phổ, thị trấn Đồng Ké,...

Đồng chí Bí thư Khu ủy Khu V đã đánh giá cao ý nghĩa của khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đối với phong trào cách mạng trong tỉnh Quảng Ngãi, trong Khu V. Lời phát biểu của đồng chí Bí thư Khu ủy đã đưa đến sự đoàn kết nhất trí và thống nhất đánh giá thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng bộ và toàn dân trong tỉnh là khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền, thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng thế kìm kẹp



Đồng chí NGUYỄN QUANG LÂM
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
10-1955 – 11-1960



Đồng chí PHẠM THANH BIÊN
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
11-1960 – 1-1962; 4-1965 – 9-1971

ở bên dưới, phá khu tập trung dân, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 15 đồng chí (12 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết), trong đó có 4 đồng chí người dân tộc, do đồng chí Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú) làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Thanh Biên, Phó bí thư.

Sau Đại hội, các Đảng bộ cơ sở có bước phát triển mới. Ở miền núi, 20 xã ở huyện Trà Bồng và 10 xã ở Khu VII đều có chi bộ xã. Hầu hết các xã thuộc huyện Minh Long, Sơn Hà, Ba Tơ đều có chi bộ, trừ một số xã chưa có như Sơn Cao, Sơn Giang, Sơn Đông, Sơn Linh (Sơn Hà); Long Hiệp, Long Mai, Long Xuân, Long Môn (Minh Long); Ba Dinh, Ba Chi, Ba Dung, Ba Đình, Ba Vì, Ba Liên (Ba Tơ) và 3 xã người Kinh ở Trà Bồng. Ở đồng bằng, Bình Sơn có 16 chi bộ thôn, Sơn Tịnh: 14, Tư Nghĩa: 3, Nghĩa Hành: 2, Mộ Đức: 1, Đức Phổ: 18. Ngoài ra, ở huyện nào cũng có một số thôn lập được ban cán sự (tiền thân của chi bộ).

Ở Quảng Ngãi có 6 chi bộ lực lượng vũ trang (339, 89, 299, V.9, V.12, cơ quan quân sự tỉnh) và 2 chi bộ ở Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Kinh tài tỉnh.

Nhìn chung, hệ thống tổ chức Đảng được thông suốt từ tỉnh xuống cơ sở; phong trào cách mạng trong tỉnh có bước phát triển mới ở cả miền núi và đồng bằng. Sau Đại hội, do có nghị quyết đấu tranh rõ ràng nên cán bộ, quần chúng phấn khởi, tự tin hơn trước.

Về phía địch, chúng tập trung lực lượng, mở nhiều cuộc càn quét đánh vào vùng căn cứ Trà Bồng và vùng cao Sơn Hà nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta và tiêu diệt

các cơ sở cách mạng của địa phương. Trong ba tháng đầu năm 1960, chúng mở 52 cuộc càn quét có quy mô từ một đại đội đến hai trung đoàn. Đi đến đâu chúng cũng cướp bóc, đốt phá nhà cửa, phá hoại hoa màu của nhân dân. Nhiều thôn, xóm ở vùng cao Trà Bồng và một số nơi ở Sơn Hà bị đốt trụi. Cùng với càn quét, đánh phá, địch còn bao vây kinh tế, cấm nhân dân đi lại buôn bán, giao lưu giữa vùng thấp với vùng cao. Nạn đói, bệnh tật ngày càng lan rộng ở vùng căn cứ. Phong trào cách mạng trong tỉnh đứng trước thử thách nghiêm trọng.

Để đối phó với những hành động dã man của kẻ thù, nhân dân Quảng Ngãi, nhất là ở vùng cao các huyện miền Tây, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, vẫn bền gan chiến đấu. Các cấp Đảng bộ quán triệt và ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất về xây dựng và phát triển thực lực cách mạng, tạo điều kiện để giành lại nông thôn đồng bằng, bảo vệ vững chắc căn cứ địa miền núi. Cán bộ, đảng viên của các huyện đã được bố trí về các cơ sở, bám dân để hoạt động, xây dựng các tổ chức quần chúng, tranh thủ các nghiệp đoàn lao động ở thị trấn, thị xã do địch lập ra; vận động đồng bào Công giáo, Phật giáo, lôi kéo một số hào mục, địa chủ, hội tề trong làng ủng hộ cách mạng; tranh thủ các đảng phái, giáo chức, binh lính bất mãn chống lại Mỹ-Diệm, chống lại chế độ gia đình trị Diệm-Nhu.

Nhờ có phương pháp đấu tranh khéo léo, phù hợp nên đến cuối năm 1960, phong trào quần chúng ở đồng bằng, thị xã và các thị trấn có những chuyển biến đáng kể. Ta xây dựng được một số cơ sở Đảng, đấu tranh hợp pháp ở thị xã, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa..., hạn chế được phần

nào tội ác của địch trong các đợt tổ cộng, bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với cách mạng. Cơ sở cách mạng trong tầng lớp trí thức, học sinh, thương gia, tôn giáo, binh lính, nhân viên ngục quyền được phát triển.

Để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiếp tục phát triển, tháng 6-1960, hội nghị Tỉnh ủy họp tại Nước Xoay, Trà Thọ, Trà Bồng. Đồng chí Trương Chí Cương (Tư Cương), Phó bí thư Khu ủy đã tham dự. Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội I (tháng 2-1960), bàn kế hoạch sáu tháng cuối năm, bổ sung đồng chí Trương Ngọc Khang (Đình Khang) làm Tỉnh ủy viên chính thức.

Trong thời gian này, các huyện miền núi đã liên tiếp chiến đấu đẩy lùi hàng chục cuộc càn quét của địch ở vùng cao. Phong trào diệt ác, phá kìm ở các vùng thấp, các khu đồn dân được đẩy mạnh kết hợp với việc đánh phá giao thông (đường số 5, Giá Vụt-Di Lăng, Sơn Hà), v.v. gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ở các huyện đồng bằng (Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Sơn Tịnh), công tác vũ trang tuyên truyền được đẩy mạnh, thu hút nhiều thanh niên tham gia lực lượng vũ trang. Các đại đội độc lập 607 (7-1960), 608 (8-1960), 609 (9-1960) được thành lập, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy về giải phóng miền núi, mở rộng căn cứ địa cách mạng, đêm 16 rạng ngày 17-10-1960, Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động quân và dân trong tỉnh mở nhiều cuộc tiến công địch ở tất cả các huyện

miền núi và một số nơi ở đồng bằng (tây Sơn Tĩnh, tây Đức Phổ, Bình Sơn).

Ở Trà Bồng, lực lượng vũ trang được tổ chức quần chúng hỗ trợ (nhất là phụ nữ, phụ lão) đã đánh và làm chủ nhiều giờ ở quận lỵ, phá tan sở ngục quyền ở xã Trà Phú, bức rút các đồn và các khu tập trung dân ở Đá Líp, Tà Lạt, Eo Reo, một lần nữa giải phóng 16 xã vùng cao. Lực lượng vũ trang tỉnh tiến công các đồn Hà Thành (Sơn Hà), Long Xuân (Minh Long), Bến Buôn (Ba Tơ).

Đến cuối năm 1960, vùng giải phóng được mở rộng với 52 xã ở miền Tây Quảng Ngãi (bao gồm 19 xã thuộc huyện Trà Bồng, 16 xã Sơn Hà, 13 xã Ba Tơ và 4 xã Minh Long). Như vậy là trong năm 1960, vùng căn cứ ở các huyện miền núi Quảng Ngãi được mở rộng và củng cố; phong trào tiến công địch ở vùng thấp và vùng giáp ranh được mở rộng, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng và hoạt động của các đội vũ trang công các ở đồng bằng; uy tín của cách mạng, của Đảng ngày càng được nâng cao.

Tháng 11-1960, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp để kiểm điểm hoạt động từ sau hội nghị tháng 6-1960, điều chỉnh cán bộ, phát động vũ trang khởi nghĩa ở đồng bằng. Dự hội nghị Tỉnh ủy có đồng chí Nguyễn Xuân Nhị (Công Tâm), Ủy viên Thường vụ Khu ủy V.

Hội nghị đã cử đồng chí Phạm Thanh Biên, Phó bí thư, Quyền Bí thư làm Bí thư Tỉnh ủy¹, đồng chí Nguyễn Hữu

1. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm đi miền Bắc chữa bệnh từ giữa tháng 10-1959, đến tháng 11-1960 về Khu ủy V (Thường vụ Khu ủy Khu V rút lên làm Phó Ban Kinh tài Khu V).

Nghĩa, ủy viên Thường vụ làm Phó bí thư. Trong Ban Thường vụ còn có các đồng chí Lê Tấn Tỏa, Võ Phấn, Lê Chí Thống, Nguyễn Phú Soại. Hội nghị quyết định thành lập các ban Kinh tài, Tuyên huấn, Giao bưu, Dân vận. Tổ chức Đảng trong tỉnh được củng cố. Sau hội nghị, một số đồng chí tỉnh ủy viên được phân công tác mới¹.

Về phía địch, hoảng hốt trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng miền Nam, đặc biệt là sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (20-12-1960), cuối tháng 1-1961, đế quốc Mỹ thông qua chương trình chống nổi dậy ở miền Nam, quyết tâm trong vòng 18 tháng lập 17.000 ấp chiến lược, hòng gom hết dân nông thôn vào ấp, tách cách mạng ra khỏi dân để chúng dễ bề tiêu diệt. Ngô Đình Diệm gào thét "hãy cứu nông thôn", "đạp lên oán hờn" thực hiện cho kỳ được quốc sách ấp chiến lược, ban bố "đất nước trong tình trạng khẩn cấp" để bắt lính, đôn quân, tăng quân ngũ chính quy lên 20 vạn, bảo an lên 10 vạn, cảnh sát lên 5 vạn, v.v..

Tháng 4-1961, Mỹ-Diệm chia miền Nam thành ba vùng chiến thuật, Vùng chiến thuật 1 từ vĩ tuyến 17 đến hết tỉnh Quảng Ngãi.

Mỹ-Diệm xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành "đặc khu quân sự" trực thuộc Bộ tổng tham mưu quân đội Sài Gòn. Chúng thi hành chế độ quân quản, sử dụng sư đoàn 25

1. Đồng chí Huỳnh Phước, nguyên phụ trách Nghĩa Hành từ năm 1957 đến 1960 về làm Bí thư Mộ Đức; đồng chí Nguyễn Quang Giao nguyên Phó bí thư Ba Tơ, Phó Ban Kinh tài tỉnh về phụ trách Nghĩa Hành thay đồng chí Huỳnh Phước.

chủ lực ngụy (gồm 3 trung đoàn bộ binh và 1 trung đoàn cơ giới), cùng với bọn địa phương quân, bảo an dân vệ, công dân vụ làm lực lượng chủ yếu để bình định, đánh phá phong trào cách mạng. Chúng xây dựng nhiều cứ điểm án ngữ vùng giáp ranh, dựng các cụm cứ điểm, như Gò Cao, Gò Su, Cộng Hòa, Hải Giá, Số 7, Tà Ma. Nhiều đường giao thông được xây dựng, như đường Ba Tư đi An Lão, Trà Bồng đi Di Lăng - Mang Bút... để giúp chúng tập trung đánh phá miền núi. Ngụy quyền chia nông thôn Quảng Ngãi thành ba vùng, áp dụng những biện pháp khác nhau để đánh phá.

Ở vùng căn cứ miền núi, chúng tiến hành càn quét liên miên, đốt sạch, phá sạch và giết sạch kết hợp với bao vây, phá hoại kinh tế, chia rẽ đồng bào Kinh với đồng bào Thượng, cô lập cách mạng với quần chúng.

Ở vùng tranh chấp, chúng mở các cuộc càn quét, khủng bố, kết hợp chiêu an, chiêu hồi.

Ở vùng chúng kiểm soát, chúng dùng biện pháp hành chính kìm kẹp với "tố cộng", "diệt cộng", đồng thời tập trung mọi cố gắng dùng những thủ đoạn tàn bạo để gom dân lập ấp chiến lược; ra sức xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, biệt kích, thanh niên cộng hòa, thanh niên chiến đấu, phụ nữ liên đới để "quân sự hóa" phụ nữ.

Quảng Ngãi là một trọng điểm xây dựng ấp chiến lược của Mỹ-Diệm. Ngô Đình Nhu đã đến Quảng Ngãi để thực hiện chỉ đạo xây dựng cho được ấp chiến lược. Ấp Kim Sa (xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh) là một trong hai ấp thí điểm của toàn miền Nam. Chúng củng cố hơn 10.000

dân, bằng bất cứ giá nào phải hoàn thành xây dựng ấp kiên cố theo kiểu "hai sông, ba núi" trong vòng 7 ngày.

Ngoài ấp chiến lược, mỗi xã đều phải có các "mật khu" (khu giam) để giam giữ những người bị tình nghi, có liên quan tới cách mạng. Chúng nghiêm cấm nhân dân tụ tập trong các ngày lễ lớn như ngày 19-8, ngày 2-9, ngày ký Hiệp định 20-7. Chúng cấm nhân dân đi lại làm ăn, kiểm soát gắt gao các vùng giáp ranh, nhất là các trục đường giao thông như Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tơ, Đồng Ké (Sơn Tịnh) đi Sơn Hà... Chúng cấm các lò rèn bán dụng cụ cho miền núi. Chúng tìm mọi cách làm cho nông dân ngày càng nghèo khổ, buộc họ phải đi dinh điền hoặc vào các ấp chiến lược để tách dân ra khỏi phong trào cách mạng.

Ở nông thôn đồng bằng, chúng buộc nông dân phải ký khế ước lãnh canh của địa chủ. Chúng quy định gia đình nông dân nào có dưới 3 sào ruộng mà không lãnh canh của địa chủ thì buộc phải đi dinh điền hoặc vào các ấp chiến lược. Với thủ đoạn trên, đến cuối năm 1961, địch đã dồn dân lập 216 ấp chiến lược bao gồm 513.280 dân, chiếm 64% dân số toàn tỉnh (chủ yếu ở đồng bằng).

Do địch tăng cường kìm kẹp, gom dân lập ấp chiến lược, cô lập đồng bằng với miền núi nên việc tiếp tế lương thực, thuốc men... của ta gặp nhiều khó khăn. Ở nhiều vùng miền núi cán bộ, nhân dân bị đói, thiếu muối... Nhưng cán bộ, nhân dân trong tỉnh luôn luôn phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Tháng 3-1961, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp tại Nước Xoay, Trà Bồng. Đồng chí Tư Thuận; Phó bí thư Khu ủy V dự

hội nghị. Hội nghị đã học tập Nghị quyết của Khu ủy (2-1961) về việc tiếp tục đẩy mạnh củng cố, xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng, giành lại nông thôn đồng bằng, tiêu diệt sinh lực địch và thực hiện phương châm đấu tranh mà Khu ủy đề ra cho từng vùng là "miền núi đấu tranh vũ trang là chủ yếu, vùng đồng bằng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang có thể ngang nhau, vùng đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu". Khu ủy chủ trương mở đợt phát động quần chúng khởi nghĩa ở nông thôn đồng bằng, lập ban cán sự với mật danh 32A và lấy vùng Tam Kỳ, Tiên Phước, Trà My (Quảng Nam), Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng (Quảng Ngãi) để chỉ đạo thí điểm rút kinh nghiệm. Hội nghị bàn chương trình công tác 6 tháng cuối năm 1961 và phát động toàn Đảng, toàn dân nổi dậy phá ấp chiến lược, diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Hội nghị đã phân công đồng chí Nguyễn Phú Soại phụ trách Ban quân sự tỉnh (thay đồng chí Lê Tấn Tỏa) và bổ sung đồng chí Hóa (ở miền Bắc về) vào Ban Thường vụ, đồng chí Mười (đi miền Bắc chữa bệnh về) làm tỉnh ủy viên.

Tháng 6-1961, Tỉnh ủy họp tại Nà Niêu, Trà Bồng, có đồng chí Năm Phổ, ủy viên Thường vụ Khu ủy dự, bàn việc mở rộng đồng bằng, học tập kinh nghiệm hai chân, ba mũi của Nam Bộ. Hội nghị Tỉnh ủy tháng 9-1961 chủ trương đưa các đại đội 607, 608, 609 phối hợp với lực lượng của khu xuống đồng bằng, mở rộng vùng tây nam Nghĩa Hành (từ Hành Tín đến Hành Thiện).

Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban cán sự

hoạt động Nam Quảng Ngãi¹ trực tiếp theo dõi phong trào đồng khởi mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, củng cố, xây dựng vùng miền núi của các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ và các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, do đồng chí Lê Chí Thống làm Bí thư.

Thực hiện chủ trương của các hội nghị nói trên, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã phát động chiến dịch phá ấp chiến lược, mở rộng đồng bằng. Các đơn vị vũ trang của tỉnh tiến xuống đồng bằng. Đại đội 609 hoạt động ở Đức Phổ, đại đội 608 ở Tư Nghĩa, đại đội 607 ở Bình Sơn. Các đại đội đã phối hợp với các đội công tác vũ trang tuyên truyền của các huyện nói trên diệt ác, phá kìm, cùng với quần chúng nổi dậy giải phóng hàng chục thôn giáp ranh ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ và một số xã phía đông quốc lộ 1, tạo thành các vùng giải phóng ở đồng bằng, áp sát vùng địch chiếm đóng.

Ở vùng núi, với sự hỗ trợ của các đơn vị vũ trang 339, 89, 299... ta đã buộc địch rút từ Sơn Hà xuống Đồng Ké, trong thời gian ba, bốn tháng, ta giải phóng hoàn toàn quận lỵ Sơn Hà và các xã vùng ven đường số 5 (Ba Tơ), hình thành một vùng căn cứ liên hoàn gồm 60 xã được giải phóng từ Trà Bồng đi Sơn Hà đến Ba Tơ. Lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với chủ lực Quân khu V tập kích tiêu diệt địch ở hai đồn Tà Ma (Sơn Hà) trong tháng 5-1961 và Giá Vụt (Ba Tơ) vào tháng 7-1961, chặn đánh 1 tiểu đoàn địch trên đường từ Trà Nô đi Giá Vụt, diệt

1. Ban cán sự gồm 10 đồng chí: 1 Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, 2 tỉnh ủy viên, 7 đồng chí Bí thư Huyện ủy các huyện trên.

tên Hà Quốc Ân, tỉnh phó phụ trách nội an, bề gãy cuộc càn quét của địch lên căn cứ vào tháng 11-1961.

Đến cuối năm 1961, vùng giải phóng ở Quảng Ngãi được mở rộng gồm 8 xã tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh, 2 xã ở Nghĩa Hành; các xã miền núi hoàn toàn giải phóng (trừ các quận ly Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long). Lần đầu tiên gần như cả huyện Sơn Hà được giải phóng (trừ Hà Thành và trục lộ Đông Ké - Hà Thành). Các nơi khác, nhân dân làm chủ nhiều vùng như ở bắc Bình Sơn, hầu hết Đức Phổ, một số xã ở Mộ Đức... bao gồm hàng chục vạn dân.

Tháng 12-1961, hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy họp mở rộng, có đồng chí Tâm, Thường vụ Khu ủy dự. Hội nghị kiểm điểm và rút kinh nghiệm tình hình hoạt động trong năm qua; cụ thể hóa thêm một bước việc tổ chức tiến công và nổi dậy ở đồng bằng, kết hợp chặt chẽ hai chân, ba mũi, kiên quyết giành lại nông thôn đồng bằng. Với chủ trương trên, Quảng Ngãi là tỉnh đầu tiên trong Khu V thực hiện việc tiến xuống đồng bằng, dẫn tới cuộc đồng khởi ở đồng bằng Quảng Ngãi lần thứ nhất (từ cuối năm 1961 đến hết năm 1962).

Sau hội nghị, Thường vụ Khu ủy Khu V rút đồng chí Phạm Thanh Biền về Khu làm Phó Ban Kinh tài, từ tháng 1-1962, đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa được cử làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Phú Soại làm Phó bí thư. Để tăng cường sự chỉ đạo ở hai huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh, cuối năm 1961, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định tách một số xã khu đông huyện Bình Sơn và đông huyện Sơn Tịnh để thành lập một huyện mới - huyện Đông Sơn.

Về phía địch, trong năm 1962, chúng tiến hành cải tổ

lực lượng địa phương quân (bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu), ra sức đôn quân bắt lính. So với năm 1961, chúng tăng quân số lên 2-3 lần, xây thêm 58 cứ điểm (tăng 3 lần so với năm 1961). Ở Đức Phổ và Tư Nghĩa, mỗi huyện có 12 cứ điểm. Chúng xây 12 khu đồn dân ở miền núi, gồm 10.713 người (đông nhất là Minh Long và Sơn Hà). Tại bốn huyện đồng bằng: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, chúng lập các ban trị sự ấp, gài người của chúng để theo dõi.

Chúng tổ chức 158 cuộc càn quét từ 1 trung đội đến 3 tiểu đoàn nhằm chiếm lại các vùng ta giải phóng, như ở Hành Tín (3-1962), tây Sơn Tịnh, Trà Niêu (Trà Bông) (3-1962), khu đông Ba Tư (4-1962), Hà Thành, Trà Tân (8-1962), gây cho ta nhiều thiệt hại.

Ở vùng đồng bằng, địch sử dụng 103 lần máy bay oanh tạc, 495 lần pháo kích làm chết 330 người (riêng huyện Đức Phổ 77 người), đốt cháy 1.360 ngôi nhà, 20.477 ang lúa, 213 ang gạo, cưỡi 29 trâu bò...

Địch còn rải chất độc hóa học ở Khu VII (Rê Muối, Sơn Liên, Sơn Lập), tung điệp báo vào Sơn Thành, Sơn Thủy, Sơn Giang (Sơn Hà), Đức Phú, Đức Hòa (Mộ Đức)... gây cho ta tổn thất¹.

Mặc dù Mỹ - Diệm đánh phá phong trào cách mạng trong tỉnh một cách điên cuồng, ác liệt nhưng cán bộ, nhân dân trong tỉnh vượt qua mọi hiểm nguy, quyết tâm thực

1. Báo cáo tổng kết tình hình năm 1962 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

hiện chủ trương của Khu ủy V, của Tỉnh ủy, nổi dậy giành lại nông thôn vùng đồng bằng, phá ấp chiến lược. Tính đến cuối năm 1962, hơn 200.000 lượt quần chúng các huyện đồng bằng nổi dậy diệt ác, phá kìm, đập tan nguy quyền ở 136 thôn của 28 xã, giải phóng 151.221 dân. Ta đã làm chủ nhiều vùng rộng lớn ở bắc Bình Sơn, đông và tây Sơn Tịnh, tây các huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa. Đức Phổ là huyện có phong trào mạnh nhất trong năm 1962, chính quyền địch ở 21 thôn bị tan rã. Xã 223 (Phổ Hiệp, Đức Phổ) là xã tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chính trị.

Lực lượng cách mạng tỉnh giáo dục, cải tạo 2.864 nhân viên nguy quyền địch.

Hơn 2.000 thanh niên hăng hái nhập ngũ vào quân giải phóng. Ta thu mua hàng trăm tấn lúa gạo, dụng cụ chuyển lên căn cứ... Lần đầu tiên trong tỉnh, thông qua sự lãnh đạo của Đảng, ủy ban nhân dân tự quản các cấp chia 1.186 mẫu ruộng công điền cho nông dân (riêng Đức Phổ chia 705 mẫu, giảm tô 350 ang lúa cho tá điền, buộc địch trả tiền ứng dụng "Nông tín cuộc" là 3.000.000 đồng).

Ở miền núi, phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc chống gom dân vào các khu trù mật, ấp chiến lược diễn ra liên tục. Trong năm 1962, 40 lần nhân dân với 1.995 lượt người nổi lên đấu tranh trực diện với địch; 75 lần đưa kiến nghị, 89 cuộc mít tinh, biểu tình với 400.027 người tham gia, đốt cháy 34 hình nộm Diêm - Nhu - Lê Xuân. Một số nơi khi địch đánh phá mạnh, đồng bào chạy vào rừng "bất hợp tác" với địch.

Cùng với đấu tranh chính trị, nhân dân còn phối hợp với bộ đội đánh địch, đặc biệt là chiến thắng Nà Niêu cuối

tháng 8-1962. Từ sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây (8-1959), Nà Niêu trở thành căn cứ quan trọng, nơi đứng chân của cơ quan dân, chính, Đảng của Quảng Ngãi. Từ Nà Niêu, lực lượng ta có thể cơ động thuận lợi xuống vùng đồng bằng nam Quảng Nam, bắc Quảng Ngãi và Kon Tum. Đây là nơi sản xuất tự túc để cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho cách mạng.

Sau một thời gian hoạt động phân tán, tiểu đoàn 90 của Quân khu được lệnh tập trung về Nà Niêu để củng cố. Tối 29-8, đại bộ phận lực lượng của tiểu đoàn hành quân xuống đồng bằng chuyển gạo. Lực lượng còn lại của 3 trung đội chưa đầy 100 người. Phát hiện được sự di chuyển của ta, sáng 30-8, địch cho máy bay oanh tạc dữ dội xuống khu vực đóng quân. Sau đó, chúng cho 30 trực thăng chở liên đoàn biệt động nhảy dù 77 đổ bộ gần nơi tiểu đoàn bộ đóng. Từ bị động, ta chuyển nhanh thành thế chủ động, xả súng bắn vào đội hình địch, làm cho chúng không tiến quân lên được. Sau hơn sáu giờ chiến đấu quyết liệt của quân ta, địch phải huy động máy bay đến thả thang dây cho lính leo lên tháo chạy. Cuộc hành quân bằng trực thăng của địch vào Nà Niêu kết thúc. Ta bắn rơi 12 máy bay lên thẳng, có 4 chiếc rơi tại chỗ¹, vùng căn cứ được bảo vệ vững chắc. Một số nơi đã có tình trạng binh sĩ địch phản chiến như: ở Khu VI, trung đội của Đỉnh Xúa làm binh biến, diệt một trung sĩ và một lính ác ôn, 27 người trở về với nhân dân, mang theo 11 khẩu súng và 1.044 viên đạn.

1. Theo *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Tập III Đánh thắng chiến tranh đặc biệt, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 157.

Từ trong phong trào đấu tranh của quần chúng, Đảng bộ đã lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng tự vệ. Giữa năm 1962, ở các huyện đồng bằng đã thành lập các liên trung đội tập trung. Ở các huyện miền núi có 1.299 du kích bán tập trung và 1.734 tự vệ nhân dân. Ở đồng bằng xây dựng được 16 làng chiến đấu, 24 đội công tác, 7 trung đội du kích mật (riêng huyện Đức Phổ có 3 trung đội). Lực lượng các đoàn thể quần chúng trong tỉnh được củng cố và phát triển. Tính đến cuối năm 1962, huyện Tư Nghĩa có 13 tổ thanh niên giải phóng, 27 tổ nông dân giải phóng gồm 83 hội viên, 26 tổ phụ nữ giải phóng gồm 82 hội viên. Ở các huyện miền núi, số hội viên của các tổ chức đoàn thể phát triển khá nhanh. Huyện Ba Tư có 264 hội viên thanh niên giải phóng, 299 hội viên phụ nữ giải phóng, 151 hội viên nông dân giải phóng; Khu VI có 160 phụ nữ giải phóng, 240 nông dân giải phóng; Khu VII có 371 hội viên thanh niên giải phóng, 1.241 hội viên phụ nữ giải phóng, 876 hội viên nông dân giải phóng...

Tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo các lĩnh vực văn hóa - giáo dục, y tế, đảm phụ kháng chiến, đặc biệt là sản xuất. Tuy bị địch đánh phá ác liệt, thiên tai đe dọa, nhưng đồng bào miền núi đã sản xuất được 42.820 ang lúa, 34.226 ang bắp, trồng trên 12 triệu gốc mỳ và nhiều loại hoa màu khác. Trong căn cứ đã có một số cơ sở sản xuất nông cụ, làm được 15.745 cuốc, rìu, liềm, hái; tổ chức 6 tổ mua bán, trao đổi 20.170 thước vải, 10.000 ang muối. Hoạt động này bảo đảm một phần sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân và lực lượng, cán bộ trong căn cứ.

Tỉnh ủy mở nhiều lớp bồi dưỡng lý luận cho 390 đồng chí (phần lớn là cán bộ thôn, xã và đội công tác); một lớp

gồm khoảng 32 đồng chí cán bộ xã, huyện ủy viên học trong 5 tháng. Việc xây dựng chữ viết cho người dân tộc Cor, Hre, việc đào tạo giáo viên dạy vỡ lòng chữ Cor, Hre (55 người), việc vận động nhân dân cứu đói, cứu đau (được 15.460 ang bắp, 212 ang lúa, 8.029 lon gạo) cho một số nơi gặp nhiều khó khăn như Ba Tư, Sơn Hà được tiến hành.

Tháng 12-1962, Tỉnh ủy thành lập 4 đại đội độc lập V21, V22, V23, và V32 để hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, mở mang, giành dân, mở rộng vùng giải phóng.

Trong năm 1962, thực hiện nghị quyết của hội nghị Tỉnh ủy (2-1962) "giành lại nông thôn đồng bằng và mở rộng căn cứ", toàn tỉnh đã giành được nhiều thắng lợi, song phong trào chưa đều khắp nơi. Ở đồng bằng, phong trào ở Đức Phổ phát triển mạnh, các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức còn yếu. Ở miền núi, phong trào ở Minh Long chưa mạnh. Một số nơi còn nặng về đấu tranh vũ trang, một số cán bộ, đảng viên còn ngại khó khăn, ác liệt; chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" còn làm cho quần chúng lúng túng. Ở một số nơi, cán bộ, đảng viên chưa hiểu hết mục đích phá ấp chiến lược, còn nặng về phá rào, lấp hào, nên về sau địch phản công lại.

Công tác xây dựng Đảng ở cơ sở còn quá ít, hoặc yếu ở vùng ven và các xã Sơn Cao, Sơn Linh, Sơn Giang (Sơn Hà), một số xã ở Minh Long, Ba Tư còn xem nhẹ phát triển du kích.

Tuy còn một số hạn chế, nhưng trong cuộc đồng khởi ở đồng bằng lần thứ nhất (cuối 1961 đến cuối 1962), toàn tỉnh đã giành được những thắng lợi cơ bản, tạo được bàn đạp, mở rộng phong trào đồng bằng, giải quyết một phần

nhu cầu về kinh tế, đời sống cho căn cứ miền núi. Vùng giải phóng được củng cố và mở rộng. Việc thực hiện ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) đều có tiến bộ, tạo thế và lực cho Đảng bộ hoạt động về sau¹.

Ngày 6-12-1962, trong Nghị quyết về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng một lần nữa nhấn mạnh: Hết sức mở rộng lực lượng quân sự và chính trị, phát động du kích chiến tranh rộng khắp, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược của địch. Trước mắt, làm thất bại kế hoạch tiến công của chúng trong năm 1963, giữ vững và phát triển lực lượng ta, mở rộng căn cứ, vùng giải phóng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sáng tạo và tranh thủ thời cơ thuận lợi lớn hơn trong tình hình gay go, phức tạp, cũng như trong tình hình có những chuyển biến mới của phong trào.

Nghị quyết của Bộ Chính trị đã soi sáng hoạt động của Đảng bộ Quảng Ngãi.

Năm 1963 là năm nước rút của kế hoạch Xtalây - Taylo. Tính đến tháng 6-1963, quân địch được tăng cường đến mức cao nhất ở Quảng Ngãi, gồm sư đoàn chủ lực số 25 (có 4 trung đoàn), 1 tiểu đoàn bảo an, 11 đại đội hải thuyền, 302 trung đội dân vệ, biệt kích và 12.000 thanh niên chiến đấu, kết hợp với các đoàn cán bộ bình định đánh phá cách mạng. Chúng xây thêm 46 đồn bót ở miền núi, tập trung

1. Báo cáo tổng kết tình hình năm 1962 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi
Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy Quảng Ngãi.



Đồng chí NGUYỄN HỮU NGHĨA
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
1-1962 – đầu 1964



Đồng chí VÕ PHẤN
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
Đầu 1964 – 12-1964

ở Tà Ma, Hải Giá, Ba Tơ, Giá Vụt, Sơn Hà, Di Lăng, Làng Ranh, Bái Mâu đến án ngữ đường xuống đồng bằng và nối với các trục đường giao thông An Lão - Ba Tơ, Trà Bồng - Trà My - Di Lăng - Mang Bút; xây dựng hai trung tâm huấn luyện quân sự ở Đá Bàn (Ba Tơ) và Hà Thành (Sơn Hà). Chúng còn huy động lực lượng xây dựng các ấp chiến lược ở dọc vùng giáp ranh miền núi.

Trong 10 tháng đầu năm 1963, địch mở 375 cuộc càn quét với quy mô từ một đại đội đến ba trung đoàn (210 cuộc ở đồng bằng, 165 cuộc ở miền núi). Địch mở các chiến dịch "Phượng hoàng", "Trung nghĩa" đánh vào các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Khu VI, Minh Long (các cửa ngõ của căn cứ vùng trung châu), Tân An, Vĩnh Tuy (Sơn Tĩnh), Đông Sơn, Đức Phổ, Cà Ty (vùng núi giữa hai huyện Bình Sơn, Sơn Tĩnh), uy hiếp Sơn Nham (chỗ dựa của Huyện ủy Tư Nghĩa). Chúng huy động các phương tiện máy bay, phi pháo, bom xăng, chất độc hóa học để bắn phá, hủy diệt vùng căn cứ, vùng giáp ranh với các huyện đồng bằng hùng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Chỉ riêng thôn Vĩnh Tuy, xã Tĩnh Hiệp (Sơn Tĩnh) có 1.500 dân, trong ba tháng phải nhận 9.000 quả pháo của địch.

Qua các trận càn, trong toàn tỉnh chúng bắn chết 220 người, bắt 1.906 người (Đức Phổ bị thiệt hại nặng nhất: 17 người chết, 1.586 người bị bắt); chúng cướp 55.053 ang lúa (riêng miền núi 47.053 ang), đốt 2.895 nóc nhà, 2.979 nhà chứa lúa, 396.690 gốc mỳ, 1.271 trâu, bò.

Chúng tung điệp báo vào cơ sở của ta (như ở Đông Sơn, Sơn Hà, Minh Long, Tư Nghĩa). Ở Đông Sơn, vùng sâu Tư Nghĩa có nhiều cơ sở bị vỡ.

Với thủ đoạn đánh phá điên cuồng, trong năm 1963, chúng lập được 525 ấp chiến lược, gồm 446.000 dân (miền núi có 51 ấp).

Tại các huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức địch chiếm lại hầu hết các xã, thôn giải phóng. Đường giao thông của ta từ đồng bằng lên miền núi bị cắt đứt, gây nhiều khó khăn cho đời sống của nhân dân và phong trào cách mạng trong tỉnh. Trong năm 1963 có 150 đồng chí hy sinh, trong đó có 12 huyện ủy viên, 4 ủy viên thường vụ, 92 đồng chí trong các đội vũ trang¹.

Mặc dù địch đánh phá ác liệt, gây cho ta nhiều tổn thất, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các Đảng bộ cơ sở, lực lượng cách mạng trong tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn, đẩy mạnh tiến công, nổi dậy phá ấp chiến lược, phát triển thế và lực ở đồng bằng.

Đầu năm 1963, Khu ủy và Quân ủy Khu V tổ chức đợt sinh hoạt chính trị ở các Đảng bộ địa phương và các đơn vị vũ trang, nhằm đấu tranh với những tư tưởng ngại tác chiến với xe bọc thép và máy bay trực thăng vũ trang rút kinh nghiệm thực hành phương châm đấu tranh kết hợp hai chân, ba mũi trong chống càn quét, phá ấp chiến lược. Theo chủ trương của Khu ủy, bộ đội chủ lực khu, bộ đội địa phương tỉnh sẽ được huy động trong từng đợt hoạt

1. Theo Báo cáo tổng kết năm 1963 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

động phối hợp với du kích và lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng phá áp chiến lược.

Theo chủ trương của Quân khu ủy, các lực lượng phải bám trụ địa bàn, kết hợp ba mũi giáp công trong chống càn quét, phá áp chiến lược. Tháng 4-1963, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tập trung mở chiến dịch 40, trọng điểm hoạt động là vùng đông bắc huyện Đức Phổ, nam huyện Mộ Đức, nhằm phá thế kìm kẹp của địch ở các xã ven biển và dọc quốc lộ số 1.

Được tỉnh tăng cường một đại đội, quân, dân Đức Phổ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy đã mở trận tiến công địch ở Phổ An, Phổ Quang. Do được chuẩn bị khá chu đáo, đêm 23-4-1963, quân dân Đức Phổ tiêu diệt, làm tan rã phần lớn lực lượng nguy quân, nguy quyền ở hai xã Phổ An, Phổ Quang, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy giành chính quyền, làm chủ quê hương.

Cùng thời gian trên, bộ đội chủ lực Quân khu diệt bót Nho Lâm (xã Phổ Hòa). Quần chúng xã Phổ Thuận được du kích hỗ trợ nổi dậy bao vây, giải tán một trung đội dân vệ, thu 11 súng. Phát huy thắng lợi, sáng 24-4-1963, 500 dân các xã xung quanh huyện ly biểu tình thị uy hỗ trợ cho phong trào ở các trọng điểm của huyện.

Địch phản ứng rất quyết liệt, tập trung lực lượng, phương tiện, chiếm lại các khu vực đã mất, trọng điểm là Phổ An, Phổ Quang. Do lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, bộ đội và du kích còn thiếu kinh nghiệm tổ chức, bố trí lực lượng chiến đấu, phần lớn bộ đội huyện, toàn bộ đội công tác tại xã Phổ An đã hy sinh, 200 đồng bào bị bắt, phong trào ở hai xã tạm thời lắng xuống.

Tháng 5-1963, quân ngụy liên tiếp hành quân càn quét, triệt phá nhiều thôn, xóm thuộc xã Phổ Minh, Phổ Cường, Phổ Hiệp, Phổ Thạnh, nghiêm trọng nhất là thôn An Tây (xã Phổ Nhơn) bị địch đốt trụi 300 nóc nhà. 7

Trước sự đàn áp khốc liệt của địch, tâm lý ngại ác liệt xuất hiện trong nhân dân và lực lượng vũ trang. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Đức Phổ ra nghị quyết lãnh đạo, củng cố tư tưởng, củng cố lực lượng vũ trang và chính trị, cứu trợ cho nhân dân những nơi bị địch khủng bố. Phong trào từng bước được phục hồi.

Ở các huyện khác trong tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương và du kích xã, thôn, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, các tổ chức quần chúng không ngừng được lớn mạnh, là chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng. Tính đến tháng 10-1963, ta đã đánh 1.126 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 11.536 tên địch. Tiêu biểu là đánh bại cuộc càn quét lớn của địch vào Mang Xinh, Trà Bồng, bảo vệ vững chắc căn cứ địa cách mạng, tập kích cứ điểm Long Lếch, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng.

Cùng thời gian này, phong trào đấu tranh chính trị ở đồng bằng và đô thị diễn ra quyết liệt, tiêu biểu là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo ở thị xã Quảng Ngãi từ tháng 5 đến tháng 11-1963 (nhất là sau khi Diệm - Nhu đàn áp Phật giáo ở Huế và Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở Sài Gòn). Thông qua sự vận động của các chi bộ Đảng ở thị xã, thị trấn, cùng một số nhân sĩ, trí thức yêu nước chống Diệm, hàng ngàn đồng bào Phật giáo kéo về thị xã Quảng Ngãi biểu tình, tuyệt thực, làm lễ cầu siêu

cho người chết, chống bắt lính trong phật tử, đòi ra sách báo công khai...

Phong trào đấu tranh không cho dịch dờ nhà, đồn dân diễn ra mạnh mẽ ở các huyện Đức Phổ, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Mộ Đức. Phong trào phá thế kìm kẹp phát triển mạnh mẽ.

Thất bại của kế hoạch càn quét và lập ấp chiến lược làm cho mâu thuẫn nội bộ của chế độ Ngô Đình Diệm trở nên trầm trọng, ảnh hưởng đến toàn bộ kế hoạch chiến lược của Mỹ ở miền Nam. Mỹ quyết định làm cuộc đảo chính 1-11-1963, dùng nhóm quân sự Dương Văn Minh giết chết Diệm - Nhu, đưa Minh lên cầm quyền để giải quyết cuộc khủng hoảng của chế độ tay sai. Nhưng hậu quả là khủng hoảng trầm trọng thêm.

Ngay sau khi Diệm - Nhu bị đảo chính, phong trào đấu tranh chính trị diễn ra khắp tỉnh. Tỉnh ủy chủ trương "chớp thời cơ thuận lợi, đốc toàn bộ lực lượng xuống đồng bằng phát triển phong trào đồng khởi giành thắng lợi to lớn"¹, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng từ Bình Sơn đến Đức Phổ. Hàng vạn đồng bào các huyện Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Bình Sơn, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Minh Long, Sơn Hà nổi dậy trừng trị bọn ác ôn, tay sai, tẩy chay việc lập lại bọn ngụy quyền mới, đòi chia lại công điền, công thổ, bồi thường tính mạng, tài sản cho dân, phá tan ngụy quyền cơ sở. Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh

1. Theo tài liệu tổng hợp 5 đại hội chống Mỹ, cứu nước của hai Đảng bộ Quảng Ngãi - Bình Định. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

lúc bấy giờ là 8 cuộc biểu tình của nhân dân Đức Phổ thu hút trên 2 vạn người tham gia.

Từ sau đảo chính tháng 11-1963, hầu hết chính quyền của địch ở thôn, xã bị tê liệt, bọn tay sai hoang mang lo sợ, thậm chí tự sát (như quận trưởng Sơn Tịnh)¹. Mâu thuẫn giữa bọn Quốc dân Đảng với phái Diệm (Đảng Cần lao nhân vị), giữa bọn ác ôn trong Công giáo và một số tay sai trong Phật giáo ngày càng tăng thêm. Tình thế của chúng ngày càng rối ren thêm, có lợi cho cách mạng, tạo thêm khí thế cho quần chúng đấu tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong năm 1963 tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Tính đến cuối năm, toàn tỉnh có 126.358 lượt quần chúng tham gia đấu tranh chính trị (trong đó Đức Phổ có 30.447 lượt người); 348 lần phá ấp chiến lược, tổ chức 1.040 cuộc mít tinh, bao gồm 81.125 lượt người tham gia.

Công tác binh vận cũng phát triển, ta đã làm rã ngũ 1.992 tên địch (trong đó có 1.778 tên đào ngũ). Sau khi Diệm - Nhu bị đảo chính, cơ sở của ta gài trong binh lính đã vận động 7 trung đội làm binh biến ở các xã Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ An (Đức Phổ), thu 122 súng các loại. Phong trào phát triển mạnh ở Đức Phổ và Bình Sơn, nhiều tổ binh vận hợp pháp và các tổ đơn tuyến được xây dựng.

1. Trước khí thế cách mạng và chính quyền Diệm - Nhu bị lật đổ, quận trưởng Sơn Tịnh, một tên tay sai đắc lực của Diệm, quá lo sợ đã mổ bụng tự sát. Quận trưởng Đức Phổ chạy trốn, tài sản của hắn bị bọn đảo chính tịch thu.

Công tác tề vận đạt được kết quả tốt. Ta đã diệt 64 tên ác ôn, gián điệp; cảnh cáo, giáo dục, hạ uy thế, đưa đi cải tạo 814 nhân viên xã, thôn của địch và giáo dục 3.220 gia đình binh sĩ và ngụy quyền. Ta rải 100.442 tờ truyền đơn các loại (trong đó có 38.420 tờ truyền đơn binh vận), dán 1.085 áp phích, 17.500 bản tin; chuyển tay 1.600 tờ báo "Cờ giải phóng" của Khu V, 14.800 tờ "Giải phóng" của tỉnh, treo 385 khẩu hiệu, băng rôn, đốt ảnh Ngô Đình Diệm.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các cơ sở Đảng, công tác bố phòng, rào làng chiến đấu cũng được đẩy mạnh. Trong năm 1963, nhân dân, du kích cắm 27 triệu cây chông các loại, đào 120.221 hầm chông, gài 623 bẫy đá, 12.500 mang cung, xây 30 hầm chống tăng, đào 6.500 hầm trú ẩn. Phong trào mạnh nhất ở Ba Tơ và Khu VI, mỗi nơi cắm trên 5 triệu cây chông các loại. Nhờ vậy, ta đã đánh lui nhiều đợt càn quét của địch, làm bị thương 300 tên.

Ở đồng bằng, Huyện ủy Tư Nghĩa đã huy động nhân dân cắm hàng triệu cây chông, đào hầm bố phòng từ căn cứ Đá Sơn đến Suối Tó. Ở Đức Phổ, việc bố phòng vùng giáp ranh được triển khai, nhân dân các xã bị địch kim kẹp, đào được 425 hầm chông, 100 hầm bí mật, xây dựng 57 ổ tác chiến, cắm 106.460 cây chông, đào 2.300m giao thông hào. Phong trào đấu tranh chính trị diễn ra đều khắp, sôi nổi ở Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa.

Chính quyền tự quản các cấp chia 1.500 mẫu ruộng công điền cho nông dân thiếu ruộng, xóa nợ 1,5 triệu đồng từ quỹ "Hợp tác xã nông tín cuộc" của địch cho nông dân vay,

tạo điều kiện cho nông dân làm ăn, phấn khởi, tin tưởng tham gia cách mạng.

Ở miền núi, việc sản xuất tự túc, nhất là trồng cây lương thực được các Đảng bộ chú trọng, coi như một mặt trận chiến đấu. Huyện Sơn Hà đạt kết quả khá nhất, sản xuất được 39.694 ang lúa ruộng và 12.075 ang lúa rẫy; Trà Bồng sản xuất được 16.526 ang lúa rẫy, 173 ang lúa ruộng; Khu VII: 10.000 ang lúa rẫy và 200 ang lúa ruộng.

Phong trào sản xuất tự túc phát triển mạnh ở Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Đức Phổ. Huyện Đức Phổ thu hoạch được 8.509 ang lúa, 32 vạn gốc mỳ; Tư Nghĩa: 4.000 ang lúa và 45 vạn gốc mỳ.

Việc trao đổi hàng hóa giữa trung châu và miền núi được giữ vững. Trong năm 1963, có 30 loại sản phẩm lâm thổ sản được trao đổi, trị giá 12 triệu đồng. Nhờ vậy, ta đã giải quyết một phần đời sống và sinh hoạt của nhân dân và cán bộ, nhất là vùng căn cứ.

Công tác y tế phục vụ kháng chiến cũng đạt kết quả tốt. Ta đã sản xuất được 2 triệu viên thuốc các loại, đã chữa cho 8.164 người sốt rét, 1.014 người đau kiết lỵ; đào tạo một lớp y tế bổ túc cho 21 học viên, ba lớp cứu thương với 47 học viên, 4 lớp y tế xá gồm 85 học viên. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được mọi người hưởng ứng.

Về văn hóa - giáo dục, tỉnh đã mở 15 lớp cho 337 cán bộ từ lớp 2 đến lớp 3 (trong đó có 8 lớp dạy tiếng dân tộc Hre và Cor), 18 lớp bình dân ở miền núi, 2 lớp ở trung châu. Các đội văn nghệ được thành lập. Việc sáng tác thơ ca, hò vè để phục vụ nhân dân cũng được quan tâm.

Năm 1963, công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ được đẩy mạnh. Tỉnh ủy mở 322 lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ từ cơ sở đến tỉnh, gồm 14.375 lượt cán bộ dự (trong đó có 2 lớp mở cho huyện ủy viên học trong 45 ngày, gồm 63 cán bộ), 27 lớp học chính huấn từ 2 đến 4 ngày, cho 781 cán bộ tỉnh, 1 lớp cho đội công tác vũ trang trong 8 ngày với 35 đội viên, 299 lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho 11.801 đảng viên, cán bộ, đoàn viên nhằm nâng cao trình độ nhận thức, trách nhiệm trong công tác...

Trong năm 1963, tuy bị địch đánh phá ác liệt, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn được duy trì và phát triển. Từ sau khi Diệm - Nhu bị đảo chính, phong trào cách mạng phát triển mạnh. Tuy vậy, phong trào các huyện đồng bằng chưa đồng đều; ở miền núi còn gặp khó khăn về đời sống. Công tác phát triển Đảng còn chậm, số cán bộ, đảng viên hy sinh khá lớn (cả năm có 150 cán bộ, đảng viên hy sinh).

Cuối năm 1963, kế hoạch Xtalây - Taylo của địch đã kéo dài thêm một năm vẫn bị thất bại.

II- TIẾP TỤC NỔI DẬY PHÁ "ẤP CHIẾN LƯỢC", GIẢI PHÓNG ĐẠI BỘ PHẬN NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG, CHIẾN THẮNG BA GIA

Sau những thất bại nặng nề, Mỹ - ngụy buộc phải co cụm, thực hiện "bình định" có trọng điểm. Chúng tăng cường các tuyến phòng thủ quanh thị xã, thị trấn và các trục giao thông chiến lược quan trọng. Đồng thời chúng đẩy mạnh càn quét và phản kích để giành lại các vùng đã mất, thực hiện gom dân, lập "ấp tân sinh" theo kế hoạch

Giôn-xơn - Mác Namara (thực chất áp chiến lược trá hình, mị dân, nhằm bình định miền Nam trong vòng hai năm 1964-1965). Chúng tìm mọi cách mua chuộc nhân dân, như lập "Hiệp hội nông dân", "Cộng đồng tái thiết quốc gia", hòng cứu vãn tình thế suy sụp của chúng.

Nhưng, các âm mưu và thủ đoạn mới của địch không thể làm đảo ngược được xu thế phát triển của phong trào cách mạng trong tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, họp tháng 12-1963, đã vạch phương hướng đấu tranh cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới và nêu rõ: "Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ bản và quyết định", nhưng "đấu tranh quân sự đóng vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh tan lực lượng quân sự địch, chỗ dựa của nền thống trị của chúng, làm cho cách mạng thắng lợi".

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ chín, Thường vụ Khu ủy V xác định ba mục tiêu chủ yếu phải đạt được của Khu trong năm 1964 và nửa đầu năm 1965 là:

1. Phá "áp chiến lược", phá thế kìm kẹp của địch, giành lại và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng, làm chủ vùng rừng núi, xây dựng căn cứ và vùng giải phóng vững mạnh.

2. Tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch, tiến lên thực hiện tốt nhiệm vụ tiêu diệt lớn quân địch.

3. Củng cố và phát triển mạnh mẽ lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, tăng cường chỉ đạo phát triển kinh tế. Trong đó vấn đề máu chốt trước mắt, quyết định sự phát triển của phong trào là giành dân (chủ yếu ở nông thôn đồng bằng), giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng.

Để quán triệt nghị quyết của cấp trên và đề ra nhiệm vụ sát hợp cho địa phương, tháng 4-1964, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã họp, do đồng chí Võ Phấn, Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì¹. Sau khi thảo luận kỹ tình hình ta và địch, Tỉnh ủy chủ trương: "Động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, khẩn trương, liên tục tiến công địch, ra sức đánh phá "ấp chiến lược", phá thế kìm kẹp, giành dân ở đồng bằng, tạo ra một số mảng làm chủ lớn. Ra sức xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, tích cực xây dựng ba thứ quân, mở rộng diện tiêu hao, nâng cao mức tiêu diệt, chống càn quét lấn chiếm, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và binh vận; đồng thời tích cực xây dựng miền núi đủ sức về mọi mặt... Ra sức xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị trấn, thị xã. Tích cực xây dựng lực lượng ta về mọi mặt, chuyển hướng phong trào trong tỉnh lên một bước mới, giành thắng lợi to lớn..."². Nghị quyết nêu rõ ba mục tiêu chủ yếu là:

1. Đầu năm 1964, đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Bí thư Tỉnh ủy đi miền Bắc trị bệnh. Đồng chí Võ Phấn, Ủy viên Thường vụ được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

2. Nghị quyết Tỉnh ủy Quảng Ngãi năm 1964. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- "Phá hàng mảng "ấp chiến lược", phá thế kìm kẹp, giành và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng.

- Tích cực tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch.

- Củng cố và phát triển lực lượng ta về mọi mặt..."¹.

Từ quyết tâm trên, Hội nghị chủ trương phát động nhân dân nổi dậy ở đồng bằng lần thứ hai, từ tháng 7-1964 đến cuối năm 1964.

Mở đầu hoạt động, lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với bộ đội chủ lực tiến công đánh ấp, diệt viện ở Trì Bình, Bình Nguyên (huyện Bình Sơn), diệt hai trung đội dân vệ và đánh viện diệt gọn một đại đội bảo an. Sau đó, vây Phước Lâm, phục kích ở Tân Phước (xã Bình Minh), diệt gọn một trung đội dân vệ.

Ở miền núi, quân và dân Trà Bồng cùng với bộ đội chủ lực của Khu anh dũng chiến đấu đánh bại cuộc hành quân càn quét lớn mang tên "Quyết thắng 202" lần thứ hai của địch đánh vào Mang Xinh, trung tâm căn cứ của ta nhằm tiêu diệt cơ quan lãnh đạo của Khu V. Lực lượng địch bao gồm 12 tiểu đoàn, khoảng 5.000 quân và 80 máy bay các loại. Sau một tháng chiến đấu liên tục, ta đã diệt trên 500 tên, bắn rơi 17 máy bay, đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét đánh phá của địch.

Sau chiến thắng ở Mang Xinh, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã liên tục tiến công địch ở đồng bằng. Đêm

1. Nghị quyết Tỉnh ủy Quảng Ngãi năm 1964. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

5-7-1964, bộ đội tập trung của tỉnh tiến công tiêu diệt một trung đội bảo an và một trung đội dân vệ ở Thổ Đồn (huyện Tư Nghĩa). Hơn một tháng sau, đêm 8-8-1964, bộ đội đặc công 506A tập kích cứ điểm Núi Sấn (huyện Đức Phổ), diệt một trung đội địch, thu 10 súng. Cùng thời gian này, tiểu đoàn 95 Quân khu V tiến công đồn Phước Vĩnh (xã Đức Phú, huyện Mộ Đức), diệt một trung đội bảo an và trụ lại ban ngày diệt quân ứng viện, bắn cháy một xe M.113. Một bộ phận của tiểu đoàn phục kích trên đoạn đường số 5 từ Trường An đi Ba Tư, tiêu diệt ba trung đội bảo an và một trung đội biệt kích, thu 49 súng các loại.

Phát huy những thắng lợi vừa đạt được, bộ đội ta liên tiếp mở một loạt các trận đánh khác. Bộ đội đặc công 506A san bằng cứ điểm Gò Su (huyện Tư Nghĩa). Tiểu đoàn 83 tập kích tiêu diệt trung đội dân vệ ở ấp Nhơn Lộc (huyện Nghĩa Hành). Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh tiến công tiêu diệt liên trung đội dân vệ ở Tịnh Khê, Minh Quang, Tịnh Hòa. Lực lượng vũ trang và du kích Bình Sơn tiến công san bằng nhiều "ấp chiến lược", diệt 37 tên địch, thu 29 súng.

Như vậy, trong một thời gian ngắn, lực lượng vũ trang và nhân dân các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ đã liên tục tiến công tiêu diệt địch, phá banh hàng loạt "ấp chiến lược", vây ép các đồn bót địch.

Hoảng hốt trước sức mạnh tiến công của lực lượng vũ trang và nhân dân, từ tháng 8-1964 trở đi, địch co cụm lại cố thủ. Chúng phải rút một số đồn bót như: Tà Ma, Hải Giá, Sơn Cao, Sơn Giang (huyện Sơn Hà), Đá Cuội (huyện Bình Sơn), Gò Su (huyện Tư Nghĩa), Nhơn Lộc

(Nghĩa Hành), đồn số Bảy, Eo Gió, Núi Bè (huyện Đức Phổ) và điều chỉnh, tăng cường lực lượng cho các cụm cứ điểm, cố thủ những vùng xung yếu và dọc trục giao thông, vùng giáp ranh.

Cùng với các hoạt động về quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân cũng phát triển với quy mô lớn. Đây là thời kỳ đấu tranh sôi nổi nhất của phong trào cách mạng trong tỉnh.

Từ ngọn cờ đầu ở Đức Phổ (xã 223-Phổ Hiệp) nhiều cuộc biểu tình của nhân dân đấu tranh trực diện với địch diễn ra đều khắp, mạnh mẽ. Trong năm 1964, có hơn một triệu lượt người tham gia đấu tranh nhập thị, tăng 10 lần so với năm 1963. Đặc biệt, trong tháng 7-1964 có 4 cuộc nhập thị lớn vào thị xã Quảng Ngãi và 15 cuộc nhập thị vào các huyện lỵ với hơn 20 vạn người. Đức Phổ và Bình Sơn là hai huyện có phong trào mạnh nhất.

Nhân dân ở thị trấn, thị xã tổ chức nhiều cuộc mít tinh, hội họp để phối hợp với các cuộc nhập thị của đồng bào nông thôn. Phong trào đấu tranh của học sinh các trường Bồ Đề, Trần Quốc Tuấn, Chấn Hưng cũng dấy lên sôi nổi, đòi quyền tự do, dân chủ, quyền học hành, chống khủng bố, chống bắt lính. Ngày 5-5-1964, hơn một ngàn học sinh, thanh niên tổ chức biểu tình chống bắt lính và hưởng ứng phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Huế. Cuộc đấu tranh của các tôn giáo, nhất là Phật giáo chống độc tài phát xít phản động, cấm đạo, đã tập hợp được nhiều người chung quanh Mặt trận đoàn kết dân tộc chống đế quốc Mỹ và tay sai.

Công tác binh vận trong năm 1964 đạt được kết quả tốt. Việc đào rã ngũ trong binh lính địch từ lẻ tẻ đã phát

triển đến những đơn vị tập thể. Có 1.065 binh lính đào ngũ, 262 trung đội thanh niên tân trang, dân vệ, biệt kích rá ngũ; 26 trung đội làm nội ứng và binh biến, mang 450 khẩu súng về nộp cho cách mạng.

Điều đáng chú ý trong năm 1964 là phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh, hỗ trợ cho quân chúng đấu tranh chính trị, phá banh áp chiến lược. Ở đồng bằng, ta đã xây dựng được 193 thôn chiến đấu (Đức Phổ có 66 thôn). Lực lượng du kích trong toàn tỉnh có 8.515 người (đồng bằng có 6.450 người). Nhiều địa đạo lớn được xây dựng, đủ sức bố phòng, chiến đấu như ở huyện Đông Sơn. Nhân dân và du kích Đông Sơn đào được ba địa đạo ở 3 thôn, dài 3,5 km, nhờ vậy mà đánh bại nhiều trận càn khốc liệt của địch, bảo vệ xóm làng, tài sản của nhân dân.

Cuộc nổi dậy ở nông thôn đồng bằng trong tỉnh lần thứ hai được kéo dài đến hết năm 1964. Bằng sức mạnh của hai lực lượng chính trị và quân sự, đấu tranh bằng hai chân, ba mũi giáp công, quân và dân Quảng Ngãi đã liên tục tiến công, liên tục nổi dậy gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Quân dân Quảng Ngãi đánh hơn 894 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 6.162 tên địch, thu 761 súng; phá hủy 60 xe quân sự, phá banh 232 "áp chiến lược", giải phóng 334.500 đồng bào khỏi ách kìm kẹp của Mỹ - ngụy.

Ở đồng bằng, vùng giải phóng được mở rộng và kéo dài từ vùng giáp ranh miền núi đến sát ven biển (từ xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn đến sông Trà Khúc và từ nam sông Vệ đến đèo Bình Đê giáp Bình Định, từ đông huyện Tư Nghĩa nối liền đến đông huyện Đức Phổ). Ta làm chủ 177 thôn với 278.569 dân.

Ở miền núi, ta giải phóng vùng lưu vực Sông Hre, xã Sơn

Cao, huyện Sơn Hà, hình thành thế bao vây, buộc địch co cụm trong đồn bót. Đường giao thông từ miền núi đến đồng bằng của địch bị cắt đứt. "Áp chiến lược" bị phá 50% và biến thành thôn, xã chiến đấu. Lực lượng du kích phát triển mạnh. Ta làm chủ 227 thôn với 66.489 dân.

Từ trong phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng, các cấp ủy Đảng đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo. Các ban đấu tranh chính trị từ tỉnh đến xã được thành lập, phần lớn do đảng viên lãnh đạo. Tỉnh ủy tổ chức kỷ niệm lần thứ 10 ngày ký Hiệp định Giơnevơ (20-7) ở đồng bằng, kỷ niệm ngày 19-8 và 2-9 ở miền núi, đã phát hành hàng ngàn tờ báo "Giải phóng" và "Cờ giải phóng" của tỉnh và Khu. Hàng chục ngàn hội viên được thu hút vào các đoàn thể quần chúng: Nông hội, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên giải phóng, là hậu thuẫn của Đảng.

Ở miền núi, ngoài các tổ chức quần chúng giải phóng, Đảng bộ các huyện Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ còn tổ chức các tổ "đổi công", "vòng công hợp tác", "tương trợ lao động". Toàn miền núi có 57 tổ đổi công thường xuyên và 344 tổ đổi công từng vụ nhằm đẩy mạnh sản xuất, tự túc lương thực để đối phó với âm mưu bao vây kinh tế của địch.

Để củng cố và động viên lực lượng nông dân tham gia cách mạng trong các vùng căn cứ và vùng ta làm chủ, theo chủ trương của Tỉnh ủy, tính đến cuối năm 1964, 16.037 nông dân được chia 2.091 mẫu ruộng công, ruộng vắng chủ và ruộng của ác ôn; 433 tá điền giành được 2.325 ang lúa tô. Các huyện miền núi đã cấy tía 73.784 ang giống lúa, 103.908 ang bắp, trồng 41.726.485 gốc mỳ.

Nhờ thế đã tăng bình quân lương thực đầu người từ 200kg lên 400 kg ở Sơn Hà, từ 182kg lên 387kg ở Trà Bồng.

Trong vùng giải phóng đã tổ chức được 146 lớp học cấp I với 5.000 học sinh, 36 lớp bình dân học vụ với 1.000 học viên, đã xây dựng được 81 Ban y tế, đào tạo được 453 y tá, cứu thương, vệ sinh viên. Năm 1964, Đoàn văn công giải phóng của Quảng Ngãi ra đời, gồm những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa văn nghệ, xuất thân từ con em lao động và học sinh các trường học cách mạng. Những chiến sĩ này đã vượt qua bão đạn, mưa bom đem lời ca, tiếng hát đến phục vụ mọi đơn vị, địa phương, cổ vũ tinh thần chiến đấu và lao động sản xuất của toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào cho đến ngày Quảng Ngãi được giải phóng. Sự đóng góp của Đoàn văn công giải phóng vô cùng to lớn, không sao nói hết được.

Cuối năm 1964, một trận lụt chưa từng có đã xảy ra làm thiệt hại nhiều sinh mạng và của cải ở cả miền núi và đồng bằng. Trận lụt đã làm cho 659 người chết, 48 người bị thương, 2.218 ngôi nhà bị trôi, 2.000 ngôi nhà bị sập, hàng trăm trâu bò bị chết, hàng ngàn nông cụ bị mất, số thiệt hại lương thực, hoa màu toàn tỉnh ước tính 5.000 tấn. Nạn đói xảy ra ở một số nơi như Tân Phước, Tiên Đào, Phú Lộc, Mỹ Huệ (huyện Bình Sơn). Mỹ và chính quyền Sài Gòn cho trận lụt này có giá trị như một cuộc phản công của nhiều sư đoàn. Chúng lợi dụng thiên tai để càn quét, bắn phá hòng làm cho nhân dân không giúp đỡ được nhau, phải khuất phục chúng. Khi trận lụt ập đến, Tỉnh ủy đã kịp thời phát động phong trào đoàn kết, giúp đỡ đồng bào bị nạn. Với tinh thần "lá lành đùm lá rách", Đảng bộ các huyện đã vận động nhân dân quyên góp

5.888 ang lúa, 7.398 lon gạo, 320 ang muối, 802 ang khoai lang, 206 cây tre, 700 tấm tranh, 7.000 đồng tiền mặt, 816 bộ quần áo và 5000 ngày công để giúp đỡ đồng bào bị nạn¹. Miền Bắc và các tỉnh Nam Bộ kịp thời chi viện lương thực, thuốc chữa bệnh... hỗ trợ nhân dân vùng bị lụt kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai. Đồng thời, Tỉnh ủy phát động phong trào toàn dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, cứu đói, ổn định đời sống nhân dân. Nhờ vậy mà cuối năm 1964 đời sống nhân dân dần dần trở lại ổn định. Các đoàn thể quần chúng vẫn được duy trì, thực lực cách mạng được giữ vững và phát triển.

Trong năm 1964, công tác đào tạo cán bộ, xây dựng Đảng, nhất là xây dựng các chi bộ ở cơ sở được Tỉnh ủy chỉ đạo sát sao. Cả năm, tỉnh đã mở 15 lớp học cho 205 đảng viên dự bị và cảm tình Đảng. Trường Đảng tỉnh mở 4 lớp cho 102 cán bộ xã ủy, huyện ủy và trình độ tương đương và một lớp gồm 35 đồng chí học tập quán triệt công tác chi bộ và 6 nhiệm vụ cơ bản của đảng viên. Đã phát triển được 511 đảng viên ở đồng bằng, nâng tổng số đảng viên lên 3.956 đồng chí. Số đảng viên nữ chiếm 15,5%. Ở miền núi, công tác phát triển Đảng còn chậm, trong năm chỉ phát triển được 110 đồng chí.

Công tác xây dựng và phát triển chi bộ được quan tâm hơn trước. Các xã đồng bằng đã phát triển thêm 66 chi bộ, nâng tổng số chi bộ lên 191, gồm 1.800 đảng viên; ở

1. Theo Báo cáo tình hình năm 1964 của Tỉnh ủy. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

miền núi phát triển thêm 5 chi bộ, nâng tổng số chi bộ lên 112, gồm 1.397 đảng viên. Tuy nhiên, số đảng viên thoát ly quá nhiều so với số đảng viên hoạt động hợp pháp; như ở Nghĩa Hành, số đảng viên hợp pháp là 25/112 đồng chí. Số đảng viên trong tổ chức thanh niên, trong lực lượng du kích còn ít. Một số chi bộ chưa có khả năng tự động trong công tác, hoặc chưa biết cách làm việc trong quần chúng...

Để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiếp tục tiến lên, thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng bộ Quảng Ngãi vững mạnh, tháng 1-1965, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II được tổ chức tại Ba Điền (huyện Ba Tơ). Dự Đại hội có khoảng 100 đại biểu đại diện cho 3.956 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Kiên (Nguyễn Tuấn Tài), Ủy viên Thường vụ Khu ủy V trực tiếp chỉ đạo Đại hội.

Đại hội tập trung thời gian để kiểm điểm tình hình, phân tích, đánh giá phong trào cách mạng của tỉnh trong năm năm qua (kể từ Đại hội I, tháng 2-1960), đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Đại hội tổng kết tình hình công tác trong năm năm qua, khẳng định những kết quả đạt được trong chiến đấu, sản xuất (nhất là trong việc bảo vệ căn cứ, chiến thắng Mang Xinh, Trà Bồng, hai cuộc nổi dậy giành lại nông thôn đồng bằng vào năm 1962 và 1964). Đại hội kiểm điểm công tác xây dựng Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc nhận thức tình hình địch, ta, trong việc tổ chức và chỉ đạo quần chúng đấu tranh. (Năm 1963 là năm khó khăn nhất, số lượng đảng viên vẫn tăng 277 đồng chí, số lượng đảng viên năm 1960 là 2.766 đồng chí, cuối năm

1964 là 3.956 đồng chí; hội viên các tổ chức quần chúng: 4.470 phụ nữ, 12.443 nông dân, 10.007 thanh niên). Từ tháng 2-1960 đến cuối năm 1964 có 216 đồng chí hy sinh (có 1 tỉnh ủy viên)¹.

Đại hội đã rút ra các bài học lớn:

- Tin dân và dựa vào quần chúng cơ bản sẽ đưa phong trào cách mạng phát triển nhanh chóng.

- Quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo phương châm kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

- Giữ vững quyết tâm và lạc quan cách mạng, thực hiện "3 tin" (tin đường lối, tin quần chúng, tin mình).

Đại hội biểu dương hai đơn vị tiêu biểu cho phong trào trong tỉnh là xã 223 (Phổ Hiệp, Đức Phổ) và xã 82 (Đức Phong, Mộ Đức).

Đại hội hạ quyết tâm: "Giải phóng toàn bộ nông thôn (cả đồng bằng và miền núi), bao vây thị xã và thị trấn, tiến đến giải phóng toàn tỉnh, xây dựng Quảng Ngãi thành một hậu phương vững chắc"².

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 đồng chí (13 chính thức, 2 dự khuyết), do đồng chí Trần Kiên làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội, phong trào thi đua giết giặc lập công được phát động trong toàn tỉnh.

Trên chiến trường Quảng Ngãi, sau khi bị ta tiêu diệt

1, 2. Theo Báo cáo tổng hợp các Đại hội trong chống Mỹ, cứu nước, tr.27. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

một bộ phận quân cộng hòa và một phần quân địa phương, tinh thần chiến đấu của địch bị sa sút, chúng buộc quay về phòng ngự các trục giao thông chính; quân địa phương co lại giữ các "ấp chiến lược" quanh thị xã, thị trấn và trục lộ số 1.

Về phía ta, sau đợt tiến công và nổi dậy năm 1964, quân và dân Quảng Ngãi đã giải phóng và làm chủ nhiều vùng rộng lớn, giành lại 50% số dân ở đồng bằng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh. Việc quán triệt và vận dụng phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đã đem lại nhiều thắng lợi quan trọng.

Theo chủ trương của Trung ương, Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ tư lệnh Quân khu chủ trương mở đợt hoạt động xuân 1965, nhằm tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân ngụy, phát triển cao trào nổi dậy ở đồng bằng, phá phần lớn "ấp chiến lược", giành lại hầu hết nông thôn đồng bằng.

Đợt hoạt động xuân mở đầu từ 7-2 đến 15-4-1965 trên địa bàn toàn Khu V, cả chiến trường đồng bằng và Tây Nguyên; kết hợp chặt chẽ giữa tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương với các cuộc nổi dậy của quần chúng một cách liên tục, rộng khắp.

Phối hợp với chiến trường toàn Khu, các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi liên tục tiến công địch, hỗ trợ cho quần chúng nhân dân nổi dậy phá "ấp chiến lược".

Tại huyện Sơn Tịnh, đêm 15-2-1965, đại đội 401 của huyện đánh tiêu diệt hai trung đội dân vệ ở thôn Bình Đông (Tịnh Bình), giải phóng xã Tịnh Bình, san bằng chốt điểm ở cầu Tam Hân, giải phóng xã Tịnh Bắc.

Ở Bình Sơn, lực lượng vũ trang huyện và du kích tiến

công các "ấp chiến lược" xã Bình Dương, Phú Long (xã Bình Phước), Nam Yên (xã Bình Hòa), Liên Trì, đồi Ông Râu (xã Bình Hiệp), diệt nhiều trung đội dân vệ, quần chúng nổi dậy phá ấp, phá kìm, xây dựng làng chiến đấu.

Ở Sơn Tịnh, lực lượng vũ trang huyện tiến công vào ấp Thế Long (xã Tịnh Phong), Kim Lộc (xã Tịnh Châu), diệt một đại đội địch. Tại Tư Nghĩa, ngày 6-3-1965, lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện tiến công tiêu diệt đại đội bảo an ở Thu Xà, vận động đánh địch ở Nghĩa Đông, Nghĩa Hòa, kết hợp với quần chúng nổi dậy giải phóng ba xã Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa Đông sát phía đông thị xã Quảng Ngãi.

Các huyện phía nam Quảng Ngãi cũng phối hợp nhịp nhàng, tiến công địch ở An Ba, Hành Thịnh (huyện Nghĩa Hành), Quán Vịt, Trà Câu (huyện Đức Phổ), Quán Hồng (huyện Mộ Đức) diệt hàng trăm tên địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược".

Ở miền núi, lực lượng vũ trang và du kích huyện Ba Tư đánh địch ở Ba Gia, Ba Tầng, Ba Động, giải phóng trên 3.000 dân. Lực lượng vũ trang và du kích huyện Sơn Hà tiến công địch ở Xóm Gò, Xóm Đồng, Di Oản, đưa 3.000 đồng bào trở về làng cũ.

Phối hợp với việc tiến công các chốt điểm, phá "ấp chiến lược", đại đội công binh tỉnh cùng với du kích và nhân dân địa phương đánh phá, cắt đứt nhiều đoạn đường giao thông ở trục quốc lộ số 1. Các đường ngang từ Bình Sơn đi Trà Bồng, Sơn Tịnh đi Sơn Hà, Mộ Đức đi Ba Tư cũng bị phá từng đoạn gây cho địch nhiều khó khăn trong việc tiếp tế và ứng viện giữa đồng bằng và miền núi.

Trước sự tiến công và nổi dậy đều khắp của quân và

dân trong tỉnh, nguy quyền xã thôn tấp ra đầu hàng, tấp chạy trốn, binh sĩ đào ngũ, mang súng trở về với cách mạng. Quân chúng nổi dậy phá banh hàng trăm ấp chiến lược, xây dựng làng chiến đấu, vùng giải phóng được mở rộng ở hầu hết nông thôn đồng bằng, tạo thế liên hoàn bao vây huyện lỵ, thị xã.

Thắng lợi của đợt hoạt động xuân 1965 là thắng lợi toàn diện cả về tiêu diệt lực lượng quân sự địch, giành dân, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng, phát triển thực lực kháng chiến. Quân và dân Quảng Ngãi đã giành và phát huy mạnh mẽ quyền chủ động trên chiến trường, góp phần cùng toàn miền đẩy chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đến thất bại hoàn toàn.

Trước nguy cơ bị thất bại của quân nguy, ngày 6-3-1965, Giôn-xơn quyết định đưa các đơn vị chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Ngày 8-3-1965, quân viễn chinh Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng và ngày 7-5, chúng đổ bộ lên Kỳ Hà (Chu Lai), tiến hành lập căn cứ, chuẩn bị cho bước tăng quân ồ ạt tiếp theo, đồng thời hỗ trợ về tinh thần cho nguy quân, nguy quyền đang sụp đổ, cố giữ cho tình hình khỏi xấu thêm.

Về phía ta, thực hiện chỉ thị ngày 27-4-1965 của Quân ủy Trung ương và Nghị quyết tháng 5-1965 của Khu ủy, Quân khu quyết định mở hoạt động hè mang tên "Chiến dịch Lê Độ" từ ngày 15-5 đến 30-8-1965, nhằm tiếp tục tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân nguy, phá "ấp chiến lược", giành lại phần lớn nông thôn đồng bằng, mở rộng vùng giải phóng nam - bắc Tây Nguyên, đồng thời sẵn sàng đánh một số trận phủ đầu quân Mỹ.

Quân khu chủ trương tập trung bộ đội chủ lực mở đợt

hoạt động trên bốn hướng: bắc Quảng Ngãi, nam Tây Nguyên, tây Gia Lai, bắc Kon Tum.

Trên hướng bắc Quảng Ngãi, trọng điểm của đợt hoạt động ở đồng bằng, ta mở chiến dịch Ba Gia (còn gọi là chiến dịch tây Sơn Tĩnh). Địa bàn chiến dịch gồm ba huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, trong đó Ba Gia là điểm quyết định then chốt.

Cứ điểm Ba Gia (Gò Cao) nằm án ngữ phía tây huyện Sơn Tịnh. Nó cùng với cứ điểm Hà Thành (huyện Sơn Hà) và Trà Bồng tạo nên tam giác phòng ngự phía tây tỉnh Quảng Ngãi. Đóng giữ cứ điểm này là tiểu đoàn 1 của trung đoàn 51 nguy. Bên cạnh lực lượng ở Ba Gia, địch còn bố trí tiểu đoàn 2 (trung đoàn 51) đứng chân tại thị xã Quảng Ngãi, tiểu đoàn 3 (trung đoàn 51) đứng chân ở Châu Ổ (Bình Sơn), hai tiểu đoàn biệt động 37 và 39 thuộc lực lượng cơ động Vùng chiến thuật 1 sẵn sàng ứng cứu bất cứ lúc nào.

Về phía ta, lực lượng tham gia chiến dịch có trung đoàn 1 bộ binh (chủ lực Quân khu V) với ba tiểu đoàn 40, 60, 90, được tăng cường một tiểu đoàn trợ chiến, tiểu đoàn 45 độc lập tiến công trên hướng chủ yếu. Tiểu đoàn 83, bộ đội địa phương tỉnh cùng hai đại đội địa phương huyện và dân quân du kích đảm nhiệm hướng thứ yếu.

Căn cứ vào chủ trương của Quân khu, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy tỉnh đội Quảng Ngãi nghiên cứu chuẩn bị phương án tác chiến, xác định các hướng chiến trường trong tỉnh: chiến trường trọng điểm phối hợp với bộ đội chủ lực Quân khu là tây Sơn Tịnh; chiến trường chính để mở mảng giành dân là đông- nam thị xã, đông Mộ Đức và đông Đức Phổ; các huyện khác được xác định là hướng diện, cũng

kết hợp tiến công vào các mục tiêu quy định để mở mảng giành dân. Đồng thời, ta huy động toàn bộ du kích và dân công ra phía trước chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Theo kế hoạch tác chiến, đêm 28 rạng 29 - 5 -1965, lực lượng vũ trang địa phương huyện Sơn Tịnh tiến công vào hai trung đội dân vệ ở "ấp chiến lược" Diên Niên và một trung đội cộng hòa đóng ở Núi Chợ, Lộc Thọ xã Tịnh Sơn. Sau mười phút chiến đấu, quân địch ở đây bị tiêu diệt hoàn toàn.

Bị mất vị trí tiền tiêu và cũng là cái chốt canh giữ trục đường từ Sơn Tịnh đi Gò Cao, Sơn Hà, 6 giờ 45 phút địch cho một đại đội của tiểu đoàn 1 (trung đoàn 51) ở Gò Cao ra thăm dò bị ta phục kích, diệt một trung đội, hai trung đội còn lại xin cứu viện.

10 giờ 40 phút, tiểu đoàn 1 và hai cố vấn Mỹ từ Gò Cao kéo xuống tiếp viện. Khi chạm phải bộ phận chiến đấu của ta ở núi Tròn, núi Khi, tiểu đoàn địch dừng lại triển khai, bắn xối xả vào hướng núi.

Trong lúc đó, các mũi tiến công của ta được giấu kín từ Minh Thành đến bắc sông Trà Khúc bất ngờ xuất kích đánh thẳng vào sau lưng đội hình địch. Các mũi chặn đầu, khóa đuôi và chính diện nhanh chóng bao vây, chia cắt địch. Sau 5 giờ trong ngày mở đầu chiến dịch, ta hoàn toàn tiêu diệt địch; giết và làm bị thương 270 tên (có 2 cố vấn Mỹ), bắt 217 tên (có tên đại úy tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Ngọc). Ta thu hơn 200 súng, phá hỏng 1 pháo 105 ly, 4 xe GMC, 1 xe Jeep. Nhân dân các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc nổi dậy, dùng gậy gộc, dao, rựa cùng bộ đội truy bắt tù binh.

Cùng lúc, ta pháo kích vào đồn Gò Cao, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Được tin tiểu đoàn 1 bị tiêu diệt, đồn Gò Cao bị uy hiếp, bọn chỉ huy Quân đoàn 1 vội vã điều ngay tiểu đoàn 39 biệt động quân, lực lượng cơ động của Vùng chiến thuật 1 ở Đà Nẵng vào thị xã Quảng Ngãi, tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến, lực lượng tổng dự bị chiến lược, đang càn quét ở Đức Phổ và tiểu đoàn 2 lập thành chiến đoàn tổ chức hành quân giải tỏa, tạo điều kiện đưa lực lượng lên thay thế giữ đồn Gò Cao đang bỏ trống.

Ngày 30-5-1965, từ thị xã, chiến đoàn địch kéo lên Tịnh Hà (Sơn Tịnh) và chia làm hai cánh: một cánh do tiểu đoàn 39 biệt động quân rẽ về phía bắc Phước Lộc đi theo đường Lâm Lộc - Vĩnh Khánh lên chiếm đồi Chóp Nón hình thành thế bao vây phía sau đội hình của ta; một cánh do tiểu đoàn 2 (trung đoàn 51) và tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến tiến theo đường số 5 Sơn Tịnh đi Sơn Hà để làm rối loạn và phá vỡ thế bố trí chiến đấu của ta.

14 giờ 40 phút, toàn bộ chiến đoàn địch lọt vào đội hình chiến đấu của ta. Lệnh xuất kích truyền xuống, từ các hướng, bộ đội ta xung phong mãnh liệt, bao vây chia cắt, cô lập hai cánh quân địch, không cho chúng tập hợp sức mạnh của chiến đoàn.

Tiểu đoàn biệt động vừa mò lên chiếm điểm cao Chóp Nón liền bị quân ta xông ra đánh bật xuống và tiêu diệt một số. Số còn lại bị ghìm chân tại chỗ. Cánh quân của tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến bị lực lượng ta tiến công nên phải dừng lại Phước Lộc để tổ chức đội hình đối phó.

15 giờ 28 phút, hỏa lực ta tập trung bắn cấp tập vào Phước Lộc, đồng thời các chiến sĩ ta được lệnh đồng loạt xung phong, đánh bật quân địch xuống sông. Bọn địch ngoan cố, dựa vào giao thông hào sẵn có để chống cự. Máy bay địch đến bắn phá cứu nguy cho bộ binh của chúng nhưng không có hiệu quả. Bộ đội ta nhanh chóng triển khai, dùng lực lượng nhỏ vây hãm, quần nhau với địch, đánh chiếm từng đoạn hào. Đến 17 giờ, tiểu đoàn thủy quân lục chiến bị tiêu diệt gần hết. Tiểu đoàn 2 cũng bị thiệt hại nặng. Số địch còn lại vẫn ngoan cố, chúng dựa vào làng Phước Lộc, điểm cao 47, núi Chóp Nón để chống cự.

Không để cho địch có thời gian củng cố, ta nhanh chóng chuyển sang đánh ban đêm. Mờ sáng 31-5-1965, bộ đội ta tập trung sức, đồng loạt tập kích đánh dứt điểm số quân còn lại ở điểm cao 47 và núi Chóp Nón. Chỉ trong 7 phút, số quân còn lại của tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến bị quân ta quét sạch, số còn lại bị bắt làm tù binh. Khốc liệt nhất là các mũi tiến công vào làng Phước Lộc, đánh nhau với địch tại giao thông hào, có đoạn ngắn 50 mét mà có tới 90 xác giặc. Sau 42 giờ chiến đấu liên tục, toàn bộ chiến đoàn hỗn hợp nguy đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Tính chung trong ba ngày chiến đấu ròng rã, vận dụng các hình thức chiến thuật, ta tiêu diệt, đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn địch, bẻ gãy cuộc hành quân lớn nhằm giải tỏa Ba Gia. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Khu V, một trung đoàn chủ lực của ta tiêu diệt một chiến đoàn hỗn hợp tinh nhuệ của địch (916 tên địch bị diệt, có 4 cố vấn Mỹ, 65 tên bị bắt, ta thu 200 súng các loại).

Trong khi ở chiến trường trọng điểm tây Sơn Tĩnh lập nên những chiến công vang dội thì ở hướng chính mở mảng giành dân của tỉnh phong trào cũng diễn ra sôi nổi.

Tiểu đoàn 83 cùng lực lượng vũ trang huyện và du kích tiến công địch ở đông Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, kết hợp với quần chúng nổi dậy phá banh các "ấp chiến lược". Vùng đông Mộ Đức, đông Đức Phổ và đông nam thị xã Quảng Ngãi được giải phóng. Đại đội đặc công 506A và lực lượng vũ trang huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, liên tục đánh địch ở An Chỉ, Hành Đức (Nghĩa Hành), Nghĩa Điền, Nghĩa Trung, Sông Vệ (Tư Nghĩa) giải phóng toàn bộ khu vực này.

Đại đội 31 và lực lượng vũ trang Bình Sơn, Sơn Tịnh tiến công địch, giải phóng toàn bộ khu vực đông Bình Sơn, đông Sơn Tịnh.

Ở miền núi, các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng cũng hiệp đồng chặt chẽ, tiến công vây ép địch vào sát quận lỵ, mở ra từng mảng liên hoàn rộng lớn.

Trên trục lộ số 1 và các đường ngang trong tỉnh luôn bị ta phá, cô lập địch như các đoạn: từ Phổ Khánh đi Bình Đê, Trà Câu đi Thạch Trụ (Mộ Đức), Sơn Tịnh đi Bình Sơn...

Cùng với hoạt động quân sự, Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động phong trào đấu tranh chính trị rộng khắp trong toàn tỉnh hỗ trợ cho cuộc tiến công của lực lượng vũ trang. Ngày 3-6-1965 (tức ba ngày sau khi ta diệt chiến đoàn ngụy), hơn 10 vạn nhân dân các vùng xung quanh thị xã và xung quanh các huyện lỵ Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức kéo đến các trung tâm trụ sở

ngụy quyền địa phương đấu tranh đòi tìm xác chết, tin tức chồng con, đòi chồng, con trở về với gia đình để khỏi chết trận, đòi trợ cấp cho các gia đình binh sĩ thiệt mạng... làm náo loạn cả thị xã và toàn tỉnh.

Tính đến giữa năm 1965, ở đồng bằng Quảng Ngãi ta đã giải phóng và làm chủ 29 xã, 90 thôn với gần 443.665 dân (nếu tính cả miền núi 76.840 dân thì số dân vùng giải phóng và làm chủ toàn tỉnh lên tới 520.505 dân). Đây là thời kỳ làm chủ, giành dân cao nhất trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước¹.

Cuối tháng 4-1965, Thường vụ Khu ủy cử đồng chí Phạm Thanh Biên từ Khu về làm Bí thư Tỉnh ủy; bổ sung đồng chí Võ Nghị, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó Ban Kinh tài Khu V về làm Phó bí thư Tỉnh ủy phụ trách Ban Kinh tài và Chủ tịch Hội đồng tiền phương của tỉnh. Hội nghị Tỉnh ủy cử đồng chí Nguyễn Tấn Viên (Năm Châu) vào Ban Thường vụ².

Lúc này đồng chí Trần Kiên còn tiếp tục chỉ đạo chiến dịch Ba Gia. Tháng 6-1965, sau khi chiến dịch Ba Gia kết thúc thắng lợi, đồng chí Trần Kiên về Khu làm Chủ tịch Hội đồng tiền phương của Khu.

Vào thời gian này, để thuận tiện cho việc chỉ đạo phong

1. Theo Báo cáo tổng hợp các Đại hội trong chống Mỹ, cứu nước, tr.31. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Phạm Thanh Biên, Bí thư; Trần Vỹ (Văn), Phó bí thư; Võ Nghị, Phó bí thư; Đinh Mô (Mười), Trương Quang Chân (Phấn), Nguyễn Ngọc Châu (Ba), Nguyễn Tấn Viên (Năm Châu), ủy viên.

trào chung các huyện, theo chủ trương của Tỉnh ủy, các huyện có tên gọi thống nhất như sau:

- Khu VI (gồm 9 xã huyện Ba Tư và 2 xã Sơn Kỳ, Sơn Ba của huyện Sơn Hà) gọi là huyện Sông Hre.

- Khu VII (gồm 10 xã phía tây huyện Sơn Hà) gọi là huyện Sơn Tây.

- Khu III (gồm các xã còn lại của huyện Sơn Hà) gọi là huyện Sơn Hà.

Ngày 5-7-1965, trung đoàn bộ binh 1, chủ lực Quân khu tiến công cứ điểm Gò Cao, tiêu diệt tiểu đoàn 1, trung đoàn 51 vừa mới khôi phục, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hè năm 1965 trên chiến trường Quảng Ngãi.

Trong đợt hoạt động hè năm 1965, mà đỉnh cao là chiến thắng Ba Gia vang dội, cùng với bộ đội chủ lực, quân và dân Quảng Ngãi đã liên tục tiến công và nổi dậy đánh bại các chiến lược, chiến thuật chủ yếu của địch, góp phần cùng toàn miền làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Thắng lợi đó đã tạo điều kiện cho quân và dân Quảng Ngãi có một thế đứng vững vàng, thế chủ động về chiến dịch và chiến đấu trên một chiến trường quan trọng của Khu V và của toàn miền Nam. Đó là điều kiện rất cơ bản bảo đảm cho quân và dân Quảng Ngãi giành thắng lợi khi cuộc chiến tranh chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn đánh thắng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

Chương VI

CÙNG CẢ NƯỚC QUYẾT TÂM ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1968)

I- XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, ĐÁNH THẮNG QUÂN XÂM LƯỢC MỸ NGAY TỪ TRẬN ĐẦU

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền ở miền Nam, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh, thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.

Triển khai chiến lược "Chiến tranh cục bộ", đế quốc Mỹ thực hiện ba chủ trương lớn:

- Dồn dập đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam tiến hành cuộc phản công chiến lược, nhằm cứu vãn sự sụp đổ của ngụy quyền, tiêu diệt lực lượng cách mạng và các cơ quan lãnh đạo của ta.

- Ra sức bình định nông thôn, quét sạch cơ sở chính trị của ta ở miền Nam.

- Mở rộng và tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam, phá hoại công cuộc xây dựng

chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, uy hiếp trực tiếp và mạnh mẽ hậu phương lớn của cách mạng miền Nam, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, buộc ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện có lợi cho chúng.

Đế quốc Mỹ dự định thực hiện kế hoạch này trong vòng 18 tháng với ba giai đoạn do tướng Oétmôlen đưa ra:

- Giai đoạn 1, từ tháng 7 đến tháng 12-1965, đưa nhanh quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam để ngăn chặn sự tiến công của ta, gấp rút triển khai lực lượng chuẩn bị tiến hành phản công chiến lược.

- Giai đoạn 2, từ tháng 1 đến tháng 6-1966, mở các cuộc hành quân "tìm diệt" chủ lực quân giải phóng, phá chiến tranh du kích, giành quyền chủ động chiến trường, hỗ trợ cho chương trình bình định.

- Giai đoạn 3, từ tháng 7-1966 đến cuối năm 1967, mở các cuộc hành quân tiến công tiêu diệt những đơn vị còn lại của quân giải phóng, phá những căn cứ du kích, tiêu diệt cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam, hoàn tất chương trình "bình định".

Với kế hoạch này, đế quốc Mỹ ra sức tăng cường lực lượng, đến cuối năm 1965, tổng số quân Mỹ đã lên đến 184.000 quân, 20.000 quân chư hầu và 500.000 quân ngụy. Hạm đội 7 của Mỹ được tăng cường, các phi đoàn máy bay chiến lược B52 ở căn cứ Guam đều trực tiếp tham chiến. Số máy bay của Mỹ ở miền Nam lên đến 2.300 chiếc, xe thiết giáp tăng gấp rưỡi. Nhiều loại vũ khí hiện đại, bom napan, chất độc hóa học được quân Mỹ sử dụng rộng rãi.

Việc đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục

bộ" ở miền Nam và mở rộng "Chiến tranh phá hoại" ra miền Bắc đã làm cho đất nước ta từ chỗ "một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành cả nước có chiến tranh", một cuộc chiến tranh tàn bạo nhất trong lịch sử loài người.

Từ đây dân tộc ta đứng trước một cuộc đọan đầu lịch sử mới, một cuộc thử thách mới.

Trước tình hình đó, tháng 3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11.

Hội nghị đã phân tích tình hình và cho rằng, Mỹ là tên cầm đầu phe đế quốc, nếu chúng thất bại ở miền Nam nước ta thì sẽ là một thất bại lớn và dẫn đến hậu quả tai hại đối với nước Mỹ và cả phe đế quốc. Vì vậy, chúng sẽ không chịu thất bại một cách dễ dàng, mà trái lại rất ngoan cố, đẩy mạnh cuộc chiến tranh lên mức cao nhất, hòng tránh khỏi thất bại.

Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cơ bản cho cách mạng miền Nam lúc này là: "tích cực kiên chế và thắng địch trong "Chiến tranh đặc biệt" ở mức độ cao nhất ở miền Nam... đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam nếu địch gây ra"¹. Để làm tròn nhiệm vụ này, cần phải tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới.

Hội nghị khẳng định: "Cần ra sức xây dựng tư tưởng

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), tháng 3-1965.

phấn khởi và tin tưởng, quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ và tay sai; sẵn sàng chiến đấu và công tác bất cứ nơi nào theo tiếng gọi của Đảng và Tổ quốc; sẵn sàng đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của địch; sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn gian khổ; sẵn sàng chiến đấu lâu dài với tinh thần tự lực cánh sinh cao. Chống tư tưởng sợ Mỹ, đánh giá địch quá cao, hoặc chủ quan khinh địch..."¹.

Nhằm quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã có chỉ thị hướng dẫn các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, cán bộ và đảng viên trong tỉnh triển khai mạnh mẽ công tác giáo dục tư tưởng, động viên mọi người nâng cao trình độ nhận thức về tính chất và nhiệm vụ của cuộc chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới, nỗ lực tham gia đấu tranh tiến công địch, không sợ hy sinh gian khổ, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống phức tạp nhất.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã mở nhiều lớp tập huấn, nhằm giáo dục tinh thần chiến đấu ngoan cường của toàn quân, toàn dân trong tỉnh, quyết tâm chiến thắng quân Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào; chiến tranh gì cũng đánh, đối tượng nào cũng đánh, đông bao nhiêu cũng đánh và lâu dài bao nhiêu cũng đánh. Phải làm cho mọi người không chỉ dám đánh Mỹ mà còn phải biết cách đánh Mỹ, kiên trì phương châm hai chân, ba mũi giáp công và thực

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), tháng 3-1965.

hiện bốn tám do Khu ủy V đề ra từ tháng 7-1965¹. Trong các lớp tập huấn nhiều ý kiến cho rằng, quân Mỹ vào, ngôn ngữ bất đồng, ta có tiến hành đấu tranh chính trị và binh vận được không? Ta có thể giữ vững được vùng giải phóng không? Cán bộ, đảng viên, du kích, bộ đội làm thế nào để đánh Mỹ và ngăn chặn được sự càn quét dã man của chúng?

Trong khi Tỉnh ủy đang từng bước tìm câu trả lời những lo lắng trên, thì tháng 5-1965, Khu ủy và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Nam Trung Bộ mở cuộc vận động "Nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc đánh Mỹ, cứu nước, cứu nhà", phát động phong trào "Toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Bộ tư lệnh Quân khu tổ chức hội nghị quân chính và hội nghị du kích chiến tranh bàn công tác tư tưởng, xây dựng lực lượng, phát động phong trào thi đua "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt", "Trả thù giặc Mỹ bắn phá miền Bắc".

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tích cực triển khai các phong trào trên một cách rộng rãi. Phong trào "Nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc đánh Mỹ, cứu nước" được đẩy lên rầm rộ không chỉ ở vùng nông thôn đông bằng giải phóng mà cả vùng rừng núi và các vùng cày rẫy lược giữa ta và địch. Nhiều thanh niên nam nữ trong vùng giải phóng và cả trong vùng địch hăng hái vào du kích, gia nhập quân giải phóng. Ở một số địa phương đã thành lập đội "quyết tử" diệt Mỹ.

1. Bốn tám: dân bám đất, cán bộ bám dân, bộ đội du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi còn thực hiện một số chính sách ruộng đất ở vùng giải phóng, tạm cấp, tạm giao 2.887 mẫu ruộng công điền, ruộng vắng chủ cho nông dân không ruộng hoặc thiếu ruộng để họ tích cực sản xuất mang lại quyền lợi thiết thực cho đời sống, đồng thời đóng góp lương thực cho cách mạng. Phong trào văn công, hợp tác sản xuất được đẩy mạnh ở vùng giải phóng. Nhân dân ở 54 xã đồng bằng và 64 xã ở miền núi đã thực hiện tốt công tác đảm phụ kháng chiến. Họ đã đóng góp 10% và bán thêm 5% lúa gạo cho cách mạng.

Năm 1965, toàn tỉnh đã huy động được 420.363 ngày công phục vụ kháng chiến, đã động viên được 2.852 thanh niên xung phong, 3.905 thanh niên gia nhập quân đội, đã thu được 1.552 tấn gạo và hơn 11 triệu đồng của nhân dân, bảo đảm cho công tác nuôi quân đánh giặc.

Phát huy khí thế học thư Đảng, phụ nữ Quảng Ngãi đã ra sức xây dựng được 42.861 hội viên phụ nữ giải phóng và phát động phong trào "Phụ nữ 4 đảm đang" vận động mẹ, chị vừa đảm đang việc nhà, vừa tích cực vận động chồng con tham gia kháng chiến; tích cực tham gia đấu tranh chống Mỹ - ngụy, quyết không sợ Mỹ, sẵn sàng đấu tranh trực diện với chúng.

Đoàn thanh niên đã phát động phong trào "Thanh niên 5 xung phong", ra sức xây dựng và phát triển đoàn thanh niên giải phóng. Năm 1965 đã xây dựng được 13.500 đoàn viên thanh niên giải phóng. Đây là nguồn lực to lớn, góp phần xứng đáng vào lực lượng chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Quảng Ngãi.

Phong trào "Tuổi nhỏ chí lớn, làm việc anh hùng" được

phát động và mang lại những thành tích đáng tự hào. Nhiều tấm gương chiến đấu hy sinh của thiếu niên, nhi đồng đã xuất hiện ở các địa phương.

Tháng 4-1965, Tỉnh ủy ra nghị quyết về xây dựng và phát triển Đảng với phương châm "Phong trào nào cán bộ ấy, không ý lại trông chờ cấp trên". Tỉnh ủy chủ trương, năm 1965 cần phát triển Đảng ở các trục giao thông, thị xã, thị trấn, các khu đồn dân và vùng địch kiểm soát. Ở các xã, thôn phải có đảng viên, bình quân cứ 5.000 dân phải có một chi bộ.

Thực hiện chủ trương trên, công tác xây dựng và phát triển Đảng được các tổ chức Đảng quan tâm đúng mức, nhất là ở các thị xã, thị trấn và các vùng ven đều thành lập được chi bộ. Trong năm đã kết nạp được 1.445 đồng chí, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lên đến 5.324 đồng chí, với 298 chi bộ, trong đó có 268 chi bộ chính thức và 30 chi bộ dự bị.

Tháng 6-1965, Thường vụ Tỉnh ủy mở đợt chỉnh huấn nhằm nâng cao tinh thần chiến đấu cho cán bộ, đảng viên quyết tâm chiến thắng giặc Mỹ xâm lược, tuyệt đối tin tưởng vào Đảng, vào cách mạng. Qua cuộc chỉnh huấn đã xuất hiện nhiều chi bộ, Đảng bộ tiên tiến, đi đầu trong phong trào "Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt". Nổi bật là các Đảng bộ ở Bình Chánh, Bình Đông, Bình Châu, Bình Trung (Bình Sơn); Tịnh Khê, Tịnh Thọ, Tịnh Giang (Sơn Tịnh); Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn, Nghĩa An (Tư Nghĩa); Phổ Minh, Phổ Thuận (Đức Phổ); Đức Phong (Mộ Đức); Hành Tín, Hành Thịnh (Nghĩa Hành), v.v.. Ở miền núi có các Đảng bộ Trà Quân (Trà Bồng), Sơn Trung (Sơn

Hà), Long Thanh (Minh Long), Sơn Bao (Khu VII - Sơn Tây), v.v..

Tuy nhiên, vẫn còn một số đảng viên chưa phát huy được vai trò tích cực, chưa mạnh dạn lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Với tinh thần quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, Tỉnh ủy chủ trương tập trung lực lượng xây dựng làng xã chiến đấu, lập "vành đai diệt Mỹ", phát triển du kích chiến tranh, tăng cường lực lượng chiến đấu.

Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Tỉnh ủy, nhân dân Quảng Ngãi đã nhanh chóng xây dựng làng chiến đấu. Các xã Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Hải, Bình Châu (Bình Sơn); Tịnh Khê, Tịnh Kỳ (Sơn Tịnh); Đức Phong (Mộ Đức); Phổ Ninh, Phổ An (Đức Phổ) đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Làng chiến đấu được xây dựng liên hoàn giữa các thôn xóm với nhau, tạo thành một thể trận chiến tranh nhân dân tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang cơ động chiến đấu. Đặc biệt "vành đai diệt Mỹ" lần lượt được hình thành ở phía nam căn cứ Chu Lai. Ở đây hệ thống địa đạo cũng được xây dựng nối liền các thôn xóm với nhau, nhất là vùng đông Bình Sơn. Địa đạo có thể chứa được hàng ngàn người, có chỗ dự trữ lương thực, đạn dược yú khí, có trạm cứu thương.

Cuối năm 1965, toàn tỉnh có 2 tiểu đoàn bộ đội chủ lực, có 2.764 du kích xã, 7.461 du kích thôn, 612 du kích mặt và 5.160 dân quân, xây dựng được 294 thôn chiến đấu. Nhân dân đào được gần 20 km địa đạo và 710 km giao thông hào, 845 công sự chiến đấu, 26.547 hầm chống tăng.

Ở một số địa phương đã bắt đầu xây dựng các đội du kích đặc công, các xưởng tu sửa vũ khí.

Với việc hình thành "vành đai diệt Mỹ" quân dân Quảng Ngãi đã giữ được thế chủ động ở những địa bàn tiếp cận với Mỹ, giữ được thế trận bao vây, sẵn sàng tiêu diệt quân Mỹ từ trong sào huyệt của chúng; đồng thời ta cũng tạo được điều kiện liên lạc với nhau, chống lại âm mưu phân vùng để đánh phá của địch.

Bộ đội chủ lực của Khu cũng được phát triển khá nhanh. Được Trung ương tăng cường thêm 5 trung đoàn, đến cuối năm 1965 Khu V đã xây dựng được 3 sư đoàn với quân số 50.000 người. Đây là lực lượng chủ lực chính đưa đến những thắng lợi ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ, trong đó có Quảng Ngãi.

Trên chiến trường Khu V, chỉ tính từ tháng 3-1965 đến tháng 10-1965, Mỹ đã đưa các sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ, liên đoàn không vận số 1, sư đoàn dù 101, lữ đoàn dù 173, sư đoàn kỵ binh số 1, sư đoàn 1 "Mãnh Hổ" Nam Triều Tiên, nâng tổng số quân Mỹ và chư hầu lên 120.000 tên, cùng với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác.

Ở Quảng Ngãi, tháng 5-1965, đế quốc Mỹ cho 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ đổ quân chiếm đóng Núi Đất xã Bình Thạnh và các điểm cao ở các xã Bình Chánh, Bình Đông thuộc huyện Bình Sơn, để án ngữ phía nam căn cứ Chu Lai và khống chế toàn bộ phía đông bắc huyện Bình Sơn. Chúng biến các xã trên thành vùng trắng, thường xuyên cho tàu thuyền chiến đấu đi tuần tra kiểm soát dọc theo bờ biển. Quân ngụy có từ 4 đến 5 tiểu đoàn của trung đoàn 4 và 6 thuộc sư đoàn 2 chủ lực ngụy thường xuyên

đóng trên đất Quảng Ngãi. Ngoài ra, lực lượng bảo an và dân vệ được tăng cường gấp đôi so với trước.

Được quân Mỹ hỗ trợ, quân ngụy đã mở hàng loạt cuộc hành quân càn quét đẫm máu vào vùng giải phóng của ta. Chúng tiến hành các chiến dịch bình định nông thôn như "Chim ưng", "Về làng" ở đồng bằng, "Trường Sơn" ở miền núi, hòng chiếm lại những vùng đã mất. Với các chiến dịch trên, đế quốc Mỹ đã gây cho nhân dân ta nhiều tổn thất nặng nề. Chúng càn quét xức, tát dân ở 77 thôn xóm, giết chết 700 người, làm bị thương 605 người, 1.229 người bị bắt; 9.831 nóc nhà bị cháy; hàng ngàn trâu bò, gia súc bị giết hại; hàng ngàn tấn thóc bị thiêu cháy. Đế quốc Mỹ còn dùng máy bay chiến lược B52 bắn phá nhiều lần vào vùng căn cứ của ta ở Nà Niêu, Suối Tó, Đá Vách, Núi Dầu và một số xã ở phía tây Sơn Tịnh, tây Tư Nghĩa. Chúng cưỡng bức 50.000 đồng bào bỏ làng xóm, quê hương vào các khu dồn dân, lập ấp của chúng. Mỹ - ngụy còn cho quân lấn chiếm một số vùng giải phóng của ta như đồng bắc Bình Sơn, đông Tư Nghĩa, đồng bắc Mộ Đức, xã Hành Phước (Nghĩa Hành) và 2 xã đồng bào Kinh ở Trà Bồng, Ba Tơ.

Tháng 6-1965, ca nô giặc Mỹ đi tuần tra từ căn cứ Chu Lai đến xã Bình Đông, vừa cập bến Tân Hy đã bị tiểu đội "quyết tử diệt Mỹ" xã Bình Đông bắn chìm 1 chiếc, diệt 7 lính Mỹ, thu 1 súng tiểu liên, số còn lại tháo chạy về căn cứ. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên trên đất Quảng Ngãi, mở ra một khả năng mới cho quân dân Quảng Ngãi thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Tháng 7-1965, "vành đai diệt Mỹ" huyện Bình Sơn đã liên tiếp đánh bại 5 cuộc càn quét của Mỹ, khi chúng vừa đặt chân qua sông Trà Bồng sang vùng giải phóng của ta. Bộ đội địa phương và du kích huyện Bình Sơn đã chiến đấu anh dũng, đánh địch cả trên bộ, trên biển diệt xe bọc thép M.113; bắt sống lính Mỹ, thu nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có 1 xe Jeep còn nguyên vẹn.

Sau những trận diệt Mỹ thắng lợi đầu tiên, một phong trào thi đua diệt Mỹ, diệt ngụy diễn ra sôi nổi khắp các xã trong huyện Bình Sơn và một số xã ở các huyện phía nam vành đai như Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành. Phong trào thi đua "giết giặc lập công" đã được nhiều địa phương hưởng ứng và danh hiệu "dũng sĩ diệt Mỹ" đã xuất hiện.

Ngày 18-8-1965, một lực lượng lớn quân Mỹ gồm 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, 1 tiểu đoàn xe tăng và xe bọc thép, 2 tiểu đoàn pháo 105 ly, 6 tàu đổ bộ và pháo hạm cùng hàng trăm máy bay chiến đấu, mở cuộc hành quân phối hợp hải, lục, không quân tiến vào Vạn Tường, một khu vực do chúng lựa chọn.

Suốt một ngày đêm chiến đấu quyết liệt, quân và dân Quảng Ngãi đã phối hợp với trung đoàn chủ lực khu, đại đội 31 địa phương, dân quân du kích các xã Bình Phú, Bình Trị, Bình Hòa, Bình Hải đã đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân lớn mang tên "Ánh sáng sao" của Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 919 tên Mỹ, bắn cháy, bắn hỏng 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Đây là đòn phủ đầu

oanh liệt, giáng vào lính thủy đánh bộ Mỹ, một binh chủng được xem là ưu tú nhất của quân đội Mỹ.

Chiến thắng Vạn Tường có ý nghĩa lịch sử to lớn, nói lên tinh thần cách mạng tiến công, sự mưu trí, dũng cảm, tình đoàn kết chiến đấu của quân và dân Quảng Ngãi với bộ đội chủ lực Quân khu V. Nếu như chiến thắng Ấp Bắc mở đầu cho cao trào diệt ngụy, thì chiến thắng Vạn Tường mở đầu cho cao trào diệt Mỹ. Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ quân và dân ta có khả năng đánh bại hoàn toàn quân Mỹ xâm lược, dù chúng có ưu thế về số lượng, về hỏa lực và cơ động.

Để động viên tinh thần quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của các lực lượng vũ trang, từ ngày 11 đến 15-9-1965, Tỉnh ủy đã mở Đại hội chiến sĩ thi đua trong toàn quân, toàn dân. Đại hội đã nghe nhiều báo cáo điển hình của các đơn vị và cá nhân trong các địa phương như phong trào đấu tranh hai chân, ba mũi của xã 223 - Phổ Hiệp (Đức Phổ); phong trào đóng góp sức người sức của xây dựng làng xã chiến đấu giỏi ở Tịnh Khê (Sơn Tịnh); phong trào chiến đấu giỏi, sản xuất tốt ở miền núi của xã Sơn Thủy (Sơn Hà).

Đại hội còn nghe các dũng sĩ diệt Mỹ như Nguyễn Phụng (Bình Mỹ), Nguyễn Hữu (Bình Đông), Đoàn Văn Luyện (Bình Thạnh), Nguyễn Văn Thơ (Đức Phổ) báo cáo về thành tích diệt Mỹ của mình.

Đại hội đã mang lại cho quân dân Quảng Ngãi lòng tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, Bác Hồ, vào khả năng chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược của mình.

Sau chiến thắng Vạn Tường, toàn miền Nam bước vào chiến dịch Thu - Đông 1965. Thực hiện kế hoạch này, Tỉnh ủy chủ trương mở rộng vùng giải phóng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, quân dân trong huyện Minh Long đã nổi dậy phá ấp chiến lược, phối hợp với các lực lượng vũ trang của Quân khu, của tỉnh tiến công tiêu diệt cứ điểm Minh Long, bức rút cứ điểm cầu Cộng Hòa, phá hàng loạt ấp chiến lược và khu đồn dân, giải phóng toàn bộ khu vực cầu Cộng Hòa (Nghĩa Hành) đến giáp quận Minh Long. Vùng giải phóng được mở rộng.

Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của mọi tầng lớp nhân dân phát triển khá mạnh mẽ, với phương châm "hai chân, ba mũi trên ba vùng chiến lược". Trong toàn tỉnh có 2.581 cuộc đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ, quân Nam Triều Tiên, gồm 716.475 lượt người tham gia. Nổi bật là đồng bào các huyện Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống gom dân lập ấp, cướp đoạt tài sản của nhân dân. Ở các địa phương đều thành lập Ban chỉ huy đấu tranh chính trị và binh vận, có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng cho binh lính và sĩ quan địch, vận động gia đình họ đòi chồng con trở về; tiến hành rộng rãi việc tấn phát truyền đơn, áp phích kêu gọi binh lính địch phản chiến trở về với nhân dân.

Qua các đợt đấu tranh chính trị và binh vận, nhân dân Quảng Ngãi đã làm rã ngũ 2.718 binh lính địch, trong đó có 18 trung đội nghĩa quân, dân vệ, biệt kích rã ngũ tập thể. Ta đã giáo dục 4.915 người trong gia đình binh lính, cùng nhân dân tham gia đấu tranh chính trị, binh vận;

đã giáo dục 604 tù binh, có 47 người tình nguyện tham gia lực lượng giải phóng chiến đấu chống lại kẻ thù. Thực hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Mặt trận, quân dân Quảng Ngãi đã phóng thích 299 tù binh, cho họ trở về với gia đình. Các đội tuyên truyền vũ trang đã gửi 12.690 lá thư kêu gọi binh lính, nhân viên ngụy quyền về với cách mạng. Cuối năm 1965, toàn tỉnh có 11 xã dứt điểm về công tác binh vận; đã xây dựng hàng chục cơ sở hoạt động nội tuyến ở thị xã, thị trấn.

Những thắng lợi về chính trị, quân sự, kinh tế, binh vận đã đưa phong trào chiến tranh nhân dân ở Quảng Ngãi lên một bước mới. Thế trận chiến tranh nhân dân được giữ vững. Tư tưởng không sợ Mỹ, dám đánh Mỹ và quyết thắng Mỹ đã được xác định. Đảng bộ, quân dân Quảng Ngãi đã chuẩn bị sẵn sàng và đánh Mỹ, thắng Mỹ ngay từ trận đầu khi chúng đặt chân tới.

II- ĐÁNH BẠI HAI CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ 1965-1966, 1966-1967 CỦA MỸ - NGỤY

Cuối năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chiến lược quân sự mới.

Trước tình hình ấy, tháng 12-1965, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp xem xét tình hình, đề ra chủ trương nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhằm đánh bại mọi hành động phiêu lưu quân sự mới của đế quốc Mỹ.

Sau khi so sánh, đánh giá lực lượng địch, ta trên chiến trường, Hội nghị đã đi đến kết luận: "Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch. Hội nghị nêu quyết tâm, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà"¹.

Nhằm quán triệt Nghị quyết lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thường vụ Khu ủy V và Tỉnh ủy đã ra nghị quyết, kêu gọi quân và dân Quảng Ngãi giữ vững quyết tâm, tiến công địch liên tục, đánh bại kế hoạch mùa khô 1965-1966 của địch, đẩy mạnh tiêu diệt quân Mỹ, làm tan rã quân nguy, giữ vững, xây dựng và mở rộng căn cứ miền núi và vùng giải phóng đồng bằng, phát triển phong trào thành phố, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận, sẵn sàng khởi nghĩa trong toàn tỉnh khi có thời cơ.

Tháng 2-1966, Tỉnh ủy mở Hội nghị bàn biện pháp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), tháng 12-1965.

thời khẩn trương chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng chủ động đối phó với địch. Đặc biệt, Hội nghị nhấn mạnh đến công tác tư tưởng, coi đây là công tác then chốt, chống tư tưởng hữu khuynh, sợ Mỹ, sợ ác liệt. Tỉnh ủy còn mở các đợt học tập nghị quyết của Trung ương, Khu ủy và Tỉnh ủy, với yêu cầu "Lấy công tác xây dựng chi bộ làm trọng tâm". Xây dựng chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt theo Nghị quyết của Khu ủy V (4-1966).

Qua các đợt học tập, đã xuất hiện nhiều chi bộ khá, đạt tiêu chuẩn chi bộ 4 tốt và đảng viên 4 tốt, như các chi bộ thuộc các huyện Bình Sơn, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Hà, Ba Tư. Nhận thức về quan điểm lập trường, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Nhiều đồng chí đã nêu cao tinh thần kiên cường dũng cảm trong chiến đấu; bền bỉ chịu đựng, bám dân bám đất hoạt động, xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến, làm cho địch càng bị động và suy yếu. Xuất hiện nhiều chiến sĩ diệt Mỹ trong cán bộ và đảng viên. Tình trạng xa rời quần chúng, dao động trong chiến đấu đã được khắc phục.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng được cấp ủy chú ý đúng mức. Số đảng viên mới kết nạp tăng gấp đôi so với năm trước.

Để gỡ lại thất bại, cuối năm 1965, đầu năm 1966, Mỹ tập trung lực lượng cơ động, mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966) với mục tiêu là: tiêu diệt một bộ phận quan trọng chủ lực quân giải phóng, phá căn cứ du kích, kho tàng, hành lang của ta nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường, mở rộng và củng cố

vùng chiếm đóng của chúng, khai thông các tuyến giao thông chiến lược, chặn đứng sự sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn và sự tan rã của ngụy quân.

Để thực hiện mục tiêu đó, đế quốc Mỹ đã sử dụng 72 vạn quân Mỹ, ngụy và chư hầu, hơn 1.000 khẩu đại bác, 1.342 xe tăng, xe bọc thép, 2.288 máy bay các loại, 541 tàu xuồng chiến đấu ồ ạt tiến công ra năm hướng, mà trọng điểm là miền Đông Nam Bộ và Khu V.

Với kế hoạch này đế quốc Mỹ tưởng có thể "bẻ gãy xương sống Việt cộng", nhưng suốt từ cuộc hành quân mở màn (8-1-1966) đánh vào tây bắc Sài Gòn đến chấm dứt cuộc phản công chiến lược mùa khô (4-1966) chúng đều thất bại thảm hại.

Ở Khu V, ngày 28-1-1966, sư đoàn kỵ binh không vận số 1, sư đoàn "Mãnh Hổ" Nam Triều Tiên, 2 chiến đoàn dù ngụy mở cuộc hành quân đánh vào bắc Bình Định và nam Quảng Ngãi, với mục tiêu nhằm "tiêu diệt" các đơn vị chủ lực của Quân khu V và của tỉnh, phá căn cứ du kích, bảo vệ an toàn cho các căn cứ Mỹ dọc ven biển Nam Trung Bộ.

Ở Quảng Ngãi, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân "Điều hâu đôi" (Double Eagle) với 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ và 8 tiểu đoàn quân ngụy đánh vào 4 huyện: Đức Phổ, Ba Tơ, Mộ Đức và Nghĩa Hành, mà trọng điểm là Đức Phổ.

Nhờ phối hợp chặt chẽ với quân và dân Bình Định, quân dân 4 huyện trên, cùng với lực lượng vũ trang Quân khu V đã chiến đấu quyết liệt đánh bại cuộc hành quân của lính thủy đánh bộ Mỹ. Đặc biệt nhân dân 15 xã của huyện Đức Phổ tổ chức thành 6 cụm liên hoàn, lực lượng vũ trang

địa phương và du kích phối hợp với đấu tranh trực diện của nhân dân, liên tục tập kích, phục kích, quấy rối, bắn tỉa, tiêu hao, tiêu diệt từng tiểu đội, trung đội Mỹ - ngụy. Nhân dân đã đấu tranh chặn tay lính Mỹ đốt nhà, đòi cứu chữa người bị thương.

Sau 20 ngày chiến đấu dũng cảm, quân dân Đức Phổ đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.500 tên Mỹ - ngụy; bắn rơi 28 máy bay, vùng giải phóng được giữ vững. Nhân dân xã Phổ Cường (Đức Phổ) được Quân khu V tặng danh hiệu xã "Anh hùng" và 14 xã trong huyện được công nhận là đơn vị "Anh hùng diệt Mỹ".

Tiếp đó, Bộ tư lệnh Quân khu V quyết định mở chiến dịch tây Sơn Tĩnh, nhằm kéo địch ra ngoài công sự, tiêu diệt một bộ phận sinh lực Mỹ - ngụy, buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó, tạo điều kiện cho sư đoàn 3 chủ lực Quân khu V và lực lượng vũ trang của tỉnh đánh bại các cuộc hành quân của địch.

Ngày 20-2-1966, chiến dịch tây Sơn Tĩnh bắt đầu. Địch phải dùng 7 tiểu đoàn Mỹ - ngụy, 1 chi đoàn xe thiết giáp tiến công vào tây Sơn Tĩnh.

Cùng với chiến thắng Đức Phổ, quân và dân hai huyện Bình Sơn, Sơn Tĩnh được sự phối hợp của sư đoàn 3 chủ lực quân khu và lực lượng vũ trang của tỉnh đã liên tục phản công và tiêu diệt địch, đánh bại các cuộc càn quét của Mỹ - ngụy.

Ngày 4, 5-3-1966, lực lượng vũ trang của ta đã tiến công tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ ở đồi 62, tây Sơn Tĩnh và Đông Giáp. Đặc biệt là hai trận đánh Hành Thịnh I (23-3-1966) và Hành Thịnh II

(12-5-1966) lực lượng vũ trang tỉnh với sự hỗ trợ của quân dân Nghĩa Hành, trực tiếp là nhân dân xã Hành Thịnh, đã diệt gọn 500 tên địch, trong đó có 8 cố vấn Mỹ, bắt sống 2 tên sĩ quan, bắn rơi 1 máy bay, bắn cháy 4 xe tăng, thu nhiều quân trang quân dụng.

Tiếp đó tiểu đoàn 48 của tỉnh đã phối hợp với quân dân huyện Bình Sơn tiêu diệt cứ điểm Gò Sỏi thuộc xã Bình Trung, do lính Mỹ đóng giữ. Trận này ta đã diệt 280 tên Mỹ, làm bị thương 90 tên khác, tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn quân Mỹ, thu 2 súng cối 81 ly, phá hủy 4 xe tăng và 2 xe M.113. Đây là một chiến thắng lớn diệt gọn một tiểu đoàn lính Mỹ ở Quảng Ngãi và cũng là ở miền Nam Trung Bộ.

Bị thiệt hại nặng ở tây Sơn Tịnh, Bộ chỉ huy Mỹ phải ra lệnh chấm dứt cuộc hành quân "tìm diệt" vào các tỉnh đồng bằng Khu V. Ngày 7-3-1966, lính thủy đánh bộ Mỹ rút khỏi tây Sơn Tịnh và kết thúc cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất vào tháng 4-1966, sớm hơn dự định hai tháng.

Qua cuộc chiến đấu ác liệt, lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi không ngừng lớn mạnh về số lượng, nắm được khả năng và hành động của quân Mỹ và chư hầu, rút được kinh nghiệm về cách đánh của chiến tranh nhân dân, biết kết hợp tiến công địch bằng ba mũi giáp công. Vùng giải phóng của tỉnh, không những được củng cố mà còn mở rộng, tăng thêm tiềm lực cho cuộc kháng chiến.

Bọn ngụy quân, ngụy quyền chẳng những không được

củng cố mà còn suy yếu hơn trước, mất lòng tin vào quân Mỹ.

Đó là những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của quân và dân Quảng Ngãi trong mùa khô lần thứ nhất (1965-1966), tạo thêm sức mạnh để tiếp tục chiến thắng quân xâm lược trong mùa khô thứ hai (1966-1967).

Bị thất bại nặng nề trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965-1966) đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng quân sự, chuẩn bị mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966-1967) hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Với âm mưu này, đế quốc Mỹ đã sử dụng 1,2 triệu quân Mỹ - ngụy và chư hầu (trong đó có 60 vạn quân Mỹ), 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng, xe bọc thép, hàng chục vạn tấn bom đạn và hàng vạn tấn chất độc hóa học, hơn 200 khẩu pháo, 500 thuyền xuồng chiến đấu.

Nếu mùa khô lần thứ nhất đánh ra năm hướng thì mùa khô thứ hai chúng tập trung toàn bộ binh lực đánh vào một hướng là miền Đông Nam Bộ, với mục tiêu là "tìm diệt" các cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Lần này đế quốc Mỹ đưa biện pháp "bình định" lên ngang tầm "tìm diệt", thực hiện chiến lược hai gọng kìm "tìm diệt và bình định".

Trước những hành động phiêu lưu quân sự của đế quốc Mỹ, với ý chí sắt đá "không có gì quý hơn độc lập, tự do", ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Người nói:

"Giờ này và bây giờ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50

vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội ác của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"¹.

Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên ý chí sắt đá của Đảng và nhân dân ta trước bất kỳ hành động chiến tranh nào của đế quốc Mỹ.

Thực hiện lời kêu gọi của Người, Tỉnh ủy đã mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, nhằm củng cố tinh thần quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, ngăn chặn mọi âm mưu càn quét lấn chiếm, bình định xức tát dân của địch, đồng thời khắc phục tư tưởng ngại khó, sợ hy sinh gian khổ ở một số cán bộ, đảng viên.

Quảng Ngãi là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ở chiến trường Khu V. Bước vào mùa khô 1966-1967, chúng đã đưa 12.000 quân tinh nhuệ của Mỹ và Nam Triều Tiên vào chiếm đóng trên đất Quảng Ngãi, chủ yếu là ở hai huyện Đức Phổ và Bình Sơn, cùng với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 12, tr. 108.

lực lượng tại chỗ của ngụy quân, tăng số quân của địch ở Quảng Ngãi lên gấp 6 lần, so với năm 1965.

Cùng với việc tăng quân và phương tiện chiến tranh, đế quốc Mỹ còn ra sức mở rộng và xây dựng nhiều căn cứ, mở rộng phạm vi chiếm đóng, xây dựng sân bay Gò Hội, khu hậu cần Phổ Vinh (Đức Phổ) nâng tổng số đồn bót trong tỉnh lên đến 124 cứ điểm, trong đó có 19 cứ điểm của Mỹ và 17 cứ điểm của Nam Triều Tiên.

Thực hiện kế hoạch hai gọng kìm "tìm diệt và bình định", đế quốc Mỹ sử dụng lính Nam Triều Tiên, là loại lính tàn ác nhất vào công việc đánh phá "bình định". Có thể nói, không nơi nào trên miền Nam, quân Nam Triều Tiên gian ác hơn ở Quảng Ngãi. Chúng đã mở hàng chục cuộc càn quét vào các vùng căn cứ, gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân ta, trong đó có các cuộc càn quét lớn như "Sóng mùa đông" càn vào đông Bình Sơn và đông Sơn Tịnh, "Liên kết 82" càn vào nam Đức Phổ, "Đa Kao 8" càn vào nam Mộ Đức, Ba Tư, "Liên kết 110 - Hoad-Roan" càn vào hậu cứ của ta ở tây Sơn Tịnh và tây Tư Nghĩa, v.v..

Đặc biệt hai ngày 5 và 6-12-1966, Lữ đoàn Rừng Xanh Nam Triều Tiên đã càn vào xã Bình Hòa tàn sát một lúc 400 người, riêng ngày 6-12 ở thôn An Phước chúng đã bắn chết 392 người, trong đó có 168 thiếu nhi. Hàng ngàn đồng bào đã phải lánh nạn đi nơi khác, làm cho thôn xóm trở thành vườn không nhà trống, trắng đất, thưa dân, dân tình đói khổ. Ở vùng miền núi Minh Long, Sơn Hà địch tăng cường tập kích, hoạt động gián điệp, rải chất độc hóa học nhiều lần, phá hoại mùa màng, giết hại gia súc và hủy hoại môi trường sống của nhân dân.

Trước sự tàn ác dã man của Mỹ - ngụy và chư hầu Nam Triều Tiên, nhiều cuộc mít tinh của quần chúng đã nổ ra khắp các địa phương, gây khí thế căm thù trong dân chúng. Tỉnh ủy đã phát động phong trào "*Xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ*" với khẩu hiệu "*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*", đã được mọi tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Đảng bộ Quảng Ngãi đã gửi thư kêu gọi các lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong tỉnh hấy trút căm hờn lên mũi lê nòng súng, tới tấp tiến công địch, diệt thật nhiều giặc Mỹ, bọn ác ôn và bọn lính đánh thuê Nam Triều Tiên, trả thù cho đồng bào Bình Sơn, Sơn Tịnh và các nơi khác.

Thực hiện lời kêu gọi của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi đã biến đau thương thành hành động cách mạng, liên tiếp giáng những đòn sấm sét vào Mỹ - ngụy và bọn lính đánh thuê Nam Triều Tiên, lập nên những chiến công vang dội ở Tịnh Sơn (20-11-1966), đồi Ông Râu (9-12-1966), ở An Đầm (12-1-1967), v.v..

Ngày 29-1-1967, tiểu đoàn 48 của tỉnh đã tiến công tiêu diệt một đại đội lính Nam Triều Tiên ở Bình Phước (Bình Sơn) trong khi chúng đang đi gây tội ác, diệt 120 tên, thu 2 súng cối 60 ly, 2 đại liên, 5 trung liên và nhiều quân trang, quân dụng khác.

Ngày 1-2-1967, tiểu đoàn 48 lại đánh thiệt hại nặng 1 đại đội Nam Triều Tiên ở Tịnh Kỳ diệt 200 tên, thu 40 súng các loại. Đặc biệt ngày 15-2-1967, trung đoàn 1, sư đoàn 2 bộ đội chủ lực Quân Khu V đã cùng lực lượng vũ trang địa phương, tập kích diệt gọn 1 tiểu đoàn lính Nam Triều Tiên ở đồi Thượng Thọ (còn gọi là Quang Thạnh),

Tịnh Thọ, Sơn Tịnh. Tiếp đó tiểu đoàn 48 đã tiến công tiêu diệt một đại đội lính Nam Triều Tiên đóng ở đồi Mã Tổ xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh.

Những chiến thắng trên không những nói lên chí khí anh hùng và lòng căm thù giặc sâu sắc của quân và dân Quảng Ngãi, mà còn thực hiện lời thề "Xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ" làm cho lính Nam Triều Tiên vô cùng khiếp sợ.

Phát huy chiến thắng đồi Thượng Thọ, quân và dân Sơn Tịnh, Bình Sơn anh dũng chiến đấu với khẩu hiệu "Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch" đã đập tan cuộc càn "Sóng mùa đông" của địch, kéo dài từ cuối năm 1966 đến đầu năm 1967. Quân dân Tư Nghĩa đã phối hợp với các huyện bạn đánh tan cuộc hành quân "Liên kết 81", loại khỏi vòng chiến đấu 5 tiểu đoàn địch, trong đó có 2 tiểu đoàn bị diệt tại Thế Khương - Tân Mỹ.

Suốt ba tháng liền, từ 25-1 đến 3-3-1967, quân và dân Đức Phổ dựa vào làng xã chiến đấu bám dân bám đất, đánh trả quyết liệt cuộc hành quân "Đa Kao 8" và cuộc càn "Liên kết 82" của Mỹ - ngụy, diệt 4.000 tên địch, tập kích sân bay Gò Hội, khu hậu càn Phố Vĩnh, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 18-3-1967, đại đội đặc công 506A tập kích tiêu diệt đại đội bảo an số 425 đóng tại Đá Heo (Đức Phổ). Cùng đêm 18-3 tiểu đoàn 83 tổ chức tập kích tiêu diệt 6 xe tăng địch đang đi càn quét tại xã Phố An. Cùng thời gian này đại đội đặc công 21 phối hợp với tiểu đoàn 48 tập kích điểm cao 45 ở phía bắc cầu Trà Khúc, nơi trung tâm huấn

luyện "binh định nông thôn", diệt 226 tên ác ôn "binh định nông thôn".

Song song với đấu tranh quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng diễn ra sôi nổi, đều khắp và quyết liệt, nhất là ở các đô thị.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, phong trào đấu tranh của nhân dân chống đồn dân, lập ấp chiến lược, lập hội tề diễn ra rất quyết liệt, làm cho kế hoạch "binh định" kìm kẹp dân của địch gặp nhiều khó khăn. Ở những vùng bị địch càn quét dữ dội, nhân dân đã bám đất, bám làng, du kích bám địch, cán bộ bám sát phong trào, kiên quyết đấu tranh giành cơ chống lại kế hoạch xóc dân vào các khu tập trung của chúng. Có nơi, bị địch cày đi xát lại nhiều lần, đốt nhà, chặt cây, ủi đất, nhưng dân vẫn tìm mọi cách trở về làng cũ bám trụ, vừa trồng khoai cấy lúa, vừa che giấu cán bộ, bộ đội và du kích tiếp tục hoạt động chống lại chúng.

Phong trào đấu tranh đô thị cũng được đẩy mạnh. Tỉnh ủy chủ trương tăng cường lãnh đạo thành phố, ra sức xây dựng cơ sở, xúc tiến phong trào thị trấn, thị xã, chuyển trung tâm đấu tranh chính trị, binh vận vào thành phố.

Thực hiện kế hoạch đã định, từ ngày 12 đến 30-6-1966, hàng vạn nhân dân, học sinh ở các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn... đã kéo vào thị xã, thị trấn đấu tranh, hô vang khẩu hiệu: "Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam, không được can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam"; "Đả đảo Thiệu, Kỳ bán nước". Đoàn đại biểu đã đưa kiến nghị, tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ đã thảm sát giết hại 30 học sinh ở Bình Liên (Bình

Sơn); 75 người ở Đức Minh (Mộ Đức); 45 người ở Phổ Quang (Đức Phổ). Ở các nơi có Mỹ đóng, dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương, nhân dân mà phần lớn là phụ nữ, thiếu nhi đã kéo vào đấu tranh trực diện với lính Mỹ, vận động lôi kéo, không cho chúng cướp bóc, phá phách, giết hại nhân dân.

Ở Bình Sơn, 7.000 nhân dân Núi Rú đã tham gia biểu tình kéo lên huyện đấu tranh phản đối bọn lính Nam Triều Tiên tàn sát dã man giết hại đồng bào ta ở Bình Hòa, Bình Châu. Nhân dân huyện Mộ Đức đấu tranh đòi tự do đi lại làm ăn ở đập Bến Thóc. Đồng bào Ba Tơ, Sơn Hà đã kéo đến huyện lỵ đấu tranh chống địch rải chất độc hóa học. Nhân dân ở huyện Trà Bồng đấu tranh chống địch khủng bố, bắn phi pháo giết hại nhân dân. Đồng bào Phật tử ở các thị xã, thị trấn biểu tình chống Thiệu, Kỳ, tẩy chay bầu cử.

Tất cả những cuộc đấu tranh trên đã hạn chế phần nào sự hung hăng tàn bạo của địch, đã gây được tâm trạng thương nhớ quê hương, gia đình, cha mẹ, vợ con, góp phần tạo ra tâm lý chán ghét chiến tranh, thúc đẩy phong trào phản chiến hồi hương của lính Mỹ và chư hầu.

Ngày 20-1-1967, hàng vạn đồng bào ở Sơn Tịnh, Bình Sơn kéo vào thị xã Quảng Ngãi đấu tranh tố cáo tội ác của Mỹ và lính Nam Triều Tiên giết hại đồng bào ta ở Bình Hòa. Hơn một vạn đồng bào ở các huyện trên còn kéo ra quốc lộ 1 ngăn chặn không cho bọn Mỹ và chư hầu đi gây tội ác. Hàng ngàn đồng bào ở Bình Sơn đã kéo ra căn cứ Chu Lai, vào các nơi đóng quân của lính Nam Triều Tiên

ở Núi Rằm, Bình Tân đấu tranh đòi địch phải đền bù tính mạng và tài sản cho nhân dân.

Hơn 1.000 dân ở thôn Thượng Hòa (Bình Đông) đấu tranh, giải thoát cho hơn 100 thanh niên khỏi bị bắt lính. Hàng trăm chị em phụ nữ ở Bình Trị đấu tranh giáp mặt với địch, chặn xe bọc thép không cho địch cày ủi phá hoại hoa màu của dân. Đồng bào ở các xã Phổ An, Phổ Hiệp nắm tay nhau giằng co không cho địch đưa bà con lên trực thăng chở vào khu đồn dân ở huyện lỵ. Đồng bào Sơn Tịnh, Tư Nghĩa đấu tranh chống địch cướp phá tài sản của dân, phá bờ xe nước, đòi được tự do làm ăn. Nhân dân huyện Nghĩa Hành đấu tranh giành lại hơn 1.300 con trâu bò bị địch cướp. Nhân dân ở thị xã Quảng Ngãi đấu tranh tẩy chay trò bầu cử tổng thống của Thiệu, Kỳ. Giới Phật giáo Quảng Ngãi đấu tranh đòi thành lập "Ban đại diện Phật giáo", phản đối Thiệu, Kỳ ngược đãi tôn giáo. Nhân sự kiện Thích Hạnh Đức tự thiêu, hơn 20 vạn đồng bào Quảng Ngãi xuống đường biểu tình ủng hộ Phật giáo, đã làm dư luận xôn xao, Mỹ - ngụy hoang mang lo sợ, nội bộ mâu thuẫn lục đục.

Đi đôi với phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân và Phật giáo, công tác binh vận cũng được Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo. Tỉnh ủy chủ trương các cấp, các ngành cần phải cử cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp xuống các địa phương từ hai đến ba tháng để cùng các huyện làm công tác binh vận, đồng thời phải thành lập lại "Ban chỉ đạo đấu tranh chính trị và binh vận" ở các huyện.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác binh vận được đẩy mạnh, với khẩu hiệu trọng tâm là tuyên truyền

vận động binh lính Sài Gòn: hãy quay súng cùng nhân dân chống Mỹ, cứu nước, không đi càn, không đi cứu viện, không yểm trợ cho quân Mỹ và quân chư hầu đàn áp nhân dân; trở về với gia đình, làng xóm quê hương, với nhân dân, với Tổ quốc; ly khai chạy sang hàng ngũ cách mạng làm binh biến chống lại kẻ thù.

Những chủ trương trên đã có tác dụng nhất định đối với binh lính ngụy. Năm 1966, ta đã vận động làm tan rã, đào ngũ 2.343 lính ngụy về với nhân dân, mang theo 78 khẩu súng các loại, với hàng vạn viên đạn. Các đội công tác binh vận đã rải được 83.244 tờ truyền đơn bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Nam Triều Tiên, đã giáo dục vận động được 879 gia đình binh sĩ địch ủng hộ cách mạng, xây dựng được 143 cơ sở nội tuyến.

Năm 1967, ta đã làm rã ngũ 2.846 binh lính. Đặc biệt ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tư đã có 2 đại đội, 1 trung đội và 1 tiểu đội bảo an, dân vệ, thanh niên tân trang đào ngũ tập thể, mang về nhiều súng đạn. Nhờ sử dụng tốt cơ sở nội ứng, lực lượng cách mạng đã đánh trúng vào sào huyệt của địch, diệt hàng trăm tên ác ôn.

Lính Mỹ có biểu hiện tư tưởng hoang mang, lo sợ, thấy truyền đơn ta rải, chúng nhặt lên xem và cất kỹ. Nhiều tên có hiện tượng nhớ nhà, nhớ vợ con, khi thấy trẻ em Việt Nam lân la muốn làm quen. Ở huyện Bình Sơn ta vận động 400 tên Mỹ đòi hỏi hương, ở căn cứ Nước Mặn (Bình Nguyên) một đơn vị lính Mỹ chống lệnh đi càn, buộc địch phải chuyển đơn vị này về căn cứ Chu Lai.

Lính Nam Triều Tiên không còn hung hãn như khi mới đến. Trước sức tiến công của ta, chúng bắt đầu lo sợ, đã

nổ ra một số vụ đấu tranh đòi hồi hương, chống lệnh đi càn. Thậm chí, có tên mang súng ra tìm du kích xin nộp.

Có thể nói tinh thần chiến đấu của lính Mỹ và chư hầu sụp đổ rất nhanh, nhất là các đơn vị bị đánh chết nhiều. Tư tưởng mong muốn hết hạn trở về với gia đình ngày càng phát triển trong các đơn vị Mỹ và Nam Triều Tiên.

Nhiều binh lính ngụy thấy ta đánh thắng nhiều trận, thấy Mỹ hoang mang bối rối, lính Nam Triều Tiên sợ hãi đã tự sát, thì họ càng bị quan, chán nản chiến tranh, mong muốn hòa bình. Một số binh lính, sĩ quan ngụy ngày càng có ý thức dân tộc, có những hành động chống Mỹ rõ rệt.

Nhờ làm tốt công tác binh vận, nên ta đã hạn chế được phần nào sự hung hăng lòng sục, đánh phá của địch, đồng thời nắm được tình hình tin tức của địch để có biện pháp đối phó kịp thời. Nét mới của công tác binh vận lúc này là ta đã xây dựng được vành đai binh vận xung quanh các thị xã, thị trấn, quận ly, các cứ điểm của Mỹ - ngụy và Nam Triều Tiên, tạo thành một lưới sắt có lợi cho cách mạng. Các mũi đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận đã phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Quảng Ngãi tiếp tục tiến lên chiến thắng kẻ thù.

Cùng với phong trào đấu tranh binh vận, phong trào đấu tranh chống bóc lột dân, gom dân, dồn dân, phong trào phá ấp chiến lược cũng diễn ra sôi nổi. Tình trạng trắng đất, thưa dân ở vùng giải phóng nông thôn đồng bằng được khắc phục dần. Phong trào đấu tranh trực diện tại chỗ, chống địch càn quét "bình định", phong trào đấu tranh chặn xe địch bảo vệ mùa màng, chống ủi nhà, san bằng vườn tược, chống địch cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ đã diễn ra hầu khắp ở các địa phương. Nổi bật nhất là ở

các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, đông Tư Nghĩa, nhân dân đã phối hợp với bộ đội, du kích địa phương và cơ sở nội tuyến phá banh nhiều ấp chiến lược của địch, có ấp bị phá đi phá lại nhiều lần như Vĩnh An, Trung An, Hải Ninh (Bình Thạnh), An Lộc (Bình Trị), Phú Lộc, Tiên Đào, Chí Nguyễn, Phước Thuận (Bình Trung), Hòa Bản (Tịnh Thiện), Trà Sơn (Tịnh Ấn), Hành Dũng (Nghĩa Hành), Đức Thắng (Mộ Đức), v.v. đã tạo điều kiện cho hàng ngàn quần chúng bung ra, trở về quê cũ làm ăn. Kế hoạch "binh định nông thôn" của địch bị thất bại nặng nề.

Với tinh thần quyết chiến và quyết thắng, quân và dân Quảng Ngãi đã tiến công liên tục và đều khắp, giáng cho địch những đòn sấm sét, làm cho kế hoạch hai gọng kìm "tìm diệt và bình định" của Mỹ - ngụy bị thất bại thảm hại. Bộ chỉ huy quân sự Mỹ buộc phải chấm dứt cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai vào giữa tháng 5-1967. Quân và dân ta đã giết và làm bị thương 63.139 tên địch, trong đó có 21.756 tên Mỹ và 7.656 lính Nam Triều Tiên, bắn rơi 269 máy bay và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Địch phải rút bỏ nhiều đồn bót tập trung về phòng thủ ở các thị trấn, thị xã và các trục giao thông chiến lược. Từ thế phản công chúng phải chuyển sang phòng ngự.

Phát huy thắng lợi mùa khô thứ hai, Tỉnh ủy chủ trương mở chiến dịch Thu 1967, đánh sâu vào hậu cứ tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đẩy lùi "binh định", khôi phục vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào thành thị.

Mở màn chiến dịch, ngày 3-8-1967, đại đội đặc công 506A cùng 2 đại đội của tiểu đoàn 48 và một tiểu đội của đại đội 506B đã phối hợp chặt chẽ với nhân dân và du

kích xā Tịnh Khê dùng thuyền vượt sông Trà Khúc tiến đánh cứ điểm Hải Thuyền, Cổ Lũy. Sau 20 phút ta chiến đấu dũng cảm và mưu trí, đồn Hải Thuyền bị tiêu diệt hoàn toàn, 120 tên địch bị tiêu diệt, trong đó có 3 tên Mỹ, bắt sống tên đồn trưởng, bắn cháy và phá hủy hoàn toàn 9 ca nô, thu toàn bộ súng đạn và nhiều quân trang, quân dụng.

Để cứu vãn tình hình trên, từ ngày 6 đến ngày 28-8-1967, Mỹ - ngụy mở chiến dịch càn lớn vào miền núi tỉnh Quảng Ngãi với tên gọi "Chiến dịch càn Sông Hre" nhằm mục đích truy tìm và tiêu diệt các lực lượng quân chủ lực, quân địa phương của khu, tỉnh và các huyện. Chúng đã dùng nhiều máy bay trực thăng HU1A, tàu rọ, máy bay trinh sát kết hợp với pháo tầm xa từ Giá Vụt bắn phá dữ dội vào vùng Mồ - O, Nước Lầy và các cao điểm khác ở Ba Tư. Sau đó chúng đổ quân xuống các vùng trong huyện Sông Hre và các xã phía tây Ba Tư để càn quét và cướp phá.

Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo cho các lực lượng vũ trang của huyện Ba Tư, Sông Hre cùng với tiểu đoàn 20, tiểu đoàn 107 của tỉnh đánh phủ đầu, nhấn chìm Mỹ - ngụy xuống dòng sông Hre nổi sóng. Trong trận chống càn này, quân dân ta đã đánh bại cuộc càn quét lớn của không vận số 1 Mỹ tại huyện Sông Hre, diệt 1 đại đội Mỹ, 40 tên ngụy, bắn rơi 35 máy bay và thu nhiều súng đạn. Bị thua đau địch phải bỏ cuộc càn quét và rút chạy khỏi địa bàn Sông Hre.

Đánh giá về thắng lợi này, Tỉnh ủy cho rằng đây là một thắng lợi rất to lớn đối với nhân dân miền núi nói riêng và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nói chung; là một thất bại

thâm hại của một đội quân thiện chiến, con cưng của Tổng thống Mỹ tại mảnh đất "Sông Hre dậy sóng" anh hùng. Tỉnh ủy đã biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của cán bộ, đảng viên, quân và dân Sông Hre, Ba Tơ đã gương mẫu đi đầu chống Mỹ - nguy, đã nêu được bài học quý về bám dân, bám đất.

Thừa thắng xông lên, Tỉnh ủy chủ trương mở tiếp đợt hoạt động mùa đông nhằm tiến công mạnh mẽ vào thị xã, thị trấn, làm cho địch lún sâu vào thế bị động hoàn toàn, làm thay đổi lực lượng so sánh giữa ta và địch.

Đêm 30-8-1967, quân và dân Quảng Ngãi đồng loạt tiến công vào 37 mục tiêu, trong đó có 18 mục tiêu ở thị xã, thị trấn, diệt hàng ngàn tên địch. Tại thị xã Quảng Ngãi ta diệt hơn 200 tên địch, giải thoát hơn 2.000 chiến sĩ và đồng bào ta bị địch giam giữ tại nhà lao Quảng Ngãi và Tư Nghĩa. Tại Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ nhân dân đã nổi dậy phá khu đồn dân, đập tan bộ máy kìm kẹp, giải phóng 75.000 dân trở về làng cũ làm ăn. Phong trào đấu tranh chính trị và binh vận đã kết hợp chặt chẽ với nhau. Hàng chục nghìn nhân dân, học sinh liên tục xuống đường đấu tranh tẩy chay trò hề bầu cử của Thiệu, Kỳ.

Từ ngày 30-8 đến 7-9-1967, tại thị xã Quảng Ngãi đã có ba cuộc nhập thị lớn, hơn 36.000 lượt người tham gia với các biểu ngữ: "Cuộc bầu cử ngày 3-9 là một trò hề bịp bợm"; "Chỉ có người Việt Nam mới giải quyết được vấn đề của người Việt Nam", "Quân Mỹ và chư hầu phải rút về nước". Khí thế đấu tranh sôi sục, nhân dân trương băng cờ, biểu ngữ tuần hành, biểu dương lực lượng, xông vào đập phá các trụ sở của nguy quân, nguy quyền.

Trước khí thế vùng lên mạnh mẽ của nhân dân, hàng trăm binh lính nguy đã bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân. Một số binh lính Mỹ và lính đánh thuê Nam Triều Tiên cũng hoang mang phản chiến, mang súng ra vùng giải phóng.

Trong chiến dịch Thu - Đông năm 1967, quân và dân Quảng Ngãi đã thật sự đánh sâu vào hậu cứ của địch đưa chiến tranh vào thị xã, thị trấn gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề, loại khỏi vòng chiến đấu gần 10 ngàn tên, thu 4.500 súng, phá banh 46 ấp chiến lược, 6 khu đồn dân, giải thoát cho hàng chục vạn đồng bào bị kìm kẹp trở về làng cũ.

Cùng với thắng lợi trong công tác chiến đấu, công tác tăng gia sản xuất cũng đạt được những thành tích đáng kể. Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh sản xuất tự cấp, tự túc, sản xuất và chiến đấu phải khẩn trương, có sản xuất giỏi thì mới chiến đấu tốt. Bộ đội, cán bộ không có lương thực ăn thì không thể nào bảo đảm chiến đấu thắng lợi. Vì vậy, ở các địa phương không được lơ là sản xuất, mà phải thực hiện khẩu hiệu: Vừa chiến đấu vừa sản xuất là nhiệm vụ trung tâm ở từng địa phương.

Ở huyện Bình Sơn, quân Mỹ vào đông, nhưng nhân dân vẫn bảo đảm sản xuất, sản lượng bình quân không tụt mà còn phát triển nhất là cây bắp. Ở vùng tây Sơn Tịnh, Tư Nghĩa bị pháo bắn suốt ngày, nhân dân vẫn cày hết diện tích. Địch bắn phá ban ngày, ban đêm nhân dân ra đồng cày cấy, trồng các cây ngắn ngày. Nhân dân các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ vẫn bảo đảm diện tích gieo, trồng hết vụ này đến vụ khác.

Hệ thống thủy lợi được các Đảng bộ địa phương chú

trọng đúng mức. Sơn Tịnh đã vét một con mương dài 12km, tu sửa 14 đập nước, làm mới 17 bờ xe nước, đắp 2 đập nước ở Tịnh Kỳ. Ở Nghĩa Hành đắp được 32 đập lớn nhỏ, làm được 15 bờ xe nước. Tư Nghĩa đắp lại 3 đập ở Đá Sơn, Suối Tó và xây dựng 5 bờ xe nước. Ở Mộ Đức, nhân dân đã đấu tranh với chính quyền địa phương đắp lại đập Bến Thóc và xây dựng 15 trạm bơm mới. Ở Bình Sơn, nhân dân đã đắp lại đập Đá Giăng, tu sửa lại đập Cà Ninh, cống nước mặn Bình Đức. Ở Đức Phổ, nhân dân xây dựng được 9 trạm bơm nước và sửa chữa lại các đập ở vùng giải phóng.

Tất cả những hệ thống thủy lợi trên đã góp phần xứng đáng đưa đến những vụ mùa thắng lợi cho các huyện đồng bằng ở Quảng Ngãi, có huyện đạt được năng suất cao vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra, như ở Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa). Ở các huyện miền núi, mặc dù bị địch bắn phá, rải chất độc hóa học, nhưng nhân dân vẫn bám trụ, sản xuất và chiến đấu giỏi. Nhiều nơi vượt mức quy định, điển hình là hợp tác xã Cha Dân thu nhập bình quân đầu người gấp ba lần quy định. Toàn tỉnh có 13 xã đạt vượt mức chỉ tiêu.

Đặc biệt ở miền núi, có 623 tổ hợp tác tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong lao động sản xuất. Tỉnh ủy đã mở Hội nghị tổng kết phong trào hợp tác xã ở miền núi, học tập cách làm ăn của Cha Dân, Cha Eng. Nhờ bảo đảm được sản xuất nên đời sống của nhân dân được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kháng chiến, đủ cung cấp lương thực cho bộ đội ăn no đánh giặc.

Công tác văn hóa - giáo dục cũng được chú trọng phát triển, nhất là ở vùng căn cứ và vùng nông thôn giải phóng.

Toàn tỉnh đã mở được 559 lớp học, với 27.539 học sinh, đã thanh toán nạn mù chữ cho 3.013 người, khá nhất là các huyện Bình Sơn, Ba Tơ, Đức Phổ. Hai xã được xóa nạn mù chữ hoàn toàn là xã Ba Khâm (Ba Tơ) và xã Bình Phú (Bình Sơn).

Ở đồng bằng, mạng lưới y tế được phát triển rộng khắp đến các thôn, có 65 ban y tế xã, 238 ban y tế thôn. Ở miền núi có 57 ban y tế xã và 167 ban y tế thôn. Các ban y tế đã phát huy được chức năng nhiệm vụ của mình, đã vận động được bà con ăn ở vệ sinh, phòng chống bệnh sốt rét. Các ban y tế cũng đã giải quyết kịp thời các trường hợp ốm đau bệnh tật cho nhân dân, đã góp phần chăm sóc sức khỏe cho đồng bào, chiến sĩ bị thương trong chiến đấu, hoặc bị trúng phi pháo khi bị địch càn quét bắn phá. Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng được hai bệnh viện (B21 và X50) và các trạm xá quân đội. Các huyện đã có trạm xá kịp thời cứu, chữa cho nhân dân.

Công tác tuyên truyền, giáo dục trong các đoàn thể quần chúng luôn được củng cố và mở rộng.

Nông hội là lực lượng quan trọng nhất ở nông thôn, các cấp ủy đã tích cực vận động giáo dục để xây dựng thành lực lượng nòng cốt trong công tác sản xuất và chiến đấu. Tính đến cuối năm 1967, ta đã xây dựng được 36.620 hội viên nông hội thật sự làm nòng cốt cho công tác hậu phương.

Tổ chức phụ nữ giải phóng phát triển mạnh, đã phát triển được 48.300 hội viên phụ nữ giải phóng, xây dựng được 495 ban cán sự phụ nữ thôn, 137 ban chấp hành xã, 12 ban chấp hành huyện; thành lập được 697 hội mẹ chiến

sĩ. Các mẹ đã động viên con cháu tòng quân giết giặc, giữ làng.

Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng là lực lượng nòng cốt, đội hậu bị của Đảng được Tỉnh ủy quan tâm xây dựng ngay từ đầu. Tính đến cuối năm 1967, đã xây dựng được 6.540 đoàn viên thanh niên nhân dân cách mạng. Tất cả đều đăng ký thi đua thực hiện "thanh niên 5 xung phong" sẵn sàng chiến đấu bảo vệ xóm làng.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm đúng mức. Số đảng viên mới tăng gấp đôi so với năm trước. Tính đến cuối năm 1967, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ là 8.526 đồng chí, trong đó có 1.486 đảng viên mới kết nạp.

Đây thực sự là vốn quý của Đảng bộ Quảng Ngãi, là lực lượng tổ chức và lãnh đạo đưa đến mọi thắng lợi của Quảng Ngãi.

Quân và dân Quảng Ngãi đã đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ - ngụy, là chiến thắng rất to lớn và toàn diện.

Với thắng lợi này quân và dân ta đã tạo được thế chiến lược mới, nâng cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của toàn Đảng bộ.

III- TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN 1968, ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Cuối năm 1967, quân và dân ta vẫn giữ vững và phát huy mạnh mẽ quyền chủ động trên chiến trường. Các lực

lượng chủ lực quân giải phóng đã tạo được thế đứng chân vững chắc ở các vùng ven đô, đặc biệt là các đô thị lớn. Cơ sở cách mạng trong các đô thị không ngừng lớn mạnh và phát triển.

Về phía địch, vùng kiểm soát của chúng ngày càng bị thu hẹp. Nguy quân, nguy quyền chìm trong khủng hoảng, nội bộ mâu thuẫn sâu sắc, ý chí và tinh thần chiến đấu giảm sút nghiêm trọng. Quân Mỹ và chư hầu bị thương vong nhiều, mục tiêu đề ra không thực hiện được. Chi phí cho cuộc chiến tranh tăng vọt, từ 4,7 tỷ đô la năm 1965-1966 lên 30 tỷ đô la năm 1967, thâm hụt ngân sách lên đến 8,7 tỷ đô la, Mỹ buộc phải bỏ kế hoạch phản công chiến lược lần thứ ba, đưa lực lượng về tăng cường phòng thủ ở những đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.

Trước tình hình đó, tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết về Tổng công kích, tổng khởi nghĩa, sau đó Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 1-1968 đã thông qua và trở thành Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trên cơ sở nhận định tình hình ta, địch, Trung ương Đảng hạ quyết tâm "chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định".

Để thực hiện quyết tâm chiến lược đó, cần động viên sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt khắp nông thôn và đô thị, đưa cuộc chiến tranh vào tận căn cứ

sào huyệt của địch, dồn địch vào cuộc khủng hoảng lớn về chính trị và quân sự.

Hội nghị cho rằng, Tổng công kích và tổng khởi nghĩa là một quá trình liên tục tiến công truy kích, tiêu diệt, đánh đổ địch về quân sự và chính trị, là quá trình phản kích ác liệt giành lại và chiếm lấy các vị trí chiến lược quan trọng, là giai đoạn sẽ kéo dài trong một thời gian nào đó... Trong quá trình Tổng công kích, tổng khởi nghĩa phải thực hiện đến mức cao nhất việc kết hợp giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận, kết hợp hoạt động ở thành thị, nông thôn đồng bằng và rừng núi.

Hội nghị xác định nguyên tắc cần nắm vững trong quá trình Tổng công kích, tổng khởi nghĩa là: "Tập trung lực lượng quân sự và lực lượng chính trị lớn đến mức cao nhất, một cách hợp lý nhất, tiến công mãnh liệt vào những hướng chiến lược chính; kiên quyết tiến công, liên tục tiến công nhằm đúng vào những nơi xung yếu của địch mà đánh những đòn quyết định, giành cho kỳ được thắng lợi ở những nơi quyết định; phải tuyệt đối giữ cho được nhân tố bất ngờ, phải biết giành thắng lợi từng giờ, từng phút và không ngừng mở rộng thắng lợi, kiên quyết chống trả và bẻ gãy các cuộc phản công của địch và truy kích đến cùng để giành thắng lợi cao nhất"¹.

Để chỉ đạo toàn bộ công tác chuẩn bị và thực hành Tổng công kích, tổng khởi nghĩa, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), tháng 1-1968.

cụ thể cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Nam Bắc.

Về quân sự, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa Tổng công kích và tổng khởi nghĩa và giữa các chiến trường, phải kéo cho được lực lượng cơ động của địch ra ngoài để đánh tiêu diệt, công kích mãnh liệt vào thành thị, nhất là các thành thị lớn, đồng thời phát động công kích và khởi nghĩa ở khắp các chiến trường, tiến công đồng loạt vào những nơi yếu hèn, những cơ sở hậu cần vũ khí, sân bay, hải cảng, làm tê liệt hoàn toàn mọi sự đề kháng của chúng.

Về chính trị, chuẩn bị và phát động quần chúng nổi dậy tổng khởi nghĩa, kết hợp với tổng công kích, đập tan quyền quyền và các tổ chức phản động khác, xây dựng chính quyền cách mạng và phát triển nhanh chóng lực lượng chính trị và vũ trang của quần chúng.

Quân ủy Trung ương và Bộ tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam gấp rút chuẩn bị kế hoạch, sử dụng lực lượng và nắm các hướng tiến công: Chiến trường chính là Đường 9 - Khe Sanh, nhằm giam chân lực lượng chiến lược của địch, một đòn tiến công chiến lược đánh vào thị xã, thành phố trên toàn miền Nam, kết hợp với nổi dậy đồng loạt của quần chúng nông thôn và đô thị. Mở đầu cho Tổng công kích, tổng khởi nghĩa, lấy chiến trường chính là Sài Gòn - Gia Định và Trị Thiên - Huế. Thời gian tiến hành nhằm vào Tết nguyên đán Mậu Thân, là lúc địch bộc lộ nhiều sơ hở nhất, chủ quan nhất.

Thường vụ Khu ủy V họp hội nghị khẩn cấp để triển khai chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đưa cuộc chiến tranh cách mạng phát triển cao nhất bằng

phương pháp Tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Quân khu cũng quyết định thành lập trung đoàn đặc công và cho hướng tiến công vào thị xã Quảng Ngãi theo phương thức kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của nhân dân tại chỗ và nông thôn kéo vào tiến công địch giành chính quyền.

Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị và Khu ủy V, tháng 12-1967 Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp và ra nghị quyết: "Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh, nỗ lực phi thường, quyết tâm cao độ, thực hiện nhiệm vụ tổng tiến công và nổi dậy trên chiến trường bằng ba mũi giáp công thật mạnh, để phối hợp toàn khu, toàn miền, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, du kích xã thôn, du kích mật và hợp pháp, các đội quyết tử, cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời cho Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt vào Tết Mậu Thân 1968"¹.

Nghị quyết nhấn mạnh đến một số công tác cấp bách là phải nhanh chóng chuẩn bị lực lượng, triển khai kế hoạch, khắc phục các mặt còn yếu, kém để kịp thời đáp ứng với tình hình mới, đó là thực lực chính trị, vũ trang tại chỗ ở thị xã, thị trấn, vấn đề động viên tân binh, lương thực, dân công, công tác tư tưởng. Đồng thời, Nghị quyết Tỉnh ủy còn quan tâm đến việc đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, binh vận trên chiến trường, chủ yếu là ở khu vực trọng điểm quốc lộ 1, thị xã, thị trấn và các vùng phụ cận, nhằm làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên phạm vi toàn tỉnh.

1. Nghị quyết Tỉnh ủy Quảng Ngãi, tháng 12-1967. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Thực hiện chủ trương trên, ngay từ ngày 22-12-1967, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã vạch ra kế hoạch, xây dựng phương án và xác định mục tiêu trong tiến công và nổi dậy. Các mục tiêu đó là: sân bay, tiểu khu, tỉnh đoàn bảo an, khu nhà lao, đài phát thanh, nhà máy điện, khu Chấn Ký, khu Tiền Chế, ga Ông Bó, bắc cầu Trà Khúc và điểm cao 45.

Ở các huyện tổ chức tiến công vào quận lỵ, thị trấn, những mục tiêu quan trọng, cắt đứt giao thông trên quốc lộ 1.

Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các lực lượng, các ban, ngành trong tỉnh phải tiến hành khẩn trương, nhanh chóng triển khai kế hoạch, ráo riết chuẩn bị đến ngày 15-1-1968 căn bản phải hoàn thành mọi kế hoạch đề ra.

Tháng 12-1967, Đảng ủy và Ban chỉ huy mặt trận Quảng Ngãi được thành lập. Đảng ủy Mặt trận gồm 11 thành viên, do đồng chí Phạm Thanh Biên, Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy, làm Bí thư¹. Ban chỉ huy Mặt trận do đồng chí

1. Đảng ủy Mặt trận gồm 11 đồng chí:

- | | |
|------------------------------|--------------------------|
| - Đồng chí Biên, Bí thư | |
| - Đồng chí Chín, Ủy viên | - Đồng chí Chúc, Ủy viên |
| - Đồng chí Thắng, Ủy viên | - Đồng chí Đức, Ủy viên |
| - Đồng chí Nhâm, Ủy viên | - Đồng chí Thư, Ủy viên |
| - Đồng chí Anh, Ủy viên | - Đồng chí Lợi, Ủy viên |
| - Đồng chí Việt Anh, Ủy viên | - Đồng chí Tú, Ủy viên |

Đức làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Thư, Tỉnh đội phó làm Chỉ huy phó, đồng chí Phạm Thanh Biên, làm Chính ủy, đồng chí Chức, Chính trị viên Tỉnh đội làm Phó chính ủy thứ nhất, và đồng chí Lộc, Chính ủy E401 làm Phó chính ủy thứ hai.

Từ ngày 15-12-1967, các đơn vị lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh được lệnh củng cố và huấn luyện chiến đấu theo tinh thần mới của Ban chỉ huy mặt trận. Tỉnh đội còn tổ chức các lớp đào tạo cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ chính trị, tổ chức các tổ bắn máy bay ở đồng bằng và miền núi, chốt các điểm cao và các vùng phụ cận; chuẩn bị lực lượng phòng thủ bờ biển, chủ yếu là cửa Cổ Lũy và khu vực đông Tư Nghĩa, Sa Kỳ, vùng đông Sơn Tịnh, sử dụng các lực lượng du kích ở các xã đồng bằng phối hợp với bộ đội địa phương các huyện Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ tổ chức thành một tuyến dọc theo bờ biển để tuần tra canh gác phát hiện sự tiến công của địch, củng cố các làng xã chiến đấu ở vùng giải phóng và vùng vừa mới mở, nhanh chóng xây dựng làng thôn, xã chiến đấu.

Đầu tháng 1-1968, công tác chuẩn bị cho Tổng công kích và tổng khởi nghĩa của quân và dân Quảng Ngãi càng trở nên khẩn trương. Không khí tiền khởi nghĩa đã bao trùm lên khắp ba vùng chiến lược. Các khẩu hiệu "Tất cả cho Tổng công kích, tất cả cho Tổng khởi nghĩa", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Lật ngụy, giành chính quyền về tay nhân dân", đã thôi thúc từng trái tim, khối óc của nhân dân Quảng Ngãi quyết tâm vùng lên chiến đấu và chiến thắng!

Nhân dân Quảng Ngãi sôi nổi hưởng ứng phong trào thi

đua dốc sức người, sức của, tập trung mọi khả năng để "giải phóng quê hương". Từ miền xuôi đến miền ngược nhân dân Quảng Ngãi đã thi đua đóng nhanh, đóng đủ, đóng vượt mức quỹ nuôi quân, bà con còn hăng hái bán lương thực, hiến trâu, bò, vàng bạc, tiền của cho cách mạng, tích cực di dân công tiếp vận phục vụ chiến trường vô điều kiện. Trường cấp II Bình Sơn đã cử 48 thầy trò lên đường nhập ngũ.

Ở các huyện đồng bằng, nhân dân đã đóng góp một số lượng lương thực, thực phẩm và nguồn nhân lực rất lớn. Chỉ tính trong những ngày đột xuất phục vụ chiến dịch đã huy động được 24.720 lượt người và 214.511 ngày công. Ở 5 huyện miền núi đã có 5.576 lượt với 45.623 ngày công, vận chuyển được 229 tấn lương thực, thực phẩm và đồ dùng quân sự.

Sơn Tịnh đã đạt chỉ tiêu mua 60 tấn lương thực trước 9 ngày và còn mua thêm cho đơn vị bạn 75 tấn nữa. Ở Tư Nghĩa, nhân dân đã hoàn thành nghĩa vụ 160 tấn lương thực trước 10 ngày. Nhân dân ở xã Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) đã vận động bà con đóng tiền để mua trâu, bò, heo ủng hộ bộ đội.

Nhân dân ở Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa đã tu sửa, đào hầm, hào giao thông, địa đạo, hầm trú ẩn, xây dựng làng chiến đấu.

Về phía địch, sau mùa khô 1966-1967, đế quốc Mỹ tiếp tục đưa lực lượng chiến đấu Mỹ và các nước chư hầu vào Việt Nam. Với hơn 1 triệu quân gồm 48 vạn quân Mỹ, 57.800 quân chư hầu và 52 vạn quân ngụy, cùng vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, Mỹ - ngụy chuẩn bị

mở cuộc "phản công chiến lược" mùa khô 1967-1968, chủ yếu đánh vào Nam Bộ và Bình Trị Thiên, cố giữ cho tình hình quân sự, chính trị miền Nam không bị đảo lộn bất ngờ.

Riêng ở Khu V, tháng 9-1967, địch có 367.000 tên, trong đó có 220.000 Mỹ và Nam Triều Tiên. Đến trước Tết Mậu Thân, trên chiến trường Khu V địch có 94 tiểu đoàn, gồm 31 tiểu đoàn Mỹ, 22 tiểu đoàn Nam Triều Tiên, 41 tiểu đoàn ngụy. Tháng 1-1968, Mỹ phải điều sư đoàn 1 "ky binh bay" cùng 2 lữ đoàn thuộc sư đoàn 101 Mỹ ra bắc Quảng Trị để đối phó với ta ở mặt trận Đường 9 - Khe Sanh; điều toàn bộ lữ đoàn Rồng Xanh Nam Triều Tiên đi Quảng Đà.

Trên chiến trường Quảng Ngãi, quân Mỹ có 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến đóng ở Đức Phổ, Mộ Đức, 1 tiểu đoàn pháo binh gồm 18 khẩu 105 ly; 1 pháo 175 ly; 1 khẩu 155 ly; 44 xe cơ giới trong đó có 17 M.41, M.113; 14 máy bay HU1A và 3 máy bay H.13; chúng đóng chốt ở các điểm cao Núi Dâu, Núi Chóp, Giồng Gò, Bãi Xếp, Núi Cửa, Gò Hội, Núi Khoáng, Cà Ty, Đá Bạc, Đá Dựng, Động Bằng, Bình Liên, Núi Rằm, Núi Sơn, Giồng Tranh, Đồi Chùa, Núi Lũy, Cầu Kênh, Thế Long, quận lỵ Bình Sơn và nam cầu Châu Ổ.

Quân ngụy có 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 4 đóng ở Mộ Đức, sân bay, đầu cầu Quán Cơm, 2 tiểu đoàn của trung đoàn 5 đóng ở Nghĩa Hành, Châu Ổ, 2 tiểu đoàn của trung đoàn 6 đóng ở thị xã (Cửa Đông, tiểu khu), tiểu đoàn 39 biệt động đóng ở Rừng Lãng, Thạch By. Chúng còn có 2 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội quân y, 1 đại đội thông tin, 2 đại đội biệt kích, 2 đại đội trinh sát, 1 tiểu đoàn pháo

binh gồm 18 khẩu 105 ly và 4 khẩu 155 ly được bố trí nhiều nơi trong tỉnh.

Ngoài ra quân nguy còn có 30 đại đội bảo an chiến đấu, 17 đại đội lực lượng đặc biệt, 161 trung đội nghĩa quân, 47 đoàn bình định, 1 đại đội hải thuyền, 3 trung đội giang thuyền, 1 đại đội và 3 trung đội đặc công, 3 đại đội cảnh sát chiến đấu.

Cuối năm 1967, địch liên tục mở những cuộc càn quét đánh phá, chà đi xát lại nhiều lần ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức gây cho ta nhiều khó khăn. Đáng chú ý là cuộc càn vào tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh của 4 đại đội Mỹ và 1 tiểu đoàn nguy kéo dài từ 28-12-1967 đến 1-1-1968 mới chấm dứt.

Ở Đức Phổ, Mộ Đức địch ra sức đánh phá nhiều nơi, chủ yếu là phía tây bắc, tây nam của hai huyện trên và vùng giáp ranh duyên hải, biến nơi đây thành vùng trắng.

Từ ngày 20 đến 31-1-1968 là thời kỳ địch tập trung phòng thủ và đề phòng sự tiến công của ta trong dịp Tết nguyên đán. Toàn bộ quân chủ lực nguy được điều về đóng ở xung quanh thị xã, thị trấn để bảo vệ các cơ quan đặc khu, yếu khu Trà Khúc, các cơ quan đầu não tại thị xã và sân bay. Quân Mỹ tăng cường càn quét với mật độ dày hơn trước. Chúng dùng hai trung đội thuộc lữ đoàn 3 càn quét hàng tháng liên ở tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh; Lữ đoàn 2 sử dụng từng trung đội có xe tăng, xe bọc thép yểm trợ càn vào các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Minh, Phổ Quang, Phổ An (Đức Phổ); Đức Phong, Đức Hòa, Đức Phú, Đức Hiệp, Đức Minh, Đức Chánh (Mộ Đức). Chúng còn điều 2 đại đội làm nhiệm vụ cơ động ứng cứu thị xã.

Tại Bình Sơn, quân Mỹ tăng mức độ đánh phá ác liệt hơn, chúng đã xây dựng lại chi khu Nước Mặn (Bình Nguyên), đóng chốt lại cứ điểm Gò Sỏi ở Bình Trung, càn quét nhiều ngày vào các xã trong huyện để thực hiện âm mưu đánh bật cơ sở, san bằng nhà cửa, phá hoại tài sản, xúc tát dân, gây cho ta nhiều khó khăn, quần chúng không ổn định, cán bộ, du kích luôn luôn bị tổn thất.

Giữa lúc Mỹ - ngụy dốc sức đối phó với ta ở mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, thì cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu. Quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, đánh vào nhiều thành phố, thị xã, thị trấn và quận lỵ, vào các cơ quan đầu não, kho tàng, sân bay làm cho địch choáng váng, bất ngờ.

Đúng 2 giờ 30 phút ngày 31-1-1968, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đồng loạt nổ súng vào thị xã, thị trấn và các vùng phụ cận mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trên chiến trường Quảng Ngãi.

Tiểu đoàn 406 và đại đội 21 bộ đội đặc công của tỉnh đã nổ súng đánh chiếm một phân khu nội thành, bao vây nhà sư trưởng sư đoàn 2 ngụy. Tại chỉ huy sở sư đoàn, ta tiêu diệt 80 tên ngụy, trong đó có tên đại úy chỉ huy trưởng và nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan, làm bị thương hơn 100 tên.

Tại tiểu khu Quảng Ngãi ta phá hủy 9 trong số 17 xe thiết giáp, tiêu diệt 40 tên địch, trong đó tên thiếu tá chỉ huy trưởng chi đoàn thiết giáp và tên đại úy tham mưu phó tiểu khu bị thương nặng. Tại ngã tư đường Quang

Trung và đường Lê Trung Đình ta tiêu diệt 1 tiểu đoàn lính nguy.

Đại đội 506A và đại đội 95 đặc công của Bình Sơn đã đánh chiếm nhà lao Quảng Ngãi, giải thoát 1.500 tù chính trị và đánh sập 2 lô cốt khu tĩnh đoàn bảo an. Địch cho quân phản kích hòng chiếm lại khu vực đã mất và đã bị quân dân ta đánh lui, bị tiêu diệt trên 100 tên.

Đại đội 506B thuộc lực lượng thị đội đã đánh chiếm ngã 5 thị xã, Trường trung học Kim Thông và Trường tiểu học Thánh Tâm, chiếm đường Võ Tánh, diệt 4 xe thiết giáp và 1 đại đội nghĩa quân, bắt 14 tên, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng, diệt 2 lô cốt, chiếm Bancalô Quảng Ngãi và làm chủ 1 ngày. Pháo binh của ta bắn sập Ty bưu điện và một số nơi đồn trú của địch. Địch hoang mang ném bom, bắn pháo lung tung gây cho nhân dân nhiều thiệt hại về người và của.

Tại khu vực sân bay, các tiểu đoàn 81, 83 và 20 của Quảng Ngãi đã tiến công mãnh liệt vào sở chỉ huy sân bay, tiêu diệt tiểu đoàn 2 nguy, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 3 và một bộ phận của trung đoàn bộ. Địch chết và bị thương 300 tên, trong đó có tên trung đoàn trưởng trung đoàn 4 nguy. Một tiểu đội trinh sát tĩnh dã đột nhập vào sân bay dùng thủ pháo, lựu đạn đánh tan xác 6 máy bay địch, phá hủy 1 kho nhiên liệu, 1 kho xăng dùng cho máy bay, 1 kho súng của tiểu đoàn 3 nguy, lửa bốc cháy suốt ngày.

Lực lượng vũ trang tĩnh dã tiến công vào cứ điểm Núi Ông (phía bắc sân bay). Đến 21 giờ ngày 31-1-1968 tất cả các đơn vị rút ra khỏi sân bay và thị xã, riêng bộ đội đặc

công trụ lại ở phía nam thị xã. 23 giờ ta dùng cối 82 ly pháo kích tới tấp vào sân bay, trúng các mục tiêu làm lửa bốc cháy dữ dội.

18 giờ 45 phút ngày 3-2 lực lượng vũ trang của ta đã chặn đánh một đại đội nguy từ Nghĩa Hành xuống bảo vệ thị xã, tiêu diệt 1 trung đội, số còn lại bỏ chạy tán loạn, địch phải dùng pháo binh chi viện. Đêm 3-2 các tiểu đoàn 81 và 83 tiến công vào ấp Chánh An và ấp Thuận Hóa diệt 1 trung đội nguy.

Đêm 5-2, các tiểu đoàn 81, 82 phối hợp chặt chẽ với đặc công tỉnh đánh chiếm khu vực ga Ông Bó, làm chủ từ chợ Ông Bó đến Chấn Hưng. Tại khu vực này ta diệt 11 lô cốt, 1 hầm ngầm, làm sập 1 tòa nhà lính địch ở, diệt gọn 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 1 đoàn binh định, 1 trung đội nghĩa quân, phá hủy 1 kho xăng, 13 xe GMC.

Tại khu vực bắc sông Trà Khúc, đêm 30 ngày 31-1, tiểu đoàn 48 và lực lượng vũ trang Sơn Tịnh tiến công cao điểm 45 (trung tâm huấn luyện địa phương quân), sau 20 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt được 9 lô cốt, 2 hầm ngầm, phá hủy toàn bộ doanh trại địch, chiếm lĩnh được đầu cầu Trà Khúc, nhưng chưa cắt được cầu, vì công binh chưa tiến lên kịp.

Sáng ngày 31-1, 2 tiểu đoàn lính nguy và 7 xe thiết giáp từ thị xã ra phản kích, bị quân ta chặn đánh diệt 3 xe thiết giáp. Địch dùng máy bay đánh phá ác liệt, quân ta phải rút ra khỏi bắc cầu Trà Khúc. Kết quả đêm 30 và ngày 31-1 tại bắc sông Trà Khúc ta diệt 300 tên địch, 6 trung đội địa phương quân.

Tiểu đoàn 48 đã dùng cối 81 ly pháo kích vào chi khu

Sơn Tịnh. Một đại đội đặc công Sơn Tịnh đánh vào quận lỵ, phá 2 lô cốt, tiêu diệt 1 trung đội nghĩa quân, giải thoát 1 trại giam trên 300 đồng bào đi đấu tranh chính trị bị địch bắt giam.

Đêm 30 rạng ngày 31-1, một đại đội Sơn Tịnh tiến công trung đội bảo an gác cầu Trường Xuân và đồn Núi Sứa. Tại cầu Trường Xuân ta đánh sập 1 lô cốt, địch chết 3, bắt sống 28 tên, thu 30 súng các loại. Tại Núi Sứa, ta diệt 3 tên, thu 5 máy Radiô và hơn 1.000 viên đạn. Tiếp đó lực lượng du kích, lực lượng vũ trang huyện đã phối hợp với lực lượng quần chúng tiến công nhiều nơi trong huyện. Đặc biệt, đêm 4-2 ta tiến công ấp Phú Giảng diệt 8 tên, thu 2 súng. Ngày 5-2 du kích và công binh đánh sập cầu sắt Châu Sa và cống Thế Long (quốc lộ 1) diệt nhiều tên địch.

Ngày trong ngày 31-1-1968, lực lượng đấu tranh chính trị xuống đường. Hơn 15.000 người kéo vào thị xã Quảng Ngãi cùng với lực lượng vũ trang đấu tranh chống địch. Đoàn người rầm rộ tiến vào cầu Trà Khúc vừa đi vừa hô khẩu hiệu, phát cờ, nổi trống làm cho địch rất hoảng sợ. Khi đoàn tiến đến đầu cầu, bọn lính nổ súng đàn áp, đoàn người vẫn tiến lên.

Tại Tư Nghĩa, đêm 30 rạng ngày 31-1 trung đội đặc công huyện đánh vào cứ điểm Núi Bút, đánh chiếm 2 lô cốt thu 4 súng. Du kích và đội công tác cùng với quần chúng các xã Nghĩa Đông, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hà, Nghĩa An, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương đã bức địch rút bỏ các đồn Núi Vàng, Hội An, Thế Khương, Hội đồng Tư Thành, thị trấn Thu Xà, giải phóng hoàn toàn các xã trên. Chính

quyền cách mạng được thành lập, các đoàn thể quần chúng hoạt động mạnh, xây dựng làng chiến đấu, phát triển du kích xã thôn, luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cùng đêm 30 rạng ngày 31-1, đại đội 75 huyện Tư Nghĩa đã phối hợp với hơn 7.000 quần chúng kéo vào đánh chiếm huyện lỵ Tư Nghĩa, bắt 4 tên ác ôn, thu 4 súng, buộc hai trung đội nghĩa quân ở Nghĩa Đông ra hàng, mang theo 45 khẩu súng, 1 đài vô tuyến điện.

Chiều ngày 1-2, du kích và đội công tác Hành Đức chặn đánh một đại đội bảo an, chúng chạy tán loạn, ta thu 6 súng, 22 quả lựu đạn cối, 100 quả lựu đạn, bắt sống 6 tên, trong đó có tên trưởng đoàn bình định nông thôn.

Cũng chiều ngày 1-2 lực lượng du kích và đội công tác các xã cùng với 2.000 quần chúng tiến về bao vây quận lỵ Nghĩa Hành, bắn chết ba tên địch, giải thoát toàn bộ dân bị đồn ở khu định cư Gò Gai.

Ngay trong đêm 30-1, quân dân huyện Mộ Đức đã dùng bộc phá tiến công trận địa pháo Giồng Gò Sắt, 4 tổ đặc công đánh vào khu nhà Mỹ ở diệt 4 nhà lính, 1 đài quan sát, 26 tên Mỹ chết và bị thương. Một tổ đặc công khác đánh vào chi khu quận lỵ, diệt 3 lô cối, phá hủy 1 máy phát điện, tiêu diệt 1 trại lính. Một đơn vị huyện tiến công vào đầu cầu Sông Vệ, tiêu diệt và làm bị thương 28 tên Mỹ.

Ngày 3-2, ta huy động nhân dân đào phá quốc lộ 1, đánh sập cầu Tú Sơn và cầu Ông Liễu, làm chủ toàn bộ 3 xã Đức Thắng, Đức Lợi và Đức Nhuận (Mộ Đức). Hơn 5.000 quần chúng rầm rộ xuống đường biểu tình, bao vây đồn



Xác xe tăng Mỹ tại trận Vạn Tường, 1965



Giặc Mỹ thảm sát nhân dân Sơn Mỹ, 1968

Quán Lát (Mộ Đức). Địch hoang mang bỏ chạy, một số ác ôn xả súng vào đoàn biểu tình, làm 17 người chết. Đoàn biểu tình kiên quyết đấu tranh, kéo vào quận lý đòi bồi thường, một số người gia nhập vào đội xung kích kéo ra thị xã đấu tranh.

Đêm 31-1, Trung đội tập trung của huyện Đức Phổ tập kích trận địa pháo Chóp Vung, Mồ Côi, phá hủy 10 khẩu pháo trong đó có 4 khẩu 105 ly và 2 khẩu 175 ly, đánh sập 1 lô cốt, diệt 17 tên Mỹ. Bộ đội tập trung huyện còn pháo kích vào sân bay và bãi đỗ xe Gò Hội, phá hủy 8 máy bay, 13 xe GMC và 4 lô cốt.

Du kích ở các xã Phổ Văn, Phổ Hiệp, Phổ Thuận, Phổ Vinh, Phổ Thạnh, Phổ Khánh, Phổ Minh đã đánh vào đồn địch, chặn đánh địch trên đường giao thông, đánh sập cầu nước Mạn, cầu Sông Thoa, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, phá hủy nhiều phương tiện giao thông.

Đêm 30-1, tại Bình Sơn du kích tiến công vào ấp An Châu (Bình Thới) diệt 1 trung đội trưởng nghĩa quân thu 1 súng. Ngày 2-2, du kích Bình Đông đánh chìm 1 bo bo trên sông Mũi Rú, 4 lính Mỹ thiệt mạng. Du kích An Phú (Bình Phú) pháo kích vào đồn Mỹ Đá, gây cho địch thiệt hại nặng.

Cùng đêm 30-1, du kích phía tây Bình Sơn pháo kích vào trận địa Bằng Tiên, làm hỏng 3 khẩu 105 ly, 1 trại lính, phá sập 1 cầu trên quốc lộ 1.

Ngày 31-1, hơn 3.000 quần chúng xuống đường biểu tình giương cao biểu ngữ, cờ, băng, khẩu hiệu: "Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam". Địch hoang mang, dùng máy bay đánh phá, gây thiệt hại cho dân chúng.

Ở các huyện miền núi, tại Ba Tư vào lúc 1 giờ ngày 31-1 lực lượng vũ trang huyện được sự nội ứng của cơ sở trong lực lượng nghĩa quân đột nhập vào khu vực lính Trường Sơn đóng giữ ấp Hoàn Đôn cách quận lỵ Ba Tư 200m về phía bắc. Sau 15 phút chiến đấu, ta đánh sập 1 khu nhà lính Trường Sơn và làm hư hại 12 khu nhà khác, giết chết 48 tên. Sáng ngày 3-2, hơn 3.000 quần chúng bùng bùng khí thế tiến vào quận lỵ. Đêm 3-2, lực lượng vũ trang tập trung và du kích huyện Minh Long tiến công vào ấp Lạc Sơn, địch bỏ chạy, ta làm chủ mấy ngày liền.

Tại các huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Giá Vụt lực lượng vũ trang tuyên truyền phối hợp với du kích xã và lực lượng quần chúng ngay từ đêm 30 rạng ngày 31-1 đã tiến công vào huyện lỵ, làm chủ nhiều giờ. Địch phản ứng, đưa xe tăng và máy bay đến uy hiếp. Quân dân các huyện trên đánh trả quyết liệt, diệt hàng chục tên địch, phá hủy nhiều xe bọc thép, bắn rơi 1 máy bay HU1A.

Về công tác binh vận, Tỉnh ủy quyết định mở một đợt tấn công binh vận mạnh mẽ, đều khắp vào quân ngụy. Trong đợt hoạt động này ta đã gửi 715 lá thư cho binh sĩ ngụy, phát 54.258 tờ truyền đơn, 2.161 tờ áp phích, 100 khẩu hiệu, gọi loa vào đồn địch 370 lần. Tất cả những hình thức trên đã có tác dụng làm rõ ngũ 1.773 lính ngụy các loại, đào ngũ tập thể 16 đại đội, 2 đại đội tân binh ở trại Hoa Lư, 9 đại đội học sinh đang tập quân sự để đổi quân, 1 đại đội phòng vệ dân sự, 1 đại đội thanh niên tân trang, 16 đại đội dân vệ, 3 đoàn bình định nông thôn. Ta xây dựng nhiều cơ sở nội tuyến, làm binh biến 20 vụ, diệt 43 tên ác ôn, làm bị thương 23 tên khác. Một số binh sĩ ngụy dẫn đường cho lực lượng vũ trang của ta đánh các khu đồn, phá ấp chiến lược.

Khu ủy V đã đánh giá cao về công tác binh vận của Quảng Ngãi trong đợt Tết Mậu Thân: "Quảng Ngãi năm 1967, có 2.400 lính rã ngũ, thì trong đợt Tổng tiến công đã có 10 vụ binh biến, có 625 lính rã ngũ lẻ tẻ, 27 trung đội dân vệ và 1 đại đội bảo an tan rã gọn"¹.

Kết quả trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân Quảng Ngãi đã chiến đấu dũng cảm, loại khỏi vòng chiến đấu 4.025 tên Mỹ - ngụy, bắt sống 482 tên, phá hủy 88 xe quân sự, bắn rơi và cháy 34 máy bay, phá hủy 18 khẩu pháo, đốt cháy 4 kho xăng, phá hủy 1 kho vũ khí, đánh sập 15 cầu, 8 cống, nhiều công sự, tiến công hầu hết các mục tiêu quân sự và các cơ quan đầu não của địch ở quận lỵ, thị xã, thị trấn; làm rối loạn toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch. Bộ máy ngụy quyền nhiều nơi tan rã, một số tên đầu sỏ cấp quận, cấp tỉnh phải bỏ chạy ra Chu Lai và đảo Lý Sơn để trốn; hơn dân vệ, nghĩa quân bị phá rã và đào ngũ hàng loạt; quân bảo an ở các đồn bỏ chạy; quân chủ lực ngụy phải lui về phòng thủ trong các trụ sở ở thị xã, thị trấn. Đại bộ phận nông thôn đồng bằng hoàn toàn giải phóng và nối liền với miền núi. Phong trào cách mạng ở thị xã phát triển mạnh, ta nắm được nhiều nơi, xây dựng thành căn cứ lõm bên trong thị xã.

Song do chấp hành đúng quy định của trên, yếu tố bất ngờ không còn vì nhiều thành phố, tỉnh lỵ trên toàn miền

1. Báo cáo của Khu ủy V tại hội nghị tổng kết công tác binh vận từ 30-4-1968 đến 2-5-1968.

Nam đã tiến công từ đêm trước¹, sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang và lực lượng quần chúng chưa thật chặt chẽ, đòn tiến công quân sự ở các trọng điểm chưa đủ sức đè bẹp lực lượng địch để tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy, một số nơi còn chủ quan, đơn giản một chiều, chỉ thấy mặt thuận lợi mà ít dự kiến được những tình huống xấu có thể xảy ra cho nên khi ngày N và giờ G thay đổi, không dám báo cáo xin ý kiến cấp trên để có sự điều chỉnh ngay việc bố trí lực lượng và phương pháp tác chiến, vẫn nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương "đánh chiếm và trụ chốt" nên lực lượng ta bị tổn thất. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân ở Quảng Ngãi đã góp phần cùng toàn miền làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải từ bỏ chiến lược "tim diệt" thay bằng chiến lược "quét và giữ", từng bước thực hiện "phi Mỹ hóa chiến tranh", giảm dần sự dính líu trên bộ của Mỹ ở miền Nam. Tuy nhiên đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục tăng quân, mở các cuộc càn quét nhằm mục đích "quét" vòng ngoài và "giữ" vòng trong, nghĩa là bảo vệ các đô thị lớn, thị xã, thị trấn, các căn cứ lớn và các trục giao thông chiến lược quan trọng. Chúng bỏ một số đồn bót ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa

1. "Giữa lúc đó, Quân khu nhận được lệnh lui thời gian nổ súng lại một ngày để phối hợp toàn miền.

Theo lệnh của Bộ Tổng Tham mưu, ngày N là đêm giao thừa. Năm đó, chính phủ ta đổi lịch theo múi giờ Hà Nội, nên đêm giao thừa giữa miền Bắc và miền Nam cách nhau một ngày. Vì vậy có địa phương nổ súng theo giao thừa miền Nam. Phát hiện tình hình này, Bộ Tổng Tham mưu lệnh cho các địa phương nổ súng trước lùi lại cho thống nhất.

Tuy nhiên, nhiều đơn vị đã triển khai lực lượng, không có cách gì hoãn được, nên xin được nổ súng". Trích: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập II, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, 1989, tr. 335.

Hành. Quân số địch trên chiến trường Quảng Ngãi giảm đi nhiều. So với năm 1967 quân Mỹ giảm từ 2 đến 3 tiểu đoàn, quân ngụy giảm 2 tiểu đoàn và nhiều đoàn binh định. Đồn bót và các cứ điểm từ 130 nay chỉ còn 87 đồn, trong đó có 15 cứ điểm của Mỹ. Quân địch cố thủ bên trong thị xã khi cần chúng nổ súng ra bên ngoài để tạo thành vành đai trắng xung quanh thị xã. Chúng mở các cuộc hành quân càn quét, đánh phá các hành lang và bàn đạp của ta nhằm ngăn chặn ta tiến công vào các căn cứ của chúng ở thị xã, thị trấn và cả vùng ven.

Trong cuộc hành quân giải tỏa vùng ven thị xã Quảng Ngãi ngày 16-3-1968, sư đoàn Américôn Mỹ đã gây ra cuộc thảm sát Sơn Mỹ, giết chết một lúc 504 đồng bào ta, trong đó phần lớn là phụ nữ và trẻ em.

Đây là một cuộc tàn sát đẫm máu, mà nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Quảng Ngãi nói riêng không bao giờ quên mối thù này.

Ngày 24-4-1968, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương họp nhận định về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và đề ra phương hướng và nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam trong thời gian tới. Bộ Chính trị chủ trương: "động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phát huy khí thế chiến thắng, tiếp tục phát triển tiến công toàn diện giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa, nhanh chóng mở rộng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của cách mạng, càng đánh càng mạnh, đẩy kẻ địch vào thế thất bại liên tiếp, ngày càng suy yếu, tan rã không sao gượng dậy được, nhằm đi tới giành thắng lợi quyết định".

Bộ Chính trị nêu rõ yêu cầu đợt hai Tổng tiến công và nổi dậy là liên tục tiến công vào các đô thị, tạo ra sự khủng hoảng thường xuyên của địch ở những nơi đó, tiếp

tục đánh mạnh vào nguy quân, nguy quyền, gây cho chúng thiệt hại nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, thiết lập và củng cố chính quyền cách mạng trên toàn bộ nông thôn ở miền Nam.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Thường vụ Khu ủy, Đảng ủy Bộ tư lệnh quân khu, Đảng ủy, Ban chỉ huy Mặt trận Quảng Ngãi đã khẩn trương triển khai một số công việc cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đợt 2 và 3 (tức chiến dịch Hè - Thu năm 1968).

Yêu cầu của đợt tiến công này là: tiếp tục tập trung lực lượng tiến công vào thị xã, thị trấn, quận lỵ, đánh nát cho được một số mục tiêu quan trọng thuộc các cơ quan đầu não của Mỹ - nguy, tiêu diệt bọn ác ôn, cảnh sát, binh lính, gián điệp, chiếm lĩnh chốt lại một số nơi, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy khởi nghĩa phá ấp kìm kẹp, diệt ác ôn, giành quyền làm chủ, giải phóng toàn bộ vùng ven phụ cận nông thôn sát thị xã, quận lỵ, phá toàn bộ các khu đồn, khu tập trung; đánh phá một số cầu lớn như Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu và các cầu quan trọng khác trên đường từ Bình Sơn đến Đức Phổ; chiếm lĩnh các đoạn đường giao thông từ Bình Liên đi Châu Ổ, từ quận lỵ Sơn Tịnh đi Quán Cơm, từ quận lỵ Tư Nghĩa đi Sông Vệ, từ quận lỵ Đức Phổ đi Sa Huỳnh; liên tục phá đường đánh quân tiếp viện, triệt đường tiếp tế, gây cho địch khốn quân; đẩy mạnh ba mũi giáp công, hoạt động mạnh ở nông thôn và vùng phụ cận, diệt ác trừ gian, quét sạch nguy tề thôn xã, phát động quần chúng nổi dậy, bức hàng bức rút một số vị trí của địch ở quận lỵ, thị xã, tiến tới thành lập chính quyền cách mạng ở những vùng giải phóng.

Đảng ủy và Ban chỉ huy chiến dịch được thành lập. Đảng ủy chiến dịch chịu trách nhiệm trước Khu ủy và

Quân khu ủy, lãnh đạo mọi hoạt động của chiến dịch. Đảng ủy chiến dịch gồm 11 đồng chí, do đồng chí Phạm Thanh Biên, Khu ủy viên, làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Nam Khánh, Chính ủy sư đoàn làm Phó bí thư; đồng chí Khương (tức Lư Giang) Tư lệnh sư đoàn, thường vụ; đồng chí Quang, (Huỳnh Ngọc Anh) Phó tư lệnh, thường vụ; đồng chí Nguyễn Chúc, Chính trị viên Tỉnh đội, thường vụ. Các đồng chí Văn, Chín, Nam, Đức và 12 đồng chí khác là đảng ủy viên.

Ban chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí:

- Đồng chí Khương, Chỉ huy trưởng.
- Đồng chí Biên, Chính ủy.
- Đồng chí Khánh, Phó chính ủy.
- Đồng chí Quang, Chỉ huy phó.

Hồi 0 giờ 55 ngày 5-5-1968, tiếng súng đợt 2 Tổng công kích, tổng khởi nghĩa đã nổ ra khắp các chiến trường ở miền Nam Việt Nam.

Tại Quảng Ngãi, quân và dân ta thể hiện tinh thần "Thừa thắng xông lên, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy". Mở đầu chiến dịch các đại đội đặc công tinh và lực lượng vũ trang thị xã đã đánh vào Tiểu khu Quảng Ngãi diệt 1 đại đội cộng hòa, 2 đại đội bảo an, liên tiếp mở các đợt tiến công vào các vị trí địch ở thị xã như khu Chấn Ký, ga Ông Bó, đã thực hiện ba mũi giáp công, đánh bại nhiều cuộc phản kích của địch, tiêu diệt nhiều giặc Mỹ trả thù cho đồng bào ta bị chúng thảm sát ở Sơn Mỹ và nhiều nơi khác.

Tiểu đoàn 48 cùng lực lượng vũ trang và du kích Bình Sơn, Sơn Tịnh tiến công vào quận lỵ, cắt đứt giao thông quốc lộ 1 gây cho địch nhiều khó khăn tiếp tế và vận chuyển. Nhưng tiếng súng tiến công đợt 2 ở Quảng Ngãi

chỉ lộ lên được một thời gian rồi lắng xuống. Mỹ - ngụy ra sức thực hiện chiến lược "quét và giữ" và tăng cường đánh phá, lập các vành đai trắng ở ven.

Toàn chiến trường miền Nam lúc này chỉ còn ở Đường 9-Khe Sanh, cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn và rất quyết liệt. Quân địch đã sử dụng một khối lượng rất lớn bom đạn đánh vào Khe Sanh, nhằm cứu nguy cho lực lượng Mỹ đang bị bao vây ở Tà Cơn. Nhưng rồi ngày 26-6 Mỹ phải rút khỏi Khe Sanh. Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh kết thúc, đồng thời cũng kết thúc đợt 2 Tổng công kích, tổng tiến công và nổi dậy.

Sau gần một tháng tiến công và nổi dậy, quân và dân ta ở miền Nam, trong đó có quân dân Quảng Ngãi, đã gây cho địch những thiệt hại nặng nề về sinh lực, phương tiện chiến tranh, đánh một đòn mạnh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm mâu thuẫn trong hàng ngũ của chúng nặng thêm.

Tháng 8-1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đánh giá tình hình trong hai đợt tổng tiến công và nổi dậy vừa qua. Bộ Chính trị khẳng định, ta đã mở ra cục diện mới của chiến tranh, tạo ra thế chiến lược mới, mặt trận mới, lực lượng mới, khả năng mới. Ta đang ở thế thắng, thế mạnh và có đủ lực lượng để thực hiện quyết tâm đánh thắng Mỹ trong bất kỳ tình huống chiến tranh nào. Còn địch đang lúng túng không xác định được ý đồ và chủ trương chiến lược. Chỗ yếu cơ bản của địch là sự sa sút về tinh thần, sự cô lập về chính trị, tư tưởng bị quan lo lắng thất bại ngày càng phát triển.

Sau khi phân tích những âm mưu và thủ đoạn mới của địch về quân sự, chính trị và ngoại giao, Bộ Chính trị chủ trương tiếp tục đẩy mạnh Tổng công kích, tổng khởi nghĩa đợt 3, nhằm làm cho địch thất bại trên chiến trường, thất

bại ở các thành thị lớn và thất bại ở ngay nước Mỹ. Đòn tiến công chính hướng vào các thành thị lớn; mặt trận nông thôn là chiến trường quan trọng; Sài Gòn, Gia Định và miền Đông Nam Bộ được xác định là chiến trường trọng điểm, các địa phương khác là chiến trường phối hợp.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy và Ban chỉ huy Mặt trận Quảng Ngãi đã họp rút kinh nghiệm các đợt tổng tiến công trước và đề ra kế hoạch thực hiện đợt 3 Tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Thường vụ Tỉnh ủy cho rằng với khí thế thừa thắng xông lên, liên tục tiến công và liên tục nổi dậy, ta vẫn tiếp tục chủ động tiến công địch ở chiến trường chính, làm cho hậu phương địch không ổn định, tư tưởng địch hoang mang dao động, tinh thần địch mệt mỏi sa sút, chính quyền địch rệu rã, nội bộ địch mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ta vẫn duy trì được khí thế quần chúng bên trong, giữ được thế ở vùng phụ cận, phong trào cách mạng ở thị xã, quận lỵ, thị trấn được duy trì và có phát triển. Tuy nhiên, thực lực cách mạng bên trong vùng phụ cận trực giao thông còn ít và quá yếu; tổ chức bộ máy lãnh đạo hệ thống đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu. Phong trào du kích chiến tranh phát triển chậm, chưa phối hợp chặt chẽ giữa ba mũi giáp công, giữa thị xã với các quận lỵ, thị trấn, giữa đô thị với vùng nông thôn giải phóng; việc phá kim giành dân vùng nông thôn phụ cận thì làm quá chậm, đánh hậu cứ, giao thông, kho tàng chưa mạnh. Do đó địch có điều kiện nổi lại giao thông, tăng cường phòng thủ đô thị, đưa chiến tranh ra vùng nông thôn giải phóng.

Về vấn đề tư tưởng, hội nghị cho rằng việc giải quyết tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quân đội chưa sâu, nên

quyết tâm xấp vào, trụ bám ở chiến trường chưa cao; phát động tư tưởng quần chúng bên trong chưa mạnh, chưa sâu nên chưa có phong trào nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng bên trong, chưa gây được khí thế mới trong đô thị.

Để khắc phục những khuyết nhược điểm trên, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương trong đợt 3 Tổng tiến công và nổi dậy phải đạt được các yêu cầu và có sự chuẩn bị chu đáo hơn:

- Trong nội bộ Đảng phải học tập và thống nhất mọi chủ trương kế hoạch của Ban chỉ đạo chiến dịch.

- Bộ đội, đoàn viên đội công tác, cơ sở bên trong phải phát huy kết quả chỉnh huấn, học tập kinh nghiệm nổi dậy của các địa phương bạn, phải có dự kiến kế hoạch hoạt động ở từng địa phương, đơn vị để mọi cán bộ, chiến sĩ bàn bạc thống nhất. Phải làm cho mọi người thấy rõ thế địch, thế ta, thấy được phương hướng, yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, thấy rõ quyết tâm chiến lược và ý đồ chỉ đạo của Đảng; trên cơ sở đó mà xây dựng lòng quyết tâm chiến đấu và niềm tin quyết chiến và quyết thắng.

- Đối với quần chúng bên trong, phải làm cho họ thấy được thế yếu, thế thua của Mỹ - ngụy; thế mạnh, thế thắng của cách mạng, thấy rõ thời cơ và nghĩa vụ giành chính quyền về tay nhân dân. Đồng thời, ta cần phát động tư tưởng quần chúng, mở đợt diệt ác trừ gian, phá thế kìm kẹp của địch, nổi dậy đào công sự, rào làng chiến đấu, giúp đỡ quân giải phóng đánh địch.

- Về chuẩn bị lực lượng, từ tỉnh đến huyện, thị xã, thị trấn phải thành lập Ban chỉ đạo tiền phương, Ban chỉ huy trọng điểm, lập các đoàn cán bộ vận động quần chúng nổi

dậy đấu tranh ở thị trấn, vùng phụ cận và các khu đồn tập trung đông dân.

- Lực lượng quân sự phải lo bổ sung quân số chuẩn bị lực lượng dự bị, trang bị vũ khí, đưa vũ khí vào bên trong, chuẩn bị lương thực, tập trung vào trọng điểm.

Ngoài ra, cần chuẩn bị lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận, chuẩn bị hành lang, bàn đạp và lập ra các phương án chiến đấu.

Thường vụ Tỉnh ủy đặc biệt lưu ý các cấp, các ngành trong công tác chỉ đạo cần nắm vững mấy nguyên tắc:

- Tiếp tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công bằng hai chân, ba mũi giáp công, là phương châm bất di bất dịch trong giai đoạn chót của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Tập trung trọng điểm, nhưng không được xem nhẹ nơi khác.

- Kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, giữa ba mũi giáp công, giữa ba vùng chiến lược.

Đợt 3 Tổng công kích, tổng khởi nghĩa và nổi dậy (tức là chiến dịch Thu năm 1968) bắt đầu từ đêm 22-8-1968.

Chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của Ban chỉ huy chiến dịch, đêm 22-8-1968, quân và dân Quảng Ngãi đã đồng loạt nổ súng vào 55 mục tiêu của địch ở khắp các địa phương trong tỉnh, đã gây cho địch nhiều thiệt hại nặng, đã thu được những thắng lợi to lớn và toàn diện, được Khu ủy và Quân khu điện khen: là một tỉnh hoạt động xuất sắc trong những tỉnh xuất sắc của toàn Khu.

Chỉ tính trong những ngày đầu của đợt 3 ta đã loại ra

khởi vòng chiến đấu 3.008 tên địch, trong đó có 736 tên Mỹ, bắt sống 120 tên, phá hủy và bắn cháy 25 xe bọc thép, phá sập 11 cầu, đào được 27 hố chống tăng ở quốc lộ 1, làm chủ được nhiều đoạn đường, bắn rơi 7 máy bay, thu được 124 súng các loại, tiêu diệt 9 cứ điểm, bức rút 2 đồn, làm chủ 16 xã và 10 thôn. Quân chúng ở các vùng ven, phụ cận, trong thị xã, thị trấn đã nổi dậy cùng lực lượng du kích đột phá áp chiến lược, khu định cư đưa quần chúng trở về quê cũ.

Cùng với việc tiêu diệt địch ở phía trước, ở tuyến sau ta phát động quần chúng nổi dậy hỗ trợ đắc lực cho lực lượng vũ trang chiến đấu. Tinh thần bám trụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, dân quân du kích có chuyển biến tốt. Mặc dù nhiều cơ sở bị đánh phá ác liệt, nhưng nhân dân vẫn bám trụ, bám đất, giữ làng đấu tranh trực diện với quân thù. Toàn tỉnh đã có 107 xã chính thức bầu cử xong Hội đồng nhân dân giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng. Có 5 huyện đã bầu cử xong Hội đồng nhân dân giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng huyện. Nhân dân ở các huyện Sơn Tịnh, Sơn Hà, Ba Tư, Trà Bồng, Giá Vụt hăng hái tham gia bầu cử, có nơi nhân dân đi tham gia bầu cử đến 95%, 98% số cử tri.

Ở các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, nhân dân đã phát hiện cho chính quyền cách mạng bắt giữ 81 tên gián điệp, ác ôn làm tay sai cho địch. Nhân dân nhiều huyện đã tích cực thu mua lương thực cung cấp cho tiền tuyến. Trong tháng 8, nhân dân Sơn Tịnh, Tư Nghĩa đã mua được 135 tấn lương thực để cung cấp cho bộ đội. Có những vùng bị địch đánh phá ác liệt, nhân dân vẫn hăng hái, vượt qua bom đạn phục vụ tiền tuyến, như khiêng tải thương bệnh

binh, vận động nhân dân đóng góp tiền để mua lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến trường.

Phong trào tòng quân nhập ngũ, đi dân công tiếp vận đã thực hiện tốt, đã có 301 thanh niên lên đường nhập ngũ và 1.603 người đi tham gia phục vụ chiến trường. Đồng bào Trà Bồng sẵn sàng tạo mọi phương tiện, góp hết tài sản của mình để phục vụ cho bộ đội hành quân giết giặc. Đồng bào Bình Sơn tập nập lên đường phục vụ chiến trường. Trên dọc sông Trà Khúc có những đoàn ghe chèo sẵn để chở thương binh từ tiền tuyến về hậu phương. Các mẹ chiến sĩ đã mua sẵn hàng trăm hộp sữa để bồi dưỡng cho thương binh.

Quân ngụy bị đánh tan tác, nhiều đơn vị bị xóa sổ. Trung đoàn 4 ngụy mất sức chiến đấu nặng, 2 tiểu đoàn của trung đoàn 6 và 1 tiểu đoàn của trung đoàn 5 bị đánh thiệt hại nặng, 3 tiểu đoàn bị tiêu diệt hoàn toàn. Lữ đoàn 198 Mỹ bị thiệt hại nặng, Lữ đoàn 11 Mỹ bị đánh tan tác ngay trong công sự kiên cố. Sư đoàn Amêricôn Mỹ sức chiến đấu bị giảm sút nặng; các lực lượng ứng cứu không còn phát huy được sức chiến đấu.

Lực lượng phòng thủ, bình định mất tác dụng và tan rã. Lực lượng kim kẹp xã thôn bị tiêu diệt và tan rã; lực lượng lính Hre bị tiêu diệt một số, số còn lại mất tinh thần chiến đấu.

Nhìn chung, trong đợt 3 Tổng tiến công, tổng khởi nghĩa và nổi dậy ở chiến trường Quảng Ngãi ta đã thu được thắng lợi to lớn và toàn diện, ở thế thắng, chủ động tiến công, thế hơn hẳn địch, còn địch ở thế bị động, thế thua, chỉ còn biết dựa vào phi pháo.

Tháng 9-1968, đợt 3 Tổng công kích, tổng khởi nghĩa kết thúc.

Sau ba đợt Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân Quảng Ngãi, mặc dù địch bị tổn thất nặng nề, nhưng về cơ cấu tổ chức ngụy quân, ngụy quyền chưa bị tan rã và đảo lộn. Chính quyền ngụy ở tỉnh, huyện cơ bản vẫn còn, vì vậy địch có điều kiện để củng cố và tăng cường lực lượng, liên tiếp phản kích, đẩy lùi quân chủ lực của ta ra khỏi các thị xã, thị trấn và quận lỵ của chúng. Ta tuy thắng lợi lớn, nhưng lực lượng cũng bị tổn thất nặng nề, chưa kịp bổ sung. Hơn nữa, ta lại đang đứng trước những khó khăn về vật chất và nhân lực. Ở nông thôn đồng bằng và rừng núi, trong một thời gian dài ta để hở, tập trung vào thị xã, thị trấn, nên địch lợi dụng tình huống này tiến hành "binh định cấp tốc" tiếp tục càn quét, rải chất độc hóa học và dùng phi pháo bắn phá liên tục tranh giành quyết liệt với ta ở những vùng chúng vừa bị mất.

Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng mới cho phong trào cách mạng của tỉnh trong thời gian tới, từ ngày 27 đến 30-10-1968, Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ III đã khai mạc tại Sơn Linh, Sơn Hà. Về dự Đại hội có 72 đại biểu chính thức, thay mặt cho 8.905 đảng viên trong toàn tỉnh.

Đại hội đã nghe báo cáo kiểm điểm sâu sắc các mặt công tác của Tỉnh ủy từ sau Đại hội lần thứ II (1-1965), đánh giá những thắng lợi đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là những thắng lợi giành được trong các chiến dịch phản công hai mùa khô (1965-1966), (1966-1967) và Tổng tiến

công và nổi dậy Tết Mậu Thân, đánh bại kế hoạch "Tìm diệt và bình định" của địch, giành giữ dân, mở rộng vùng giải phóng, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

Về Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Đại hội cho rằng, dưới sự lãnh đạo kịp thời và cụ thể của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi đã phối hợp nhịp nhàng, nổ súng đồng loạt tiêu diệt nhiều sinh lực địch, kết hợp ba thứ quân, ba mũi giáp công tiến công và nổi dậy liên tục khắp ba vùng, trọng điểm là thị xã, thị trấn, làm cho lực lượng phòng thủ của địch bị chọc thủng và mất sức, lực lượng kìm kẹp bên dưới tan rã từng mảng, thế và lực có lợi cho ta, âm mưu củng cố nguy quân, nguy quyền của địch đều thất bại thảm hại.

Mặc dù ta có đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, diệt nhiều bọn ác ôn đầu sỏ, nhưng hoạt động du kích còn yếu chưa hỗ trợ vững chắc cho quân chúng nổi dậy, chưa tiêu diệt gọn được nhiều đại đội, tiểu đoàn nguy, phong trào du kích chiến tranh phát triển không đều, lực lượng ta tổn thất nặng, quân số giảm sút.

Về đấu tranh chính trị và vũ trang khởi nghĩa, Đại hội đã khẳng định, trong những ngày Tổng tiến công và nổi dậy, quần chúng ở đồng bằng và miền núi rầm rộ xuống đường với khí thế bùng bùng khởi nghĩa. Mặc dù những ngày nổi dậy, tuy chưa đạt được mục tiêu, nhưng quần chúng đã trực tiếp đấu tranh, tiến công chính trị, giữ được quan hệ bình thường giữa hai vùng. Các cuộc đấu tranh quyết liệt của quần chúng chống đồn dân, đốt nhà đã thu được thắng lợi đáng kể. Từ thực tế đó Đại hội khẳng định,

trước kẻ thù dù hung bạo đến mấy, nếu Đảng biết phát động thì quần chúng sẽ bất chấp mọi cường bạo, quyết xông lên làm cho kẻ thù phải khiếp sợ.

Về công tác binh dịch vận, Đại hội cho rằng, nguy quân dã hoang mang dao động nặng, đã có trên hàng trăm binh sĩ nguy bỏ hàng ngũ, mang vũ khí về với nhân dân. Nhưng thực tế việc rã ngũ còn thấp, binh biến với khởi nghĩa chưa thực hiện được, chưa kết hợp giữa binh biến với khởi nghĩa, binh biến với tác chiến, cơ sở bên trong chưa mạnh nên không dám hành động, cán bộ binh vận chưa có kế hoạch cụ thể để toàn dân làm công tác binh vận.

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội đã nêu rõ vai trò, vị trí của tổ chức Đảng cơ sở có tầm quan trọng đặc biệt trong giai đoạn chiến tranh ác liệt và phức tạp như hiện nay. Vì vậy, việc xây dựng Đảng và phát triển Đảng đã được các cấp ủy Đảng quan tâm chú ý hơn trước. Tuy nhiên, công tác phát triển chưa gắn chặt với các phong trào, với các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng. Vì vậy, tỷ lệ phát triển Đảng còn chậm so với phong trào phát triển của các địa phương, không bù được số đảng viên đã hy sinh, hoặc bị xử lý kỷ luật. Số đảng viên hợp pháp quá ít, đào tạo, bồi dưỡng không đáp ứng kịp với yêu cầu của cách mạng.

Sau bốn ngày làm việc khẩn trương, Đại hội đã ra Nghị quyết đề ra phương hướng và nhiệm vụ sắp tới.

Nghị quyết khẳng định:

"Ra sức phát huy thắng lợi, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, nỗ lực xây dựng thực lực về mọi mặt ở cả ba vùng, đặc biệt chú trọng phong trào và xây dựng cơ sở bên

trong thị xã, quận lỵ, thị trấn, vùng ven, khẩn trương xây dựng vùng mới mở ra, giữ vững hàng lang, bàn đạp, mở rộng thế làm chủ, hình thành thế trận vững chắc, bao vây tiến công toàn diện, liên tục, mạnh mẽ đối với chiến trường trọng điểm, đẩy địch vào thế bị động, cùng cực, nhanh chóng phát huy thế và lực của ta, để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng toàn bộ nông thôn, thực hiện làm chủ từng bước và khi có thời cơ tiến tới giải phóng thị xã, quận lỵ, thị trấn, cùng toàn khu, toàn miền giành thắng lợi quyết định, bảo đảm thắng lợi trong mọi tình huống, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"¹.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trên mọi lĩnh vực, Nghị quyết khẳng định, phải đặt công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng lên hàng đầu, coi trọng công tác xây dựng Đảng cả về tư tưởng và tổ chức và nâng cao trình độ lãnh đạo của các cấp ủy.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III, gồm 29 đồng chí², do đồng chí Phạm Thanh Biên (tức Phạm Xuân Thường), Khu ủy viên, làm Bí thư, đồng chí Trần Vỹ, Phó bí thư, đồng chí Đỗ Ngọc Hoa (tức Việt Thanh), Phó bí thư, đồng chí Đinh Mười (tức Mô), Phó bí thư.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ III của Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi (10-1968). Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ có 29 đồng chí trong đó có 26 chính thức, 3 dự khuyết.

dân để quán triệt Nghị quyết Đại hội và xây dựng kế hoạch, quyết tâm đánh bại mọi chủ trương bình định của địch; kiên quyết giữ vững đấu tranh trực diện, tiến công vào đồn bót địch, đấu tranh chống khủng bố, tố cáo tội ác, đòi bồi thường cho dân những gì địch gây ra, hỗ trợ cho bên trong nổi dậy, tạo điều kiện cho nông thôn khởi nghĩa, làm cho địch khủng hoảng, rối loạn, tạo khí thế cho phong trào cách mạng của tỉnh tiến lên.

Lực lượng vũ trang vừa đấu tranh liên tục, quyết liệt, vừa xây dựng củng cố đội ngũ theo hướng tinh gọn, tăng thành phần chiến đấu, giảm bớt biên chế cơ quan, tăng lực lượng địa phương, phát triển lực lượng đặc công, tinh nhuệ hóa các đơn vị chủ lực. Bộ đội địa phương và dân quân du kích được xây dựng và củng cố lại, để đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, công tác phát triển Đảng được các cấp ủy rất chú trọng. Những cán bộ, chiến sĩ ưu tú, đã qua thử thách trong chiến đấu, đều được học các lớp đối tượng và được xét kết nạp vào Đảng. Tính đến cuối năm 1968, toàn tỉnh đã kết nạp được 3.449 đảng viên mới; có 50% chi bộ đạt danh hiệu chi bộ 4 tốt, số chi bộ yếu kém giảm đi nhiều. Thi hành kỷ luật 237 đồng chí, trong đó 159 đồng chí khai trừ vĩnh viễn vì bỏ trách nhiệm và xin ra khỏi Đảng, 34 đồng chí lưu Đảng.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng có nơi chưa gắn chặt việc xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị, nên nhiều khi chạy theo công tác đột xuất, mà xem nhẹ công tác xây dựng Đảng.

Sau Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ta đã giữ

vững và bảo vệ vùng giải phóng, thu hẹp phạm vi vùng kiểm soát của địch, đưa vòng vây và thế tiến công của ta vào sát thị xã, thị trấn. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp. Hội đồng nhân dân giải phóng là cơ quan có quyền lực cao nhất của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Ngày 20-12-1968, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi đã được thành lập, gồm 9 ủy viên¹. Đồng chí Phạm Thanh Biên, Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy, làm Chủ tịch; đồng chí Đinh Mười (Mô), Phó bí thư Tỉnh ủy, làm Phó chủ tịch; đồng chí Đoàn Nhật Nam (tức Nguyễn Lương), Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, làm Phó chủ tịch. Đồng chí Phạm Thanh Biên thay mặt Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh tuyên bố xóa bỏ chính quyền ngụy, kêu gọi nhân dân trong tỉnh đoàn kết, quyết tâm đánh đổ Mỹ - ngụy, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước.

Sau khi Hội đồng nhân dân giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh ra đời, lần lượt ở các huyện, xã cũng thành lập chính quyền cách mạng. Tính đến cuối năm 1968, đã có 8 huyện bầu xong Hội đồng nhân dân giải

1. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi, gồm 9 ủy viên:

Phạm Thanh Biên tức Phạm Viết Thuật, Phạm Xuân Thường, Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy, làm Chủ tịch; Đinh Mười tức Đinh Mô, Trung Sơn, Phó bí thư Tỉnh ủy, làm Phó chủ tịch; Đoàn Nhật Nam tức Nguyễn Lương, Thường vụ Tỉnh ủy, làm Phó chủ tịch; Nguyễn Chúc, Nguyễn Nghĩa (Nhâm), Trần Đình Tiến, Lê Thị Thu Thảo, Lê Thị Mỹ Danh, Phạm Ngọc Cửu (dân tộc Cor) là ủy viên.

phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng và 128 xã trong tổng số 179 xã có chính quyền cách mạng. Đây là một sự kiện chính trị có ý nghĩa to lớn, là kết quả của bao nhiêu năm đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh, nhưng cũng rất dồi dào tự hào của mọi tầng lớp nhân dân Quảng Ngãi. Việc thành lập chính quyền cách mạng không chỉ động viên lòng tự hào và niềm tin thắng lợi cho nhân dân trong tỉnh, mà còn cổ vũ mạnh mẽ lòng tin tưởng, ý chí đấu tranh của nhân dân ở những vùng chưa được giải phóng.

Sau các đợt Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, tinh thần ngụy quân và ngụy quyền sa sút nghiêm trọng. Tâm lý thất bại, sợ chết, chán nản, mong chờ hòa bình ngày càng phát triển trong hàng ngũ địch. Tuy vậy địch vẫn tập trung quân càn quét đánh vào các vùng căn cứ và vùng ven để ngăn chặn các cuộc tiến công mới của ta vào thị xã, thị trấn. Ta đã chủ động đánh bại các cuộc càn "tim vũ khí" và âm mưu "giải tỏa Sơn Hà" của địch. Đồng thời ta phá tan được kế hoạch "khôi phục nông thôn", tiếp tục đẩy địch lún sâu vào thế phòng ngự bị động hơn nữa. Ta tiếp tục đánh tiêu hao sinh lực địch, phá được thế kim kẹp nông thôn, diệt số lớn ác ôn đầu sỏ, phá được âm mưu cướp lúa của địch. Ta chẳng những đã giữ vững được vùng mới mở ra, mà còn đột nhập sâu vào thị xã, thị trấn chiếm lĩnh được một số vùng mới. Sự nổi dậy của quần chúng bên trong vùng ven với chất lượng cao hơn, thể hiện hành động cách mạng mạnh mẽ kiên quyết của nhân dân.

Những thắng lợi to lớn, toàn diện của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã góp phần cùng với toàn miền làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ - ngụy, buộc chúng phải xuống

thang chiến tranh. Nhưng với bản chất hiếu chiến, lại có nhiều tiềm lực về kinh tế và quân sự, đế quốc Mỹ lại chủ trương kéo dài và mở rộng chiến tranh bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Thắng lợi của nhân dân ta làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Đây là thời kỳ đấu tranh gay go, ác liệt nhất, trải qua những thử thách lớn nhất và chịu nhiều tổn thất nặng nề nhất. Nhưng quân và dân Quảng Ngãi đã anh dũng chiến đấu và chiến thắng ngay từ đầu, khi quân Mỹ và chư hầu vừa đặt chân lên đất Quảng Ngãi kiên cường có truyền thống chống ngoại xâm.

Thắng lợi đó trước hết là sự quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quyết tâm đó đã biến thành sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Quảng Ngãi, đã nêu cao truyền thống chống ngoại xâm, tinh thần dũng cảm vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện phương châm: "Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới" đã liên tục tiến công, liên tục giành thắng lợi.

Trong lúc quân Mỹ ào ạt mở các cuộc phản công chiến lược hòng làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, quân và dân ta đã quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công và phương pháp cách mạng của Đảng, giải quyết được tư tưởng "sợ Mỹ và không dám đánh Mỹ", đã tìm cách đánh Mỹ và biết thắng Mỹ. Quân và dân Quảng Ngãi đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công chính trị, quân sự, binh vận, trên ba vùng chiến lược rừng núi, đồng bằng, thị xã, thị

trấn, đánh mạnh cả phía trước và phía sau, làm cho địch càng vào đông thì càng bị tiêu diệt nhiều.

Quân và dân Quảng Ngãi đã xây dựng làng xã chiến đấu, xây dựng vành đai diệt Mỹ ở đồng bằng, luôn luôn giữ thế tiến công địch, không cho địch đánh theo sở trường của chúng, buộc chúng phải đánh theo cách đánh do ta lựa chọn: bí mật, bất ngờ, đánh vào chỗ yếu, chỗ hiểm của địch, đánh giao thông, đánh ở các vành đai diệt Mỹ, đánh vào hậu cần, vào lực lượng dự trữ và sở chỉ huy của địch. Đồng thời quân và dân ta rất coi trọng công tác củng cố và xây dựng vùng giải phóng, phát huy vai trò và sức mạnh của hậu phương, là nơi cung cấp sức người, sức của phục vụ chiến trường, đồng thời làm thất bại kế hoạch bao vây, phá hoại kinh tế của địch.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công lớn, đánh vào các trung tâm sào huyệt Mỹ - ngụy. Quân và dân Quảng Ngãi cùng với quân và dân cả nước đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và đàm phán với ta tại Pari.

Chương VII

**CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC
"VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA
ĐẾ QUỐC MỸ (1969-1972)**

**I- ĐÁNH BẠI KẾ HOẠCH " BÌNH ĐỊNH LẤN CHIẾM",
GIÀNH VÀ GIỮ DÂN**

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán với ta.

Bị thất bại nặng nề về quân sự, Giôn-xơn đề ra chủ trương "phi Mỹ hóa" cuộc chiến tranh Việt Nam. Từ "tìm diệt và bình định" Mỹ phải chuyển sang "quét và giữ" để tránh cho quân Mỹ khỏi bị sụp đổ nhanh chóng.

Ngày 20-1-1969, Ních-xơn lên nhậm chức Tổng thống đã đề ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", là sự điều chỉnh chủ trương "phi Mỹ hóa" của Giôn-xơn.

Thực chất chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", là Mỹ tiếp tục sử dụng quân đội Mỹ để làm chỗ dựa cho học thuyết "dùng người Việt đánh người Việt" bằng tiền bạc, vũ khí đều do Mỹ cung cấp và chỉ huy để tránh mọi thiệt

hại về sinh mệnh của quân Mỹ. Mục tiêu cơ bản của chiến lược này là rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà vẫn giữ được chính quyền ngụy, vừa xuống thang chiến tranh, vừa phản công quyết liệt để chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đầu năm 1969, trên chiến trường Quảng Ngãi, Mỹ - ngụy tập trung toàn bộ lực lượng quân ngụy và quân Mỹ liên tiếp mở các cuộc hành quân "binh định nông thôn" lấn chiếm các vùng giải phóng của ta. Chúng coi "binh định" là quốc sách hàng đầu, là biện pháp quyết định thành bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Ở Quảng Ngãi, quân Mỹ có 2 lữ đoàn: Lữ đoàn 198 đóng ở Bình Sơn, Sơn Tịnh và Trà Bồng; Lữ đoàn 11 đóng ở Đức Phổ, Mộ Đức và Tư Nghĩa. Ngoài ra, có hàng chục tên cố vấn Mỹ ở các huyện miền núi và ở các trục giao thông quan trọng. Quân ngụy có 3 trung đoàn (4, 5, 6) thuộc sư đoàn 2, 2 chi đoàn xe thiết giáp, 1 tiểu đoàn pháo, 40 đại đội lính bảo an, gồm 3.500 tên, 151 trung đội nghĩa quân, dân vệ đóng đều khắp các huyện và thị xã Quảng Ngãi, 50 trung đội thanh niên chiến đấu, 10 đại đội biệt kích chủ yếu đóng ở các huyện miền núi, 63 đoàn binh định nông thôn, 7 trung đội đặc biệt, 6 trung đội thám báo. Tại thị xã Quảng Ngãi có 1 trung tâm huấn luyện, thường xuyên có từ 500 đến 700 lính đến đây học tập, rèn luyện về chiến đấu. Ngoài ra ở các huyện đều có 1 trung đội phòng vệ dân sự làm nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan ngụy.

Với lực lượng trên, ngay từ đầu năm 1969, địch tập

trung đánh phá vùng giáp ranh giữa miền núi và đồng bằng. Chúng dùng máy bay bắn phá khai quang các vùng đông Minh Long, bắc Trà Bồng, tây Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Đức Phổ. Chúng cho nhiều tốp máy bay B52 ném bom rải thảm ở các xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) Tịnh Đông, Tịnh Giang (Sơn Tịnh), Đức Phú (Mộ Đức) và các huyện Ba Tơ, Sơn Hà. Chúng đã biến các vùng giáp ranh thành vùng đất tro bụi và hoang vắng.

Ở vùng đồng bằng ven biển giữa hai huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh, ngày 13-1-1969, địch sử dụng 8.000 quân cơ động mở cuộc hành quân càn quét mang tên "Liên kết 9" đánh vào khu vực Ba Làng An gồm các xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Tân (Bình Sơn), Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê (Sơn Tịnh). Trong cuộc càn quét dã man này địch đã tàn sát 1.500 đồng bào ta, hòng uy hiếp tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.

Các cuộc càn quét diễn ra rất quyết liệt và liên tiếp, hết đợt này đến đợt khác. Quy mô các cuộc càn quét bình định được tăng cường từ cấp tiểu đoàn trở lên. Chúng cho xe cày ủi, phục kích các hành lang đi lại, đổ chụp quân nhanh, cho trực thăng, tàu rọ dùng đèn pha bắn phá ban đêm, cho máy bay dùng loa gọi chiêu hồi, tung tin thất thiệt gây hoang mang trong dân chúng. Chúng còn kích động bọn phản động trong Quốc dân Đảng, Cao đài chống phá ta, lập các tổ chức nghiệp đoàn "nhân dân tự kháng", "nông liên hội" để mua chuộc, lừa bịp nhân dân.

Địch còn tổ chức những cuộc càn quét đánh sâu vào các vùng căn cứ của ta với mưu đồ thâm độc bằng lực lượng lớn, càn quét kéo dài, gây mất ổn định cho nhân dân nhằm hỗ trợ cho việc bình định của chúng ở phía trước và ngăn chặn các cuộc tiến công của ta.

Chúng rải chất độc hóa học làm hủy hoại môi trường sống, hủy hoại hoa màu, phá hoại sản xuất của nhân dân. Hàng ngàn hécta lúa, ngô, sắn của nhân dân bị hư hại. Chúng phong tỏa ở các nơi thu mua, tiếp tế lương thực của ta, kiểm soát chặt chẽ các cửa ra vào áp chiến lược. Nhiều lần chúng cho biệt kích đánh úp các đội công tác, các tổ thu mua lương thực của đồng bào.

Chúng gom dân vào các khu đồn, áp chiến lược để kìm kẹp dân, lập nhiều lớp hàng rào, ra vào rất khó khăn. Dân đã vào áp chiến lược, chúng phân loại, tiến hành "thanh lọc" để phát hiện cơ sở cốt cán, gia đình có liên quan với cách mạng, có kế hoạch theo dõi và đối phó riêng. Tính đến tháng 6-1969, trên toàn tỉnh, địch đã lập được 39 khu đồn và 138 áp chiến lược, trong đó ở miền núi có 4 khu đồn và 15 áp chiến lược.

Ở vùng miền núi, địch vừa tăng cường các cuộc hành quân càn quét, vừa dùng máy bay, pháo binh bắn phá, tung biệt kích lùng sục, đốt phá kho tàng, nhà cửa, nương rẫy và chặn đường vận chuyển của ta.

Đi đôi với "binh định nông thôn", ở các thị xã, thị trấn địch củng cố lại hệ thống cai trị, chia lại các khu phố, ấp, khóm để dễ quản lý, mỗi liên gia có 5 gia đình, gọi là "ngũ gia liên bảo" để kiểm soát lẫn nhau. Đây là những thủ đoạn nham hiểm và xảo quyệt trong chính sách "binh định nông thôn" của Níchxơn.

Tất cả những việc làm của địch đã gây cho nhân dân ta nhiều tổn thất và khó khăn nhất định. Tư tưởng hữu khuynh, hoang mang dao động, ngại hy sinh gian khổ lại bắt đầu xuất hiện trong một số cán bộ, đảng viên.

Ngày 1-1-1969, trong Thư chúc Tết đầu xuân Kỷ Dậu, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân ta "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Tháng 4-1969, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân là "tiếp tục đẩy mạnh Tổng công kích, tổng khởi nghĩa", "phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ", đánh bại âm mưu kết thúc chiến tranh trên thế mạnh và chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch.

Cũng trong tháng 4, Khu ủy Khu V ra nghị quyết khẳng định: "Muốn đánh bại "Việt Nam hóa chiến tranh", trước hết phải đánh bại biện pháp chiến lược chủ yếu của địch là "bình định nông thôn".

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Khu ủy V, quân và dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, với quyết tâm "thừa thắng xông lên" giáng cho địch những đòn quyết liệt.

Ngày 13-1-1969, địch cho một tiểu đoàn lính cộng hòa và hai đại đội bảo an tiến vào xã Tịnh Khê, lũng sục vào các thôn Trường Định, Tư Cung, Mỹ Khê. Ngay từ đầu, chúng đã bị một đơn vị của tiểu đoàn 48 bộ đội tập trung phối hợp với du kích địa phương dựa vào làng chiến đấu, liên tục đánh diệt hơn 100 tên, bắn cháy xe bọc thép M.113. Tiếp đó, đêm 14-1, một lực lượng của tỉnh đã tập kích diệt gọn một trung đội Mỹ đóng quân tại chùa Đá Mọc. Sáng 16-1, quân Mỹ vây bắt nhân dân, bị tiểu đoàn 48 dùng hai đại đội chặn đánh diệt 1 đại đội. Tối 16-1, 8 chiến

sĩ của tiểu đoàn 83 tập kích bất ngờ một đơn vị quân Mỹ đóng ở Đá Dựng diệt hàng chục tên. Ngày 27-1, các đơn vị chủ lực của tỉnh đã tiến công vào một số vị trí quan trọng trên trục đường giao thông số 1 ở dọc theo các thị trấn Bình Sơn, Sơn Tịnh. Các đại đội đặc công 506A, 506B đã phối hợp với cơ sở bên trong đánh địch ở trung tâm thị xã Quảng Ngãi tiêu diệt nhiều tên ác ôn, cảnh sát, tập kích khu tỉnh đoàn bảo an.

Nhằm phá tan lực lượng địch, từ ngày 27 đến ngày 29-1-1969, được sự phối hợp của lực lượng vũ trang tỉnh, lực lượng vũ trang và du kích huyện Sơn Tịnh chặn đánh các cuộc càn quét "bình định thí điểm" của địch. Du kích Tịnh Ấn, Tịnh Thiện, Tịnh An đã tổ chức nhiều trận tập kích diệt hàng chục tên địch quanh khu đồn dân Văn Thánh, phối hợp với du kích mật diệt bọn ác ôn trong khu đồn, tạo thế cho nhân dân phá thế kìm kẹp, thoát khỏi khu đồn.

Quân và dân Quảng Ngãi đã nêu cao ý chí kiên cường, bất khuất, quyết tâm trả thù cho đồng bào bị chúng giết hại ở Ba Làng An, đã đánh bại hai cuộc càn quét lớn "Liên kết 9" và "Bình định trọng điểm" của 8.000 quân Mỹ - ngụy vào 6 xã: Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Bình Phú, Bình Châu và Bình Tân, diệt hơn 1.454 tên Mỹ - ngụy, diệt 5 trung đội Mỹ, một đại đội ngụy, đánh cháy và hỏng 17 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 7 máy bay trực thăng, thu nhiều vũ khí; hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, khu đồn dân, trở về quê cũ. Bước đầu kế hoạch "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch bị lung lay.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy V mở chiến dịch

Xuân 1969 từ ngày 22-2 đến ngày 31-3-1969, các lực lượng vũ trang trên chiến trường Quảng Ngãi đã tiến công đều khắp, pháo kích hàng chục mục tiêu của Mỹ - ngụy. Cứ điểm Gò Huỳnh bị ta tiến công diệt một đại đội bảo an ngụy cùng hàng chục tên cố vấn Mỹ. Các cứ điểm ở Núi Chóp, Đồi Tranh, Gò Da bị tiến công liên tục, thiệt hại nặng, 3 khẩu pháo 105 ly bị phá hủy và 80 tên Mỹ bị diệt. Các đại đội đặc công 506A, 506B tiến công vào tiểu khu Quảng Ngãi, khu cảnh sát, tinh đoàn bảo an, cơ quan tình báo Mỹ đã diệt nhiều tên Mỹ; 1 đại đội bảo an bị diệt gọn, quân ta làm chủ nhiều khu vực ở các cứ điểm trên.

Ở Đức Phổ đêm 25-2, 12 chiến sĩ đặc công thuộc trung đoàn 2 của sư đoàn 3 tập kích cứ điểm Xương Rồng diệt 105 tên Mỹ, sau đó các chiến sĩ đặc công lại đánh vào sở chỉ huy tiểu đoàn 3 lữ đoàn 11 thuộc sư đoàn Américơn đóng ở Gò Hội, diệt nhiều tên.

Cùng thời gian trên, du kích xã Phổ Vinh đã dùng chất nổ đánh vào khu hậu cần của Mỹ tại Núi Cửa, đốt cháy nhiều kho, phá hủy hàng chục tấn nhiên liệu, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề.

Ngày 26-2, đại đội 219 Đức Phổ đánh vào quận lỵ và doanh trại lính bảo an, diệt nhiều tên, một số nhà bị sụp. Các khu đồn dân ở Thạch Bi, Xóm Bảy, Chợ Cung, Mỹ Trang, Thanh Lâm, Trà Câu đều bị lực lượng vũ trang địa phương huyện và du kích tiến công đốt phá, tạo đà cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, thành lập chính quyền cách mạng ở những thôn, xã vừa được giải phóng.

Ở phía bắc thị xã Quảng Ngãi, tiểu đoàn 48 cùng với lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh tiến công cao điểm 102,

diệt nhiều tên địch. Tiểu đoàn 107 chặn đánh chi đội xe bọc thép trên đường đến chi viện cho Sơn Tịnh; tiểu đoàn 83 cùng với lực lượng vũ trang Bình Sơn pháo kích vào trận địa pháo Bình Liên; đại đội 75 và đại đội 21 đánh chìm một hải thuyền tại Cổ Lũy.

Có thể nói, trong các trận đánh của chiến dịch, sự phối hợp rất nhịp nhàng của ba thứ quân, hai lực lượng đánh địch tại chỗ, đánh quân càn quét bên ngoài, phục kích diệt xe cơ giới, pháo kích vào các mục tiêu địch, triệt phá đường giao thông, hạn chế việc chi viện đường bộ của địch, thực hiện việc chia cắt địch ra từng mảng, cô lập chúng từng vùng để tiêu diệt. Trong các trận đánh của bộ đội chủ lực đều có các tổ du kích, các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp chiến đấu rất có hiệu quả, xuất hiện nhiều gương chiến đấu dũng cảm, mưu trí như nữ chiến sĩ giao liên Nguyễn Thị Minh (Đức Phổ).

Bị tổn thất nặng nề, Tôn Thất Khiêm, tỉnh trưởng Quảng Ngãi phải ra lệnh rút bỏ nhiều đồn bót ở các quận lỵ để dồn lực lượng về bảo vệ thị xã và các tuyến giao thông ở quốc lộ 1.

Trước tình hình đó, từ ngày 5 đến 8-3-1969, Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng để xem xét tình hình và đề ra phương án mới ở chiến trường Quảng Ngãi.

Hội nghị cho rằng, trên chiến trường Quảng Ngãi ta đã thực hiện được kế hoạch chuẩn bị lực lượng và mở cuộc tiến công lớn đồng loạt phối hợp nhịp nhàng với toàn miền, toàn khu giành được thắng lợi rất to lớn. Ta đã đánh mạnh ở thị xã và đánh đều ở các quận lỵ thị trấn, nhất là các huyện đồng bằng, diệt một bộ phận sinh lực địch, một số

cơ quan đầu não, diệt nhiều bọn ác ôn quan trọng làm hậu phương địch rối loạn, tạo nhiều thuận lợi cho phong trào cách mạng các đô thị. Từ nhận định trên, Hội nghị khẳng định: "Thắng lợi lớn đầu xuân của tỉnh ta cùng với thế chiến thắng toàn miền và toàn khu tạo cho ta một thế mới rất quan trọng. Thắng lợi của ta có ý nghĩa rất lớn về chiến lược, làm cho địch bị động bất ngờ về chiến thuật"¹.

Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới là "ra sức tranh thủ thời gian nỗ lực gấp bội, khẩn trương đẩy mạnh các mặt hoạt động nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của chiến dịch; đẩy mạnh tiến công liên tục tiêu diệt nhiều sinh lực Mỹ - ngụy, tập trung sức diệt kẹp giành dân, mở rộng vùng giải phóng, vùng làm chủ (cả nông thôn và thành phố), đánh bại các cuộc phản kích của địch, đập tan kế hoạch "binh định cấp tốc", đưa đấu tranh chính trị, binh vận và phong trào thành phố lên một bước, xây dựng, củng cố hậu phương"².

Thực hiện nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban mặt trận và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi quyết tâm trả thù cho trên 400 đồng bào ta ở Ba Làng An bị giặc Mỹ - ngụy thả xuống biển ngày 10-3-1969, quân và dân hai huyện Sơn Tịnh và Bình Sơn đã biến đau thương thành sức mạnh, liên tục tiến công địch, nêu cao khẩu hiệu "Tìm Mỹ mà diệt, tìm ngụy mà đánh", đánh cả ngày, lẫn đêm, lót lại cũng đánh, bất cứ tình huống nào cũng đánh. Lực lượng vũ trang và

1, 2. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng họp từ ngày 5 đến 8-3-1969.

du kích liên tục tiến công vào khu đồn Văn Thánh, Tịnh Kỳ, đồi 102 (Thiên Ấn), đầu cầu Trường Xuân, ấp Ngọc Thạch (Sơn Tịnh). Mỗi trận đánh là một lần ghi thêm thành tích vẻ vang, trả thù cho đồng bào quê hương. Tính từ ngày 10-3 đến 30-3 quân và dân Bình Sơn, Sơn Tịnh đã đánh 20 trận vào 19 mục tiêu của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 899 tên địch, có 540 tên Mỹ, phá hủy 6 xe bọc thép, thu 43 súng các loại.

Với lòng căm thù cao độ, quyết tâm trả thù cho đồng bào ta, bộ đội địa phương và du kích Sơn Tịnh đã nêu cao tinh thần dũng cảm và mưu trí, đã đột nhập vào căn cứ địch ban đêm, vừa lốt lại, vừa phục kích ban ngày, tiêu diệt nhiều quân địch, không cho chúng trốn thoát. Ngày 19-3, đội công tác Tịnh Long lốt lại ban ngày diệt 3 ác ôn tại ấp An Lộc. Du kích Tịnh Ấn lốt lại xóm Mít, Trà Sơn diệt 4 tên nghĩa quân. Sáng ngày 24-3, du kích và lực lượng vũ trang Tịnh Khê đã phục kích một đại đội bảo an đi càn qua Tịnh Khê. Bị tiến công bất ngờ, địch không kịp đối phó. Ngay từ phút đầu địch đã bị tiêu diệt một số, hàng ngũ rối loạn. Một trung đội địch bị hỏa lực ta tiến công, phải chạy ra sông Mỹ Lai, nhằm lúc thủy triều lên, cả trung đội bị nhấn chìm xuống sông, không còn tên nào sống sót. Đêm 28-3, lực lượng vũ trang địa phương và du kích Sơn Tịnh đã bám sát địch, đánh trúng bọn binh định ác ôn, diệt trên 40 tên và thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Đây là những chiến công đầu của lực lượng vũ trang địa phương và du kích ở hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh quyết tâm trả thù cho đồng bào ở Ba Làng An bị Mỹ - ngụy giết hại. Quân và dân Quảng Ngãi tiếp tục bao vây

tiến công địch trên toàn chiến trường, đánh thiệt hại nặng quân Mỹ ở Đức Phổ, ở cứ điểm Núi Đất (Sơn Tịnh) diệt nhiều đại đội Mỹ. Ba thứ quân của ta trụ bám tốt, tiến công đồng loạt. Nhiều đơn vị biểu hiện quyết tâm cao, tiến công nhiều mục tiêu đã dự định, liên tục tác chiến, diệt gọn nhiều cứ điểm, nhiều đơn vị địch ở Tịnh Sơn, Tịnh Hà, làm cho quân Mỹ khiếp sợ phải bỏ nhiều căn cứ, rút chạy. Ta đánh thiệt hại nặng 2 khu đồn dân lớn là Bàu Giang - Đá Chẽ và Văn Thánh, diệt nhiều địch, bắt nhiều tên ác ôn, đưa được dân về vùng giải phóng.

Về đấu tranh chính trị và nổi dậy giành dân, ta vẫn tiếp tục giữ vững và củng cố thế đứng chân ở vùng mới giải phóng, mới làm chủ. Các lực lượng vũ trang, các đội công tác đều trụ bám trên địa bàn hoạt động, đã phát động quần chúng nổi dậy tham gia diệt ác phá kìm ủng hộ bộ đội, đóng góp gạo tiền, đi dân công tiếp vận. Ở đồng Tư Nghĩa, ta tổ chức quần chúng đồng khởi diệt ác phá kìm, phá giao thông, thanh niên rầm rộ xuống đường biểu dương khí thế. Vùng ven và trong thị xã, thị trấn ta tiếp tục củng cố và phát triển thế làm chủ một số thôn ấp và nắm dân. Công tác giành dân có tiến bộ, có nội dung và chất lượng cao hơn trước. Quần chúng hầu hết đều trụ bám tin tưởng, phấn khởi. Ở những vùng mới mở, quần chúng đã đấu tranh trực diện với quân địch. Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp đã bắt đầu xuất hiện trong thị xã, thị trấn có ảnh hưởng tốt trong quần chúng.

Nhìn chung ta vẫn giữ được thế liên tục tiến công, liên tục giành thắng lợi, củng cố và phát triển thế làm chủ có chất lượng hơn đối với các vùng mới mở ra. Ta đang đứng trên thế thắng, thế làm chủ. Địch ở thế thua, thế bị động chống đỡ.

Tuy nhiên ta còn một số mặt yếu cần được rút kinh nghiệm và bổ cứu ngay. Đó là ở những vùng ta mới làm chủ, quần chúng có nổi dậy nhưng thực lực chưa được mạnh, phong trào du kích chiến tranh phát triển chậm, chưa xây dựng được thôn ấp và làng chiến đấu, nên thế làm chủ chưa mạnh, chưa chắc. Diệt ác phá kim chưa nhiều, truy tróc tề điệp ngầm, thuần khiết quần chúng chưa tốt. Công tác binh vận chưa được các xã, huyện quan tâm đúng mức, chưa thành phong trào quần chúng tiến công làm tan rã quân địch.

Để khắc phục tình hình trên, Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời chấn chỉnh công tác, nhắc các lực lượng vũ trang "phải nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trước đây, giữ và phát triển cho được thế bao vây, tiến công liên tục, đánh liên tục không để cho địch hồi sức, gây cho địch thiệt hại nặng ngay trong bước đầu kế hoạch bố trí và sử dụng lực lượng mới của chúng. Mặt khác, ta phải ra sức xây dựng thực lực, tiếp tục diệt kẹp giành dân với tốc độ mạnh hơn, đồng thời củng cố và xây dựng thế làm chủ, thế giải phóng đạt mức độ vững chắc, sẵn sàng đối phó với mọi thủ đoạn táo bạo của địch"¹.

Kết thúc chiến dịch Xuân 1969, quân và dân Quảng Ngãi đã loại khỏi vòng chiến đấu 11.869 tên địch, trong đó có 1.722 tên Mỹ và 315 tên ác ôn các loại, bắt sống 185 tên, có 81 ác ôn và 1 tên Mỹ. Riêng lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, huyện và du kích đã đánh 596 trận,

1. Thông báo số 71/VP của Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 24-3-1969.

loại khỏi vòng chiến đấu 5.305 tên địch, có 896 tên Mỹ chết và bị thương, bắt sống 169 tên, giải tán 9 đoàn "binh định nông thôn", hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá 12 khu đồn, 36 ấp chiến lược, phá tan bộ máy kìm kẹp ở các ấp và khu đồn, giành quyền làm chủ cho 195.092 quần chúng, kéo 6.000 dân thoát khỏi bị địch xúc tát ở các huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành trở về vùng giải phóng, đưa phong trào chiến tranh du kích tiến lên.

Mặc dù địch bị thất bại liên tiếp nhưng chúng rất ngoan cố và tàn bạo. Trong thế phòng ngự bị động, địch đã huy động nhiều lực lượng tiếp tục thực hiện chiến lược "quét và giữ". Một mặt, chúng ra sức phòng thủ để lực lượng của chúng khỏi bị tiêu diệt, các thị xã, thị trấn khỏi bị tiến công, mặt khác tiếp tục xúc tiến kế hoạch "binh định cấp tốc" với mức độ thâm độc hơn và ác liệt hơn. Mỹ - ngụy còn ra sức tăng cường phòng thủ vành đai quanh thị xã, thị trấn, bố trí quân Mỹ ở vòng ngoài, chủ lực ngụy ở giữa, phụ quân, cảnh sát ở bên trong. Chúng còn tiến hành lùng bắt cơ sở, kiểm soát gắt gao để phòng sự thâm nhập của ta. Đồng thời, địch tăng cường đánh phá vào vùng căn cứ của ta, bắn phá vùng ven và vùng giáp ranh hòng ngăn chặn sự tiến công của ta.

Trước tình hình đó, tháng 4-1969, Khu ủy V họp xem xét và bàn biện pháp đối phó với âm mưu mới của địch. Hội nghị cho rằng, trong khi thực hiện chủ trương Tổng công kích, tổng khởi nghĩa, vẫn phải coi trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở thành thị, mở rộng và củng cố vùng giải phóng ở nông thôn. Đặc biệt, hội nghị nêu bật vấn đề giành dân và giữ dân, coi đây là cái gốc của phong trào cách mạng.

Tiếp đó, Thường vụ Tỉnh ủy họp đề ra chủ trương đấu tranh chống bình định, diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ ở nông thôn, đồng thời đẩy mạnh ba mũi giáp công, tiến công và nổi dậy liên tục, làm tan rã đại bộ phận sinh lực chiến đấu của địch, chủ yếu là lực lượng ác ôn, diệt một bộ phận sinh lực Mỹ, tiếp tục giành dân, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng thực lực của ta, về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, giữ dân và củng cố thể làm chủ các vùng đã giành được, đồng thời cần ra sức chuẩn bị cho các chiến dịch sắp tới.

Thực hiện chủ trương trên, trong tháng 4-1969, quân và dân Quảng Ngãi tiếp tục tiến công và nổi dậy, làm cho địch lún sâu vào thế bị động. Lực lượng vũ trang, du kích và các đội công tác bám trụ tốt, hỗ trợ cho việc xây dựng thực lực ở vùng mới giải phóng, đồng thời phản kích mạnh gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề hơn. Chỉ trong tháng 4 ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.500 tên địch, diệt gọn 5 trung đội, 1 đoàn bình định, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, thu 35 súng các loại, phá hủy 35 xe quân sự, bắn rơi và hỏng 6 máy bay, bức rút 1 đồn. Ba thứ quân đã hợp đồng chiến đấu giỏi, khá nhất là ở thị xã và các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn và Đức Phổ.

Tại thị xã Quảng Ngãi trong 2 ngày 15 và 16-4, lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích đã diệt 1 trung đội và 1 tiểu đội nghĩa quân, phá hủy 4 kho và 26 xe M-113.

Huyện Tư Nghĩa từ ngày 2 đến 25-4 đã diệt 160 tên địch, diệt gọn 1 trung đội, thu 4 súng và nhiều quân trang, quân dụng khác.

Ở Sơn Tịnh, lực lượng vũ trang đã tiến công vào khu

đòn Tịnh Kỳ, diệt và bắt sống 13 tên, đưa 550 đồng bào trở về quê cũ. Lực lượng vũ trang Nghĩa Hành đã loại 46 tên địch, bắn rơi 1 máy bay. Trong 20 ngày, quân dân Mộ Đức đã loại khỏi vòng chiến đấu 68 tên địch. Riêng Đức Phổ từ ngày 1 đến 14-4 lực lượng vũ trang địa phương và du kích đã chiến đấu giỏi, diệt 104 tên, trong đó có 77 tên Mỹ.

Phát huy những thắng lợi đã đạt được nhất là thắng lợi của Xuân 1969 và thực hiện kế hoạch của Khu ủy, từ ngày 11-5 đến ngày 22-6-1969, ta mở chiến dịch Hè (gọi là chiến dịch TP).

Mở màn chiến dịch, quân và dân Quảng Ngãi đã đồng loạt tiến công vào hàng trăm mục tiêu của địch. Suốt trong chiến dịch, ta đã liên tục tác chiến vừa đánh Mỹ vừa đánh ngụy, diệt kìm kẹp, hỗ trợ cho việc mở ra giành dân. Tính chung từ ngày 11-5 đến 22-6-1969, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 5.666 tên địch, trong đó có 2.326 tên Mỹ, làm chết và bị thương 156 tên ác ôn, bắt sống 24 tên, diệt gọn 15 đại đội, có 5 đại đội Mỹ, 9 trung đội và 5 đoàn binh định, bắn rơi và hỏng 37 máy bay, bắn cháy và hỏng 169 xe quân sự, có 71 xe tăng, phá hủy 30 khẩu pháo, đánh sập 5 cầu, 9 cống, thu 67 súng các loại. Ta đã đánh thiệt hại nặng lữ đoàn Mỹ 198 ở Núi Đất, Nước Mặn, Bạc Hà và lữ đoàn 11 ở Đức Phổ. Các trọng điểm trong thị xã, thị trấn đều bị tiến công mạnh. Ta đã đánh trúng nhiều ổ ác ôn ở những nơi ẩn náu của chúng, như ở Tam Thương, Phú Mỹ Trung (thị xã), Phú Ninh, Phú Giang (Sơn Tịnh), Chùa Phật học ở thị trấn Châu Ổ, v.v.. Quân ta vừa tiến công vừa bẻ gãy các đợt phản kích của địch, giữ vững được thế bao vây địch, trụ bám vùng ven và liên tục tiến công

vào trung tâm thị xã và thị trấn. Ta đã giải phóng thêm 19.000 dân. Riêng xã Bình Châu đã giải phóng được 5.000 dân bị địch xúc tát.

Phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh, đã đánh địch ở phía trước và tiến công địch ở phía sau, bảo vệ được vùng giải phóng; du kích các xã ở Bình Sơn đã tiến công phá ấp, phá đồn đưa dân lên thế làm chủ. Du kích tây Sơn Tĩnh, tây Tư Nghĩa, đông Mộ Đức, Đức Phổ đã tích cực đánh chặn các cuộc càn quét liên tiếp của địch, chống địch cướp lúa và giữ được dân. Du kích Sơn Hà bẻ gãy cuộc càn quét của địch vào Di Lăng. Du kích Ba Điền đã diệt được quân Mỹ bằng vũ khí tự tạo, hầm chông, cạm bẫy. Du kích ở vùng mới mở, du kích mật, tự vệ mật, an ninh vũ trang đã hoạt động đều hơn, đã phối hợp với lực lượng bên ngoài liên tục tiến công địch. Đặc biệt du kích đông Tư Nghĩa, Nghĩa Hành đã bám trụ diệt địch ngay tại địa phương. Ta đã vận dụng chiến thuật lấy ít thắng nhiều, thọc sâu đánh trúng đích, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo toàn được lực lượng của ta.

Những chiến thắng trong chiến dịch Hè đã củng cố thêm những thắng lợi, mà ta đã giành được trước đây, phát triển thêm thế thắng, thế tiến công của phong trào cách mạng trong tỉnh. Thế và lực của ta càng thêm vững mạnh tạo đà vững chắc cho thắng lợi của các chiến dịch tiếp theo.

Sở dĩ ta giành được thắng lợi to lớn trong chiến dịch Hè (TP) 1969 ngoài các nguyên nhân như sự lãnh đạo nhạy bén, kiên quyết và kịp thời của Tỉnh ủy, truyền thống cách mạng kiên cường của nhân dân vùng giải phóng và tinh

thần thiết tha cách mạng của quần chúng bên trong, còn một nguyên nhân nữa rất quan trọng là thế và lực của ta rất vững vàng, vùng giải phóng của ta rộng lớn, vùng ta làm chủ đã bao vây sát nách hậu cứ của địch, cơ sở hoạt động bên trong ngày càng phát triển vững mạnh.

Trong khi đó địch đang ở thế suy yếu, bị động phòng ngự, tinh thần bạc nhược rệu rã. Mỹ co cụm chờ ngày rút, nguy hoang mang dao động. Đó chính là một nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của ta trong chiến dịch Hà (TP) 1969.

Tuy nhiên trong chiến dịch Hà ta còn một số thiếu sót. Đó là việc chuẩn bị chiến trường cho chiến đấu liên tục chưa thật tốt, nắm địch chưa chắc, nên khi ta tiến công vào không diệt được nhiều địch, vì chúng trốn lánh mà ta không nắm được; không diệt gọn được nhiều đơn vị địch, nhất là lực lượng kim kẹp và phòng thủ.

Việc đánh phương tiện chiến tranh và đánh giao thông chưa mạnh; một số huyện chưa giữ được thế liên tục; việc chuẩn bị vật chất, nhất là đạn dược vũ khí chưa tốt, nên hạn chế đánh mạnh, chưa có trận đánh tiêu diệt gây tiếng vang lớn.

Để chuẩn bị cho kế hoạch mới, từ ngày 20 đến 27-6-1969, Tỉnh ủy họp và ra nghị quyết về tình hình và đề ra nhiệm vụ mới.

Sau khi nêu những thắng lợi của ta qua các chiến dịch Xuân - Hà và những thất bại liên tiếp của địch, Hội nghị cho rằng, mặc dù địch bị thất bại nặng nề, nhưng chúng còn tiềm lực và vẫn ngoan cố thực hiện âm mưu "phi Mỹ hóa chiến tranh", xúc tiến kế hoạch "binh định cấp tốc".

Một mặt, chúng cố tình né các đòn tiến công của ta, giữ cho lực lượng Mỹ - ngụy khỏi bị tổn thất. Mặt khác, chúng điên cuồng càn quét, tăng cường phi pháo, dùng chất độc hóa học phá hoại môi trường sống của nhân dân. Những thắng lợi của ta trong tỉnh, cùng với thắng lợi của toàn chiến trường miền Nam đã buộc địch lộ rõ thế thua, từng bước xuống thang chiến tranh, tinh thần của chúng càng hoang mang dao động, nội bộ mâu thuẫn nghiêm trọng. Hội nghị khẳng định, đây là một thuận lợi lớn cho ta, cho quần chúng nhân dân nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ.

Nghị quyết đã chỉ ra những khó khăn, khuyết nhược điểm đang gây trở ngại cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong tỉnh. Đó là tư tưởng hữu khuynh, ngại lâu dài, ngại hy sinh, ác liệt, ảo tưởng hòa bình, tính toán cá nhân; đánh giá địch chưa đúng, nhất là chưa thấy hết bản chất ngoan cố tàn bạo của đế quốc Mỹ và tay sai; ba mũi giáp công chưa thật mạnh; xây dựng thực lực vùng mới mở ra chưa theo kịp với yêu cầu xây dựng hậu phương, nhất là xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang; công tác hậu phương tiến hành còn chậm, thu mua lương thực và động viên nhân lực phục vụ tiền tuyến còn nhiều khó khăn và chậm.

Về nhiệm vụ sắp tới, nghị quyết của hội nghị khẳng định là phải giữ vững thế, liên tục tiến công và nổi dậy, tiếp tục đánh bại chiến lược "quét và giữ" nhất là kế hoạch "bình định cấp tốc" của địch, đánh bại mọi âm mưu phản kích nống lẩn của địch, tiếp tục thực hiện những mục tiêu và yêu cầu của các nghị quyết của Tỉnh ủy trước đây với

những nội dung cơ bản là tiến công địch và xây dựng lực lượng của ta.

Sau những thất bại nặng nề, Mỹ - ngụy ra sức tập trung lực lượng với mức độ cao, nhất là phi pháo, máy bay, xe tăng phản kích quyết liệt vào các vùng nông thôn đồng bằng của ta. Chúng huy động một bộ phận cơ động lữ đoàn 11 và lữ đoàn 198 cùng với 2 trung đoàn của lực lượng cộng hòa, mở các cuộc càn quét chung quanh vùng ven thị xã, chốt thêm một số điểm trong vùng mới giải phóng, củng cố ổn định các đội bình định, nông thôn, tăng cường bắt lính bù vào số quân đã bị mất. Chúng liên tiếp mở các cuộc càn quét vào Sơn Hà, hai bên bờ sông Trà Khúc, đông tây Tư Nghĩa và Sơn Tịnh, đông Bình Sơn, tây Nghĩa Hành, đông Mộ Đức và tây Đức Phổ, thực hiện âm mưu "bình định cấp tốc", mở chiến dịch "Phượng hoàng" đánh vào khu vực Ba Làng An; đánh phá bằng phi pháo ác liệt; tăng cường rải chất độc hóa học ở nhiều vùng với nồng độ cao, hủy diệt cây cối hoa màu; đổ quân ngăn chặn hành lang, bần đạp nhằm thực hiện âm mưu "bình định cấp tốc", "phong tỏa thị xã, thị trấn, thực hiện kế hoạch "phòng ngự có chiều sâu".

Phát huy chiến thắng Xuân - Hè và quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, từ ngày 11-8 ta mở chiến dịch Thu năm 1969, nhằm đánh bại kế hoạch "phòng ngự có chiều sâu", mở rộng vùng giải phóng, đưa chiến tranh vào đô thị, vào vùng kiểm soát của địch.

Cùng phối hợp với chiến trường toàn miền, đêm 11 rạng ngày 12-8-1969, quân dân Quảng Ngãi đã đồng loạt nổ súng

tiến công trên 50 mục tiêu lớn nhỏ của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy, đánh sâu vào hang ổ cuối cùng diệt nhiều tên ác ôn quan trọng, mở ra một thế mới ở vùng ven, hỗ trợ cho quần chúng bên trong nổi dậy phá các hình thức kìm kẹp của địch.

Tính từ ngày 11-8 đến 30-8-1969, ta đã đánh 143 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 3.028 tên, trong đó có 361 tên Mỹ, bắn rơi và hỏng 16 máy bay, có 2 phản lực, đánh tan xác 56 xe quân sự, trong đó có 30 xe tăng và xe bọc thép, phá hủy 8 khẩu pháo 105 ly, đánh sập 70 căn nhà, 40 lô cốt, 2 kho xăng, đánh sập 4 cầu, 2 cống, phá trên 3.000m đường quốc lộ 1, thu 85 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng khác.

Ta đã đánh và làm tiêu hao lữ đoàn 198, lữ đoàn 11 của Mỹ ở Gò Hội, pháo kích vào đặc khu Quảng Ngãi, Núi Ông, Núi Bé, Núi Dầu, Trà Bồng, Minh Long, v.v.. Ta đã đánh trúng, đánh đau nhiều ổ ác ôn ở bắc quận lỵ Đức Phổ, khu vực Ba Làng An.

Ta vừa tiến công mạnh mẽ phía trước vừa đánh phản kích kiên cường ở phía sau và vùng ven, nổi bật là du kích Tịnh Khê (Sơn Tịnh), Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa), Hành Minh, Hành Thiện (Nghĩa Hành), Phổ Thuận, Phổ Cường, Phổ Thạnh (Đức Phổ), Sơn Trung, Sơn Thượng (Sơn Hà). Các địa phương trên đã dũng mãnh đánh các cuộc càn quét phản công của địch ra vùng giải phóng; đánh bại chiến dịch "Phượng hoàng" trong âm mưu "bình định cấp tốc", xức tát dân của địch.

Phong trào du kích chiến tranh có nhiều tiến bộ so với

trước, quân dân đã kiên trì trụ bám chiến đấu dũng cảm buộc địch phải co lại, tránh né khi bị tiến công, không thực hiện được âm mưu "binh định cấp tốc" mà còn bị đánh cho những đòn thất điên bát đảo.

Nhiều đơn vị du kích đã dũng cảm, táo bạo, hóa trang thọc sâu vào lòng địch diệt bọn ác ôn ngay ban ngày, như du kích Tư Nghĩa, Mộ Đức, Bình Sơn, Nghĩa Hành khiến cho địch vô cùng khiếp sợ. Ta đã vận dụng tốt chiến thuật tác chiến lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, bảo đảm tính liên tục, dẻo dai, trường sức, nên tỷ lệ thương vong của ta thấp, kể cả bộ binh và đặc công.

Nhìn chung trên toàn chiến trường của Quảng Ngãi, cả ba vùng, ba thứ quân đều giữ vững thế chủ động tiến công, phá được âm mưu xúc tát dân và binh định cấp tốc của địch. Số dân làm chủ với mức độ cao hơn ở các huyện, đã giải phóng được dân ở các khu đồn Lê Văn Duyệt, Hòa Thịnh, Ấp Lâm Bình, Mỹ Trang, Thạch Bi (Đức Phổ), diệt kẹp và phát động quần chúng ở Ba Làng An, khu đồn Bàu Giang - Đá Chẽ, quận lỵ Nghĩa Hành, đã đưa 500 đồng bào ở Trà Bình, Trà Phú (Trà Bồng) về quê cũ. Các vùng giải phóng được giữ vững và phát triển về mọi mặt, giữ vững khí thế, đánh bại chiến dịch "Phượng hoàng", tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng vũ trang liên tục tiến công, đánh sâu vào các vùng trọng điểm của địch.

Giữa lúc quân và dân hai miền Nam - Bắc đang đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn đối với cả dân tộc ta. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Quảng Ngãi vô cùng tiếc thương Người!

Từ vùng giải phóng đến vùng địch còn kiểm soát trên địa bàn toàn tỉnh, không ai bảo ai, mỗi người dân đều tìm cách để tang Người rất kính trọng. Đặc biệt, đồng bào dân tộc Cor Trà Bồng đã lấy họ Hồ làm họ của mình. Đồng bào Phật giáo ở thị xã tổ chức cầu siêu cho Bác.

Ngày 9-9-1969, tại vùng căn cứ ở xã Trà Trung (Trà Bồng), Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh đã tổ chức lễ truy điệu Người rất trọng thể. Có trên 300 cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc đến dự. Tại buổi lễ, Tỉnh ủy hứa với anh linh Bác nguyện học tập và làm theo Di chúc của Bác và phát động thi đua "Lập công đền ơn Bác". Sau đó, năm 1973 nhân dân Quảng Ngãi đã cùng các tỉnh Khu V đưa một số gỗ quý ra Hà Nội góp phần xây dựng Lăng Bác.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Tỉnh ủy đã mở đợt sinh hoạt chính trị "học tập và làm theo Di chúc của Bác" nhằm xây dựng quyết tâm khắc phục khó khăn, đập bằng mọi trở lực để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, chinh đốn về tổ chức, tập trung sức đánh bại kế hoạch "bình định nông thôn" tiến tới đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Các cấp ủy Đảng mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và "kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh".

Để tỏ lòng thương tiếc và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, đêm 11-9 lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã hợp đồng với du kích tiến công ấp Phú Nhuận, Xóm Mới, Nhà Phụng, Chùa Phật Học, loại khỏi vòng chiến đấu 207 tên địch trong đó có 11 tên Mỹ, diệt gọn một đoàn bình định, 1 trung đội cộng hòa, thu 15 súng, bắn cháy 5 xe tăng.

Tại Bình Sơn, lực lượng vũ trang huyện đánh vào thị trấn Châu Ổ, diệt 27 tên. Du kích Bình Thới đột nhập vào ấp An Châu diệt 5 tên nghĩa quân, ở ấp Sơn Trà diệt 1 tên. Du kích Bình Long, Bình Hiệp làm chủ đoạn đường số 1 từ Bình Long đi Bình Hiệp. Du kích Bình Chánh diệt 8 tên, có 4 tên Mỹ và bắt sống 4 tên khác.

Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh đã tiến công vào ấp Tịnh Kỳ diệt 23 tên, thu 3 súng, giải thoát được một số đồng bào thoát khỏi sự kìm kẹp của địch trở về quê cũ làm ăn. Du kích tây Tư Nghĩa liên tục tiến công địch ở Núi Bé trong 7 ngày diệt 71 tên, có 53 tên Mỹ, bắn rơi 1 máy bay HU1A, bắn hỏng 1 xe tăng. Du kích ở các xã đồng Tư Nghĩa tích cực đánh phá giao thông diệt 17 tên, có 3 tên Mỹ, 1 trung úy ngụy, phá sập 1 cầu, bắn cháy 3 xe tăng.

Tại thị xã Quảng Ngãi, du kích bên trong đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng bên ngoài đánh vào Quán Cơm, Phú Mỹ Thượng, ga Ông Bó, diệt 17 tên địch.

Cùng đêm 11-9, lực lượng vũ trang Nghĩa Hành tiến công vào khu đồn mới, diệt nhiều tên địch, phát động quần chúng nổi dậy phá banh ấp chiến lược, giải thoát nhiều đồng bào. Du kích Mộ Đức liên tục tập kích, bắn bia, bắn tĩa địch ở núi Ông Độ diệt 25 tên bảo an, thu 3 súng, làm cho địch ở đây hoang mang lo sợ. Du kích các xã ở Đức Phổ hoạt động mạnh, đánh nhiều toán địch đi lùng sục, diệt nhiều tên.

Du kích các huyện miền núi hoạt động đều, tại Minh Long, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với du kích tập kích tại Long Thanh diệt 20 tên. Du kích các xã Long Cao,

Long Sơn đã dùng chông, thò kết hợp với đánh mìn diệt 10 tên.

Ngày 12-9, đặc công tỉnh dùng bộc phá đánh vào đặc khu làm chết và bị thương 69 tên địch.

Ngày 15-9, địch cho 22 xe càn vào Bình Long (Bình Sơn) phá lúa của dân, lập tức đồng bào chặn xe không cho chúng phá lúa và đưa đơn kêu kiện lên quận, chúng hứa sẽ không cho xe phá lúa của dân nữa.

Cùng ngày 15-9, ta tiến công vào 3 ấp Huy Tin, Đồng Vông, Tăng Long diệt 1 trung đội địch, thu 5 súng, bắn rơi 1 máy bay, phá nhà Hội đồng. Đồng bào rất phấn khởi và tin tưởng vào lực lượng cách mạng.

Cuộc chiến đấu trên chiến trường Quảng Ngãi càng trở nên quyết liệt, ý chí quyết đánh và quyết thắng quân xâm lược Mỹ giải phóng quê hương đã trở thành khẩu hiệu thôi thúc Đảng bộ Quảng Ngãi phải có sự lãnh đạo kịp thời và quyết tâm cao.

Để thực hiện được điều đó, từ ngày 10 đến 15-9-1969 Tỉnh ủy họp đánh giá tình hình và ra nghị quyết khẳng định: từ thắng lợi Xuân - Hè đến Thu, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn giữ vững thế tiến công, liên tục phát triển, liên tục tiến công trên khắp ba vùng, nhất là ở vùng trọng điểm. Trong hoạt động Thu, ta đã diệt được nhiều sinh lực địch, phá được chiến dịch "Phượng hoàng" trong kế hoạch "phi Mỹ hóa và bình định cấp tốc của địch". Ta giữ được dân, ổn định được tinh thần nhân dân ở nông thôn, giữ được hành lang, bàn đạp, phát huy thế tiến công địch, ta ở thế thắng, thế liên tục tiến công và phát triển.

Địch mặc dù hung hăng tàn bạo nhưng là thế xuống thang, bị động phòng ngự, bế tắc.

Nghị quyết của hội nghị cho rằng, địch vẫn tiếp tục ra sức bình định nông thôn "phi Mỹ hóa" từng bước, vừa giành dân vừa giữ đất với ta quyết liệt trên một số vùng, nhằm củng cố phòng thủ thị xã, thị trấn, vừa ngăn chặn sức tiến công của ta; giữa Mỹ và ngụy sẽ có sự điều chỉnh vị trí, quân ngụy thay quân Mỹ làm nhiệm vụ đóng chốt, quân Mỹ tập trung cơ động cùng quân ngụy đi càn quét, đánh phá nhiều vùng, đánh phá hành lang và hậu cứ của ta; địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "bình định cấp tốc", xúc tát dân với mức độ dai dẳng, ác liệt hơn để giành dân với ta, đặc biệt ở những khu vực có vị trí quan trọng, đông dân, trong đó có vùng tây Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, khu Ba Làng An và tây nam thị xã. Âm mưu của địch rất lớn, nhưng chúng ở thế thua, xuống dốc; tinh thần ngụy quân, ngụy quyền sa sút nghiêm trọng; nếu ta chủ động tiến công, tích cực đánh địch bằng ba mũi giáp công thì nhất định địch sẽ không thực hiện được âm mưu của chúng.

Về nhiệm vụ sắp tới, Nghị quyết chỉ rõ:

- "Đẩy mạnh hoạt động thường xuyên, đều khắp, liên tục tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đánh phương tiện chiến tranh, bắn máy bay, đánh giao thông, đánh càn quét, nhiệm vụ quân sự phải phục vụ giành và giữ dân; củng cố, giữ vững và phát triển vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào thành thị, đấu tranh chính trị, binh vận.

- Liên tục diệt ác phá kìm, phá đồn, phá tan phòng vệ dân sự, mở ra giành dân, nâng lên thế làm chủ thật sự, ra sức giữ dân, bảo đảm hành lang bàn đạp.

- Chống phá "bình định cấp tốc", "phi Mỹ hóa" của địch,

đẩy mạnh du kích chiến tranh, đẩy mạnh đấu tranh chính trị. binh vận, kiên quyết không để mất dân.

- Bảo vệ mùa màng, trước mắt phá âm mưu cướp lúa của giặc, thu tài chính, thu mua, vận chuyển dự trữ lương thực; vừa đẩy mạnh sản xuất vụ Đông - Xuân cao nhất, tích cực phòng chống đói và bão lụt, vừa chuẩn bị tốt cho sản xuất năm 1969-1970.

- Khẩn trương xây dựng thực lực của ta ở ba vùng về mọi mặt, phát động, tổ chức quần chúng, đưa phong trào vùng giải phóng và vùng mới mở ra tiến lên một bước vững chắc hơn, ra sức chuẩn bị mọi mặt bảo đảm thắng lợi trước mắt và hoạt động tiếp theo¹.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, tháng 10-1969 quân dân trong tỉnh mở đợt tiến công mùa Đông 1969 với mục tiêu ngăn chặn các cuộc hành quân nòng ra của Mỹ - ngụy ở phía trước, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng tại chỗ đánh địch lấn chiếm từng địa phương. Lực lượng vũ trang phối hợp với du kích tổ chức từng đơn vị nhỏ thọc sâu đánh phía sau địch, làm hạn chế tốc độ "bình định nông thôn" của chúng.

Ngày 31-10, một tiểu đoàn địch hành quân vào vùng đông Mộ Đức, bị lực lượng vũ trang của huyện phối hợp với du kích đánh tiêu diệt một đại đội tại xóm Mít, xã Đức Minh và đánh thiệt hại nặng một đại đội khác. Cùng với trận xóm Mít, du kích các xã Đức Chánh, Đức Phong diệt

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy họp ngày 10 - 15-9-1969.

nhều tên địch đi càn vào các xã trên, bảo vệ được tài sản của nhân dân.

Ở Đức Phổ, đại đội 219 và đại đội 120 cùng du kích chặn đánh 3 đại đội bảo an càn quét Thanh Lâm, Lộ Bàn ở xã Phổ Ninh diệt 160 tên, bảo vệ vùng giải phóng tây Đức Phổ, bảo đảm an toàn hành lang của huyện.

Cùng đợt tiến công mùa Đông 1969, các tiểu đoàn 48 và 83 đã tiến công bọn lính cộng hòa ở Sơn Tịnh, Mộ Đức, đánh thiệt hại nhiều cuộc hành quân "binh định cấp tốc" của ngụy, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, hàng chục ấp chiến lược, khu đồn dân của địch bị phá vỡ, kế hoạch "binh định cấp tốc" của địch bị thất bại thảm hại.

Cùng với hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển mạnh. Từ ngày 27-3-1969, hơn 4.000 đồng bào Sơn Tịnh đã 6 lần kéo vào quận lỵ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ, chống cướp phá tài sản của nhân dân. Hơn 2.000 đồng bào Mộ Đức kéo đến quận lỵ đấu tranh, tố cáo tội ác Mỹ - ngụy, đòi bồi thường cho gia đình nạn nhân binh sĩ ngụy bị giết hại trong các cuộc càn quét. Đồng bào ở các xã Tịnh Phong, Tịnh Thọ (Sơn Tịnh) đấu tranh ngăn chặn không cho xe địch cày ủi ruộng lúa, hoa màu của nhân dân.

Ngày 8-3-1969, hơn 5.000 nhân dân và Phật tử ở thị xã Quảng Ngãi xuống đường đấu tranh đòi văn hội hòa bình, phản đối Mỹ - ngụy giết hại 1.500 đồng bào ta ở Ba Làng An.

Ngày 30-5-1969, nhân ngày lễ Phật Đản, hơn 20.000 đồng bào Phật tử ở trong tỉnh đã xuống đường biểu tình phản đối chiến tranh, chống đôn quân bắt lính trong Phật

ử, đòi Mỹ phải rút về nước đã làm cho nguy quân, nguy quyền hoang mang, dao động, hoài nghi đối với chế độ của chúng.

Để tiếp tục thực hiện chiến dịch "Phượng hoàng", địch tăng cường khủng bố, xúc tát dân, đánh phá vùng giải phóng, và các vùng chúng nghi là hành lang, bàn đạp như tây Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, tây Nghĩa Hành, tây Đức Phổ, đông Ba Tư với mức độ thâm độc và ác liệt.

Tại Bình Sơn, nhất là khu vực Ba Làng An, trọng điểm chiến dịch "Phượng hoàng", quần chúng đấu tranh với địch chống cướp bóc, khủng bố, chống cào nhà, ủi hầm, tạo thế đi lại, sản xuất bình thường.

Ở xã Hành Tín (Nghĩa Hành), địch đánh phá bằng phi pháo, rải chất độc hóa học cũng không làm lay chuyển được tinh thần trụ bám của quần chúng. Ngày 10-8-1969, địch đổ quân xuống thôn Phú Khương bắt 82 đồng bào chỡ về căn cứ Gò Hội. Trước sự đấu tranh cương quyết của nhân dân, địch phải trả đồng bào trở về quê cũ và hứa sẽ không bắn pháo vào nhà dân nữa.

Ở Mộ Đức, từ 12 đến 17-8-1969, đã có 1.749 lượt người kéo vào quận lỵ, cùng với quần chúng bên trong nổi dậy đấu tranh đưa 31 lá đơn, 12 bản thống kê tội ác địch và 4 thư kêu gọi binh lính địch từ bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân.

Ở Đức Phổ, mặc dù địch đánh phá ác liệt để xúc tát dân, bình định cấp tốc, nhưng quần chúng kiên trì bám trụ đấu tranh chống phá âm mưu lập khu đồn ở Trà Câu, Vinh Hiển, đấu tranh đòi sản xuất, đi lại làm ăn giữa hai

vùng và giao lưu hàng hóa, đấu tranh bảo vệ mùa màng không cho địch cướp phá.

Riêng ở Nghĩa Hành từ ngày 11 đến 15-8, quần chúng ở các khu đồn, mỗi ngày có từ 50-70 người trực tiếp kéo đến gặp bọn đại diện và quận trưởng đưa hàng trăm lá đơn, đòi được cấp phát lương thực, thực phẩm, đòi được trở về quê cũ làm ăn.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Quảng Ngãi lên mạnh, nhất là sau khi giải pháp 10 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời, đã thu hút mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh, theo xu hướng hòa bình và trung lập ngày một phát triển, với tinh thần kiên cường bám trụ đấu tranh quyết liệt, đã làm thất bại chiến dịch "Phượng hoàng" của địch, giữ vững được thế hợp pháp, bảo vệ được sản xuất, giữ vững quan hệ bình thường giao lưu hàng hóa giữa các vùng với nhau.

Qua phong trào đấu tranh chính trị, các đoàn thể không ngừng phát triển. Năm 1969, Nông hội đã kết nạp được 30.910 hội viên; có 31.609 hội viên phụ nữ giải phóng; có 5.598 đoàn viên thanh niên nhân dân cách mạng; đã tổ chức Đại hội công đoàn tỉnh.

Các mặt sản xuất, y tế, giáo dục được duy trì và phát triển đều khắp trong các huyện. Ở vùng miền núi và vùng giải phóng, phong trào được giữ vững và phát triển đồng đều hơn. Bình Sơn là huyện đầu tiên đã xóa nạn mù chữ ở vùng giải phóng. Chính quyền cách mạng ở vùng giải phóng được kiện toàn. Đã có 178 xã có chính quyền cách mạng và 501 thôn trong số 1.710 thôn có Ban nhân dân

cách mạng; 11/13 huyện, thị có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cách mạng huyện, thị. Uy tín của Đảng và chính quyền cách mạng ngày càng được nâng cao, có ảnh hưởng lớn đối với vùng địch còn kiểm soát.

Năm 1969, ta đã kết nạp được 1.808 đảng viên mới, riêng trong lớp đảng viên Hồ Chí Minh đã kết nạp được 482 đồng chí. Các chi ủy, Đảng ủy xã đều được kiện toàn. Tỉnh ủy đã chọn một số cán bộ đưa đi học tập ở trường Đảng khu. Trường Đảng tỉnh đã mở 4 khóa cho cán bộ Huyện ủy và tương đương, 2 khóa dành cho cán bộ làm công tác tuyên huấn ở địa phương.

Về công tác binh vận, Tỉnh ủy cho đây là nhiệm vụ trung tâm của việc giành, giữ dân, chống bình định cấp tốc, chống xúc tát dân; vì vậy phải vận động binh lính địch góp phần giữ quan hệ bình thường trong việc giao lưu hàng hóa giữa hai vùng, bảo đảm sản xuất và bảo vệ sản xuất.

Thực hiện chủ trương trên, ta đã vận động đào rã ngũ tập thể đại đội bảo an 424, 3 đại đội tân binh, làm rã lẻ tẻ hơn 4.500 tên phòng vệ dân sự, 27 trung đội, 250 tiểu đội dân vệ, 12 đoàn bình định nông thôn. Ta đã phát triển và xây dựng được một số cơ sở nội tuyến trong binh lính địch và sử dụng những cơ sở đó để diệt ác phá kìm, tiêu hao sinh lực địch, phá nhiều cơ sở vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng.

Ở Bình Sơn, trong số 11 trung đội dân vệ có 4 trung đội có cơ sở của ta, trong đó có cơ sở mang mật số S, được ta bồi dưỡng. Ngày 17-8-1969, S đã hướng dẫn chiến sĩ ta đánh một trận, diệt 1 nhóm bình định nông thôn, trong

đó có tên chỉ huy ác ôn, giết chết 5 tên và làm bị thương 7 tên khác, S không bị lộ, vẫn tiếp tục hoạt động trong hàng ngũ địch.

Ngày 5-10-1969, tại xã Bình Dương (Bình Sơn), ta đã sử dụng cơ sở trong thanh niên tân trang phối hợp với lực lượng du kích đánh ấp Đông Yên và rải 80 tờ truyền đơn, dán 36 áp phích. Ngày 6-10, một cơ sở hợp pháp trong thanh niên tân trang đưa đặc công vào phối hợp với du kích bên trong đánh mìn diệt 6 tên Mỹ, làm bị thương hai tên khác ở xã Bình Đông.

Ngày 19-10-1969, dựa vào cơ sở trong thanh niên tân trang ta đã đưa du kích vào bắt sống toàn bộ chính quyền ngụ xã Bình Chánh và toàn bộ trung đội thanh niên tân trang, thu 19 súng và đưa 13 thanh niên tham gia quân giải phóng.

Ngày 20-10-1969, lực lượng vũ trang Bình Sơn cùng du kích xã Bình Trung, có trung đội thanh niên tân trang làm nội ứng đã đánh đồn Gò Sỏi, phá hủy 7 lô cốt, 2 nhà tôle, 1 nhà dù, diệt 17 tên Mỹ, 1 trung đội nghĩa quân, thu nhiều vũ khí.

Nhân dân ở các xã Đức Minh, Đức Phong, Đức Chánh (Mộ Đức), Phổ Ninh (Đức Phổ) và một số xã ở đông Bình Sơn, Sơn Tịnh, nam thị xã đã cùng với lực lượng vũ trang và du kích địa phương nổi dậy tiến công địch, phá banh hàng chục ấp chiến lược và khu đồn dân của địch.

*

* *

Năm 1969, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy, quân và dân Quảng Ngãi đã loại khỏi vòng chiến đấu 32.995 tên

dịch, trong đó có 5.525 tên Mỹ và 2.905 người, giải phóng hàng chục vạn dân thoát khỏi sự kìm kẹp của địch, làm rã ngũ hơn 4.500 binh sĩ người. Hơn 33 vạn lượt người tham gia đấu tranh chính trị, phản đối Mỹ - người, đòi Mỹ rút quân về nước, chống địch đốt nhà, cày ủi ruộng vườn, gom dân bắt lính. Phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ của nhân dân thành thị cũng diễn ra sôi nổi, làm cho người quyền lúng túng, bị động. Bước đầu ta đã đánh bại kế hoạch "bình định lấn chiếm" của địch.

Có thể nói, từ khi mở màn chiến dịch cho đến kết thúc, ta đã liên tục tiến công, phối hợp nhịp nhàng giữa ba thứ quân, giữa các lực lượng, giữa điểm và diện. Địch bị tiến công liên tục bằng những trận đánh lớn, vừa, nhỏ. Bằng tiến công vào cứ điểm, đánh phản kích, vừa phục kích, vừa pháo kích, nhất là pháo kích vào các căn cứ lớn của địch ở Gò Hội, sân bay Quảng Ngãi, đặc khu... ta đã làm cho địch phải chống đỡ rất lúng túng, không ổn định kịp, chỗ nào cũng bị tiến công.

Ta đã đánh mạnh, đánh trúng vào các vị trí của Mỹ - người, chúng đều bị thiệt hại nặng và bị bao vây, kiềm chế, nên không ứng cứu cho nhau được. Ba thứ quân của ta đã đánh đúng đối tượng, vừa diệt được lực lượng phòng thủ, vừa diệt được lực lượng kìm kẹp, nhất là diệt được bọn phụ quân và ác ôn để hỗ trợ cho việc giành dân, phá ấp có kết quả.

Ta đã hiệp đồng trên chiến trường rất tốt, giữa trọng điểm và các diện, giữa chiến trường đánh Mỹ và diệt người, giữa chủ lực với lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích, giữa tiến công và phản công. Ta đã chủ động đánh địch ở

cả đồng bằng lẫn vùng rừng núi. Du kích ở các xã trưởng thành nhanh chóng, đánh địch có hiệu quả hơn. Ta đã có cách đánh phù hợp cho các lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích; đã vận dụng tốt chiến thuật lấy ít đánh nhiều, từng phân đội nhỏ thọc sâu, đánh mạnh, diệt nhiều sinh lực địch.

Ta đã tập trung lực lượng tiến công địch ở trọng điểm thị xã, khiến cho địch luôn bị động chống đỡ. Việc phát động quần chúng làm chủ vùng ven được tiến hành tốt. Ta kết hợp hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị và quần chúng nổi dậy, thực hiện tốt ba mũi giáp công, đã phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, duy trì được sức tiến công liên tục, đạt hiệu suất cao trong diệt địch và mở ra giành dân.

Tuy nhiên, ta tiến công nhiều điểm, nhiều đơn vị địch, nhưng chưa diệt gọn, chưa dứt điểm lớn; đánh phương tiện chiến tranh, đánh hậu cần, giao thông của địch chưa mạnh, chưa đều; phát động du kích chiến tranh ở vùng mới giải phóng, vùng ven còn yếu.

Tóm lại, thắng lợi của các chiến dịch năm 1969 trên chiến trường Quảng Ngãi là thắng lợi của sự phối hợp cả ba thứ quân, là sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, nhanh, nhạy của Tỉnh ủy và Ban chỉ huy mặt trận, là vai trò và khả năng to lớn của quần chúng với nòng cốt là các lực lượng vũ trang trong tỉnh trong phong trào toàn dân đánh giặc. Thắng lợi này đã đánh bại kế hoạch "bình định lấn chiếm" của địch và làm thay đổi rất lớn tình hình giữa ta và địch

ở chiến trường Quảng Ngãi, càng tăng thêm thuận lợi cho ta và gây nhiều khó khăn, bất lợi cho địch.

II- ĐẤU TRANH CHỐNG BÌNH ĐỊNH, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỰC LỰC CÁCH MẠNG

Tháng 1-1970, Hội nghị lần thứ 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hà Nội, đã đánh giá cục diện chiến trường từ Tết Mậu Thân đến nay và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của năm 1970.

Về âm mưu và chủ trương, chiến lược mới của địch, hội nghị cho rằng, đế quốc Mỹ đang bị buộc phải xuống thang chiến tranh, nhưng chúng rất ngoan cố và còn có tiềm lực. Mặc dù bị thất bại, nhưng chúng vẫn ra sức tìm cách chủ động xuống thang trên thế mạnh, kéo dài chiến tranh xâm lược, thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh" để từng bước rút quân Mỹ ra mà nguy quân, nguy quyền vẫn mạnh, cố giành lại thế mạnh. Vì vậy, Mỹ - nguy sẽ tiếp tục thực hiện kế hoạch "quét và giữ" trong điều kiện mới, lấy bình định làm biện pháp chiến lược hàng đầu.

Từ nhận định trên, Hội nghị nêu ra nhiệm vụ trước mắt là động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, kết hợp tiến công địch về cả quân sự, chính trị và ngoại giao, vừa tiến công địch vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh, tạo ra chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, giành thắng lợi từng bước, đi đến giành thắng lợi quyết định, tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một nước Việt

Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà.

Hội nghị đã nêu lên nhiệm vụ xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân, coi công tác hậu cần có tầm quan trọng chiến lược, cần tổ chức tuyến vận chuyển Bắc - Nam, đồng thời coi trọng phát triển hậu cần tại chỗ.

Hội nghị lần thứ 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh dấu bước chuyển biến quan trọng về sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn mới. Nghị quyết hội nghị đã nhanh chóng được truyền xuống các địa phương tạo ra một không khí mới, sức mạnh mới trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Tháng 3-1970, Khu ủy V triệu tập hội nghị lần thứ 10. Sau khi phân tích âm mưu và thủ đoạn mới của địch, hội nghị xác định nhiệm vụ trung tâm trước mắt của toàn khu trong năm 1970 là "Tập trung sức đánh bại bình định, diệt kẹp, giành dân, giữ dân và xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng"¹.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương và Khu ủy V, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp đánh giá tình hình của tỉnh từ sau chỉnh huấn cuối năm 1969 đến nay.

Về phía địch, hội nghị cho rằng, chúng tung toàn bộ quân Mỹ, ngụy phối hợp càn quét đánh phá liên tục vào vùng quản lý của ta, tăng cường phi pháo, đánh phá ác liệt trong dân, phá hoại mùa màng, bắn giết trâu bò. Chúng tăng cường lòng sục ở vùng giải phóng, đổ quân xuống

1. Nghị quyết Hội nghị Khu ủy V lần thứ 10 (3-1970).

vùng giáp ranh, ngăn chặn hành lang, đề phòng các cuộc tiến công của ta. Ở thị xã, thị trấn, chúng tăng cường phòng thủ, làm thêm công sự, lô cốt liên hoàn, ra sức phát triển phòng vệ dân sự, thanh niên chiến đấu, phát triển các đảng phái phản động như Quốc dân Đảng, Cần lao nhân vị, Đại Việt, Dân xã đảng, tăng cường hoạt động, chống đối lại phong trào cách mạng.

Về phía ta, đã hoàn thành chỉnh huấn, gây được khí thế mới trong Đảng, quân đội và nhân dân. Nhiều nơi đã xây dựng xong bộ máy cấp xã, tiến hành bầu cử xã ủy, chi ủy ở các cơ sở, kiện toàn các cơ quan cấp huyện và cấp tỉnh.

Ta vẫn tiếp tục tiến công và phản công địch, củng cố được các đội du kích xã, các tổ đặc công, giữ được dân và đẩy mạnh đấu tranh hai chân, ba mũi, lãnh đạo dân bị xúc vào trại tập trung đấu tranh trở về quê cũ. Phong trào thị xã vẫn giữ vững và phát triển khá hơn trước, các đội công tác được kiện toàn, trụ bám bên trong có tiến bộ, giữ được hành lang và bàn đạp để tiến công địch.

Về sản xuất có tiến bộ, nhiều nơi đã cấy hết diện tích. Ý thức sản xuất tự túc của các cơ quan, đơn vị có khá hơn trước. Tuy nhiên vấn đề thu mua lương thực là khâu yếu nhất, nhiều nơi tiến hành chậm gây khó khăn cho việc cung cấp lương thực cho lực lượng vũ trang và các cơ quan trong tỉnh.

Về tình hình sắp đến, Hội nghị cho rằng, trong năm qua địch không hoàn thành được kế hoạch "bình định cấp tốc", mà còn bị tổn thất nhiều. Nhưng với bản chất ngoan cố, địch từ chỗ bình định cấp tốc không được, chuyển qua thực hiện kế hoạch bình định kéo dài, dùng nhiều thủ

đoạn thâm độc và thay đổi chiến thuật, ráo riết thực hiện âm mưu "binh định nông thôn" và "phi Mỹ hóa" chiến tranh. Dịch cố tập trung sức, mở rộng diện binh định nông thôn, vùng giải phóng đồng bằng, tăng cường đóng chốt theo từng cụm, xây dựng lô cốt, tháp canh để khống chế sự hoạt động của ta. Đối với vùng giải phóng miền núi, dịch tăng cường hoạt động biệt kích, gián điệp để đánh phá ta, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chuẩn bị cho các cuộc càn quét lớn.

Tuy nhiên, địch vẫn trong thế thua, thế thất bại, nội bộ lung củng, mâu thuẫn gay gắt, tinh thần binh lính sa sút, nếu ta biết lợi dụng chỗ yếu của địch liên tục tiến công, thì địch sẽ thất bại hoàn toàn.

Để đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết của Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy đề ra những nhiệm vụ cấp bách sau đây:

- Kiên quyết đánh bại cho được âm mưu "binh định nông thôn" của địch, giữ cho được toàn bộ dân ở vùng giải phóng, không được để mất đất, mất dân bất cứ tình huống nào.

- Ra sức diệt ác phá kìm, khẩn trương xây dựng thực lực bên trong, phát động quần chúng nổi dậy bằng ba mũi giáp công, làm chủ thêm cho được 100.000 dân.

- Đẩy mạnh cao trào sản xuất vụ xuân và cả năm 1970, khẩn trương giải quyết vấn đề thu mua lương thực, đạt cho được 2.000 tấn.

- Ra sức phát động tư tưởng, động viên chính trị quần chúng, mở ra một phong trào chính trị mạnh mẽ, đều khắp cả ba vùng, tạo nên một khí thế quần chúng sôi nổi trong đấu tranh chính trị và binh vận.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tư tưởng bằng cách liên tục mở các đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng và các đoàn thể quần chúng.

Về phương châm' chỉ đạo, Thường vụ Tỉnh ủy nhấn mạnh đến việc phải tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, phải đánh bại âm mưu "bình định nông thôn", phải lấy nông thôn làm địa bàn và hướng tiến công chủ yếu, phải ra sức xây dựng Đảng, làm cho Đảng gắn chặt với quần chúng, Đảng phải nắm chặt nông dân, đây là vấn đề rất cơ bản của cách mạng, phải liên tục phát động tư tưởng quần chúng, giáo dục cho quần chúng tinh thần quyết thắng giặc Mỹ, quyết trụ bám ruộng vườn, giữ quyền làm chủ, chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân, phải đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh đều khắp, phát triển du kích tự vệ mật, tổ chức lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận mạnh mẽ và quyết liệt.

Sang năm 1970, quân Mỹ rút dần, chỉ còn lại 1 tiểu đoàn pháo binh của lữ đoàn 198 đóng ở chi khu Nước Mặn, 2 trung đội pháo binh thuộc lữ đoàn 11 đóng ở cảng Sa Huỳnh. Quân ngụy có 7 tiểu đoàn của các trung đoàn 4, 5, 6 và 18 đội lực lượng đặc biệt. Địa phương quân tăng mạnh, 67 đại đội bảo an, 228 trung đội nghĩa quân, 8.750 thanh niên tân trang và phòng vệ dân sự, 112 đoàn bình định, 1 đội hải thuyền, nhiều tên mật vụ cảnh sát và thám báo. Chúng có 138 xe quân sự, 103 khẩu pháo các loại, 53 máy bay.

Với lực lượng trên, địch tiếp tục thực hiện âm mưu

"bình định nông thôn" với diện rộng hơn, tập trung vào những điểm mà trước đây chưa làm được như khu vực Ba Làng An, tây Sơn Tĩnh, tây Tư Nghĩa, đông nam Mộ Đức, bắc Đức Phổ, v.v.. Chúng đánh dai dẳng, không ờ ạt, đánh vào tâm lý, đời sống quần chúng để tìm cách xúc tát dân, lùng sục gom dân tại chỗ. Chúng mở rộng và củng cố các đoạn đường nối liền với các vùng ven biển và trục quốc lộ 1.

Mỹ thực hiện âm mưu "phi Mỹ hóa" rất rõ, dùng chủ lực nguy làm lực lượng chủ yếu trong các cuộc càn quét. Địch ra sức đánh phá liên tục, cố thực hiện ba âm mưu lớn là quét, giữ và bình định nông thôn bằng các kế hoạch "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt" và "bình định nước rút".

Trọng điểm đánh phá của chúng là vùng giải phóng, vùng ta làm chủ ở đồng bằng. Chúng dùng xe cày ủi nhà cửa, ruộng vườn của dân, phá nát công cụ lao động; xúc tát dân vào các khu đồn, áp chiến lược và đóng chốt kèm giữ. Chúng biến vùng đông Bình Sơn, tây Sơn Tĩnh thành vùng đất trắng, không còn một gốc cây, ngọn cỏ.

Ở thị xã, thị trấn chúng tăng cường phòng thủ, lập thêm các vành đai từ Núi Bút đến sân bay, rào kẽm gai từ cầu Trà Khúc đến cầu Trường Xuân, xây hệ thống lô cốt phía tây nam thị xã. Chúng còn khống chế quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, phao tin đồn nhảm, dùng tiền của để mua chuộc lôi kéo, lợi dụng bọn chiêu hồi phản bội để khai thác tin tức tại chỗ, phát triển bọn do thám gián điệp, đưa bọn đầu hàng về nông thôn để hoạt động xúc tát dân. Ở miền núi, chúng đưa bọn

địa phương quân về gây cơ sở, phát triển biệt kích, đánh phá với mức độ cao, phá hoại kinh tế, phát quang hàng lang trên một diện rộng từ Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ đến Hành Tín (Nghĩa Hành) gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất.

Chúng thúc đẩy các đảng phái phân động và một số tay sai đội lốt Công giáo tăng cường hoạt động lừa bịp nhân dân. Tổ chức Quốc dân Đảng, Cần lao nhân vị ráo riết hoạt động, phát triển đảng viên trong các tổ chức của ngụy quân, ngụy quyền, bắt ép quần chúng vào tổ chức của chúng để gây sự nghi ngờ, ly gián lẫn nhau. Chúng bắt quần chúng học tập chống, tố cộng, gọi con em bỏ hàng ngũ cách mạng trở về và thực hiện thủ đoạn "vô hiệu hóa" cán bộ ta. Mỹ - ngụy ra sức tăng cường lực lượng cảnh sát, mạng lưới công an mật vụ, khống chế các gia đình có quan hệ tốt với cách mạng. Đặc biệt, chúng phát triển các tổ chức tình báo gián điệp như bọn "Phượng hoàng", "Dân ý vụ", "Thiên nga" và các tổ chức tình báo trá hình như "Nông liên hội". Chúng lợi dụng những người buôn bán đi lại hai vùng để cấy gián điệp vào vùng ta.

Trong âm mưu bình định tại chỗ, địch đã lợi dụng một số quần chúng trở về làng cũ để giao nhiệm vụ chống phá cách mạng và phục vụ cho các cuộc càn quét của chúng.

Với những âm mưu tàn bạo, chúng đã gây cho nhân dân ta nhiều khó khăn, nhất là đời sống luôn bị xáo trộn, ta chịu nhiều tổn thất về người và của. Tính đến tháng 7-1970, địch đã giết chết 4.156 người, làm bị thương 2.720 dân thường và 3.277 người bị bắt. Chúng đã đốt cháy và phá hủy 20.458 nóc nhà, 200.000 ang lúa và hàng chục

triệu đồng bị cướp, 4.841 con trâu bị giết chết hoặc cướp đi. Chúng rải chất độc hóa học làm cho hàng ngàn hécta hoa màu bị hư hại, sự sống của con người bị đe dọa.

Mặc dù địch đã gây cho ta một số khó khăn và tổn thất nhất định, nhưng với khí thế liên tục tiến công và nổi dậy, quyết tâm đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch, quân dân Quảng Ngãi đã liên tiếp mở các chiến dịch lớn phối hợp với toàn khu tiêu diệt quân địch trên chiến trường Quảng Ngãi.

Từ tháng 3 đến tháng 5-1970, ta mở chiến dịch Xuân - Hè (còn gọi là chiến dịch V.180). Theo phương án chung của quân khu, các lực lượng vũ trang ba thứ quân của tỉnh phối hợp với các đơn vị của quân khu đóng trên đất Quảng Ngãi có nhiệm vụ đánh bại kế hoạch "bình định nông thôn" của địch, giành giữ dân, khôi phục và mở rộng vùng giải phóng.

Thực hiện nhiệm vụ trên, ngay từ tháng 2-1970, trước khi mở đầu chiến dịch, các đơn vị vũ trang của ta đã dùng lực lượng vừa, nhỏ luồn lách đánh địch càn quét, đánh địch phục kích, mở đường đưa lực lượng vũ trang xuống vùng sâu, vùng ven ở các huyện. Những trận đánh lẻ tẻ bắt đầu xuất hiện. Tiểu đoàn 48 chia thành nhiều bộ phận phối hợp với du kích chặn đánh các cuộc hành quân lũng ráp của địch ở tây Sơn Tịnh. Tiểu đoàn 83 đánh địch càn ở các xã Hành Tín, Hành Thịnh, diệt nhiều địch, bảo vệ vùng giải phóng. Tiểu đoàn 7 phối hợp với du kích huyện Mộ Đức đánh địch quanh khu đồn Ông Độ diệt và đánh thiệt hại nặng 2 trung đội địch. Tiểu đoàn 107 pháo kích giồng Gò Sắt thuộc căn cứ của trung đoàn 4 ngụy.

Qua những hoạt động trên, quân ta đã diệt hàng trăm tên địch, mở ra các hành lang, cài thế chuyển lực lượng xuống vùng sâu bám trụ các địa bàn đã quy định.

Đúng 2 giờ sáng ngày 1-3-1970, đơn vị đặc công 403 đã tiến công bất ngờ vào một đơn vị pháo binh của lữ đoàn 11 diệt 70 tên Mỹ, phá hủy 7 khẩu pháo 105 và 155 của địch. Cùng thời gian trên, đại đội 120 Đức Phổ tiến công chốt Núi Bé ở Phổ Cường, diệt hàng chục tên Mỹ.

Ở Mộ Đức, tiểu đoàn 83 và đại đội 21 tiến công trung đoàn 4 ngụy, đánh thẳng vào sở chỉ huy, phá hủy 2 khẩu pháo, đốt cháy 2 kho xăng.

Ở Bình Sơn, tiểu đoàn 406 tập kích cứ điểm Nước Mặn, diệt 95 tên Mỹ. Ta làm chủ căn cứ. Sau chiến thắng Nước Mặn, các lực lượng vũ trang của ta triển khai chặn đánh quân ứng cứu, nghi binh đánh lạc hướng quân Mỹ, tạo điều kiện cho du kích và các đội công tác đột nhập vào các ấp Trì Bình, An Điền, Liên Trì diệt ác phá kìm, phát động quần chúng đốt phá khu đồn, áp chiến lược. Đại đội 95 Bình Sơn tiến công diệt chốt Đồi Chùa, đánh ấp Phú Lễ, Phước Thuận. Tiếp đó nhiều "ấp chiến lược", khu đồn ở Sơn Tịnh bị quân dân Sơn Tịnh đốt phá, hàng chục tên ác ôn bị tiêu diệt. Trong 10 ngày đầu của tháng 4, lực lượng vũ trang Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh đã đánh Mỹ "lếch" lừng sục ở các địa phương trên, diệt 70 tên. Lực lượng vũ trang Tư Nghĩa đánh quân ngụy đổ xuống bằng trực thăng ở núi Mô Côi diệt 33 tên, bắn rơi 4 máy bay HUIA, phục kích diệt 75 tên Mỹ "lếch" tại Bàu Sơn, Đá Sơn (Nghĩa Lâm). Du kích các xã Đức Thạnh, Đức Hòa, Đức Minh, Đức Phong (Mộ Đức) đánh địch cướp lúa của

dân đang gặt ở ngoài đồng, diệt 60 tên, bảo vệ cho dân thu hoạch lúa.

Trong chiến dịch Xuân - Hè, toàn tỉnh đã đánh 186 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 1.338 tên địch, trong đó chết 1.186 tên, có 323 tên Mỹ, 87 tên ác ôn, bị thương 182 tên có 45 tên Mỹ, bắt sống 16 tên tay sai ác ôn, diệt gọn 1 đại đội bảo an, 5 trung đội và 2 tiểu đội dân vệ, bảo an, thu 91 súng các loại, bắn rơi 16 máy bay, đánh sập 13 lô cốt và 40 nhà lính trong khu đồn.

Như vậy, chiến dịch Xuân - Hè năm 1970 kết thúc với những thắng lợi giòn giã, có ý nghĩa lớn. Quân dân ta đã góp phần đẩy lùi quân địch sâu hơn trong thế phòng ngự. Các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã nêu cao quyết tâm khắc phục khó khăn, chiến đấu liên tục, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, hỗ trợ đắc lực cho quân chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở và các đội công tác trở về trụ bám xây dựng và phát triển phong trào.

Dù bị thất bại nặng nề, nhưng địch vẫn liều lĩnh xúc tiến kế hoạch "bình định" rất khẩn trương. Chúng mở các cuộc hành quân, luân phiên đánh phá, "bình định" trở lại một số vùng thuộc các huyện Tư Nghĩa, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ, lập thêm khu đồn, "áp chiến lược". Đặc biệt, chúng củng cố khu đồn Bàu Giang - Đá Chẽ, lừa vào trong đó cùng một lúc 5.500 dân, hủy diệt hàng chục làng mạc, làm cho cuộc sống của nhân dân càng thêm khó khăn.

Trước tình thế đó, tháng 7-1970, Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị đánh giá tình hình và cho rằng, địch tuy đồn

đập đánh phá ác liệt nhưng chúng vẫn ở trong tình trạng bị động, tuy lập lại một số ấp và khu đồn nhưng chúng không quản lý được chặt chẽ. Đồn bót địch có nhiều thêm, nhưng chúng không đồn hết được dân, mà chỉ kẹp dân tại chỗ. Chúng có lập được một số khu đồn lớn, nhưng ta đã cài được cơ sở hoạt động bên trong để nắm tình hình và vận động quần chúng, khi có thời cơ sẽ bung ra đấu tranh. Đội công tác, chính quyền xã vẫn bám được địa bàn hoạt động. Mặc dù có khó khăn, nhưng mạng lưới thông tin liên lạc từ xã đến huyện, tỉnh vẫn thông suốt, chỉ đạo kịp thời.

Từ nhận định tình hình trên, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: "Động viên sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang ba thứ quân, kết hợp chặt chẽ với mũi đấu tranh chính trị và binh vận hoạt động liên tục, trong từng đợt cao điểm, hỗ trợ trực tiếp cho quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, đánh mạnh vào quân nguy, phá tan nguy quyền, giành giữ dân, giữ vững thành quả cách mạng đã đạt được, tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn"¹.

Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy khẳng định: "Phải kết hợp chặt chẽ hai lực lượng, ba thứ quân, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở cả ba vùng, đồng thời đẩy mạnh tác chiến tập trung, nhằm đánh bại chương trình "bình định đặc biệt" của địch, phục vụ tốt cho nhiệm vụ trung tâm "diệt kẹp, giành dân, giành quyền làm chủ"².

1,2. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy, tháng 7-1970. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Thực hiện nhiệm vụ trên, quân dân Quảng Ngãi mở tiếp chiến dịch Thu 1970 (H25). Chỉ tính từ 29-8 đến 14-10-1970, các lực lượng vũ trang ta đã mở đợt tiến công mạnh mẽ trong toàn tỉnh, đã đánh tất cả 470 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 2.946 tên địch, trong đó có 827 tên Mỹ, 77 tên ác ôn, diệt gọn 1 tiểu đoàn biệt động biên phòng, 1 đại đội bảo an, 19 trung đội và 1 tiểu đội Mỹ, thu 103 súng các loại, bắn cháy 61 xe quân sự, bắn rơi 31 máy bay, đánh sập 12 lô cốt, 9 cầu cống. Đặc biệt, trong chiến dịch Thu 1970, quân dân ta đã đánh vào cụm cứ điểm chi khu quận lỵ Trà Bồng vào đêm 7 rạng 8-10-1970. Trong trận này, ta đã san bằng cụm cứ điểm quận lỵ Trà Bồng, trại huấn luyện lực lượng đặc biệt và đồn Hre gồm 13 mục tiêu, diệt gọn 1 tiểu đoàn biệt động biên phòng, 16 tên cố vấn Mỹ, toàn bộ Ban chỉ huy tiểu đoàn và nhiều tên sĩ quan ác ôn nguy; toàn bộ hội đồng thị trấn và bọn ác ôn ở ấp Gò Khế đều bị đền tội. Ta đã tiêu diệt trên 600 tên địch, trong đó có tên thiếu tá quận trưởng, tên đại úy quận phó, tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng biệt động.

Đây là một trận đánh xuất sắc, mở đầu cho giai đoạn đánh tiêu diệt chi khu quân sự, cụm cứ điểm lớn và quận lỵ kiên cố của địch.

Chiến thắng Trà Bồng đã giáng một đòn đau làm rung chuyển hệ thống phòng ngự của địch ở các cứ điểm, đồn bót, ấp chiến lược và khu đồn làm cho chúng vô cùng hoang mang lo sợ. Chiến thắng Trà Bồng đã ghi thêm trang sử oanh liệt cho quân dân Quảng Ngãi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nó đã cổ vũ khí thế tiến công của quân và dân ta tiến lên đánh bại hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Song song với tiến công quân sự, phong trào đấu tranh chính trị, giành giữ dân được phát triển rất mạnh mẽ. Hàng chục vạn quần chúng nổi dậy tiến công vào ấp chiến lược và khu đồn dân, giải thoát hàng nghìn dân. Tính đến tháng 10-1970, ta đã nắm được 205.000 dân ở vùng giải phóng và 133.000 dân ở vùng tranh chấp.

Đi đôi với chống địch "bình định", giữ dân và bảo vệ vùng giải phóng, ta đã liên tục đẩy mạnh hoạt động phía trước diệt ác phá kìm mở ra giành dân, đưa dân lên thế làm chủ ở vùng nông thôn, vùng ven và giành quyền làm chủ một số nơi trong thị trấn, thị xã.

Công tác xây dựng thực lực bên trong, xây dựng các đoàn thể, lực lượng cốt cán sống ở thế hợp pháp ngày càng phát triển. Các đội du kích mật, an ninh mật được phát triển khá mạnh đã trừng trị nhiều bọn ác ôn bình định, bọn ngụy quyền phản động gian ác.

Đặc biệt, trong chiến dịch Xuân - Hè năm 1970, ta đã tiến công vào 93 ấp chiến lược và khu đồn, có những ấp và khu đồn bị tiến công nhiều lần; quần chúng đã nổi dậy làm chủ 18 ấp khoảng 25.000 dân, đưa dân bị kẹp lên thế tranh chấp khoảng 20.000 dân. Trong chiến dịch Thu 1970, cùng với việc tiến công vào các cứ điểm và chốt của địch, nhất là với chiến thắng Trà Bồng, quần chúng đã nổi dậy cùng với các đội công tác và du kích phá banh một số khu đồn và ấp chiến lược bung dân về vùng giải phóng như phá ấp Xóm Đình (Bình Trung), Tiên Đào (khu đồn Bình Minh), Phú Thọ, Gò Thi, Kim Sa, Cẩm Sơn (Tịnh Thọ), Trường An (Tịnh Khê), v.v., khí thế nổi dậy của quần chúng ngày càng sôi nổi và mạnh mẽ.

Phong trào đấu tranh chính trị và binh vận đã đóng vai trò rất quan trọng trong chống địch "bình định", giữ dân và phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ.

Trong năm qua, đã có hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị với hàng vạn lượt người tham gia, trực tiếp phục vụ cho việc giành giữ dân ở nông thôn và tập hợp lực lượng rộng rãi tiến công chính trị ở thị xã, thị trấn. Nổi bật là phong trào đấu tranh trực diện của nhân dân ở Đức Chánh (Mộ Đức), Bình Chánh, Bình Nguyên (Bình Sơn) chống địch xúc tát, kiên quyết trụ bám "một tấc không đi, một ly không rời". Quần chúng bị địch xúc, bị dồn đã đấu tranh đòi trở về quê cũ làm ăn. Ở các vùng bình định trọng điểm của địch, quần chúng đã kiên trì đấu tranh kéo dài hàng năm, địch không thể nào ổn định được tình hình. Nhân dân ở ấp Thạch Bi, xã Phổ Thạnh đấu tranh đòi khôi phục lại nghề cá, được dùng thuyền đánh bắt cá đi từ cửa Mỹ Á đến Sa Huỳnh. Nhân dân ở Tịnh Thọ, Đức Hòa đấu tranh quyết liệt chặn xe tăng địch không cho dẫm lên ruộng lúa, chà xát hoa màu, bảo vệ thu hoạch vụ mùa không cho địch cướp phá. Quần chúng còn đấu tranh giữ các hệ thống mương đập, máy bơm nước để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất.

Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp trong thị xã, thị trấn có những chuyển biến tốt, ngày càng tập hợp được nhiều lực lượng rộng rãi chống Mỹ - Thiệu - Kỳ, đòi văn hòa bình, đòi Mỹ rút quân về nước, đòi cải thiện đời sống, chống sinh hoạt dốt đở. Đặc biệt, ở các trường Kim Thông, Bò Đè, Trần Quốc Tuấn hơn 5.000 lượt học sinh tham gia hội thảo đòi văn hòa bình, hòa hợp dân tộc,

dấu tranh chống quân sự hóa học đường, chống phá tổ chức phòng vệ dân sự. Học sinh còn tham gia các hoạt động cứu tế xã hội, hỗ trợ cho đồng bào vùng ven dấu tranh chống địch khủng bố.

Trong quá trình chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", công tác binh địch vận đã góp phần hạn chế sự đánh phá, xúc tát, đồn dân của địch. Ta đã sử dụng hình thức "nội công, ngoại kích" diệt cứ điểm và tranh thủ binh lính đồng tình ủng hộ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Trong trận cầu Nước Mặn và trận Bình Dương ta đã làm công tác binh vận tốt, vận động được binh lính địch đồng tình ủng hộ làm nội ứng bên trong nên đã diệt gọn được nhiều đơn vị địch, thu được nhiều vũ khí. Ta đã tổ chức những hội gia đình binh sĩ, để họ tuyên truyền vận động chồng, con, em bỏ hàng ngũ địch trở về với gia đình, với nhân dân. Sáu tháng đầu năm 1970, nhiều gia đình ở các xã Phổ Văn, Phổ Thuận, Phổ Khánh, Phổ Hiệp (Đức Phổ), Đức Phong, Đức Chánh (Mộ Đức), Nghĩa Kỳ (Tư Nghĩa), Bình Trung (Bình Sơn) đã vận động làm đào rã ngũ hơn 6.925 binh sĩ ngụy, phần lớn là phòng vệ dân sự, rã ngũ tập thể 45 trung đội, 31 tiểu đội, 12 đoàn binh định, 1 đại đội bảo an.

Ta đã tổ chức và xây dựng nhiều cơ sở nội tuyến trong thị xã, thị trấn và trong các đơn vị địch. Nhờ đó, trong chiến dịch Hè - Thu, ta đã làm rã ngũ lẻ tẻ gần 3.000 tên địch, rã ngũ tập thể 28 trung đội phụ quân, 1 đại đội lính bảo an, 6 đại đội học sinh quân sự hóa, 3 đại đội tân binh. Đặc biệt, ngày 10-5-1970, cơ sở nội tuyến ở thị xã đã vận động binh lính làm binh biến tại quân trường Quảng Ngãi, hơn 480 binh sĩ mang vũ khí về với nhân dân. Tháng

10-1970, một cơ sở nội tuyến mang bí số B1 đã bí mật gài mìn định giờ vào một xe quân sự Mỹ, mìn nổ làm 2 sĩ quan Mỹ chết, 1 tên bị thương nặng. Vụ này đã gây dư luận xôn xao ở phi trường Quảng Ngãi, làm cho lính Mỹ vô cùng sợ hãi.

Tỉnh ủy còn chủ trương phải ra sức xây dựng lực lượng dân quân du kích lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, mỗi xã phải có một trung đội du kích, mỗi thôn phải có 1 tiểu đội, nơi nào khó khăn quá cũng phải thành lập một tổ du kích.

Thực hiện chủ trương trên, đến tháng 6-1970, toàn tỉnh có 9.283 du kích các loại, trong đó ở đồng bằng có 3.517 người, ở miền núi có 5.763 người.

Lực lượng du kích chiến đấu có nhiều tiến bộ, đã diệt được lính ngụy đi càn hoặc chốt điểm, đã đánh được Mỹ "lếch" với nhiều mưu trí sáng tạo trong việc chế tạo và sử dụng vũ khí tự tạo. Phong trào du kích đánh xe cơ giới, đánh máy bay phát triển khá tốt. Du kích các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Trà, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh), Nghĩa Thắng, Nghĩa Hòa (Tư Nghĩa), Bình Châu, Bình Mỹ, Bình Dương (Bình Sơn), Đức Hòa, Đức Minh, Đức Chánh (Mộ Đức) đã đánh các trận càn bình định của địch, diệt nhiều xe ủi, xe tăng, nhiều sĩ quan và bọn ác ôn bình định, ngăn chặn được tốc độ đánh phá của địch, hỗ trợ cho quần chúng bám trụ nổi dậy. Trong chiến dịch Xuân- Hè và Thu 1970, du kích các địa phương hoạt động khá mạnh. Tại khu vực Dốc Phú, trong 12 ngày, du kích tây Bình Sơn và tây Sơn Tịnh đã diệt 23 xe cơ giới địch. Du kích đông Sơn Tịnh diệt 13 xe địch. Du kích Tịnh Hòa trong 1 tháng diệt 23

xe ủi, có 18 chiếc bỏ xác tại chỗ. Trong 10 ngày đầu tháng 9-1970, du kích tây Bình Sơn, tây Sơn Tĩnh liên tiếp bắn rơi 6 tàu rọ. Du kích ở Ba Tư, Sơn Hà đã dùng cảm bắn rơi nhiều máy bay trực thăng HUIA của địch đi thả chất độc hóa học phá hoại hoa màu của nhân dân. Du kích tây Sơn Tĩnh có sáng kiến phát động phong trào 3 ngọn cờ diệt xe tăng, diệt "tàu rọ" và đánh Mỹ "lếch".

Có thể nói, phong trào du kích chiến tranh phát triển rộng khắp mọi nơi trong tỉnh; chất lượng, số lượng và kỹ thuật có tiến bộ, đánh địch có nhiều mưu trí phong phú sáng tạo; hiệu suất chiến đấu ngày càng cao, khả năng diệt từng trung đội, tiểu đội địch là chuyện hàng ngày có thể thực hiện được đối với lực lượng du kích ở các địa phương.

Để phát triển phong trào du kích chiến tranh bên trong thị xã, thị trấn, Tỉnh ủy chủ trương thành lập "chi bộ đặc biệt", đưa đảng viên ở nông thôn, vùng ven vào thị xã sống hợp pháp để tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ trong thị xã, lãnh đạo và đưa phong trào thị xã, thị trấn phát triển. Trong tình hình địch đánh phá ác liệt, "chi bộ đặc biệt" đã đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng tại thị xã và các vùng ven.

Các tổ chức quần chúng ngày càng phát triển, nhất là ở vùng giải phóng, vùng căn cứ và vùng giáp ranh.

Năm 1970, tổng số hội viên nông hội của tỉnh là 17.735 người. Số hội viên phía trước có 910 người. Ở đồng bằng, các tổ văn công, đối công đã được hình thành và hoạt động theo từng vụ, từng mùa. Riêng các huyện Bình Sơn, Sơn Tĩnh, Mộ Đức đã lập được 152 tổ đối công liên hoàn theo từng xã, từng thôn với số hội viên là 1.771 người.

Việc kiện toàn các tổ vùn công, đổi công theo liên thôn xóm, bao gồm tất cả nông dân nam nữ, già trẻ đã phát huy được vai trò tích cực của họ trên các mặt du kích chiến tranh, đấu tranh chính trị, binh vận, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, giữ vững trật tự trị an, phòng gian bảo mật và chống do thám gián điệp. Các tổ đã có tác dụng trong việc chống "bình định" giành giữ dân. Ở miền núi, các tổ đổi công và hợp tác với số hội viên là 18.935 người đã có tác dụng tích cực trong việc phát triển sản xuất và cải tiến kỹ thuật tăng năng suất. Các tổ nông hội đã vượt qua khó khăn do địch gây ra, kiên quyết bám ruộng rẫy để sản xuất và cải thiện đời sống.

Hội phụ nữ giải phóng vẫn tiếp tục phát triển với số hội viên là 13.133 người, đã bầu được 292 chị vào Ban Chấp hành phụ nữ huyện và 106 chị là ủy viên Ban Chấp hành phụ nữ xã. Hội phụ nữ đã đóng vai trò quan trọng của mình trong đấu tranh trực diện chống địch xúc tát, phá đôn dân trở về vùng ta làm chủ. Chị em đã đảm đang phần lớn công việc đồng áng, bảo đảm sản xuất, chăm sóc bảo vệ và thu hoạch mùa vụ, chống địch cướp phá hoa màu.

Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng Hồ Chí Minh không ngừng phát triển. Năm 1970, tổng số đoàn viên trong tỉnh lên đến 5.805 đoàn viên, có 1.352 nữ. Số đoàn viên sống hợp pháp là 502 người, trong đó có 397 nữ. Đoàn viên trong du kích là 3.006 người, có 808 nữ; du kích mật có 687 người. Đoàn viên đã vào nông hội là 2.827 người. Hội viên thanh niên giải phóng là 3.282 người, có 1.644 nữ, số sống hợp pháp là 785 người. Chỉ tính 6 tháng đầu năm 1970, số thanh niên tòng quân và thanh niên xung

phong là 358 người, có 7 đội thanh niên xung phong thường trực tại xã. Đặc biệt, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh đã có đến 3.832 em, trong đó có 1.851 nữ. Thiếu niên tham gia du kích có 663 em, có 105 em là du kích mật.

Công đoàn vận chuyển, công đoàn cơ quan đã được xây dựng và phát huy tốt vai trò của mình.

Các công đoàn trong thị xã, thị trấn đã phát triển khá, bước đầu làm nòng cốt vận động nhân dân trong thị xã, thị trấn đấu tranh chống địch. Tháng 12-1969, Đại hội Công đoàn tỉnh Quảng Ngãi đã bầu Ban Chấp hành Công đoàn tỉnh. Ở các huyện đã có cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn.

Các đoàn thể đã giáo dục và động viên các hội viên của mình hăng hái đóng góp lương thực, thực phẩm, tài chính cho cách mạng, đã thực hiện tốt hậu cần nhân dân tại chỗ, bảo đảm cho chiến sĩ đánh giặc và góp phần giành thắng lợi trong các chiến dịch.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế được Tỉnh ủy rất quan tâm. Năm 1970, Quảng Ngãi đã mở 121 lớp học bình dân, đã xóa nạn mù chữ cho 1.571 người. Các con em liệt sĩ, con gia đình có công được Tỉnh ủy quan tâm đúng mức. Tỉnh đã đưa 198 em ra học tập ở miền Bắc, trong đó có 51 nữ và 71 em người dân tộc. Tỉnh còn cử nhiều cán bộ đi học ở Trường Đảng khu. Riêng Trường Đảng tỉnh năm 1970 đã đào tạo được 166 đồng chí có trình độ lý luận sơ cấp. Ngoài ra, tỉnh còn cử 33 đồng chí ra miền Bắc học tập và đào tạo thành những cán bộ chủ chốt cho tỉnh. Tỉnh đã mở lớp bồi túc văn hóa cho hơn 100 cán bộ tại trường bồi túc văn hóa tập trung của tỉnh.

Quảng Ngãi đã khôi phục lại được 274 lớp học từ lớp 1 đến lớp 4, với số học sinh là 5.242 em. Riêng ở tây Sơn Tịnh đã mở được 52 lớp vỡ lòng và trường phổ thông cấp I với 1.325 học sinh. Huyện Mộ Đức vẫn duy trì được trường phổ thông cấp II, hơn 60 học sinh theo học. Ở Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ việc học của các em có lúc phải tạm hoãn vì do địch càn quét đánh phá. Đến khi tình hình ổn định, trường lớp lại mở, các em cắp sách đến trường học như thường lệ.

Năm 1970, Tỉnh ủy còn chú ý đề bạt hàng loạt cán bộ sơ, trung cấp vào những chức vụ chủ chốt của các ngành trong tỉnh. Những cán bộ già yếu được đưa đi chữa bệnh, an dưỡng ở các khu điều dưỡng của tỉnh hoặc đưa ra miền Bắc. Đặc biệt, có đông chí được đưa đi chữa bệnh, điều dưỡng ở nước ngoài.

Công tác tuyên truyền, văn nghệ phát triển khá mạnh. Tờ báo "Giải phóng" là cơ quan ngôn luận của Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Ngãi, thực chất là của Đảng bộ tỉnh, đã có tác dụng rất lớn trong việc phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh Đảng bộ và Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh đến mọi tầng lớp nhân dân, đã phát hành được 22.000 số. Tỉnh ủy còn cho in hàng loạt truyền đơn, khẩu hiệu, lời hiệu triệu phát tán vào thị xã, thị trấn và vùng trọng yếu kêu gọi và cổ động khí thế nổi dậy của quần chúng tiến công vào ngục quân, ngục quyền.

Đoàn văn công giải phóng tỉnh, đoàn điện ảnh giải phóng và các đội văn nghệ nghiệp dư ở các huyện đã xuống các địa phương phục vụ nhân dân, góp phần bồi dưỡng tinh

thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ và động viên mọi người hăng hái sản xuất, đóng góp nghĩa vụ kháng chiến đầy đủ để nuôi quân đánh giặc. Từng lúc từng nơi, ta đã phát động được phong trào "tiếng hát át tiếng bom" gây được không khí vui tươi, lành mạnh trong thôn xóm. Phong trào thu dốt truyền đơn, sách báo đòi truy của địch, đả phá chính sách chiêu hồi và các luận điệu xuyên tạc đường lối cách mạng đã được phát động rộng khắp ở các địa phương, được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Công tác y tế phòng chữa bệnh được giữ vững. Tỉnh đã phát động phong trào "Vệ sinh yêu nước" ở đồng bằng và phong trào "Ba sạch" ở miền núi, được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Hệ thống y tế đã được hình thành từ huyện xuống xã và các trạm cấp cứu ở các địa phương kịp thời cứu chữa cho những người ốm đau hoặc bị tai nạn trong chiến đấu và sản xuất.

Y tế tỉnh, huyện đã bào chế và sản xuất được hơn 107.772 viên thuốc các loại, 450 lít thuốc nước và 1.470 thang thuốc nam. Tỉnh đã mở 6 lớp chuyên môn đào tạo được 85 y sĩ, 36 nữ hộ sinh, 60 dược tá, 16 thầy thuốc đông y; đã cử 5 y sĩ đi bổ túc ở tuyến trên để trở thành bác sĩ và 20 hộ sinh được bổ túc thêm để thành y sĩ sản khoa. Các huyện đồng bằng đã đào tạo được 600 y tá, 500 hộ sinh và 487 hội viên chữ thập đỏ.

Công tác văn hóa xã hội đã góp phần đáng kể trong việc gìn giữ sức khỏe, bồi dưỡng tinh thần cho nhân dân để bảo đảm chiến đấu và sản xuất. Nó đã có tác dụng tích cực, đẩy lùi văn hóa đòi truy và sự tuyên truyền bịp bợm

của địch, tạo cho quần chúng niềm tin tưởng vào cách mạng.

Đối với công tác đảm phụ kháng chiến, nhân dân vẫn tích cực thực hiện. Mặc dù thiên tai, địch họa liên tiếp xảy ra, nhưng nhân dân đã đóng góp được 89 tấn gạo và 8 triệu đồng, đã vận chuyển được 544 tấn hàng hóa, đóng góp được 87.863 ngày công phục vụ chiến đấu, đã động viên được 484 người tham gia thanh niên xung phong, làm thêm được con đường mới dài hàng chục km, 16 cung trạm và 25 cầu cống để đưa đón cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đi lại, bảo đảm sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tăng gia sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, nhiều nơi sản lượng lương thực mất đến 60-70%, làm cho đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào cách mạng của tỉnh.

Để tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, động viên nhân dân tham gia kháng chiến, từ ngày 4 đến 6-11-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ IV khai mạc tại Mang Xinh (Trà Bồng). Tham gia Đại hội có 115 đại biểu, đại diện cho trên 8.500 đảng viên trong toàn tỉnh.

Báo cáo của Tỉnh ủy trước Đại hội đã kiểm điểm sâu sắc các mặt hoạt động của tỉnh từ Đại hội lần thứ III đến nay.

Báo cáo cho rằng, từ Đại hội Đảng bộ lần thứ III đến nay vừa tròn 2 năm, quần dân ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng và gian khổ, đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện; nhưng do bản chất ngoan cố và hiếu chiến, địch vừa phòng thủ, vừa ra sức phản công cục bộ, xúc tiến thêm

một bước thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" bằng cách ráo riết bắt lính, đôn quân và tiếp tục tiến hành "bình định nông thôn" giành dân quyết liệt với ta. Đảng bộ và quân dân Quảng Ngãi đã quyết tâm thực hiện phương châm chiến lược của Đảng, tích cực đánh bại âm mưu bình định nông thôn, giữ được dân, vùng giải phóng căn bản được giữ vững và phát triển.

Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận đã có bước phát triển mới trong việc vận dụng ba mũi giáp công đánh địch, phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm là giành giữ dân. Quần chúng đã giữ được thế hợp pháp trụ bám ruộng vườn sản xuất và chiến đấu. Binh vận được đẩy mạnh, đã vận động và làm tan rã nhiều quân địch.

Công tác kinh tế tài chính, tuy có nhiều khó khăn, nhưng ta đã có sự nỗ lực và cố gắng rất lớn trong việc giữ vững sản xuất, giải quyết được đời sống nhân dân, huy động được nhiều lương thực đáp ứng cho nhu cầu kháng chiến.

Về công tác xây dựng Đảng, báo cáo nêu rõ, những thắng lợi của phong trào cách mạng trong tỉnh thời gian qua, trên các mặt hoạt động không tách rời với sự củng cố, phát triển và sự lãnh đạo của Đảng bộ ta. Công tác xây dựng Đảng cả về tư tưởng và tổ chức đã được xem là công tác then chốt, quyết định cho mọi thắng lợi.

Tỉnh đã mở ba đợt chỉnh huấn lớn học tập các nghị quyết của Khu ủy. Tỉnh ủy mở những đợt sinh hoạt chính trị ngăn ngày nhằm vào các đợt kỷ niệm sinh nhật Đảng, khởi nghĩa Ba Tơ, học tập làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, v.v.. Tỉnh ủy còn tổ chức các cuộc hội thảo

chuyên đề về du kích chiến tranh, về công tác tổ chức, về công tác địch vận, dân vận, Mặt trận, v.v. đã làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và sự thất bại tất yếu của địch, qua đó nâng cao được sự nhận thức và sự tin tưởng tất thắng vào sự nghiệp cách mạng nước ta.

Qua các đợt vận động xây dựng tổ chức cơ sở xã, thôn và công tác bảo vệ Đảng, ta đã nâng cao được nhận thức của cán bộ, đảng viên về đường lối xây dựng Đảng của giai cấp công nhân, xem công tác xây dựng Đảng là một trong những vấn đề then chốt của cách mạng. Do đó, các quy định về phương hướng phát triển, về tiêu chuẩn chính trị và thành phần, cấu tạo bộ máy lãnh đạo các cấp Đảng từ Tỉnh ủy, Huyện ủy đến các chi bộ đều được nghiêm túc thực hiện. Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng chi bộ 4 tốt, đảng viên 4 tốt được tiến hành thường xuyên liên tục, gắn chặt với nhiệm vụ trung tâm là nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Công tác phát triển Đảng được tiến hành thường xuyên. Năm 1969 đã kết nạp 1.356 đảng viên, trong đó có 482 đồng chí được kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh, 9 tháng đầu năm 1970, phát triển thêm 1.365 đảng viên mới. Tổng số đảng viên tính đến tháng 9-1970 là 8.568 đồng chí, trong đó có 1.829 nữ, 2.214 đảng viên người dân tộc.

Ngoài những thành tích đã đạt được, báo cáo Đại hội đã nêu lên một số khuyết, nhược điểm cần ra sức khắc phục:

Về quân sự, tuy có đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, nhưng hoạt động chưa thật mạnh và liên tục, đánh tiêu

diệt chưa tốt; phong trào du kích chiến tranh phát triển không đều, nhất là vùng ven, thị xã, thị trấn; xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh, huyện chưa mạnh, quân số ít, bổ sung khó khăn; công tác tư tưởng, chính trị trong lực lượng vũ trang chưa đáp ứng kịp yêu cầu của tình hình mới.

Về chống càn bình định, diệt kẹp giành dân chưa mạnh, đạt yêu cầu còn thấp. Do chủ quan chưa thấy hết âm mưu thâm độc của địch, nên đối phó của ta ở một số nơi chưa kịp thời và triệt để, nên có nơi, có lúc còn mất dân, núng thế, chệnh choạng, thiếu bình tĩnh. Hai mặt chống bình định, giữ dân và diệt kẹp mở ra giành dân chưa đồng đều. Thực lực bên trong phát triển chưa đều, ít và yếu.

Về chỉ đạo ba vùng, tuy có chú ý hướng trọng điểm, nhưng nhẹ chỉ đạo miền núi, chưa tập trung xây dựng vùng giải phóng vững mạnh, sản xuất còn chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác động viên chính trị, giáo dục quần chúng tiến hành không thường xuyên, các tổ chức quần chúng mà trung tâm là tổ chức Nông hội, xây dựng còn chậm và chưa thật mạnh.

Đấu tranh chính trị, binh vận chưa theo kịp với hoạt động vũ trang, kết hợp ba mũi giáp công chưa chặt. Tổ chức lực lượng đấu tranh chưa tốt, đội ngũ cán bộ cốt cán còn ít. Công tác binh vận chưa trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, chưa tạo được sự binh biến lớn trong hàng ngũ địch.

Công tác tổ chức và xây dựng Đảng chưa theo kịp với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Trong tình hình khó khăn, tư tưởng cán bộ, đảng viên còn hay diễn biến

phức tạp, tư tưởng hữu khuynh, cơ thủ, ngại ác liệt, sợ hy sinh, ngán lâu dài, ỷ lại, trông chờ, cá nhân chủ nghĩa thường xuyên xuất hiện trong cán bộ, đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng, trung tâm là xây dựng chi bộ chưa thật mạnh, công tác phát triển đảng viên mới còn chậm, không bù được số đảng viên hy sinh và bị xử lý khỏi Đảng. Công tác đào tạo bồi dưỡng và đề bạt cán bộ tiến hành chậm, không đáp ứng kịp yêu cầu.

Qua thực tiễn đấu tranh, Đại hội đã rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

1. Nhờ đánh giá đúng đắn địch, ta, kiên định lập trường và tinh thần cách mạng triệt để, xáp vào ác liệt, kiên quyết tiến công địch, chúng ta đã liên tiếp đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, giành được thắng lợi, giữ vững và phát triển phong trào.

2. Quán triệt quan điểm lấy "dân làm gốc", toàn Đảng bộ ra sức thực hiện nhiệm vụ trung tâm giành giữ dân, thực hiện 4 bám, phát triển thực lực cách mạng thì sẽ đập tan âm mưu "bình định" xức tát dân của địch và giành thắng lợi căn bản cho phong trào.

3. Phải nắm vững mục tiêu cách mạng, nắm vững phương hướng tiến lên, quy luật giành thắng lợi và không ngừng phát triển thế và lực của cách mạng là vấn đề cơ bản để giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

4. Có kiên định và vận dụng nhuần nhuyễn phương châm hai chân ba mũi giáp công với tư tưởng chiến lược tiến công thì mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của bạo lực quần chúng, của chiến tranh nhân dân, mới đánh thắng được kẻ địch.

5. Có làm tốt công tác giáo dục chính trị, phát động tư tưởng gắn chặt với công tác tổ chức, theo sát với nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, thì mới vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi quyết định.

6. Trong quá trình đấu tranh và phát triển của phong trào, công tác xây dựng Đảng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí, sự lãnh đạo của Đảng ở khắp mọi nơi, trên mọi mặt công tác, gắn chặt Đảng với quần chúng là nhân tố then chốt quyết định thắng lợi.

Sau khi đánh giá tình hình, nêu lên những thành tích đã đạt được, những thiếu sót tồn tại, những kinh nghiệm rút ra và những âm mưu và thủ đoạn của địch, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung cho toàn Đảng bộ:

"Phát huy thắng lợi to lớn vừa qua, ra sức động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân, tăng cường đoàn kết, kiên trì đẩy mạnh kháng chiến, đẩy mạnh ba mũi giáp công, tập trung đánh bại "Việt Nam hóa chiến tranh", âm mưu "bình định nông thôn" của địch; ra sức diệt ác, phá kìm, giành dân làm chủ toàn bộ (trừ một số quận lỵ) nông thôn đồng bằng và miền núi, làm chủ cơ sở và nắm dân ở bên trong thị xã, thị trấn và ngoại ô thị xã, đưa phong trào thành thị, xây dựng vùng địch kiểm soát tiến lên mạnh mẽ; ra sức xây dựng vùng giải phóng và căn cứ vững mạnh về mọi mặt, đẩy mạnh sản xuất, động viên lương thực, bảo đảm nhu cầu kháng chiến và cải thiện đời sống quần chúng; xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng thực lực chính trị, vũ trang ở cả ba vùng mạnh mẽ, đặc biệt chú trọng xây dựng thực lực bên trong, chuẩn bị đầy đủ để giành thắng lợi lớn, góp phần cùng toàn khu, toàn miền làm thay đổi cục diện chiến trường,

giành thắng lợi quyết định, bảo đảm thắng lợi trong mọi tình huống, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"¹.

Đại hội xác định nhiệm vụ trung tâm của năm 1971 là "Tập trung chỉ đạo, kiên quyết đánh bại về căn bản kế hoạch "bình định đặc biệt" của địch, đồng thời ra sức diệt ác, phá kìm mở ấp giành dân, làm chủ từng vùng rộng lớn, đưa lên tranh chấp và lồng kẹp những vùng còn lại, làm chủ cơ sở và nắm dân ở thị xã, thị trấn, tích cực xây dựng thực lực của ta đều cả ba vùng; đặc biệt là phải khẩn trương xây dựng vùng ta làm chủ cả miền núi và đồng bằng thật tốt, thật mạnh về mọi mặt".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới, gồm 32 đồng chí, do đồng chí Phạm Thanh Biên làm Bí thư², các đồng chí Trần Vỹ (Văn), Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Chức làm Phó bí thư.

Nhằm động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng, nhất là nhiệm vụ trung tâm, Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh đã phát động một phong trào thi đua lấy tên "*Noi gương Bác, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược*", thời gian từ 15-11 đến 19-5-1971.

Mục đích yêu cầu của đợt thi đua này là: tiêu diệt và làm tan rã thật nhiều sinh lực địch; kiên quyết đánh bại

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng bộ Tỉnh Quảng Ngãi, tháng 11-1970. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Tháng 9-1971, đồng chí Lê Tấn Tỏa làm Bí thư thay đồng chí Biên đi chữa bệnh ở miền Bắc.

"bình định đặc biệt" của địch, giữ dân, giữ vùng làm chủ thật tốt; nỗ lực vượt bậc đẩy mạnh sản xuất, động viên lương thực đạt và vượt chỉ tiêu; xây dựng thực lực cách mạng vững mạnh, động viên được khí thế cách mạng, đoàn kết phấn khởi tin tưởng và lạc quan trong cán bộ, chiến sĩ và toàn dân.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân để quán triệt nghị quyết của Đại hội và hưởng ứng đợt thi đua "*Noi gương Bác, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược*"; xây dựng quyết tâm đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch, giành và giữ dân, mở rộng vùng giải phóng.

Để đối phó âm mưu đánh phá của địch, Tỉnh ủy chủ trương chia huyện Bình Sơn thành 2 khu vực: đông Bình Sơn và tây Bình Sơn.

Ở miền núi, chấp hành chỉ thị của Thường vụ Khu ủy V, Quảng Ngãi chia huyện Trà Bồng làm 2 khu: đông Trà và tây Trà, cùng huyện Sơn Tây thành lập khu Sơn Trà trực thuộc sự chỉ đạo của Khu ủy, do đồng chí Nguyễn Việt Chối làm Bí thư.

Tháng 2-1971, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định hợp các xã ở khu đông Sơn Tịnh và 4 xã đông, nam Bình Sơn, thành lập lại huyện Đông Sơn¹.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, cán bộ tiền phương của

1. Huyện Đông Sơn gồm các xã: Bình Phú, Bình Tân, Bình Thanh, Bình Châu, Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện, Tịnh An, một phần xã Tịnh Ấn và một phần xã Tịnh Phong.

tỉnh đều phải chuyển xuống đồng bằng hoạt động. Ban chỉ huy Tỉnh đội chuyển xuống ở tây Sơn Tĩnh để chỉ huy chung. Các đơn vị vũ trang của tỉnh, huyện tiếp tục đánh địch, tạo thế mở đường chuyển quân xuống vùng sâu, chiếm giữ các địa bàn đã được phân công. Cấp ủy và chính quyền các địa phương triển khai sắp xếp lực lượng, phân công cán bộ, đảng viên bám sát cơ sở, vận động quần chúng sản xuất và chiến đấu.

Cuối tháng 2-1971, Tỉnh ủy chỉ thị cho các địa phương phải tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là chống bình định, diệt ác phá kim, giành dân tạo thành những khu vực lớn nối liền với nhau; kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch, giữ dân, giữ vùng ta làm chủ, hỗ trợ cho phong trào thành thị, mở rộng diện tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, nâng cao phong trào du kích đồng đều toàn tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ trên, các cơ sở Đảng đã triển khai cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh tích cực xây dựng thực lực, tập trung vào việc chống địch bình định, giành giữ dân, tiêu diệt các cứ điểm quân sự của địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Trong khi ta điều chỉnh lực lượng, phân chia khu vực để hoạt động, địch lại tập trung 3 trung đoàn 4, 5, 6 của sư đoàn 2 mở cuộc càn quét, tiếp tục thực hiện chương trình "bình định", giành dân lấn đất. Chúng tập trung đánh phá ác liệt một số vùng có tính chất trọng điểm ở đồng bằng và vùng miền núi. Chúng dùng xe tăng, xe ủi triệt hạ hàng loạt thôn, xã, như ở đông Bình Sơn, đông Sơn Tĩnh, tây Sơn Tĩnh, Mộ Đức, Đức Phổ, tây Tư Nghĩa. Đi

đôi với cày ủi lấn nống ra vùng ta, địch còn cắm thêm một số chốt sâu vào vùng ta, dọc các trục giao thông. Chúng dùng các chốt để khống chế, giữ ấp và khu đồn, vừa làm bàn đạp phát triển tề điệp ngầm đánh phá vào cơ sở của ta.

Nổi bật trong các thủ đoạn đánh phá của địch là "tam giác chiến", vừa đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, vừa tăng cường hoạt động do thám, gián điệp, ra sức cày mạng lưới gián điệp tình báo trong thiếu nhi và các gia đình có liên quan đến cách mạng, vừa hoạt động sâu vào vùng ta, cũng như vùng chúng còn tạm thời kiểm soát để phục vụ cho âm mưu tập kích, phục kích, đổ quân chớp nhoáng, để lòng bất cán bộ và phá hoại cơ sở thôn, xã.

Ở vùng tranh chấp và vùng địch tạm kiểm soát, trong ấp chiến lược và khu đồn, địch xây dựng các tổ chức gián điệp ngầm và gây chiến tranh tâm lý. Chúng tiến hành phân loại quần chúng để truy bắt cán bộ và đánh phá cơ sở của ta. Chúng ra sức phát triển các đảng phái phản động bừa bãi, nhằm bôi nhọ quần chúng, ly gián nhân dân với cách mạng.

Ở thị xã, thị trấn và vùng ven, địch tăng cường hệ thống phòng ngự để đề phòng và ngăn chặn các cuộc tấn công của ta. Chúng tăng cường lực lượng cảnh sát, sử dụng địa phương quân, phụ quân, cảnh sát, quân cảnh mở các chiến dịch gọi là "An dân", "Vi dân", bày trò mở hội làng, dùng mạng lưới tình báo để gây nghi ngờ, thù hằn nhau trong dân chúng.

Tháng 2-1971, địch mở cuộc hành quân mang tên "Lam

Sơn 719" đánh ra Đường 9 - Nam Lào, nhằm cắt đứt hành lang vận tải chiến lược của ta, lập một tuyến ngăn chặn, cắt đôi Đông Dương, uy hiếp miền Bắc nước ta, thực hiện công thức "bộ binh nguy cộng hỏa lực Mỹ" của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" với ý đồ hoàn thành các kế hoạch của chiến lược này vào năm 1972. Tham vọng không thành, Mỹ - nguy bị quân dân ta ở Quảng Trị giáng cho chúng những đòn chí mạng.

Tranh thủ thời cơ thuận lợi, Tỉnh ủy chủ trương mở liên tiếp các chiến dịch Xuân - Hè (26-1 đến 5-6-1971), cao điểm diệt ác (7-1971), chiến dịch Thu (20-8 - 5-10-1971) nhằm tiêu diệt nhiều sinh lực, mở mảng, giành dân, tiến lên giải phóng hoàn toàn nông thôn, đồng bằng.

Kết quả, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 9.226 tên địch, trong đó có 1.382 tên Mỹ, làm tan rã hơn 3.056 lính nguy, giải phóng một vùng rộng lớn liên hoàn với nhau, như đông Mộ Đức - bắc Đức Phổ, tây Sơn Tịnh và tây bắc Bình Sơn, tạo được hành lang, bàn đạp nối liền giữa khu căn cứ miền núi và đồng bằng. Ta đã giành quyền làm chủ trên chiến trường và giải phóng hàng chục vạn dân với nhiều mức độ khác nhau: 96.063 người hoàn toàn giải phóng; 101.571 người lóng kẹp; 59.583 người làm chủ hợp pháp. Một khí thế cách mạng mới được đẩy lên ở nông thôn và đồng bằng. Những vùng bị địch đánh phá ác liệt như Bình Sơn, Sơn Tịnh dần dần trở lại ổn định, nhân dân trở về quê cũ làm ăn, tạo lại thế và lực mới để đánh thắng hoàn toàn kế hoạch "bình định nông thôn" của Mỹ - nguy.

Cùng với phong trào giữ dân, giành dân diệt địch, phong

trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng phát triển khá mạnh, nhất là phong trào học sinh và Phật giáo ở thị xã Quảng Ngãi, chống địch bắt lính dôn quân, "quân sự hóa" học đường, cầu nguyện hòa bình, đòi Mỹ rút quân về nước, đòi hòa hợp, hòa giải dân tộc.

Ngày 16-10-1971, hơn 37.000 công nhân nghiệp đoàn lao động các giới ở thị xã Quảng Ngãi đã xuống đường biểu tình đòi cải thiện đời sống, tẩy chay bầu cử hạ nghị viện và Tổng thống ngụy vào ngày 31-10-1971, đã được các tầng lớp nhân dân ở thị xã đồng tình ủng hộ và có tiếng vang lớn, gây tác động mạnh trong tỉnh.

Năm 1971, tuy ta có nhiều khó khăn, thiên tai địch họa liên tiếp xảy ra, nhưng tinh thần yêu nước và phong trào cách mạng của nhân dân vẫn giữ vững, phát triển và có lợi cho ta. Địch từ chỗ "tim diệt" và "bình định" chuyển sang phòng ngự "quét và giữ". Nhất là khi bị thất bại ở Đường 9 - Nam Lào và khi quân Mỹ về cơ bản rút quân khỏi chiến trường Quảng Ngãi vào tháng 11-1971 thì tình hình càng bất lợi cho địch.

Để nắm chắc tình hình và có sự chỉ đạo sát hơn nữa, từ ngày 25-11 đến ngày 30-11-1971, Tỉnh ủy họp và ra nghị quyết khẳng định, từ sau chiến dịch Xuân - Hè, địch liên tiếp bị thất bại nặng. Trên chiến trường Quảng Ngãi, địch đang lâm vào tình trạng bị động, lúng túng. Mỹ rút hết đã có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến ngụy quân, ngụy quyền. Lực lượng của chúng ngày càng yếu rõ rệt, phương tiện chiến tranh giảm nhiều. Tinh thần và sức chiến đấu của quân ngụy sa sút nặng, tư tưởng thất bại lan tràn; sức chiến đấu giảm sút nghiêm trọng, lại phải

dần mỏng thay quân Mỹ, nên thế phòng ngự yếu và có nhiều sơ hở. Rõ ràng địch đang ở thế thua, thế đi xuống.

Về phía ta, Hội nghị cho rằng, tình hình vẫn tiếp tục phát triển thuận lợi, phong trào ở ba vùng thành thị, nông thôn đồng bằng và miền núi được giữ vững và phát triển tốt, khí thế cách mạng của quần chúng có bước chuyển biến mới khá sôi nổi. Tuy nhiên, sự chuyển biến của phong trào còn chậm, sự nỗ lực chủ quan của ta chưa cao, nên thắng lợi của ta còn hạn chế, không tương ứng với khả năng và tình hình thực tế của Quảng Ngãi.

Thiếu sót lớn nhất của ta là việc xây dựng, phát triển thực lực vũ trang chính trị ở cơ sở nông thôn, thành thị, trong các ấp và khu đồn, vùng địch kiểm soát, trong hàng ngũ quân nguy còn yếu. Tổ chức chỉ đạo tại chỗ hình thành chậm. Việc bổ sung quân số cho bộ đội huyện, tỉnh chưa kịp thời. Vì vậy, lực lượng vũ trang tập trung chưa mạnh, khả năng đánh diệt chốt, đánh liên tục còn hạn chế, nhất là lực lượng vũ trang huyện và các đội du kích đặc công. Lực lượng du kích, tuy có phát triển mạnh, nhưng cũng chưa đạt được chỉ tiêu đề ra.

Tại hội nghị, Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm khắc tự phê bình và nhận trách nhiệm những thiếu sót trên, quyết tâm sửa chữa để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử sắp tới.

Căn cứ vào sự phát triển của tình hình, Hội nghị đề ra yêu cầu chung của nhiệm vụ sắp tới là:

"Quyết tâm động viên sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân tranh thủ thời cơ thuận lợi đẩy mạnh ba quả đấm (ba cao trào cách mạng) trên ba vùng chiến lược, tiêu diệt và làm tan rã lớn quân nguy, đánh

bại căn bản kế hoạch bình định nông thôn, giải phóng và làm chủ đại bộ phận nông thôn, đưa cao trào cách mạng ở thành thị lên mạnh, làm suy sụp và tiến tới lật đổ quyền địa phương kẻ cả ở thành thị. Xây dựng thực lực ta lớn mạnh về mọi mặt, nhằm giành thắng lợi nhảy vọt, nhanh chóng làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, hoàn toàn có lợi cho ta, tạo ra một bước ngoặt chuyển biến căn bản, tiến lên làm thay đổi cục diện chiến tranh"¹.

Yêu cầu lớn nhất của Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần này là tập trung toàn lực cho một cao trào nổi dậy lớn, mở ra giành dân từng mảng lớn, liên hoàn, tương đối hoàn chỉnh ở nông thôn và bung mạnh dân về vùng giải phóng, xóa bỏ vùng trắng.

Đây là một cuộc nổi dậy đồng loạt đều khắp, mạnh mẽ và kéo dài, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phải có sự nỗ lực vượt bậc, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược và bọn tay sai bán nước để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của Tổ quốc và dân tộc giao phó.

III- TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC NĂM 1972, ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Sau những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của ta năm 1971, cục diện chiến trường Quảng Ngãi có những biến

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ V từ ngày 25 đến 30-11-1971. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

chuyển quan trọng. Quân Mỹ về cơ bản đã rút, chỉ còn lại khoảng 200 cố vấn, đóng ở các chi khu, quận lỵ và thị xã. Quân ngụy còn đông, nhưng phải thay thế vào các vị trí mà quân Mỹ rút, nên chúng buộc phải lui về phòng ngự bị động, không có hoạt động gì lớn, chỉ ra sức phòng thủ và nổ súng nhằm ngăn chặn sự tiến công của ta.

Ngay từ tháng 5-1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã khẳng định, ta đã đánh bại một bước về căn bản và có khả năng đánh bại hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, ta đang đứng trước thời cơ mới, có thể giành thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị quyết định: "đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế tiến công chiến lược mới trên toàn chiến trường miền Nam và cả chiến trường Đông Dương, đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua"¹.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tháng 9-1971, Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy Bộ tư lệnh Quân khu V họp và quyết định chuẩn bị cho cao trào tiến công và nổi dậy năm 1972 với ba yêu cầu: diệt và làm tan rã lớn quân ngụy, phá vỡ từng mảng hệ thống phòng thủ cơ bản của địch; đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, giành làm chủ phần

1. Nghị quyết của Bộ Chính trị, tháng 5-1971.

lớn nông thôn đồng bằng; đẩy mạnh phong trào thành thị đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút quân, đòi hòa bình.

Quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Khu ủy Khu V về nhiệm vụ tiến công chiến lược năm 1972, tháng 1-1972, Tỉnh ủy Quảng Ngãi triệu tập hội nghị và ra nghị quyết nêu rõ quyết tâm của toàn Đảng bộ là: "Tranh thủ thời gian, nắm lấy thời cơ lớn, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ phát triển thế tiến công địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng, thực hiện cao trào: mở mang liên hoàn ở nông thôn; phát triển cao trào ở thành thị; phát động nhân dân nổi dậy, giành quyền làm chủ đều khắp, kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định nông thôn" của địch ở địa phương, góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ"¹.

Yêu cầu lớn nhất của Nghị quyết Tỉnh ủy là phải tập trung toàn lực cho một cao trào nổi dậy lớn. Các lực lượng vũ trang phải đẩy mạnh tiến công địch để làm đòn xoay cho cơ sở phát động quần chúng nổi dậy; từng bước kết hợp với đẩy mạnh phát triển lực lượng vũ trang chính trị, binh vận, sẵn sàng phục vụ cho chiến dịch tiến công tổng hợp trên chiến trường của địch.

Nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đều tập trung huấn luyện kỹ thuật chiến đấu, chiến thuật đặc công. Mỗi tiểu đoàn thành lập một đại đội đặc công, thực hiện chiến thuật lấy ít thắng nhiều, lấy chất lượng thắng số lượng.

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy, tháng 1-1972. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Tỉnh ủy, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã cử nhiều đoàn cán bộ xuống cơ sở kiện toàn các cơ quan huyện đội, xã đội, xây dựng các lực lượng vũ trang huyện, xã, các đơn vị du kích tập trung vững mạnh, có khả năng vừa tác chiến độc lập, vừa đánh hiệp đồng giỏi.

Du kích xã được huấn luyện cách đánh, diệt gọn được chốt địch cơ trung đội, tiểu đội, bằng chiến thuật tập kích bí mật bất ngờ. Lực lượng vũ trang huyện có từ 2 đến 4 đại đội tập trung.

Đặc biệt ở huyện Đức Phổ, tháng 12-1971, ta đã thành lập một đại đội tập trung nữ, mang tên đại đội Lê Thị Hồng Gấm, gồm 30 chị, phần lớn là các nữ du kích tình nguyện, do đồng chí Huỳnh Thị Tư làm đại đội trưởng. Đến tháng 2-1972, đại đội này phát triển lên 50 người.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thường vụ Tỉnh ủy, mọi công việc chuẩn bị đã hoàn thành. Các lực lượng vũ trang sẵn sàng bước vào một chiến dịch mới, với tất cả quyết tâm chiến thắng. Công tác vận chuyển lương thực, vũ khí, khí tài đã được tiến hành khẩn trương. Các đoàn thể quần chúng đã tích cực đóng góp nhân tài, vật lực cho chiến dịch. Hơn 1.200 nam, nữ thanh niên xung phong vào quân giải phóng và các ngành trong tỉnh. Các tầng lớp nhân dân đã đóng góp hơn 38 tấn gạo và hàng chục triệu đồng, đã thu mua hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm khác.

Ở vùng địch tạm chiếm, bất chấp sự kìm kẹp, đe dọa của địch, bà con tự nguyện bí mật chuyển ra từng gánh gạo, lúa và nhiều tiền của để đóng góp cho cách mạng. Nhiều quần chúng ở thị xã, chị em tiểu thương, nhân sĩ yêu nước đã mua sắm thuốc men và các nhu yếu phẩm gửi

ra cho các chiến sĩ. Nhiều cơ sở nội tuyến gửi súng, đạn, phụ tùng, máy móc thông tin để phục vụ công tác chiến đấu.

Từng đoàn dân công, thanh niên xung phong ở vùng giải phóng đã vận chuyển hàng vạn tấn vũ khí, thuốc men, lương thực về hậu cứ. Ta đã động viên toàn dân cả phía trước và phía sau tùy theo sức mình đóng góp nhân tài, vật lực cho cách mạng. Các huyện miền núi với khí thế sôi nổi như Ba Tơ, Sông Hře, Sơn Hà đã huy động dân công vận chuyển gạo, vũ khí, làm đường. Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng bào đã làm được hàng trăm km đường mới, phục vụ cho quân đội hành quân chiến đấu, đã thu mua và vận chuyển được hàng trăm tấn gạo, vũ khí đạn dược bảo đảm về căn bản cho yêu cầu của chiến dịch.

Lực lượng vũ trang và bán vũ trang có chất lượng khá, nhưng số lượng thiếu nhiều, chưa tăng được bao nhiêu. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương phải mở các đợt động viên chính trị trong quần chúng khắp ba vùng bằng nhiều hình thức và biện pháp để động viên nhân dân góp phần xây dựng lực lượng vũ trang. Hầu hết các huyện đều rút đoàn viên, đảng viên, du kích bổ sung cho bộ đội huyện, tỉnh và du kích xã thôn. Trong ba tháng chuẩn bị, lực lượng vũ trang địa phương đã tăng lên 1/4; du kích xã thôn tăng 1/5. Các cơ sở, thực lực bên trong cũng được kiểm tra, rà soát lại từng người, được bồi dưỡng củng cố và phát triển, nên chất lượng có tăng. Một số nơi đã thành lập Ban khởi nghĩa, do chi bộ trực tiếp chỉ đạo.

Trong thời gian chuẩn bị, Tỉnh ủy còn mở nhiều lớp học tập, huấn luyện cho bộ đội, du kích về tư tưởng và phương pháp hiệp đồng chiến đấu. Các đồng chí trong

Thường vụ Tỉnh ủy và một số cán bộ trung cấp xuống tận huyện, xã để động viên giáo dục cho cấp dưới tham gia phát động quần chúng, xây dựng thực lực, giúp cơ sở lập phương án kế hoạch, đi sâu kiểm tra đôn đốc và tổ chức thực hiện.

Trước khi chiến dịch nổ ra, quân địch ở chiến trường Quảng Ngãi có 7 tiểu đoàn quân chủ lực của trung đoàn 4 và 6, chúng hoạt động rất cơ động, hỗ trợ cho lực lượng bình định. Quân biệt động có 4 tiểu đoàn, đóng ở các quận miền núi. Lực lượng bảo an có 52 đại đội, chia thành 3 tiểu đoàn, 16 liên đội và 3 đại đội đặc biệt, nhiệm vụ của chúng là vừa đóng giữ chốt, phòng ngự giữ quận lỵ, tỉnh lỵ, tiểu khu, chi khu, lại vừa hành quân đánh phá "bình định", phát hiện và ngăn chặn sự tiến công của ta. Ngoài ra chúng còn có lực lượng dân vệ, phụ quân (thanh niên tân trang và phòng vệ dân sự), có những binh chủng như pháo binh, xe tăng, máy bay, v.v.. Toàn bộ lực lượng địch hình thành những tuyến chốt điểm và khu đồn áp chiến lược: có 4 cứ điểm A, do quân cộng hòa phụ trách; 44 chốt điểm C chủ yếu do lực lượng bảo an quản lý; 147 chốt điểm B do quân cộng hòa và dân vệ điều hành; 43 khu đồn, đông nhất là khu đồn Bàu Giang - Đá Chẽ có đến 20.000 dân, các khu đồn Kim Sa, Chóp Chài, Thạch Trụ có trên 7.000 dân. Đặc biệt, chạy dọc theo bờ biển từ đông Bình Sơn vào Đông Sơn, giáp bắc sông Trà Khúc có 16 khu đồn, trên 60.000 dân và 133 ấp chiến lược.

Lực lượng địch lúc này không có hoạt động gì lớn, chủ yếu là phòng thủ và nống ra để ngăn chặn sự tiến công và nổi dậy của ta. Chúng điều phần lớn lực lượng ra chiến trường Trị - Thiên (4 tiểu đoàn cộng hòa và 2 tiểu đoàn biệt động).

Ở vùng chúng kiểm soát, thị xã, thị trấn chúng tăng cường phòng thủ, báo động liên miên, ra lệnh cấm trại 100%, thiết quân luật, ban đêm lính ra nằm ở các chốt điểm, tăng cường phục kích gài mìn, thay đổi luôn các đơn vị đóng chốt vì sợ ta tiêu diệt, hoặc sợ quân lính nổi dậy chống đối. Chúng tăng cường hành quân cảnh sát, liên tiếp mở hội làng lùng sục, bắt dân học tập, dùng thủ đoạn "thanh lọc" phân loại quần chúng, bắt bớ những người tình nghi để truy bức, đánh phá cơ sở cách mạng, nhằm ngăn chặn sự nổi dậy của quần chúng bên trong. Chúng liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm ở vùng giải phóng. Đặc biệt từ tây Tư Nghĩa, Sơn Tịnh đến tây bắc Bình Sơn, dọc đường số 5, chúng tập trung 3 tiểu đoàn quân cộng hòa càn quét vào các vùng trên để cướp, phá gây nhiều tội ác đối với dân. Đồng thời, chúng ra sức tuyên truyền, vận động với nhiều thủ đoạn thâm độc xảo quyệt vừa lừa mị mua chuộc, vừa hù dọa khống chế nhân dân. Địch còn tăng cường chiến tranh tâm lý, hoạt động do thám gián điệp biệt kích, dùng chiến thuật phân đội nhỏ, kết hợp có điệp báo chụp quân chớp nhoáng bằng trực thăng, tập kích bất ngờ vào cơ sở của du kích, bộ đội, gây tổn thất cho ta.

Trước tình hình đó, tháng 3-1972, Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng và nhận định rằng, từ đầu năm đến nay địch hết sức hoang mang dao động, lo sợ hoảng hốt, luôn luôn trong tư thế đề phòng đối phó với tấn công và nổi dậy to lớn của ta.

Hội nghị khẳng định, mặc dù địch ra sức thực hiện các âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nhưng chúng trong thế suy yếu, nội bộ lục đục, phân hóa rõ rệt; trừ một số bọn ác ôn ngoan cố, còn phần lớn tinh thần đang hoang mang dao

động và đang trên đà tan rã; một số ra thú tội với quần chúng, một số hoảng sợ bỏ chạy trốn đi nơi khác. Từ tình hình thực tế đó, Hội nghị cho rằng, tương quan lực lượng giữa ta và địch đang có bước chuyển biến căn bản rất có lợi cho ta. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trung tâm hiện nay là "tiến công ra phía trước, nổi dậy giành dân, giành quyền làm chủ, phá sạch khu đồn bưng mạnh dân về vùng giải phóng, chứ không phải là chống "bình định"... Tư tưởng tiến công biểu hiện trong nổi dậy giành quyền làm chủ, chủ yếu là dùng ba mũi giáp công, tiến công và nổi dậy tiêu diệt địch, bao vây, bức hàng và làm tan rã, triệt hạ ngục quyền, giành chính quyền về ta, nổi dậy từng phần, giành quyền làm chủ từng phần, bằng nổi dậy giành đại bộ phận nông thôn, nổi dậy liên tục để giải phóng toàn bộ, không dừng lại, mà phải đưa lên hết cỡ, quyết liệt"¹.

Hội nghị cũng đã lưu ý các cấp, các ngành, phải nắm vững khâu tư tưởng, tổ chức để thực hiện cho tốt. "Vấn đề cơ bản có tính chất quyết định là phải tạo cho được sự chuyển biến nhảy vọt về tư tưởng, tức là phải làm cho cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhận rõ tình thế, thời cơ, đánh giá đúng địch, ta, quán triệt những phương hướng nhiệm vụ của thời kỳ khởi nghĩa, nhận rõ mục tiêu, quyết tâm và tin tưởng, hành động quyết liệt, gạt bỏ mọi tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực"².

Suốt trong quá trình chuẩn bị, Tỉnh ủy đã tập trung

1,2. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng, tháng 3-1972. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

sức chỉ đạo trọng điểm, quyết tâm khi chiến dịch mở ra các trọng điểm phải giành được thắng lợi để động viên phong trào chung. Để có một bước chuyển biến nhảy vọt, tạo cho được không khí sôi nổi của tiền khởi nghĩa, kiên định phương hướng, mục tiêu, kế hoạch và phương pháp hoạt động, năng lực công tác và sự quyết tâm, Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hai cuộc Hội nghị Bí thư xã và Hội nghị quân chính trong lực lượng vũ trang. Các cuộc hội nghị này đã xây dựng được niềm tin, quyết tâm, phương hướng, mục tiêu, cách tiến hành tiến công và nổi dậy của chiến dịch.

Điều nổi bật của thời gian chuẩn bị là ta đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát động quần chúng, kéo quần chúng ngã về ta, để xây dựng thực lực, tạo cơ sở, vật chất và khi mở chiến dịch, quần chúng có điều kiện thuận lợi bung về vùng giải phóng.

Việc chuẩn bị đã hoàn tất, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy tỉnh đội.

Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, quân và dân Quảng Ngãi đã mở ba chiến dịch lớn:

1. Chiến dịch Xuân - Hè (từ 13-4 đến 30-6-1972)

Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định hai trọng điểm cùng tiến công và nổi dậy giành dân một lúc: Đông Sơn và bắc Mộ Đức. Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy tỉnh đội đã chỉ đạo trực tiếp và tập trung lực lượng vào hai trọng điểm trên để diệt địch và hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy.

Chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh chung, vào 0 giờ

ngày 13-4-1972, quân và dân Quảng Ngãi đã phát huy tinh thần tự lực, tự cường, quyết tâm khắc phục khó khăn, các trọng điểm và diện đều nổ súng giòn giã, giành thắng lợi quyết định.

Ở trọng điểm cánh bắc, lực lượng vũ trang tỉnh và huyện Đông Sơn đã mở trận đột phá khu đồn An Sen (Bình Phú) thắng lợi. Ta diệt gọn quân địch, phát động quần chúng nổi dậy bằng ba mũi giáp công, phá sạch khu đồn, bung dân về làng cũ, chống phản kích thắng lợi và triển khai ngay ra khu vực Ba Làng An với tốc độ tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, nhanh chóng. Ta đã giải phóng toàn bộ Tịnh Hòa, phá 2 khu đồn Minh Quang, Đông Hòa, phá 2 khu đồn Trường An, Mỹ Lai ở Tịnh Khê và chặn đánh quân ứng cứu của địch. Chỉ trong 5 ngày, ta đã diệt trên 250 tên địch, phá sạch 9 khu đồn, nhổ liền 11 chốt cứ điểm, quét sạch địch, giải phóng hoàn toàn 5 xã với gần 20.000 dân.

Ở trọng điểm cánh bắc Mộ Đức, bộ đội tỉnh, huyện đã đồng loạt tiến công vào một số cứ điểm, trong đó có yếu khu Long Phụng. Sau những ngày chiến đấu quyết liệt, ta đã buộc địch rút chạy khỏi cứ điểm Long Phụng, Núi Đất, Kỳ Tân, Nghĩa Lập, Cầu Sắt, Thi Phổ, Cầu Đập, giải phóng các xã Đức Thắng, Đức Nhuận, Đức Lợi. Ta đã sử dụng ba mũi giáp công phá khu đồn Ông Nhơn, Ông Độ, Kiến Khương, bung dân về vùng giải phóng ở 8 xã: Đức Thắng, Đức Lợi, Đức Nhuận, Đức Chánh, Đức Hiệp, Đức Hòa, Đức Phong, Đức Minh... hình thành một vùng rộng lớn nối liền từ nam sông Vệ đến bắc Đức Phổ, khai thông được quốc lộ 1 cả phía đông và phía tây. Thừa thắng, các đơn vị vũ trang của tỉnh phối hợp với các lực lượng vũ trang huyện

tiến công sang phía đông huyện Tư Nghĩa và phía tây huyện Nghĩa Hành, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an, diệt và làm chủ một số thôn ấp.

Phối hợp với các vùng trọng điểm, các huyện khác cũng đẩy mạnh hoạt động.

Ở Bình Sơn, với tinh thần tự lực cánh sinh lực lượng ta đã tiến công tiêu diệt địch và phát động quần chúng nổi dậy ở Bình Trị, Bình Thuận, Bình Đông, Bình Phước, Bình Trung, Bình Nguyên, Bình Chánh, Bình Thạnh, đã dùng ba mũi giáp công diệt, bao vây và làm tan rã địch, phá sạch các khu đồn dân ở Thuận Phước, Phước Hòa, Chợ Bò, An Cường... giải phóng 2 xã và 4 thôn với trên 12.000 dân.

Ở tây Sơn Tĩnh, ba mũi giáp công của quân, dân ta bao vây liên tục và tiến công quyết liệt các chốt điểm dọc đường số 5, làm tiêu hao, tan rã bức địch rút chạy ở Gò Đá, Núi Nhàn, Rừng Miêu, v.v. diệt và phá khu đồn ở chân Núi Tròn.

Quân dân Đức Phổ đã nổi dậy liên tục đánh giao thông, chiếm quốc lộ 1, bao vây các điểm ở ga, các chốt ở quốc lộ 1, tiêu hao, bức rã một số chốt điểm, phá một số khu đồn, bung dân về, xóa một số vùng trắng, giải phóng và giành làm chủ khoảng 10.000 dân.

Chỉ 10 ngày đầu chiến dịch (từ 13-4 đến 22-4). ta đã đánh 159 trận lớn nhỏ, đã loại khỏi vòng chiến 1.576 tên, diệt gọn 3 đại đội bảo an, 14 trung đội dân vệ, tân trang; tiêu diệt và bức rút 36 chốt, điểm, phá banh 20 khu đồn, 16 ấp chiến lược, 60.000 quần chúng đã nổi dậy bằng ba mũi giáp công giành quyền làm chủ trở về làng cũ; mở ra

4 mảng giải phóng rộng lớn gồm 7 xã ở Đông Sơn với gần 20.000 dân; mảng Bình Sơn gần 12.000 dân; mảng đông bắc Mộ Đức gồm 18.000 dân và mảng nam Đức Phổ gồm 10.000 dân.

Quân địch hoang mang dao động, nội bộ lục đục. Không để cho chúng kịp hồi sức, Ban chỉ huy chiến dịch quyết định mở tiếp cuộc tiến công đợt 2 của chiến dịch. Đợt 2 được bắt đầu từ ngày 8-5 đến ngày 20-5. Mặc dù đợt này không còn yếu tố bất ngờ, nhưng quân, dân ta đã hiệp đồng nổ súng giòn giã, phối hợp được ba mũi giáp công, tiếp tục tiêu diệt và làm tan rã lực lượng kìm kẹp của địch ở nhiều nơi, đã thật sự làm đòn xoay hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ và bung dân về làng cũ.

Ở vùng nông thôn đồng bằng, tại đông Bình Sơn và Đông Sơn ta vừa tiếp tục xây dựng vùng mới giải phóng, chống địch phản kích, vừa đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, phá hết các khu đồn, áp chiến lược còn lại ở các xã Bình Hải, Bình Trị, Bình Đông, hoàn thành vùng giải phóng liên hoàn gồm 13 xã, giải phóng hoàn toàn ven biển từ nam sông Trà Bồng vào đến bắc sông Trà Khúc.

Ở tây Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, lực lượng vũ trang và các đội công tác đã thọc sâu vào các khu đồn, diệt ác phá kẹp, phát động quần chúng bung về làng cũ. Ở Mộ Đức, Đức Phổ ta vừa tiếp tục xây dựng vùng mới giải phóng, vừa tích cực mở ra bung dân về các xã Đức Hòa, Đức Hiệp, phá rã khu đồn Thạch Trụ, đưa dân trở về các làng Phổ An, Phổ Quang, Phổ Nhơn, xóa vùng trắng, đánh chiếm quốc lộ 1, bao vây bức rút một số chốt điểm ở cánh

nam Đức Phổ, phá khu đồn Xóm 7, ấp Chợ Chiều, mở mảng giải phóng cánh nam giáp giới Bình Định gồm 5 xã Phổ Vinh, Phổ Hiệp, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu, vây ép địch ở Sa Huỳnh.

Ở vùng đông Tư Nghĩa, ta đã phối hợp chặt giữa tác chiến vũ trang, diệt địch và nổi dậy làm chủ của quần chúng ở Nghĩa An, Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa Tân, đưa lên thế làm chủ cho 3.000 dân ở vùng sau.

Trong đợt 2 của chiến dịch Xuân - Hè, các huyện miền núi đã hiệp đồng nổ súng nhìp nhàng với các huyện đồng bằng. Một trung đội tân trang, dân vệ đã cùng 750 quần chúng ở ấp Cây Dưới đá nổi dậy đốt sạch khu đồn kéo về vùng giải phóng ở Ba Tư, Giá Vụt, phối hợp với tiến công quân sự, diệt địch ở một số chốt điểm; trên 7.500 đồng bào dân tộc đã nổi dậy bung về vùng giải phóng.

Tại thị xã, du kích mật, tự vệ mật, biệt động và lực lượng vũ trang đã phối hợp hoạt động liên tục, đánh nhanh, đánh trúng, đánh 7 trận, diệt hơn 30 tên ác ôn đầu sỏ, diệt đúng đối tượng, gây được nhiều tiếng vang.

Chỉ trong vòng gần 25 ngày, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã đánh 189 trận, diệt, làm bị thương và bắt sống 1.737 tên, diệt gọn 5 đại đội, 11 trung đội, đánh thiệt hại 3 đại đội bảo an, 5 trung đội dân vệ, bắn rơi 3 máy bay, bắn hỏng 4 chiếc khác, bắn cháy 9 xe quân sự; thu 324 súng các loại, 12 máy thông tin, trên 3.000 viên đạn các loại.

Đợt 3 của chiến dịch Xuân - Hè bắt đầu từ ngày 10-6 đến 20-6-1972.

Cuối tháng 5 đầu tháng 6, địch dùng tiểu đoàn bảo an 103, 2 liên đội bảo an và một số đơn vị dân vệ phản kích xuống đông Bình Sơn.

Ngày 31-5-1972, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đã hợp đồng tác chiến, đánh một trận xuất sắc tại đông Bình Sơn, tiêu diệt toàn bộ tiểu đoàn 103 bảo an, mang biệt hiệu "Thần diệu sát động" là đơn vị nòng cốt của địa phương quân địch, đánh thiệt hại nặng liên đội 36 bảo an.

Đêm 10-6, ta đã tập trung 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 bộ phận hỏa lực và công binh đánh phủ đầu 2 tiểu đoàn biệt động biên phòng nguy ở Đông Sơn, mở đầu cho đợt 3 chiến dịch, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng.

Ở tây Sơn Tịnh, trong 2 ngày ta đã quét sạch địch ở Tịnh Thọ, phá sạch 2 khu đồn, nhổ liền 3 chốt, bung gần 10.000 dân về quê cũ. Đồng thời, ta đẩy mạnh hoạt động ở Tịnh Hà, nhổ chốt Chà Là, đánh địch ở Hà Nhai, Thọ Lộc, uy hiếp quận lỵ và bắc thị xã. Địch hoảng sợ phải rút chạy khỏi hai chốt Núi Chợ, Cầu Gậy.

Ở Đông Sơn, lực lượng vũ trang huyện, tỉnh và du kích đã tiến công vào Thành Hời và các chốt điểm ở khu đồn Tịnh Long, làm chủ và giải phóng một số thôn, ấp, đánh sập 2 cầu, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội biệt động biên phòng, buộc địch phải rút chạy. Ta giữ vững vùng giải phóng và phát triển thế tiến công.

Ở phía bắc Bình Sơn, ta đã tập trung đánh mạnh và diệt gần hết mảng tề Bình Dương, đưa lên làm chủ 3 ấp, bao vây và tiêu hao, bức rã đại đội bảo an ở Chồi Chiến (Bình Nguyên), phá khu đồn, bung dân về quê cũ, làm chủ

quốc lộ 1 từ Dốc Sỏi vào đến nước Mạn và liên tục đánh phá địch ở Bình Long.

Ở đông Tư Nghĩa, ta hoạt động diệt gọn 2 trung đội dân vệ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an và diệt nhiều tên ác ôn có nợ máu với nhân dân.

Tính từ 31-5 đến 20-6, ta đã đánh 92 trận, diệt gọn 1 tiểu đoàn bảo an, 5 trung đội bảo an dân vệ, đánh thiệt hại nặng 5 đại đội bảo an, 6 trung đội dân vệ và làm tan rã 5 trung đội khác; bắt sống hơn 1.000 tên, bức rút và san bằng 6 chốt điểm, phá banh 6 khu đồn, giải phóng và làm chủ 15 ấp. Tổng số dân giải phóng trong đợt ba khoảng 20.000 người.

Tính chung, trong 3 tháng của chiến dịch Xuân - Hè (từ 13-4 đến 30-6-1972) ta đã đánh 618 trận lớn nhỏ, diệt, làm bị thương và bắt sống 4.951 tên, trong đó có 3.756 tên chết, tiêu diệt 1 tiểu đoàn bảo an, 14 đại đội, 34 trung đội bảo an và dân vệ; đánh thiệt hại nặng 1 liên đội bảo an, 14 đại đội cộng hòa và biệt động, bảo an; thu trên 900 súng các loại, 43 máy thông tin, trên 5 tấn đạn các loại, phá hủy 2 khẩu pháo 105 ly, 9 súng cối, 10 đại liên và 31 xe quân sự, bắn rơi 3 máy bay, bắn bị thương 4 chiếc khác, đốt cháy 2 kho xăng, đánh sập 4 cầu, 10 cống; san bằng 62 chốt điểm, 68 khu đồn, ấp chiến lược, giải phóng và làm chủ gần 100.000 dân.

Để đánh giá lại tình hình và đề ra phương án mới, từ ngày 1 đến 5-7-1972, Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng.

Đánh giá tình hình địch, Hội nghị cho rằng, qua đợt tiến công và nổi dậy Xuân - Hè, đại bộ phận chủ lực địch

bị điều ra chiến trường chính ở Quảng Trị - Thừa Thiên, bọn nguy quân, nguy quyền trong tỉnh bị ta đánh và tiêu diệt rất nặng. Nhiều đơn vị địa phương quân bị đánh gục, không gượng dậy nổi, quân số hao hụt, không bắt được lính để bổ sung, càng giảm sút về số lượng, thì cũng sa sút luôn về tinh thần. Phụ quân tan rã lớn, nhiều nơi rã toàn bộ, số còn lại mất tác dụng kim kẹp. Một số đơn vị, cá nhân có xu hướng ngã về với cách mạng ngày càng nhiều. Địch đã bị quét sạch ở một số địa bàn quan trọng. "bình định, nông thôn" căn bản đã bị đánh bại. Nói chung, địch trong tình trạng phòng ngự, bị động, bị bao vây chia cắt, phản kích yếu ớt, tinh thần sa sút, tư tưởng thất bại chủ nghĩa rất rõ, tiếp tục xu thế co cụm, tan rã và sụp đổ.

Về phía ta, Hội nghị khẳng định, hoạt động Xuân - Hè của ta đã giành được thắng lợi to lớn, hình thành những mảng giải phóng hoàn chỉnh, liên hoàn nhiều xã, huyện, nối liền nhiều nơi hai bên quốc lộ 1. Ta đánh vỡ và chọc thủng một số hệ thống điểm phòng ngự của địch, chiếm những địa bàn quan trọng, tạo được bàn đạp và hành lang thuận lợi, hình thành thế bao vây tiến công chia cắt địch ở thị xã và các thị trấn, quận lỵ. Vùng giải phóng được mở rộng, dân trở về, xóa được vùng trắng. Vùng mới giải phóng được củng cố và phát triển mạnh, thế và lực của ta được tăng cường.

Riêng ở thị xã, phong trào cách mạng đã phát triển khá hơn trước. Cơ sở cách mạng đã có đều khắp ở các phường ấp, ở vùng ven và nội thị, đã hình thành được các tổ chức quần chúng và vận động họ đứng lên đấu tranh làm rối loạn hậu phương của địch. Ta đã xây dựng và thuần khiết

được một số căn cứ lõm. Cơ sở cách mạng hoạt động trong phòng vệ dân sự, trong nguy quyền đang phát triển. Ta đã xây dựng được chi bộ, chi đoàn, hình thành được hệ thống chỉ đạo bên trong và đã đưa cán bộ vào hoạt động.

Từ những nhận định trên, Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng hạ quyết tâm giải phóng toàn bộ nông thôn và giải phóng thành thị.

Hội nghị đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ sắp tới của Tỉnh Đảng bộ là:

"Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực cao nhất, ra sức đẩy mạnh tốc độ tiến công và tổng nổi dậy giải phóng toàn bộ nông thôn (kể cả một số quận lỵ, thị trấn có điều kiện), chuyển nhanh sang công kích và vũ trang khởi nghĩa thị xã, giải phóng toàn tỉnh, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đồng thời ra sức xây dựng vùng giải phóng (cũ và mới) vững mạnh toàn diện, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống"¹.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt là giải phóng toàn bộ nông thôn, đồng thời khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng cho công kích và vũ trang khởi nghĩa thị xã, với ba yêu cầu:

- Tiêu diệt và làm tan rã hẳn sinh lực địch, đặc biệt là tiêu diệt lực lượng vũ trang của địch, tiêu diệt và đánh đổ toàn bộ nguy quân, nguy quyền từ trên xuống dưới.

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng từ 1 đến 5-7-1972 "Phân vũ trang khởi nghĩa". Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

- Giải phóng cho được thị xã.

- Xây dựng và giữ cho được chính quyền cách mạng.

Hội nghị cũng đề ra phương châm, phương pháp và kế hoạch tiến hành.

Để thực hiện tốt kế hoạch này, trước hết phải tổ chức thực hiện tiếp các đợt tiến công chiến lược năm 1972 với việc mở chiến dịch Thu và chiến dịch Tổng hợp sau Thu năm 1972.

2. Chiến dịch Thu (từ 10-7 đến 2-9-1972)

Nghị quyết của Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng đặt ra nhiệm vụ trong chiến dịch Thu phải vừa liên tục tiến công và nổi dậy giữ thế chiến trường, vừa phải ra sức xây dựng và chống địch phản kích, giữ vững vùng mới giải phóng, đồng thời phải ra sức chuẩn bị cho chiến dịch Tổng hợp Thu tiếp theo.

Thực hiện chủ trương trên, Ban chỉ huy chiến dịch đã tập trung đại bộ phận lực lượng vào trọng điểm cánh bắc và liên tiếp mở các đợt tiến công vào các vị trí của địch ở khắp các địa phương.

Ở trọng điểm cánh bắc, từ 10-7 đến 15-7 lực lượng vũ trang tỉnh đã phối hợp với lực lượng vũ trang, du kích và quần chúng hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn tiến công và nổi dậy từ khu vực dọc đường Trà Bồng đi Bình Chương và dọc đường số 5 đi Tịnh Hà, Tịnh Ấn. Quân ta đã tiến công liên tục, đánh dứt điểm san bằng cứ điểm Bàu My, Dốc Phú, cầu Bà Mẹo, cao điểm 47, diệt 2 đại đội bảo an, 6 trung đội dân vệ, quét sạch địch ở hai đoạn đường chiến

lược quan trọng từ Chóp Chài đi An Điền và từ Núi Lách đến Tịnh Hà trên đường số 5. Ta đã phá banh khu đồn Chóp Chài, đưa lên làm chủ 9.000 dân.

Từ 2-8 đến 17-8, lực lượng vũ trang của ta đã chiến đấu dũng cảm, đánh tan các cuộc hành quân lấn chiếm của địch vào các huyện Đông Sơn, Bình Sơn, tây Sơn Tịnh diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí.

Ở cánh phía nam, quân dân các huyện Mộ Đức, Đức Phổ cũng liên tiếp tiến công địch diệt ác phá kẹp, phát động quần chúng nổi dậy phá ấp, giành quyền làm chủ. Quân, dân Tư Nghĩa đã đánh vào đồn cảnh sát Nghĩa Hà diệt gọn cả ban chỉ huy liên đội bảo an số 38. Ngày 30-8 cơ sở mật ở thị xã Quảng Ngãi đã lập chiến công xuất sắc, đánh vào khách sạn Mimôda diệt 30 tên sĩ quan, trong đó có nhiều sĩ quan cấp tá, úy. Trước đó ta đã đốt cháy một kho xăng hàng triệu lít.

Tính chung, trong chiến dịch Thu, ta đã đánh 265 trận, giết, làm bị thương và bắt sống 1.600 tên, diệt 2 đại đội, 14 trung đội, thu gần 200 súng các loại, bắn cháy và làm hỏng 16 xe quân sự, giành quyền làm chủ 5 ấp, phá banh nhiều khu đồn, bung ra trên 1 vạn dân. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn phát động phong trào toàn dân vũ trang đánh giặc với khẩu hiệu: "Tất cả cho công kích và vũ trang khởi nghĩa", "Giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân", đã đẩy lên phong trào: "rèn gươm, luyện kiếm", "may cờ, lập ban khởi nghĩa". Ta đã xây dựng các đại đội vũ trang khởi nghĩa, sẵn sàng cho công kích và vũ trang khởi nghĩa thắng lợi, động viên hàng ngàn quần chúng lên đường phục vụ tiền tuyến.

3. Chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61)

Tháng 8-1972, Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị về phương hướng, nhiệm vụ chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61).

Sau khi đánh giá tình hình chung trên chiến trường chỉ thị xác định, sau các chiến dịch Xuân - Hè, Thu, vùng giải phóng của ta được mở rộng, giữ vững thế tiến công và nổi dậy liên tục, đã liên tiếp giành thắng lợi, đã chống được âm mưu phản kích lấn chiếm của địch thắng lợi, bảo vệ và giữ vững được vùng mới giải phóng, khí thế của quần chúng cả ba vùng đều phát triển mạnh mẽ.

Tuy nhiên, phong trào vẫn còn một số nhược điểm. Đó là vùng mới giải phóng xây dựng chưa được vững chắc; một số nơi dân chưa ổn định còn chạy dạt đi nơi khác; lực lượng vũ trang tuy có phát triển, nhưng còn ít, đa số là lính mới, chiến thuật, kỹ thuật còn non; đội công tác có tăng, nhưng khả năng vận động tổ chức quần chúng còn yếu; việc kết hợp giữa tác chiến với giành, giữ dân còn yếu, chưa gắn chặt với nhau; nổi dậy của quần chúng chưa mạnh, kết hợp với ba mũi giáp công chưa chặt chẽ; công tác binh vận còn yếu, chưa có binh biến, chưa có khả năng ly khai của binh lính; việc xây dựng lực lượng vũ trang huyện, tỉnh chưa mạnh, quân số bổ sung chưa đủ, chất lượng chiến đấu chưa cao, v.v..

Đối với địch, chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ, tuy địch bị thất bại nặng nề về quân sự, chính trị, đang lâm vào tình thế khốn quẫn nhưng chúng còn rất ngoan cố; chúng sẽ còn tiếp tục âm mưu phản kích, lấn chiếm lại vùng giải phóng của ta, đóng lại một số chốt trong vùng ta, tăng cường phi pháo, đánh phá ác liệt ở

những nơi bị ta tiến công, tuy vậy, địch đang trong thế thất bại, thế và lực bị suy giảm nặng, đang trên bước đường đi đến thất bại hoàn toàn, có nhiều khó khăn chòng chát không sao khắc phục nổi. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận định, ta tuy trước mắt còn có những khó khăn nhất định, nhưng đang trên bước đường tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn với thế thắng, thế mạnh, thế đi lên.

Căn cứ vào tình hình địch, ta và khả năng của tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định mở chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61).

Nhiệm vụ của chiến dịch này là:

"Tập trung toàn bộ lực lượng đẩy mạnh tiến công và tổng nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã lớn lực lượng địch, giải phóng toàn bộ nông thôn (bao gồm một số quận lỵ, chi khu), chống địch phản kích, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm của địch, giữ vững vùng giải phóng, lấy tiến công nông thôn làm hướng tiến công chính trước mắt, đồng thời đẩy mạnh phong trào thành thị, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để khi có giải pháp chính trị có thể áp vào đưa lên thành cao trào cách mạng, bùng nổ của quần chúng giành thắng lợi to lớn nhất; khẩn trương xây dựng thực lực ta vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó thắng lợi trong mọi tình huống"¹.

Một trong những vấn đề quan trọng, bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi là phải tăng cường công tác tư tưởng, tăng

1. Chỉ thị về "Phương hướng nhiệm vụ của chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61)". Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

cường sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, yêu cầu công tác tư tưởng đối với nhiệm vụ hiện tại là "Phải củng cố và nâng cao lòng tin tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, kiên định về phương hướng, nhiệm vụ và quyết tâm chiến lược của Đảng đã đề ra, kiên định lập trường, ý chí chiến đấu, nâng cao tư tưởng tiến công, tiến công liên tục và quyết liệt, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh mọi nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của Đảng"¹.

Công tác chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành rất khẩn trương. Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở một đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân học tập Nghị quyết A15 về thành phố và Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy về "Công kích và vũ trang khởi nghĩa thị xã", tổ chức họp các Bí thư xã, Đội trưởng Đội công tác có liên hệ kiểm điểm đánh giá phong trào của địa phương, quán triệt đầy đủ khả năng diễn biến của tình hình sắp tới, nắm chắc tình thế, thời cơ, mục tiêu và yêu cầu của chiến dịch để thống nhất xây dựng trong toàn Đảng bộ, quần dân một quyết tâm mới cao độ, một sự nỗ lực phi thường, quyết vượt qua mọi gian khổ ác liệt hy sinh hoàn thành xuất sắc mục tiêu, yêu cầu của chiến dịch.

Tỉnh ủy đã phát động toàn dân vũ trang khởi nghĩa và đã xây dựng trong toàn tỉnh được 160 đại đội vũ trang khởi nghĩa với hơn 18.000 người, và phong trào "rèn gươm

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy, tháng 8-1972, số 20/VP-T300. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

luyện kiếm, may cờ, làm binh biến" khá sôi nổi. Tỉnh ủy thành lập các đoàn đi xây dựng lực lượng vũ trang, phát động thanh niên tòng quân nhập ngũ và đã động viên được 1.094 thanh niên vào quân đội. Riêng về chiến dịch giải phóng Ba Tơ, đông bào, chiến sĩ toàn tỉnh đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho chiến trường. Toàn tỉnh đã thu mua và vận chuyển được 14 vạn tấn gạo phục vụ cho chiến dịch.

Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo các huyện và những nơi trọng điểm. Các cán bộ trung, sơ cấp được cử về tận cơ sở xã, thôn để lãnh đạo.

Mọi việc chuẩn bị đã xong, Tỉnh ủy chọn cánh nam làm trọng điểm, gồm Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ, diện quan trọng là Nghĩa Hành, đông Tư Nghĩa và đông, tây Sơn Tịnh. Chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61) được chia làm hai đợt.

Đợt 1: (từ 15 đến 30-9-1972)

Ngay đêm 15-9, chiến dịch bắt đầu, trời lại mưa to, bão lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai lực lượng, nhưng nhờ sự quyết tâm và chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Tỉnh ủy, sự nỗ lực cao của bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương, dân quân du kích và bạo lực chính trị của quần chúng, nên ta đã vượt qua được mọi khó khăn, hiệp đồng nổ súng mạnh mẽ.

Đêm 15 rạng ngày 16-9, lực lượng vũ trang tỉnh đã cùng lực lượng vũ trang địa phương, dân quân du kích của Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ đã đồng loạt tiến công và nổi dậy bao vây, tiêu diệt, làm chủ nhiều chốt điểm, chi khu, quận

ly, phá banh nhiều khu đồn, áp chiến lược, giành hàng vạn dân.

Ở Mộ Đức, sau một ngày đêm chiến đấu, ta đã tiêu diệt bức rút hàng chục chốt điểm, đánh chiếm chi khu, thị trấn, làm chủ đại bộ phận trục đường số 1 từ Sông Vệ đến Thạch Trụ, tiến công uy hiếp quận lỵ, phá sạch các khu đồn, áp chiến lược. Trong 5 ngày, quân dân Mộ Đức đã tiêu diệt và bức rút 20 chốt điểm; 2 đại đội vũ trang khởi nghĩa đã hỗ trợ cho quần chúng tại chỗ nổi dậy phá 3 khu đồn, 15 áp chiến lược, giải phóng trên 25.000 dân. Lực lượng vũ trang khởi nghĩa của quần chúng đã vây bắt trên 300 tù binh, thu trên 250 súng, san bằng hết khu đồn, áp chiến lược.

Ở Đức Phổ, ngày 16-9, ba thứ quân đã hiệp đồng nổ súng giòn giã, chỉ trong vòng 6 ngày đã quét sạch địch từ Thạch Trụ đến bắc quận lỵ, san bằng 17 chốt điểm, bao vây uy hiếp quận lỵ, 17 đại đội vũ trang khởi nghĩa đã phối hợp với bộ đội vây bắt 56 tù binh, thu 53 súng, hỗ trợ cho quần chúng phía trước nổi dậy, phá sạch các khu đồn, áp chiến lược trên trục quốc lộ 1 từ bắc quận lỵ ra Nước Mặn, giải phóng trên 15.000 dân, lập thành vùng giải phóng liên hoàn ở 8 xã phía bắc và 5 xã ở phía nam huyện, chạy dài theo ven biển nối với miền núi.

Ở Ba Tư, từ đêm 15 đến ngày 20-9, bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương đã phối hợp chặt chẽ tiến công các chốt điểm và chi khu, quận lỵ Ba Tư, đánh nát và bao vây khu trung tâm biệt kích Đá Bàn, phá sạch các ấp và khu đồn, giải phóng hơn 4.000 dân.

Ở các nơi khác, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích

và bạo lực vũ trang khởi nghĩa của quần chúng đã liên tiếp nổi dậy diệt ác, phá kìm giành quyền làm chủ. Ở Đông Sơn, quân ta đã tiến công làm chủ Tĩnh Phong, Tĩnh Nhơn và Châu Sa; 5 đại đội vũ trang khởi nghĩa ở các xã Tĩnh Kỳ, Tĩnh Hòa, Tĩnh Khê đã cùng lực lượng vũ trang tỉnh tiến công bao vây các chốt ở Núi Ngang, đồi Voi, Thầy Lịnh, Thành Hời, bức rút 3 chốt, diệt 135 tên địch, giải phóng hơn 1.700 dân. Ở thị xã, lực lượng tự vệ mật và đội biệt động thị xã luồn sâu móc nối với cơ sở nội tuyến diệt bọn tề điệp và bọn ác ôn, đặt chất nổ ở cơ quan tình báo Mỹ làm chết và bị thương nhiều tên.

Đợt 2 (từ 1-10 đến 31-10-1972)

Bị tổn thất nặng nề, địch vội vàng điều 2 trung đoàn cộng hòa và 2 liên đoàn biệt động giải tỏa cho các chi khu, quận lỵ, bị ta bao vây, nối quốc lộ 1 bị cắt đứt và cố lấn chiếm lại một số vùng đã mất.

Ngày 5-10, địch tập trung 4 tiểu đoàn của trung đoàn 4 ngụy, 3 tiểu đoàn của liên đoàn biệt động số 2 ra sức giải tỏa quận lỵ Mộ Đức, Đức Phổ, nối lại trục quốc lộ 1 từ Mộ Đức đi Đức Phổ, cố hồi phục lại các đơn vị bảo an, dân vệ đã bị tiêu diệt. Chúng dùng pháo tầm xa ở ngoài biển bắn vào, dùng B52 ném bom rải thảm các làng mạc. Phát huy chiến thắng Xuân - Hè, Thu, quân và dân ta đã đánh trả quyết liệt, chặn đứng mọi cuộc hành quân phản kích và lấn chiếm của chúng, đẩy lùi nhiều cuộc phản kích, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Quân, dân ta không chỉ giữ vững, mà còn tiếp tục mở rộng vùng giải phóng, giành quyền làm chủ cho hơn 28.000 dân, phá ban hàng chục ấp chiến lược. Hàng vạn quần chúng liên tục nổi dậy cùng

với các lực lượng vũ trang vây đồn, phá ấp, giải phóng tiếp nhiều nơi tại Mộ Đức, Đức Phổ, phá 3 khu đồn, 15 ấp chiến lược, vây bắt 300 tù binh, thu 250 súng các loại.

Ở Ba Tơ, từ ngày 20-9, địch tập trung 6 tiểu đoàn gồm 3 tiểu đoàn quân cộng hòa thuộc trung đoàn 5 và 3 tiểu đoàn biệt động, có pháo binh, xe tăng yểm trợ tiến công vào quận lỵ Ba Tơ, cố chiếm lại quận lỵ và giải tỏa khu trung tâm biệt kích Đá Bàn. Nhưng với tinh thần dũng cảm và mưu trí, bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương, dân quân du kích, có sự phối hợp chặt chẽ của tiểu đoàn 406 đặc công quân khu đã kiên quyết bám trụ, liên tục tiến công và phản công, đánh thiệt hại nặng 6 tiểu đoàn của địch, giữ vững chi khu, quận lỵ, siết chặt vòng vây khu Đá Bàn. Ngày 31-10-1972, quân ta tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn 69 biệt động ở trung tâm biệt kích Đá Bàn, giải phóng chi khu, quận lỵ, loại khỏi vòng chiến đấu trên 1.800 tên địch, thu rất nhiều phương tiện chiến tranh, bắn rơi 3 máy bay. Quận lỵ Ba Tơ hoàn toàn giải phóng. Hơn 5.000 dân trong các ấp, khu đồn ở quận lỵ bung về vùng giải phóng đã có từ trước.

Ở Bình Sơn, Đông Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, địch củng tập trung bọn địa phương quân, có xe tăng yểm trợ phản kích lấn chiếm lại vùng giải phóng, nhưng bộ đội và du kích ta liên tục phản công tiêu hao nhiều sinh lực địch, đồng thời tiến công sâu về phía trước, làm cho hậu phương của chúng thêm rối loạn.

Ngày 31-10-1972, chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61) đã kết thúc. Quân và dân trong toàn tỉnh đã diệt, làm bị thương và bắt sống trên 7.500 tên địch, diệt gọn 1 tiểu

đoàn, 16 đại đội, 1 chi cảnh sát quận, 4 cuộc cảnh sát xã; đánh thiệt hại nặng 7 tiểu đoàn chủ lực, bắn rơi 22 máy bay, bắn cháy và hỏng 35 xe quân sự, phá hủy 8 pháo 105 ly, thu 1.055 súng các loại, san bằng 51 chốt điểm, phá 10 khu đồn, 46 ấp chiến lược, giải phóng thêm 5 vạn dân.

Qua ba chiến dịch: Xuân - Hè, Thu và Tổng hợp sau Thu (13-4 đến 31-10-1972), dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban chỉ huy chiến dịch, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 14.055 tên địch, san bằng 124 chốt điểm, 135 khu đồn và ấp chiến lược, giải phóng và làm chủ 246.748 dân, mở ra nhiều vùng rộng lớn liên hoàn (liên thôn, liên xã, liên huyện) từ tây nam Nghĩa Hành, đông bắc Tư Nghĩa đến Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tư.

Đi đôi với tiến công quân sự, bạo lực vũ trang khởi nghĩa của quần chúng đã nổi dậy mạnh mẽ và bằng ba mũi giáp công phá ấp giành quyền làm chủ, phá khu đồn bưng dân về làng cũ. Trong chiến dịch Xuân - Hè, quần chúng đã nổi dậy cùng với lực lượng vũ trang phá banh 32 khu đồn, 36 ấp chiến lược, giành làm chủ gần 10 vạn dân, xóa đại bộ phận vùng trắng, mở rộng vùng giải phóng.

Trong chiến dịch Thu, quần chúng ở ba vùng tiếp tục khí thế khởi nghĩa, các khẩu hiệu "Tất cả cho công kích và vũ trang khởi nghĩa thắng lợi", "Giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân", "Hy sinh vì Tổ quốc, quyết giải phóng Quảng Ngãi" đã trở thành sức mạnh đối với mọi tầng lớp nhân dân, quyết vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong chiến dịch Tổng hợp sau Thu (73-61), bằng ba mũi giáp công, hàng ngàn quần chúng nổi dậy diệt ác ôn,

bất tàn quân, tề điệp, hao vây đồn bót địch, phá công sự, lô cốt, hầm ngầm, phá ấp, phá khu đồn bung dân về làng cũ. Chỉ trong 15 ngày đầu của chiến dịch, quần chúng đã nổi dậy phá 10 khu đồn, 46 ấp chiến lược, giải phóng và làm chủ trên 5 vạn dân, xóa được vùng trắng, hình thành những vùng giải phóng rộng lớn.

Cùng với tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng, công tác binh vận và phong trào nổi dậy của binh lính đã phát triển khá, góp phần diệt ác, phá kìm, chống địch phản kích. Từ chiến dịch Xuân - Hè đến chiến dịch Thu và Tổng hợp sau Thu, đã có 42 vụ binh biến nội ứng, diệt 63 tên ác ôn, làm bị thương 60 tên khác. Đã có 19 trung đội nổi dậy làm binh biến khởi nghĩa, diệt ác ôn, mang trên 300 khẩu súng về với cách mạng. Phong trào đào rã ngũ trong binh lính địch phát triển mạnh mẽ ở khắp các sắc lính. Rã ngũ tập thể có 1 đại đội bảo an, 77 trung đội, 40 liên toán phòng vệ dân sự. Rã ngũ lẻ tẻ có trên 8.200 lính, có gần 1.000 lính chạy về vùng giải phóng, mang về 570 súng các loại. Phong trào chống bắt lính, đồn quân đã diễn ra rất quyết liệt, tập hợp được cả binh lính, thương phế binh, thanh niên, học sinh và các tầng lớp nhân dân tham gia.

Công tác động viên nhân tài vật lực phục vụ tiền tuyến đã được Tỉnh ủy và các cấp ủy địa phương hết sức quan tâm. Tỉnh ủy đã động viên toàn Đảng, toàn dân ở ba vùng khẩn trương thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Trong 10 tháng năm 1972, toàn tỉnh đã thu mua được gần 6.600 tấn gạo và đóng góp được 23.000 triệu đồng, vận chuyển được 6.158 tấn vũ khí, lương

thực phục vụ chiến trường, động viên gần 6.000 thanh niên nhập ngũ, thoát ly tham gia cách mạng.

Tỉnh ủy rất chú trọng đến phát triển sản xuất, khai hoang phục hóa. Diện tích gieo trồng đã lên đến 26.383 ha, trong đó diện tích trồng lúa 22.254 ha, sản lượng thu hoạch được 36.489 tấn, trong đó lúa 31.657 tấn. Ở miền núi, phong trào vòng công hợp tác, đoàn kết sản xuất đã được hình thành bảo đảm sản xuất và cung cấp lương thực phục vụ tiền tuyến. Phần lớn ruộng miền núi đã được sử dụng vào việc sản xuất lúa, gạo. Nhân dân vùng rẫy đã xuống làm ruộng, định canh, định cư, giảm diện tích bỏ hoang hóa. Diện tích sản xuất có 13.275 ha, trong đó lúa là 7.480 ha. Sản lượng thu hoạch là 17.317 tấn, trong đó lúa là 7.764 tấn. Ngoài ra, tỉnh còn chú trọng phát triển chăn nuôi, nghề làm muối, làm cá và các nghề thủ công nghiệp. Tỉnh đã xây dựng được 40 lò rèn vừa bảo đảm rèn nông cụ phục vụ sản xuất, vừa góp phần sửa chữa vũ khí để phục vụ kháng chiến.

Sau giải phóng, ta đã kịp thời ổn định đời sống cho nhân dân. Khi phá khu đồn phần lớn số dân bung ra về quê cũ, không mang theo gì cả nên gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống. Tỉnh đã kịp thời xuất gạo, muối cứu đói, cứu lụt cho dân, đồng thời vận động nhân dân tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Tỉnh đã cho nhân dân vay tiền để phát triển sản xuất. Nhờ đó, nhân dân vùng mới giải phóng kịp thời ổn định về đời sống và tư tưởng, dập tắt được các nạn dịch và bệnh tật.

Song song với giải quyết đời sống, các đoàn thể quần chúng ở vùng mới giải phóng cũng nhanh chóng phát triển. Hội phụ nữ phát triển được 12.199 hội viên; Nông hội phát

triển thêm 12.624 hội viên; Đoàn thanh niên chỉ trong 10 tháng phát triển thêm 1.278 đoàn viên. Các đoàn thể đều tiến hành sinh hoạt chính trị thường xuyên. Chính quyền cách mạng cũng được thành lập ngay sau khi vừa giải phóng và không ngừng củng cố. Chính quyền cách mạng từ xã xuống thôn đều có người chuyên trách làm việc. Chính quyền cách mạng đã giữ vững được trật tự an ninh ở vùng giải phóng. Nhiều nơi chính quyền đã biết dựa vào dân, phát động quần chúng phát hiện tề điệp, lấy quần chúng để trừng trị, giáo dục những phần tử xấu, xây dựng được phong trào an ninh nhân dân chống hoạt động do thám, gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch.

Nhằm đánh giá tình hình và kết quả của các chiến dịch trong năm 1972, từ ngày 5 đến 14-11-1972, Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng và ra Nghị quyết khẳng định, trong các chiến dịch vừa qua, quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện chưa từng có. Thắng lợi đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng đã tạo ra thực lực mới, địa bàn mới, thế tiến công mới. Khí thế chính trị, tinh thần, tư tưởng quân dân vươn lên rõ rệt.

Hội nghị đã nêu lên một số ưu khuyết điểm và nguyên nhân thắng lợi, Hội nghị cho rằng nguyên nhân đưa đến thắng lợi to lớn và toàn diện, trước hết là do sự chỉ đạo sáng suốt và kịp thời của Khu ủy và Quân Khu ủy, sự chỉ đạo trực tiếp và nhanh nhạy của Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy, có quyết tâm, quán triệt được mục tiêu yêu cầu của chiến dịch và quán triệt được nhiệm vụ trung tâm của Tỉnh ủy đề ra. Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng đều phấn khởi tin tưởng và có quyết tâm cao, đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, kiên cường dũng cảm,

quyết tâm khắc phục khó khăn, chịu đựng ác liệt, kiên trì bám trụ, bám chiến trường và liên tục tiến công địch. Công tác chuẩn bị chiến dịch tốt, công tác tổ chức và tổ chức thực hiện có nhiều tiến bộ, sâu sát, uốn nắn kịp thời lệch lạc. Đặc biệt có sự chi viện kịp thời và có hiệu quả của cấp trên và chiến trường bạn. Đó chính là nguyên nhân đưa đến thắng lợi to lớn và toàn diện của quân và dân trên chiến trường Quảng Ngãi.

Hội nghị đã nêu bật âm mưu của địch trong thời gian sắp tới là phản kích, lấn chiếm lại những vùng đã bị mất, giành dân lấn đất một cách quyết liệt với ta trong một thời gian dài. Từ nay đến cuối năm 1972, ý đồ của địch là cố lấn chiếm, giành lại các vùng chúng bị mất vừa qua với kế hoạch là tiến hành có trọng điểm ở những nơi quan trọng rồi loang dần ra.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, Hội nghị đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới là:

... "Tiếp tục động viên lãnh đạo toàn Đảng bộ, quân dân toàn tỉnh, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất, kiên trì đầy mạnh kháng chiến cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn, trước mắt tích cực đối phó với mọi âm mưu phản kích đánh phá và bình định lấn chiếm của địch, giữ vững vùng ta, giữ dân bảo vệ hành lang bàn đạp và liên tục tiến công địch phía trước, tiếp tục giành dân, khẩn trương củng cố xây dựng lực lượng ta thật vững mạnh, đồng thời tích cực chuẩn bị cho Xuân - Hè 1973"¹.

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng (từ ngày 5 đến 14-11-1972). Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Để kịp thời đập tan những âm mưu thủ đoạn mới của địch, Tỉnh ủy chủ trương phải đẩy mạnh sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ, tăng cường công tác tư tưởng nhằm động viên, giải quyết tư tưởng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, sẵn sàng đối phó với âm mưu ngoan cố lật lọng kéo dài chiến tranh của Mỹ - Thiệu; đồng thời, phải tích cực chống địch phản kích, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm, bình định, xúc tát dân của địch, giữ dân, giữ vững vùng giải phóng và đẩy mạnh liên tục hoạt động tiến công địch phía trước diệt ác, phá kim, giành dân; phải ra sức xây dựng vùng giải phóng của ta vững mạnh về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trở thành hậu phương, căn cứ cách mạng vững chắc kể cả miền núi và đồng bằng, trên cơ sở đó động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân kiên trì, quyết kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn.

Qua một năm chiến đấu liên tục, với ba chiến dịch Xuân-Hè, Thu và Tổng hợp sau Thu, quân và dân ta đã vượt qua bao khó khăn gian khổ và ác liệt, cùng với quân, dân toàn khu giành thắng lợi to lớn và toàn diện trong cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972. Quân và dân Quảng Ngãi đã nỗ lực vượt bậc, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đã tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh thiệt hại gần 1/2 tổng số quân địch ở địa phương. Các lực lượng vũ trang ta đã tiến công mạnh vào một số quận lỵ, chi khu, phá hủy được một tuyến phòng thủ kiên cố của địch dọc theo quốc lộ 1, chiếm lĩnh được những địa bàn quan trọng, phá vỡ hầu hết các hệ thống phòng thủ kẹp dân tại chỗ, phá vỡ những tuyến phòng ngự vòng ngoài của địch, quét sạch địch ở một số

địa bàn quan trọng, đẩy địch vào thế bị động, rối loạn và suy sụp không thể nào gượng nổi, nhiều nơi, nhiều lúc địch mất sức đề kháng, ý chí giảm sút nặng nề, tư tưởng thất bại thể hiện ngày càng trầm trọng.

Ta đã mở ra những vùng giải phóng rộng lớn nối liền và hoàn chỉnh liên mảng ở những địa bàn quan trọng, đã căn bản xóa vùng trắng, mở rộng vùng ta, thu hẹp vùng địch, hình thành thế bao vây chia cắt địch, cô lập địch ở thị trấn, thị xã, tạo ra thế trận mới, thế tiến công nhiều hướng ở trên cả ba vùng chiến lược, thực lực ta phát triển nhanh và ngày càng mạnh, tinh thần, khí thế cách mạng trong cán bộ, chiến sĩ và quần chúng ở ba vùng đều vươn lên mạnh mẽ.

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972 có ý nghĩa rất quan trọng đã tạo ra cho quân dân ta thế và lực mới, làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường Quảng Ngãi, tạo bước ngoặt căn bản để quân và dân Quảng Ngãi cùng với nhân dân cả nước tiến lên giải phóng toàn bộ nông thôn và vũ trang khởi nghĩa giải phóng thị xã và toàn tỉnh, hoàn thành nhiệm vụ thống nhất Tổ quốc.

Thắng lợi chiến lược năm 1972 ở Quảng Ngãi đã góp phần giành thắng lợi chung cho toàn miền đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch, buộc đế quốc Mỹ phải đàm phán nghiêm chỉnh và ký Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Chương VIII

**CÙNG VỚI NHÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH
THẮNG HOÀN TOÀN CUỘC CHIẾN TRANH
XÂM LƯỢC CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1973-1975)**

**I- THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH PARI, CHỐNG DỊCH LẤN
CHIẾM VÙNG GIẢI PHÓNG, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
THỰC LỰC CÁCH MẠNG**

Vào cuối năm 1972, đầu năm 1973 thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là: "Hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tập trung mũi nhọn vào đế quốc Mỹ và tập đoàn thống trị tư sản mại bản quan liêu, quân phiệt phát xít, tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ đang thống trị trong vùng địch kiểm soát, đẩy lùi và thắng địch từng bước, đi đến xóa bỏ chế độ thực dân mới, thiết lập một chính quyền dân tộc, dân chủ thực sự, thực hiện hòa hợp dân tộc, thoát ly hẳn sự lệ thuộc vào Mỹ, thực hiện một miền Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà"¹.

1. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. II, tr.613.

Ngày 27-1-1973, chính quyền Níchxơn buộc phải ký Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Theo Hiệp định, đế quốc Mỹ phải chấm dứt xâm lược Việt Nam, rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam, cam kết tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; cam kết tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, chấm dứt dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Hiệp định Pari đã chứng minh thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 2-3-1973, Hiệp định Pari lại được định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam long trọng xác nhận và ủng hộ.

Ngày 29-3-1973, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Tướng Uayen, Tổng chỉ huy và Bộ tham mưu quân viễn chinh Mỹ cùng 2.051 lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam. Cùng ngày, quân chư hầu cũng cuốn cờ rút khỏi nước ta.

Tuy nhiên, kẻ thù không dễ gì từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng tính toán vạch ra những kế hoạch, thủ đoạn mới để đánh phá phong trào cách mạng nước ta. Chúng chủ trương tiếp tục kéo dài chiến tranh bằng biện pháp sử dụng quân đội Sài Gòn do Mỹ tổ chức, trang bị, huấn luyện và trực tiếp chỉ huy thông qua hệ thống cố vấn. Mục tiêu trước mắt và lâu dài của Mỹ là hoàn chỉnh

vùng nguy quyền Sài Gòn kiểm soát, xóa bỏ thế da báo, cải biến thế bị uy hiếp, từng bước làm suy yếu đối phương, từng bước làm thay đổi cục diện trên chiến trường miền Nam, để tiến tới thôn tính những vùng đất đã mất. Lực lượng không quân và hải quân Mỹ tuy đã rút khỏi miền Nam, nhưng vẫn tiếp tục hoạt động từ Thái Lan và ngoài khơi Việt Nam, làm chỗ dựa tinh thần cho quân đội Sài Gòn và làm lực lượng răn đe ta.

Kế hoạch chiến tranh mới của Mỹ - nguy dựa trên hai nội dung chiến lược chủ yếu: lấn chiếm và bình định. Chương trình bình định trong giai đoạn mới được đưa lên vị trí trung tâm của chiến lược mới.

Vì vậy, ngày 28-1-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi rất vẻ vang; tuy nhiên, những thế lực quân phiệt, phát xít, công cụ của chủ nghĩa thực dân mới đi ngược lại nguyện vọng của dân tộc ta vẫn chưa từ bỏ những âm mưu phá hoại hòa bình, ngăn trở con đường độc lập, tự do của nhân dân ta. Trung ương đề ra nhiệm vụ cho nhân dân cả nước: "Tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà"¹.

Tháng 1-1973, ở Quảng Ngãi, địch đã tập trung quân cơ động, mở nhiều cuộc càn quét sâu vào vùng giải phóng, nhằm đánh phá hành lang, bàn đạp, hậu phương của ta và

1. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. II, tr. 603.

nổng ra chốt một số điểm ở vùng giải phóng như Dốc Phú, cầu Ngọc Trì, Đình Cương... Đến gần ngày ký kết Hiệp định, chúng ráo riết chuẩn bị âm mưu "tràn ngập lãnh thổ", bố trí lực lượng, tập dượt đổ quân và cấm cờ lẩn chiếm khi có giải pháp chính trị. Chúng ra sức phòng thủ vùng chúng kiểm soát, thực hiện thiết quân luật, cấm trại 100%, kiểm soát chặt chẽ khắp các ngã đường, cấm dân ra vùng ta, bắt dân học tập và thanh lọc, may cờ, vẽ cờ nguy trên các vách nhà dân, hành quân cảnh sát liên miên, lục soát, bắt bớ và khủng bố truy tróc cơ sở của ta, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, hoạt động gián điệp.

Từ khi Hiệp định Pari được ký kết, lệnh ngừng bắn được ban hành, địch ra sức đối phó với ta. Chúng ra lệnh cho binh lính cố thủ, đề phòng những đợt phản kích của ta. Khi Hiệp định Pari có hiệu lực, ở một số nơi, nhất là trên trục quốc lộ 1 chúng vẫn còn dùng phi pháo, xe tăng và bộ binh đánh vào những vùng ta vừa chiếm lĩnh như ở Thế Long - Thế Lợi (Sơn Tịnh), nam Đức Phổ, Thạch Trụ, Trà Câu. Chúng sử dụng trực thăng và pháo bắn phá bừa bãi vào một số nơi ở vùng giải phóng, đưa quân đóng chốt, nổng lẩn quấy phá vùng giải phóng, nhất là tây Sơn Tịnh.

Từ ngày 27-1 đến cuối tháng 3-1973, địch đánh chủ yếu vào nam Mộ Đức, các xã ven biển thuộc đông Bình Sơn, Sơn Tịnh, bắc Mộ Đức. Ở Đức Phổ, chúng hành quân quy mô cấp sư đoàn, có pháo binh, có xe cơ giới yểm trợ để đánh phá ác liệt vùng giải phóng của ta.

Tháng 4-1973, địch tiếp tục đánh phá, bình định, củng cố thế đứng ở các vùng mới lẩn chiếm và quyết tâm giành

cho được quyền kiểm soát dọc ven biển. Mặt khác, chúng tiếp tục đánh phá lấn chiếm ra các vùng giải phóng của ta, thực hiện âm mưu gom dân bình định, xua dân chạy dạt vào vùng chúng kiểm soát. Chúng cũng tiến hành một số cuộc hành quân quy mô với quân số trung đoàn, đánh phá các xã tây Nghĩa Hành, chốt thêm một số điểm và nối lại trục đường Nghĩa Hành đi Minh Long.

Tháng 8-1973, địch chuyển lên đánh phá phía tây các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, các cửa khẩu và trục hành lang giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi với ý đồ lập các chốt phòng ngự, bao vây, chia cắt thể liên hoàn của ta giữa đồng bằng và miền núi, cố tạo điều kiện để đánh chiếm, lấn dần vào căn cứ miền núi của ta. Thủ đoạn đánh phá của địch rất tàn bạo, thâm độc, chúng tập trung đánh phá hủy diệt từng vùng bằng phi pháo, bộ binh, càn, đốt hết nhà cửa, hầm hố, lấp giếng nước, cướp trâu bò, phá lúa gạo... Trong nhiều đợt càn, chúng cho một bộ phận lính ác ôn đi bắn giết, hãm hiếp bừa bãi. Đối với đồng bào trụ bám trực diện đấu tranh thì chúng đánh đập tàn nhẫn. Chúng bắn pháo cối ra các cánh đồng không cho dân về sản xuất, làm ăn.

Đi đôi với đánh phá bằng quân sự, địch đẩy mạnh hoạt động do thám gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng nhằm phá hoại địa phương của ta, phục vụ âm mưu lấn chiếm, bình định của chúng. Chúng bố trí điệp viên về hoạt động ở các cửa khẩu, ở những nơi buôn bán, nhiều người đi lại như An Điền (Bình Sơn), chợ Phước Lộc, cây số 17 (Sơn Tịnh), đường số 5 từ Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tư... Chúng thông qua con đường quan hệ hai vùng để mua chuộc một số người, nhằm khai thác

tình hình vùng ta. Chúng còn tổ chức một số tay sai giả dạng dân thường, đi sâu vào vùng ta dưới hình thức mua sắt vụn, lượm mảnh bom pháo, về thăm quê để thăm dò hoạt động của ta. Ở các vùng gần chốt chiếm đóng, địch thường hoạt động tình báo vũ trang, tung bọn thám báo, biệt kích đi tập kích. Có nơi chúng mua chuộc, cài cấy bọn tề ấp cũ, bọn lính ngụy trá hàng về vùng giải phóng nằm im, tìm sơ hở để đánh vào nơi ở của đội du kích, đội công tác (Mộ Đức), lấy cấp súng của bộ đội, bắn người rồi tẩu thoát (Tư Nghĩa). Chúng còn bỏ thuốc độc vào bánh kẹo, vào thuốc hút cho thương nhân lên vùng ta bán để ám hại cán bộ, bộ đội ta...

Về thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiêu hồi của địch cũng rất thâm độc. Trong vùng kiểm soát chúng tổ chức cơ sở dân vận, các toán văn nghệ, vũ trang tuyên truyền, bọn tâm lý chiến... thường xuyên hoạt động ở các vùng mới lần chiếm và tung bọn tay sai xâm nhập vào vùng ta nhằm gây nghi ngờ, hoang mang trong nhân dân, tiến công vào một số phần tử dao động... Chúng tung ra những luận điệu phản động như xuyên tạc Hiệp định Pari, tuyên truyền thắng lợi giả tạo của chúng, vu cáo ta vi phạm Hiệp định, kêu gào chiến tranh, kích động hận thù dân tộc, xuyên tạc việc thực hiện đường lối hòa bình, hòa hợp dân tộc, xuyên tạc chính sách của ta đối với binh lính, công chức, sĩ quan thuộc ngụy quyền Sài Gòn.

Trong vùng thị xã và các thị trấn, địch ra sức tìm kiếm, khủng bố quần chúng yêu nước, tán thành hòa bình bằng các cuộc hành quân cảnh sát, tố cộng liên miên. Mặt khác, chúng ra sức đôn quân, bắt lính bừa bãi, bắt buộc người già, phụ nữ, trẻ em phải tham gia phòng vệ dân sự, bắt

học sinh các trường phải luyện tập quân sự. Về kinh tế, chúng bóc lột, vơ vét bằng các thứ thuế vô lý, các chiến dịch lúa gạo, cướp giết trắng trợn... làm cho đời sống nhân dân càng khổ sở, điều đứng.

Đối với vùng giải phóng, địch ráo riết thực hiện đánh phá, bao vây kinh tế của ta. Bọn ngụy tăng cường càn quét lấn chiếm. Đi đến đâu chúng cũng thi nhau cướp bóc lúa gạo, tài sản của nhân dân, phá hoại hoa màu ngoài đồng, phá đập, phá bờ xe nước, giết hại trâu bò. Chúng còn bắt dân vùng ta gặt lúa xong phải gánh ra vùng chúng "để gởi". Chúng tung hàng trung đoàn mở các cuộc càn quét bắt dân, đánh đập, khai thác, cho bọn chỉ điểm dẫn đi lùng sục tìm kiếm để cướp phá các kho lương thực của ta, rêu rao thủ đoạn "đánh vào dạ dày của cộng sản".

Tính chung trong năm 1973, kể từ khi Hiệp định Pari được ký kết, địch vi phạm lấn chiếm 8.549 lần, bắn pháo tới 13.886 lần, thả bom và hoạt động vũ trang có máy bay 561 lần, máy bay do thám 1.290 lần...¹.

Về phía ta, ngay từ cuối năm 1972, khi tình hình có biến đổi mới, khả năng ký kết Hiệp định đã rõ ràng, thì khí thế của cán bộ, chiến sĩ và quần chúng có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Vì vậy, khi Hiệp định được công bố, ta đã có kế hoạch cụ thể về chiếm lĩnh, giữ vững vùng giải phóng, triển khai kịp thời lực lượng. Ta mở ra giành quyền kiểm soát phía trước đạt yêu cầu khá, đánh bại nhiều đơn vị địch, bức rút, tiêu diệt, bức hàng hàng chục chốt điểm,

1. Báo cáo tình hình năm 1973 của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

mở ra nhiều vùng giải phóng rộng lớn có địa bàn trọng yếu bao gồm cả quốc lộ 1, cửa biển, thị trấn, như toàn bộ khu nam Đức Phổ, khu vực Trà Câu, Thạch Trụ, Châu Me, chiếm lĩnh Núi Vỡ và đoạn đường Thế Long - Thế Lợi (Sơn Tịnh), giải phóng phần lớn khu vực Ba Làng An... Phong trào thị xã, thị trấn có bước chuyển biến mới. Quần chúng phấn khởi, tin tưởng cách mạng, bất chấp sự kiềm tỏa khắc nghiệt của địch, tự do bàn tán thắng lợi của ta, thất bại của Mỹ - Thiệu, chào mừng hòa bình, kêu gọi chồng con, anh em bỏ súng trở về, cầm cờ, tung truyền đơn ngay trong thị xã, các cơ sở cách mạng hoạt động hăng hái, tích cực.

Tuy nhiên, sau khi Hiệp định Pari được ký kết, tư tưởng chủ quan trong một số cán bộ, chiến sĩ xuất hiện, dẫn đến việc muốn nghỉ xả hơi, thiếu cảnh giác, để địch tái chiếm một số vùng.

Trước tình hình mới, căn cứ vào tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khu ủy Khu V đã đề ra nhiệm vụ trung tâm của toàn khu là "Ra sức đánh bại bình định lấn chiếm của địch, giành dân, giữ dân, mở rộng quyền làm chủ, phát triển thực lực của ta"¹.

Nhằm quán triệt đường lối của Trung ương và Khu ủy, tháng 3-1973, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp nhận định, phân tích đầy đủ tình hình địch, ta và các âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Tỉnh ủy xác định rõ, địch đang lâm vào tình trạng tan rã, suy sụp nên khả năng của chúng có hạn, ta

1. Nghị quyết Khu ủy V, tháng 7-1973. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

cần phải đề cao cảnh giác. Tỉnh ủy cho rằng thời gian trước và sau Tết âm lịch 1973 là thời cơ rất thuận lợi, cần đẩy mạnh tiến công địch về chính trị và tư tưởng, động viên chính trị quần chúng mạnh mẽ, củng cố thắng lợi vừa giành được, tiến lên giành thêm những thắng lợi mới, tạo nên một khí thế mới.

Tỉnh ủy đã ra nghị quyết về nhiệm vụ cách mạng của Quảng Ngãi trong tình hình mới. Nghị quyết chỉ rõ, công tác chống lấn chiếm ở một số nơi chưa chuyển kịp với tình hình mới, phương thức chống lấn chiếm chưa thật tốt...; trong tác chiến còn nặng lối đánh tĩa, đánh tiêu hao, địch nống ra ta chưa có những cú đánh đau, diệt gọn, mà chống đỡ là nhiều, có nơi còn để cho lực lượng của ta bị tiêu hao; trong tiến công vai trò của mũi chính trị, binh vận trong chống lấn chiếm chưa được phát huy tốt.

Để đánh bại âm mưu của địch, tháng 7-1973, Thường vụ Tỉnh ủy họp ra nghị quyết nhấn mạnh mấy điểm sau đây:

1. Phải nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên thấy rõ đặc điểm của tình hình hiện nay, ta và địch đang ở trong tình thế cài răng lược, phải thấy rằng địch lấn chiếm, ta chống lấn chiếm là một vấn đề diễn đi diễn lại trong quá trình lâu dài, chỉ khi nào bọn ngoan cố hiếu chiến bị đánh đổ mới thôi. Nhưng sức địch có hạn, lại đây mâu thuẫn nên địch không thể gây căng thẳng mãi được mà chúng sẽ bị đẩy lùi từng bước. Nếu ta đánh giá đúng địch, ta, quán triệt phương hướng, nhiệm vụ và vận dụng đúng đắn phương châm, phương pháp, kiên trì trụ bám, quyết

tâm giành, giữ quyền làm chủ của nhân dân, thì nhất định ta sẽ đánh bại được âm mưu lấn chiếm của địch.

2. Phải quán triệt vấn đề chống lấn chiếm, giữ nông thôn, giành nông thôn là vấn đề của quần chúng. Do đó phải phát động quần chúng đứng lên chống địch bằng ba mũi giáp công, khéo léo kết hợp chặt chẽ hai chân.

3. Phải có kế hoạch chống lấn chiếm trên từng vùng miền núi, nông thôn, đồng bằng, ở các vùng địch mới lấn chiếm.

Từ những nhận định trên, Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách cho quân và dân Quảng Ngãi trong phong trào đấu tranh cách mạng hiện tại:

1. Về đấu tranh thi hành Hiệp định ở Quảng Ngãi cần chú trọng tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung và ý nghĩa thắng lợi, làm cho mọi người nhận thức sâu sắc, nắm vững những điều cơ bản của Hiệp định để đập lại luận điệu xuyên tạc của địch, làm cho quần chúng biết nắm nội dung Hiệp định làm vũ khí đấu tranh với địch; đẩy mạnh đấu tranh dư luận chống địch vi phạm Hiệp định, phát động đấu tranh đòi đối phương trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt, chống địch hành hạ, đánh đập, thủ tiêu những người của ta bị chúng bắt giữ, phát động phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ ở thành thị và vùng nông thôn do địch kiểm soát; chuẩn bị lực lượng thứ ba vào hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc; kiện toàn bộ máy đấu tranh thi hành Hiệp định.

2. Lực lượng vũ trang, du kích, cán bộ, đảng viên kiên quyết bám giữ các địa bàn đang đứng hoạt động và chiếm lĩnh; phải khẩn trương củng cố, bổ sung lực lượng tại chỗ,

phát động tư tưởng đề cao cảnh giác, sẵn sàng đánh trả địch bất cứ lúc nào nếu chúng vi phạm, lấn chiếm vùng ta kiểm soát; cán bộ, chiến sĩ đứng nơi nào cũng phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng xây dựng du kích, giúp đỡ quần chúng trở về quê cũ, tích cực kéo dân về vùng ta, tranh thủ lòng dân ở vùng địch còn kiểm soát hoặc hai bên còn đang tranh chấp.

3. Phát động một cao trào tiến công binh vận vào hàng ngũ địch, sử dụng nhiều khẩu hiệu hòa bình, hòa hợp dân tộc, không đi lính, trở về nhà...; phát động một phong trào lực lượng vũ trang, du kích làm binh vận, động viên quần chúng cả vùng ta và vùng địch xáp vào binh lính địch để vận động; ra sức tranh thủ, nắm gia đình binh sĩ, giáo dục họ vận động chồng con, người thân trở về nhà để được hưởng hòa bình, hạnh phúc.

4. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào vận động quần chúng ở các khu đồn, vùng địch kiểm soát đi lại làm ăn, buôn bán ở vùng ta, trở về vùng giải phóng để sản xuất, kinh doanh; lãnh đạo quần chúng dựa vào pháp lý của Hiệp định đã công nhận quyền tự do đi lại, cư trú làm ăn mà đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn ngăn chặn của địch; cần khẩn trương xây dựng nòng cốt cơ sở, tổ chức quần chúng đấu tranh đến Ủy ban quốc tế hoặc Ban liên hiệp quân sự, buộc địch phải thi hành quyền tự do đi lại, cư trú, làm ăn...

5. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn lên một bước mới, cần nghiên cứu thật nhiều hình thức để phát huy khí thế quần chúng lên thành một phong

trào đấu tranh chính trị tiến công địch thật rộng rãi cả ở nông thôn lẫn thành thị; hình thành phong trào các tầng lớp nhân dân mừng hòa bình lập lại, hoan nghênh Hiệp định, đòi gìn giữ hòa bình, hòa hợp dân tộc, chống lại mọi luận điệu và hành động gây chiến của địch.

6. Đối với vùng giải phóng, tiếp tục động viên chính trị, phát động quần chúng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thắng lợi vĩ đại của ta đã đánh thắng đế quốc Mỹ; tổ chức mít tinh hoan nghênh Hiệp định, mừng xuân đại thắng, vui tết hòa bình bằng nhiều hình thức phong phú, tạo nên được khí thế cách mạng ngày càng cao trong cán bộ, chiến sĩ, quần chúng, trên cơ sở phát động tư tưởng; đẩy mạnh các mặt hoạt động đi lên thật rầm rộ như động viên thanh niên tòng quân, tham gia du kích, xây dựng làng chiến đấu, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu phản động lấn chiếm, vi phạm Hiệp định của địch; đẩy mạnh phong trào sản xuất khai hoang vỡ hóa, phát động phong trào làm đường, trồng cây, xây dựng lại quê hương... Ở miền núi, phát động phong trào làm nhà ở vùng thấp, đẩy mạnh vỡ hoang, sản xuất, huy động làm đường, di dân công vận chuyển, tích cực xây dựng du kích, củng cố các đoàn thể quần chúng, bố phòng, canh gác, chống biệt kích, giữ vững an ninh trật tự; huy động du kích và bạo lực quần chúng ra phía trước, hỗ trợ cho các xã bạn tiếp tục tiến công bằng chính trị và binh vận mở rộng vùng ta kiểm soát.

Về chỉ đạo các mặt công tác trên, Tỉnh ủy xác định thời gian này là thời điểm rất quan trọng, để ta đẩy mạnh tiến công địch về chính trị, tư tưởng. Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy phải tăng cường sự chỉ đạo trực tiếp công tác tuyên truyền, yêu cầu từng huyện có kế hoạch cụ thể, sâu sát và

nhảy bén, theo dõi chặt tình hình với tinh thần tiếp tục các phong trào đấu tranh cách mạng, nỗ lực vượt bậc, khẩn trương cao độ, chống tư tưởng dừng lại, nghỉ ngơi, co thủ. Tỉnh ủy yêu cầu cán bộ, đội du kích, đội công tác phải tiến ra phía trước, tiếp tục trụ bám, luồn sâu vào các tầng lớp quần chúng vùng địch kiểm soát để lãnh đạo đấu tranh.

Tinh thần các nghị quyết và nhiệm vụ cụ thể của Tỉnh ủy đề ra đã được phổ biến sâu rộng, kịp thời nên tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng dần dần ổn định, chuyển biến tốt hơn.

Chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các ban ngành trong tỉnh, các lực lượng vũ trang đã tiến hành khẩn trương, kiên toàn các tổ chức của mình. Ở cấp tỉnh, huyện đều thành lập Ban Hiệp định do một đồng chí Thường vụ cấp ủy phụ trách. Ở cấp xã, đồng chí Phó bí thư chuyên trách công tác tuyên truyền Hiệp định. Các ban ngành, lực lượng vũ trang đã phối hợp đồng bộ với nhau trong mọi hoạt động để giúp cấp ủy thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

Việc học tập ý nghĩa thắng lợi, các nội dung cơ bản của Hiệp định, các nhiệm vụ cấp bách của cách mạng trong cán bộ, chiến sĩ, đảng viên đạt 100%. Mọi người đều thấy rõ đây là thắng lợi to lớn của nhân dân ta, là thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, là kết quả của quá trình đấu tranh quyết liệt của mọi tầng lớp nhân dân, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Nhân dân được tuyên truyền, giải thích rộng rãi nội dung Hiệp định, Nghị định thư và các vấn đề cơ bản của nhiệm vụ mới, theo hình thức họp

thôn, xóm, xã và sinh hoạt các đoàn thể, tính ra đạt được 90% số dân. Ở vùng địch kiểm soát, các đội công tác tổ chức nhiều đợt tuyên truyền vào bên trong bằng loa, tấn phát vào nội thị trấn, thị xã hàng trăm cuốn Hiệp định. Nhiều người dân còn nghe đài giải phóng, đọc báo có đăng nội dung Hiệp định.

Trùng trị địch lần chiếm trái phép, tại đông bắc Mộ Đức, lực lượng vũ trang của tỉnh và du kích địa phương đã đánh lui nhiều đợt lấn chiếm của địch ở xã Đức Nhuận, diệt hàng trung đội bảo an, bắn cháy một số xe tăng địch. Ở Bình Hòa, Bình Phú (Bình Sơn) quân và dân ta đánh lui nhiều đợt lấn chiếm của địch. Nhiều đơn vị tập trung của các huyện phối hợp với du kích xã đánh địch vi phạm Hiệp định. Vào tháng 2-1973 trong vòng ba ngày, đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm của Đức Phổ cùng du kích Phổ Ninh liên tục bám đánh một đại đội địch có xe tăng và phi pháo yểm trợ, diệt 46 tên, làm bị thương 16 tên khác.

Ngày 25-7-1973, tiểu đoàn 48 của tỉnh và một phân đội hỏa lực đã tiến công tiêu diệt gọn lực lượng địch ở tây bắc Núi Tròn, huyện Sơn Tịnh. Khu vực này đã giải phóng vào mùa thu năm 1972 và địch đã lấn chiếm trở lại sau khi ký Hiệp định Pari. Đêm 24 rạng ngày 25-7, tiểu đoàn 48 cùng với đại đội 372 Sơn Tịnh được hỏa lực chi viện chỉ sau vài giờ chiến đấu đã đánh bại tiểu đoàn 3, trung đoàn 5 ngụy.

Tại các nơi khác trong tỉnh như Ba Tư, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa... quân dân ta hiệp đồng đánh bại nhiều đợt lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng.

Tính chung, từ sau ngày 28-1-1973 đến tháng 7-1973,



**Đại hội V Đảng bộ Tỉnh Quảng Ngãi
(trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước)**

các lực lượng vũ trang và bán vũ trang Quảng Ngãi đã đánh 1.439 trận, loại 6.944 tên (trong đó có 4.407 tên chết, 1.950 tên bị thương, 73 tên bị bắt sống), thu 391 súng các loại, diệt gọn 2 đại đội, 12 trung đội, đánh thiệt hại 1 đại đội, đánh cháy 50 xe quân sự, bắn rơi 4 máy bay (không kể thành tích bộ đội chủ lực). Đi đôi với tác chiến, cán bộ, chiến sĩ đã tranh thủ thời gian chỉnh huấn, học tập quân sự, chính trị, huấn luyện kỹ chiến thuật, nâng cao một bước trình độ tác chiến, tổ chức chỉ huy của cán bộ và chiến sĩ. Các đơn vị lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, huyện được củng cố, cải tiến trang bị chiến đấu.

Mặt khác, ta đã thường xuyên tố cáo và lãnh đạo quần chúng đấu tranh vạch mặt, trừng trị những hành động sai trái của địch. Quần chúng biết dựa vào pháp lý của Hiệp định để đấu tranh với địch đòi các quyền tự do dân chủ, tổ chức các cuộc đấu tranh tố cáo địch vi phạm Hiệp định trước Tổ quốc tế và Ban liên hiệp quân sự 4 bên, buộc địch phải chấp nhận yêu sách của quần chúng (như ở Phổ Phong, Đức Phổ). Những cuộc đấu tranh của quần chúng đòi tự do đi lại buôn bán, sản xuất giữa hai vùng diễn ra thường xuyên và thu được thắng lợi. Trong đấu tranh, quần chúng đã biết tranh thủ phân hóa, cô lập bọn hiếu chiến ngoan cố, tập hợp được đông người tham gia. Có những cuộc đấu tranh đã tập hợp được hàng nghìn, hàng vạn quần chúng. Nội dung Hiệp định ngày càng thâm nhập vào binh lính, sĩ quan, nhân viên ngụy quyền, làm cho họ ngày càng thấy rõ bộ mặt của tập đoàn hiếu chiến Nguyễn Văn Thiệu; càng làm cho binh lính, sĩ quan bên dưới chán ngán chiến tranh, mong muốn hòa bình và hòa hợp dân tộc. Bị xua đi càn quét, nống lấn, nhiều binh lính, sĩ quan đã thấy đó là

vi phạm Hiệp định, đã tìm cách thoái thác, làm lấy lệ hoặc chống lại. Thậm chí có nhiều binh sĩ tìm cách thương lượng với ta để cùng nhau thi hành Hiệp định. Ta đã mở rộng diện tiếp xúc, vận động tranh thủ binh lính địch, trung lập được nhiều đơn bót địch ở vùng giải phóng và vùng tranh chấp, nắm được một số chỉ huy, chuyển được tình hình từ căng thẳng sang êm dịu ở một số nơi. Tính trong 6 tháng đầu năm 1973 ta đã trung lập được 58 đơn bót địch, vận động rã ngũ lẻ tẻ 626 tên, rã ngũ tập thể 2 trung đội.

Tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp tại Hà Nội và ra nghị quyết mang tên *"Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới"*. Về tình hình miền Nam, Nghị quyết chỉ rõ: ở miền Nam vẫn chưa có ngừng bắn, hòa bình chưa thật sự lập lại, nguy quyền Sài Gòn được Mỹ giúp đỡ vẫn tiếp tục gây chiến, Mỹ tiếp tục dùng nguy quyền Sài Gòn làm công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, biến miền Nam thành một nước riêng biệt và một chế độ quốc gia thân Mỹ, được Mỹ tiếp tục viện trợ về mọi mặt. Vì vậy, cách mạng miền Nam có thể phát triển theo hai khả năng:

- Ta có thể từng bước buộc địch phải thi hành Hiệp định Pari.

- Ta lại phải tiến hành chiến tranh cách mạng để đánh bại địch, giành thắng lợi hoàn toàn. Chủ trương của ta là "hết sức tranh thủ khả năng thứ nhất đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng thứ hai".

Song bất kể trong tình huống nào con đường cách mạng miền Nam vẫn là *con đường bạo lực cách mạng và chiến lược tiến công*.

Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, Nghị quyết xác định là đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, tùy theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp các mặt trận đó cho thích hợp, buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari, không ngừng giữ vững lực lượng cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã triển khai các nhiệm vụ ở địa phương một cách khẩn trương và rộng khắp. Ngày 27-8-1973, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ V đã được khai mạc tại tây Đá Sơn (Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa). Dự Đại hội có 111 đại biểu thay mặt cho 8.461 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đã nghe báo cáo chính trị về tình hình hoạt động các mặt từ sau Đại hội IV (11-1970) đến nay. Đặc biệt, Đại hội đã kiểm điểm đánh giá tình hình, âm mưu của địch, thắng lợi của ta qua các chiến dịch năm 1972 và sau Hiệp định Pari; quán triệt Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chỉ thị của Thường vụ Khu ủy V (7-1973) về tình hình và nhiệm vụ mới, đấu tranh thi hành Hiệp định và bảo vệ vùng ta; xây dựng thực lực của ta vững mạnh về mọi mặt, nhất là công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng sắp tới.

Đại hội cũng chỉ ra những tồn tại và thiếu sót của ta trong thời gian qua, như trong hoạt động vũ trang chưa đạt hết hiệu suất phải giành được, hoạt động vũ trang ở thị trấn, thị xã còn thấp, chưa có hỗ trợ tốt cho nông thôn, các đơn vị tác chiến của tỉnh, huyện chưa mạnh đều; việc giành giữ dân còn thấp so với yêu cầu, dân vùng ta quản lý còn ít so với tổng số dân toàn tỉnh, địch còn kiểm soát được những vùng đông dân, nhiều tài sản, nên chúng còn có điều kiện vợ vét, bóc lột sức người, sức của, để tiếp tục đánh phá ta. Phong trào, trụy bá, trực diện đấu tranh của quần chúng có lúc, có nơi chưa thật vững, chưa thật quyết liệt, vận dụng ba mũi giáp công chưa thật tốt để dân còn chạy dạt hoặc bị dồn, tạt vào khu tập trung, v.v..

Qua 5 ngày làm việc, Đại hội đã ra Nghị quyết, đề ra nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ, chiến sĩ và nhân dân trong thời gian tới là "tăng cường đoàn kết, nỗ lực khẩn trương, phát huy truyền thống và thắng lợi vừa qua, đẩy lên cao trào đấu tranh chính trị, binh vận kết hợp vũ trang, kiên quyết đánh bại âm mưu và hành động lấn chiếm, bình định của địch, giữ vững vùng ta, buộc địch phải thi hành Hiệp định, đánh bại từng bước chính sách phát xít, phản động và làm suy yếu lực lượng địch, ra sức giữ dân, giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển phong trào và thực lực cách mạng ở vùng địch; khẩn trương xây dựng vùng ta về mọi mặt, ổn định chính trị, cải thiện đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần; đẩy mạnh sản xuất, giao thông, vận tải, xây dựng lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế để có đủ sức đánh bại âm mưu phá hoại

Hiệp định của địch, đồng thời sẵn sàng đánh thắng địch gây chiến tranh trở lại"¹.

Về nhiệm vụ xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội nêu rõ, trước mắt "phải chuyển hướng sự lãnh đạo của Đảng bộ về công tác tư tưởng, nhằm đánh giá rõ ràng thắng lợi, quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới, tập trung sức chuyển công tác tổ chức cho kịp thời với tình hình mới, coi trọng công tác cán bộ, kiện toàn cấp ủy, tăng cường công tác kiểm tra Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên, giữ gìn kỷ luật nghiêm minh trong Đảng"².

Phương châm chỉ đạo của Tỉnh ủy trong thời gian tới là kiên trì đấu tranh, đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, nỗ lực giành thắng lợi từng bước đi đến thắng lợi hoàn toàn, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, quán triệt nhiệm vụ trên các mặt đấu tranh với địch và xây dựng thực lực trong vùng địch cũng như vùng ta; chỉ đạo phải coi trọng kết hợp giữa vùng địch và vùng ta, giữa nông thôn và thành thị, tiến công và xây dựng, xây dựng vùng ta và phát triển phong trào vùng địch, tạo điều kiện giữa hai vùng có tác động và thúc đẩy lẫn nhau; đứng vững trên lập trường nguyên tắc cách mạng, vận dụng thật mềm dẻo, khéo léo sách lược, chính sách của Đảng phù hợp với thực tiễn có lợi nhất, chỉ đạo phải toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chú trọng đúng mức cả ba vùng chiến lược.

1, 2. Trích Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (8-1973). Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ mới, gồm 31 đồng chí (trong đó có 4 đồng chí dự khuyết). Đồng chí Lê Tấn Tỏa (tức Võ Hanh) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Nguyễn Chức, Đoàn Nhật Nam, Nguyễn Nhâm, làm Phó bí thư.

Nghị quyết của Đại hội được phát động học tập rộng rãi trong toàn Đảng bộ và nhân dân đã làm cho mỗi người thấy rõ thắng lợi to lớn của cách mạng, thấy được bản chất và âm mưu của địch, xác định được nhiệm vụ chống địch lấn chiếm để giữ vững thành quả cách mạng.

Thực hiện nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội V đề ra, các đơn vị vũ trang của tỉnh và các huyện đã tập trung đánh địch ở khu vực Đức Hiệp (tây Mộ Đức), diệt hai cứ điểm Mồ Côi và ga Lâm Điền, bảo vệ được vùng giải phóng Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín (Nghĩa Hành), mở thông đường hành lang Nghĩa Hành đi Mộ Đức. Ở phía bắc, lực lượng vũ trang và bán vũ trang tỉnh, huyện đã tiến công tiểu đoàn 3, trung đoàn 6 ngụy ở Tịnh Minh (Sơn Tịnh), bao vây tiêu diệt tiểu đoàn 68 biệt động quân tại Đồng Ké, Tịnh Giang (Sơn Tịnh) và thu hồi vùng giải phóng xã Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Minh nối liền một mảng liên hoàn phía tây của tỉnh từ Tịnh Hà (Sơn Tịnh) lên tới quận lỵ Sơn Hà. Vùng tây Sơn Tịnh do ta làm chủ hoàn toàn.

Đêm 22-10-1973, ta tập kích thu hồi chốt Bình An của xã Nghĩa Điền (Tư Nghĩa). Ngày 24-10-1973, lực lượng vũ trang Mộ Đức đánh chốt Núi Đất (Đức Lân) diệt một trung đội, thu 4 súng. Đại đội 71 Đông Sơn diệt trung đội bảo an đóng ở đồi Ông Rơi (Bình Châu) diệt 20 tên, thu 3

súng. Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh phối hợp với tiểu đoàn 107 tiến công tiêu diệt tiểu đoàn 60 biệt động nòng lùn trái phép khu vực Hà Trung (Tĩnh Hà). Đại đội 95 Bình Sơn tập kích Ban chỉ huy và đại đội trinh sát địch chiếm đóng ấp Phú Lễ (Bình Trung) diệt 1 trung đội, lực lượng vũ trang Đức Phổ quần nhau với 2 tiểu đoàn của trung đoàn 4 ngự lấn chiếm xã Phổ Vinh, diệt và làm bị thương 70 tên.

Do bị ta tiêu diệt một số tên gian ác và kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị mạnh hơn, nên địch phải lùi về trạng thái co cụm, không dám lấn ra lập thêm chốt nào cả, ngược lại còn rút thêm một số chốt. Ở các chốt còn lại, binh lính tỏ ra dao động, lo sợ ta đánh nên tập trung đào công sự, củng cố thể phòng ngự, ít dám càn ra các vùng xung quanh.

Tính chung trong năm 1973, ta đã đánh diệt địch 2.885 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 12.159 tên, làm bị thương 3.387 tên, tiêu diệt 23 chốt điểm, bao vây bức rút 16 chốt, đánh sập nhiều cầu cống trên quốc lộ 1. Đi đôi với hoạt động vũ trang, đồng bào ở các thôn xã dù bị địch đánh phá ác liệt, dai dẳng nhưng vẫn kiên trì trụ bám, quần lộn với địch từ xóm này sang xóm khác. Đồng bào kiên trì trụ lại xóm, thôn, tiến công, bao vây cô lập các chốt điểm, đấu tranh ra đồng sản xuất và tham gia giúp đỡ cho bộ đội, du kích hoạt động, đóng góp công của cho cách mạng. Số dân bị địch đánh phá phải dạt đi từ trước nay lần lượt trở về trụ bám như ở các xã phía nam và đông Đức Phổ, huyện Đông Sơn, các xã phía tây Mộ Đức, tây Sơn Tịnh... Một

số dân bị địch gom xúc vào các khu đồn luôn đấu tranh không cho địch lập bộ máy kìm kẹp và tìm mọi cách lúc có cơ hội là trở về làng cũ, như ở khu đồn An Chuẩn (Mộ Đức), Quán Qua (Nghĩa Hành), dân trở về gần hết.

Những vùng giải phóng cũ đã tương đối ổn định. Trong việc xây dựng vùng giải phóng, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo khâu công tác trọng tâm là phát triển sản xuất, giải quyết đời sống cho nhân dân bằng các biện pháp chủ yếu như khai hoang vỡ hóa, giải quyết sức kéo, làm thủy lợi, sử dụng giống lúa mới. Nhờ vậy dù có nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa, nhưng tình trạng đói, đau, lạt muối của đồng bào được khắc phục, nhất là việc chăm lo giải quyết nạn đói cơm, lạt muối của đồng bào miền núi đã kéo dài nhiều năm (đặc biệt là Ba Tơ). Cán bộ tỉnh cùng cán bộ huyện về từng xã, thôn tổ chức cứu đói và đẩy mạnh sản xuất.

Các cấp ủy cũng chú trọng lãnh đạo nhân dân công tác làm đường giao thông, xây dựng hệ thống đường giao thông từ căn cứ xuống đồng bằng, nhất là tập trung xây dựng tuyến đường ô tô, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và hoạt động quân sự lâu dài. Ngày 19-5-1973, ta thông đường xe từ Bắc vào Nam trên địa bàn Quảng Ngãi. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, có vai trò quan trọng về quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội đối với công tác xây dựng vùng căn cứ.

Việc duy trì và phát triển giao lưu kinh tế giữa các vùng nhất là kéo việc trao đổi, buôn bán ở vùng địch sang vùng ta đã mang lại số lượng hàng rất lớn để phục vụ cho đời



Đồng chí TRẦN KIÊN
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
1-1965 – 4-1965



Đồng chí LÊ TẤN TỎA
Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
9-1971 – 4-1975

sống nhân dân và xây dựng cơ sở vật chất, cũng như cung cấp được một số hàng đáng kể cho các tỉnh bạn, cho cấp trên.

Công tác giáo dục và y tế phát triển khá, có chú ý phát triển giáo dục ở miền núi. Toàn tỉnh có 431 lớp học với 11.654 học sinh. Riêng huyện Sơn Tịnh có đến hơn 3.000 học sinh trong đó có 1 lớp cấp II với 40 học sinh. Bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tập trung được mở rộng, ngành y tế phát động phong trào thực hiện vệ sinh phòng bệnh, tăng cường sức khỏe đều khắp và chống dịch bệnh cho đồng bào ở căn cứ tốt.

Trong các ngày lễ, ngày tết, cán bộ, nhân dân ở vùng giải phóng đã sôi nổi tham gia công tác sưu tầm, tu đắp mồ mã các liệt sĩ. Các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ, Sơn Hà, Ba Tơ, Sông Hře tiến hành thí điểm xây dựng nghĩa trang liệt sĩ ở một số xã. Riêng ở huyện Mộ Đức công tác thương binh, liệt sĩ có nhiều ưu điểm như xây dựng xã Đức Minh làm thí điểm trong việc thực hiện các chính sách để rút kinh nghiệm thực hiện ở các xã khác.

Chính quyền cách mạng các cấp được củng cố và xây dựng từ tỉnh đến xã, được tăng cường cán bộ và có cải tiến lề lối làm việc nên phát huy được tác dụng. Mối quan hệ giữa chính quyền các cấp với các ban ngành ngày càng chặt chẽ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy. Tỉnh ủy đã phân công cán bộ sang lãnh đạo chính quyền, điều động cán bộ bổ sung thêm vào Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh

và hướng dẫn 8 huyện thông qua đại biểu đại hội nhân dân bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Về công tác an ninh, trong năm 1973 đã đặt vấn đề phát động học tập phòng gian bảo mật trong quần chúng, xây dựng quy ước nông thôn trong 20 xã. Các địa phương đã tiến hành kiểm tra việc quản lý vũ khí và chất nổ. Trong các địa phương đã có nội quy, kế hoạch bảo vệ cơ quan, bảo vệ căn cứ. Ở các hành lang, cửa khẩu và những nơi xung yếu ta lập các trạm kiểm soát công khai để kiểm tra giấy tờ, hạn chế việc thâm nhập vào vùng ta đối với những người làm ăn bất chính.

Trong xây dựng Đảng, Tỉnh ủy quan tâm công tác bảo vệ Đảng. Các cấp ủy thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên nhận thức về chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật. Việc kết nạp đảng viên mới, đào tạo, đề bạt cán bộ, kiện toàn các cấp ủy nhìn chung bảo đảm được tính giai cấp, tính tiên phong và sự thống nhất trong Đảng, bảo đảm sự đoàn kết vững mạnh của Đảng. Tuy địch dùng nhiều thủ đoạn đánh phá dã man, tàn bạo cố triệt hạ cơ sở Đảng, cố đánh bật Đảng ra khỏi quần chúng ở một số vùng, nhưng so với năm 1972 thì số lượng chi bộ tăng thêm 27 vào cuối năm 1973. Các huyện miền núi lập thêm 4 xã ủy (Minh Long 1 và Trà Bồng 3). Đặc biệt trong quý IV năm 1973, Huyện ủy Mộ Đức thành lập được 7 chi bộ hợp pháp, trong đó có 1 chi bộ thị trấn. Ở miền núi hầu hết các xã đều có chi bộ. Chất lượng lãnh đạo của chi bộ được nâng lên một bước, đã phát huy được tác dụng lãnh đạo phong trào, thực hiện được các nhiệm vụ chính trị của mình.

II- CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG ĐỂ QUỐC MỸ, GIẢI PHÓNG QUẢNG NGÃI, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Từ đầu năm 1974, trên chiến trường Quảng Ngãi địch tập trung 33.060 quân lính gồm hai trung đoàn của sư đoàn 2, hai liên đoàn biệt động, 13 tiểu đoàn và đại đội bảo an, 282 trung đội dân vệ, 22 liên đoàn phòng vệ dân sự có vũ trang, 5 đại đội biệt kích, 45 phân chi cảnh sát, 42 đoàn "bình định", 80 xe tăng, 2 phi đội máy bay, 27 khẩu pháo và nhiều quân trang, quân dụng khác. Chúng đã mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, tập trung đánh phá vào vùng giải phóng của ta ở tây Sơn Tịnh, đông Bình Sơn, tây Tư Nghĩa, đông bắc và tây nam Mộ Đức, Đức Phổ. Ngụy quyền Quảng Ngãi cho phép lính đi càn quét được tự do cướp phá, hãm hiếp, nhằm triệt phá, hủy môi trường sống của quần chúng để thực hiện được âm mưu xúc tạt dân vào vùng chúng kiểm soát, đánh tróc cơ sở của cách mạng, phá hoại và bao vây kinh tế của ta. Thủ đoạn càn quét, đánh phá của địch gần đây không làm ò ạt mà làm dai dẳng, tăng cường phi pháo, tạo nên sự ác liệt ở từng vùng. Chúng kết hợp các loại quân, giữa quân bên ngoài và tề điệp bên trong, kết hợp giữa biệt kích với chỉ điểm, quân từ xa đến tập kích bất ngờ, lợi dụng sơ hở của ta đánh phá gây tổn thất cho ta.

Trong vùng mới lần chiếm trái phép, địch tiến hành củng cố các chốt điểm phòng ngự, tiến hành phát quang, gom xúc dân, lập ấp, lập khu đồn, nơi nào không gom xúc được thì đồn dân vào tuyến quốc lộ 1; chúng tổ chức hội làng, thanh lọc quần chúng, đưa bọn ác ôn về cơ sở để khống chế, bình định dân. Trong vùng kiểm soát, địch ra

sức bắt đồng bào di di dân, bắt thanh niên vào lính và truy tróc cơ sở của ta, thực hiện bình định, tố cộng.

Khu vực trọng điểm thực hiện lần chiếm bình định của địch từ đầu năm 1974 gồm đông Mộ Đức và đông bắc Đức Phổ (bình định tại chỗ) và tây Sơn Tịnh, tây Tư Nghĩa (trọng điểm lần chiếm).

Địch dùng bộ binh yểm trợ cho công binh làm một số trục đường ngang nối quốc lộ 1 với các đồn bót quan trọng và các vùng chúng đang cố sức lần chiếm. Chúng tung biệt kích, thám báo từng tốp nhỏ cải trang bộ đội, cán bộ ta đi sâu vào một số nơi vùng giải phóng nắm tình hình phục vụ cho đánh phá, có điều kiện thì ám sát, cướp tài liệu, vũ khí và bắt cóc cán bộ, chiến sĩ ta. Chúng tăng cường không thám, bắn phá bằng phi pháo vào các nơi đông dân, các vị trí chốt quân của ta và các địa bàn quan trọng, gây cho ta khó khăn về vận chuyển, tiếp tế và các hoạt động bình thường hằng ngày.

Đối với miền núi, chúng dùng máy bay L19, OV10 thường xuyên trinh sát theo đường ô tô, bến sông và các khu vực kinh tế của ta, bắn đạn rốc két, đại liên và kêu pháo bắn vào một số nơi. Chúng đẩy mạnh hoạt động biệt kích ở Sơn Hà, Trà Bồng, Giá Vụt, Minh Long, ngăn chặn hành lang, cướp bóc và khống chế quần chúng để giữ thế đứng cho các đồn bót.

Ngoài ra chúng còn đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, vu khống ta vi phạm Hiệp định, ra sức kiểm soát, ngăn chặn việc mua bán hàng hóa, lương thực, thực phẩm trong vùng chúng kiểm soát, tăng mọi thứ thuế nhằm bần cùng hóa nhân dân lao động.

Nhìn chung địch đã phá hoại Hiệp định Pari một cách có hệ thống và ngày càng nghiêm trọng gây nên tình hình căng thẳng. Tình trạng chiến tranh đã lan ra cả tỉnh mà rõ nhất là ở đồng bằng. Địch cố sức xóa bỏ hình thái 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát nhằm duy trì chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhận định thời gian này tình hình giằng co giữa ta và địch còn rất quyết liệt và dai dẳng. Ta đang từng bước thu hồi các vùng bị lấn chiếm, mở rộng vùng làm chủ, đưa phong trào vùng địch tiến lên một bước mới, cho nên các cấp ủy phải quan tâm làm cho toàn Đảng bộ và quân dân nhận thức rõ tình hình sắp tới sẽ phát triển có lợi cho ta hơn, địch bị đánh đau ở nhiều nơi, âm mưu lấn chiếm của chúng từng bước thất bại, tinh thần, tư tưởng binh lính địch tiếp tục sa sút, kinh tế tài chính địch lâm vào khó khăn, hậu phương chúng tiếp tục rối loạn. Từ đó cán bộ, nhân dân, chiến sĩ thể hiện được sự phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ của cách mạng. Quán triệt nhiệm vụ chung của Khu ủy V đề ra, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ra nghị quyết xác định các vấn đề chủ yếu trong thời gian tới:

1. Phát huy những thành tích, kết quả chống lấn chiếm, bình định vừa qua, đẩy mạnh hoạt động liên tục bằng ba mũi giáp công, có từng đợt rộ ngắn trong toàn tỉnh, đều khắp trên cả ba vùng, đánh phản công giữ cho được vùng giải phóng, không cho địch lấn chiếm thêm nữa, giữ vững vùng giải phóng của ta còn lại, kiên quyết giữ vững, ổn định đời sống của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

2. Đẩy mạnh hai chân, ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) quyết liệt, chuyển lại thế, từng bước khôi phục lại một số nơi địch lấn chiếm trái phép có điều kiện ở các địa phương.

3. Đẩy mạnh ba mũi giáp công, giữ vững và nâng thế các vùng đang làm chủ, chuyển một số vùng bị địch kẹp lên thế tranh chấp ở các huyện, nơi có điều kiện và các vùng ven thị xã, thị trấn.

4. Phát động quần chúng liên tục diệt ác, phá kìm đưa phong trào vùng địch kiểm soát, trong các ấp, khu đồn, trên tuyến quốc lộ 1 lên một bước, đẩy phong trào công khai hợp pháp trong thị xã, thị trấn lên, làm cho hậu phương địch rối loạn.

5. Đánh phá giao thông địch, đẩy mạnh công tác phá hoại, cắt tiếp tế, khoét sâu thêm chỗ yếu về kinh tế, chính trị của địch, phá tiềm lực vật chất của địch.

6. Phát triển thực lực chính trị, quân sự cả về số lượng và chất lượng, cài thế và lực lượng của ta vào vùng địch tốt hơn, xây dựng thêm những bàn đạp, căn cứ lồi sâu trong vùng địch, tích cực xây dựng, phát triển du kích các loại, chú ý du kích mật, an ninh mật, nỗ lực phát triển xây dựng thực lực cơ sở trong các ấp, khu đồn.

7. Xây dựng, giữ vững vùng căn cứ giáp ranh, phát triển mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, bảo vệ vùng giải phóng, cơ quan, kho tàng, hành lang, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, chú ý chỉ đạo sản xuất đông-xuân 1973 - 1974, khôi phục các cửa khẩu, thống nhất kế hoạch tổ chức các lực lượng chuyên trách của

khẩu, giải quyết cho được vấn đề lương thực, bảo đảm vật chất cho nhiệm vụ đến¹.

Về chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ đặt ra, Tỉnh ủy Quảng Ngãi yêu cầu các cấp ủy, chính quyền phải dự lường hết được âm mưu, thủ đoạn của địch, chỗ mạnh và thế đứng của ta. Trên cơ sở đó mà mỗi cấp giải quyết tư tưởng cho cán bộ, nhân dân. Các cấp ủy cần phải soát xét, bổ sung các phương án, kế hoạch và tăng cường cán bộ trực tiếp, xây dựng và củng cố các mặt hoạt động, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng để giành thắng lợi lớn khi có thời cơ.

Với quyết tâm đánh thắng âm mưu bình định, lấn chiếm của địch, củng cố vững chắc và mở rộng vùng giải phóng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các hoạt động cách mạng tiếp theo, thực hiện nhiệm vụ chung của Khu ủy V đề ra, vào đầu năm 1974, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ đạo mở chiến dịch Xuân-Hè 1974, thực hành tiến công và phản công địch. Hai khu vực trọng điểm của chiến dịch này là bắc Bình Sơn, Sơn Tịnh và đông Mộ Đức, bắc Đức Phổ. Những địa phương khác làm nhiệm vụ hỗ trợ, buộc địch phải phân tán lực lượng mọi nơi. Chiến dịch này bắt đầu từ 0 giờ ngày 20-4 và kết thúc vào ngày 20-6-1974.

Trong quá trình chỉ đạo chiến dịch, Tỉnh ủy đã phân công các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy, tỉnh ủy viên và cán bộ trung sơ cấp của tỉnh xuống từng huyện, xã để làm

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng, tháng 11-1973. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

cho cấp dưới chuyển biến, tham gia phát động quần chúng, xây dựng thực lực, giúp cấp dưới lập phương án, kế hoạch, đi sâu kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện.

Mở đầu chiến dịch trong 10 ngày đầu (từ 20-4 đến 30-4), quân và dân Quảng Ngãi đã đánh một số trận, diệt gọn địch, ba thứ quân phối hợp chặt chẽ, đã tiến công trong cả hậu cứ địch, vùng chúng lấn chiếm, tiêu diệt, tiêu hao một số sinh lực địch, thu và phá hủy một số phương tiện chiến tranh của địch, giành thế chủ động trên chiến trường, cắt đứt một số đoạn giao thông đường ngang ở Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Bình Sơn và trên đoạn quốc lộ 1 từ Phổ Ninh vào đến Phổ Châu (Đức Phổ), đã phối hợp đấu tranh chính trị với binh vận bao vây bức rút và làm tan rã địch, thu hồi từng bước vùng giải phóng bị địch lấn chiếm ở Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, đông Bình Sơn và Đông Sơn, ép địch nhiều nơi khác, phá khu đồn bung dân về làng cũ.

Tại phía nam Nghĩa Hành, đêm 20 rạng ngày 21-4-1974, bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương đã đánh dứt điểm Núi Ngang, diệt gọn 1 đại đội bảo an, đánh ban chỉ huy tiểu đoàn 117 ở cầu Cộng Hòa, pháo kích quận lỵ Minh Long và Nghĩa Hành gây cho địch một số thiệt hại.

Trong chiến dịch, du kích xã Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) vận dụng chiến thuật đặc công diệt một trung đội bảo an, thu hồi chốt Đá Dê. Lần đầu tiên, một trung đội du kích xã đã phát huy tinh thần dũng cảm, tự lực, tự cường, áp dụng chiến thuật bí mật bất ngờ diệt một trung đội bảo an địch, làm chủ trận địa.

Phát triển thế tiến công, phát huy thắng lợi trên các địa phương, bước vào cao điểm chiến dịch đầu tháng 6-1974, tiểu đoàn 48, đại đội trinh sát H14, đại đội công binh H16, đại đội 21 đặc công và đại đội hỏa lực phối hợp cùng nhau tiến công bức hàng, bức rút địch tại các đồn bót ở Đông Sơn và đông Bình Sơn. Đồng thời tại hướng nam, ta đánh dứt điểm các chốt trên địa bàn còn lại như Hòa Vinh, Núi Thu, Phổ Thạnh, bố trí trận địa đánh phục kích địch ở các trục đường giao thông bộ và thủy ở Mộ Đức, Đức Phổ. Tính chung trong chiến dịch ta đã tiêu diệt 1.721 tên địch, san bằng 70 chốt điểm quân sự, tạo điều kiện cho quần chúng ở các khu đồn nổi dậy. Ta đã thu hồi lại những vùng giải phóng bị địch lấn chiếm như ở tây Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, nam sông Vệ, bước đầu phá vỡ chiến thuật "đóng chốt để làm điểm tựa bình định" của địch, chuyển phong trào đấu tranh ở vùng địch kiểm soát lên cao một bước.

Tiếp tục tiến công địch, Tỉnh ủy chỉ đạo mở chiến dịch Thu từ ngày 17-7-1974. Chiến dịch này đặt ra nhiệm vụ làm sao tiêu diệt được một số cứ điểm, chi khu quận lỵ, đánh vỡ từng mảng hệ thống phòng ngự của địch ở vùng giáp ranh các huyện miền núi còn lại, hỗ trợ cho đồng bào ở đồng bằng nổi dậy. Trong chiến dịch Thu 1974, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, nhân dân các huyện phối hợp chặt chẽ với quân chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương nổi dậy, tiến công hơn 50 chốt điểm, áp chiến lược và khu đồn của địch, đánh dứt điểm 10 chốt, bức rút 18 cứ điểm, thu hồi lại 8 xã vùng giải phóng của các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa, tiêu diệt chốt điểm Hòn Bà, nối liền vùng giải phóng tây bắc Nghĩa Hành, tây Tư

Nghĩa với vùng giải phóng Minh Long. Trong chiến dịch này quân chủ lực của ta ở lữ đoàn bộ binh 52 và trung đoàn pháo binh 576, được sự yểm trợ và ủng hộ của lực lượng vũ trang địa phương đã nổ súng tiêu diệt cụm cứ điểm của địch từ cầu Cộng Hòa đến Phú Lâm Tây, bức địch rút 17 chốt điểm ở đây. Ngày 16-8-1974, các lực lượng vũ trang giải phóng khu và tỉnh tiến công cụm cứ điểm chi khu quân sự và quận lỵ Minh Long. Qua một ngày đêm bao vây, công kích, sáng ngày 17-8 quân và dân Quảng Ngãi làm chủ hoàn toàn cụm cứ điểm, giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long. Tiếp theo đó ta lại tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm và chi khu Giá Vụt, giải phóng hoàn toàn huyện Sông Hře vào ngày 20-9-1974. Như vậy vùng giải phóng liên mảng phía tây nam được hình thành vững chắc.

Trong hai tháng cuối năm 1974, địch tập trung quân chủ lực kết hợp với một số tiểu đoàn bảo an thực hiện phản kích ta với ý đồ lấn chiếm lại một số khu vực đã mất trong thời gian qua mà trọng điểm là tây nam Nghĩa Hành, đồng thời tiến hành đánh phá, bình định lại khu vực Mộ Đức và đông bắc Đức Phổ, trọng điểm là Đức Minh, Phổ An, Phổ Quang. Nhưng nhìn chung, trên chiến trường trong tình lúc này địch chuyển về phòng ngự, dàn quân chủ lực, bảo an thành thế ngăn chặn, vừa củng cố đơn vị, bổ sung quân số, vừa thăm dò để đối phó với sự tiến công của ta. Mặt khác, chúng tiếp tục tung bọn biệt kích, thám báo với số lượng từng tổ nhỏ cài trang bộ đội ta đi sâu vào vùng giải phóng để phá hoại.

Ở miền núi, địch ra sức củng cố hệ thống phòng thủ 2 quận lỵ còn lại (Sơn Hà, Trà Bồng), xây dựng chi khu

thứ 2 đề phòng ta đánh nơi này còn nơi khác (ở Trà Bồng chúng xây dựng ở Trà Hòa, ở Sơn Hà chúng xây dựng ở Oản Ngang). Riêng ở Sơn Hà chúng rào lại sân bay, các ấp, khu đồn. Bọn sĩ quan tề nguỵ cấp trên đã lần lượt di chuyển tài sản, gia đình về tỉnh lỵ vì sợ ta tiến công.

Ở vùng kiểm soát được, địch liên tục tổ chức vây ráp ngày đêm, ráo riết bắt lính, đồn quân. Chúng quy định lứa tuổi từ 15 đến 17 phải vào phòng vệ, từ 18 đến 40 phải đi quân dịch, từ 41 đến 43 đi dân vệ và từ 44 đến 50 phải vào nhân dân tự vệ.

Địch thường xuyên mở các đợt lùng sục để truy quét cơ sở của ta và những phần tử đối lập nguy hiểm, ngăn chặn lực lượng thứ ba phát triển. Chúng bắt quân chúng có quan hệ với cách mạng và số nòng cốt trong lực lượng thứ ba học tập định kỳ hàng tuần vào chủ nhật. Chúng tổ chức các cuộc mít tinh vu khống ta, xúi giục học sinh và quần chúng ở thị xã biểu tình... để khống chế phong trào chống Thiệu. Chúng tìm cách ám hại những người lãnh đạo lực lượng thứ ba, bắt 3 giáo sư các trường trung học trong ban lãnh đạo hòa giải, hòa hợp dân tộc.

Kiên quyết giữ vững những thành quả đã giành được, cuối năm 1974, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đề ra nhiệm vụ khẩn trương đẩy mạnh việc lãnh đạo liên tục tiến công địch bằng ba mũi giáp công tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, bắt tù binh, thu vũ khí, giữ thế chủ động chiến trường.

Trong hai tháng cuối năm 1974, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh đã đánh 29 trận, loại 1.656 tên địch, diệt 1.264 tên, phá hỏng nhiều súng, các phương tiện

chiến tranh của địch, đánh sập 4 cầu, 15 cống, đánh dứt điểm 7 chốt: Minh Tân Nam (Đức Minh), Núi Đất (Phổ Minh), ga Lâm Điền (Đức Hiệp), đôi 47, cầu Bà Mẹo, đôi Đất Đỏ (Tịnh Sơn), đôi 48 (Tịnh Hà) và bức rút 20 chốt khác.

Trong quá trình chiến đấu, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích được nâng lên một bước về trình độ chiến thuật. Đi đôi với tiến công tiêu diệt địch, các đơn vị đều tranh thủ củng cố, xây dựng, huấn luyện nhằm nâng cao chất lượng, chuẩn bị bước vào năm 1975 giành thắng lợi to lớn hơn. Hiệu suất chiến đấu của các đơn vị ngày càng cao, thương vong giảm, quân số được bảo tồn và phát triển.

Phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng phát triển mạnh. Được các cấp ủy lãnh đạo, giáo dục nên quần chúng ở cả ba vùng phấn khởi, tin tưởng và hành động cách mạng hăng hái hơn. Quần chúng ở vùng giải phóng (đặc biệt là ở những nơi mới được giải phóng) đã ra sức xây dựng vùng ta, sửa sang lại nhà cửa, hầm hào, xây dựng làng chiến đấu, tham gia phong trào nhân dân du kích chiến tranh, quần chúng còn tích cực tham gia tải đạn, chuyển thương, phục vụ chiến đấu với tinh thần tự giác, phấn khởi. Việc đóng góp lương thực, thực phẩm ủng hộ cho các tỉnh bạn và cấp trên cũng được thực hiện tốt.

Quần chúng ở các vùng thuộc trọng điểm phản kích, bình định, lấn chiếm của địch bình tĩnh trụ tại chỗ đấu tranh quyết liệt chống địch cướp phá, xúc tát, gom dân. Quần chúng ở Phổ An, Phổ Quang (Đức Phổ) đã đấu tranh

chống địch lập khu đồn Du Quang thắng lợi. Quân chúng Đông Sơn, Bình Sơn mặc dù địch dùng hàng trung đoàn đánh phá ồ ạt vẫn trụ bám tại chỗ, tích cực tham gia phục vụ chiến đấu, giúp đỡ bộ đội đánh phản kích thắng lợi như di chuyển thương binh, tải đạn, giải quyết gạo, nước, úy lạo cho bộ đội.

Quần chúng bị dồn dạt trong vùng địch liên tục đấu tranh đòi về làng cũ làm ăn sinh sống, làm đơn kiến nghị buộc bọn tề xã, quận phải giải quyết. Nơi nào cũng có phong trào đấu tranh công khai về vùng ta ở. Nhiều gia đình mang về theo cả tài sản, lúa gạo, trâu bò... Khá nhất là ở huyện Đức Phổ, đồng bào đã nổi dậy phá banh khu đồn Du Quang, dỡ nhà và chuyển tài sản về vườn cũ trên 300 người.

Ở thị xã, thị trấn ngày nào cũng diễn ra các cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đòi dân sinh, dân chủ, đấu tranh chống bắt lính, chống hội làng thanh lọc, chống lại những hành động bóc lột của bọn ngụy quyền cơ sở. Đặc biệt, phong trào đấu tranh của đồng bào trong tháng 11-1974 đã diễn ra khá sôi nổi, quyết liệt. Các tầng lớp quần chúng, các phe nhóm lực lượng thứ ba, học sinh, trí thức, tôn giáo, một số sĩ quan, thương phế binh, binh lính địch liên tiếp tham gia các vụ xuống đường biểu tình chống tham nhũng, đòi Thiệu từ chức, đòi thi hành Hiệp định Pari. Ở hầu hết các cuộc biểu tình, các vụ đấu tranh, ta đã đưa cơ sở vào chi phối lãnh đạo. Đặc biệt là các cuộc biểu tình của học sinh trong những ngày 21, 22 và 23 tháng 11-1974 tại thị xã Quảng Ngãi, được quần chúng tham gia ủng hộ đã làm cho hậu phương địch càng rối ren,

buộc địch phải lúng túng đối phó và nhượng bộ. Trong tháng 12-1974, phong trào có lắng xuống vì địch ra sức xoa dịu đi đôi với đàn áp, khủng bố và tìm cách ám hại những người lãnh đạo biểu tình. Tuy vậy, phong trào đã đi vào phát triển chiều sâu, quần chúng bên trong sôi sục ý chí và đang chờ thời cơ để nổi dậy.

Công tác hoạt động vùng địch, tuy có gặp khó khăn, nhưng các đội công tác đã tạo mọi điều kiện để giữ hoạt động liên tục. Nhiều nơi đã xây dựng được bàn đạp mới ở vùng quan trọng (như thị xã). Một số đội công tác đã hoạt động sâu vào các vùng lâu nay ta chưa hoặc ít hoạt động. Được ta liên tục tuyên truyền, phát động và giáo dục, quần chúng ở nhiều nơi trở thành cơ sở mới. Đặc biệt, ở một số nơi lâu nay trắng cơ sở, ta đã vào xây dựng được cơ sở cốt cán, du kích mật như Phú Nhuận (Tỉnh Phong), Phú Nhơn (Tỉnh Ấn).

Đến cuối năm 1974, đầu năm 1975 ta đã giải phóng hoàn toàn 4 huyện (Ba Tơ, Sông Hře, Minh Long, Sơn Tây), trong tổng số 186 xã toàn tỉnh có 115 xã giải phóng hoàn toàn, 7 xã giải phóng cơ bản¹.

Thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam cũng như của quân dân Quảng Ngãi đã giành được trong năm 1974 càng làm sáng tỏ và chứng minh con đường dùng bạo lực cách mạng của Đảng để đánh bại chiến tranh thực dân mới của đế quốc Mỹ sau khi ký Hiệp định Pari là hoàn

1. Bản thống kê tình hình thôn xã cuối năm 1974. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

toàn đúng đắn. Quân và dân ta đã tạo ra được một sức mạnh cần thiết về vật chất và tinh thần, về thế và lực để bước vào năm 1975.

Cao trào đấu tranh chính trị chống chế độ độc tài tham nhũng, bóp nghẹt tự do dân chủ của ngụy quyền Sài Gòn và đòi Thiệu từ chức trong các tầng lớp đồng bào miền Nam đã lên đến đỉnh cao. Nhân dân miền Nam khao khát được nhìn thấy Tổ quốc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Từ 8-12-1974 đến 7-1-1975, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp, thảo luận ba vấn đề cụ thể so sánh lực lượng ta và địch diễn ra từ sau khi ký Hiệp định Pari; kế hoạch của hai năm 1975, 1976 và nhiệm vụ cụ thể của từng chiến trường. Hội nghị đã phân tích thời cơ lịch sử và khả năng thực tế của ta, đồng thời nêu rõ: chưa bao giờ ta có đủ điều kiện về quân sự, chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước. Cách mạng ba nước Đông Dương đang trên đà tiến công mạnh, giành thắng lợi ngày càng to lớn. Bộ Chính trị đã thông qua kế hoạch hạ quyết tâm giải phóng miền Nam.

Căn cứ vào Nghị quyết của Bộ Chính trị trong kế hoạch chiến lược Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, Khu ủy V đề ra nhiệm vụ cho các tỉnh lần này là: tập trung, động viên nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân phá vỡ từng mảng hệ thống phòng ngự, kìm kẹp của địch ở nông thôn vùng yếu, giành và giữ dân, chuyển phong trào vùng yếu, vùng địch tạm thời kiểm soát lên một bước,

tích cực chủ động phối hợp chiến trường toàn miền, tranh thủ thời cơ chung, tạo thời cơ cho địa phương mình giành thắng lợi lớn.

Quán triệt chủ trương, đường lối của cấp trên, cuối tháng 1-1975, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp ra nghị quyết quyết tâm đánh bại hoàn toàn kế hoạch bình định của địch, tiến lên giải phóng hoàn toàn Quảng Ngãi. Hội nghị đề ra ba nhiệm vụ cơ bản trước mắt cần tập trung giải quyết:

1. Làm cho các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh nhất trí cao với việc đánh giá thời cơ lịch sử ngàn năm có một của Bộ Chính trị để nâng cao quyết tâm hành động cách mạng, đóng góp sức người, sức của cao nhất nhằm hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử.

2. Đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị và công tác địch vận, coi đó là yếu tố quyết định, làm cho tương quan lực lượng thay đổi, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Bố trí lại tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy ở các trọng điểm của tỉnh, các trọng điểm của huyện và xã, phân bố cán bộ, đảng viên để bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ¹.

Triển khai kế hoạch, nhiệm vụ chung, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã có kế hoạch cụ thể cho các cơ sở Đảng, các cấp, các ngành, khẩn trương xây dựng lực lượng, nắm vững các

1. Chỉ thị nhiệm vụ đầu năm 1975 của Tỉnh ủy. Tài liệu lưu tại Bộ phận Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

trọng điểm mục tiêu, đối tượng tiến công và nổi dậy. Tỉnh ủy nhấn mạnh phải chú ý đến công tác mở đường vận chuyển vũ khí, lương thực, huy động dân công phục vụ chiến trường... Tỉnh ủy chỉ thị cho các huyện tuyển chọn thanh niên và du kích bổ sung, kiện toàn cho các đơn vị vũ trang, bán vũ trang của huyện, xã.

Các chủ trương, nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra trong tháng 1-1975 được nhanh chóng triển khai xuống đến tận các cơ sở. Quân và dân Quảng Ngãi dốc lòng, dốc sức tổ chức thực hiện các nội dung trên một cách khẩn trương, với tinh thần tất cả cho thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược.

Từ tháng 1-1975, trên đất Quảng Ngãi, lực lượng địch có một sư đoàn chủ lực, hai liên đoàn biệt động, hai chi đoàn xe tăng thiết giáp, hai chi đội xe bọc thép, hai phi đội trực thăng, hơn 50 khẩu pháo và hàng chục nghìn quân bảo an, dân vệ, biệt kích. Chúng tập trung toàn bộ sư đoàn 2, các liên đoàn biệt động 11, 12, 14 vào việc càn quét giải tỏa vùng giải phóng và những vùng ta mới thu hồi, chủ yếu là khu vực tây nam Nghĩa Hành và tây Mộ Đức. Thủ đoạn đánh phá của địch rất thâm độc, xảo quyệt. Chúng sử dụng phi pháo tối đa để hỗ trợ cho bộ binh chiếm các cao điểm tại Đình Cương, Núi Ngang, cao điểm 68, Núi Đương, An Hòa... Có ngày chúng bắn đến 6.700 quả pháo vào các chốt và vùng giải phóng. Chúng thường xuyên ném bom xăng, rải chất độc hóa học xuống vùng ta, gây cho ta thiệt hại nhiều nhà cửa, tài sản và hoa màu.

Từ đầu năm 1975, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã khẩn trương chuẩn bị cho hoạt động trong năm mới. Các cấp ủy đã lãnh

đạo nhân dân kiên cường trụ bám, anh dũng chiến đấu. Các lực lượng vũ trang của ta đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, giữ vững những khu vực địch đánh phá, lấn chiếm. Theo số lượng thống kê chưa đầy đủ, từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 2-1975, tại khu vực tây nam Nghĩa Hành ta đã loại ra ngoài vòng chiến đấu 1.493 tên địch đi lấn chiếm, bắn cháy 6 máy bay A.37 và 2 trực thăng, đánh hỏng 3 xe tăng. Các lực lượng vũ trang ta đang phấn khởi, quyết tâm đánh bại địch, lập thành tích chào mừng 2 ngày lễ lớn: 15 năm ngày thống nhất các lực lượng vũ trang giải phóng và 30 năm ngày khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử.

Tháng 2-1975, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp, nhận định tình hình trong tỉnh là thời gian này địch đang suy yếu, rệu rã và quân dân ta có đủ điều kiện thực hiện quyết tâm giải phóng hoàn toàn quê hương.

Tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy là: "táo bạo, kiên quyết, vững chắc, linh hoạt, kịp thời, tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi lớn". Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy thực hiện các nhiệm vụ cách mạng theo phương châm tự dựa vào sức mình là chính, dùng các đòn tiến công chính trị và vũ trang của địa phương để đánh đổ kẻ thù, giải phóng quê hương. Giữa tháng 2-1975, Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ huy trọng điểm phía bắc của tỉnh do đồng chí Võ Trọng Nguyễn, Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ban có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động ở các huyện phía bắc của tỉnh. Trung đoàn 94 của tỉnh được thành lập.

Mở màn chiến dịch Xuân 1975, trên chiến trường toàn miền, nhất là ở Tây Nguyên, các lực lượng quân giải phóng đã tiến công địch dồn dập, quyết liệt trên địa bàn rộng

lớn và giành liên tiếp những thắng lợi giòn giã chưa từng có, giải phóng nhiều tỉnh, tạo nên thế trận thuận lợi, phát triển thế và lực của ta nhảy vọt, giáng cho địch những đòn choáng váng, gây cho chúng thiệt hại nghiêm trọng. Hệ thống ngục quyền trên các vùng tan rã từng mảng lớn. Ở vùng địch còn kiểm soát được kể cả thị xã, thành phố, địch đang lâm vào tình trạng bối rối, hỗn loạn, tư tưởng thất bại, tuyệt vọng lan tràn chưa từng có trong hàng ngũ ngục quân, ngục quyền.

Mở đầu chiến dịch Xuân, phối hợp với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, đêm 8-3-1975, Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo cho các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện nổ súng tiêu diệt và tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, thu hồi và mở ra vùng đông Đức Phổ, đông Mộ Đức, tạo thành một mảng hành lang giải phóng lớn dọc theo ven biển từ cửa Sa Huỳnh kéo dài ra gần giáp cửa Cổ Lũy, chia cắt quốc lộ 1 và ở phía nam tỉnh thành nhiều đoạn, tạo thế cho chiến dịch phát triển.

Đêm 15-3-1975, lực lượng vũ trang huyện Đông Sơn và du kích tiến công tiêu diệt ấp Phú Nhuận (Tĩnh Phong), phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ tại chỗ.

Đồng thời các đội công tác và du kích áp sát vào Tĩnh Châu, Tĩnh Long, Hòa Bản (Tĩnh Thiện) một phần Tĩnh Ấn (nay thuộc huyện Sơn Tĩnh), Bình Hiệp (nay thuộc huyện Bình Sơn), bao vây bức rút chốt Đồi Voi (Tĩnh Khê), tạo ra thế trận uy hiếp bao vây phía đông bắc thị xã Quảng Ngãi và phía đông chi khu quận lỵ Sơn Tĩnh.

Ở phía tây Sơn Tĩnh, trong đêm 15-3-1975, các lực lượng

vũ trang tiến công tiêu diệt chốt Đông Dương (Tĩnh Hà), Núi Đất (Tĩnh Bình). Đồng thời quần chúng nổi dậy phá sạch khu đồn Kim Sa (Tĩnh Thọ). Thừa thắng ta tiến công ép sát xuống ven quốc lộ 1 làm chủ một số nơi. Địch ở Hòn Dầu (Tĩnh Hiệp), Núi Tròn rút chạy. Vùng tây Sơn Tĩnh trắng địch, phía tây bắc thị xã Quảng Ngãi và phía tây quận lỵ Sơn Tĩnh bị ta uy hiếp.

Trước sự bao vây, tiến công dồn dập từ nhiều hướng của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang cách mạng, đêm 16-3 rạng ngày 17-3-1975, địch ở Sơn Hà hốt hoảng tháo chạy. Ta nhanh chóng tiếp quản quận lỵ Sơn Hà và phát động quần chúng nổi dậy truy lùng ác ôn, tề điệp, tàn binh và triệt hạ toàn bộ hệ thống ngụy quyền Sơn Hà, giải phóng 12.000 dân. Ngày 18-3-1975, địch ở Trà Bồng cũng vội vàng tháo chạy. Ta nắm bắt tình hình kịp thời, chuyển ngay một bộ phận của trung đoàn 94 phục kích ở đoạn Chóp Chài (Bình Mỹ - Bình Sơn) đi Dốc Phú (Bình Chương - Bình Sơn) diệt 3 đại đội của tiểu đoàn 69 biệt động quân và một số ác ôn. Ta giải phóng trên 10.000 dân huyện Trà Bồng và 5.000 dân ở khu đồn Chóp Chài. Cũng trong đêm 18-3, địch ở Dốc Phú, Dốc Thọ tháo chạy, ta giải phóng luôn xã Bình Chương, Bình Mỹ. Khu vực tây Bình Sơn hoàn toàn giải phóng.

Từ 5 giờ sáng ngày 16-3 tại Bình Sơn, ta nhanh chóng tiêu diệt cụm chốt điểm Trường Trầu, Đá Đen (Bình Khương), cầu sông Chùa, Gò Sỏi, chốt Chí Trung (Bình Trung)... Quần chúng nổi dậy giải phóng các xã Bình Trung, Bình Khương, Bình Nguyên, Bình Bắc... Ngày 18-3-1975, địch ở Bình Phước, Bình Thuận, Bình Trị hốt hoảng tháo chạy, cơ cụm tại quận lỵ Bình Sơn, ta phát

động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, làm chủ ở ba xã trên. Như vậy, sau ba ngày đêm, ở khu vực trọng điểm phía bắc Quảng Ngãi, ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và giải phóng một mảng phía tây và đông huyện Bình Sơn, chia cắt đoạn quốc lộ 1 từ Châu Ổ đi Dốc Sỏi, tạo ra thế bao vây, uy hiếp chi khu quận lỵ Bình Sơn.

Như vậy, toàn bộ vùng đất các huyện miền núi, một bộ phận xã thôn các huyện đồng bằng đã được giải phóng.

Trước sự tiến công dồn dập, quyết liệt của quân và dân ta trên các chiến trường, tinh thần địch hoang loạn cực độ, phải tháo chạy ra khỏi Tây Nguyên, Quảng Trị và nhiều nơi khác. Tình hình chung toàn miền đã tạo điều kiện tốt cho quân và dân Quảng Ngãi công kích và khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng toàn bộ quê hương. Ngày 21-3-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra chỉ thị gửi các đồng chí Tỉnh ủy viên, Thường vụ cấp ủy các huyện với nội dung đánh giá toàn bộ tình hình diễn ra trên địa bàn Quảng Ngãi đang vô cùng thuận lợi cho ta và các nhiệm vụ cấp bách phải làm. Chỉ thị của Tỉnh ủy đặt ra yêu cầu cho quân và dân trong tỉnh, cho các cấp ủy, các đơn vị lực lượng vũ trang là cần phải triệt phá ngay nguy quyền, các lực lượng chính trị, các đơn vị nguy quân, phải giành dân, làm chủ từng vùng rộng lớn kể cả thị xã, thị trấn, nổi dậy tới đâu phải tổ chức xây dựng ngay các đoàn thể, chính quyền cách mạng, lực lượng vũ trang địa phương đến đó; tốc độ nổi dậy phải nhanh, mạnh, rộng từ nông thôn chuyển mạnh vào quận lỵ, thị trấn, thị xã... Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy địa phương cần nhanh chóng quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào rõ chủ

trương dứt khoát của ta là nhất định giải phóng, đánh đổ địch, để quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của mỗi cá nhân, tập thể.

Tiếp theo, ngày 23-3-1975, Tỉnh ủy ra chỉ thị: "Đẩy mạnh công kích và khởi nghĩa toàn tỉnh, đánh đổ toàn bộ địch, giải phóng toàn bộ nông thôn, giải phóng thị trấn, thị xã, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giải phóng toàn tỉnh". Từ nhiệm vụ chủ yếu là tranh thủ thời cơ thuận lợi, nỗ lực vượt bậc, tập trung sức đẩy mạnh công kích, khởi nghĩa toàn tỉnh. Tỉnh ủy nêu ra các công tác cụ thể cho các cấp, các đơn vị:

1. Mở đợt động viên chính trị đặc biệt khẩn cấp trong toàn cán bộ, chiến sĩ, quân dân nhằm tạo ra được một tư tưởng nhảy vọt, một khí thế cách mạng với khẩu hiệu "Tất cả cho Tổng tiến công và nổi dậy, tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giải phóng tỉnh".

2. Tập trung ba thứ quân đẩy mạnh tiến công địch liên tục, quyết liệt với tốc độ nhanh, diệt nhiều địch, quét nhiều chốt điểm địch, chiếm lĩnh nhanh chóng các mục tiêu kể cả chi khu, quận lỵ, tiểu khu, các cụm cứ điểm, cắt đứt các đường bộ, đường sông, cửa biển, khống chế đường không, quyết không để cho địch trốn chạy, hỗ trợ cho quân chúng khởi nghĩa mạnh mẽ, rộng khắp, vừa tác chiến vừa khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và phong trào du kích chiến tranh lớn mạnh vượt bậc.

3. Phát động toàn dân vũ trang khởi nghĩa.

4. Đẩy mạnh công tác binh tề vận lên quy mô rộng lớn, góp phần cùng tiến công quân sự và khởi nghĩa quần chúng

nhằm tiêu diệt, làm tan rã và sụp đổ toàn bộ quân địa phương, phụ quân và bộ máy ngụy quyền từ tỉnh đến cơ sở.

5. Thành lập Ban tiếp quản, Ban quân chính khi giải phóng thị xã, thị trấn.

6. Khẩn trương xây dựng vùng giải phóng phát triển toàn diện, bảo đảm vật chất cho nhu cầu kháng chiến và cải thiện đời sống nhân dân, cán bộ, bộ đội.

7. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức, phát triển mạnh các đoàn thể quần chúng, chú trọng thanh niên, phụ nữ và công đoàn, tăng cường giáo dục và đào tạo đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Quán triệt chỉ thị của Tỉnh ủy, toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh rất phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm cao trong khí thế tiến công và nổi dậy.

Được sự chỉ đạo và chi viện của cấp trên, các lực lượng vũ trang, bán vũ trang và quần chúng cách mạng nhất tề đứng dậy, triển khai đội hình, sẵn sàng ở các vị trí chiến đấu. Đêm 23-3-1975, khi phát hiện địch ở thị xã bắt đầu tháo chạy, sau khi kiểm tra, nắm chắc tình hình địch, ta, Thường vụ Tỉnh ủy phát lời kêu gọi và ra lệnh công kích, khởi nghĩa.

Từ 7 giờ 40 phút ngày 24-3-1975, ta bắt đầu bắn pháo vào tiểu khu, ga Ông Bó, Xóm Xiếc (Nghĩa Hành), chi khu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành. Các lực lượng vũ trang của ta chiếm lĩnh, chia cắt các chốt, điểm đã định và đoạn quốc lộ số 1 từ thị xã Quảng Ngãi đi Chu Lai (Quảng Nam). Xe tăng giải phóng xuất phát từ Hòn Bà xuống Xóm Xiếc, tiến

về Nghĩa Điền, áp sát ven tây nam thị xã. Trước sức tiến công của quân khởi nghĩa, địch phải bỏ cứ điểm, chốt đèo Bình Trung (Nghĩa Kỳ) rút chạy về thị xã. Kết hợp với tiến công của các lực lượng vũ trang, quần chúng nổi dậy diệt ác, phá banh các khu đồn Xóm Xiếc, Phú Bình, Phước Hậu (Nghĩa Hành), khu Bàu Giang - Đá Chẽ (Tư Nghĩa). Đến chiều ngày 24-3-1975, tiểu đoàn 406 và lực lượng vũ trang huyện Tư Nghĩa đánh chiếm quận lỵ Tư Nghĩa, sườn bảo vệ phía tây và nam thị xã bị hở. Địch ở thị xã, quận lỵ Sơn Tịnh hoang mang rối loạn tháo chạy ra biển, nhưng bị các lực lượng vũ trang của ta chặn đường ra cửa Cổ Lũy, buộc chúng phải quay về thị xã tiếp tục tìm đường thoát thân.

Sau khi kêu cứu quân đoàn I và Sài Gòn chi viện không được, 12 giờ trưa ngày 24-3-1975, chuẩn tướng Trần Văn Nhật cùng bọn chỉ huy tiểu khu Quảng Ngãi đã chạy trốn khỏi thị xã Quảng Ngãi bằng máy bay trực thăng. Đến chiều, bọn ngụy quân, ngụy quyền ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa đều kéo nhau chạy đôn hết về thị xã, ở chật các cơ quan, trụ sở, sân vận động Diên Hồng càng làm cho tình hình thị xã thêm căng thẳng, hỗn loạn. Đến 20 giờ ngày 24-3-1975 địch bắt đầu rút chạy khỏi thị xã.

Đúng như dự định từ trước, khi phát hiện địch sắp tháo chạy về hướng Chu Lai, vào lúc 23 giờ ngày 24-3 ta kịp thời bố trí một trận địa dài 15 km, bao vây chia cắt địch từ dốc Trạm (Sơn Tịnh) đến cầu Nước Mặn (Bình Sơn).

Ta đã tiêu diệt gần 600 tên và bắt sống trên 2.000 tên, bao gồm quân số của liên đoàn 11 biệt động quân, trung



Xe tăng tiến vào giải phóng
thị xã Quảng Ngãi, xuân 1975



Mít tinh mừng giải phóng Quảng Ngãi và miền Nam, 1975

đoàn 6 (thiếu) của sư đoàn 2, thiết đoàn 4 (thiếu), toàn bộ các lực lượng ác ôn trong bộ máy ngục quân, ngục quyền tỉnh, huyện.

Sau khi địch rút chạy, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy chiến trường đã lệnh cho các lực lượng khởi nghĩa của ta bên ngoài kéo vào thị xã ngay đêm 24-3-1975, phối hợp hành động của quân chúng bên trong nổi dậy tiến hành giải phóng nhà lao, chiếm lĩnh các cơ quan ngục quyền, kho tàng, các công sở của địch, dẫn đường cho bộ đội, cán bộ ta truy lùng bọn tàn quân, bắt ác ôn, kêu gọi binh lính địch ra hàng, nộp vũ khí, giữ gìn an ninh trật tự trong thị xã.

Thường vụ Tỉnh ủy đã có quyết định khẩn cấp "Thành lập Ủy ban quân chính thị xã Quảng Ngãi" gồm 13 đồng chí do đồng chí Nguyễn Nghĩa (Phó bí thư Tỉnh ủy) làm Chủ tịch.

5 giờ sáng ngày 25-3-1975, ta nhanh chóng chiếm lĩnh chi khu và các cứ điểm, chốt xung quanh chi khu quận lỵ Sơn Tịnh. Tại Bình Sơn, quân khởi nghĩa kết hợp tiến công bằng quân sự và binh vận, kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Sau một giờ truy quét, ta chiếm lĩnh quận lỵ, tiêu diệt trên 100 tên địch, bắt sống nhiều tên khác.

Tại Mộ Đức, vào lúc 18 giờ ngày 24-3-1975, địch tháo chạy, lực lượng vũ trang của huyện, du kích các xã và quần chúng khởi nghĩa tiến vào chiếm lĩnh quận lỵ, chi khu, thu 4 pháo 105 ly, một số xe quân sự, bắt 300 dân vệ, 400 bảo an, 300 cộng hòa, 200 ngục quyền, tề áp ra trình diện.

Tại Đức Phổ, vào lúc 18 giờ ngày 24-3-1975, địch bỏ

quân ly rút chạy co cụm xuống Gò Hội, quân và dân Đức Phổ nhanh chóng chiếm chi khu quận ly. Tối đến địch lại rút chạy khỏi Gò Hội, ta giải phóng toàn huyện Đức Phổ thu trên 20 xe quân sự, 12 pháo 105 ly, nhiều súng đạn và tài liệu quan trọng.

Như vậy, trong chiến dịch Xuân 1975, nhất là đợt ra quân thần tốc từ 7 giờ 40 phút ngày 24-3-1975 đến 20 giờ ngày 24-3-1975, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi đã liên tục tiến công và nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân¹; lá cờ "Hy sinh vì Tổ quốc, quyết giải phóng Quảng Ngãi" phấp phới tung bay trên nóc tòa nhà thị chính - trung tâm thị xã. Trên khắp các địa phương trong tỉnh từ vùng núi cao đến ven biển, từ phía nam ra phía bắc đều rợp bóng cờ bay trước niềm vui đại thắng của quân và dân Quảng Ngãi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đến ngày 30-3-1975, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân cách mạng, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh và các ban ngành, đoàn thể của tỉnh đã đặt trụ sở làm việc tại thị xã Quảng Ngãi.

Vào sáng ngày 31-3-1975, hàng vạn đồng bào thị xã cùng hàng vạn đồng bào các huyện đồng bằng, miền núi trong tỉnh kéo về thị xã, tập trung đến sân vận động Diên Hồng² dự cuộc mít tinh lớn để chào mừng toàn tỉnh được giải phóng, chào mừng Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh do

1. Huyện đảo Lý Sơn giải phóng vào sáng ngày 31-3-1975.

2. Nay là nơi đóng cơ quan Sở Thể dục - Thể thao.

đồng chí Đoàn Nhật Nam, Phó bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch, ra mắt nhân dân.

Đồng chí Lê Tấn Tỏa, Bí thư Tỉnh ủy đã đọc diễn văn chào mừng thắng lợi của sự nghiệp giải phóng Quảng Ngãi, kêu gọi toàn quân, toàn dân đoàn kết một lòng cùng nhau xây dựng quê hương và ủng hộ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thực hiện lời kêu gọi của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, nhân dân Quảng Ngãi vừa tích cực khẩn trương ra sức bảo vệ và xây dựng Quảng Ngãi mới được giải phóng, vừa đóng góp vật chất, đưa lương thực, vũ khí và gửi hàng ngàn thanh niên gia nhập quân giải phóng, phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần giải phóng các tỉnh miền Nam và giải phóng Sài Gòn vào ngày 30-4-1975, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

*

* *

Như vậy, từ khi Hiệp định Pari được ký kết vào ngày 27-1-1973, Tỉnh ủy Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy V đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, đã lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời sự nghiệp đấu tranh cách mạng ở Quảng Ngãi cho đến ngày giải phóng toàn tỉnh, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong thời gian đầu chống địch lấn chiếm, càn quét, phá hoại Hiệp định, mặc dù còn có biểu hiện chần chừ, chủ quan trước âm mưu, thủ đoạn của địch nhưng Tỉnh ủy lãnh đạo các lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận cùng toàn thể nhân dân đã trừng trị kẻ thù bằng những

dòn dích đáng, đẩy chúng về thế co cụm, phòng ngự, rệu rã, bảo vệ an toàn vùng giải phóng, tạo thế cho các hoạt động cách mạng tiến lên một bước mới.

Hòa chung vào chiến trường toàn khu, toàn miền, trong năm 1974 và nửa đầu năm 1975, quân và dân Quảng Ngãi với truyền thống cách mạng kiên cường đã anh dũng xông lên đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, giải phóng từng mảng rộng lớn ở nông thôn đồng bằng, bảo vệ vững chắc căn cứ ở miền núi và đẩy địch đến sự sụp đổ hoàn toàn, tiến hành giải phóng Quảng Ngãi vào ngày 24-3-1975 và sau đó tiếp tục đóng góp sức người, sức của vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Ngày 24-3-1975 mãi mãi đi vào lịch sử vẻ vang và oanh liệt của Đảng bộ và quân dân Quảng Ngãi, là ngày hội lớn hàng năm, ngày kỷ niệm chiến thắng mùa xuân 1975 lịch sử. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ, nhân dân Quảng Ngãi cùng với nhân dân cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập - tự do xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

KẾT LUẬN

Trải qua 30 năm kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Khu ủy V (trước đó là Liên Khu ủy V), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi đã cùng quân dân cả nước đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Có được thắng lợi đó là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, kiên cường, bất khuất đầy gian khổ, hy sinh của nhân dân, cán bộ, đảng viên Quảng Ngãi.

Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác-Lênin được gieo mầm xuống mảnh đất Quảng Ngãi, các tổ chức cộng sản được thành lập. Mùa xuân năm 1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi ra đời đã lãnh đạo nhân dân Quảng Ngãi vùng dậy đấu tranh, tích cực hưởng ứng cao trào Xô viết Nghệ-Tĩnh và là một trong những trung tâm của cao trào cách mạng 1930-1931, trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi cũng phát triển cao. Vượt qua bao cuộc khủng bố ác liệt của địch, đầu năm 1945 Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử, thành lập Đội du kích Ba Tơ, tiền thân của lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ, là lực lượng nòng cốt của

Cách mạng Tháng Tám. Năm 1945, cùng nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công khá sớm tại địa phương.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù bị địch bao vây nhiều phía, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực, tự cường, với truyền thống Ba Tư quật khởi, quân và dân Quảng Ngãi đã đánh thắng mọi âm mưu lấn chiếm và đánh phá của địch, bảo vệ vững chắc vùng tự do, cung cấp ngày càng cao nhu cầu về sức người, sức của cho cuộc kháng chiến ở Quảng Ngãi và các tỉnh ở Liên khu V, chi viện cho chiến trường Tây Nguyên và có lúc cho một số tỉnh ở Nam Bộ, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Quân dân Quảng Ngãi tự hào cùng nhân dân cả nước kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, bền bỉ đấu tranh bảo tồn lực lượng cách mạng, sớm xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, xây dựng và mở rộng căn cứ miền núi, làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (8-1959), lật đổ chính quyền phản động, tay sai của đế quốc Mỹ, lập và củng cố chính quyền cách mạng ở cơ sở và cấp huyện trên một vùng giải phóng rộng lớn ở miền núi.

Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào cách mạng được mở rộng chuyển mạnh xuống

đồng bằng và đô thị, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh trên khắp ba vùng chiến lược. Bằng phương châm hai chân, ba mũi giáp công, được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy V, quân và dân Quảng Ngãi cùng với nhân dân toàn miền Nam đã đánh bại về cơ bản quốc sách "áp chiến lược", bẻ gãy xương sống của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn, làm nên chiến thắng Ba Gia lịch sử vào cuối tháng 5-1965.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam. Ngay từ khi quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên đặt chân lên đất Quảng Ngãi, quân và dân ta đã xây dựng "vành đai diệt Mỹ", nhanh chóng hình thành thế bao vây và tiêu diệt địch. Với trận Vạn Tường (18-8-1965), quân và dân Quảng Ngãi cùng chủ lực Quân khu V đã nêu cao ý chí anh hùng bất khuất, quyết tâm đánh Mỹ. Từ đó, cao trào đấu tranh vũ trang, chính trị và binh địch vận ở Quảng Ngãi ngày càng phát triển liên tục và mạnh mẽ. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cùng với quân dân miền Nam, quân dân Quảng Ngãi đã đồng loạt tiến công vào thị xã, thị trấn, chi khu, quận lỵ trong tỉnh, gây cho Mỹ-ngụy nhiều tổn thất nặng nề, góp phần cùng cả nước đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và đàm phán với ta ở Pari.

Năm 1969, mặc dù bị thất bại nặng nề, nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng buộc phải rút dần quân Mỹ về nước, nhưng lại ra sức tăng cường ngụy quân, ngụy quyền, thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Chúng vừa kết hợp chiến tranh hủy

diệt với chiến tranh giành dân và chiến tranh bóp nghẹt. Chúng tiến hành hàng loạt chiến dịch "bình định nông thôn" gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất. Trước tình hình đó, Đảng bộ chủ trương, phải kiên trì bám trụ, chịu đựng gian khổ hy sinh, thực hiện phương châm "Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội và du kích bám địch", thực hiện khẩu hiệu "Một tác không đi, một ly không rời", vừa chiến đấu vừa củng cố và phát triển thực lực cách mạng, từng bước giành lại thế chủ động trên chiến trường, tiến tới phối hợp với toàn miền, mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, đánh thắng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", làm thất bại những âm mưu xảo quyệt của địch, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari (27-1-1973), rút hết quân Mỹ, quân chư hầu về nước, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Trước tình hình mới, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã ra sức phát triển và xây dựng thực lực cách mạng, tạo thế và lực mới, chuẩn bị cùng nhân dân cả nước quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và bẻ lũ tay sai.

Từ cuối năm 1974, khi thời cơ giải phóng miền Nam đã đến, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã nắm chắc phương châm "hai chân, ba mũi giáp công" đẩy mạnh tiến công liên tục, giải phóng Quảng Ngãi vào ngày 24-3-1975, đóng góp sức người, sức của cùng cả nước giành thắng lợi trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và thống nhất Tổ quốc.

Thắng lợi đó là kết quả của chủ nghĩa anh hùng cách

mạng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, của đường lối và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà trực tiếp là sự chỉ đạo kịp thời của Khu ủy Khu V, là sự vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng vào hoàn cảnh cụ thể địa phương của Đảng bộ, là thắng lợi của truyền thống đoàn kết toàn dân Kinh-Thượng, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn gian khổ, quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng quê hương. Đó là thắng lợi của quá trình tôi luyện trong khói lửa chiến tranh của cán bộ, đảng viên, của các cấp ủy Đảng địa phương, là thắng lợi của những nỗ lực phi thường của các lực lượng vũ trang không ngại hy sinh, ác liệt, đã vượt lên đầu thù, lập nên những chiến công hiển hách. Đó là thắng lợi của tinh thần dũng cảm, trí thông minh và tài sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân khi đã thật sự làm chủ cuộc chiến đấu giải phóng mình. Đó là thắng lợi của sự phối hợp chặt chẽ của phong trào chung toàn Khu, toàn miền và của hậu phương miền Bắc, trong đó có sự giúp đỡ nhiệt tình quý báu của Đảng bộ và nhân dân Nghệ An kết nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng Quảng Ngãi.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ cũng còn một số khuyết, nhược điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân đấu tranh, cũng như trong xây dựng hậu phương và xây dựng Đảng. Đó là sự đánh giá ta và địch có lúc chưa sâu sát và đầy đủ, nhất là thời kỳ 1954 - 1958, không lường hết âm mưu và thủ đoạn của địch trong việc phá hoại Hiệp định Giơnevơ, chuyển hướng chỉ đạo và tổ chức còn chậm, nên khi địch đánh phá dai dẳng, sâu độc, dữ dội, Đảng bộ bị tổn thất nặng. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, tư

tướng chủ quan xuất hiện, muốn nghỉ xả hơi, thiếu cảnh giác, để địch tái chiếm một số vùng. Trong chỉ đạo ba vùng chiến lược, có lúc còn chưa tập trung đúng mức đối với công tác vùng địch hậu, có nơi thiếu chú ý xây dựng cơ sở nội tuyến; phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng có lúc còn yếu. Việc xây dựng và phát triển Đảng ở đô thị, vùng địch kiểm soát còn yếu, chưa đều ở các cơ sở. Tư tưởng hữu khuynh, thiếu đi sâu đi sát quần chúng còn tồn tại ở một số cán bộ lãnh đạo đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào chung của tỉnh.

Từ thực tiễn của cuộc chiến tranh nhân dân trong suốt 30 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu sau đây:

1. Tuyệt đối trung thành với Đảng, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Đây là nhân tố quan trọng nhất bảo đảm cho sự thắng lợi của cách mạng. Nắm vững và quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, trước hết phải có tinh thần chủ động sáng tạo trong việc đề ra các hình thức, biện pháp thích hợp vào từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng.

Trước khi nổ ra Cách mạng Tháng Tám, Đảng bộ Quảng Ngãi đã quán triệt Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, quán triệt nhiệm vụ giải phóng dân tộc nên đã ra sức chuẩn bị mọi mặt để đón thời cơ. Khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhanh chóng phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa cướp chính quyền ở Ba Tơ, lập Đội du kích cứu quốc,

xây dựng chiến khu, mở rộng phong trào cách mạng. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, mặc dù chưa nhận được mệnh lệnh của Trung ương, Đảng bộ đã nhanh chóng lãnh đạo mọi tầng lớp nhân dân đứng lên làm cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thành công mau lẹ trong toàn tỉnh.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, khi địch ra sức thực hiện chính sách tố cộng, diệt cộng ác liệt, Đảng bộ Quảng Ngãi đã xác định nhiệm vụ của mình là sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù mới, bằng hình thức đấu tranh chính trị, nhưng không xao lãng quan điểm bạo lực cách mạng nên đã tiến hành xây dựng căn cứ miền núi, các vùng giáp ranh, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang khá sớm. Do đó, các tổ chức vũ trang "biến tướng" ra đời và tiếp đó là các đội vũ trang tuyên truyền, các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh, huyện lần lượt được thành lập. Đảng bộ Quảng Ngãi cho rằng, miền núi là nơi có điều kiện nổ ra khởi nghĩa trước và nơi đó chính là Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Vì vậy, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo xây dựng căn cứ địa và các đơn vị vũ trang tập trung. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra đời đã giúp cho Đảng bộ Quảng Ngãi khẳng định tính đúng đắn trong việc quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương mình.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra và giành thắng lợi vào cuối tháng 8-1959, làm thay đổi cục diện có lợi cho phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi. Vùng giải phóng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vẫn giữ vững phát triển đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Nghị quyết 15 đã vạch ra con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng với phương châm đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ, tiến tới đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị song song, đã chỉ ra phương pháp cách mạng đúng đắn cho phong trào cách mạng trong tỉnh, tạo điều kiện cho phong trào đồng khởi giải phóng nông thôn đồng bằng (1961 - 1965), phá ấp chiến lược, xây dựng vành đai diệt Mỹ và thắng Mỹ (1965 - 1972), đập tan các chính sách bình định nông thôn có trọng điểm của địch, xây dựng chính quyền cách mạng (5-9-1959 - 1968; 1969 - 1972; 1973 - 1975); tiếp tục cuộc đấu tranh trong tình hình mới, tiến tới giải phóng toàn tỉnh, góp phần hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ trên phạm vi cả nước.

Trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối, phương châm, phương pháp cách mạng bạo lực của Đảng, vừa bằng kinh nghiệm thực tế trên chiến trường, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã biết tạo ra sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận, trong đó tiến công quân sự đóng vai trò quyết định để đưa sự nghiệp cách mạng ở Quảng Ngãi đến thắng lợi cuối cùng.

2. Đánh giá đúng tình hình địch, ta, tránh sai lầm chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và có quyết tâm cao để có cách đánh thắng địch từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ thay chân Pháp, âm mưu tiêu diệt phong trào yêu nước và cách mạng, chia

cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Tuy đế quốc Mỹ có tiềm lực về kinh tế và quân sự rất to lớn, song cái yếu nhất của chúng là về chính trị bất nguồn từ bản chất xâm lược, hiếu chiến, phi chính nghĩa, vô nhân đạo của chủ nghĩa thực dân mới. Trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, chúng vừa đánh vừa thăm dò, vừa thí nghiệm các chiến lược, chiến thuật chiến tranh, cho nên việc Mỹ - ngụy sử dụng các thủ đoạn chống phá ta, không phải theo ý chủ quan của chúng mà còn phụ thuộc vào tương quan lực lượng giữa ta và địch ở mỗi thời kỳ và từng chiến trường. Trong từng giai đoạn cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Liên khu ủy V (trong chống Mỹ là Khu ủy V), Đảng bộ Quảng Ngãi đánh giá đúng bản chất, âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, nhìn nhận rõ những mặt mạnh, mặt yếu của đội quân xâm lược và bọn tay sai, phân tích đúng đắn tính chất cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng và các việc làm cụ thể của kẻ thù trên mảnh đất Quảng Ngãi. Đảng bộ thấu hiểu sức mạnh của nhân dân Việt Nam, truyền thống yêu nước và ý chí kiên cường, bất khuất của đồng bào ở Quảng Ngãi, phát huy được bản chất tốt đẹp của người cộng sản Quảng Ngãi từ ngày đầu thành lập đến nay. Vì vậy, Đảng bộ đã bình tĩnh giải quyết vụ Sơn Hà, ổn định tình hình miền núi và xây dựng căn cứ địa vững chắc trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Trong giai đoạn chống Mỹ, ta nhìn rõ được bộ mặt của địch, các thủ đoạn tổ cộng, diệt cộng, sự xâm lược trực tiếp của lính Mỹ và chư hầu để có kế hoạch cụ thể, kịp thời, sát hợp chống lại chúng, đã làm nên chiến thắng Ba Gia, chiến thắng Vạn Tường

(1965), các kết quả thắng lợi trong Tết Mậu Thân năm 1968, chiến thắng giải phóng Ba Tư (1972), chiến thắng giải phóng Minh Long, Sông Hre (1974), giải phóng toàn tỉnh 24-3-1975.

Tuy nhiên, có lúc ta nhận định chưa thật chính xác về âm mưu, lực lượng, về những chỗ mạnh, chỗ yếu của Mỹ-ngụy nên còn ảo tưởng hòa bình, có lúc vận dụng đường lối của Đảng không sát hợp, kịp thời dẫn đến tình trạng mất dân, mất đất.

Sau đợt tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, toàn miền Nam chưa thực hiện được "tổng công kích, tổng khởi nghĩa" như chủ trương đã đề ra nhưng ta đã giành được thắng lợi to lớn là làm chuyển biến về so sánh thế lực giữa ta và địch có lợi cho ta, buộc địch phải thay đổi chiến lược. Về phần địch, chúng đã khôi phục và tăng cường lực lượng, triển khai kế hoạch "binh định" lấn chiếm nông thôn trong khi lực lượng ta có sự tổn thất không nhỏ. Lúc đó, nếu ta đánh giá đúng tình hình chỉ để lại một bộ phận tiếp tục tiến công vào thị xã, còn đại bộ phận chuyển vào việc mở mang nông thôn đồng bằng, mở rộng vùng giải phóng, củng cố và phát triển phong trào thì thắng lợi sẽ lớn hơn; nhưng ta lại cứ tiếp tục dồn sức tiến công vào thị xã, thị trấn, càng đánh ta càng bị hao hụt quân số và không kịp thời củng cố thế trận ở cơ sở, thế chính trị của quần chúng bị giảm sút. Vì vậy, trong những năm sau khi địch thực hiện chiến thuật mới là ra sức bình định nông thôn, ta gặp nhiều khó khăn, để mất đất, mất dân. Được sự chỉ đạo của cấp trên, sự chi viện của miền Bắc và bằng quyết tâm nỗ lực của mình, Đảng bộ Quảng Ngãi đã phải

mất nhiều thời gian để khôi phục lại cơ sở và đưa phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi trở lại bình thường.

Sau Hiệp định Pari, do chưa đánh giá đúng đắn bản chất của địch nên khi chúng lấn đất, giành dân, Tỉnh ủy còn chờ sự chỉ đạo của cấp trên chưa kịp thời tổ chức tốt việc ngăn chặn địch, một lần nữa để mất đất, mất dân. Sau đó Trung ương đã kịp thời có chủ trương uốn nắn chung cho miền Nam và riêng cho Khu V, Tỉnh ủy đã họp đánh giá lại tình hình và trên cơ sở nắm chắc quan điểm bạo lực cách mạng và tư tưởng chiến lược tiến công, đã chủ trương kiên quyết tổ chức phản công và liên tục tiến công địch để giành lại thế chủ động trên chiến trường, kiên quyết sửa chữa và sửa chữa tốt những sai lầm, khuyết điểm đã mắc phải.

Vì vậy, việc nhận định đúng âm mưu, thủ đoạn của địch và đánh giá đúng tình hình địch, ta là bài học thiết thực để Đảng bộ Quảng Ngãi có chủ trương quyết tâm đánh thắng địch từng bước, đẩy lùi từng bộ phận địch, tạo thế và lực, tạo thời cơ để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Nắm vững và chấp hành đúng đắn chính sách dân tộc, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, biết khơi dậy lòng tự hào và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, tự lực tự cường, tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Quảng Ngãi là một tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, nên việc nhận thức và chấp hành đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần

chúng, nên qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ Quảng Ngãi đã nhận thức sâu sắc rằng, muốn đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi, nhất thiết phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, đoàn kết, tin tưởng, dựa vào quần chúng để tổ chức, khơi dậy lòng tự hào, phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường của Đảng bộ và toàn dân, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, tạo thành một khối vững chắc, một sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, để chiến thắng quân thù.

Lúc nào đó nếu chưa sát quần chúng, không thấu hiểu được tình cảm và nguyện vọng của dân thì sẽ không tổ chức được dân thành một lực lượng cách mạng to lớn và vững chắc, để tiến hành chiến tranh. Ngược lại, khi đã gần gũi, cùng chia sẻ ngọt bùi với dân, cùng ăn, cùng ở, cùng hòa xương máu với dân thì mới hiểu được tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của dân, mới nắm chắc được dân để tổ chức họ thành một lực lượng cách mạng hùng hậu.

Trong kháng chiến chống Pháp, có lúc ta phạm sai lầm nghiêm trọng trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, để cho kẻ thù lợi dụng lôi kéo một số đồng bào chống lại cách mạng.

Trong năm 1950, khi thực dân Pháp đang tích cực thực hiện âm mưu lấn chiếm vùng tự do Liên khu V và Quảng Ngãi, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc thì Đảng bộ các huyện miền Tây còn rất yếu nên sự lãnh đạo và cán bộ hoạt động trên địa bàn vùng dân tộc mắc phải tư tưởng ấu trĩ nên đã làm ảnh hưởng đến phong tục tập quán và đời sống của đồng bào các dân tộc, nặng nhất là ở Sơn Hà. Địch đã lợi

dụng thiếu sót đó ra sức kích động, gây hận thù dân tộc, lôi kéo một số người nổi lên chống lại, gây nhiều tổn thất cho ta, nhất là tổn thất về chính trị, làm cho lòng tin của quần chúng đối với Đảng bị giảm sút. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V, Đảng bộ Quảng Ngãi phải mất một thời gian, bằng những chủ trương và chính sách đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân mới giải quyết được vụ Sơn Hà, mới ổn định được đời sống, củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Từ giữa năm 1952 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30-4-1975, miền Tây Quảng Ngãi trong đó có Sơn Hà là vùng căn cứ trọng yếu, vững mạnh của tỉnh Quảng Ngãi và miền Nam Trung Bộ.

Trong thời kỳ chống Mỹ, với phương châm "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Quảng Ngãi đã không ngừng tăng cường công tác vận động quần chúng, dựa vào dân, đoàn kết mọi tầng lớp, mọi lực lượng để chống đế quốc và tay sai.

Xuất phát từ yêu cầu giành dân, giữ đất, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã thực hiện phương châm "Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới", đề ra khẩu hiệu: "Một tấc không đi, một ly không rời". Cán bộ, nhân dân đã kiên trì bám trụ xây dựng cơ sở trong lòng địch, đấu tranh giành từng người dân trong các khu đồn, ấp chiến lược của địch. Đảng bộ tổ chức các phong trào thi đua "5 xung phong" của thanh niên, "4 đảm đang" của phụ nữ, "tuổi nhỏ chí lớn làm việc anh hùng" của thiếu niên nhi đồng, để phát huy sức mạnh toàn dân đoàn kết, kháng chiến đến cùng.

Đảng bộ đã thực hiện tốt chính sách dân tộc, bình đẳng tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, không ngừng củng cố khối đoàn kết toàn dân để kháng chiến. Đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc đoàn kết đấu tranh chống địch lấn đất, chống càn quét, chống đôn dân lập ấp chiến lược; xây dựng ở miền núi nhiều căn cứ cách mạng vững mạnh; đồng bào Kinh-Thượng sống đoàn kết. Đảng bộ luôn chăm lo đời sống của dân, vận động tăng gia sản xuất, hạn chế, đẩy lùi phong tục tập quán lạc hậu; dạy cho dân học chữ, làm thuốc nam; đào tạo cán bộ người dân tộc...

Đảng bộ đã tranh thủ thân hào, trí thức ở đồng bằng, già làng, cà rá ở miền núi, phong trào đấu tranh của Phật giáo đòi lật đổ Diệm, gia đình binh lính, ngụy quân và ngụy quyền, lôi kéo các đảng phái, các tổ chức nghiệp đoàn, lao công của địch ở thị xã, thị trấn, hình thành khối đoàn kết toàn dân đi theo cách mạng chống Mỹ - ngụy. Tất cả những điều đó đã tạo thành sức mạnh tổng hợp toàn dân để chiến thắng quân thù, giải phóng quê hương.

4. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên ba vùng chiến lược.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng ta chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân: "toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính". Đường lối đó đã động viên mọi tiềm năng, mọi lực lượng tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh bại kẻ thù. Vì vậy, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên ba vùng chiến lược là vấn đề quan trọng trong việc vận dụng nghệ thuật quân sự để chiến thắng kẻ thù.

Thực tiễn hai cuộc kháng chiến, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên địa bàn Quảng Ngãi, nhờ nắm chắc đường lối chiến tranh nhân dân, Đảng bộ Quảng Ngãi đã chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ở cả ba vùng chiến lược ngày càng vững mạnh. Đảng bộ xác định muốn đánh địch khắp nơi, đẩy lùi quân địch từng bước về quân sự, thì việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng chiến lược là việc có tầm quan trọng chiến lược, nhằm tạo thế bao vây khắp nơi, làm cho quân thù ở nơi nào cũng bị tiến công, tinh thần luôn luôn căng thẳng, bị động đối phó. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân còn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang phát triển đến mức cao nhất, có đủ năng lực để tiến công địch, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Đồng thời, ta nắm chắc chỗ mạnh và sở trường của từng lực lượng, để xác định bố trí thế đứng chân, giao nhiệm vụ thích hợp. Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chiến tranh nhân dân địa phương đã phát triển đều khắp và rất cao ở miền núi rồi chuyển dần từng bước phát triển xuống đồng bằng, áp sát thị xã, thị trấn và đã hình thành thế tiến công địch liên hoàn trên cả ba vùng chiến lược. Ta đã triệt để phát huy thế mạnh của chiến tranh nhân dân, phân tán và căng địch ra mà đánh. Những hoạt động vũ trang rộng rãi của dân quân du kích và quần chúng vũ trang ở khắp nơi, ngay cả trong lòng địch đã buộc địch phải dàn mỏng lực lượng để đối phó, tạo điều kiện cho ta tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng. Về chiến lược, dù địch có đông quân nhiều súng cũng không sao đối phó nổi với chiến tranh nhân dân của ta.

Trong chiến tranh nhân dân, quân dân ở từng địa phương đã tập trung xây dựng làng chiến đấu và khi quân địch tiến công, lực lượng vũ trang của ta gồm ba thứ quân tiến công và phản công địch bằng hai chân, ba mũi, đã dựa vào thế trận vững chắc của làng chiến đấu, của thế trực diện, hợp pháp của quần chúng, để tiêu diệt kẻ thù. Nét độc đáo của chiến tranh nhân dân Quảng Ngãi là tổ chức vành đai diệt Mỹ cũng bằng hình thức đấu tranh trực diện hợp pháp của nhân dân. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng cũng là một mũi hợp đồng với các lực lượng vũ trang.

Từ thế trận vững chắc của chiến tranh nhân dân trên khắp ba vùng chiến lược, quân và dân Quảng Ngãi đã biết phát huy sức mạnh tổng hợp để chiến thắng quân thù.

5. Xây dựng căn cứ địa với nhiều loại hình lớn nhỏ, xây dựng hậu phương vững chắc, thực hiện hậu cần tại chỗ để kháng chiến lâu dài.

Thực hiện chủ trương, đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng, vấn đề xây dựng hậu phương tại chỗ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Có hậu phương trực tiếp mới có điều kiện thuận lợi triển khai bộ máy chỉ đạo, tổ chức giao thông liên lạc, xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị quần chúng, đào tạo cán bộ; hậu phương là nơi dừng chân và cũng là nơi xuất phát của các đơn vị bộ đội chủ lực. Trong kháng chiến chống Pháp, Quảng Ngãi là vùng tự do, là căn cứ địa, là hậu phương vững chắc của Liên khu V. Quảng Ngãi đã góp phần quan trọng về xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ và là nơi xuất phát các cuộc tiến công của bộ đội chủ lực. Đồng thời

Quảng Ngãi còn là nơi giữ vững đầu mối giao thông liên lạc giữa các tỉnh ở Khu V và giữa hai miền Nam, Bắc, là một trong những nơi cung cấp nhiều nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Suốt chín năm kháng chiến, Đảng bộ Quảng Ngãi xây dựng hậu phương Quảng Ngãi lớn mạnh về mọi mặt, góp phần chi viện và cổ vũ phong trào cách mạng ở vùng tạm chiếm các tỉnh Liên khu V, Tây Nguyên và một số nơi ở Nam Bộ.

Trong thời kỳ chống Mỹ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương xây dựng căn cứ địa miền núi, vùng giáp ranh đồng bằng và căn cứ lóm ngay trong vùng địch chiếm. Qua đấu tranh quyết liệt với địch, cơ sở cách mạng ở miền núi được củng cố, phát triển, căn cứ địa được xây dựng và mở rộng. Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, một vùng căn cứ rộng lớn bao gồm 54 xã ở các huyện miền núi được xây dựng liên hoàn và vững chắc. Đặc biệt từ cuối năm 1955 đến năm 1962, Tỉnh ủy, Ban cán sự miền Tây, cán bộ các huyện miền núi, cán bộ cơ quan các huyện đồng bằng đã bám chắc xây dựng vùng căn cứ của mình, nên phong trào cách mạng ở miền núi phát triển toàn diện, mạnh mẽ, tốc độ nhanh vượt bậc so với chín năm kháng chiến chống Pháp. Các tầng lớp nhân dân trong các dân tộc (trừ một số rất ít tên ác ôn ngoan cố theo địch) ở miền Tây Quảng Ngãi đều theo Đảng, theo Bác Hồ làm cách mạng. Nhờ đó từ năm 1962 cho đến khi hoàn toàn giải phóng miền Nam, miền Tây Quảng Ngãi là chỗ dựa vững chắc của tỉnh Quảng Ngãi và của Khu V.

Ngoài việc xây dựng căn cứ miền núi, Tỉnh ủy cho rằng, việc xây dựng hậu phương và căn cứ lóm ở đồng bằng là vấn đề rất cần thiết. Vùng căn cứ miền núi cùng với vùng

giải phóng nông thôn đồng bằng của tỉnh là hậu phương trực tiếp rộng lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Đó là nơi cung cấp sức người, sức của, là đất dừng chân, là bàn đạp, là địa bàn cung cấp nguồn lực cho kháng chiến.

Từ những năm đen tối của phong trào cách mạng 1954-1958, đến thời kỳ đồng khởi, giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng, đến thời kỳ ác liệt chống các chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ" rồi "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ, vùng căn cứ miền núi là đất thánh để triển khai lực lượng, mở những chiến dịch, những cuộc tiến công chiến lược để đánh Mỹ, diệt ngụy, đóng vai trò quan trọng cho việc củng cố và mở rộng thực lực cách mạng ở đồng bằng.

Qua thực tế đấu tranh trên chiến trường Quảng Ngãi đã hình thành 4 vùng rõ rệt: vùng tạm chiếm, vùng tranh chấp, vùng làm chủ và vùng giải phóng. Vùng giải phóng là vùng hoàn toàn do ta quản lý nên nó là hậu phương trực tiếp của ta, trong đó vùng giải phóng miền núi có vị trí hết sức quan trọng là căn cứ địa cách mạng. Vùng làm chủ, tuy còn địch, nhưng chính quyền cách mạng đã được thành lập, nhân dân đứng hẳn về phía cách mạng, nên vùng làm chủ đồng thời cũng là hậu phương trực tiếp của chiến tranh nhân dân địa phương. Vùng tranh chấp và một phần từ vùng địch tạm chiếm cũng đã góp một phần quan trọng cho cuộc kháng chiến. Cả 4 vùng cùng với sự chi viện của hậu phương chiến lược ở miền Bắc, đã tạo nên sức mạnh của nền kinh tế kháng chiến trong chiến tranh nhân dân trên địa bàn Quảng Ngãi.

Thực tiễn đã chứng minh, xây dựng và củng cố căn cứ địa hậu phương tại chỗ vững chắc, thực hiện hậu cần nhân dân là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng.

6. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành, giữ và xây dựng chính quyền, chăm lo công tác đào tạo cán bộ có ý nghĩa quyết định thắng lợi đến sự nghiệp cách mạng ở Quảng Ngãi.

Tính tất yếu về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam qua 2/3 thế kỷ từ khi Đảng ra đời cho đến nay là một sự thật lịch sử không phải bàn cãi. Là một bộ phận của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi giữ vai trò lãnh đạo quyết định trong tiến trình cách mạng của tỉnh nhà.

Từ khi Đảng bộ thành lập (mùa xuân 1930) đến Cách mạng Tháng Tám thành công (14-8-1945) là một chặng đường đấu tranh vô cùng gay go, ác liệt, anh dũng và đầy sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Mục tiêu của giai đoạn này là đấu tranh giành chính quyền. Cũng như Đảng bộ các tỉnh Nam Trung Bộ, nhiều lần đứt liên lạc với Trung ương, Xứ ủy, nhiều đảng viên bị địch bắt, tù đày, giết hại; Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiều lần bị tan vỡ nhưng các đảng viên còn lại hoặc mới thoát khỏi nhà tù của đế quốc đã chủ động gây dựng lại phong trào, lập lại Đảng bộ, chủ động chấp nối liên lạc với tỉnh bạn và Xứ ủy, đưa phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi tiếp tục phát triển. Khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), căn

cứ vào dự kiến và điều kiện khởi nghĩa của Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tư (11-3-1945). Đây là cuộc khởi nghĩa từng phần giành thắng lợi đầu tiên trong cả nước và năm tháng sau, khởi nghĩa Tháng Tám giành thắng lợi trong toàn tỉnh (14-8-1945). Chỉ trong ba ngày, chính quyền nhân dân các cấp được thành lập đều khắp, lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới và cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, Đảng bộ Quảng Ngãi đã chú trọng đến công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân. Là một tỉnh thuộc vùng tự do, điều kiện hoạt động của Đảng thuận lợi hơn ở các vùng bị địch chiếm đóng nhưng Đảng bộ luôn giáo dục cán bộ, đảng viên về đường lối của cuộc kháng chiến, về ý thức tự lực cánh sinh, về cảnh giác cách mạng, về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cuộc kháng chiến của các tỉnh Nam Trung Bộ và cả nước. Cùng với việc củng cố và phát triển Đảng, chính quyền các cấp luôn được củng cố, phát triển. Thông qua chính quyền, Đảng lãnh đạo nhân dân trong tỉnh phát triển kinh tế, sẵn sàng chiến đấu, cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến Nam Trung Bộ và cả nước. Đảng bộ luôn thực hiện tự phê bình và phê bình những thiếu sót, sai lầm, những tư tưởng lệch lạc trong nội bộ, làm cho Đảng thật sự vững mạnh. Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cũng như Đảng bộ các tỉnh miền Nam, Đảng bộ Quảng Ngãi bị tổn thất

nặng nề trong những năm đầu: nhiều đảng viên bị địch bắt, bị tù đày, bị giết hại; nhiều cơ sở Đảng bị tan vỡ; đường dây liên lạc bị đứt; nhưng với tinh thần dũng cảm hy sinh của cán bộ, đảng viên cơ sở, uy tín chính trị của Đảng bộ và lòng tin sâu sắc của nhân dân đối với Đảng, với cách mạng, nên chỉ trong một thời gian, phong trào cách mạng dần dần được phục hồi và củng cố, cơ sở Đảng được duy trì và phát triển từ chỗ chỉ còn vài trăm đảng viên trong những năm 1956-1957 đã tăng gần 8.500 đồng chí vào năm 1973. Công tác phát triển Đảng được chú trọng trong lớp cán bộ, chiến sĩ được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng, chú trọng đến cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh vô cùng gay go và ác liệt, Đảng bộ luôn luôn quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng, chú trọng việc xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi để khi địch đưa quân lên Trà Bồng cưỡng bức dân di bầu cử thì lãnh đạo nhân dân đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa ở Trà Bồng (28-8-1959) và miền Tây Quảng Ngãi, đập tan chính quyền ngụy ở cấp cơ sở. Chính quyền cách mạng ở các xã được thành lập, duy trì và phát triển suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; giữ vững miền Tây là căn cứ của tỉnh và Khu, tạo thế và lực cho phong trào cách mạng Quảng Ngãi được phát triển. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vùng giải phóng mở rộng đến đâu, chính quyền nhân dân nhanh chóng được xây dựng đến đó.

Sức mạnh của Đảng bộ là ở chỗ Đảng thật sự tin dân, dựa vào dân; dân tin Đảng, bảo vệ Đảng và theo Đảng làm cách mạng đến thắng lợi. Đảng bộ luôn xây dựng Đảng về

chính trị, tư tưởng và tổ chức để đảm đương được nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân trong tình tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đảng thực hiện được vai trò lãnh đạo trước hết là nhờ vai trò đội ngũ cán bộ: "cán bộ là cái gốc của mọi công việc"¹; "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"². Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong hoàn cảnh khó khăn của hai cuộc kháng chiến, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ đã mở hàng trăm lớp bồi dưỡng về văn hóa, đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn cho hàng ngàn cán bộ, đảng viên để quán triệt, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối, chính sách, phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng.

Đảng bộ luôn luôn chăm lo xây dựng chi bộ, từ "chi bộ tự động công tác" trong kháng chiến chống Pháp đến "chi bộ 4 tốt" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để Đảng bộ thật sự là tổ chức tiên phong, đảng viên thật sự gương mẫu, là cơ sở để đưa phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi tiến lên.

Giữ vững và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, trước hết phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Muốn đoàn kết phải thực hành tự phê bình và phê bình. Đoàn kết trong Đảng phải dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ. Một yếu tố quan trọng nữa của đoàn kết, nhất trí

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 269; 273.

trong Đảng là vai trò hạt nhân đoàn kết của cơ quan lãnh đạo, của người đứng đầu.

Do làm tốt công tác xây dựng Đảng và xây dựng thực lực cách mạng nên khi thời cơ đến, Đảng bộ Quảng Ngãi đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh công kích và khởi nghĩa, giải phóng Quảng Ngãi ngày 24-3-1975, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

*

* *

Nhìn lại lịch sử 30 năm chiến đấu chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi vô cùng tự hào và đời đời ghi nhớ công ơn to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, của toàn thể dân tộc Việt Nam, từ Bắc chí Nam, từ miền núi đến đồng bằng. Chúng ta mãi mãi ghi nhớ công lao của các anh hùng liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đồng bào, đồng chí đã ngã xuống trên mảnh đất thân yêu của mình. Máu của đồng bào và chiến sĩ đã góp phần viết nên trang sử vẻ vang của dân tộc và quê hương.

Ngày nay, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi quyết tâm phát huy những truyền thống vẻ vang đó, cùng nhau đoàn kết xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên quê hương yêu quý của mình, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

PHỤ LỤC

NGHỊ QUYẾT "KHEN THƯỞNG"

Chiếu đề nghị của Hội nghị Đại biểu Liên khu Đảng bộ 5: Khen thưởng Đảng bộ Quảng Ngãi.

Xét thấy Đảng bộ Quảng Ngãi có những ưu điểm sau:

1. Trong lịch sử đấu tranh Cách mạng ở miền Nam Trung Bộ trong khoảng 20 năm nay, Quảng Ngãi là nơi phong trào sâu và rộng. Có công giúp đỡ phong trào các tỉnh Bình Định, Phú Yên trong những năm 1936, 1939 và Bình Định tiên khởi nghĩa.

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8, Quảng Ngãi là tỉnh đứng đầu trong việc chống Nhật cướp chính quyền ở miền Nam Trung Bộ.

2. Từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 đến nay, Quảng Ngãi cung cấp cán bộ và bộ đội cho cuộc kháng chiến nhiều nhất; là nơi gây cơ sở cho việc sản xuất vũ khí đầu tiên ở miền Nam Trung Bộ.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT NGHỊ

- Ngợi khen Đảng bộ Quảng Ngãi trong toàn thể Liên khu Đảng bộ 5.

- Thưởng Đảng bộ Quảng Ngãi:

+ Một tấm ảnh Hồ Chủ tịch

+ Một tấm ảnh đồng chí Trường Chinh

+ Một năm *Sinh hoạt nội bộ*

+ Một năm báo *Sự thật*.

Ban Chấp hành Liên khu Đảng bộ 5 thay mặt Trung ương trao giấy khen và tặng phẩm.

Bắc Bộ, ngày 31 tháng 10 năm 1949

**BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
THẬT**

**THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG TRONG
KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ
(Tính đến tháng 6-1999)**

I- DANH HIỆU ANH HÙNG

1. Về danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân:

- Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Ngãi .
- Các huyện (7 huyện): Ba Tơ, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Trà Bồng, Sơn Hà, Mộ Đức.
- Các đơn vị (17 đơn vị): Tiểu đoàn 48 bộ binh thuộc Tỉnh đội Quảng Ngãi; Đại đội 75 thuộc Huyện đội Tư Nghĩa; Đội trinh sát vũ trang thuộc Ban an ninh thị xã Quảng Ngãi; Đội trinh sát vũ trang thuộc Ban an ninh huyện Mộ Đức; Tiểu đoàn 20 thuộc Tỉnh đội Quảng Ngãi; Tiểu đoàn 83 thuộc Tỉnh đội Quảng Ngãi; Đồn Biên phòng 304 Sa Huỳnh thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi; Lực lượng giao bưu, thông tin liên lạc tỉnh Quảng Ngãi; Cán bộ, chiến sĩ Ban an ninh huyện Đức Phổ; Cán bộ, chiến sĩ Ban an ninh huyện Tư Nghĩa; Cán bộ, chiến sĩ Ban an ninh huyện Ba Tơ; Cán bộ, chiến sĩ Ban an ninh huyện Bình Sơn; Cán bộ, chiến sĩ Ban an ninh huyện Sơn Tịnh; Ban an ninh xã Bình Trung, huyện Bình Sơn; Ban

an ninh xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ; Phòng bảo vệ chính trị IV Công an tỉnh Quảng Ngãi; Tiểu ban điệp báo và an ninh đô thị thuộc Ban an ninh tỉnh Quảng Ngãi.

- Số xã được phong tặng (64 xã):

10 + Bình Trung, Bình Tân, Bình Hòa, Bình Đông, Bình Châu, Bình Phú, Bình Thuận, Bình Minh, Bình Chương, Bình Nguyên (huyện Bình Sơn).

12 + Tịnh Sơn, Tịnh Khê, Tịnh Thọ, Tịnh Minh, Tịnh Trà, Tịnh Đông, Tịnh Bình, Tịnh Hòa, Tịnh Bắc, Tịnh Hiệp, Tịnh Thiện, Tịnh Giang (huyện Sơn Tịnh).

6 + Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn, Nghĩa An, Nghĩa Thuận, Nghĩa Hiệp (huyện Tư Nghĩa).

6 + Đức Phong, Đức Minh, Đức Chánh, Đức Thạnh, Đức Lân, Đức Phú (huyện Mộ Đức).

9 + Phổ Cường, Phổ Châu, Phổ Minh, Phổ Văn, Phổ An, Phổ Thạnh, Phổ Thuận, Phổ Phong, Phổ Ninh (huyện Đức Phổ).

6 + Ba Vinh, Ba Trang, Ba Thành, Ba Tô, Ba Ngạc, Ba Dinh (huyện Ba Tư).

4 + Hành Thịnh, Hành Tín, Hành Thiện, Hành Phước (huyện Nghĩa Hành).

2 + Long Môn, Thanh An (huyện Minh Long).

3 + Sơn Thành, Sơn Kỳ, Sơn Lăng (huyện Sơn Hà).

4 + Trà Sơn, Trà Phong, Trà Tân, Trà Lánh (huyện Trà Bồng).

2 + Nghĩa Dũng, Nghĩa Dõng (thị xã Quảng Ngãi).

- Có 44 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Về danh hiệu Anh hùng lao động:

Có 5 cá nhân (trong đó anh hùng Hồ Giáo được tuyên dương 2 lần).

3. Về danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng:

Có 1.973 mẹ.

II- CÁC HÌNH THỨC HUÂN, HUY CHƯƠNG, BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, KỶ NIỆM CHƯƠNG THUỘC CÁC CHÍNH SÁCH

Có 165.893 trường hợp:

- 1 Huân chương Sao Vàng cho tỉnh Quảng Ngãi
- 1 Huân chương Hồ Chí Minh cho đồng chí
Trương Quang Giao

- 1.158 Huân chương Độc Lập các hạng

Trong đó:

- + 866 khen gia đình có nhiều liệt sĩ
- + 292 khen các cụ lão thành cách mạng
- 66 Huân chương Thành đồng các hạng

Trong đó:

- + 48 khen tập thể tỉnh, huyện, xã
- + 18 khen cá nhân
- Huân chương Quân công giải phóng hạng 3: một đơn
vị
- 70.387 Huân chương Kháng chiến các hạng

Trong đó:

- + 193 khen thành tích chống Pháp

- + 70.194 khen thành tích chống Mỹ
- 3.420 Huân chương Giải phóng các hạng
- 14.598 Huân chương Chiến công giải phóng
- 1.890 Huân chương Chiến thắng
- 3.763 Huân chương Chiến sĩ giải phóng
- 8.274 Huân chương Quyết thắng các hạng, khen thưởng niên hạn phục vụ chiến trường miền Nam
- 40.080 Huy chương Kháng chiến các hạng

Trong đó:

- + 1.605 khen thành tích chống Pháp
- + 38.475 khen thành tích chống Mỹ
- 4.154 Huy chương Giải phóng các hạng
- 950 Huy chương Quyết thắng, khen thưởng niên hạn phục vụ chiến trường miền Nam
- 25.714 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 47 trường hợp khen thành tích giúp đỡ cách mạng trước tháng 8-1945

Trong đó

- + 26 Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công kèm theo Bằng có công với nước
- + 21 Bằng có công với nước
- 11.309 Bằng vàng Gia đình danh dự và Bằng Gia đình vẻ vang, khen gia đình có người thoát ly tham gia cách mạng ở miền Nam
- 232 Kỷ niệm chương, tặng cho cán bộ hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, xuất bản lần thứ hai, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, 1996, tập 4,5,6,7,8,9,10,11,12.
2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Sơ thảo) tập I, (1920-1954), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1984.
3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập II, (1954-1975), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
4. Việt Nam - Những sự kiện (1945-1986), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
5. Nam Trung Bộ kháng chiến (1954-1975), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)- Bộ Tư lệnh Quân khu 5, 1989.
7. Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1988.
8. Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
9. Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

10. Quảng Ngãi - lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975), Bộ chỉ huy quân sự Nghĩa Bình, 1988.

11. Quảng Ngãi - Đất nước, con người và văn hóa, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi, 1997.

12. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

13. Bùi Định: Tìm hiểu các phong trào yêu nước, chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa, 1885-1945, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng và Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình (cũ), 1985.

14. Võ Nguyên Giáp: Những chặng đường lịch sử, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

15. Lịch sử Công an Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tập I, tập II, Công An Quảng Ngãi xuất bản 1993, 1995.

16. Lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi 1930-1975, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi xuất bản, 1995.

17. Lịch sử Đảng bộ các huyện, thị: Bình Sơn (1930 - 1975), Sơn Tịnh (1930 - 1975), Nghĩa Hành (1930 - 1975), Tư Nghĩa (1930 - 1945), Mộ Đức (1930-1975), Đức Phổ (1930-1975), Ba Tơ (1930 - 1975), Sơn Hà (1945-1990), Trà Bồng (1930-1990), Phong trào yêu nước của nhân dân và Lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi (1930 - 1975).

18. Tài liệu lưu trữ tại:

- Viện Lịch sử Đảng (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).

- Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

- Phòng Khoa học và Công nghệ Bộ Tư lệnh Quân khu V.

- Bảo tàng Hồ Chí Minh (Chi nhánh Quân khu V)
- Văn phòng Tỉnh ủy.
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

19. Hồi ký, hồi ức của một số đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện qua các thời kỳ cách mạng.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời Nói đầu</i>	7

Chương I

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI TRONG NĂM
ĐẦU XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ
KHÁNG CHIẾN (8-1945 - 12-1946)

I- Tình hình Quảng Ngãi ngay sau Cách mạng Tháng Tám	13
II- Xây dựng chế độ mới, tích cực chuẩn bị kháng chiến	20

Chương II

RA SỨC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG,
ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO CUỘC KHÁNG
CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (12-1946 - 12-1952)

I- Ra sức xây dựng và củng cố hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến	41
II- Đập tan các cuộc lấn chiếm của địch, bảo vệ vùng tự do	91

Chương III

ỔN ĐỊNH VÀ BẢO ĐÀM HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC,
ĐỐC SỨC CÙNG CẢ NƯỚC ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI (1953 -
1954)

- | | |
|---|-----|
| I- Xây dựng và giữ vững hậu phương | 105 |
| II- Đốc sức phục vụ chiến trường, cùng cả nước
đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi | 115 |

Chương IV

ĐẤU TRANH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVO;
CHỐNG CHÍNH SÁCH "TỐ CỘNG", "DIỆT CỘNG" CỦA
ĐỊCH; DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, LÃNH
ĐẠO KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG
NGÃI (1954 - 1959)

- | | |
|--|-----|
| I- Đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ
và chống chính sách "tố cộng", "diệt cộng" của
địch | 131 |
| II- Kiên trì trụ bám, chống địch đánh phá, giữ gìn
lực lượng | 148 |
| III- Thực hiện Nghị quyết 15, khởi nghĩa Trà Bông
và miền Tây Quảng Ngãi | 161 |

Chương V

PHÁT ĐỘNG NHÂN DÂN ĐẨY MẠNH BA MŨI GIÁP
CÔNG TRÊN CẢ BA VÙNG CHIẾN LƯỢC, CÙNG CẢ
NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC
BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960 - 1965)

- | | |
|--|-----|
| I- Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, giữ vững căn
cứ miền núi, nổi dậy ở đồng bằng | 175 |
| II- Tiếp tục nổi dậy phá "ấp chiến lược" giải phóng | |

Chương VI

CÙNG CẢ NƯỚC QUYẾT TÂM ĐÁNH BẠI CHIẾN
LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ
(1965 - 1968)

- I- Xây dựng lực lượng, đánh thắng quân xâm lược
Mỹ ngay từ trận đầu 223
- II- Đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa
khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 của Mỹ - ngụy 236
- III- Tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, đánh
bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc
Mỹ 258

Chương VII

CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM
HÓA CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 - 1972)

- I- Đánh bại kế hoạch "binh định lấn chiếm", giành
và giữ dân 295
- II- Đấu tranh chống bình định, xây dựng và phát
triển thực lực cách mạng 328
- III- Tiến công chiến lược năm 1972, đánh bại chiến
lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ 362

Chương VIII

CÙNG VỚI NHÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG
HOÀN TOÀN CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA
ĐẾ QUỐC MỸ (1973 -1975)

- I- Thực hiện Hiệp định Pari, chống địch lấn chiếm
vùng giải phóng, xây dựng và phát triển thực
lực cách mạng 395

II- Cùng cả nước đánh thắng đế quốc Mỹ, giải phóng Quảng Ngãi, giải phóng miền Nam	419
KẾT LUẬN	445
PHỤ LỤC	469
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khen thưởng Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, năm 1949	471
- Thành tích khen thưởng trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ (Tính đến tháng 6-1999)	473
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	477

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: TRẦN THỊ TỐN

Trình bày, vẽ bìa: NGUYỄN THỊ HÒA

Sửa bài: TRẦN THỊ TỐN

TRƯƠNG DIỆP BÍCH

In 2.540 cuốn, khổ 15x22cm, tại NXB Chính trị quốc gia.
Số XB: 106-49/XB-QLXB ngày 20 tháng 1 năm 1999
In xong và nộp lưu chiểu ngày 29 tháng 8 năm 1999.

TRUNG ƯƠNG BAN CHINH THỊ QUẢNG

74 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 8252008 FAX: 84-4-251881

TÌM ĐỌC

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI:

- PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI
(1930 - 1975)
- DUNG QUẤT - HÀNH TRÌNH VÀO THẾ KỶ XXI
- TRUNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN - ĐẶC SẮC
LIÊN VÙNG VĂN HÓA

347

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 8252008 FAX: 84-4-251881

TÌM ĐỌC

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI:

- PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THỊ XÃ QUẢNG NGÃI
(1930 - 1975)
- DUNG QUẤT - HÀNH TRÌNH VÀO THẾ KỶ XXI
- TRUNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN - ĐẶC SẮC
LIÊN VÙNG VĂN HÓA

Giá : 53.000đ